ĐA HIỆU

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

40 NĂM QUỐC HẬN

MINH HOA: ĐÀO QUÝ HÙNG K26

TỰ THẮNG ĐỂ CHỈ HUY

DI CHÚC CỦA VUA TRẦN NHÂN TÔN

Con dân Việt Nam không khỏi giật mình trước lời cảnh báo cách đây hơn 8 thế kỷ của minh quân nhà Trần về đại họa cho dân tộc đến từ phương Bắc. Bây giờ đại họa mất nước đang biến thành sự thật. Là con dân Việt Nam, chúng ta ngày đêm phải luôn luôn ghi nhớ lời cảnh báo của tiền nhân.

Vua Trần Nhân Tôn căn dặn :

Các người chớ quên:

Chính nước lớn mới làm những điều bậy bạ, trái đạo.

Vì rằng họ cho mình cái quyền nói một đường làm một nẻo.

Cho nên cái họa lâu đời của ta là họa nước Tàu.

Chớ coi thường chuyện vụn vặt xảy ra trên biên ải.

Các việc đó, khiến ta nghĩ tới chuyện khác lớn hơn.

Tức là họ không tôn trọng biên giới qui ước.

Cứ luôn luôn đặt ra những cái cớ để tranh chấp.

Không thôn tính được ta, thì gậm nhấm ta.

Họ gậm nhấm đất đai của ta, lâu dần họ sẽ biến giang san của ta từ cái tổ đại bàng thành cái tổ chim chích .

Vậy nên các người phải nhớ lời ta dặn:

“Một tấc đất của Tiền nhân để lại,

cũng không được để lọt vào tay kẻ khác .

Ta cũng để lời nhắn nhủ đó như một

LỜI DI CHÚC cho muôn đời con cháu ” .

TÒA SOẠN ĐA HIỆU

Chủ Nhiệm
Cựu SVSQ Trần Vệ K19

Chủ Bút
Cựu SVSQ Nguyễn Phán K24

Tổng Thư Ký Tòa Soạn
Cựu SVSQ Ng. Trung Việt K21

Trị Sự
Cựu SVSQ Ng. Duy Niên K27

Phụ tá Trị Sự
Cựu SVSQ Diệp Quốc Vinh K27

Thủ Quỹ
Cựu SVSQ Phan Văn Lộc K26

Phụ Tá Thủ Quỹ
Cựu SVSQ Đào Quý Hùng K26

Trình bày & Hình ảnh:
Nguyễn Trung Việt K21
Đào Quý Hùng K26
Hùynh Tiến K28
Nguyễn Xuân Quý K31

Phát Hành
Hội Võ Bị Nam California
Nguyễn Phước Ái Đỉnh K26

Hộp thư Tòa Soạn
DA HIEU MAGAZINE
P.O.Box 8628
Fountain Valley, CA 92728

Email của tòa soạn:
dahieu1515@gmail.com
Số điện thoại: (714) 788-4753

CỘNG TÁC:

Ngân Ánh
Nguyễn Kim Biên
Tô Văn Cấp
Ngu Lắm Cơ
Lê Yên Chi
Kiều Công Cự
Quỳnh Diên
Trần Trung Đạo
Đại Dương , Mặc Giao
Nguyễn Đông Giang
Trần Châu Giang
Ngô Minh Hằng
Vũ Cao Hiến
Nguyễn Hiếu, Như Hoa
Nguyễn Thị Khánh Hòa
Vũ Đăng Khiêm
Phạm Kim Khôi
Thu Lai
Điệp Mỹ Linh
Võ Văn Lê, Thu Nga
Phạm Tín An Ninh
Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Thị Hạnh Nhân
Hoa Trang Nguyên
Minh Nguyệt
Ngô Văn Phát
Hoài Linh Phương
Văn Quang
Trần Minh Quân
Mai Ngọc Sương
Lê Trịnh Thanh
Thanh Thảo
Trần Thị Diệu Tâm
Trần Văn Thiệt
Tường Thúy
Hương Thủy
Lãm Thúy
Trần Hoài Thư
Phạm Văn Tiền
Cao Văn Tiếm
Vũ Huy Triệu
Trần Mộng Tú
Minh Tuyết, Vi Vân
Trần Phong Vũ
Trần Như Xuyên

CẢM TẠ

BBT tòa soạn tập san Đa Hiệu xin chân thành CẢM TẠ:

-Quý nhà văn, nhà thơ, quý thân hữu đã nhiệt thành gởi sáng tác đến tòa soạn Đa Hiệu để **ĐH 104, 40 NĂM QUỐC HẬN**, thật sự phong phú và tràn ngập niềm xúc động, niềm đau, nỗi buồn…mất nước, và qua đó cũng ươm mơ, nẩy mầm một hy vọng mới cho một NGÀY VỀ…lại SÀI GÒN của ta xưa.

-Quý Giáo Sư VHV, quý Niên trưởng, quý chị, quý bạn, quý thân hữu cùng các cháu TTNDH đã nhiệt tình yểm trợ để tòa soạn không gặp trở ngại về tài chánh trong công việc phát hành tập san ĐH 104.

- Đặc biệt chân thành CẢM TẠ họa sĩ Vi Vân, tác giả của bức tranh sơn dầu trên vải bố bức tượng **TIỄC THƯƠNG** (đã bị cộng nô giật sập), mà chúng tôi xử dụng copy trong ĐH104.

-Đặc biệt CẢM TẠ Cựu SVSQ Quách Vĩnh Trường K20, Người Thương Binh/VNCH, một trong hàng vạn những Tấm Gương Hào Hùng của Quân Lực VNCH, đã rất nhiệt tình giúp chuyển đổi trắng đen thành màu ảnh chụp: "**Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN CHÂM NGỌN LỬA THIÊNG TRUYỀN THỐNG"** tại Đài Tử Sĩ vào Đêm Truy Điệu tại Vũ đình trường Lê Lợi.

- *Một lời CẢM ƠN cũng bằng thừa*, nhưng

- *Ngàn lời CẢM TẠ cũng chưa đủ.*

Thay mặt Ban Biên Tập tòa soạn Đa Hiệu

Cựu SVSQ Nguyễn Phán K24

Chủ bút

MỤC LỤC

ĐỀ TỰA	TÁC GIẢ	Trang
Mục lục		5
Ngũ Hổ Tướng VNCH	Tòa Soạn Đa Hiệu	9
Thơ_ThángTư Đời vẫn oan khiên	Nguyễn T. Khánh Hoà	15
V.N. trong thế ĐỊA-CHÍNH-TRỊ	Đại Dương	17
Những ngày cuối tháng Tư	Nguyễn Kim Biên K10	21
40 Năm nhìn lại	Ngô Văn Phát K11	25
Thơ_ Trường Ca 40 năm	Ngô Minh Hằng	31
Tháng Tư đen	Ngu Lắm Cơ	35
Chia sẻ tâm tư vào ngày Q. Hận	Mai N. Sương K10/2	43
Một cuộc chiến âm thầm	Trần Phong Vũ	46
Thơ_Khối tình Đa Hiệu	Vũ Đăng Khiêm K24	51
Hãy ngủ yên Đà Nẵng của tôi ơi!	Trần Trung Đạo	52
Nhạc_Bên giòng sông Hàn	Vũ Cao Hiến	62
40 Năm nhìn lại	Minh Nguyệt	64
Bức tranh Tĩnh vật	Trần Mộng Tú	67
Dẫu lìa ngó ý	Hương Thủy	72
Thơ_Dòng sông và nỗi nhớ	Võ Văn Lê K25	85
Bóng Cha	Trần thị Diệu Tâm	87
Thơ_Một sớm ta về	Hoài Linh Phương	97
Mẹ Tôi	Thanh Thảo	98
Thơ_ Đêm Lâm Viên	Lãm Thúy	112
Hẹn Hò	Lê Yên Chi	114
Nhạc_ Lâm V. Trinh Nữ vẫn chờ	Thu Lai	120
Bao giờ cho tôi quên	Tường Thúy	122
Thơ_ T. Tư, cột đèn không cẳng	Nguyễn Đ. Giang K19	130
Người xưa dấu mặt	Điệp Mỹ Linh	132
Thơ_Nhớ Đồi 1515	Vũ Huy Triệu K28	147
Trôi theo giòng đời	Vi Vân	148
50 Năm nhìn lại	Trần Châu Giang K22	160
Tình đồng đội	Trần Hoài Thư	167

Vâng chúng tôi hãnh diện	Phạm Tín An Ninh	172
Lão lượm lon	Captovan K19	185
Thơ_Gửi mũ Đỏ Trương Kim Anh	Phạm Kim Khôi K19	191
Tình Thương	Nguyễn T. Hạnh Nhơn	192
Giã từ thành phố	Trần Văn Thiệt	197
Lá Thư Canada	Mặc Giao	201
Lá Thư Úc Châu	Trần Minh Quân K31	213
Lá Thư Saigon	Văn Quang	225
Thơ_Vuông Góc	Trần Như Xuyên K21	233
Tiểu Đoàn 34 Biệt Động Quân	Cao Văn Tiếm K26	235
Gió thổi mây tan	Quỳnh Diên	251
Tiểu Đoàn 157 (tiếp theo)	Lê Trịnh Thanh	261
Rau muống bốn mùa	Hoa Trang Nguyên	276
Chuyện Tình thời chinh chiến cũ	Kỵ Binh Nguyễn Hiếu	284
Mì xanh vẫn xanh	Tealan Minh Tuyết	296
Chuyện ngăn ngắn 2 và 4	Nguyễn Văn Ngọc	302
Thơ_Tháng TƯ	Ngân Ánh	305
Thư gửi Mạ năm thứ 40	Thu Nga	306
Phân Ưu	Khóa 5 và khóa 19	315
Phân Ưu	Khóa 21	316
Thơ_Th.Tư,Uống rượu với người xưa	Hương Thủy	317
Thư mời họp khóa K31	Nguyễn Xuân Quý K31	319
Cảm nghĩ sự đời	Phạm Văn Tiền K20	320
Tiễn biệt	Như Hoa Áu Tím	327
Phân Ưu	Khóa 21	331
Thơ_ Trong bóng tối Xà lim	Kiều Công Cự K22A	332
Báo cáo Tài Chánh	Thủ Quỹ	334
Quy định	Tòa Soạn	345
Thông báo	Tòa Soạn	346
Trả lời Thư Tín	Sông Thu	347

THƯƠNG TIẾC

Những Vị Tướng Tự Sát 30.04.75

NGŨ HỔ TƯỚNG QUÂN LỰC VNCH

Thiếu Tướng NGUYỄN KHOA NAM
Thiếu Tướng PHẠM VĂN PHÚ
Chuẩn Tướng LÊ VĂN HƯNG
Chuẩn Tướng TRẦN VĂN HAI
Chuẩn Tướng LÊ NGUYÊN VỸ

ƠN TỔ QUỐC TRỌN TÌNH
Sinh Vi Tướng Nghĩa Dân Quân Vẹn Tiết
Tử Vi Thần

Giở lại những trang sử chiến đấu dũng mãnh và hào hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, nhân tưởng niệm ngày 30-04, là ngày nước Việt Nam Cộng Hòa mất vào tay giặc cộng. Chúng tôi muốn kể lại cho các bạn trẻ Việt Nam công nghiệp chiến đấu và những giây phút chói sáng của những vị thần tướng mà nghìn thu còn lưu dấu, làm rạng danh nước Nam trên trường quốc tế.

Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam

Là hậu duệ của dòng họ Nguyễn Khoa danh tiếng ở đất Thần Kinh Huế mà các cụ tổ từ đời này sang đời khác nối tiếp đều có công trạng giúp Chúa Nguyễn mở mang bờ cõi về phương Nam, mà điểm dừng là mũi Cà M au. Được hun đúc từ truyền thống ấy,Thiếu Tướng Nam ngay từ nhỏ đã nuôi chí lớn. Nhập học và tốt nghiệp K4, Trường SQ/Thủ Đức.

Sau này , khi trở thành vị tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh và rồi lên Tư Lệnh Quân Đoàn IV Quân K hu I V. Người nổi tiếng là vị tướng từ ái, thương lính yêu dân, rất được quân và dân Miền Tây kính trọng và yêu thương. Cuộc sống của người quá giản dị, không vợ con, không nhu cầu vật chất xa hoa, không gì hết, đơn giản đến mức trở thành huyền thoại của cả miền Nam.

Sau khi nghe “hèn tướng” Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng giặc, Thiếu tướng lái xe sang Quân Y Viện Phan Thanh Giản, Cần Thơ, thăm các Chiến Hữu thuong bệnh binh, an ủi họ lần cuối, rồi trở về Bộ Tư Lệnh Vùng IV. Tại đây, Người đã quyết định no i gương người xưa, chết theo thành khi thành mất vào tay giặc.

Thiếu Tướng đã tự sát vào giữa đêm 30.4.75, ngay tại bàn làm việc của Tư Lệnh, sau khi gọi phone chia buồn, an ủi bà Qủa phụ Th/Tướng Lê Văn Hưng.

Thiếu Tướng Phạm Văn Phú

Trong cái ngày đau buồn ấy, người ta đưa vào bệnh viện Grall (Đồn Đất) thi hài của Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn II & Quân Khu II, một chiến binh mà các cấp bậc đi lên đều được vinh thăng tại mặt trận. Thiếu Tướng Phú đã uống thuốc độc chết cùng với vận nước.

Vị Tướng mảnh khảnh người, khuôn mặt xương nhưng có cái bắt tay mềm mại ấm áp ấy đã nhanh chóng trở thành một trong những vị Tướng xuất sắc nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, lần lượt đảm nhiệm những chức vụ quan trọng:

Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt, Tư Lệnh Biệt Khu 44 thuộc Miền Tây, Tư Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh, và sau hết Tư Lệnh Quân Đoàn II & Quân Khu II. Chính là ở vị thế cực kỳ khó khăn này, Thiếu Tướng Phú phải đương đầu với nhiều vấn đề sinh tử có tầm vóc quốc gia, đã vượt ra khỏi quyền hạn nhỏ bé của ông. Khi nhận thấy từng phần đất của miền Nam, như vết dầu loang, rơi vào tay giặc, ông cũng nhận thức rõ rằng là cái sinh mạng nhỏ bé của mình cũng co ngắn dần cùng với số mệnh của đất nước.

Rồi khi những chiếc khăn rằn và những chiếc áo màu xanh rêu mốc đã tràn ngập khắp phố phường Sài Gòn trong ngày 30.04.1975, Người chọn cái chết để lưu danh thanh sử bằng cách uống độc dược, để tỏ rõ ý chí bất khuất, tiết tháo của người làm Tướng, và cũng chứng tỏ cho đối phương biết rằng họ có thể chiếm được đất nhưng không có thể quy phục được Người.

Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng

Tư Lệnh Phó Quân Đoàn IV & Quân Khu IV. Dưới sự chăm sóc và chỉ huy của Thiếu Tướng Nam và Chuẩn Tướng Hưng, Quân Đoàn IV gồm các Sư Đoàn 7, 9 và 21 Bộ Binh đã đem lại những ngày an bình cho người dân Miền Tây. Hai vị Tướng đã là một cặp chiến binh kiệt xuất tạo nên bức tường thành vững chắc cho Q uân K hu I V. C ho đến cái ngày oan nghiệt 30 tháng 4/ 1975. Chuẩn Tướng Hưng vẫn với bộ quân phục tác chiến bộ binh màu ô liu trở lại văn phòng Tư Lệnh Phó gặp lại vợ con, nói lời vĩnh biệt và ân cần khuyên nhủ bà Chuẩn Tướng phu nhân gắng cắn răng sống nuôi con, dạy dỗ con nên người, nói cho chúng biết về người cha đã chết như thế nào cho tổ quốc. Người cũng trân trọng từ biệt các chiến hữu:

"Tôi không bỏ các anh để đưa vợ con ra ngoại quốc. Tôi cũng không thể chịu nhục đầu hàng. Các anh đã từng cộng tác với tôi, những lúc các anh lầm lỗi tôi có rầy la. Xin các anh tha thứ cho tôi những lỗi lầm; nếu có."

Sau những lời cuối cùng với người bạn đời của mình và các thuộc cấp đã từng vào sinh ra tử với mình từ U Minh đến An Lộc…Chuẩn Tướng đóng chặt cửa phòng và tự sát. Có tiếng súng nổ chát chúa từ bên trong vọng ra. Bà Hưng và các chiến hữu phá cửa xông vào. Chuẩn Tướng Hưng nằm ngã người tựa vào giường nửa trên nửa dưới, hai cánh tay dang ra,mắt vẫn còn mở to như đọng lại trong đó một trời uất hận!. Người đã bắn vào tim để tỏ rõ tiết tháo một người Tướng lãnh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, thà chết không đầu hàng giặc.

Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ

Một trong những hồi ức rất đẹp và rất hào hùng mà Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ còn để lại trong chiến sử Việt Nam, là lúc ông cầm khẩu súng chống chiến xa M72 nhoài người lên khỏi hầm chỉ huy của Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng tại An Lộc bắn cháy một chiếc T54, trong lúc Chuẩn Tướng Hưng đã thủ sẵn một trái lựu đạn trong tay để cùng chết với quân địch.

Đại Tá Vỹ là một khuôn mặt lừng lẫy của Miền Đông khi ông về phục vụ dưới cờ của Sư Đoàn 5 Bộ Binh từ năm 1968.Đại Tá Vỹ nổi danh là một chiến binh quả cảm, một sĩ quan mẫn cán, có tài tham mưu và chỉ huy. Chuẩn Tướng Vỹ dưới con mắt nể trọng của chiến sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh, là một vị chỉ huy siêng năng và đáng kính. Người nổi tiếng thanh liêm và chống tham nhũng.

Sau khi nghe "Big Minh", Tổng Thống tiếm quyền, tuyên bố đầu hàng. Chuẩn Tướng Vỹ nghiến răng, miễn cưỡng ra lệnh cho binh sĩ treo cờ trắng trước cổng căn cứ và cho quân sĩ giải tán. Trước khi chia tay, Chuẩn Tướng mời các sĩ quan trong BTL dùng bữa cuối cùng. Trong khi mọi người còn đang dùng cơm thì Chuẩn Tướng Vỹ ngưng dùng bữa, bước ra, đi về hướng chiếc trailer, dùng làm văn phòng tạm cho Tư Lệnh. Chuẩn Tướng đã tự sát tại đây. Khi binh đội cộng sản vào tiếp quản doanh trại, các sĩ quan sư đoàn cao cấp của địch đã nghiêng mình kính phục khí tiết của Chuẩn Tướng Vỹ và nói:

"Đây mới xứng đáng là con nhà Tướng."

Chuẩn Tướng Trần Văn Hai

Là một người con hiếu thảo, trước khi ra đi, người còn cố gửi về cho mẹ số tiền nhỏ bé của hai tháng lương cuối, 70,000 đồng, mà sau khi tự sát, người Tr/Úy tùy viên đã trao lại cho thân mẫu của Người.

Lúc còn sống Chuẩn Tướng Hai nổi tiếng là vị Tướng thanh liêm, cuộc đời thanh đạm không có của cải vật chất gì đáng kể, ngoài chiếc xe Jeep của quân đội cấp cho, thì khi người ra đi, người chỉ để lại cho hậu thế thanh danh thần tướng cùng tấm lòng sắt son đối với dân tộc và tổ quốc. Chuẩn Tướng Hai cũng nổi tiếng là vị Tướng thương yêu và chăm lo cho đời sống chiến binh các cấp dưới quyền hết mực, thậm chí coi thường cả mạng sống. Như câu chuyện đã trở thành huyền thoại về Đại Tá Hai, Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân, đầu năm 1968 đã cùng vài sĩ quan đáp phi cơ C123 ra tận chiến trường Khe Sanh và nhảy xuống, lặn lội ra từng chiến hào tiền tuyến thăm hỏi khích lệ chiến sĩ Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân, dưới những cơn mưa pháo rền trời của địch.

Sau khi nghe tin "bại Tướng DVM" đầu hàng cộng nô, và được tin hai cấp chỉ huy trực tiếp của mình là Th/Tướng TL/Vùng IV và Th/Tướng TLP/Vùng IV đã tự sát.. Chiều tối cùng ngày, Chuẩn Tướng Trần Văn Hai đã uống thuốc độc tự sát trong văn phòng Tư Lệnh. Người ra đi để lại cho hậu thế niềm tiêc thương và kính phục vì tài năng và đức độ. Vị Tư Lệnh SĐ7 BB đã để tên tuổi của mình được lưu lại nghìn thu trong sử sách.

Tháng tư, đời vẫn oan khiên

Thân kính tặng Th/tá Lê Thơm Khóa 22A, VBQGVN

Nguyễn thị Khánh Hòa (Paris, France)

Chiều lặng lẽ, ngang qua dòng suối cạn
trời sang thu, chiếc lá ngập ngừng bay
tàn cuộc chiến, thân còn hằn vết đạn
mười năm trôi, như thể lật bàn tay!

Dòng suối cũ, mây trôi lồng đáy nước
mười năm sau, mái tóc bạc sương pha
đời vất vưởng, qua bao lần xuôi ngược
bên triền hoang, ngồi ngẫm cuộc phong ba

Ta về lại, xác xơ đời tù tội
Mười năm thôi, cũng đủ kiếp lưu đầy
Heo hút nắng, bên trời chiều hấp hối
Đường quê hương, mây xám chập chùng bay.

Con phố nhỏ ngậm ngùi đêm cô quạnh
hàng cây xưa hờ hững đón ta về
hiu hắt gió, trăng khuya, hồn se lạnh,
ta về đây hay chuyện một cơn mê

Nhà ta đó, tường rêu phong, mái đổ
Mẹ già đâu sao lạnh khói, tàn hương,
Ta mong đợi, ngày về nơi cố thổ…
Cuộc phân ly, trời đất cũng tang thương !

Mười năm trước, gian nan đời trận địa
Thời chiến chinh, sinh tử, biết ai qua,
mười năm sau, tù đầy nơi đất lạ
trời quê hương khuất nẻo, bóng chiều sa.

Mang mang nợ nước, tình nhà,
Lòng đau một mảnh sơn hà ngã nghiêng.
Tháng Tư, đời vẫn oan khiên,
bên trời viễn xứ, mối thiên thu sầu!

Nguyễn thị Khánh Hòa

VIỆT NAM
TRONG THẾ ĐỊA-CHÍNH-TRỊ

Đại-Dương

Chủ tịch Tập Cận Bình đã chia tay với chiến lược "ẩn mình chờ thời, thao quang dưỡng hối" của Lãnh tụ Đặng Tiểu Bình sau khi tóm thâu quyền lực tại Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, để thực thi chính sách bành trướng lãnh thổ và tranh đoạt vị trí siêu cường thế giới.

Trong khi đó, dù bận bịu với các yếu tố liên quan đến tình hình Trung Đông và Châu Âu mà Hoa Kỳ cũng không thể làm ngơ trước thái độ quyết đoán, ngang ngược của Bắc Kinh tại Châu Á-Thái Bình Dương.

Trung Đông tuy có lộn xộn sau khi quân Mỹ triệt thoái toàn bộ khỏi Iraq, nhưng, mới đây trở nên thực sự nghiêm trọng do sự xuất hiện của Quốc gia Hồi giáo Iraq và Cận Đông, ISIS hoặc Daesh, với tuyên bố chủ quyền lãnh thổ bao trùm Syria, Iraq, Israel, Lebanon, Jordan, Síp, Nam Thổ Nhĩ Kỳ.

Nó đã tách khỏi Tổ chức Khủng bố Quốc tế al-Qaeda từ tháng 2-2014 với 4,000 tay súng đã nhanh chóng làm chủ 2/3 lãnh thổ Syria và phân nữa Iraq sau khi đánh tan 4/14 sư đoàn Iraq, chiếm thành phố Mosul lớn thứ 2 nước này. Hiện nay IS đã có trên 100,000 quân, kể cả các tay súng khắp thế giới quy tụ về.

Từ một tổ chức khủng bố, ISIS trở thành Vương quốc Hồi giáo, IS, với lý tưởng "xây dựng một quốc gia Hồi giáo Thánh khiết" tạo ra bàn cờ địa-chính-trị mới trên thế giới với kết cục khó tiên đoán.

Tổng thống Vladimir Putin đã thực-hiện-hoá tham vọng khôi phục vị thế đế quốc Nga qua việc sát nhập Bán đảo Crimea của Ukraine hồi tháng 3-2014 và yểm trợ cuộc chiến ly khai tại miền Đông Ukraine.

Tổng thống Barack Obama và Liên Âu áp đặt cấm vận kinh tế đối với Nga nên tạo ra tình trạng Chiến tranh Lạnh và sự đối đầu giữa Minh ước Bắc Đại Tây Dương, NATO, với Quân đội Nga. Sự căng thẳng giữa các quốc gia sát biên giới phía Tây của Nga và các hoạt động diễu võ dương oai của NATO lẫn Nga tạo ra một

bàn cờ địa-chính-trị ở Châu Âu mà chưa ai biết kết cục ra sao.

Mỹ sa lầy ở Châu Âu và Trung Đông tạo điều kiện thuận lợi cho Tập Cận Bình sắp bàn cờ địa-chính-trị tại Châu Á -Thái Bình Dương.

Trong bàn cờ địa-chính-trị vào thời Chiến tranh Lạnh, đảng Cộng sản Việt Nam đã chọn đường lối "đấu tranh bạo động" của Lenin nên đẩy 3 dân tộc trên Bán đảo Đông Dương vào một cuộc chiến tranh tàn phá khủng khiếp về sinh mạng và vật chất. Vết thương vẫn còn đang chảy máu cho đến tận hôm nay.

Phương pháp "đấu tranh bạo động" cũng được đảng Cộng sản Việt Nam áp dụng đối với người cùng chung dòng máu, trong chiến tranh cũng như lúc hoà bình.

Ít nhất có 14 quốc gia Á, Phi cùng chung hoàn cảnh thuộc địa của các nước Tây Phương đã thực thi đường lối "đấu tranh bất-bạo-động" mà giành được độc lập sớm hơn 3 nước Đông Dương tới 30 năm với thiệt hại về người và vật chất không đáng kể.

Hoa Kỳ đương nhiên đóng vai trò gìn giữ an ninh, hoà bình, khống chế xung đột và tạo điều kiện phát triển kinh tế thần tốc tại Châu Á-Thái Bình Dương suốt từ năm 1945 để khu vực này trở thành đầu tàu kinh tế thế giới. Do tham vọng về lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên mà Bắc Kinh muốn cướp đất, lấn biển, khống chế hải

lộ quốc tế đi qua Biển Đông Trung Hoa và Biển Nam Trung Hoa bằng các biện pháp quân sự, bán-quân-sự, ngư dân vũ trang, kinh tế, chính trị, ngoại giao, lịch sử, pháp lý.

Với chính sách tầm ăn dâu, Bắc Kinh đang cố gắng làm thay đổi nguyên trạng chủ quyền, đặc biệt gấp rút tại Biển Đông Nam Á trước khi Toà án Trọng tài về Luật Biển phán quyết vụ kiện do nguyên đơn Manila đưa ra dự trù vào đầu năm 2016.

Bắc Kinh đang sắp một bàn cờ địa-chính-trị tại Châu Á-Thái Bình Dương nhằm thoả mãn nhu cầu bá quyền khu vực và tương lai siêu cường toàn cầu.

Các quốc gia Đông Nam Á rất khó chống đỡ hữu hiệu các biện pháp quân sự, kinh tế, chính trị, ngoại giao của Bắc Kinh. Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á, ASEAN, yếu kém về hệ thống phòng thủ, sức mạnh kinh tế lại nằm vào tay người gốc Hoa, chưa thống nhất về chính trị và ngoại giao, dù cho có dân số 600 triệu vẫn yếu kém trước đối phương.

Các nước duyên hải Đông Nam Á đều lên án "đường lưỡi bò" do Bắc Kinh vẽ ra, chiếm 90% Biển Nam Trung Hoa là trái với Luật Biển 1982. Nhưng, chẳng quốc gia nào cùng tham gia vụ kiện với Phi Luật Tân bất chấp sự thúc giục của giới chuyên gia quốc tế!

Ba cường quốc kinh tế đứng nhất, nhì, ba đều ở Châu Á-Thái Bình Dương, chưa kể Ấn Độ và cũng tập trung một lực lượng quân sự hùng hậu nhất thế giới nên nguy cơ xung đột vũ trang rất dễ xảy ra nếu cán cân địa-chính-trị bị lệch.

Việt Nam đang ở vào vị trí tối quan trọng trong bàn cờ địa-chính-trị tại Đông Nam Á vì có bờ biển dài nhất tại Biển Nam Trung Hoa và tiếp giáp với Trung Cộng.

Do đó, hành vi của đảng Cộng sản Việt Nam chẳng những ảnh hưởng tới nền an ninh, sự toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm chủ quyền thực sự mà còn góp phần duy trì, bảo vệ hoà bình và phát triển, hoặc châm ngòi chiến tranh tại Châu Á-Thái Bình Dương.

Việt Nam đang bị Nga, Trung Cộng, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc Đại Lợi lôi kéo vào chiếc "chiếu địa-chính-trị."

Cộng sản Việt Nam đang múa may, quay cuồng do sức giật từ các cường quốc có quyền ợi nhiều hoặc ít tại Châu Á-Thái Bình Dương mà chưa có dấu hiệu nào cho thấy họ đã chọn đúng sinh lộ cho dân tộc.

Dù được Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng nài nỉ hồi tháng 5-2014, Tập Cận Bình vẫn lắc đầu quầy quậy, kể cả tiếp xúc qua điện thoại.

Trước tin Trọng công du Mỹ, lập tức Bình gọi Trọng sang triều kiến, thế là Tổng bí thư riu ríu lên đường tới Bắc Kinh với 4 uỷ viên Bộ Chính trị và 5 uỷ viên Trung ương đảng.

Bản tuyên bố chung toát ra sợi dây quan hệ môi hở răng lạnh được củng cố chặt chẽ hơn theo điều kiện đại cục, 16 chữ vàng, 4 tốt do các lãnh tụ Trung cộng ban phát.

Trọng cầu xin Bắc Kinh tăng lượng đầu tư vào Việt Nam lên tới 60 tỉ USD trong năm 2015 dù đã biết Trung Cộng càng đầu tư thì thâm thủng mậu dịch càng nghiêng phía Việt Nam. Ai cũng biết, các công ty của Trung Cộng được ưu đãi nhiều nhất khi làm ăn tại Việt Nam.

Trọng mời Bắc Kinh độc quyền khai thác dầu, khí ngoài khơi Hải Phòng và bàn chuyện khảo sát chung bên ngoài Vịnh Bắc Bộ.

Trọng tình nguyện đưa hải cảng Hải Phòng làm cột mốc đầu tiên cho Con đường Tơ lụa Hàng hải giúp cho kế hoạch của Bình dễ thành công hơn.

Khó ai có thể bác bỏ sự ràng buộc chặt chẽ giữa hai đảng Cộng sản và nguy cơ thua thiệt dành cho dân tộc Việt Nam.

Nga tuy có lịch sử nghi ngờ thiện chí và mưu đồ đen tối của Trung Cộng, nhưng, bàn cờ địa-chính-trị tại Châu Á-Thái Bình Dương nhất định Mạc Tư Khoa phải có lợi thế về hai thác dầu khí ưu đãi tại Việt Nam. Đồng thời, cuộc chạy đua vũ trang trong vùng rất béo bỡ đối với tay lái súng số 2 trên thế giới.

Trung Cộng và Nga muốn xuống Đông Nam Á dễ dàng cần có Việt Nam dẫn lộ.

Ngược lại, Việt Nam cần hai cường quốc có chung dòng máu độc tài để chống lại xu thế dân chủ ngày càng bành trướng trên thế giới và riêng tại Việt Nam.

Kịch bản xấu nhất cho dân tộc Việt như từng xảy ra trong quá khứ nếu trục Tàu-Việt-Nga thành hình.

Đại-Dương

NHỮNG NGÀY CUỐI THÁNG TƯ

1975

Nguyễn Kim Biên K10

-6giờ chiều 27/ 4/75:Thiếu tướng N guyễn Kh ắc Bình,Tư lệnh CSQG, chỉ định tôi giữ chức Liên đoàn trưởng Thám sát kiêm Chỉ huy trưởng Biệt đoàn 222 CSDC. Ông cho biết đã ra lệnh các Đại đội TS Tỉnh thuộc Vùng 3 tập trung về BCH/LĐ tại Nhà Bè, riêng BĐ/222 vẫn còn đầy đủ đàn em cũ của anh (tôi chỉ huy BĐ này từ cuối năm 1968-1972). Tôi tuân lệnh và xin một điều: "chỉ nhận,thi hành lệnh của Thiếu tướng…". Đúng lúc này máy vô tuyến nhỏ trên bàn ph át tiếng nói của đặc phái viên: "...***Lưỡng viện Quốc Hội vừa đồng thanh ủy nhiệm Đại tướng Dương văn Minh giữ chức Tổng thống VNCH thay thế đương kim Tổng thống Trần văn Hương. Một số Nghị sĩ, Dân biểu lên Trực thăng Mỹ đón ở sân sau QH***…". Một phút im lặng…..,Tư lệnh đăm chiêu...Tôi ngỡ ngàng rời khỏi văn phòng Tư lệnh.

-Ngày 28/ 4/75: S au bu ổi chào c ờ đầu tu ần, C huẩn tướng Bùi văn Nhu Tư lệnh ph ó nó i: B uổi h ọp tham mưu sáng nay hủy b ỏ, t ất c ả về nhiệm s ở tùy nghi …,Tôi lên x e trực ch ỉ tới tư thất Tư Lệnh, c ảnh sát c anh gác t rình báo: " **Thiếu tướng đã lên trực thăng Mỹ bốc đi lúc 1giờ khuya**"! Tôi không ngạc nhiên, dù m uốn hay k hông, c hẳng còn sự lựa chọn nào khác! Ngay cả ở BTTM, B TL/Biệt k hu T hủ đô, BTL/Không quân, đã vắng bóng nhiều Tướng lãnh…! Sư đoàn 18 BB đã triệt thoái về Sàigòn, một pháo đội 105 ly đóng tại công viên trước cổng sân vận động Cộng Hòa đưởng Nguyễn Kim, vài pháo thủ vẫn cười đùa với các em nhỏ… Dân Sàigòn đua nhau đi mua nhu yếu phẩm, một số khác đi coi đồng bào chạy lọan về Thủ đô. Đài phát thanh, Đài truyền hình liên tục loan báo tin chiến sự, giờ

giới nghiêm, lời kêu gọi của Tổng trấn Sáigòn: "...Đồng bào bình tĩnh, Quân nhân,Cảnh sát,Nhân dân tự vệ túc trực 100% sẵn sàng chiến đấu...". Sáigòn không có một vụ gây rối, ồn ào, xáo trộn nào, trừ ở khuôn viên Toà Đại sứ Mỹ và phi trường Tân Sơn Nhứt, người người chen lấn nhau để được lên phi cơ di tản… Nội các của tân Tổng thống vẫn bất động, ngoài việc "đi đêm" đàm phán với phái đoàn Cộng sản trong ban liên hợp 4 bên ở TSN,và Mr. Vũ văn Mẫu yêu cầu cơ quan DAO rời khỏi Việt Nam !!!

-Ngày 29/4/75: Suốt một tuần qua cả ngày lẫn đêm, vận tải cơ C5 (di tản cô nhi VN), C130 và máy bay Dân sự cùng với Trực thăng hạ cánh, cất cánh tại phi trường cũng như tòa Đại sứ Mỹ và vài địa điểm trong đô thành để bốc những người có danh sách di tản (đa số có liên hệ với Mỹ như làm việc, phối ngẫu, quen biết cùng với gia đình, thân nhân họ). Quốc lộ 4 từ Long An đến ngã 3 Trung Lương, Việt cộng đắp ụ, phá đường, phục kích và bắn tỉa. Đêm 29/4, Cộng quân pháo kích, phóng hỏa tiễn 122ly vào kho đạn Thành Tuy Hạ, phi trường Tân Sơn Nhất, Bộ TTM, vùng dân cư Phú Nhuận, khu chợ Thái Bình vv… Súng liên thanh, súng cá nhân nổ từng hồi ở các quận ven biên do các đơn vị BĐQ, Dù, CSDC, phòng thủ đụng độ với Cộng quân.

-Ngày 30/4/75: Theo đài BBC kế hoạch di tản đã kết thúc lúc 03AM. 6 giờ sáng trên xe Jeep cảnh sát, chạy từ đường Trần Quốc Toản qua Nguyễn Tri Phương,Trần Hưng Đạo và khi tới bến

Bạch Đằng chúng tôi đã thấy tại BTL/Hải Quân, 2 chiến hạm đang nổ máy sẵn sàng ra khơi…Tôi chỉ chú Tám tài xế quẹo xe vào đường Tự Do, khi vừa tới nhà thờ Đức Bà,1 cô khoảng 30 tuổi hoảng hốt từ cổng toà Đại sứ Mỹ vừa chạy vừa vẫy tay xin quá giang, tôi hỏi "Cô đi đâu?" Cô đáp "thẩm mỹ viện của em ở đường Trương Minh Giảng, em bối rối quá…". Nếu Cô muốn di tản lên tầu Trường Xuân ở bến Bạch Đằng, tôi còn nhiều việc phải lảm…". "xin Trung tá cho em tới bến Bạch Đằng….".

Sáng sớm tinh sương , đường vắng tanh, các góc phố NDTV đứng gác, CSDC vẫn vững tay súng canh phòng các điểm trọng yếu (Bộ,Sở chính phủ, trụ sở Thượng, Hạ viện, Ngân khố quốc gia vv…) Trong làn gió nhẹ ban mai, tôi cảm thấy thoải mái đôi chút…… Về tới nhà, vợ và đàn con nhỏ dại đã thức dậy, chờ đợi tôi về …….Người ở lại chấp nhận mọi hiểm nguy cầu mong một phép lạ…cũng như vẫn nuôi hy vọng, vẫn tin tưởng vào Quân đoàn 4 là điểm tựa duy nhất cho Quân,Dân Thủ Đô tử thủ chờ một giải pháp Quốc tế….. Tiếc thay ! V***ào lúc 10 giờ sáng ngày 30/4/1975, Tổng thống Dương văn Minh tuyên bố đầu hàng***!. ***Một nhát buá chí tử cuối cùng tiếp tay với nước bạn đồng minh giết chết một Dân tộc! xóa tên VNCH trên bản đồ thế giới !!!*** Đã một thời Mỹ-Việt đề huề, cờ vàng 3 sọc đỏ cùng với cờ của các nước bạn đồng minh được phi hành gia Neil Armstrong mang theo phi thuyền Apollo 11 đổ bộ lên Cung Hằng vào ngày 20/7/1969. Chiều 30/ 4/75 cảnh tang thương thể hiện qua từng nhóm quân nhân Dù, BĐQ…từ các quận ven biên thất tha thất thểu cởi bỏ chinh y, súng đạn rải rác trên đường Trần Quốc Tỏan, Công Lý,Trần Hưng Đạo,...nước mắt chảy ra tràn trề tản mác vào

các đường cùng, ngõ hẻm…! Dân Sàigòn bắt đầu hoảng loạn, hoang mang, sợ sệt…,Xe tăng cộng quân tiến vào đại lộ Thống Nhất ủi sập cổng dinh Độc Lập và sự quấy phá cuả tội phạm hình sự thoát ra từ khám Chí Hoà cùng một số Việt cộng nằm vùng và đám "côn đồ đeo băng đỏ" trên cánh tay đi nghênh ngang trên hè phố, vào nhà dân (nhất là nhà các SQ, công chức cao cấp mà chúng biết) hạch sách đủ thứ, đồng thời ra lệnh buộc tất cả nhà dân phải treo cờ cộng sản…! Trên bầu trời mây đen bao phủ, cơn mưa nặng hạt trái mùa đổ xuống Thủ Đô như gầm thét, như chia xẻ với nước mắt ngậm ngùi, buồn tủi, uất hận, tuyệt vọng của Quân-Dân-Cán-Chính Việt Nam Cộng Hòa. Sau khi nhận tin dữ từ DVM, nhi ều Người đã tuẫn tiết bằng súng cá nhân, bằng độc dược…trong đó có Thiếu tướng Phạm văn Phú tại tư gia đường Nguyễn Kim, Trung tá Nguyễn văn Hoàn tại P2/BTTM, Gia dình Trung tá Vinh gồm chín người cùng tự sát tại khu vực Tân Sa Châu, Trung tá Long Cảnh sát tự sát tại Tượng đài TQLC trước Quốc Hội, Gia đình Thiếu tá...,vợ và 2 con cùng chết trong bữa cơm với độc dược, và còn rất nhiều kể cả thường dân…! (Những chiếc xe tang đơn độc âm thầm chạy vội vã về các nghĩa trang ngoại ô. Ở Vùng 3, Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ tuẫn tiết tại BTL/SĐ 5/BB…Ở Vùng 4,Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam. TL/Vùng IV tuẫn tiết tại BTL/QĐ, Chuẩn Tướng Lê văn Hưng. TLP/QĐIV tuẫn tiết tại tư gia, Chuẩn tướng Trần Văn Hai tự sát tại BTL/SĐ7…Và không ai biết còn có bao nhiêu Anh Hùng Vô Danh thuộc VNCH đã tuẫn tiết vào ngày nầy??? Ngoài ra, hàng trăm ngàn Quân nhân, Công chức, Cảnh sát bị đầy trong các trại cải tạo khổ sai, Vợ con, Cha mẹ, Thân nhân họ bị đuổi ra khỏi nhà đi vùng kinh tế mới, nơi rừng sâu, nước độc, sỏi đá, sinh lầy…! Đúng là Nước mất thì nhà tan!!! Kẻ thù không đội Trời chung là Tập đoàn cộng sản Hà nội, bọn bán nước hại dân, kế đến là chủ nghĩa Thực dụng của cường quốc (khi cần họ o bế, tâng bốc VNCH là tiền đồn cuả Thế giới Tự do vv…và vv…,nhưng khi đã đạt mục đích, họ bỏ rơi không thương tiếc!…) đã cấu kết, đi đêm để bức tử VNCH, một chính thể Dân Chủ thực sự: Do Dân và Vì Dân.

Tháng tư đen ! Ngày Quốc hận 30/4/1975 không bao giờ phai lạt trong tâm khảm của người dân Việt Nam và nỗi đau chung của cả dân tộc .

Nguyễn Kim Biên K10.

40 năm nhìn lại

• **Tích Cốc Ngô Văn Phát K.11**

30.04.1975 – 30.04.2015: 40 năm thống trị miền Nam, đảng cộng sản Việt Nam đã lần lượt cho tiến hành nhanh và mạnh để thực hiện hai việc quan trọng mà đảng cho là ưu tiên hàng đầu để dâng thành tích quang vinh này lên cho "bác Hồ vĩ đại" của đảng, đó là:

1. Chuyên chính *vô sản hóa* nhân dân miền Nam.
2. Chuyên chính *tư sản hóa* đảng viên miền Bắc

Chuyên chính là gì? Chuyên là chuyên quyền; Chính là chính trị. Chuyên chính là chỉ một người độc tài nắm hết quyền trị nước, hay nói rộng ra là sự thống trị về chính trị của một nhóm người còn được gọi là đảng thuộc giai cấp vô sản.

Chuyên chính gắn liền với bạo lực, như hình với bóng. Không có bạo lực, không thể thực hiện được chuyên chính. Do đó, đảng cộng sản Việt Nam đã và đang trị nước bằng chuyên chính, cho nên đảng phải thành lập một Bộ Công An thật to lớn để vừa bảo vệ đảng, vừa trấn áp nhân dân. Ngân sách Quốc gia dành cho Bộ này còn lớn hơn ngân sách Bộ Giáo Dục!!!.

1- Chuyên chính vô sản hóa nhân dân miền Nam.

Sau khi cưỡng chiếm được miền Nam rồi, đảng Việt cộng cho tiến hành chánh sách vô sản hóa nhân dân miền Nam tuần tự như sau:

* Cướp đoạt hay nói theo danh từ người miền Bắc XHCN là đảng "giải phóng" 16 tấn vàng (16.000kg) đang lưu trữ trong Ngân Hàng Quốc Gia. Số vàng này Tổng Bí Thư đảng Lê Duẫn cho xe chở hết ra Bắc để các đảng viên cấp cao âm thầm chia nhau làm của riêng. Đây là bước đầu của sách lược tư sản hóa đảng viên.

* Lưu đày lao động khổ sai không án hằng triệu Quân Cán Chính vào những trại tập trung nằm trong rừng sâu, nước độc ở khắp mọi miền đất nước để đảng rảnh tay cộng diễn các màn tiếp theo như:

* Cưỡng bức những vợ con Quân, Cán, Chính mà đảng khép vào thành phần tư bản, thuộc gia đình "ngụy Quân ngụy Quyền"

đi vùng kinh tế mới để đảng cướp nhà, cướp đất. Đảng muốn đem cái nhân Tư Bản gieo xuống miếng đất Chủ Nghĩa Xã Hội, nơi khỉ ho cò gáy với bốn mùa nắng cháy đất khô thì nó chỉ nở mầm lên cây Xã Hội Chủ Nghĩa với những quả tong teo, èo uột thì làm sao đủ ăn để mà sống. Do đó chỉ một thời gian ngắn sau, một phần lớn bỏ trốn về thành thi, sống bên vỉa hè thành phố hay dưới mái hiên của chính nhà mình trước đây, nhưng nay đã bị đảng cướp đoạt cho đảng viên ở!!

*** Cướp đoạt tài sản bằng cách đổi tiền:**

Đổi tiền lần thứ nhất:

Sáng ngày 22.09.1975, Việt cộng ra thong báo đổi tiền:

1- 500 đồng tiền của Việt Nam Cộng Hòa lấy 1 đồng tiền của Việt cộng.

2- Mỗi gia đình được đổi 100.000 đồng lấy 200 đồng Việt cộng để chi tiêu hằng ngày.

3- Những gia đình có buôn bán nhỏ được phép làm đơn xin đổi thêm 100.000 đồng nữa.

4- Những nhà buôn bán lớn có thể làm đơn xin đổi thêm từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng (tối đa) nếu có nhu cầu thực sự.

5- Tất cả số tiền còn lại phải đến nhà băng đổi và gởi vào trương mục .

6- Cuộc đổi tiền bắt đầu từ 8 giờ sáng ngày 22.09.1975, chấm dứt vào lúc 11 giờ đêm cùng ngày (22.09.1975).

7- Vi phạm những điều nêu trên sẽ bị truy tố trước pháp luật.

Tới đây, tôi xin mở ngoặc để nói lên ba sự việc:

1- Giá trị đồng tiền Việt Nam Cộng Hòa: Trước 30.4.1975, giá một tạ gạo (100kg) từ 750 đến 800 đồng. Cầm trên tay 500 đồng, người dân có thể mua được 62kg gạo (500:8=62). Khi đổi 500 đồng tiền Cộng Hòa lấy 1 đồng tiền Việt cộng, với 1 đồng tiền này không mua được 1 bịch gạo 1kg!

Người dân, nhứt là những tên ăn cơm Quốc gia nhưng thờ ma cộng sản bắt đầu ăn khoai mì, khoai lang và bo-bo thay gạo mới thấm thía được hai chữ “giải phóng“ của đảng Việt cộng.

2- Tiền gởi vào trương mục: Mặc dù tiền của mình, nhưng khi đã gởi vào trương mục thì rất khó lấy ra dù một số tiền nhỏ. Vì mỗi lần muốn lấy tiền ra phải làm đơn xin đảng nêu rõ lý do và phải qua sự chứng thực của Phường trưởng.

3- Thời gian đổi tiền quá ngắn: Chỉ có 15 tiếng đồng hồ trong cùng một ngày mà trên cả chục triệu gia đình phải đổi tiền cho xong thì làm sao họ thi hành cái lệnh có tính cách cướp giựt như vậy được. Do đó biết bao nhiêu gia đình bị tán gia bại sản vì đổi tiền không kịp.

Sau cuộc đổi tiền, vật giá gia tăng và khan hiếm, người dân cầm trên tay tiền Việt cộng nhưng mua thứ gì cũng hầu như không có. Từ đó mới có câu vè châm biếm xuất phát từ miệng người dân miền Nam như sau:

Đả đảo Thiệu Kỳ, mua cái gì cũng có

Hoan hô Hồ Chí Minh mua cây đinh cũng phải xin giấy!!

* Đánh Tư Sản Mại Bản nhằm mục đích tịch thu tài sản của họ gom về một mối, đặt dưới sự quản lý của một nhóm người mang tên là đảng.

* Thành lập Hợp Tác Xã thuộc mọi lãnh vực từ Công, Nông, Thương Nghiệp vv… mà đảng cho là một hình thái kinh tế mới nhưng cũng do sự quản lý của đảng!

* Bán bãi lấy vàng. Vì không chịu nổi sự "giải phóng" của đảng, nên người dân bắt đầu vượt biển, vượt biên đi tìm Tự Do bất kể sóng to gió bão, hải tặc cướp bóc, hãm hiếp v.v…Lợi dụng dịp này, đảng tổ chức khi thì công khai, lúc bán công khai bán bãi lấy vàng.

Đổi tiền lần thứ hai:

Ngày 02.05.1978, đổi tiền trong cả nước mà đảng gọi là tiền thống nhứt.

- Ở miền Bắc: 1 đồng mới trị giá bằng 1 đồng cũ (1958)
- Ở trong Nam: 1 đồng mới bằng 0,80 đồng cũ (1975)

* Dân thị thành được đổi tối đa:

- 100 đồng cho mỗi hộ 1 người
- 200 đồng cho mỗi hộ 2 người
- Gia đình trên 2 người, thì người thứ ba trở đi được đổi 50 đồng/người
- Tối đa cho mỗi gia đình ở thành phố bất kể số người là 500 đồng.

***Dân vùng quê được phép đổi như sau:**

- 100 đồng cho mỗi hộ 2 người (50 đồng mỗi người)

- Hộ trên 2 người, thì người thứ 3 trở đi được đổi 30 đồng/người.
- Tối đa cho mọi hộ dưới quê bất kể số người là 300 đồng.

Lần này là lần cuối, đảng đã vơ vét cạn tàu ráo máng, đã thành công trong việc san bằng nhau tài sản của người dân ở miền Nam lẫn miền Bắc!

Nhà cửa, tài sản bị đảng "giải phóng", người dân bị vô sản hóa nên phải ở dưới lều, ăn cơm dưới đất!

Với sách lược mị dân là: *Đảng lãnh đạo – Nhà nước quản lý – Nhân dân làm chủ*. Nhưng trên thực tế thì nhân dân làm chủ cái bánh vẽ, còn đảng và nhà nước lãnh đạo và quản lý cái bánh thật!!

Sau khi tất cả tài sản của người dân miền Nam được gom về một mối, đặt dưới sự quản lý của đảng, thì những đảng viên bắt đầu thực hiện giai đoạn thứ hai là:

2. Chuyên chính

tư sản hóa đảng viên miền Bắc.

Lần đầu tiên đặt chân lên đất Sài Gòn, Hòn Ngọc Viễn Đông, đảng viên đảng Việt cộng trên đầu chỉ đội có cái nón cối hay nón tai bèo, dưới chân mang đôi dép râu làm bằng vỏ xe hơi, bên vai mang một cái túi vải. Hình ảnh này tiêu biểu cho con người vô sản theo chủ nghĩa Mác-Lê.

Rồi một thời gian sau, nhờ quản lý cái bánh thật nên các đảng viên cấp cao lần lần tư sản hóa, tức là hợp thức hóa tài sản cho riêng từng đảng viên mình bằng cách chia cho họ những nhà cửa, đất đai v.v… mà họ đã cướp đoạt được của nhân dân miền Nam.

Từ chuyên chính, nó sanh ra lộng quyền; từ lộng quyền, nó sanh ra tham nhũng. Vì đất nước bị đảng trị, mà đảng và nhà nước tuy hai mà một, vừa là trọng tài vừa là cầu thủ thì lấy ai mà chận đứng được tham nhũng? Từ trung ương đến địa phương, theo nấc thang quyền lực, các đảng viên đua nhau trấn áp bóc lột người dân, cướp đoạt tài sản của đất nước để làm giàu. Từ cái nón cối với đôi dép râu của giai cấp vô sản, bốn mươi năm sau, các đảng viên trở thành những tên đại gia, những nhà tư bản đỏ!!

Theo tôi, hai tội lớn nhứt của đảng cộng sản Việt Nam là:

1.- Tội dâng đất, biển và các đảo cho Trung cộng để cầu quyền.

2.- Tội bán Tây Nguyên cho Tàu đỏ để khai thác Bauxite để cầu lợi.

Và còn nhiều tội ác nữa của Việt cộng mà không thể nào liệt kê hết được vì trang giấy Đa Hiệu có giới hạn.

Hãy nghe Ông Chủ tịch nước Trương Tấn Sang ví đảng viên tham nhũng của ông như là những con sâu:

**** Trước đây chỉ có một con sâu làm rầu nồi canh, nay thì nhiều con sâu lắm. Nghe mà thấy xấu hổ, không nhẽ cứ để hoài như vậy. Mai kia người ta nói một bầy sâu, tất cả là sâu hết thì đâu có được. Một con sâu đã nguy hiểm rồi, một bầy sâu là chết cái đất nước này.***

Mà sự thật cái đảng của ông ta đã và đang là một bầy sâu rồi. Bầy sâu này nó đã đang và sẽ làm chết cái đất nước mà ông đang làm Chủ tịch!

Ông "Chủ tịch" xem một con sâu gộc trong những con sâu gộc của đảng ông có phòng tiếp khách với bàn ghế chạm trổ đầu rồng, toàn bằng vàng óng ánh (không biết là lót vàng lá hay quét vàng nấu chảy ra?). Xin hỏi ông, lương một ông cựu Tổng Bí Thư đảng Nông Đức Mạnh bao nhiêu một tháng mà ông ta xây biệt thự sang trọng như vậy? Tiền ông lấy ở đâu ra?

Một trong những dinh thự rộng 850m2 hiện là "tổ ấm" của cựu TBT Nông Đức Mạnh nằm trên con đường ven Hồ Tây.

Xương thịt của những anh bộ đội sanh Bắc tử Nam, máu và nước mắt của người dân Việt kết tụ lại thành những viên gạch lót đường cho những đảng viên cộng sản bước lên đài vinh quang, xây những dinh thự sang trọng không thể nào diễn tả hết được. Còn người dân đen thì phải ở dưới lều, ăn cơm dưới đất!. Hai cảnh trái ngược như vậy chỉ xảy ra dưới sự lãnh đạo tài tình của đảng Vc "quang vinh" mà thôi!!!.

Chỉ có những con thú mới ngoảnh mặt làm ngơ trước nỗi khổ đau của đồng loại mà chỉ chăm lo riêng cho bộ lông của mình.
Theo luật sinh tồn, nơi nào có áp bức, nơi đó có đấu tranh. Chắc chắn sẽ có một ngày, ngày N+1, ngày mà toàn dân gần một thế kỷ qua đã bị đảng Việt cộng đè nén đến tận cùng của vực thẳm khổ đau sẽ cùng nhau một lúc vùng lên đấu tranh lật đổ cái đảng độc tài phi nhân đó để giành lại quyền sống và quyền làm người, để đòi lại những gì mà đảng đã cướp đoạt của họ.

Hy vọng, tôi sẽ còn sống để tham dự ngày toàn dân hát khúc hải hoàn ca đó.

Tích Cốc Ngô Văn Phát K.11

****

Hồ Chí Minh nói với 'các chú' của Ủy viên bộ chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam:

"Vua Hùng có công dựng nước
Bác và 'các chú' tha hồ bán nước"

TRƯỜNG CA
BỐN MƯƠI NĂM

(Kỷ niệm bốn mươi năm Quốc Hận 1975-2015. Xin gởi về Quê Hương và Đồng Bào VN cùng với thiết tha mơ ước một ngày quang phục.)

Với lịch sử bốn mươi năm thì ngắn
Nhưng với nhân sinh là nửa kiếp người
Bốn mươi năm dài của cuộc đời tôi
Đã quay quắt đau nỗi hờn vong quốc

Tháng Tư Bảy Lăm cộng quân chiếm nước
Lệnh cao nguyên triệt thoái cứ từng vùng
Sài Gòn - Biên Hoà hoảng loạn, rối tung
Người các tỉnh chạy về đông như kiến

Kẻ tới Bạch Đằng bám tàu ra biển
Người đến phi trường níu cánh phi cơ
Cuối tháng Tư bom đạn réo từng giờ
Rồi lệnh đầu hàng ...miền Nam bức tử !!!

Lệnh hàng u ? tôi nghe lầm đấy chứ ???
Không !!! Không, đừng...Xin chớ giết quê tôi !!
Như sét bên tai, tôi chết lặng người
Ruột đau thắt tưởng không còn sức thở

Cả một giang sơn mà nay vỡ đổ
Có thật Sài Gòn trao giặc rồi không ?
Có thật cộng vào Tân Cảng, Cầu Bông
Vào Thảo Cầm Viên, vào Dinh Độc Lập !?

Tôi bước ra đường, mây đen chợt thấp
Trời phun mưa cùng lệ tủi hờn rơi
Trước mắt tôi là đảo lộn đất trời
Kinh khủng quá, quê tôi đầy giặc dữ !!

Lê Văn Duyệt hôm qua là Quân Vụ *
Mà hôm nay tấm biển mất đâu rồi
Vài chiếc xe lam chất những xác người
Đang chen chúc bò ra từ chiếc cổng

Họ là những người trai đang sức sống
Mang trí, nhân bồi đắp giữ sơn hà
Trước lệnh đầu hàng, buông súng, xót xa
Thà vĩnh quyết chớ không hề chịu nhục

Bao người lính miền Nam ngày kết thúc
Đã căm hờn ôm lựu đạn chia nhau
Ngay cổng chi khu, hoặc dưới thông hào
Họ chờ giặc bằng một tràng đạn cuối

Bi hùng quá, giờ non sông hấp hối
Có vợ hiên ngang chiến đấu bên chồng

Họ cùng chia nỗi hận của non sông
Cùng gục xuống và đi vào bất tử

Ơi, Tháng Tư ai tô đen trang sử
Đau buồn này di hại đến bao lâu ...
Mà bốn mươi năm chưa hết hận sầu
Chưa kết thúc cơn bạo cuồng hồng thủy !?

Đất nước của tôi vẫn trong tay quỉ
Và nhà tù vẫn chật kẻ hiền lương
Bao triệu người vẫn sống kiếp tha hương
Lòng vẫn đắng vẫn đau Ngày Quốc Hận

Bốn mươi năm cộng gieo bao bi phẫn
Quê tang thương, dân đau khổ, u hoài
Đất cắt dâng Tàu để cộng bền ngai
Để bóp cổ, cưỡi đầu người dân Việt

Hỡi đồng bào, hãy vâng lời QUYẾT CHIẾN ...
Như Ông Cha trong Hội Nghị Diên Hồng !
Hãy đứng lên nào, vì nếu ta không
Nước sẽ mất, Tàu bạo tàn đô hộ !!!

Và đời ta sẽ cộng thêm thống khổ
Con cháu chúng ta chẳng được làm người
Đứng lên nào, chín chục triệu ta ơi
Chín chục triệu ngại gì không chiến thắng ???

Chín chục triệu dân dù đôi tay trắng
Nhưng có rạng ngời chính nghĩa quê hương
Đảng có xe tăng, có súng chặn đường
Nhưng không thể chặn tinh thần dân tộc !

Có chính nghĩa là ta không đơn độc
Thế giới nhìn vào sẽ đứng bên ta
Quân đội, đảng viên ai xót sơn hà
Sẽ trở súng bắn vào loài phản quốc

Hãy đứng dậy và giơ cao ngọn đuốc
Thét vang trời, đánh thức kẻ cuồng mê
Đòi lại công bình, lấy lại sơn khê
Từng hải đảo, từng ngọn đồi, cột mốc

Đảng bây giờ như cây già mục gốc
Sẽ đổ kềnh khi cơn bão đi qua
Nổi gió lên, nào tất cả chúng ta ...
Dẫu lấy máu rửa hờn cho quốc sử !.

Bốn mươi năm từ miền Nam bức tử
Dân đã đau, tổ quốc đã nguy rồi
Hội Nghị Thành Đô còn mấy năm thôi
Là Việt cộng dâng cho Tàu đất nước

Hãy đứng lên nào, dựng cờ, tiến bước
Đòi công bình, dân chủ của đời ta
Đã bốn mươi năm cộng cướp sơn hà
Đây là lúc phải đòi về sông núi !!!

Ngô Minh Hằng
Mùa Quốc hận 2015.

* Quân Vụ Thị Trấn, trại Lê Văn Duyệt, đường Lê Văn Duyệt, gần Ngã Sáu Sài Gòn.

THÁNG TƯ ĐEN

NGU LẤM CƠ

NGU LẤM CƠ

NKT là tên, cũng là bút hiệu từ năm đệ lục khi bắt đầu viết cho trang học sinh của phụ trang bé Ngôn bé Luận, nhật báo Ngôn Luận do nhà văn Phạm Cao Củng phụ trách. Trước 75 đã viết cho các báo Ngôn Luận, Chính Luận (từ số đầu đến số cuối), Công Luận (nhà văn Duyên Anh), Thời Thế, và các tạp chí Ngàn Khơi (của nhà văn Nhã Ca),VNTP, TT Thứ Năm, TH Thứ Tư, Chọn Lọc, Màn Ảnh, và cả Đa Hiệu xưa…Ngu Lắm Cơ là bút hiệu viết phiếm trên Chính Luận năm 74-75 và sau này tại hải ngoại. Theo chồng –cựu SVSQ Trịnh Trân, K20 - Định cư tại Hoa Kỳ vào tháng 04/1992, theo diện H.O (H.O.10).

Không biết sẽ có ai nói em là cái bà này sao mà khó chịu, xấu tính xấu nết thế, chẳng có tí xíu quảng đại nhân hậu nào hết trơn, bao nhiêu năm qua rồi mà vẫn còn khư khư ôm cái mối thù … vặt chẳng nguôi ngoai. Không dám đâu! Mỗi năm khi tới tháng tư, những hình ảnh xưa cũ lẫn với hình ảnh hiện nay của quê nhà lại kéo về, lại vẫn làm đau con tim, chẳng dứt. Nỗi đau thật lớn, không "vặt" tí xíu nào, nên mối hận cũng ngang bằng, không hề nhỏ. Có những điều, theo với thời gian rồi sẽ quên đi, nhưng có những điều mãi mãi vẫn nhớ hoài. Làm sao em có thể quên được câu nói của Kissinger những ngày cuối tháng tư xưa, khi bao nhiêu người dân Việt, đàn bà, trẻ con, ông già bà lão, đang thất thần, bỏ nhà bỏ cửa chạy giữa lằn đạn của những kẻ xâm lăng từ

phương Bắc, thân xác nát tan không người vu ốt mắt, khi bao nhiêu người lính Miền Nam tuyệt vọng nhưng vẫn đang cương quyết nắm chặt tay súng giữ từng tấc đất quê hương:

- *"Sao bọn chúng không chịu chết lẹ đi cho rồi".*

Cũng vậy, hình ảnh Jane Fonda lặn lội từ nửa vòng trái đất đến thăm những người lính Mỹ đang bị bắt giam trong trại tù Hà nội. Được một người của mình, đến từ chính quê hương mình ghé thăm, chắc đã làm cảm động biết bao nhiêu người tù đang đói, đang khổ, đang nhớ nhà. Bao nhiêu những lá thư dù nhỏ bé với đôi giòng nhắn tin ngắn ngủi viết vội vàng nhưng chắc chắn sẽ đem biết bao nhiêu an ủi đến cho những người thân, những người vợ, người mẹ, người cha, người con đang mòn mỏi trông tin nơi quê nhà xa tít. Thế mà, trước mặt tất cả mọi người, người đàn bà ấy đã thản nhiên nhận tất cả những mẫu nhắn tin nhỏ bé ấy rồi vui vẻ " phấn khởi" nộp cho "cán bộ trại giam" ở cuối hàng.

Không còn một sự phản bội nào trắng trợn và phũ phàng hơn được nữa!

Nên, làm sao em có thể quảng đại mà quên đi những điều như thế chứ ?

Báo chí vừa đăng tin ông Lý Quang Diệu đã qua đời. Ông là Thủ tướng đầu tiên của Singapore, người đã đưa xứ sở nhỏ bé, nghèo nàn, lạc hậu trở thành một quốc gia tân tiến, phồn thịnh. Người cu ối cùng của thế hệ những Tưởng Giới Thạch, Park Chung Hee, Ngô Đình Diệm…những hổ tướng với chính sách

cứng rắn nhưng tấm lòng trung hậu, vì nước vì dân thực sự, để đưa những đất nước chậm tiến, nhược tiểu châu Á lên ngang hàng những quốc gia hùng mạnh thế giới. Đại Hàn, Đài Loan, Singapore không thể như hôm nay nếu không có những người hùng như thế. Tiếc thay, Việt Nam không có được cái điều may mắn ấy, dù Việt nam đã có người hùng còn hơn vậy. Chín năm là một quãng thời gian quá ngắn, vậy mà TT Ngô Đình Diệm đã đặt được đầy đủ nền móng của một quốc gia dân chủ, tự do thực sự. Nhưng rồi….

Mỗi năm, khi đọc lại những trang sử của ngày 30/4, từ cuộc rút khỏi cao nguyên của người lính và người dân trên đường số 7 oan khiên đến những câu chuyện tan hàng ngậm ngùi trên bãi biển miền Trung, không một người Miền Nam nào có thể quên

nỗi đau mất nước, tan nhà, dù đã bao nhiêu năm qua, dù có thể chính mình đang yên lành ở một quê hương thứ hai. Từng năm, từng năm qua, mỗi độ tháng tư về, nhìn lại quê hương cũ thì chỉ thấy mỗi ngày mỗi tàn tệ hơn, tàn tệ đủ mọi phương diện, băng hoại dưới mọi hình thức, xấu xa trên mọi lãnh vực. Khoảng cách giữa Việt Nam và những nước ngang hàng năm xưa ngày càng lớn, tới độ cả hàng chục, hàng trăm năm, trong khi người Việt Nam cần củ, người trẻ VN thông minh không thua bất cứ một dân tộc thông minh nào trên thế giới. Cô bé 15 tuổi Dương Nguyệt Ánh rời VN năm 1975 đã trở thành một khoa học gia nổi tiếng của Mỹ. Em Vũ Khoa mới theo cha mẹ qua Mỹ năm 2010, năm đầu tiên vừa đi học Anh văn ở những trung tâm bên ngoài đại học (vì chưa đủ một năm làm cư dân California), vừa đi làm toàn thời gian để phụ cha mẹ đã lớn tuổi. Một năm sau, em vừa theo học ở

đại học cộng đồng vừa đi làm bán thời gian, vậy mà năm nay, năm 2015, khi chưa đủ 5 năm ở Mỹ,vẫn còn là thường trú nhân, em đã được nhận vào Havard sau khi hoàn tất cử nhân tại Berkley. Em tin rằng đang còn rất nhiều những người trẻ VN khác như vậy, thông minh như Dương Nguyệt Ánh, như Vũ Khoa nhưng không có điều kiện nên không thể phát huy khả năng của mình. Cùng là hạt giống tốt lành như nhau, nhưng hạt rơi vào đất lành màu mỡ chắc chắn sẽ khác hoàn toàn hạt rơi vào bụi gai, vào sỏi đá, vào thềm xi măng. Đọc báo thấy những sinh viên VN du học tại Nhật bương chải kiếm sống hàng ngày, mỗi đêm đi làm quần quật để rồi ban ngày vô lớp không cưỡng nổi cơn ngủ. Còn có em trong một phút không suy tính kỹ đã chấm dứt con đường bằng những hành vi trộm cắp và bị bắt. Những bản tin đọc làm đau thắt con tim. Tội nghiệp tuổi trẻ VN, những hạt giống tốt lành đang bị ném vào những bụi gai. Nhìn ảnh tên thất học Nông Đức Mạnh chễm chệ giữa tòa lâu đài vàng chóe của mình và nhớ tới những em bé nhỏ xíu 7,8 10,12... tuổi lặn lội 5,7 cây số, đu dây qua sông mỗi ngày để tới lớp, tự nhiên thấy giận điên người. Đâu rồi những Vũ Văn Mẫu, đâu rồi linh mục Thanh, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, thượng tọa Thích Trí Quang, thiền sư Nhất Hạnh, đâu rồi những Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Văn Nuôi, anh em Hoàng Phủ.... Ngày xưa các người hò hét, tranh đấu chống bất công, chống độc tài v.v. và v.v mạnh mẽ, ầm ĩ lắm cơ mà, nay đâu hết rồi, sao im hơi lặng tiếng, sao nín khe vậy? Im lặng là tán thành, là đồng lõa, chả lẽ mấy người đang đồng ý với những gì đang xảy ra, đang thấy đó đúng là mơ ước mấy người đã mong đợi từ những ngày tranh đấu xưa kia hay sao?

Và còn nữa. Có ai nhớ tên bầy dân biểu, nghị sĩ Mỹ kênh kiệu đã qua thanh sát Việt nam những ngày gần 30/4 không vậy, xin nhắc cho em với, em quên mất tiêu rồi. Những cái tên này, như Jane Fonda, cũng cần phải được nhớ và nhắc mãi. Giữa cảnh Việt Nam đang dầu sôi lửa bỏng, dân chúng bồng bế nhau chạy xa Việt cộng, binh sĩ VN hết đạn dược, không tiếp liệu, quý bà dân biểu, quý ông nghị sĩ Mỹ đã tới VN để quan sát thực tế. Đến một phó thường dân cù lần nhất như em ngày ấy cũng cảm thấy hy vọng nhen nhún, tin rằng quý vị đại diện dân ở một quốc gia rất dân chủ, chân thực, thẳng thắn như Mỹ, đồng minh bao nhiêu năm trường của người Miền Nam, chắc sẽ thấy được thực cảnh

để thi hành những lời cam kết đã hứa. Thế nhưng, trước sự ngỡ ngàng sững sờ của mọi người, họ chỉ tới những trại giam Việt cộng, nói chuyện, ân cần thăm hỏi đám tù binh cộng sản rồi về Sài gòn, chỉ trích chính phủ VNCH, xong lên máy bay, bay về nước, với kết quả không chỉ cái khoản viện trợ sống còn nhỏ nhoi 300 triệu, mà toàn thể viện trợ đều bị cắt hết, ngưng hoàn toàn, trong khi quân đội Bắc Việt với sự hậu thuẫn của toàn khối Cộng sản, đã nhận viện trợ quân sự tăng tối đa để ào ạt tấn công mạnh hơn. Đau đớn hơn nữa, trước sự chênh lệch cán cân quá lớn giữa hai bên như thế, những cái lưỡi không xương ấy lại vẫn còn tiếp tục gào lên:

- *Quân đội VNCH không chịu chiến đấu!*

Bây giờ, rất nhiều tài liệu đã được giải mật, không biết quý vị ngày đó giờ đây đang ở đâu, họ có đọc không, có nhớ những gì mình đã làm xưa kia để giết chết một dân tộc anh hùng chi muốn được sống trong tự do, dân chủ, sao cũng không một ai lên tiếng, sao cũng im re, lặn kỹ hết vậy? (Em cũng biết có vài nhân vật, cả Việt cả Mỹ, đã không còn nữa, nhưng những điều đang có trên đất nước, trên người dân Việt hôm nay chính là một phần hậu quả của những việc họ đã làm hôm qua, nên, dù không còn nữa, em vẫn thấy họ phải chịu trách nhiệm những việc họ đã làm cho dân tộc).

Tuy nhiên, dù thật sự đã giận cách nào, đôi khi nhớ lại đôi điều xưa, em lại thấy thôi hãy thông qua. Ngày xưa khi người lính Mỹ từ địa ngục trần gian trở về, thì ở ngay chính quê hương của họ, những người tưởng là thân, là chung huyết thống, chung cảm nghĩ, những tên sinh viên đang yên lành ở các đại học Berkley, đại học Kent, đang cài những bông hoa hippy xanh xanh đỏ đỏ trên đầu trên người, khác hẳn những vết thương người lính đang mang trên thân thể, lại nhân danh cái lương tâm giả hiệu, cái công lý giả hình của mình để hạch hỏi người trở về:

- *Mày đã giết bao nhiêu con nít ở đó?*

Đối với người cùng giòng máu, cùng chủng tộc, đôi khi còn cùng mái nhà mà họ còn đối xử tàn tệ như thế, thì thôi, hơi sức đâu mà

đi trách móc. Con người là sản phẩm của hoàn cảnh xã hội.Thời thế, thế thời làm con người thường thế !

Người ta vẫn nói rằng, người Mỹ là những người rất giỏi tính toán, làm việc có kế hoạch, bất cứ việc nào, dù lớn như đặt chân lên sao Hỏa, hay nhỏ như hoạch định ngân sách năm tới v. v. cũng được tính toán, đặt kế hoạch trước và theo sát kế hoạch đã đề ra để có được kết quả tốt nhất. Nhưng từ ngày tới xứ này,

được nhìn thấy chứ không chỉ "kiến kỳ thanh" nữa, em bỗng đâm nghi ngờ. Dù sao, những "kế hoạch độc đáo nhất" cũng chỉ là sản phẩm của đầu óc con người. Những đánh giá "đầu óc siêu việt" cũng chỉ là đánh giá của con người, mà con người thì không phải không thể có lúc sai. Khi Kissinger và Nixon bắt tay được với Mao trạch Đông năm 1972 xưa, cả hai, nhất là Kiss, chắc đã vô cùng hỉ hả, "tự sướng" vì đã mở được cánh cửa bao nhiêu năm then cài kín mít để đi vào một thị trường tiêu thụ mênh mông vĩ đại trong đó cả tỉ người đang không có gì hết, sẽ tha hồ mà bán đồ, mỗi người dân Tàu chỉ cần mua một vài đô la thôi cũng đã thành bạc tỉ. Và Mỹ đã bỏ VN tỉnh bơ không nuối tiếc vì chẳng còn lợi lộc.Rồi để có thể kiếm lợi nhuận thêm nhiều hơn nữa, các công ty Mỹ lại đua nhau đóng cửa các hãng xưởng tại Mỹ để đem qua Trung Quốc, nơi giá nhân công rẻ hơn thật nhiều so với Mỹ, nơi cả triệu người đang đói việc làm nên sao cũng ừ hết. Từ chính phủ tới chủ nhân, tài phiệt, ai cũng hỉ hả, chính phủ khuyến khích bằng chính sách bớt thuế, chủ nhân thì hỉ hả vì lợi nhuận tăng mà lương tâm không hề bị cắn rứt về chuyện đã cắt hết việc làm của người dân Mỹ đem cho nước ngoài, vì thấy mình vẫn đang đóng góp vào chuyện phát triển kinh tế Mỹ.

Thế nhưng, thật hoàn toàn ngoài dự kiến đẹp đẽ thủa ban đầu bắt tay ấy, một trật tự kinh tế mới tự nhiên lại được thành hình. Trung quốc từ một nước lạc hậu, dân vừa nghèo vừa đói dần dần trở thành xưởng sản xuất của thế giới, xuất cảng hàng tiêu dùng đi khắp năm châu, từ các nước xa xôi ở tận Phi Châu, đến các thủ đô giàu có Châu Âu, từ các cửa hàng tráng lệ ở New York đến các ngôi chợ nhỏ xíu ở Cali. Rồi khi kinh tế đã phát triển, có tiền cho khắp các nước giầu nghèo khác vay, Trung cộng lại thấy cần phải mạnh về quân sự, và đảo Hải Nam trở thành một căn cứ tàu ngầm, những đoàn hàng chục ngàn tàu thuyền "tự vệ biển" tràn lan khắp mặt biển Đông trông chừng cho con đường lưỡi bò tự vẽ, cho Tàu tự tung tự tác mà không có một lực cản trực tiếp nào đối đầu.

Trong cái ngày mà Nixon nắm được bàn tay của Mao xếng xáng và cắt đứt mọi ràng buộc với VNCH ấy, cái kế hoạch dài hạn nằm trong đầu Kiss, trong đầu Nixon chắc hẳn được xem là rất huy hoàng, rất hứa hẹn cho một tương lai sáng choang cho nền kinh tế Mỹ. Hỡi ơi, thực tế đã quá phũ phàng ,cái thị trường khổng lồ tưởng là béo bở ấy, trớ trêu thay, nhờ chính Mỹ, lại trở thành kẻ đối đầu chính của Mỹ ngày nay trong mọi địa hạt, kể cả địa hạt tin tặc và ăn cắp các phát minh khoa học, khỏi tốn công tìm tòi, nghiên cứu. Các hãng Mỹ, sau một thời gian dài vừa đủ cho dân bản xứ Tàu nắm được hết các bí mật kỹ thuật của mình, lại đang lục tục kéo nhau trở về với xứ Mỹ để tắm ao ta vậy. Nhưng nhìn ra được điều này thì e rằng đã hơi muộn rồi chăng? Con cọp tham lam đói mồi đã được đánh thức và nuôi béo, đã có móng có vuốt và chẳng còn có cái cũi nào kìm hãm, giữ chân được nữa!.

Nếu xưa kia Mỹ không bỏ Miền Nam, thì Việt Nam với bao nhiêu con ngươì như Dương Nguyệt Ánh, như Vũ Khoa.., nước Việt Nam ngày hôm nay có khác chi Nam Hàn, có khác chi Nhật Bản? Và cục diện Châu Á Thái Bình Dương chắc chắn sẽ khác xa cái cục diện đang thấy. Phía Bắc có Nam Hàn, phía Nam có Việt Nam, bên hông có Nhật Bản, ba "cường quốc Á châu" trấn ải, cộng thêm Đài Loan, Phi Luật Tân, Nam Dương làm thành một vòng đai bao vây, sức nào Trung Cộng dám bành trướng thế lực, dương oai diễn võ với đường lưỡi trâu lưỡi bò như hiện nay? Nixon với Kiss và cái kế hoạch tồi tệ, giết đồng minh bắt tay kẻ thù

ấy đã có kết quả nhãn tiền, đúng như ông bà ta vẫn nói, gieo hạt nào thì ăn quả đó! Nhưng, riêng đối với Việt Nam, em thấy trong tận cùng bi thảm đã nhận, cũng có một điều may mắn nhỏ nhoi, là

chủ nghĩa Cộng sản đã thực sự và bất ngờ chết ngắc từ ngày 30/4/75 khi cả miền Bắc nhìn thấy miền Nam và những "bà má liệt sĩ" miền Nam nhìn thấy đám cán bộ miền Bắc! Và cả những khuôn mặt phản chiến nổi tiếng khắp nước Mỹ cũng biến đâu mất tiêu, im hơi lặng tiếng khi cả thế giới nhìn thấy người dân Việt Nam, không phải chỉ ở miền Nam mà từ cả miền Bắc Xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao nhiêu năm, đã bỏ phiếu bằng chính sinh mạng mình, gia đình mình, con cái mình trên những con thuyền mong manh giữa biển cả mênh mông sóng to gió lớn,…

Em vẫn có một niềm tin là rồi Việt Nam sẽ trở lại với chính mình để thành một con rồng Châu Á như Nam Hàn, như Nhật Bản, khi cơn hồng thủy này đã qua đi. Hạt lúa phải nát đi mới trổ thành cây lúa mới. Ngày 30/4 là ngày tang của miền Nam, nhưng khi miền Nam chết, bộ mặt thật của Cộng sản với những tuyên truyền dối trá đã rơi rụng và phô bày trần trụi trước mắt toàn dân và cả thế giới, để hai chữ cộng sản chẳng còn một chỗ đứng nào trong lòng toàn dân Việt. Ngày tang 30/4 bao nhiêu người đã gục xu ống, nhưng bao nhiêu người cũng đã thoát đi được ra ngoài thế giới bao la để hấp thụ những tinh hoa tứ xứ. Khi Việt Nam trở lại với chính mình, những Dương Nguyệt Ánh, Vũ Khoa hải ngoại và những Vũ Khoa còn trong nước sẽ góp sức để làm nên một Việt Nam phú cường, là vương kiếm trấn phương Nam của vành đai Châu Á ngăn cản "giấc mơ Đại Hán" của bá quyền Trung Cộng.

Và bi ết đâu, ngay cả trong chính lòng đất nước Trung cộng, cũng sẽ có một cuộc đổi thay? Chẳng lẽ một đất nước có hằng ngàn năm lịch sử, có những nhà tư tưởng bậc thầy, lại lú lẫn cúi đầu mãi mãi dưới sự cai trị của đám con cháu Mao Trạch Đông hay sao?

CHIA SẺ TÂM TƯ VÀO NGÀY QUỐC HẬN

Mai Ngọc Sương K10/2

Tháng tư đen lại về! Nhớ lại quang cảnh hoảng loạn của dân miền Nam Việt Nam 40 năm về trước. Lúc bấy giờ, tôi còn là một đứa trẻ ngây thơ bên cha mẹ, chỉ vui chơi, học hành, không quan tâm đến chiến tranh, không hiểu gì về tình hình đất nước... Tôi chỉ nhớ sau ngày 30 tháng 4 năm 75 mọi thứ đều thay đổi... Khi cộng sản Bắc Việt cưỡng chiếm miền Nam, không khí ngột ngạt bao trùm cả Miền Nam, trong từng góc phố, trên mỗi nẻo đường. Với trí ngây thơ, tôi cũng không biết Việt cộng là gì, và chỉ bắt đầu cảm thấy lo sợ khi nghe lời chuyền miệng của các bạn trẻ hàng xóm là Việt cộng rất ác độc và tàn bạo. Tiếp theo đó những sinh hoạt của cuộc sống hàng ngày của người dân miền Nam đã thay đổi hoàn toàn! Từ trong gia đình, ba mẹ tôi ngày đêm sống trong một tâm trạng lo lắng, ngoài đường phố cảnh vật sinh động hàng ngày không còn nữa. Khung trời như mang một bầu không khí ảm đạm, thê lương. Không ai có tinh thần và thời gian giải thích cho tôi hiểu vì sao mọi người lại hoang mang như thế. Không lâu sau, ba tôi phải trình diện để đi "học tập cải tạo" theo chính sách lường gạt của bọn cộng sản. Ba tôi đã bị lưu đày ra tận miền Bắc xa xôi, lao động khổ sai trong rừng sâu nước độc. Chúng đày đọa tinh thần và hành hạ thể xác hết sức tàn bạo; kể cả bắn chết những ai chống đối hay vượt thoát trại tù...

Tôi đã sống và trưởng thành trong chế độ cộng sản này và hiểu được rằng người dân miền Nam đã thật sự mất hẳn Tự Do lúc trước. Các anh chị trong đại gia đình quân đội ở lứa tuổi và hoàn cảnh như tôi vào thời điểm đó chắc hẳn không quên được những

ngày gian truân ấy. Khi ba tôi bị lưu đày, mẹ tôi vất vả bôn ba thay chồng nuôi dạy con cái khôn lớn và luôn nhắc nhở chúng tôi đừng tin và cũng đừng nghe những gì cộng sản đang chiêu dụ thanh thiếu niên tham gia sinh hoạt lao động, văn nghệ, đội, đoàn trẻ của cộng sản v.v.... Và gia đình tôi bị ghép vào thành phần "Ngụy" . Với chính sách trả thù, bọn cầm quyền với dã tâm muốn chiếm đoạt tài sản của dân, nên mặc sức khuấy nhiễu và gây khó khăn cho người dân Miền Nam; đặc biệt với các gia đình của sĩ quan đang bị nhốt trong các trại tập trung mà chúng gọi là "trại cải tạo"!
Sau biến cố 30.04.75 bao mất mát đau thương của người dân miền Nam nói chung và gia đình tôi nói riêng, nhà cửa bị tịch thu, ruộng đất bị chúng chiếm đoạt, nhiều người đã bỏ lại tất cả để liều mình ra đi tìm Tự Do, đánh đổi mạng sống trên biển cả, rừng sâu,...Còn những người ở lại thì phải sống trong mịt mù đen tối và không có được một chút tự do nào cả. Cho tới nay, đã 40 năm qua, cứ vào dịp tháng 04 là đồng bào Việt Nam tỵ nạn cộng sản khắp nơi ở hải ngoại, từng quốc gia, từng vùng, từng thành phố,... xuống đường biểu tình đòi hỏi Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền cho Việt Nam, lên án phản đối chính sách tham ô, bán nước buôn dân, hèn với giặc ác với dân cùng với những hành vi đàn áp Tôn Giáo, bắt bớ những nhà tranh đấu trong nước.
Hiện nay cũng có một số người không còn quan tâm đến quá khứ đau buồn này! Khi sống trên đất nước tự do họ đã an phận với đời sống âm no, an bình, rồi dần dần quên đi những hình ảnh tang thương của Đất Nước sau năm 1975! Quên đi những kinh hoàng của vượt biên, vượt biển,...Và rồi các thế hệ sau này có còn biết đến ngày Quốc Hận 30.04 nữa hay không???. Tôi viết lên những cảm nghĩ này như tâm tư của mình gởi đến nhiều bạn bè và các anh chị em trong Tổng đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, để cùng nhau tưởng nhớ và chia sẻ những mất mát sau ngày 30. 04.75, nhớ

lại một trang sử đen tối của dân tộc Việt Nam, khởi đi từ ngày tháng đó! Đừng quên những gì gia đình chúng ta đã gánh chịu trong suốt thời gian sống dưới chế độ cộng sản.

Chúng ta may mắn được sống trên đất nước tự do, hấp thụ nền văn minh cũng như được trau dồi kiến thức văn hóa quốc tế, và nhất là trong gia đình Võ Bị được cha mẹ giáo huấn, rèn luyện nhân cách đạo đức làm người. Cha ông chúng ta là những chiến sĩ của mấy thập niên trước, là những sĩ quan của QLVNCH mà trong chiến tranh hay thời bình đều chiến đấu cho sự tồn vong của Đất Nước. Chúng ta thế hệ con cháu luôn vinh danh những người chiến sĩ đó, giờ đây cho dù tuổi đã cao sức lực tàn dần theo thời gian, tuy vậy vẫn cố gắng ấp ủ và ra sức gầy dựng lại thế hệ thứ hai và đặt hết niềm tin vào chúng ta. Thời gian không còn chờ đợi chúng ta nữa để đáp ứng lại kỳ vọng của cha chú cô bác chúng ta. Hãy nhận lấy trách nhiệm, sẵn sàng đương đầu với những khó khăn khi tiếp bước con đường đấu tranh này. Hãy góp tài sức và tinh thần, theo khả năng của mình, để cho đoàn TTNĐH được vững tiến.

Phải làm gì để chúng ta có thể trở thành đoàn hậu duệ xứng đáng với danh xưng đặc biệt này, hiện nay những công tác sinh hoạt, những bài viết cảm nghĩ của TTNĐH được đăng trên tập san Đa Hiệu là thông điệp gân gũi với chúng ta, cơ hội nối kết tình thân thiết của các thế hệ trong gia đình Võ Bị, phần nhiều các bài viết trong tập san Đa Hiệu của các bác các cô chú với những đề tài rất hay, là những sự kiện có thật, những tác giả là nhân chứng trong chuyện kể, những trang hồi ký ghi nhớ lại những kinh nghiệm cho chúng ta trau dồi ý chí và lý tưởng. Còn được bao nhiêu cuốn Đa Hiệu tiếp tục duy trì cho thế hệ sau này??? Chúng ta hãy tìm đến với nhau qua những trang Đa Hiệu bằng tất cả ngoại ngữ, Anh, Pháp, Đức, Việt v.v…

Hãy viết lên tâm tư và nguyện vọng của tuổi trẻ hôm nay, để chúng ta làm quen với nhau, tìm hiểu và chia sẻ những công tác sinh hoạt của đoàn và kết chặt thêm tình thân ái bảo tồn mãi truyền thống Võ Bị của cha ông, sau là nhanh chóng phát triển tổ chức một phương hướng sinh hoạt chung cho đoàn TTNĐH, thực hiện đúng với câu: TỰ THẮNG ĐỂ DẤN THÂN của tổng đoàn TTNĐH.

Đức Quốc 10.02.2015

Mai Ngọc Sương K10/2
Liên Đoàn trưởng LĐ/TTNĐH Âu Châu

Một cuộc chiến âm thầm
đang sống lại trên đất nước ta hôm nay

Trần Phong Vũ

Trên thực tế, người lính Việt Nam Cộng Hòa đã giã từ vũ khí kể từ ngày 30 tháng Tư năm 1975, vừa đúng 40 năm. Năm tướng lãnh đã hiên ngang tuẫn tiết, vị quốc vong thân, để bảo toàn khí phách anh hùng của người lính Việt Nam Tự Do sau khi chế độ bị bức tử: Nguyễn Khoa Nam, Lê Nguyên Vỹ, Phạm Văn Phú, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai. Đấy là những tên tuổi lớn được công luận biết đến, trong khi đông đảo những anh hùng vô danh khác trong Quân Lực Miền Nam cũng đã âm thầm tự tìm cái chết để khỏi phải chứng kiến nỗi đau nước mất và nỗi nhục bị rơi vào tay kẻ thù, nhưng được mấy ai hay!? Những ngày sau đó, hàng chục ngàn chiến sĩ gồm sĩ quan các cấp đã bị bắc quân lùa vào các nhà tù trá hình mệnh danh trại "cải tạo". Một số thoát được ra

hải ngoại và một số không nhỏ cùng với cả trăm ngàn đồng hương vô tội phải bỏ mình trên đường vượt biên, vượt biển trong rừng già biên giới Việt/Miên hay giữa lòng đại dương.

Cũng từ cái ngày oan nghiệt ấy, hàng chục ngàn thương phế binh trong quân lực VNCH thuộc mọi quân binh chủng bắt đầu phải chấp nhận một cuộc sống tang thương, đau đớn, tủi nhục trên khắp các nẻo đường đất nước, phải gánh chịu biết bao đòn thù thâm hiểm và ác độc của kẻ thù. Nhiều anh em lê lết tấm thân tàn phế tìm về quê hương bản quán những tưởng có thể bám lấy mảnh đất tổ tiên để kéo lê cảnh sống thiếu thốn cho qua ngày, nhưng nhà đã bị cướp, ruộng vườn đã bị trưng thu, thân nhân phiêu dạt khắp nơi! Đông đảo anh em thương phế binh khác đành bám trụ các thành phố, len lỏi trong các hang cùng ngõ hẻm, tìm kế sống qua những nghề hèn mọn như lơ xe đò, bán vé số, bán thuốc lá, vá lốp, sửa xe đạp bên lề đường… Trong số này không phải chỉ có những thương phế binh, những hạ sĩ quan hay những người lính trơn mà thấp thoáng còn có cả những sĩ quan cấp Úy, cấp Tá. Sau khi mãn hạn 8 năm, 10 năm hoặc 14, 15 năm trong các nhà tù cay nghiệt, trở về lại bị khoác cho mấy năm quản chế, ở tuổi trên dưới 60, để giúp vợ chèo chống gia đình, nuôi dạy bầy con, những cựu Sĩ Quan này đã phải chấp nhận làm bất cứ công việc gì.

Tuy không nói ra nhưng trong sâu thẳm cõi lòng, đám đông những thương phế binh và những cựu Sĩ Quan này đều ôm ấp những tâm sự, hoài bão riêng. Bên cạnh niềm đau nước mất nhà tan và nỗi tủi hờn của kẻ bại trận, họ không thể không hoài niệm một thuở vẫy vùng dọc ngang trên khắp bốn vùng chiến thuật ngày nào. Từ đấy đã thôi thúc không ít người liều thân đi vào một cuộc chiến đấu mới, nhưng vì thân cô, thế cô họ đã bị guồng máy an ninh cộng sản phát hiện, bắt bớ giam cầm trở lại, hứng chịu những đòn thù man rợ và không ít đã bị tử hình hay chết thảm trong tù ngục đỏ. Thản hoặc có người may mắn được ra khỏi nhà tù nhỏ, nhưng trở về với mảnh thân tàn tạ, mang trên mình hàng chục chứng bệnh nan y…

Nếu cần phải nêu lên một trường hợp điển hình, chúng ta có thể nói tới cựu Đại Úy Nguyễn Hữu Cầu, người được mệnh danh là “Người Tù Xuyên Thế Kỷ” vì ông bị tống vào nhà tù cộng sản hai lần tổng cộng 37 năm trường. Lần thứ nhất tù “cải tạo”

không án trong 5 năm, từ năm 1976 đến năm 1981. Sau đó vì làm thơ viết nhạc chống chế độ ông bị kết án tử hình năm 1982 với tội danh âm mưu khuynh đảo chế độ. Nội dung bản luận tội tại tòa án có đoạn: *"Tên Nguyễn Hữu Cầu đã sáng tác bài hát 'Giọt Nước Mắt Chúa' với ý thức còn mơ tưởng đến sự trở lại của Đế Quốc Mỹ…"*

Trong phiên tòa phúc thẩm năm 1985, bản án tử hình được đổi thành chung thân. Trong suốt thời gian tù đày, ông luôn luôn coi mình chỉ là người mang tội yêu nước và đã viết khoảng 500 thư khiếu nại, nhưng không bao giờ được Hànội ngó tới. Cũng trong thời gian tù chung thân ông đã sáng tác nhiều nhạc phẩm khiến cho bọn cai tù phải điên đầu. Một trong những bài nhạc của ông được đồng bào trong và ngoài nước biết đến là bản "Khoẻ Re Như Con Bò Kéo Xe". Đây là một bản nhạc có nhiều phiên khúc gói ghém những tâm tình khác nhau của người cựu chiến binh VNCH trong chế độ cộng sản, trong đó có đoạn ông nêu danh những lãnh tụ tôn giáo như Đức Huỳnh Giáo Chủ của Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo, Đức Giêsu Kitô của Thiên Chúa Giáo từng được những tù nhân dùng máu mình ghi lại trên tường trại giam trước khi ra pháp trường nhận án tử hình. Bên cạnh đó là những lời hát đầy khí phách như "Nước tan, tan Đạo, tan Nhà - Bay đà phá hết, chết thà sướng hơn". Tưởng tượng bước theo chiếc xe bò leo lên núi cao, ông như nhìn thấy, cảm thấy "những giòng lệ từ núi đá tuôn ra!" rồi trong một giây phẫn khích, ông cất tiếng hát: "Ta khắc sâu vào núi đá: 'Núi này là Huỳnh Công Bá, núi kia là Nguyễn Anh Hùng. Đồi này, đồi Trần Văn Bá, suối kia, suối Phan Quang Tài'… Kiên Giang tử hình cũng nhiều! Ghi vào núi đá bao nhiêu cho vừa?"

Nhờ sự can thiệp của các tổ chức nhân quyền quốc tế và tập thể người Việt trong các cộng đồng tị nạn ở hải ngoại, ngày 22-3 năm 2013 chế độ CSVN đã phải phóng thích cựu Đại Úy Nguyễn Hữu Cầu, khi một mắt ông đã bị mù hẳn còn lại một mắt đã lòa nhìn không rõ lại bị bệnh suy tim trầm trọng. Sau ngày được thả ra "nhà tù lớn", dù mang nhiều bệnh tật, nhưng với sự giúp đỡ của các tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế Sàigòn, Nguyễn Hữu Cầu tiếp tục làm thơ viết nhạc đấu tranh. Tháng 5 năm ngoái, khi Trung Cộng điều giàn khoan HD 981 vào vùng hải phận thuộc đặc quyền kinh tế của Việt Nam, ông đã sáng tác bản nhạc "Kinh Giàn

Khoan" với âm hưởng và lời lẽ bi hùng, gợi lại những trận chiến lừng danh trong lịch sử của Trần Hưng Đạo, Quang Trung và cả của Quân Lực VNCH, trước thái độ "hèn với giặc, ác với dân" của tập đoàn thống trị cộng sản khi đối diện với hành vi xâm lược công khai của Bắc Kinh, kẻ thù truyền kiếp của dân tộc Việt.

Nhiều cựu quân nhân thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa ở nước ngoài đã coi Nguyễn Hữu Cầu là biểu tượng cho tinh thần chiến đấu kiêu dũng của người lính trong chế độ Miền Nam trước tháng Tư năm 1975.

Nhân dịp lễ Phục Sinh vừa qua, thêm một lần nữa, phối hợp với các tôn giáo bạn, các tổ chức Xã Hội Dân Sự và với sự trợ giúp phương tiện của đồng hương trong và ngoài nước, các linh mục, tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế ở đường Kỳ Đồng, Sàigòn đã tổ chức hai buổi tiếp đón long trọng dành cho trên 1000 anh em thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa. Mặc dù bị công an, cảnh sát gây khó dễ và dù nhiều người già yếu lại mang thương tật như mù mắt, què tay, cụt cả hai chân, nhưng anh em đã từ khắp các nẻo đường đất nước tìm về Nhà Dòng tham dự một ngày Hội Lớn.

Cuộc hội ngộ mới nhất này gợi nhớ tới cuộc hội ngộ tương tự cũng diễn ra ở Nhà Dòng Chúa Cứu Thế Thái Hà vào dịp Giáng Sinh năm 2014.

Vào những ngày đầu của tháng Tư Đen, qua chương trình Cà Phê Tối của Dòng Chúa Cứu Thế Sàgòn do cô bé Huyền Trang thực hiện, đồng bào hải ngoại đã xúc động chứng kiến tận mắt hình ảnh những anh em thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa đang được các tình nguyên viên mang áo xanh gồm các Dì Phước, các Ni Cô, những anh chị em thuộc các tổ chức Xã Hội Dân Sự phục vụ và cùng nhau hàn huyên, chuyện trò vui vẻ. Trong số những Tình nguyện viên này, người ta thấy có sự hiện diện của chị Dương Thị Tân, hiền thê của Blogger Điếu Cày Nguyễn Văn Hải.

Mở đầu ngày Hội, Linh Mục Phạm Trung Thành, Bề Trên Dòng Chúa Cứu Thế đã lên tiếng chào mừng những anh em thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa. Dịp này, cha cho biết Dòng Chúa Cứu Thế không tự mình phát động những buổi sinh hoạt đầy ý nghĩa này. Theo LM Bề Trên thì việc tổ chức ngày họp mặt ủy lạo Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa là do sáng kiến của

Hòa Thượng Thích Không Tánh bên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Sau đó vì bị công an nhà nước gây khó dễ, hơn nữa vì nhà Chùa thiếu địa điểm thuận lợi nên Nhà Dòng CCT Sàigòn đã phối hợp tổ chức chung.

Ngoài việc thuyết minh và đưa những hình ảnh sinh hoạt sống động trong ngày gặp gỡ đầy ý nghĩa này đến với quý khán thính giả khắp nơi, chương trình Cà Phê tối do bé Huyền Trang thực hiện đã phỏng vấn nhiều anh em mà hầu hết đều bị mang thương tật như cụt chân, cụt tay, mù mắt, thân thể bị tàn phá vì thiếu thuốc men và suy dinh dưỡng trong gần bốn thập niên. Qua những lời phát biểu của anh em, người nghe cảm nhận được xúc cảm dâng đầy trong tâm não những con người một thời đã hiến trọn tuổi thanh xuân và một phần thân thể cho chính nghĩa quốc gia, chống lại tà thuyết cộng sản với chủ trương tam vô (vô gia đình, vô tổ quốc, vô tôn giáo). Cũng qua những lời phát biểu bất chợt ấy, mọi người còn thấy toát ra trong giọng nói, qua ánh mắt ngọn lửa nhiệt tình, dù đã trải qua 40 năm vẫn chưa nguôi trong lòng họ.

Đây không phải lần đầu mà là lần thứ hai, thứ ba, Dòng Chúa Cứu Thế đã quy tụ mỗi lần cả ngàn những thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa. Ngoài ý nghĩa tự thân của những cuộc gặp gỡ hiếm có dưới chế độ cộng sản, đem lại cho họ những giây phút hạnh phúc được tay bắt mặt mừng, chia sẻ những kỷ niệm buồn vui với những chiến hữu cũ, xa hơn, một cách nào đó, chắc chắn nó còn khơi gợi lên trong tâm tình mỗi người ý thức tiềm ẩn trong lòng về một trách nhiệm chưa hoàn thành. Chính từ đấy nó sẽ là mối giây nối kết họ lại bên nhau, dù kẻ Nam, người Bắc, kẻ phiêu giạt tận biên giới Việt Hoa, người sống tận Cà Mau, Đồng Tháp.

Một mạch sống mới vừa bắt đầu khơi dậy.

Và một cuộc chiến đấu mới, -*một cuộc chiến đấu bất bạo động, bằng trái tim, bằng nhịp thở, bằng niềm vui kết nối giữa hàng ngàn, hàng chục ngàn thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa và gia đình họ*- cũng vừa nảy sinh giữa lòng quê hương Việt Nam khốn khó hôm nay.

Trần Phong Vũ
Mùa Phục Sinh 2015

KHỐI TÌNH ĐA HIỆU

Vũ Đăng Khiêm K24

Khối tình Đa Hiệu trong ta,
Tháng năm đưa những ngọc ngà đó đây.
Anh em một Mẹ sum vầy,
Tình sâu, nghĩa nặng tràn đầy từng trang.
Một đời vùng vẫy dọc ngang,
Quê hương chinh chiến, âm vang từng ngày.
Thanh xuân nhiệt huyết hăng say,
Đem tài lương đống ra tay đáp đền.
Công danh, nợ nước cho nên,
Quản chi gian khổ, đạn tên...nắng hè.
Bao nhiêu kỷ niệm còn nghe,
Áp trong bài viết, câu vè, bài thơ ...
Đó đây ai cũng mong chờ,
Khối tình Đa Hiệu ầu ơ gọi hồn.

HÃY NGỦ YÊN ĐÀ NẴNG CỦA TÔI ƠI!

Trần Trung Đạo sinh quán Duy Xuyên, Quảng Nam.

Học sinh Trường Trung Học Trần Quý Cáp, Hội An.

Năm 1981 định cư tại Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ.

Tốt nghiệp kỹ sư điện toán tại Wentworth Institute of Technology and Boston University.

Đang làm việc cho một công ty đầu tư tài chánh tại Boston.

Anh đã cho ra đời nhiều thi phẩm và văn, trong đó phải nói đến tập thơ:

Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười, thi phẩm nầy đã đưa tác gỉa đến gần với bạn đọc. Ngoài ra, anh còn cho ra đời "2 đứa con THƠ" khác; đó là:Thao Thức (thơ) và Thơ Trần Trung Đạo. Bên cạnh thơ, anh còn có thêm "6 thằng con VĂN" nữa, gồm có: Giấc Mơ Việt Nam, Tâm Bút Trần Trung Đạo, Khi Bài Hát Trở Về, Tiểu Luận Trần Trung Đạo, Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác (viết chung), và đặc biệt CHINH LUẬN Trần Trung Đạo vừa được cho ra đời vào cuối năm 2014 (tập hợp hầu hết các bài tiểu luận của anh, sách dầy 598 trang, gồm ba phần: Hiểm họa Trung Cộng, Hiện trạng Việt Nam và Bàn về tẩy nảo).

Tôi viết bài thơ gởi về Đà Nẵng

Có còn chăng thành phố của bao giờ

Thuở học trò tôi viết mộng thành thơ

Thơ tôi đấy, sao buồn hơn nước mắt.

(Thơ Trần Trung Đạo)

Tôi viết về nhiều nơi, những nơi tôi đã đi qua và cả những nơi tôi một lần đặt chân đến. Tôi viết về Sài Gòn và những ngày bão lửa 75, về Hội An và những mùa lá đổ trước sân chùa, về khu kinh tế mới Đồng Xoài và những nơi mùa Xuân không còn trở lại. Nhưng, ngoại trừ những dòng thơ của tuổi học trò nhiều sáo ngữ, mãi đến hôm nay tôi mới viết riêng một bài về Đà Nẵng. Tại sao*? Đơn giản chỉ vì tôi muốn giữ riêng cho tôi trong giấc mơ về một thành phố dấu yêu, về những con đường hoa phượng đỏ và một thuở hoa niên đầy kỷ niệm.*

Đà Nẵng của tôi, một thời được xem như là một Lebannon của Châu Á, thành phố chiến tranh, xô bồ, tang tóc. Nơi đó, tháng 3 năm 1965, những người lính Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đầu tiên đổ bộ lên bến cảng, để làm đầu cầu cho cuộc chiến tranh tốn kém nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Địa danh Đà Nẵng xuất hiện nhiều lần trong quân sử Mỹ, nhiều hơn cả những mặt trận lừng danh trong thế chiến thứ hai như Bulge, Ardennes, Midway v.v. Đà Nẵng với những doanh trại, bãi biển được gọi bằng tiếng Mỹ: China Beach, Tien Sha Camp, Monkey Mountain…

Đà Nẵng của tôi, nơi những buổi chiều của tuổi mười ba, tôi vẫn thường đứng nhìn những đoàn xe mang nhãn hiệu Sealand, RMK, GMC nối đuôi nhau mỗi ngày trên chiếc cầu màu đen mang tên của một viên “tướng Thực Dân”.

Những chiếc chiến xa nặng nề, những khẩu đại pháo nòng dài được cất lên từ chiếc tàu lớn neo ngoài cửa biển Sơn Chà. Tiếng gầm thét của những đoàn phi cơ chiến đấu đang đáp xuống phi trường quân sự ngoài ngã ba Duy Tân. Tiếng nhạc, tiếng cười, tiếng chọc ghẹo, Okey, Hello, Goodbye của những người lính Mỹ và những cô gái Việt Nam vào tuổi chị tôi, vọng lại từ những hộp đêm dọc theo bờ sông Bạch Đằng. Tất cả đã khơi dậy trong lòng tôi nhiều câu hỏi, nhiều băn khoăn và cả những tủi thẹn đầu đời của một đứa bé Việt Nam, xót xa cho số phận của một cây cổ thụ bốn ngàn năm đang biến thành cây chùm gởi. Tại sao? Tại sao lại là Đà Nẵng? Tại sao là Việt Nam quê hương tôi mà lại không phải một nơi nào khác?

Đà Nẵng của tôi, như định mệnh an bài, cũng là nơi an nghỉ của người lính Mỹ đầu tiên thuộc chiến hạm lừng danh Hoa Kỳ, USS Constitution. Không phải đợi đến 1965, khi các chiến hạm thuộc Đệ Thất hạm đội thả neo tại cửa biển Đà Nẵng để đổ bộ các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đầu tiên, nhưng từ hơn 120 năm trước, Đà Nẵng đã là một nơi hẹn hò đầy định mệnh giữa quân đội Việt Nam thời vua Thiệu Trị và Hộ Tống Hạm Hoa Kỳ đầu tiên của hải quân Mỹ dưới quyền của hạm trưởng John Percival. Theo các tài liệu còn ghi lại, năm 1845, chiến hạm USS Constitution của Hải Quân Hoa Kỳ, trên chuyến hải hành 2 năm vòng quanh thế giới, dừng lại cảng Đà Nẵng để xin cung cấp thực phẩm và nước ngọt. Cũng tại hải cảng lịch sử nầy, Hạm trưởng John Percival xin phép quan trấn thủ thành Đà Nẵng để chôn cất thủy thủ William Cook vừa qua đời, dưới chân Núi Khỉ nằm trong rặng Sơn Chà. Thậm chí ông còn "viện trợ" 2 Mỹ kim để lo phần hương khói. Tiếc thay, chỉ vài ngày sau đó, vì việc triều đình Huế bắt giam Giám Mục Dominique LeFevre, đã làm cho tang lễ thắm đượm tình nhân đạo của con người, biến thành một xung đột quân sự giữa hai quốc gia. Cuộc chạm trán ngắn ngủi năm 1845 rất ít người biết đến. Những viên đại pháo bắn vào lãnh hải Việt Nam, dù chỉ để đe dọa, cũng đã vô tình gây thương tích cho quan hệ đầy oan trái giữa hai quốc gia Việt Mỹ sau này.

Đà Nẵng của tôi có khu Ngã Ba Huế nhộn nhịp, nơi tôi từ Hội An về thăm cô tôi những chiều thứ Sáu trong những chiếc xe khách hiệu Renault già nua màu xanh đậm. Tôi vẫn nhớ căn nhà nhỏ, ánh đèn dầu leo lắt, bàn tay xanh xao của cô khi dúi vào túi tôi những tờ giấy bạc được gói kín trong nhiều lớp vải. Đó là những đồng tiền khó khăn và vô giá mà cô dành dụm cho đứa cháu trai

vào Hội An nương náu trong chùa ăn học. Tôi ra Đà Nẵng tìm cô vào đầu năm 1968. Nhà cô nghèo, con cháu lại quá đông. Nhiều đêm tôi phải ngủ đói trên căn gác của một trại cây ở hẻm 220 Hùng Vương, ngang hông phường Thạc Gián. Vài tuần sau, vì nhà đông đúc, cô đưa tôi đến sống với người anh họ và bà chị dâu vô cùng khó tánh ở Cỗ Mân, Sơn Chà. Chị dâu tôi khó tánh đến nỗi, chỉ sau một thời gian ngắn, tôi không chịu đựng được nữa nên lặng lẽ bỏ đi. Tôi vào chùa Viên Giác. Năm tháng như mây trời, bao độ hợp tan mang theo những giận hờn, thương ghét. Cô tôi đã về bên cõi khác nhưng lòng tôi sao vẫn nhớ vẫn thương. Trên xứ người, nhiều đêm không ngủ được, nhớ lại tiếng ho của người cô bịnh hoạn, tôi vẫn còn nghe nhức nhối như thuở mới về thăm. Chiến tranh và nghèo đói đã cướp đi bao thế hệ Việt Nam vô tội.

Nhưng Đà Nẵng của tôi không chỉ là điêu linh, tang tóc mà còn là thành phố cảng đẹp tuyệt vời. Những bờ biển uốn cong như mái tóc của người con gái Việt Nam đang đứng trông ra Thái Bình Dương bao la bát ngát. Từ eo biển mỹ miều đó những thương thuyền ngoại quốc đã đến thăm thành phố từ mấy trăm năm trước. Đà Nẵng của tôi có hàng phượng đỏ hai bên đường Bạch Đằng, đường Độc Lập với những chiếc ghế đá dọc bờ sông mang

chứng tích của một thời học trò đầy kỷ niệm. Đà Nẵng của tôi có bãi biển Mỹ Khê (chứ không phải China Beach), với bờ cát trắng chạy dài và hàng dương vi vu theo gió, có bãi biển Thanh Bình với những chiếc ghe đánh cá đi về tấp nập và cảnh chợ chiều nhộn nhịp. Những ngày hè oi bức, tôi và đám bạn vẫn thường ôm đàn ra ngồi dựa lưng vào những gốc dương liễu dọc bãi biển. Trong

tiếng sóng từng nhịp vỗ vào bờ, chúng tôi cùng cất cao bài hát Ra Khơi như để cổ võ cho những chiếc thuyền đánh cá đang giương buồm ra biển. Tôi đâu biết vài năm sau, bạn bè tôi cũng lần lượt ra khơi như thế nhưng chẳng còn ai dám đến tiễn đưa.

Đà Nẵng của tôi có những hàng cây sao tình tự dọc đường Thống Nhất, nối từ bờ sông đi ngang qua Trường Nữ, nơi các cô cậu học trò Phan Châu Trinh, Phan Thanh Giản vẫn thường đứng đợi người trong mơ sau mỗi buổi tan trường. Những chiếc áo dài trăng thướt tha. Những mái tóc thề châm vai thơ mộng. Những đôi mắt nai tơ đó đã từng là nguồn cảm hứng của nhiều nhà thơ xứ Quảng đa tình. Xin mời đọc vài câu thơ của nhà thơ Luân Hoán viết về các cô nữ sinh Đà Nẵng:

chiều chiều luồn chợ Vườn Hoa
trôi theo Đồng Khánh bám tà áo bay
mắt hồng liệng cái ngoắt tay
dắt qua Độc Lập dựa cây đèn đường
chập chùng xuân ảnh vải hương
ngó ai lòng cũng yêu thương tức thì
giả vờ châm thuốc nhâm nhi
nuốt thầm vóc đứng, dáng đi quanh mình.
(Đà Nẵng, thơ Luân Hoán)

Các cô nữ sinh của một thời thơ mộng tung tăng như những con bướm vàng trên đường Thống Nhất, Lê Lợi, Hoàng Diệu, Khải Định ngày xưa, đã không về nữa. Các cô đã ra đi, đã bỏ lại sau lưng mình hàng cây sao rợp bóng bên đường, bỏ lại những chiếc ghế vuông, những ly chanh muối, những quán chè. Các cô bây giờ đã lớn, đã trưởng thành. Nhiều cô đã là những bà mẹ tay bồng tay bế, để rồi, 17 năm sau ngồi nhớ lại năm mình 17 tuổi.

Mười bảy năm trời không thấy nhau
Áo xưa giờ chắc đã phai màu
Tôi đi góp lá ngàn phương lại
Đốt lửa cho đời sương khói bay.
(Thơ Trần Trung Đạo)

Và các cậu học trò cũng thế. Những chàng thanh niên với buồng phổi và trái tim chất đầy hùng khí của xứ địa linh nhân kiệt đã ra đi. Thế hệ trẻ Việt Nam trong thời chinh chiến và cả khi đất nước

hòa bình, đã chịu đựng quá nhiều thiệt thòi mất mát. Nỗi bất hạnh lớn nhất của một đời người vẫn là bất hạnh không có tuổi hoa niên. Các cậu học trò ngày ấy ra đi, bỏ lại sau lưng những chiếc xe đạp, những quán cà-phê Thạch Thảo, Thanh Hải, Ngọc Lan, những rạp hát Hùng Vương, Chợ Cồn, bỏ lại cây đàn guitar cũ kỹ và những bản tình ca chưa viết trọn trong sân trường. Để rồi nhiều năm, sau cuộc biển dâu, chinh chiến, gian lao, tù tội trở về. Trở về chỉ để thấy thành phố xưa nay đã đổi chủ và con đường xưa nay cũng đã thay tên. Tuổi thơ không bao giờ trở lại. Suối vẫn chảy, nước vẫn reo nhưng điêu linh tang tóc đã xua bầy nai tơ lạc đàn đi biền biệt, mất dấu đường về bên khe đá cũ.
Sau 1975, những bãi biển Mỹ Khê, Thanh Bình, Tiên Sa, Thanh Khê, Tân Thái, Mân Quang, Chợ Mai, Chợ Chiều, Non Nước, Nam Ô, v.v.., vẫn còn là điểm hẹn nhưng không phải là nơi hẹn hò của những cặp tình nhân, nhưng là nơi những người con Đà Nẵng hẹn nhau để bỏ quê hương mà ra đi! Xin đừng hỏi họ đi đâu, về đâu trong những đêm tối trời lầm lũi đó. Không ai biết chắc. Chỉ một điều họ biết là họ không còn chọn lựa nào khác hơn là phải ra đi. Không một người dân Quảng nào bỏ quê hương ra đi mà không đau xót. Xin đừng dán lên lưng, lên trán họ những nhãn hiệu theo Tây, theo Mỹ. Không. Người dân Quảng là những người yêu nước. Ông cha họ đã từng cười mà bước lên máy chém Thực Dân.

Những cơn bão lụt tàn phá mỗi năm đã không làm họ bỏ làng mạc ra đi. Nạn hạn hán làm ruộng đồng khô cháy mỗi năm không buộc họ phải bỏ mồ mả tổ tiên ra đi. Sụp căn nhà này họ căm cụi xây trên nền đất cũ căn nhà khác. Trôi căn nhà này họ lại xẻ gỗ, lợp tranh xây lên căn nhà khác. Bao thế hệ đã sống và đã chết trên vùng đất cày lên sỏi đá đó. Nhưng chế độ mới, một chế độ nhân danh những mục tiêu tốt đẹp nhất trên đời đã buộc họ phải ra đi. Sự thôi thúc của tự do như tiếng gọi thiêng liêng của người cha già vọng về từ một nơi xa thăm thẳm. Và sẽ không ai biết, bao nhiêu người, trong số hàng ngàn, hàng vạn người bỏ Đà Nẵng ra đi, đã đến được HongKong, Philippine và bao nhiêu người không may mắn đã bị chôn sâu trong lòng biển, chết thảm thương trong bàn tay hải tặc, chết trong đói khát sau những tuần, những tháng lênh đênh ngoài biển cả.

Thưa Mẹ Chúng con là người Việt Nam lưu lạc
Ngày ra đi không hẹn buổi quay về
Chẳng phải là sương mù sao khóc lúc đêm khuya
Chẳng phải gió sao đời là giông bão

Chẳng phải mây sao miệt mài trôi nổi
Chẳng phải là rừng sao héo úa mỗi tàn thu.
Mười tám năm,
Chúng con sống trong âm thầm và chết giữa hoang vu
Biển cả, rừng sâu, non mờ, núi thẳm
Chúng con đi gót chân mòn vạn dặm
Ngơ ngác nhìn nhân loại, tủi thân nhau.

(Thơ Trần Trung Đạo)

Hai mươi tám năm, quá khứ có thể quên dần nhưng hiện tại thì sao? Xin đọc một bản tin của báo Thanh Niên phát hành tại Sài Gòn ngày 18 tháng 7 năm 2003: "2 nữ sinh 10 tuổi, của Trường Trung Học Hòa Phước và 1 nữ sinh Trường Trung Học Phan Thanh Tài thuộc thôn Giáng Nam 1, xã Hoà Phước, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng, bị hụt chân chết đuối trong khi đi cào hến và bắt ốc kiếm tiền mua sách vở chuẩn bị vào năm học mới." Sau 28 năm "độc lập, tự do, hạnh phúc", tuổi thơ xứ Quảng vẫn còn phải bắt ốc hái rau kiếm tiền mua sách vở cho năm học mới, chẳng khác gì chuyện hai đứa bé Nghi Xuân Tấn Lực trong cổ tích Phạm Công Cúc Hoa ngày xửa ngày xưa. Tại sao và tại ai ? Phải chăng nên đổ thừa cho ốc hến?

Đà Nẵng của tôi, sau 1975, không còn thơ mộng nữa. Những câu ca dao đậm đà tình quê hương đất nước: "Ngó lên hòn Kẽm đá Dừng, thương cha nhớ mẹ quá chừng bậu ơi" đã được thay bằng những khẩu hiệu đấu tranh giai cấp chất chứa toàn chuyện oán thù. Những điệu hò khoan đậm đà hương vị Quảng Nam "Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm, rượu hồng đào chưa nhấm đã say" đã được thay bằng những đêm dài học tập, thảo luận, khuyến khích thầy cô, cha mẹ, anh em tố cáo lẫn nhau! Ánh trăng không còn là những dải lụa vàng Duy Xuyên đang trải trên dòng sông Hàn mỗi đêm Rằm, nhưng là những vết dao nghèo đói đang chém xuống một quê hương vốn đã chịu đựng nhiều bất hạnh.

Ngày cuối cùng của tôi ở Đà Nẵng như đoạn kết của một cuốn phim buồn. Tôi và cô bé, lý do cho những bài thơ tình học trò đầy sáo ngữ của tôi, ngồi trên chiếc ghế đá trên đường Bạch Đằng, nhìn sang hướng Sơn Chà.

- Anh sắp phải đi xa.

- Em biết.

- Sao em biết, anh chưa nói với em mà?

- Anh nói với em rồi. "Anh phải vô Sài Gòn học đại học. Học xong anh sẽ về quê, không đi nữa."

- Em còn nhớ anh nói với em câu đó lúc mấy giờ, ngày nào và tại đâu nữa kìa.

- Không phải. Đó là chuyện hồi chưa "giải phóng", bây giờ thì khác.

- Bây chừ anh tính đi đâu?

- Anh vượt biên. Nếu đi lọt, có thể anh sẽ qua Mỹ học.

- Bộ ở Việt Nam không có trường cho anh học sao. Em nghe nói Mỹ xa lắm, chắc là xa hơn Sài Gòn nhiều. Mùa hè làm sao anh về thăm quê được.

- Anh sẽ về nhưng chắc không phải mùa hè.

- Anh lại hứa.

Hai đứa nhìn ra sông. Chiếc phà An Hải vẫn mệt mỏi đưa người qua lại. Giọng hát buồn não nuột của anh thương phế binh cụt hai chân từ ngoài bến vọng vào: "Rừng lá xanh xanh cây phủ đường đi. Thành phố sau lưng ôm mộng ước gì. Tôi là người đi chinh chiến dài lâu. Nên mộng ước đầu nghe như đã chìm sâu". Anh hát để tưởng nhớ bạn bè, nhưng nào có biết, bạn bè anh đang lần lượt bỏ anh ra đi. Hàng phượng dọc bờ sông đã bắt đầu nở rộ nhưng không còn để "Mỗi năm đến hè, lòng man mác buồn", nhưng là mùa chia tay vĩnh viễn, nát tan.

Nước sông Hàn lững lờ trôi mang theo dăm chiếc lá. Hai đứa ngồi im lặng, không biết phải nói gì. Nói gì rồi cũng chia tay. Em đơn giản, hồn nhiên và ngây thơ đến tội nghiệp. Em sẽ chẳng thể nào hiểu được tôi, và tôi cũng chẳng biết giải thích thế nào cho em hiểu. Trái đất của em nhỏ nhoi, bao bọc bởi những rặng tre xanh hiền hòa. Tâm hồn em là giòng sông mùa thu êm đềm, tĩnh lặng. Tâm hồn tôi thì hoàn toàn tương phản, trùng điệp núi đèo, ghềnh thác. Tôi sinh ra trong cuộc đời này để gánh hết khổ đau, để làm tên du mục đi lang thang trên chính quê hương mình. Và ngày mai, tôi lại sẽ bắt đầu hành trình du mục mới. Con nước trôi còn

biết mình đang ra biển. Chiếc lá rơi còn biết cội quay về. Nhưng tôi không biết sẽ về đâu. Khi xa Đà Nẵng, nếu có một điều tôi đã không dám nói với em, đó là một lời xin lỗi mãi mười năm sau tôi mới viết thành thơ:

Tôi vẫn nợ em một lời xin lỗi
Nợ quê hương một chỗ đất chôn nhau
Nợ cha mẹ nỗi nhọc nhằn khuya sớm
Tôi nợ tôi mộng ước thuở ban đầu.
(Thơ Trần Trung Đạo)

Bốn mươi năm rồi tôi chưa về Đà Nẵng. Cô tôi đã qua đời. Bạn bè mỗi người một ngã. Cô bé ngày xưa đã có gia đình. Khuôn mặt thành phố mang nhiều thay đổi. Đà Nẵng thân yêu ơi, có còn nhớ đến tôi không? Căn gác đường Hùng Vương, căn nhà lá phía trong Ngã Ba Huế, cồn cát trắng ở Mân Quang, nơi tôi chôn dấu kho tàng tuổi thơ khốn khổ của mình, biết có còn nhận ra tôi, nếu một mai tôi trở lại. Và đêm nay, tôi ngồi đây và tưởng tượng một ngày trở về Đà Nẵng:

Có còn nhận ra tôi không?
Hỡi thành phố cũ
Những mái ngói xanh rêu
Bức tường vôi loang lỗ
Bài thơ xưa ghi dấu một phần đời
Có còn nhận ra tôi không?
Hỡi mơ ước tuổi hai mươi
Bờ bến cũ, ngậm ngùi thân sỏi đá
Tôi về đây, sông xưa, dòng nước lạ
Ngó mây trời mà khóc tuổi hoa niên
Có còn nhận ra tôi không ?
Hỡi cây đa cũ trong sân
Nơi tôi đứng những chiều thu lá đổ
Đừng hát nữa đa ơi, bài ca buồn vạn cổ
Tấm thân gầy đau nhức nhối trong đêm
Có còn nhận ra tôi không?
Hỡi những giọt cà-phê đen
Ly rượu đắng cho môi đời bớt nhạt

Khói thuốc bay như mây trời phiêu bạt
Trên con đường nay đã đổi thay tên!
Có còn nhận ra tôi không?
Hỡi bè bạn anh em
Ai còn sống và ai đã chết
Ai ở lại lao đao, ai phương trời biền biệt
Giờ chia tay sao chẳng hẹn quay về
Có còn nhận ra tôi không?
Hỡi ghế đá công viên
Những mái lá che tôi thời mưa nắng
Từ nơi đấy trong đêm dài yên lặng
Tôi ngồi nghe sông núi gọi tên mình
Có còn nhận ra tôi không?
Hay tại chính tôi quên.
(Thơ Trần Trung Đạo)

Và biết đâu, nhờ chưa về, mà thành phố dấu yêu ngày nào vẫn còn nguyên vẹn trong trái tim tôi, bởi vì, nếu bây giờ tôi về thăm lại, Đà Nẵng chắc sẽ không còn nữa trong tôi. Hãy ngủ yên Đà Nẵng của tôi ơi!

Trần Trung Đạo

Bên giòng sông Hàn
(NHỚ ĐÀ NẴNG)

Tam Đảo 6/ 82
Vũ Cao Hiến

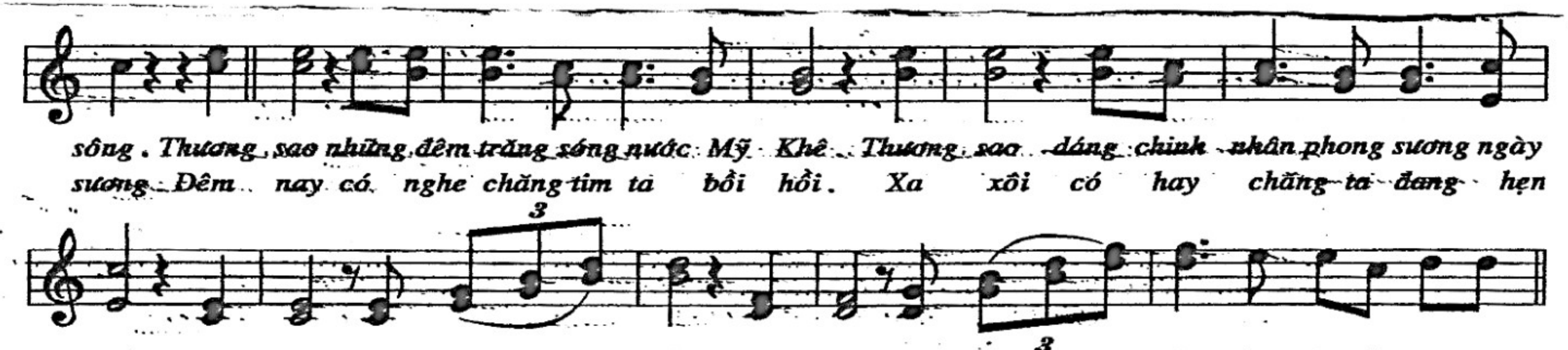
sông . Thương sao những đêm trăng sóng nước Mỹ Khê . Thương sao dáng chinh nhân phong sương ngày
sương Đêm nay có nghe chăng tim ta bồi hồi . Xa xôi có hay chăng ta đang hẹn
về . Một mình đứng chân nơi quán vắng. Tìm lại thời thanh xuân đã mất. Tiếc nuối tuổi hoa niên
lời : Một ngày về vui trong nắng ấm . Tìm lại nhạc khuya trên phố vắng. Mãi mãi vườn xưa xan
xưa theo thời gian chẳng trở lại. Em còn ước vọng cuộc đời , vùng tuyệt vời trống vắng bao
tươi môi hồng ấm lại tình người, phố phường sống dậy nụ cười , rồi mẹ về bếp cũ bao
năm , mà nửa đời vẫn kiếp vong thân, thương phận người kiếp sống long đong.
năm ; rồi muộn phiền cũng sẽ qua mau; quên một thời đi vắng thương đau

BỐN MƯƠI NĂM NHÌN LẠI

Minh Nguyệt, Phu Nhân K 17

Minh Nguyệt và Nam Sinh Tín trong phim Ngọn Cờ Quyết Tử

Thấm thoát năm nay đã là Tết thứ 40 ở hải ngoại. Cũng như mọi năm, muôn hoa vẫn nở rộ đón mừng chúa Xuân Ất Mùi 2015. Sinh hoạt trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại vẫn phải tiếp tục với cuộc sống tạm dung nơi đất khách quê người. Tôi vẫn chưa quên được những thảm họa đã xảy ra vào tháng Tư năm 1975 và những tháng năm sau đó, thời điểm mà bao nhiêu người phải miễn cưỡng rời bỏ quê hương Việt Nam thân yêu, nơi chôn nhau cắt rốn của họ, để lánh cộng sản đi tìm tự do. Hiện nay, vẫn còn bao nhiêu người dân Việt Nam đang sống cực khổ hàng ngày dưới chế độ của cộng sản. Riêng tôi, vẫn như mọi năm, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

t ́t

Tết chi buồn chán lắm thay

Nhớ quê thương nước có ngày nào vui

Xa xôi luống những ngậm ngùi

Người thân kẻ thuộc xứ người còn ai?

Bình minh chim hót cành mai

Muôn hoa đua nở phôi phai tháng ngày

Đâu đây pháo nổ tung bay

Tâm can như xé đắng cay muôn vàn

Ngồi buồn nhìn cảnh xuân sang

Đầu năm nhấp chén lòng mang nỗi sầu

Xuân về nào thiết gì đâu

Chỉ mong toại nguyện hai câu chúc mừng:

Sang năm mọi chuyện êm xong

Cờ Vàng quang phục thành công rạng ngời

Tôi lấy cuốn album từ trong kệ sách, mở ra để xem lại những hình kỷ niệm kể từ ngày đầu tiên sống ở trên đất người. Mỗi một tấm hình đều gợi lại một kỷ niệm khó quên trong đời tôi. À đây là một tấm hình hơi ngộ ngĩnh. Lúc đó, vì chân ướt chân ráo nơi xứ lạ quê người, nên tôi đã trịnh trọng mặc áo dài đi biểu tình cùng với đồng bào Việt Nam ở hải ngoại, biểu tình đòi nhân quyền và tự do tôn giáo. Một số người đi biểu tình mà tôi quen biết nay rất tiếc đã không còn sống trên thế gian này nữa. Nhưng những cố gắng và đóng góp của họ mãi mãi được ghi nhớ trong lòng tôi và mọi người. Họ đã có ý chí cùng nhau biểu dương lực lượng phản đối cộng sản, phát biểu nguyện vọng của họ, họ đã mạnh mẽ bày tỏ quan điểm và lập trường quốc gia. Trong những năm sau đó, cũng đã có rất nhiều cuộc biểu tình, càng ngày càng thêm người tham gia, nên cũng đã

thành công hơn.

Những hình ảnh văn nghệ đóng góp đã chụp lại lúc tôi khóc, lúc tôi cười, hỷ nộ ái ố đề huề. Trong hình trên đây, CSVSQ Nam Sinh Tín khóa 17 và tôi là phu nhân đã điễn vào năm 1978.

Khi tôi đóng vai người vợ lính, tôi đã quá xúc đông với vai trò của mình nên đã khóc sướt mướt bằng chính nước mắt của mình, tôi đã tốn bao nhiêu nước mắt vì phải đóng đi đóng lại nhiều lần. Nhưng mỗi khi màn kịch kết thúc, tôi đã cười rất vui vẻ vì được biết là ban tổ chức đã quyên được rất nhiều tiền để giúp đồng bào vượt biển tạm định cư trong các trại tỵ nạn cộng sản.

Mặc dầu tôi tham gia sinh hoạt trong cộng đồng, nhưng tôi luôn nhớ đến các anh thương phế binh và các anh chị đồng môn trong gia đình Võ Bị còn kẹt lại ở quê nhà.

Xuân đi, xuân đến, xuân về

Anh em họp mặt chẳng nề đường xa

Thân tình gửi bạn món quà

Lá thư thăm hỏi gọi là mến thương

Tuy xa cách vạn dặm trường

Tình chung đồng đội vẫn không phai nhoà

Cầu trời ban phước cho ta

Cờ vàng phất phới quê nhà rợp bay

Truyện ngắn

BỨC TRANH TĨNH VẬT

Trần Mộng Tú

Tên Thật: Trần Mộng Tú
Sinh Quán Hà Đông, Lớn lên ở Hà Nội. Vào Nam 1954. Sang Mỹ 1975. Hiện sinh sống với gia đình ở Seattle,Washington.States

Từ 1975 Cộng tác với hầu hết các báo Văn Học Hải Ngoại.

Đã xuất bản 4 Tập Thơ, 4 Tập Truyên Ngắn. Hiện cộng Tác với các trang mạng: Diễn Đàn Thế Kỷ, Hợp Lưu, Da Màu và VOA, Tuần Báo Trẻ-Texas.

Ngày 13, tháng 6 của năm 1975, Chị và bố mẹ rời trại Pendleton theo người bảo trợ cũng là người bạn trong giới truyền thông Mỹ từ hồi còn ở Việt Nam, đến thành phố Encino, California. Khi chị rời trại ngày thứ sáu 13, mấy người bạn cùng lều bảo chẳng nên ra trại vào ngày này, không tốt đâu. Nhưng người bảo trợ nói, chị có cha mẹ già, không nên ở lâu trong trại, ban đêm lạnh, không tốt cho sức khỏe hai cụ. Cá nhân chị thì chẳng còn tin vào may rủi gì nữa. Cả một cái tháng tư năm nay, ngày nào không là ngày xấu đối với cả triệu người dân miền Nam.

Tạm trú nhà bạn được hai tuần, chị tìm được việc làm ngay, nhờ vợ bạn là người Nhật, giới thiệu chị đến phỏng vấn trong một ngân hàng Nhật.Có lẽ thứ sáu,13 lại là ngày may của chị (đành phải tin vào vận may vậy) nên chị được chọn vào làm *Bank Teller*, là một, trong ba người cùng tới xin việc hôm đó.

Chị rời nhà bảo trợ ở Encino, thuê được căn chúng cư, một phòng ngủ, có sẵn đồ đạc ở cách nơi chị làm có ba ngã tư, ngân hàng Mitsui Banktrong World Trade Center, Los Angeles.
Mỗi ngày, chị đi bộ đến sở làm. Tính từ ngày rời Việt Nam 21 tháng 4, tới Mỹ chưa được hơn hai tháng, không có xe, bằng lái xe cũng chưa có, đi bộ là giải pháp đúng và hay nhất.

Dọn mấy cái bao quần áo của ba người vào nhà, rồi mới bắt đầu đi mua những dụng cụ nhà bếp ở *Garage Sale, Goodwill,* chăn gối ở *K-mart*. Căn chung cư có hai phòng. Một phòng ngủ duy nhất nhường cho ba mẹ, một phòng nữa vừa là phòng khách, phòng ăn liền với bếp. Chiếc *sofa* dài kê sát ở góc tường, ban ngày là nơi tiếp khách (nếu có khách), ban đêm là giường ngủ của chị. Lúc đó còn trẻ, dễ ngủ, lại biết cái thân phận di tản nên tự cho thế là may mắn lắm rồi.

Nơi cư ngụ tạm yên ổn, chỗ làm tốt, công việc một phát ngân viên trong ngân hàng chỉ cần cẩn thận và nghe chỉ dẫn của xếp. Với số lương $520 Mỹ kim một tháng, chị coi như mình đã may mắn hội nhập nhanh hơn một số người thân.

Một buổi tối cuối tuần, chị dọp dẹp nhà cửa, nhìn lên tường thấy trống quá, chị tự nhủ, sáng mai sau khi đi nhà thờ, mình nên đi tìm mua một tấm tranh treo trên tường. Chưa biết là loại tranh nào, nhưng ít ra cũng phải làm cho bức tường ở giữa phòng ấm áp một chút chứ.

Chị đi loanh quanh *Garage Sale, Goodwill*, và mấy cái tiệm tàng tàng rẻ tiền, chẳng tìm ra bức tranh nào ưng ý. Mấy cái tranh in phong cảnh bãi biển, hay thành phố, hoa lá, trông tất cả đều vô hồn làm sao! Chị cứ cầm lên, bỏ xuống, cuối cùng ra về tay không. Chị đi hai ba lần cuối tuần như thế, cũng chẳng tìm mua được bức nào thích mà vừa túi tiền. Túi tiền của chị lúc đó còn hạn chế lắm. Cuối cùng chị quyết định. Tại sao mình không tự vẽ một bức tranh nhỉ? Ở Việt Nam chị có vào trường Mỹ Thuật Gia Định học vẽ một thời gian mà.
Chị đi làm, hỏi đồng nghiệp mua dụng cụ vẽ ở đâu? Và chị chọn vẽ mầu nước thay vì sơn dầu cho rẻ hơn.Vẽ chì than trông buồn

lắm, mà không phải họa sĩ thứ thiệt dễ trông thấy cái vụng. Chị thuộc loại "Họa sĩ vụng". Cuối cùng chị mua giấy và một số mầu nước về. Chị bắt đầu vẽ một bức tranh tĩnh vật:

Chị không ngờ bức tranh tĩnh vật chị bắt đầu năm 1975, chị tiếp tục vẽ đến bây giờ, bức tranh vẫn dở dang. Chắc nó không bao giờ hoàn thành.

Khi chị dựng cái giá vẽ lên, chị phân vân không biết nên bắt đầu vẽ cái gì vào đó. Quả táo, con cá, chai rượu, bình hoa là những thứ họa sĩ hay cho vào tranh tĩnh vật.Với chị, những thứ ấy chẳng nói lên được cái gì thuộc về đời sống của chị.

Chị nghĩ mình nên vẽ vào đây những gì mình đem theo ở quê nhà, nhờ bức tranh giữ cho chị. Kẻo thời gian và đời sống của một người di tản rất dễ làm mất đi những gì thuộc về quá khứ. Làm sao chị biết cuộc đời sẽ thổi chị đi tới đâu nữa, sau khi cơn giông bão hãi hùng đó đã cuốn chị trôi xa ngàn vạn dặm…

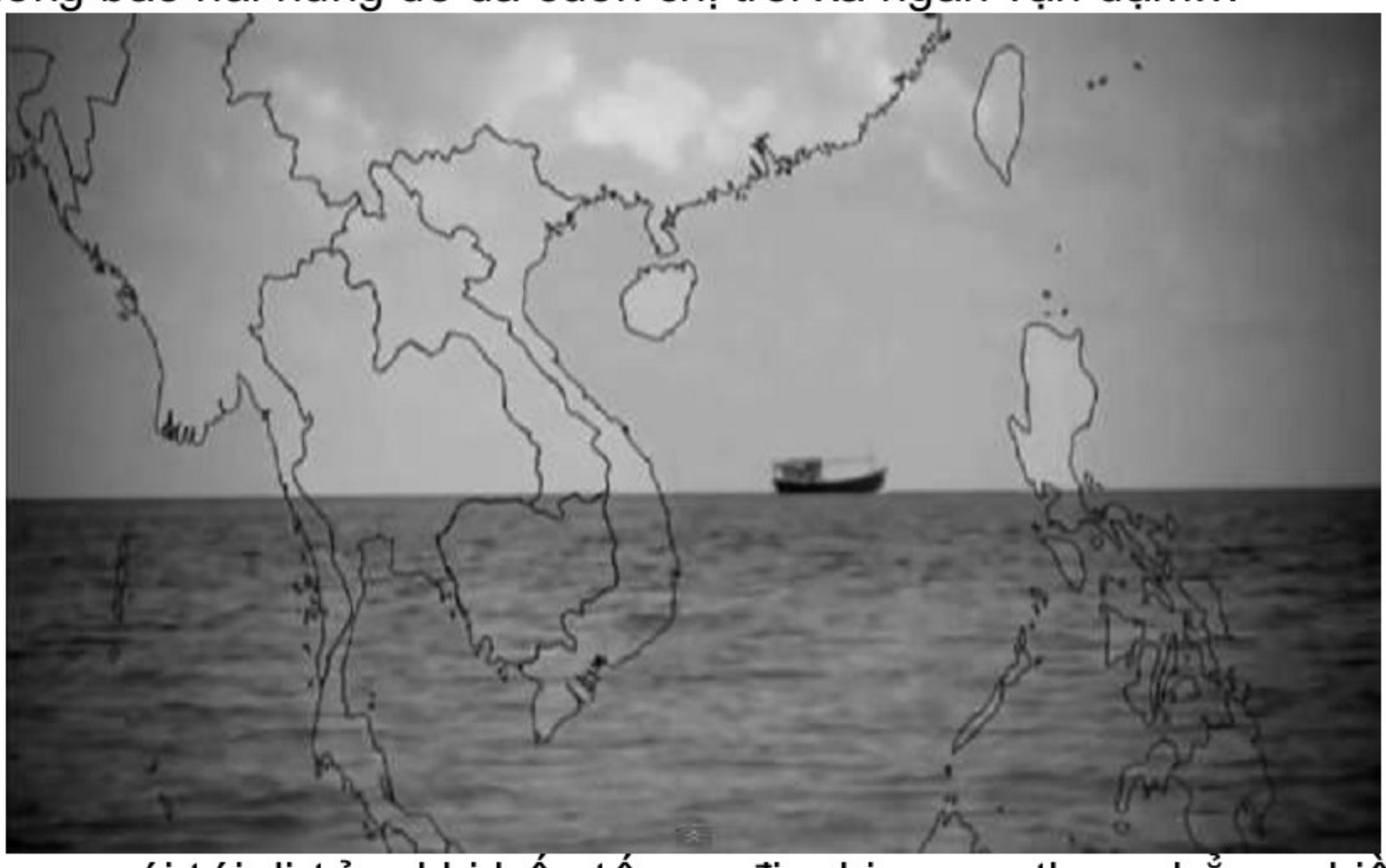

Trong cái túi di tản, khi hấp tấp ra đi, chị mang theo chẳng nhiều gì, nhưng chị cũng phải lựa ra. Cái túi đó có: Một chiếc áo dài nội hóa, một cây son môi, cuốn Kiều, cuốn Chinh Phụ Ngâm, ba bộ quần áo thay đổi hàng ngày và ba trăm Mỹ kim (vẫn để dành, chưa tiêu đến đồng nào) và ít đồng bạc Việt Nam còn sót lại.

Năm 1975 chị vẽ vào trong tranh: Cây son màu *Terra Cotta* (màu hồng đất). Chị nhớ cây son này anh ấy mua cho chị vào một ngày gần Tết, trong *Passage Eden*, lúc đó hai người mới đính hôn. Chị đã mặc chiếc áo dài màu cam nhạt, thoa son màu hồng đất cùng anh đi chúc Tết, đi chơi với bạn hữu của hai gia đình. Chị nhớ lại, mỗi lần nhìn màu son trên môi, chị thấy nó đẹp như mối tình của

hai người: cái màu hồng của cánh hoa pha mầu nâu của đất, thật nhẹ nhàng nhưng sao vẫn nồng nàn quá đỗi.

Chị vẽ thêm cuốn Kiều, cuốn Chinh Phụ Ngâm và vạt áo dài mầu cam nhạt. Bức tranh treo trên tường năm đó, nền trắng với một vệt son môi nằm bên hai cuốn sách màu nâu nhàn nhạt, có vạt áo dài màu cam ngọt ngào vắt ngang.

Thời gian trôi như mộng, chảy một giòng sông đời.(*) Năm này sang tháng khác. Chị làm lại đời mình. Sinh con, nuôi con, chăm nom cha mẹ già, rồi cha mẹ mất đi.

Chị vẽ thêm hai cây thập giá vào bức tranh tĩnh vật.

Đời sống quanh chị với bao nhiêu là tiếng động. Có những tiếng kêu vang vọng đến từ quê nhà xa ngút ngàn. Có tiếng kêu âm ỉ trong lồng ngực chị. Chị không biết vẽ tiếng động như thế nào, chị vẩy vào tranh những giọt mầu đỏ, những giọt màu tím than.

Con cái dọn ra khỏi nhà như chim vỗ cánh ra giàng. Rồi con gái chị thành người mẹ, con trai chị thành người cha. Soi gương thấy mình tóc trắng. Chị vẽ vào bức tranh tĩnh vật một dòng sông màu lục và những sợi tóc màu xám tro.

Bức tranh theo chị từ thành phố này qua thành phố khác, từ ngôi nhà này sang ngôi nhà kia. Mỗi nơi chị thêm vào một chút, lá cờ quốc gia trong tranh của chị cũng đứng im như gió đứng. Mỗi lần nhìn vào, chị như muốn mang hết hơi của mình thổi vào nó, cho nó tung bay. Lá cờ không nhúc nhích, nước mắt chị lại trào ra…

Bức tranh im lặng, nhưng vùng biển quê hương chị thì sóng đang gào, những tiếng gào trong họng biển, chị vụng về không diễn tả nổi. Chị quẹt trong tranh một mảng xanh đen loang lổ, đến bất tận.

Chị muốn vẽ về người dân Việt ở quê nhà, nhưng trí tưởng tượng của chị nghèo nàn quá, chị không biết dùng mảng màu nào để vẽ xuống những thăng trầm, những nghịch lý, những tương phản đang diễn ra nơi đó. Chị vẽ xuống một vòng tròn không màu.
Bức tranh toàn những mảng màu câm.

Tết âm lịch lại về, tháng 4 rồi lại đến.

Bốn mươi năm bức tranh tĩnh vật vẫn chưa hoàn thành. Chị nhìn bức tranh treo trên tường tự hỏi: Khi nào mình sẽ ở trong bức tranh này ? Chị cầm chiếc cọ loay hoay không biết, nếu vẽ, thì mình đặt mình vào đâu? Ở trên cùng bức tranh nhìn xuống, hay ở dưới bức tranh nhìn lên. Mình sẽ đứng trên một ngọn đồi đầy gió ở quê người hay mình sẽ ngồi bên một bãi biển, sóng êm, gió lặng ở quê nhà, hay mình sẽ im lìm như cây thập giá bên cạnh mẹ cha.

Bức tranh tĩnh vật không trả lời chị. Chị nhìn con số 1975 trên góc bức tranh. Chị ngửi thấy thoang thoảng trong không gian mùi hương trên bàn thờ của ngày 30 tết.

Chao ôi, đã bốn mươi năm rồi. Chị đứng lên đi mở tất cả cánh cửa trong nhà cho gió lùa vào.

Ước gì gió thổi tất cả những gì chị vẽ trong tranh bay đi, bay đi.

Ước gì gió đưa chị về lại nơi chốn thân yêu của bốn mươi năm ngày xưa đó, và mọi sự ở nơi đó vẫn đứng lại như trong một bức tranh tĩnh vật, đợi chị về.

Em ước tuổi mình như pháo đỏ
Người quên chưa đốt lúc xuân về (*)

(*) Thơ tmt

Trần Mộng Tú

DẪU LÌA NGÓ Ý…

Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng

(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Hương Thủy

Tốt nghiệp Đại Học Sư phạm Huế, trước 1975 từng cộng tác với báo Tiền Tuyến, Diều Hâu Sóng Thần,…

Nhà thơ ngụ ngôn người Pháp La Fontaine đã nói một câu rất hay về tình bạn: *"Tình yêu thật sự đã hiếm; tình bạn thật sự còn hiếm hơn"*.Tình bạn giữa tôi và Cát Đằng quả là hiếm có.

Cát Đằng, tên một loài hoa leo có màu xanh pha tím, mỏng mảnh. Bạn tôi cũng dịu dàng, mềm mại, quý phái như hoa.

Chúng tôi thân nhau từ thuở nhỏ, lúc còn học trường tiểu học Đoàn Thị Điểm trong Thành Nội. Hai đứa cứ thế lớn dần lên, lần lượt qua bên kia sông Hương học Đồng Khánh rồi Văn Khoa… Nhà Cát Đằng nằm ở một góc nhỏ trên đường Mai Thúc Loan. Căn nhà cổ xưa như cuộc sống quan cách của gia đình. Ba của Cát Đằng làm công chức cao cấp của Ty Ngân khố thành phố Huế. Ông đặt cho con những cái tên thật đẹp của các loài hoa: Cát Đằng, Đỗ Quyên, Hoàng Lan…Mấy chị em sống khép kín như những con ốc trong bốn bức tường rêu.Tôi, tên bình thường : An

Nhiên, gia cảnh cũng "*thường thường bậc trung*", tóc cắt kiểu Demi Garcon, tính tình đôi lúc ương bướng. Vậy mà chúng tôi thương nhau vô cùng. Chỉ có tôi dám bước qua hai cánh cổng sắt luôn khép kín trong tiếng sủa của con Berger để rủ Cát Đằng đi học. Cũng chỉ có tôi chiếm được lòng tin của ba mạ Cát Đằng. Hai bác nghiêm nghị nhưng coi tôi như con. Hình như hai bác xem tôi là một lá chắn bảo vệ cho cô con gái yếu ớt của mình.

Chúng tôi đã có một thời thơ ấu thật đẹp và hồn nhiên. Những chiều mùa hạ dắt nhau vô con đường bên hông Đại Nội gần cà phê mụ Tôn, nhặt bông phượng đỏ về làm bướm. Những sáng mùa đông sương mù lạnh buốt chở nhau qua cầu Phú Xuân, gió hung hăng như muốn quật hai đứa xuống sông. Những đêm cùng học bài thi, em gái Đỗ Quyên đem vào phòng cho hai chị chén chè hạt sen long nhãn mát rượi. Mạ của Cát Đằng thường cười bảo tôi "Phải chi An Nhiên là con trai, bác gả Cát Đằng cho cháu."

Tuổi dậy thì hồn nhiên và mơ mộng. Cát Đằng đẹp, nhiều người tán. Tan học về bao nhiêu cái đuôi theo, mãi cho đến cửa Hiển Nhơn mới chịu lui gót. Tôi như garde corps cho bạn. Những chàng sinh viên mê Cát Đằng, nhờ tôi làm chim xanh kèm theo nhiều món quà hậu hĩnh, trong số có cả con của một ông Trưởng Ty đang theo học trường Y. Nhưng tôi từ chối. Không ai hiểu bạn hơn tôi. Cát Đằng tâm sự *"Sao mình thấy ông nào cũng nhẫn nhụi như Mã Giám Sinh. Ngó phát ớn!"*. Người hùng trong tâm tưởng Cát Đằng phải bụi bụi như tài tử Charles Bronson, đểu đểu với bộ ria giống nụ cười của Clark Gable hoặc ít nhất cũng phải lãng tử như Gregogy Peck trên chiếc Vespa cổ chở nàng công chúa Audrey Hepburn chạy khắp thành Rome trong Vacances Romaines…Tự trong thâm tâm, tôi thấy bạn mình quá lãng mạn. Biết tìm đâu ra người lý tưởng trong môi trường phố thị này?

Ấy thế mà một hôm thật bất ngờ, "*người hùng*" của bạn đã xuất hiện. Đó là một buổi sáng "*đầy sương thu và gió lạnh*" như trong văn Thanh Tịnh, đoàn Sinh Viên Sĩ Quan trường VBQGVN về Huế vào Đại Học Văn Khoa tuyển quân. Phải công nhận sự có mặt của họ như một hiện tượng trong sân trường xưa nay toàn áo dài, chemise, quần tây. Trong trang phục worsted thật đẹp, thật "quí tộc" mặt anh nào cũng sáng láng thông minh. Họ trình bày

thật "ấn tượng" về ngôi trường quân sự ở Đà Lạt ngang ngửa với Saint Cyr của Pháp hay West Point của Mỹ. Đứng bên những chàng trai Văn Khoa "trói gà không chặt", trông các anh cao to và đường đường khí thế. Nhìn qua cạnh mình, tôi thấy Cát Đằng như đang trên mây. Nàng say sưa dán mắt vào anh SVSQ đang giới thiệu chương trình đào tạo. Anh nói giọng Bắc pha chút Huế. Khi chàng ta đi từng bàn phát những tờ ảnh về ngôi trường cho sinh viên nam, Cát Đằng cũng nhoài người qua xin một tờ. Một thoáng ngạc nhiên trong mắt anh nhưng người SVSQ vẫn lịch sự trao tận tay nàng. Mắt hai người gặp nhau. Một cái gì đó thật lạ lần đầu tiên tôi thấy xuất hiện ở cô bạn mình. Má nàng ửng hồng, ánh mắt long lanh, môi mọng ướt mềm…Chuông reo giờ ra chơi, hai người còn trao đổi với nhau suốt cả mười lăm phút bên hành lang Morin.

Ra về, tôi bảo Cát Đằng "Mình thấy hình như có *Coup de Foudre*". Nàng yên lặng, do dự một chút rồi bảo tôi "An Nhiên ơi, bạn có thương mình không?". Tôi ngạc nhiên "Tui không thương bạn thì thương ai?" -"Vậy thì chiều ni bạn xin mạ cho tui qua chơi nhà bạn hí – "Được thôi mà".

Buổi chiều ,tôi ngồi chờ bạn trên chiếc xích đu dưới giàn bông giấy. Nàng xuất hiện trong chiếc áo mousseline màu xanh trứng sáo, quần tây đen. Trông Cát Đằng xinh xắn làm sao. Hèn gì con ông Trưởng Ty mê nàng như điếu đổ. Ngồi nói chuyện với tôi mà mắt nàng nhìn ra cổng như ngóng trông ai…Và bốn giờ chiều. Một bóng người xuất hiện trước cửa. Anh chàng Sinh Viên Võ Bị hồi sáng…Cô nàng thông minh thật, lấy địa chỉ nhà tôi làm nơi gặp gỡ.

Tôi không tin lắm vào duyên tiền định. Xưa nay, ba mạ vẫn hay nói tôi là kẻ cứng lòng. Nhưng với cô bạn thân Cát Đằng thì tôi nghĩ đó là một mối nhân duyên mà tôi là người góp phần dung túng, ủng hộ. Cô bạn tôi không phải là type người " yêu cuồng sống vội". Xưa nay nàng chưa hề cười với ai một nụ. Con nhà gia thế, kín cổng cao tường. Điều gì đã làm cho nàng dám vượt qua khuôn phép gia đình và xứ Huế vốn dễ tiếng tăm?

Chàng sinh viên sĩ quan ấy tên H. đang theo học năm thứ ba trường Võ Bị. Anh gốc Bắc, di cư vào Nam năm 54, chọn Huế

làm quê hương thứ hai. Anh sống cùng mẹ và chị gái bên Bến Ngự. Anh hơn chúng tôi năm tuổi, trước đây từng học MPC rồi mới quyết định tòng quân. Đợt tuyển quân này là một cơ hội cho anh về thăm mẹ và số phận đưa đẩy để hai người gặp nhau.

Anh H. hiền, tính điềm đạm. Tôi chắc bạn tôi không chọn nhầm. Hai người có một tuần để hiểu nhau. Tôi nhiều lần qua nhà Cát Đằng xin cho bạn đi học nhóm, đi thảo luận… để rồi sau đó chở nàng lên đồi Thiên An, chùa Từ Hiếu hẹn hò. Trong khi hai người trò chuyện, tôi lặng lẽ đi dạo dưới những hàng thông hoặc ngồi đọc sách bên hồ Thủy Tiên để rồi sung sướng ngắm nhìn bạn sáng ngời trong hạnh phúc. Tình yêu làm người ta đẹp ra. Anh H. đưa chúng tôi về thăm gia đình. Căn nhà nhỏ nép mình trong một khu vườn sum suê cây trái. Tiếng chim sâu kêu lách chách. Bà mẹ hiền lành mừng rỡ đón bạn của con; người chị gái tên Hương thương em vô hạn, chăm anh từng ly từng tý. Tôi mừng cho Cát Đằng.

Anh H. trở về Đà Lạt tiếp tục chương trình huấn luyện. Nhà tôi trở thành địa chỉ cho hai người trao đổi thư từ. Những bức thư đều đặn hàng tuần. Cát Đằng có một cái hộp bánh CHOCOLATE hình chữ nhật. Đọc xong thư bạn cất vào đó và nhờ tôi giữ hộ. Cuộc tình vẫn nằm trong bí mật với gia đình và bạn bè. Không ai biết ngoài tôi.

Gần cuối năm 1971, sau khi đọc xong lá thư có cái insigne rồng vàng ôm kiếm thiêng, Cát Đằng có vẻ suy tư. Bạn ngồi trầm ngâm trên chiếc xích đu trắng nhìn mông lung. Tôi mở lời : " *Răng đó? Giận nhau hả?*".–"*Không có chi mô*". Lần này, bạn cầm lá thư về, chắc để đêm nghiền ngẫm. Con đường đến giảng đường sáng hôm sau

như dài ra với sự yên lặng của Cát Đằng. Giờ English Grammar bạn dường như không nghe lời thầy John Schaffer giảng. Lúc ra chơi, đứng ở khung cửa sổ nhìn xuống đường Lê Lợi, Cát Đằng đưa bức thư cho tôi : “An Nhiên đọc đi !”.Tôi liếc nhanh qua bức thư với những lời yêu thương nồng thắm nhớ nhung chất ngất, hơi đỏ mặt vì thấy mình xâm phạm chuyện riêng tư của bạn. A, đây rồi. Cái lý do làm bạn tôi trăn trở hai ngày nay. Anh H. muốn bạn tôi có mặt trong đêm ***Lễ trao nhẫn*** truyền thống của SVSQ năm thứ 3 trường Võ Bị. Là răng? Cát Đằng đi Đà Lạt ư? Tôi không thể hình

dung được chuyện này. Không được. Chuyện quá nghiêm trọng với con gái Huế, nhất là với bạn tôi, một người chưa hề bước chân qua đèo Hải Vân.

Ánh mắt của Cát Đằng tha thiết: “An Nhiên giúp mình đi. Năn nỉ mà. Cam đoan không có chi xảy ra. Mình đi ba ngày. Chỉ bạn mới có thể giúp mình…”Điều gì khiến một người con gái dịu dàng như Cát Đằng nẩy ra quyết định liều lĩnh thế? Cái này gọi là sức mạnh của tình yêu đấy ư? Xưa nay tôi vốn dị ứng với thứ tiểu thuyết lãng mạn của Quỳnh Dao và hoàn toàn không tin vào nhan đề một cuốn truyện của Lệ Hằng “ *Chết cho tình yêu*”. Không, không được.

Hai đứa không nói chuyện với nhau suốt ba ngày. Nhưng cái vẻ ủ dột của Cát Đằng làm tôi thương xót. Anh H. cũng gởi cho tôi một bức thư ngắn. Anh bảo chính vì xem Cát Đằng là

người trăm năm nên anh muốn nàng có mặt trong buổi lễ trang trọng và ý nghĩa này. Anh chịu trách nhiệm về chuyến đi. Lòng tôi mềm ra. Tình yêu xét cho cùng cũng có cái lý của nó. Tôi trở thành kẻ đồng lõa trong cuộc hành trình của bạn.

Vậy là tôi sang nhà xin ba mạ Cát Đằng cho hai đứa vào Đà Nẵng ăn cưới bà chị họ. Mạ bạn tỏ ra e ngại như tất cả những bà mẹ người Huế. Nhưng ba bạn thoáng hơn, hình như ông đang vui vì mới trúng một cú affaire. Hơn nữa, chơi với Cát Đằng hơn mười mấy năm, gia đình bạn tin tưởng tôi tuyệt đối.

Ba của bạn đích thân chở chúng tôi ra bến xe. Ông không thể ngờ rằng khi tới Đà Nẵng, việc đầu tiên của chúng tôi là đến ngay Air Việt Nam trên đường Độc Lập. Và chuyến bay DC six đưa Cát Đằng lên thành phố cao nguyên lúc hai giờ chiều để tôi ở lại với cõi lòng như lửa đốt.

Ba ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên ở nhà bà chị. Tôi chắp hai tay cầu nguyện Chúa, Phật và tất cả các đấng siêu nhiên cho chuyến đi thuận buồm xuôi gió. Tôi hơi ân hận vì đã lạc lòng trước những giọt nước mắt của bạn. Có chuyện gì xảy ra với Cát Đằng chắc tôi không sống nổi...

Và chiều thứ hai tôi đã oà khóc tức tưởi khi thấy bạn bước ra từ chiếc Bus của Hàng không Việt Nam.

Nhưng quả thật, chưa bao giờ tôi thấy bạn xinh đẹp như vậy. Mặt Cát Đằng hớn hở như trăng rằm, môi cười rất tươi. Nàng ôm choàng lấy tôi, hôn lên má - "Cám ơn An Nhiên. Chúng mình cám ơn bạn vô cùng". Những giận hờn trong tôi đều tan biến.

Trên chuyến xe ra Huế, Cát Đằng tíu tít kể cho tôi bao nhiêu chuyện. Thành phố hoa, những con dốc mù sương, chuyến xe ngựa vòng quanh bờ hồ Xuân Hương và một tấm ảnh đầy "ấn tượng". Dưới ánh đèn huy hoàng có hàng chữ *Lễ trao nhẫn* với hai cái dấu như hai vương miện, bên một cái nhẫn to được trang trí cách điệu lộng lẫy, bạn tôi âu yếm lồng vào tay anh H. chiếc nhẫn Võ Bị. Họ như đôi tân lang và tân nương trong ngày cưới. Mãi mãi đây là một bí mật chỉ riêng ba người biết...

Thỉnh thoảng chúng tôi qua Bến Ngự thăm nhà anh H. Mẹ anh coi Cát Đằng như con dâu tương lai. Bà kể về tuổi thơ vất vả của anh từ khi di cư vào Nam, về lúc cha anh mất, về người con trai cả tên Hùng phải lưu lạc vào Bình Dương kiếm sống. Có những đoạn xúc động, bà rươm rướm nước mắt. Cát Đằng ngồi kế bên bóp nhẹ tay bà. Một hình ảnh dễ thương làm sao. Bà còn dạy cho bạn tôi cách chế biến những món ăn mà con trai thích như canh cua rau đay, bún chả…

Cuối năm 1972 anh H. ra trường. Anh có mười ngày phép trước khi về trình diện tại Sư đoàn 9 Bộ binh, có biệt danh "Mũi tên thép", Bộ Tư Lệnh Sư đoàn đóng ở Vĩnh Long,Tư lệnh là Chuẩn Tướng Trần Bá Di. Chiến trường miền Trung đang sôi động với chiến dịch tái chiếm Cổ thành Quảng Trị. Đêm đêm tiếng đại bác ì ầm từ phía Bắc vọng về. Thành phố Huế tràn ngập màu áo lính rằn ri. Cát Đằng có vẻ yên tâm với sự chọn lựa này dù hai người có xa nhau về không gian. Mười ngày, tôi phải ra sức bao biện cho bạn để họ có những giây phút hạnh phúc.

Rồi cũng đến lúc chia ly. Chúng tôi tiễn anh vào Nam. Hình ảnh cuối cùng trong mắt tôi là cảnh chàng thiếu úy trẻ cầm chặt tay người yêu nói những lời từ biệt : "*Em cười đi. Cát Đằng cười đi cho anh yên tâm. Anh sẽ về với em và sẽ thưa chuyện với ba mẹ".* Bạn tôi cười mà nước mắt hoen mi.

Như muốn làm Cát Đằng yên tâm, thư anh H. gởi về liên tục. Anh đóng quân ở Cao Lãnh. Anh làm Đại đội trưởng một đại đội thuộc Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 14. Anh nói về một vùng đất trù phú, những người dân miền Nam hồn nhiên, hiền hòa, những đồng rượng bạt ngàn, những cánh đồng cỏ ngáp… Anh ít kể chuyện chiến trường, chắc để người yêu bớt lo.

Nhà ông Trưởng Ty muốn dạm ngỏ Cát Đằng trước khi con trai đi du học. Cô bạn tôi nói với ba mạ "Con chưa muốn lấy chồng" nhưng sau đó cô gặp riêng chàng trai và bảo "Tôi có người yêu rồi. Anh đừng mất công". Tội nghiệp anh chàng cứ đứng ngẩn tò te.

Cứ thế, những lá thư nối hai niềm vui. Cát Đằng mơ màng dự trù với tôi về tương lai. Một ngôi nhà với ngọn lửa ấm và

những đứa con ngoan sẽ ra đời. Ước mơ trong tầm tay với. Tôi chia sẻ hạnh phúc với bạn bằng nụ cười bao dung.

Buổi chiều hai đứa ngồi trước sân hóng gió thì một cánh chim sâu sa xuống trước mặt. Bạn tôi nâng nó lên, âu yếm vuốt ve "Tội nghiệp mày chưa. Chị nuôi em nhé!". Mạ Cát Đằng đi từ nhà sau lên hốt hoảng: "*Chim sa cá nhảy.* Ăn nói bậy bạ". Rồi bà lấy một nắm gạo muối tung ra sân. Bạn tôi le lưỡi "Mạ sao mê tín dị đoan. Thả con chim thấy tội bắt chết!"

***

Huế tháng chín. Mùa thu. Những trái thanh trà da đã rám vàng. Tôi chở Cát Đằng lên Nguyệt Biều chọn những trái thật ngon về cúng Rằm tháng Tám. Bạn không quên lựa một cặp thật đẹp để biếu mẹ anh H. chưng bàn thờ. Hai đứa ngồi thòng chân xuống dòng nước sông Hương trên bến đò Dã Viên. Trời thật đẹp. Nắng vàng như mật. Gió hiu hiu. Cát Đằng thở dài "Phải chi có anh H ". Tôi nguẩy vai "Rồi sẽ có".

Rẽ vào căn nhà dốc Bến Ngự. Cô bạn nhanh nhẹn nhảy chân sáo trên lối đi quen thuộc. Nhà vắng ngắt. Mùi hương trầm thoang thoảng trên bàn thờ. Chị Hương ngồi lặng trên ghế, nước mắt chảy quanh. Bạn tôi hốt hoảng: "Có chuyện chi rứa chị? Mẹ mô rồi?". Chị Hương òa khóc "Mẹ với anh Hùng đi Vĩnh Long. Em ơi, thằng H."….Cát Đằng quỵ xuống đất. Tôi và chị Hương đỡ vội lên. Mặt bạn tái xanh, hơi thở ngắn như không còn sức sống. Tôi rót cho bạn một ly nước lọc rồi hỏi han chi tiết. Chị Hương kể cho tôi nghe trong tiếng sụt sịt. Anh Hùng từ Bình Dương gọi ra báo tin anh H. bị thương nặng trong cuộc hành quân vào mật khu ở quận Mỹ An, vùng Đồng Tháp Mười. Mẹ chị đang trên đường vào, chưa biết chi thêm. Trong bóng chiều chạng vạng, ba chị em ngồi yên lặng. Không ai đủ sức đưa tay bật ngọn đèn điện. Chao ôi! Tuần trước tôi vừa đưa thư cho bạn. Anh đang đóng quân ở Đồng Tháp. Anh kể cho bạn nghe về Gò Công, quê hương của bà Từ Dũ mẹ vua Tự Đức; về cam Cái Bè; về mận Trung Lương…Thượng đế ác nghiệt như vậy sao? Anh vừa tròn 24 tuổi, ra trường mới chín tháng…

Không biết bằng cách nào tôi đã đưa Cát Đằng về đến nhà. Bạn ngồi sau tôi xiêu vẹo như một cái xác không hồn. Tôi nói với bác gái bạn bị trúng gió rồi đưa bạn vào phòng. Chân tay bạn lạnh ngắt. Đêm ấy tôi xin ở lại, thỉnh thoảng lắng nghe tiếng rên rỉ đau đớn của Cát Đằng. Mọi ngôn ngữ trong giây phút này đều bất lực!

Nhưng nỗi bất hạnh không chỉ ngang chừng đó.Trong khi Cát Đằng định thưa thật với ba mạ để xin phép vào Vĩnh Long thì mươi hôm sau, mẹ anh H. nhắn ra anh H. không chỉ bị thương nặng mà còn mất tích. Cầm bằng như anh đã chết. Thôi còn mong chi nữa. Lần này thì bạn tôi quỵ ngã hoàn toàn. Nỗi đau ẩn giấu tận trong tim biến bạn thành một bóng ma câm lặng. Bác gái cứ căn vặn tôi hai đứa có chuyện chi không. Làm sao tôi dám trả lời. Thôi cứ để bác tối tối thắp nhang ngoài cổng ngõ cầu cho con gái yêu đừng mắc "*bệnh đàng dưới*".

Phải sau ba tháng mẹ anh H. mới ra Huế. Bà sút gần bốn kí và hốc hác hẳn đi. Bà ôm lấy Cát Đằng khóc nghẹn "Con ơi! Bác không có duyên làm mẹ con rồi !". Cát Đằng òa lên nức nở. Thôi cứ để bạn khóc cho nhẹ lòng. Tôi thật đau xót khi thấy đêm đêm bạn lôi tấm ảnh hai người trao nhẫn ra ngắm nghía.

Không hiểu sao nhà anh H. không lập bàn thờ. Có lẽ niềm tin của người mẹ cho rằng con mình chưa chết. Vâng, mất tích chưa hẳn là chết. Mắt anh sáng, tai anh to vậy mà. Chắc bác vẫn hy vọng một phép mầu nào đó chăng? Căn nhà đóng kín cửa. Mẹ anh H. vắng nhà luôn. Chị Hương bảo bà vào Bình Dương chơi với cháu nội cho đỡ buồn. Khu vườn rộng thui thủi một mình chị. Mỗi lần ghé thăm, nhìn Cát Đằng, chị lại bệu bạo " Số em sao khổ thế H. ơi !"

Những đợt trao trả tù binh hai bên ở Lộc Ninh, Quảng Trị làm cho Cát Đằng hi vọng. Biết đâu anh sẽ trở về. Anh chỉ bị thương thôi mà. Bạn chăm chú theo dõi trên những tờ báo Tiền Tuyến, Sóng Thần…Nhưng tháng ngày cứ trôi qua mà người xưa vẫn cứ mù tăm. Niềm hi vọng hầu như đã thành tuyệt vọng. Bất chấp hiệp định Paris, chiến sự ngày càng ác liệt. Máy bay cứu thương liên tục hạ xuống bệnh viện Mang Cá trong Thành Nội…

Rồi Huế nháo nhác, tan tác…Rồi đất nước tang thương…

Ba Cát Đằng đi "cải tạo" vì bị xếp vào loại " Ngụy quyền". Bạn tôi bước xuống cuộc đời.

****

Trải một tấm nilon ở góc chân cầu Trường Tiền, Cát Đằng đi bán chợ trời. Cô tiểu thư con nhà quyền quý ấy bây giờ phải bươn chải với gánh nặng áo cơm của cả gia đình. Bạn bán đủ loại từ thượng vàng hạ cám,…từng cái áo nhà binh cho người đi lao động, vài cái lon Guigoz tiện cho người đi thăm nuôi "tù cải tạo", những chiếc áo dài cũ của vợ các sĩ quan một thuở huy hoàng, gói thuốc lá Tam Đảo nặng mùi khét lẹt cho đến cái chén kiểu, ly tách sang trọng một thời vang bóng...Nhìn bạn đếm từng hào tiền Bắc sau buổi chợ , tôi chảy nước mắt. Nhưng một nửa đất nước giờ đây đều như thế, biết làm sao hơn!

Thỉnh thoảng nhờ em gái Hoàng Lan coi hàng, chúng tôi lên Thiên An quét lá thông về làm chất đốt. Củi cũng phải mua bằng tem phiếu mà gia đình chúng tôi làm gì có đặc quyền đặc lợi ấy. Sau khi nhét đầy lá vào hai bao tải, chúng tôi ngồi dựa gốc cây nghỉ mệt. Cát Đằng âu sầu đưa mắt nhìn chung quanh. Tôi biết trong đầu bạn đang nghĩ về những kỷ niệm xưa. Cũng nơi này, ngày ấy có một cặp tình nhân thật đẹp đôi đang nắm tay nhau đi dưới rặng thông. Cảnh đấy người đây nhưng một người đã khuất bóng. Tôi không dám gợi lên điều gì với bạn. Mọi chuyện cứ như là một giấc mơ nhưng mỗi sáng mai thức dậy lại phải đối mặt với sự thật kinh hoàng.

Thành phố tăm tối hẳn đi. Mới 8 giờ tối điện đã cúp. Những chiếc Honda đổi chỗ cho giai cấp cán bộ. Huế xuất hiện xe đạp thồ. Những khuôn mặt đau khổ nhếch nhác. Những câu ca dao hiện đại được thầm thì chuyền miệng. Những bài hát được chế biến bi hài. Người ta nhắc lại câu nói mười bốn chữ bất hủ của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu."*Rồi cứ thế ni mãi răng*???" Mạ tôi ngữa mặt than trời rồi chặt hết những cây mai vàng thay vào mấy luống khoai lang "cứu đói"!

Bốn năm sau, ba Cát Đằng chết trong tù vì sức tàn lực kiệt. Mạ bạn khô nước mắt đi thăm mộ chồng ngoài Thanh Hóa. Một mô đất trơ trọi trong rừng được đánh dấu bằng viên đá xanh lớn. Còn đâu người đàn ông khả kính trụ cột gia đình. Tóc bà bạc trắng. Cái lúm đồng tiền xưa kia nay đã trở thành ngoặc đơn rồi ngoặc kép.

Từ nước ngoài người con trai yêu Cát Đằng ngày đó xuất hiện như một vị cứu tinh. Anh ta gởi về giúp gia đình bạn những xấp vải, những gói thuốc tây, những đồng đô la được khéo léo nhét trong hộp sữa... Tất cả chỉ nhằm một mục đích chinh phục tình yêu của người con gái Huế mà anh ta say đắm. Mạ bạn tha thiết khẩn nài "Con ơi! Thằng đó nó tốt, lại hiền lành, con nhà trí thức. Lấy hắn con cũng sướng mà các em cũng đỡ khổ. Với lý lịch này thì nhà mình không ngóc đầu lên được. Con chỉ có nước lấy anh xe thồ hoặc anh nông dân mà thôi". Bạn tôi gục mặt vào hai bàn tay khóc nghẹn. Phải chăng bạn đang nghĩ đến một Thúy Kiều hiện đại?

Tôi khuyên Cát Đằng "Mọi chuyện đã trở thành quá khứ. Anh H. mất rồi. Đã gần 7 năm. Bạn đâu phải là kẻ phụ tình. Trong hoàn cảnh này đôi khi phải thực tế...". Bạn yên lặng gật đầu.Mọi chuyện được thu xếp nhanh chóng. Bà mẹ chú rể từ nước ngoài trở về. Một vài lễ nghi cần thiết trong buổi giao thời. Và xúc tiến giấy tờ bảo lãnh.

Tôi đưa Cát Đằng lên thăm chị Hương lần cuối. May sao lại gặp mẹ anh H. từ Bình Dương trở về. Bác bảo có thể bác sẽ vào trong đó ở hẳn. Bác ôm vai bạn tôi: "Bác mừng cho con. Biết tin này, ở đâu đó chắc H. vui lắm". Trên bàn thờ vẫn chưa có ảnh của anh. Ghê gớm thay lòng tin của người mẹ. Bạn tôi xin phép được lạy trước bàn thờ ba lạy và nhét vào túi mẹ anh H. chút vốn liếng còm cỏi. Nước mắt người mẹ ứa ra tràn trề. Bà khẽ kêu "H. ơi! ".

Trước khi xuất cảnh, Cát Đằng đến nhà tôi ngủ lại một đêm. Bạn đem theo cái hộp bánh CHOCOLATE chứa những bức thư của hai người, tấm ảnh trao nhẫn được đặt lên trên. Cát Đằng bảo tôi "An Nhiên là một chứng nhân quan trọng trong mối tình lớn của mình. Mình không thể mang theo kỉ vật quý giá này.

Bạn giữ giúp mình cho đến lúc nào còn có thể". Tôi cất vào tủ sách, lòng ngậm ngùi thương bạn.

Thời gian qua, Cát Đằng đã có một gia đình êm ấm. Ông chồng thành đạt, hai con một trai một gái xinh xắn. Cả hai đang định cư ở thành phố Denver, tiểu bang Colorado. Tôi mừng cho bạn. Cuối cùng, một cô gái ngoan hiền như bạn tôi nhất định phải được sung sướng. Qua những cuộc trò chuyện từ nước ngoài, tôi tránh gợi chuyện ngày xưa.

Tôi cũng đã có gia đình. Một ông chồng do bàn tay số mệnh sắp đặt. Một ông chồng yêu vợ thương con nhưng vô tâm. Tôi cũng chẳng bao giờ hé môi về chuyện bạn mình…

Ngày mai, gia đình tôi sẽ vào Nam lập nghiệp. Mở tủ sách, tôi cầm cái hộp bánh cũ. Những bức thư nhuốm màu thời gian nhưng tấm ảnh vẫn còn rất rõ. Ôi! Nụ cười hạnh phúc của cả hai người.

Tôi không thể đem chúng theo. Đốt thì tôi không nỡ. Suy đi tính lại, tôi quyết định đem lên nhà chị Hương, nhờ chị đặt trên bàn thờ anh H. Không còn gì để hy vọng về anh nữa rồi.

Căn nhà vẫn như xưa dù thời gian có làm nó già và cũ kỹ hơn. Tiếng chim sâu vẫn kêu lách chách trên những vòm cây xanh. Tôi dựng chiếc xe vào gốc ngọc lan, lòng bùi ngùi. Kỷ niệm ngày xưa ùa về trong ký ức. Một chiếc xe lăn trên hàng hiên. Tôi trách mình đã lâu không thăm mẹ anh. Cuộc sống bận rộn với cơm áo, gạo tiền làm mình trở thành người có lỗi.

Tôi tự nhiên đẩy cửa vào phòng khách khép hờ. Một người đàn ông nằm trên ghế sofa, tay cầm cuốn sách, chiếc chăn mỏng đắp ngang thân, phía bên dưới là một… khoảng trống. Anh ngước nhìn lên. Có phải tôi đang mơ? Đôi mắt ấy, gương mặt ấy… Đúng là anh H. Anh cất tiếng "An Nhiên đấy ư em?". Tôi bàng hoàng, ngơ ngẩn.

Vâng, anh H . A nh b ị thương nặng nhưng không chết. Trong c uộc hà nh qu ân c ủa Ti ếu đoàn vào mật khu Đồng T háp Mười, đại đội của anh sa vào ổ phục kích. Một mảnh B40 đã bay vào lưng anh, chạm ngay cột sống. Anh được đưa về quân y viện Phan Thanh Giản, Cần Thơ. Bác sỹ cho biết mảnh đạn đã làm đứt dây thần kinh tủy sống dẫn đến khả năng bại liệt suốt đời. Trong cái đau đớn tận cùng của th ể xác, anh v ẫn nghĩ đến Cát Đằng. Không thể gắn số phận bất hạnh của mình đối với người yêu, anh cắn chặt răng bảo mẹ báo tin với Cát Đằng là mình bị mất tích. Và người mẹ đã làm theo lời anh…

Từ Cần Thơ, anh được ch uyển v ề Tổng Y Viện C ộng Hòa. Các bác sỹ và y t á tận tâm chăm sóc anh. Vết thương bên ngoài tạm ổn, anh s ang Trung tâm ph ục hồi ch ức năng. Mẹ già theo s át anh từng bước. Đó là lý do khiến b à b ảo v ới Cát Đằng mình vào Nam sống với người anh cả.

Sau ngày 30 tháng 4, tất cả thương binh nặng nhẹ đều bị tống ra đường. Anh về Bình Dương nương tựa nhà anh Hùng. Vết thương không còn được qu ân y viện chăm sóc, lâu ngày bị hoại tử và hai chân anh bị tháo khớp tới gối. Mẹ già mất, Cát Đằng đã đi xa, anh quyết định về Huế sống phần đời còn lại bên người chị gái thương yêu. Gần mười m ấy năm nay anh sống nh ờ vào s ự cưu mang, đùm bọc c ủa c ác k hóa Võ B ị ở nước ngoài , nh ững chiến h ữu cùng đơn vị và một s ố anh em còn kẹt lại ở quê nhà... Cao quý thay tình nghĩa đồng m ôn c ủa nh ững c hàng t rai c ùng trường Mẹ! Anh cũng tự ôn kiến th ức để dịch thuật, để luyện thi cho c ác h ọc sinh nghèo vào Đại h ọc. C uộc s ống không đến n ỗi thấy mình là người vô dụng.

Cầm x ấp thư và tấm hình, anh H. trầm ngâm bảo tôi: “Anh cám ơn An Nhiên. Cố vật đã tìm về cố chủ. C ứ để cho Cát Đằng nghĩ rằng anh đã chết. Đó chính là tình yêu của anh dành cho cô ấy”. Anh nâng chiếc nhẫn có viên hồng ngọc trên ngón t ay áp út, âu yếm hôn v ào nó. Chiếc nh ẫn năm xưa, Cát Đằng đã lồng vào tay anh trong đêm *Lễ trao nhẫn* tại Phạn Xá trường VBQGVN.

Một cơn gió lạnh thoảng qua. Mùa Đông đã về trên thành phố.

Hương Thủy 12/2014

DÒNG SÔNG VÀ NỖI NHỚ

Võ Văn Lê K25

Bốn mươi năm rồi giờ em ở nơi đâu?
Ta thì vẫn một cuộc đời viễn xứ !
Mang nỗi nhớ, niềm thương dòng sông cũ
Thời gian ơi! Con nước chảy qua cầu !

Sông chở buồn, có chở hết thương đau, của quê mẹ ngậm ngùi thời vong quốc ?! Sông biết căm hờn nên dòng vẩn đục, biết khổ đau nên đứt mạch, cạn nguồn!

Hoàng hạc một lần đi không trở lại
Đâu phải là chim sao em chẳng quay về ?
Sông âm thầm chở nhớ thương về biển Cây đa buồn bến vắng lạnh trăng khuya !

Em biền biệt theo chuyến tàu định mệnh cả hàng cau buội chuối cũng buồn lây!
Ta bỏ súng nơi tuyến đầu cố thủ
lên rừng thiên heo hút chốn lưu đày

Từ độ ấy mùa xuân không về nữa

đời tàn phai theo tháng nắng ngày mưa chỉ

còn thấy vàng thu trên xác lá

cơn gió về se lạnh khối tình xưa!

Hèn với giặc,ác với dân đã rõ

cho lũ Bắc phương tàn phá non sông ! Khóc

lên đi hỡi quê hương yêu dấu!(*) Trang sử lại

hoen máu lệ tiên rồng!

Bốn mươi năm hay ngàn năm vong quốc?!

Màu thời gian đã nhuộm trắng mái đầu !

Ta cúi xuống tấm bia đời lặng lẽ nghe trong

hồn tan nát cuộc bể dâu !

Bóng Cha

Trần Thị Diệu Tâm

Lời tòa soạn:

Nhà văn Trần Thị Diệu Tâm, Phu Nhân của GS Phạm Kế Viêm. (Cũng xin được nói thêm Thầy Phạm Kế Viêm là GS/Văn Hóa Vụ/TVBQGVN).

Bài viết có thể phản ảnh một hoàn cảnh riêng, thế nhưng, đó cũng là hoàn cảnh rất chung của nhiều gia đình Việt Nam trong một giai đoạn nghiệt ngã của lịch sử(!) khởi đi từ lúc những người cộng sản cướp công của toàn dân trong cuộc trường kỳ chống thực dân Pháp. Mặt trận Việt Minh, hay Việt Minh (viết tắt của Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội) là một nhãn hiệu tốt đẹp mà CS dựng lên để chiêu dụ, qui tụ hầu hết các Đảng phái Người Việt chống thực dân Pháp cùng đứng chung, trong đó có Đại Việt, Việt Nam Quốc Dân Đảng,…Cùng lúc đó, một mặt VC chỉ điểm cho mật thám Pháp bắt cầm tù những Người Quốc Gia trong mặt trận, mặt khác tìm cách thủ tiêu những nhà ái quốc khác không cùng mang nhãn hiệu cộng sản với họ…

Sau khi biết rõ dã tâm của HCM và đồng đảng, các đảng phái Quốc Gia rút ra khỏi mặt trận Việt Minh, tuy nhiên CS Việt vẫn lợi dụng hai chữ Việt Minh để tuyên truyền, phục vụ cho ý đồ đen tối của chúng, phục vụ cho « Đệ tam quốc tế cộng sản » do Liên Xô đứng đầu. Thảm kịch khởi đi từ đó, kéo dài cho tới tận hôm nay,…

Xin mời quý độc giả đọc BÓNG CHA để thấu hiểu và sớt chia cùng tác giả về một thảm kịch mà CS tạo nên cho gia đình của chị nói riêng và cho hàng vạn gia đình VN nói chung…

****

Từ lúc bắt đầu biết nói, hình như tôi không biết gọi tiếng *" Cha ơi "* như các đứa trẻ khác . Tôi chỉ thấy và biết mỗi mình mẹ tôi, vì thế tôi từng cho rằng mình được sinh ra đời do chỉ một người là mẹ. Lớn lên, bắt đầu đi học chữ, tôi nghe mẹ nói "*Con cũng có một*

người cha". Điều này làm tôi ngạc nhiên, áy náy vô cùng, nó làm thay đổi thói quen suy nghĩ lâu nay. Tôi luôn hỏi *"Cha là ai hở mẹ ?"* Câu hỏi của một đứa con nít đơn sơ như vậy, nhưng sao mẹ không trả lời được, mẹ nói lấp lửng :*"Cha đi rồi".*

Tôi thấy càng khó hiểu thêm, cha đi rồi có nghĩa là đi mất, là chết. Sau đó mẹ không hề nhắc nhở đến cha nữa. Nhưng bà nội thì hay kể về cha. Bà nói: "*Cha mi là người hay chữ".*

Tôi vụt hỏi: *"Cha ở đâu hở bà ?"* Bà trả lời *"Chắc cha mi còn sống".*

Câu trả lời của bà cũng như của mẹ làm tôi ấm ức, vì cả hai đều không trả lời rõ ràng về người đàn ông có tên gọi là Cha, hoặc là tôi chưa đủ thông minh để hiểu. Có mấy hôm liền, tối nào nằm ngủ đến nửa khuya, mẹ cứ hay thức dậy đi tiểu. Ngủ với mẹ quen hơi ấm, nên khi cảm thấy lạnh tôi biết mẹ không còn nằm bên cạnh nữa, tôi tỉnh ngủ. Căn nhà vẫn tối om, sao mẹ không thắp đèn cho sáng. Tôi nằm im, tai lắng nghe tiếng động từ nhà bếp chen lẫn tiếng người nào đó đang nói chuyện. Tiếng chén bát lạch cạch rồi im lặng. Tôi nghe tiếng cửa bếp đóng lại, mẹ trở về giường ngủ, tôi thấy ấm lại. Những lần như thế tôi cố nhắm mắt thật kín, tỏ cho biết là mình đang ngủ say không biết gì cả.

Nhưng sáng hôm sau tôi dậy sớm xuống bếp ngay, những mo cơm trắng tối hôm qua mẹ gói đã biến mất, cả nồi khoai lang luộc gần như cũng không còn, chỉ chừa hai củ nhỏ dành cho tôi ăn buổi sáng đi học. Vừa sợ vừa tức tối, vì tưởng hôm nay mình được ăn cơm bới mo cau với muối sả thơm nồng cả mũi chiều qua. Lâu nay bà chỉ nấu cơm độn với sắn khô ăn nghẹn cả cổ, chỉ mong được nhai miếng cơm mềm dẻo, không sắn không khoai không bắp lổn nhổn trong miệng. Thế mà tối hôm qua mẹ cả gan đem cho người ta hết các mo cơm trắng, hết cả lon muối sả. Tôi nghẹt thở, nước mắt chực trào ra. Nhưng tôi nào dám mở miệng hỏi ai!

Người đến trong đêm tối là bóng đen bí ẩn, huyền hoặc kỳ bí không thể nào giải thích trong tuổi thơ tôi. Có lần mẹ cho tôi mấy cuốn vở tập viết có in hình ba cô gái Trung Nam Bắc ở ngoài bìa, lại căn dặn đừng đem đến trường. Vì lời dặn dò đó mà tôi đâm ra tò mò hơn, một hôm tôi đưa cao mấy trang giấy vở ra nắng, thấy liền hình tròn trắng mờ in hai chữ VM. Tôi vừa sợ vừa thích thú vì phát giác điều bí ẩn đó. Tôi biết VM là Việt Minh, là những người bí mật. Tôi thấy mình gần gũi với mẹ trong bí mật đó. Những hôm trời mưa lạnh, mẹ cho tôi ở nhà tập viết. Thay vì tập viết chữ, tôi thích vẽ hơn. Bức hình đầu tiên vẽ, mẹ khen đẹp đó là hình một đứa bé là tôi đang cầm sợi giây diều, người đàn bà đứng cạnh là mẹ, người đứng xa là bà nội. Mẹ, tôi tô màu xanh, bà, tôi tô màu lá chuối khô. Mẹ bỗng dưng nói :"*Còn thiếu một người, nếu con vẽ được thì mẹ cho tiền mua bong bóng thổi".*

Suy nghĩ mãi tôi mới tưởng tượng ra thêm một người. Người ấy ở trong ký ức của bà tôi, đó là người hay chữ. Tôi vẽ một người có tay cầm cán bút to, cái đầu không có tóc. Mẹ hỏi "*con vẽ ai đó ?"*

Tôi trả lời *"đó là con của bà nội ".* Mẹ cười lại hỏi "*sao con không vẽ mắt mũi miệng của người đó ?"*

Tôi trả lời: *"Con chưa hề thấy mặt người đó"*. Mẹ làm thinh có vẻ buồn, nhưng cũng cho vài đồng bạc. Có tiền, tôi dành mua bong bóng cao su đủ màu. Ôi những chiếc bóng thổi căng phồng niềm mơ ước tuổi thơ, và đôi khi vỡ toang như tiếng đạn trên mái nhà

về đêm. Cuộc sống của ba người đàn bà trong một mái nhà ủ dột không êm đềm như vậy mãi. Biến cố xảy tới.

Một buổi sáng mẹ đi chợ về sớm nói với bà nội *"họ bắt bãi chợ"* . Mẹ lo cơm nước sớm hơn thường lệ, mẹ đong rất nhiều gạo biểu tôi đem đi vo, thay vì vo gạo ở bếp, tôi đem ra bến sông nước trong vắt ngồi nhởn nhơ, sàng qua sàng lại làm gạo trôi đi khá nhiều. Mẹ nhìn rá gạo chỉ nói, *"ngày mai phải ăn cháo thôi"* . Bà nội ra vườn khều lượm mấy tàu cau khô đem vào ngâm nước. Mọi người không ai nghĩ rằng tôi chú ý những chuyện vặt vãnh như thế. Tối đó cả nhà đi ngủ sớm cho khỏi thắp đèn tốn dầu.

Chừng khoảng nửa đêm, tôi cảm thấy lạnh đưa tay qua ôm mẹ, nhưng giường trống. Ngồi bật dậy, tôi thấy phía nhà bếp lờ mờ ánh đèn. Lần này tôi quyết phải tìm cho ra ai là người đến lấy cơm nhà tôi một cách dễ dàng như thế. Vén mùng lên, tôi mò mẫm, cánh cửa nhà bếp đóng kín, khe cửa lọt ra chút ánh sáng vàng vọt u ám. Tôi áp tai vào cửa bếp đầy bụi bồ hóng.

Tiếng người lạ: *"ngày mai bọn anh phải di chuyển vào trong xa lắm, không chắc có về thăm được không".*

Tiếng mẹ :*"Em chỉ nấu được ít cơm chừng này, hôm qua con bé vo gạo làm đổ mất ít nhiều, anh đem theo khoai khô và đường".*

Người đàn ông :*"Con bé ra sao, anh muốn gặp nó".*

- Thôi. Đừng cho nó biết gì về anh thì hơn, miệng nó thèo lẻo lắm, dạo này mật thám khám xét hoài.

- Em có mua được thuốc ký ninh giùm cho họ không ?

- Dạ có, nhưng không nhiều như họ dặn, em mua thêm đá lửa.

Tôi chú ý tiếng người đàn ông lạ :"k*hông biết khi nào mới về lại "*.
Rồi tiếng mẹ tấm tức sụt sùi, tiếng người đàn ông hỏi tiếp:

- *Mệ có biết tối nay anh về đây không ?*

– *Có.* Và rồi Mẹ hỏi khi nào thì hết giặc! Không nghe tiếng trả lời.

Im lặng trong đêm, ánh đèn thu nhỏ lại…

- Thôi đừng anh.

- Anh thương em quá, một mình lo liệu nuôi mệ nuôi con, biết bao giờ đền ơn em.

- Nói chi ơn nghĩa, mong anh về sớm.

– Em…., cho anh xin, một lần thôi, mai anh đi xa rồi.

- Em sợ.

- Sợ chi, anh tìm mọi cách xin về nhà tối nay, vì muốn được ngủ với em lần cuối.

Có tiếng thở mạnh, có người ngã xuống nền đất…Tiếng mẹ khóc thút thít chen lẫn tiếng thì thầm sảng khoái của người đàn ông. Rồi gà gáy sang canh làm tôi co rúm người lại, mò mẫm chui vô giường ngủ, nhắm mắt thật kín, tim đập mạnh. Sau đó mẹ trở vô mùng nhẹ nhàng nằm xuống, tôi hé mắt nhìn thấy tóc mẹ xổ tung, chiếc áo cánh chưa kịp gài lại để hở cả khoảng ngực trần. Có phải hình ảnh này do ánh sáng bên ngoài dọi vào từ ô cửa kính trên mái ngói, hay tôi vẽ vời trong trí tưởng của ngày hôm nay. Điều này tôi không rõ, nhưng mọi tiếng động mọi âm thanh giữa hai người ấy như còn vang dội trong tôi suốt thời mới lớn. Âm vọng của thể xác con người đàn ông và đàn bà, cũng như sự tận tụy của mẹ đối với đòi hỏi của một người đàn ông từ miếng cơm dành dụm cho đến thân xác mình. Mãi mãi âm ỷ như đống tro luôn bốc khói.

Trong những tháng mưa tầm tã, mẹ tôi có vẻ mệt nhọc hơn trước, mẹ chuyển sang nghề chằm nón lá không phải đi sớm về trưa hàng chợ. Buổi chiều ấy tan học chạy nhanh về, đi thẳng vào bếp

tìm xem có chi ăn, bà tôi thường để dành một củ khoai hay một cái bánh bột sắn đường đen. Bất chợt, tôi nghe tiếng bà hỏi mẹ:

- Vậy con hết "thấy tháng" từ lúc nào ?

- Gần ba tháng nay.

- Từ ngày nó về lần cuối phải không ?

-Dạ.

- Sao mi dại dột chìu nó vậy ? Mẹ tôi trả lời trong nước mắt:

- Dạ, anh ấy là chồng con mà.

Từ đó mẹ ít khi ra khỏi nhà, sống lầm lũi như một chiếc bóng, mà không phải bóng của mình, nhưng với chiếc bóng của người đi xa đi mất. Mẹ sống với nỗi ngậm ngùi chua xót trong lòng. Và bụng mẹ mỗi ngày mỗi lớn, lớn như chiếc nón mẹ chằm trên tay mỗi ngày. Bà tôi thay mẹ đi chợ, lưng bà còng nay còng thêm, làn da khô nay sạm khô hơn. Mẹ không còn muốn ngồi gần để nhìn tôi vẽ hay ê a đánh vần. Hình như mẹ không muốn nghe hay hiểu chuyện gì khác. Tuy thế tôi cũng được mẹ chằm cho chiếc nón lá nhỏ mười bốn vành xinh xắn đội đi học. Một tối trời mưa tầm tã, mà quê tôi có bao giờ tạnh mưa đâu. Mẹ nhìn tôi hỏi "*Con có thương mẹ không?".* Tôi gật đầu, tựa vào mẹ, bụng mẹ căng cứng. Mẹ nói mẹ đi vắng vài ngày, ở nhà ngoan giúp bà nấu cơm, nhớ đừng ra sau bến rửa mặt nữa, ma rà lúc này nhiều lắm. Nói xong mẹ dúi cho mấy đồng mua kẹo.

Bà nói:

- Để tao đi với. Mẹ lắc đầu:

- Xa lắm, Mệ ở nhà với nó.

Bà tôi cho biết mẹ đi sanh em bé, tôi chờ đợi để ôm em vào lòng, để ru em à ơi. Những ngày chờ đợi ôm em làm lòng tôi nôn nã, tôi thổi một hơi nhiều chiếc bong bóng cho em chơi. Nhưng sau đó mẹ trở về một mình với thân hình gầy ốm, mặt mũi xanh xao. Bà hỏi:

- *Nó đâu rồi?".* Mẹ trả lời mệt nhọc:

- *Con trai, nhưng con đã gửi bà sơ nuôi rồi.* Bà sững sờ

- *Sao mi ác vậy, đem cháu tao về đây tao nuôi, nhưng mi có nhớ đặt tên cho nó không?"*

- *Dạ có, tên Phúc, đem về lấy ai chằm nón bán?*

Bà tôi tức giận, đâm ra ngờ vực:

- *Có phải đúng là cháu tao không?*

- *Mệ còn nói vậy, thì người ta chửi con thúi đầu nếu con đem nó về !*

Bà nội ngồi ủ rũ trên tấm giường tre, lấy lai quần chùi nước mắt, mẹ trông như cây củi mục. Tôi nhìn mấy chiếc bong bóng yểu xìu. Ngày hôm sau mẹ đi lãnh lá về chằm nón, tay mẹ run run cầm cây kim đâm qua đâm lại cơ hồ như đâm vào chính thân phận mình. Thời gian sau có người báo cho mẹ biết đến đón con về, em Phúc chết rồi, mẹ tất tả ôm xác em về chôn, cuốn em trong chiếc áo len độc nhất của mẹ. Suốt ngày hôm đó tôi chỉ biết thổi bong bóng xanh đỏ, cái nào cũng vỡ toang, nhờ vậy tôi không khóc thành tiếng như bà.

Sau khi đậu bằng tiểu học, tôi được vào lớp đệ thất trường công, đó là niềm hãnh diện vô cùng của mẹ. Đi đâu mẹ cũng khoe. Dạo này yên ổn hơn, mẹ xoay sang đi buôn hàng chuyến có tiền, mẹ đem tôi đi phi-dê tóc cho đẹp và chụp hình căn cước. Nhờ cái đầu phi-dê này mà tôi có nhiều bạn hơn, chúng thích đến gần tôi lân la trò chuyện và đưa tay sờ vào đầu tóc. Có đưa ghen tỵ nói tóc gì mà như ổ bìm bịp, hay tóc ổ quạ.

Vào lớp đệ thất, mọi chuyện thật khác lạ và nhiều rắc rối. Thầy giáo phát sổ học bạ mới cho học trò điền tên cha mẹ, và dán hình vào. Tôi thay ngòi bút lá tre mới, nắn nót viết tên mình sau hàng chữ Tên Học Trò. Tiếp theo phải điền tên họ người cha, tên họ người mẹ, nghề nghiệp ... Ổ cái mục nghề nghiệp người cha, tôi thật lo lắng băn khoăn. Tôi nào biết cha tôi ở đâu, làm gì bây giờ. Đem sổ về nhà hỏi mẹ, mẹ ngẫm nghĩ mãi, nói "*Cha con cũng là*

người có học". Nhưng học bạ đâu có hỏi để trả lời như vậy. Bà nội thì luôn nhớ cha mi hay chữ. Không ai có thể trả lời rõ ràng để tôi điền vào nghề nghiệp của người gọi là cha tôi. Tôi hỏi : *"vậy con ghi nghề nghiệp của mẹ là chi ?",* mẹ trả lời rắn rỏi *-" Con ghi nghề nghiệp của mẹ là buôn bán, mẹ buôn bán đủ tiền nuôi con, đâu cần nghề nghiệp của cha!"*

Tên cha thì có, nhưng ở đâu? làm nghề gì?, đành bỏ trống. Khi thầy giáo xem sổ không bằng lòng, thầy nói mấy trò không nên e ngại về nghề của cha mình, có nghề chân lấm tay bùn như làm ruộng cực khổ để cho cơm gạo chúng ta ăn hằng ngày thật là cao quý, các trò có thể ghi là nông dân nói chung. Rồi thầy hỏi :

- S*ao trò X. không ghi địa chỉ của mình vô?* X. đứng dậy trả lời

- *Dạ thưa thầy con không có nhà !* Thầy ngạc nhiên :

- *Ủa, vậy trò ở đâu?*

- Dạ t*hưa gia đình con ở đò "*

- *Vậy thì trò ghi là vạn đò, sô ghe thuyền.*

Lần đầu tiên tôi mới biết có trò không ở trên đất như mình mà ở trên sông nước, điều này làm tôi thích thú vô cùng, X cũng ở một cảnh ngộ khác biệt. Trên sông thì tha hồ bơi lội, muốn đến bến bờ nào cũng được. Sau này tôi chơi thân với X, một phần vì nó học giỏi. Đến lượt xét sổ của tôi, thầy hỏi :

- *Sao trò này không ghi nghề nghiệp của cha ?* Tôi đáp:

- T*hưa thầy, con quên ".* Thầy la tôi thật vô ý. Và rồi tôi nói liều :

- *Dạ, mẹ con nói ghi nghề nghiệp của mẹ con là đủ rồi, không cần phải có cha đi làm*.

Cả lớp cười ồ, thầy cũng giận "*Trò này thật cứng đầu cứng cổ!".* Nói xong thầy phát sổ bắt tôi điền vào ngay để chuyển qua văn phòng cho kịp làm sổ sách.

Tôi ngồi cắn chiếc cán bút tre đến nát ra, nếu cắn vào tay có lẽ đã chảy xuống dòng máu đỏ. Người đàn ông ấy ở đâu làm nghề gì

sao không hiện ra đây trả lời dùm cho đứa con này? Còn sống hay đã chết? Nhiều câu hỏi xáo trộn trong đầu óc non nớt trẻ thơ của tôi. Thực sự tôi không còn muốn bị thầy la rầy, không muốn cả lớp cười ồ chế nhạo nữa, sau hàng chữ "Nghề nghiệp của cha "... tôi nắn nót viết một chữ **chết** đậm nét và rõ ràng. Tôi thực sự khai tử cha tôi chính thức trên giấy tờ. Chết, không còn ai thắc mắc hỏi han tra khảo nữa. Không có nghề nghiệp để trích dẫn. Ghi chữ chết xong, tôi thấy nhẹ người yên ổn, nhưng sau này tôi lo lắng lỡ ông trở về như cha của thằng bạn nhà hàng xóm, cái tội tự ý khai tử này chắc chắn không được mẹ hay bà nội tha thứ. Tôi lại bênh vực mình, nếu ông là cha tôi, sao ông không trở về lo lắng cho tôi, dạy dỗ nuôi nấng tôi, ông là kẻ vô hình vô bóng thì sống hay chết cũng đều như nhau.

Lâu lắm, không ai nhận được tin cha, một người đàn ông ghé thăm nhà trong đêm tối. Không biết ông còn sống hay đã chết trên rừng thiêng nước độc nào đó. Chẳng một ai thắc mắc nữa.

Nhưng riêng bà tôi, cho rằng con mình vẫn còn sống, nên cứ mỗi buổi chiều, bà hay ngồi ở hiên nhà nhìn ra đường cái. Hình ảnh một người mẹ già nua tuổi tác chờ con từ chiến khu trở về ám ảnh tôi khôn nguôi. Tình thương con luôn đem hy vọng tốt lành cho người mẹ. Bà nói "*dạo này nghe có nhiều người trở về nhà làm ăn tử tế ".* Riêng mẹ tôi nghĩ khác, cho rằng chồng mình không còn sống nữa, nếu còn thì lo về với vợ con chứ, biệt tăm đã hơn mười năm. Đó là lý do để mẹ lấy chồng khác sau này. Bà tôi bị bệnh mất trong một ngày mưa tầm tã, khi mê man trên giường, bà luôn miệng gọi tên cha tôi, tôi quỳ bên cạnh, cuối cùng tôi nghe bà kêu "*con ơi!"* rồi tắt thở.

Tôi lớn lên trong gia đình bên ngoại có rất nhiều đàn bà, không biết tại sao đàn ông đi đâu mất biệt cả, kẻ đi lính, người biệt tăm, kẻ chết trận, người chết tù…Tôi không có một khái niệm suy nghĩ nào về một người đàn ông trong thực tế, cho đến khi lấy chồng. Sự hợp hôn công khai hóa sự hợp hoan giữa đàn ông và đàn bà, giữa vợ và chồng. Trong đêm tối năm xưa, sự sảng khoái của cha đem lại lòng mang nặng đẻ đau của mẹ. Rồi cha bỏ đi, quên bẵng những gì mình để lại cho gia đình vợ con! Tôi lờ mờ nhận ra rằng trách nhiệm của người vợ người mẹ thật là nặng nề, không có quyền chi cho mình…

Rồi…vào mùa xuân năm đó, trong khói bụi mịt mù tang thương của mọi gia đình ở miền Nam, tôi bỗng nhận được bức thư do một người quen đưa tới tận nhà. Thư của cha tôi!

Bức thư viết với nét bút đẹp đều đặn, lời văn lưu loát trình bày dài dòng điều mà ông gọi là *"hy sinh tình gia đình cho cách mạng để có ngày giải phóng đất nước hôm nay"*. Bức thư viết bởi "một người hay chữ". Lòng dạ tôi câm lặng như đá tảng, làm sao thấu hiểu được những ngôn từ cao cả, hay đẹp của ông, trong khi chồng tôi đang ở tù cải tạo chưa biết khi nào được tha, trong khi các con tôi bữa đói bữa no, ăn cơm độn với hột bo bo. Ông trở về với tình huống thật là cay đắng khắc nghiệt, tôi không hề mong đợi chút nào. Nhờ họ hàng tôi gặp mặt ông.

Nhưng làm sao tôi có thể xem ông là cha một cách bỗng dưng, một cách ngẫu nhiên như vậy chứ? Tiếng **Cha** bao gồm niềm yêu thương gần gũi quý trọng của đứa con, tiếng cha phải được thốt lên tự đáy lòng đứa con. Tình cảm yêu thương quý trọng ấy tôi chưa hề biết, chưa hề cảm nhận, làm sao tôi có thể xem ông là cha của mình. Lòng tôi trĩu nặng, vừa hận vừa ghét vừa tội nghiệp, tình cảm lộn xộn chen lấn, tôi không biết mình phải ứng xử với ông như thế nào cho phải. Tội nghiệp vì thấy ông bị cái lý tưởng gì đó nó lừa gạt. Cuối cùng tôi thương ông vì lòng tội nghiệp đó. Nhưng ngày xưa bỏ đi để thực hiện điều tốt đẹp theo suy nghĩ của ông, ông có chút gì tội nghiệp cho bà mẹ già, tội nghiệp cho người vợ trẻ, tội nghiệp cho đứa con thơ dại? Chắc chắn là không !

Trần Thị Diệu Tâm, Paris, tiết Lập Đông

Một Sớm Ta Về

Viết thay Bố V.Q. K.6

Để trả lời bài : Ra Đi Xin Hẹn Ngày Về" của nữ sĩ Trùng Quang.

Một sớm ta về mừng quê hương ngời sáng
Theo đoàn quân chiếm lại Cửa Ô xưa…
Triệu cánh tay giương cao vút ngọn cờ
Trong tiếng gọi của hồn thiêng sông núi
Đã rời xa những ngày dài tăm tối
Hơn ba mươi năm rồi đêm thao thức Việt Nam
Xương máu chất chồng như nỗi nghiệt oan
Của một non sông bị người bức tử

Một sớm ta về theo đoàn người viễn xứ
Bình minh đón chào trên giòng lệ lưu vong
Tuổi thơ đâu đây… phù sa đỏ sông Hồng
Mùi hương cốm ngạt ngào – Xuân Hà-Nội!
Câu ca dao bên những nhành lúa mới
Mưa bụi giăng đầy trên đóa nhỏ tường vi
Áo ai bay, tiếng guốc khẽ đường đi
Vẫn mãi theo ta… qua bao biển đời trôiMột sớm ta về
ôm miền Nam mong đợi
Em Saigon hương phấn nhạt nhòa son
Nhưng ta vẫn yêu hoài con phố cũ cô đơn
Cùng cất tiếng reo ca niềm vui đất nước!

M.H. HOÀI-LINH-PHƯƠNG

Thanh Thảo

"Mẹ" là một đề tài vô tận nhưng trùng lặp, bởi lẽ ai cũng có một người mẹ và người mẹ nào cũng vĩ đại cao cả, cũng đáng kính, đáng yêu. Biết vậy, nhưng tôi vẫn muốn chia sẻ với mọi người về Mẹ của tôi, về một người phụ nữ Việt Nam mộc mạc bình dị, nhưng dưới ánh mắt tôi, mẹ rất kiên cường và đầy nghị lực, người mà tôi luôn kính phục và ngưỡng mộ suốt cuộc đời. Tôi ôm ấp ý định này đã từ lâu lắm nhưng ngần ngại không dám thực hiện. Tôi biết mình không có đủ khả năng chữ nghĩa để lột tả được hết vẻ đẹp của Mẹ, sợ lời văn vụng về tẻ nhạt làm giảm đi hình tượng cao quý của Mẹ. Nhưng nếu không kể ra, tôi sẽ ân hận và ray rức lắm, sẽ không bao giờ tha thứ cho mình nếu một ngày nào đó quá muộn...

Tôi gọi Mẹ tôi bằng Má theo lối gọi của người miền Trung. Má tôi mồ côi cả cha lẫn mẹ từ độ tuổi chưa cắp sách đến trường. Má sống với Dì và Bà Ngoại ở một miền quê, ngoại ô thành phố. Tuổi thơ của Má êm đềm trôi qua, không sung sướng như những đứa trẻ có cha có mẹ, nhưng cũng không vì thế mà phải vất vả thiếu thốn chân lấm tay bùn. Ba tôi ngày đó là một anh sinh viên nghèo với nhiều hoài bão. Tuổi thơ của Ba là những chuỗi ngày cơ hàn

khổ cực ở một vùng quê hẻo lánh ngoài Trung. Học hết trường hết lớp, Ba bỏ xứ vào Nam với hai bàn tay trắng, tiếp tục theo đuổi con đường học vấn. Ba ở trọ nhà một người bạn, sáng đi học, chiều đi làm, tối dạy kèm kiếm thêm tiền độ nhựt. Trên người Ba vỏn vẹn chỉ có hai bộ đồ, một dành để đi làm và một bộ khác đi học. Ba học nhảy lớp, học cho nhanh để khỏi tốn nhiều tiền học phí. Cuối cùng Ba đạt được ước nguyện, trở thành chàng Sinh Viên Võ Bị Đà Lạt với lòng tràn đầy ước vọng và lý tưởng quốc gia dân tộc rực cháy trong tim…

Lấy chồng là quân nhân nên sau ngày cưới Má tôi theo chồng lênh đênh xa xứ, sống bơ vơ nơi đất khách quê người. Ba tôi đi hành quân tác chiến chẳng mấy khi có vài ngày phép về thăm nhà. Tôi thật sự cảm phục những người vợ lính, chẳng những sống cô đơn chiếc bóng, mà đêm ngày còn thấp thỏm âu lo khi chồng phải xông pha nơi lằn tên mũi đạn. Tiền lương quân nhân chẳng có bao nhiêu vậy mà mỗi tháng gởi về Ba vẫn trích ra một nửa chu cấp cho ông Nội, chỉ còn một nửa đưa cho Má xoay sở chi tiêu. Trong một cuốn sổ tay, ông Nội vẫn còn ghi rõ ngày tháng và số tiền Ba gởi về hàng tháng. Có lần Má kể, có một chiếc nhẫn mà cứ giữa tháng đem đi cầm cuối tháng chuộc về, nhưng tiền đưa ông Nội không bao giờ trễ hay thiếu.

Mãi cho đến khi Ba tôi được chuyển về làm sĩ quan hành chánh thì cuộc sống của Má mới tạm gọi là "ổn định" và thơ thới một chút. Ba tôi là điển hình của một quan chức thanh liêm chính trực. Tính theo chức vụ và ngành nghề lúc đó, chỉ cần nhắm mắt làm ngơ cho một "thương vụ" là Ba có thể xây nhà lầu tậu xe hơi. Vậy mà không, Ba chỉ nhận giúp những người thấp cổ bé miệng gặp cơn hoạn nạn, họa hoằn lắm mới chịu nhận vài cân gạo nếp hay vài lít nước mắm ngon sau khi họ đã hết lời nài nỉ. Ngày đó Má "tòng phu" theo đúng nghĩa đạo Khổng Tử. Ba nói sao Má nghe theo vậy, không hề thắc mắc nửa lời, một câu. Người ta đem quà cáp đến năn nỉ Má cửa sau, Má cũng nhất định từ chối không để chồng phải khó xử. Ba Má tôi sống hạnh phúc đơn giản bằng đồng lương của một sĩ quan quân đội, ở nhà của chính phủ, đi xe của chính phủ, chẳng dành dụm sở hữu được bao nhiêu. Cuộc đời của má được bình yên chưa được bao lâu thì cuộc chiến đi vào những ngày cuối với tang thương phủ kín cho cả dân tộc và dĩ nhiên l cho gia đình tôi nữa! Má tôi một mình dẫn đàn con năm đứa chạy vô Nam trước, chờ Ba tôi. Ba tôi lúc bấy giờ là Trung Tá Bộ Chỉ Huy 2 Tiếp Vận, nắm trong tay không biết bao nhiêu là phương tiện máy bay, tàu thủy, thừa khả năng đưa gia đình chạy nạn, nhưng lương tâm một người có trách nhiệm như Ba không cho phép ông làm như vậy. Ông vẫn mang trọng trách đầy mình cho đến giờ phút chót. Sau khi cấp phát lương bổng cho binh lính, giải tán quân ngũ, sắp xếp cho gia đình họ an toàn di tản đâu đó xong xuôi, lúc đó, Ba tôi mới chịu xuống tàu vào Nam tìm gặp lại gia đình. Một Đại Tá không quân bạn của Ba, mấy lần đẩy ông lên máy bay để vượt thoát, nhưng ông khăng khăng nhất định sống chết với vợ con… Theo lệnh ban hành của chính quyền mới, Ba tôi chia tay vợ con để đi trình diện "học tập cải tạo" trong vòng 10 ngày như đã được hứa hẹn, rồi sau đó sẽ trở về sống một cuộc sống thường dân bình dị với gia đình vợ con…Nhưng có ngờ đâu, lần chia tay đó kéo dài hơn 10 năm trường, khởi đầu cho khúc rẽ kinh hoàng của gia đình tôi nói riêng và cho hàng vạn gia đình quân cán chính VNCH nói chung.

Má tôi năm đó mới ngoài ba mươi, mảnh mai yếu đuối, lạc lõng hoang mang giữa cơn lốc đảo điên của đất nước. Người chồng thương yêu sớm hôm kề cận giờ đây không biết bị đưa đi giam cầm sống chết nơi đâu! Đàn con năm đứa tuổi còn thơ ngây, ngơ ngác hỏi "Ba đi đâu, lâu quá, sao chưa thấy Ba về"? Đứa lớn nhất

mới hơn 10 tuổi, đứa nhỏ nhất chưa đầy 2 năm. Với hai bàn tay trắng, với cái lý lịch vợ "ngụy quân", không nghề nghiệp sinh nhai, không nhà cửa đất đai của cải. Đi đâu? làm gì? làm cách nào để sinh sống nuôi con?... Hàng trăm câu hỏi quay cuồng trong đầu người mẹ trẻ. Gia đình bên nội ngỏ ý nuôi giúp đàn con mỗi đứa một nơi nhưng Má dứt khoát từ chối "mẹ con sống chết có nhau", mặc cho tương lai có ra sao! Má dắt đàn con về quê ngoại nương náu nơi gia đình người anh duy nhất. Cậu của tôi có 7 người con cộng thêm 5 đứa chúng tôi là vừa đúng một tiểu đội.
Biết mình bị liệt vào thành phần "tư sản phản động", Má tôi ra sức lao động để tránh những ánh mắt xoi mói của chính quyền mới. Má vào làm hợp tác xã gạch ngói đồ gốm, suốt ngày quần quật với đất sét đá vôi, dưới ánh nắng chói chang nóng bỏng. Má tôi vốn không phải là hàng tiểu thơ đài cát nhưng cũng thuộc loại liễu yếu đào tơ, mỏng như chiếc lá, xanh xao ốm yếu, vậy mà người ta làm bao nhiêu Má làm theo bấy nhiêu không nề hà than thở. Khổ nhất là những buổi dỡ lò sau khi gốm nung xong, khói lửa vẫn còn nghi ngút và hơi nóng vẫn còn hừng hực, muốn dịu bớt sức nóng buộc phải làm vào lúc nửa đêm. Giữa khuya khi anh em chúng tôi còn đang ngon giấc, Má đã rón rén thức dậy đi làm. Má tôi đó, mới hôm nào là "bà phu nhân" có kẻ đưa người rước, giờ đây đang ôm từng chồng gạch xiêu vẹo bước trong đêm, có hôm tưởng như ngất xỉu gục ngã trong lò ... Viết đến đây tôi không thể ngăn được những dòng nước mắt. Ngày đó tôi còn thơ ngây quá, đâu có biết cái khổ là gì! Đâu có hiểu được tấm lòng và sự hy sinh vô bờ bến của Má. Cô bác trong làng thương lắm, sau này nhường chỗ cho Má tôi đứng bên ngoài, nhờ vậy mới được nhẹ nhàng hơn chút đỉnh.

Những năm đó "nhà nước" "quản lý" lương thực, mỗi khẩu phần ăn đều được quy định sẵn. Khẩu phần dành cho con nít ít hơn người lớn (vì không phải đi lao động nặng nhọc), nhưng khổ nỗi bọn con nít chúng tôi ở độ tuổi đang lớn, ăn như tằm ăn lên, ăn còn nhiều hơn người lớn. Hai gia đình Cậu tôi và Má tôi đông con nít quá mà lại chỉ có 3 người lớn nên gạo phân phối lại càng thiếu hụt. Gạo phân phối mua được từ hợp tác xã không đủ để ăn, phải độn thêm khoai lang, mì sợi. Cậu tôi bảo nấu riêng hai nồi, một nồi cơm trắng cho người lớn ăn để có sức đi làm và một nồi cơm độn cho con nít. Hôm đó Má tôi tình cờ bắt gặp chúng tôi ăn mì sợi, Má dằn lấy nồi cơm trắng trút vào nồi cơm độn, trộn đều lên. Má nói "*con nít cần phải ăn mới có sức để lớn*". Kể từ đó không còn hai nồi cơm riêng nữa.
Đồng lương hợp tác xã không đủ nuôi một miệng ăn, đồ đạc trong nhà cứ tuần tự không cánh mà bay. Má tôi bỏ hợp tác xã lân la ra chợ kiếm kế sinh nhai. Má bắt chước người ta, thuê một cái dù,

trải một miếng nylon xuống đất, bày lên đó những bộ áo dài sang trọng, những chuỗi ngọc trai đắt tiền. Khi thấy bóng dáng công an, Má túm bốn góc miếng nylon nhét vô túi xách rồi cứ thế mà cắm đầu chạy. Có người mua đồ của Má nhưng cũng có người đem đồ nhà ra bán. Má mua đi bán lại, và cứ thế chợ trời được mọc lên. Ngày ngày, Má đạp xe ra chợ từ sáng sớm chở theo một túi đồ, đến chiều tối mới về. Anh em chúng tôi ra đứng đầu ngõ đón Má. Thấp thoáng từ xa, dáng Má nhỏ bé gồng mình trên chiếc xe đạp mini, trên ghi-đông lủng lẳng mấy bị chè đậu, nhỏ bằng nắm tay căng phồng. Anh em chúng tôi nhảy cỡn lên sung sướng hò reo "*Má về! Má về!*". Hôm nào không thấy chè lủng lẳng chúng tôi bảo nhau "*bữa nay chắc Má bán ế*!". Cho dù nắng mưa có làm cho Má già hẳn đi, nhưng với chúng tôi Má như nàng tiên đẹp vô ngần.

Bán chợ trời một thời gian cũng hết hàng bán. Má "nhảy xe lửa" đi buôn. Buộc phải "nhảy" vì không mua được vé chính thức. Thời đó làm cái gì cũng bị cấm, buôn bán từ nơi này sang nơi khác bị coi là phạm pháp, bị kết tội "buôn lậu", mặc dù hàng hóa chỉ là quần áo, vải vóc. Hàng hóa bị cấm vận, sống ở đâu thì tự sản xuất tự tiêu thụ ở đó, không được di chuyển đi nơi khác để đổi chác mua bán, ví dụ ở Ban-Mê-Thuộc trồng café thì ăn café thay cơm gạo, vậy đó. Má đi buôn có chuyến lời, chuyến lỗ. Thỉnh thoảng lại bị "hốt" một lần, mất trơn cả vốn lẫn lời. Nhưng rồi Má cũng xoay sở được, lại bương chải, lại xông pha. Có lần một chuyến đi buôn gặp phải bão lụt, các đường giao thông bị tắc nghẽn, Má bị kẹt không về được. Thông thường chỉ đi có 3-4 ngày, lần đó mất hơn 10 ngày Má mới về được đến nhà. Tôi còn nhớ như in hình ảnh con bé 10 tuổi cứ đêm xuống đứng dưới gốc

cây chùm ruột nước mắt ràn rụa mếu máo không thành tiếng "*Má ơi! Má đâu rồi, Má về đi …*" Khóc đã rồi, nó quẹt nước mắt lặng lẽ trở vô nằm ngủ với em. Nó là chị lớn trong nhà, Má vắng nhà nó phải thay Má lo cho em. Ban ngày nó tỏ ra cứng cỏi lắm, nhất định không tin lời bông đùa trêu chọc của mấy anh chị họ "*Má mày đi luôn rồi",* nhưng đêm xuống nó nhớ Má da diết. Nó còn nhỏ quá nên nào có biết Má nó còn rối bời tâm can hơn gấp trăm ngàn lần. Giờ đây hồi tưởng lại, tôi thoáng rùng mình khi nghĩ đến lỡ như... !

Ở miền quê một thời gian ngắn Má quyết định dắt đàn con lên thành phố. Má nói phải bám thành phố các con mới có tương lai. Ngày đó muốn có được "hộ khẩu" (tờ khai gia đình) để được ở thành phố không phải là chuyện dễ. Hưởng chi theo chủ trương "lao động là vinh quang" của "nhà nước", thành phần "ngụy quân ngụy quyền" như mẹ con chúng tôi là phải tiên phong đi kinh tế mới, vùng rừng hoang nước độc chưa được khai phá, tự dựng nhà, cuốc đất trồng khoai lao động sinh sống. Áp lực của chính quyền không làm Má chùn bước bỏ cuộc. Má tìm đủ mọi cách "chạy chọt" và cuối cùng thì gia đình tôi cũng được ở lại thành phố không bị "hốt nhà" đẩy đi. Viết đến đây tôi nhớ có lần tôi làm một bài văn tả con gà. Tôi tả cảnh một con gà mẹ xòe cánh che chở cho đàn gà con, quyết liệt đánh trả diều hâu hung ác để bảo vệ đàn con. Khi viết bài văn đó tôi đã hình dung, liên tưởng đến Má của tôi, người đàn bà hiền hậu dịu dàng chỉ biết lo quán xuyến nội trợ trong nhà, nhưng đến lúc cần bảo vệ cho tương lai sống còn của đàn con thì sự can đảm, khôn ngoan và sức mạnh mới bộc lộ mãnh liệt không thể lường được.

Ngày đó, tôi còn ngây thơ quá đâu hay biết tối nào Má cũng lặng lẽ đi giở thùng gạo xem còn hay hết, đâu hay biết Má nghĩ gì khi lo đến miếng ăn ngày mai. Tôi nhớ có năm gần Tết, Má mua về một trái dưa hấu thật to. Lâu lắm, anh em chúng tôi không được ăn dưa hấu, chúng tôi mừng rỡ hét lớn "*A! năm nay nhà mình có dưa hấu …*" Má nhỏ nhẹ nói "*Cái này cho người ta con à*". Tôi ngạc nhiên, hỏi "*ủa, sao kỳ vậy*!" Má nói "*Người ta ăn thì còn, mình ăn thì hết".* Tối hôm đó, hai chị em tôi (còn bé lắm) nước mắt lưng tròng phụng phịu khiêng trái dưa hấu đi cho người ta, người đã ra ân làm giấy tờ "hộ khẩu" thành phố cho mẹ con chúng tôi. Khi tôi được làm mẹ, mỗi khi nhìn con, tôi nhớ lại Má tôi ngày đó. Tôi khóc vì mất ăn dưa hấu, nhưng nào hay biết Má tôi có lẽ đang đứt từng khúc ruột!

Ca dao có câu "Mồ côi cha ăn cơm với cá, mồ côi má lót lá mà nằm". Quả thật như vậy, vắng Ba nhưng anh em chúng tôi không hề bị thiếu thốn tình thương hay vật chất. Chúng tôi được cắp

sách đến trường, quần áo lành lặn chẳng khác gì so với những đứa trẻ khác. Đến bây giờ tôi vẫn không hiểu làm cách nào Má có thể xoay sở để nuôi nổi đàn con 5 đứa và nuôi chồng tù tội. Em trai tôi có khiếu hội họa, nó vẽ đẹp lắm. Lúc nó khoảng 7-8 tuổi, Má tôi bỏ mấy buổi chợ, chở nó đi gõ cửa hết "nhà văn hóa thiếu nhi" này cho đến "câu lạc bộ" nọ xin cho nó được học vẽ. Tất cả đều thẳng thừng từ chối với lý do gia đình thuộc "*thành phần phản động, phản cách mạng*". Mãi cho đến bây giờ, nước mắt Má vẫn còn lưng tròng mỗi khi kể lại. Má không nỡ nhìn thằng bé cứ suốt ngày bò lê la say sưa vẽ nên lại chạy thêm tiền cho con đi học tư…

Cuộc sống nào chỉ đơn giản có cơm ăn áo mặc, sách vở học hành, mối lo lớn nhất của Má là sức khỏe bệnh tật. Anh tôi bị chứng bệnh suyễn kinh niên. Thuốc thang thời đó mua ở chợ đen cũng không ra. Má tôi nghe ai nói đến món thuốc dân gian gia truyền nào cũng lặn lội kiếm ra cho bằng được để chạy chữa cho anh. Năm tôi học lớp 4, tôi bị bệnh đậu mùa. Tối nào đi làm về Má cũng mài củ nghệ để xức cho tôi. Má lo tôi lớn lên bị rỗ mặt xấu xí không ai thương. Tôi nhớ lúc đó đang là mùa thi cuối năm. Má lên nói chuyện với cô giáo, kết quả là tôi không phải đi thi mà vẫn được lên lớp. Đầu óc thơ ngây của tôi chỉ biết Má như nàng tiên có sức mạnh vạn năng, biến những chuyện không thể thành có thể. Mỗi lần anh em chúng tôi bị bệnh Má thức thâu đêm ngồi canh. Chỉ cần Má ngồi bên cạnh vuốt ve là thấy khỏe hẳn người, chẳng cần thuốc men gì cả. Bàn tay Má như có phép lạ, vuốt đến đâu cơn sốt hạ dần đến đó. Tôi không biết Trời thương hay ý chí kiên cường của Má mà tôi không hề thấy Má bị bệnh. Có một lần Má bị "trúng gió" ngất xỉu trong phòng vệ sinh, may sao phát hiện kịp nên cứu được. Vậy mà sáng hôm sau tỉnh giấc, khỏe lại Má lại đòi ra chợ đi mua bán tiếp. Hình ảnh và nỗi kinh hoàng của tối hôm đó vẫn còn in đậm trong tâm trí tôi, mãi cho đến tận hôm nay. Má vừa là mẹ, vừa là cha, vừa là thầy, và còn hơn thế nữa, là người bạn thân nhất của tôi thời thơ ấu. Tối nào tôi cũng quấn quýt bên Má, phụ Má nấu cơm, thủ thỉ tâm sự chuyện trường, chuyện lớp, chuyện bạn bè… Má chăm chú lắng nghe, cùng cười với tôi cùng chia sẻ những câu chuyện vớ vẩn của tôi. Tôi ngưỡng mộ Má tôi lắm. Má gọi con xưng má như hai người bạn, không bao giờ nói tiếng mày tao. Má dạy tôi biết nấu ăn ngon, dạy tôi cách sống làm người, dạy tôi những tiếng Anh vỡ lòng. Má luôn miệng nhắc "*con phải ráng học, ráng kiếm cho mình một cái nghề vững chắc, phải sống tự lập không phụ thuộc vào bất cứ ai, ngay cả chồng, để khi ngã ngựa con vẫn có thể tự mình đứng lên, đi tới* …". Cuộc sống có chà đạp vùi dập Má bao nhiêu đi nữa tôi cũng không hề thấy Má khóc. Vậy mà lần duy nhất tôi thấy Má khóc là lúc anh trai tôi muốn bỏ học. Má khóc, Má bắt anh phải hứa bất cứ

chuyện gì xảy ra cũng phải học cho xong trung học. Nhờ vậy mà anh tôi đã không bỏ dỡ con đường học vấn. Má không bao giờ lớn tiếng la mắng, nhưng cái uy của Má khiến chúng tôi kính nể vô cùng. Ba vắng nhà, Má suốt ngày bận rộn bên ngoài buôn bán kiếm ăn, vậy mà anh em chúng tôi ngoan ngoãn lắm, biết tự lo lắng đùm bọc lấy nhau, hàng xóm vẫn thường lấy chúng tôi ra làm gương cho những đứa trẻ khác.

Sau ngày Ba đi "tù cải tạo", Ba Má tôi mất liên lạc với nhau một thời gian rất lâu. Họ không cho Ba liên lạc với thế giới bên ngoài. Má dò thăm tin tức khắp nơi và từ đó quen biết những người cùng cảnh ngộ. Vài năm sau, Má được tin Ba cùng với những người sĩ quan dưới chính quyền cũ bị đưa đi tập trung ở "trại cải tạo" thuộc tỉnh Vĩnh Phú, nơi mà Mẹ chỉ biết khi dò dẫm trên bản đồ chứ chưa bao giờ được nghe nói đến. Tin tức lan đi là nhờ những chú bé chăn trâu, những người bán hàng rong tốt bụng. Họ lượm được những mẩu giấy nhắn tin nguệch ngoạc, gói trong những viên đá ném dọc đường rầy xe lửa. Tôi nhắm mắt hình dung ra nỗi kinh hoàng tuyệt vọng của một người vợ sau thời gian dài bặt tin chờ đợi. Miền Bắc mịt mù xa xăm quá, biết có còn gặp lại nhau trong kiếp sống này không? Đường đời đơn độc, gánh nặng đàn con và sức ép cuộc sống đè nặng trên vai, làm cách nào chống chọi được với phong ba bão táp đang ập đến. Nước mắt có lẽ đã cạn kiệt và trái tim của Má có lẽ cũng đã chai sạn theo năm tháng. Nhưng Má không chịu đầu hàng số phận. Còn sống là còn hy vọng, và cứ thế Má tiếp tục sống, tiếp tục sắt son chung thủy chờ chồng.

Ngày được lệnh thăm nuôi, Má mừng quýnh nhưng lại phải đương đầu với bao nỗi khó khăn chướng ngại khác. Chính quyền địa phương không chịu cấp giấy phép thông hành. Thời đó đi từ thành phố này sang thành phố kia vì bất cứ lý do gì cũng phải làm đơn xin giấy phép thông hành, nhiều khi bị từ chối với lý do "*thăm người thân không chính đáng*", hoặc "*đi xa lâu quá không kiểm soát được*". Xin đi từ thành phố này sang thành phố nọ họ đã không giải quyết rồi, huống chi đi ra tận ngoài Bắc để thăm "tù cải tạo". Thức ăn khan hiếm, khẩu phần mua được ở hợp tác xã còn không đủ ăn, lấy đâu ra lương thực tiếp tế thăm nuôi, chỉ có thể lén lút mua giá cao ở chợ đen mà thôi! Cần phải chạy ra tiền, có tiền để lót đường mà đi. Tôi còn nhớ năm đó tôi được 12 tuổi, vừa học xong lớp 7. Mỗi ngày Má đem về một vài ký gạo, ký đường, vài trăm gram thịt. Tối đến, hai mẹ con lúi húi làm thức ăn chuẩn bị thăm nuôi Ba. Cơm phơi khô làm cơm xấy để Ba chỉ đổ nước sôi vô là có cơm ăn, chanh nặn vô đường phơi khô để Ba chỉ cần chế nước vô là có nước chanh uống, thịt kho với ruốc sả thật khô thật mặn để có thể để dành được lâu. Ban ngày Má đi buôn bán, tôi ở nhà canh đồ ăn phơi trên mái tôn nhà hàng xóm, canh không

cho ruồi đậu vô, canh không cho mèo ăn vụng, canh không cho ướt nước mưa. Thời đó người ta dùng những cái giỏ đan bằng sợi lát gọi là giỏ lát, không biết bây giờ có còn không? Má mua giỏ lát về nhập hai giỏ làm một rồi dùng sợi nylon may lại nhiều đường cho chắc. Má đóng cũng được 7-8 giỏ thức ăn như vậy, vừa đủ to để chứa được nhiều, vừa đủ nặng để có thể khiêng đi được. Mỗi giỏ thức ăn có thể giúp Ba cầm cự cuộc sống thêm được ít nhất một tháng. Má đổ dồn tất cả tình thương, tiền của, và công sức vào trong từng giỏ một. Chuyến đi thăm nuôi đầu tiên, Má dẫn tôi theo, để anh tôi coi nhà và gởi các em về quê Nội ở với Cô. Má mua được giấy phép thông hành dưới cái tên của một người khác. Có giấy tờ chính thức Má mới mua được vé tàu lửa Thống Nhất đi thẳng ra Hà Nội. Chuyến đi thoạt đầu tưởng là trót lọt, nào ngờ mới đêm đầu tiên đã bị phát hiện ra là giả mạo, cũng chỉ vì giỏ xách lỉnh kỉnh họ tưởng là "con buôn". Họ tịch thu giấy tờ rồi đuổi chúng tôi xuống ở ga Diêu Trì. Má con tôi thất thểu quay về. Về đến nhà, công an phường bắt Má lên văn phòng trình diện và ngồi viết bản kiểm điểm liên tục hai ngày liền. Tôi và anh tôi cứ đạp xe chạy lóng ngóng bên ngoài trụ sở hy vọng được trông thấy Má. Không thấy bóng Má đâu lại lo nghĩ viễn vông không biết họ làm gì với Má, lỡ họ bắt Má đi "học tập cải tạo" như Ba thì cuộc sống 5 anh em chúng tôi sẽ như thế nào đây?... Đến bây giờ, hồi tưởng lại tôi vẫn còn cái cảm giác kinh hoàng. Được thả ra, Má lại quyết định đi tiếp không chần chờ thêm ngày nào nữa. Một phần sợ đồ ăn để lâu sẽ hư, một phần Ba đang kiệt sức vì đói, mạng sống của Ba đang đếm từng ngày một. Má lại chạy chọt kiếm giấy tờ khác, lần này Má xin được giấy ra đến Huế. Rút kinh nghiệm, Má không đi tàu suốt Thống Nhất nữa mà đi bằng tàu địa phương hay còn gọi là tàu chợ, loại tàu lửa chỉ đi một vài ba tỉnh và dừng ở nhiều trạm nhỏ rất mất thời gian. Xe lửa hay xe đò thời đó người đông như kiến, người ta xô đẩy dẫm đạp nhau mà đi. Mỗi khi lên hoặc xuống tàu, Má phải chuyền từng giỏ đồ qua cửa sổ. Khi lên được đến tàu Má còn phải kiếm chỗ nhét cất 7-8 giỏ đồ rải rác ở nhiều nơi. Trộm cắp cướp bóc hoành hành khắp nơi, vậy mà không biết bằng cách nào Má canh chừng không để bị mất một giỏ đồ nào cả. Khi xuống đến ga, kiếm được chỗ mát, Má phủ một miếng nylon che hết các giỏ lại rồi bảo tôi ngồi lên đó canh chừng, còn Má thì tất tả chen chân xếp hàng mua vé cho chuyến xe lửa chặng tiếp theo. Cứ như vậy, Má con tôi ra đến Đà Nẵng, Huế, Vinh, rồi Hà Nội, bốn năm ngày đường gì đó tôi không nhớ rõ. Từ Hà Nội, Má mua vé chợ đen và tiếp tục cuộc hành trình đến ga Ấm Thượng. Đó là lần đầu tiên tôi đi xe lửa chạy bằng than, củi chỉ thấy trên phim ảnh. Tàu đủng đỉnh chạy cà rịch cà tang phả ra từng cuộn khói đen ngòm giống như một cái điếu cày khổng lồ. Cửa sổ toa tàu không có rèm che nên chỉ một lát sau là mặt mũi ai

cũng ám một lớp khói đen trông rất buồn cười. Khi đến ga Ẩm Thượng, trên tàu đổ xuống toàn là những người từ miền Nam đi thăm nuôi "tù cải tạo". Từ ga Ẩm Thượng đoàn người phải đi đò ngang qua con sông Hồng đỏ ngầu cuồn cuộn sóng, rồi chuyển sang đò dọc theo con sông Thao lên đến bến Ngọc, sau đó mướn xe trâu thồ hàng, còn người thì phải cuốc bộ thêm mười mấy cây số đường rừng mới đến trại. Chuyến đi đầu tiên vì chưa biết đường đi nước bước nên chúng tôi lâm phải cảnh dở khóc dở cười. Hợp tác xã đò ngang nhận tiền đưa đoàn người đi thẳng đến bến Ngọc. Hợp tác xã đò dọc biết chuyện đi báo công an. Đi được nửa đường con đò bị chặn lại thả neo trên sông. Chủ đò, lái đò tất cả đều lên bờ theo công an đi làm kiểm điểm, bỏ lại con đò toàn đàn bà con nít và hàng hóa thức ăn. Họ đi từ chiều đến tối không một ai biết tin tức. Chúng tôi ngủ qua đêm, lênh đênh trên con đò giữa dòng sông trong nỗi lo âu thấp thỏm không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Đến sáng hôm sau họ mới trở lại và tiếp tục chở chúng tôi đi tiếp đoạn sông nước. Những chuyến đi sau đó Má ngủ lại một đêm ở nhà trọ gần sân ga rồi sáng hôm sau mới khởi hành, đến trại là vừa lúc chiều tối.

Sau một chặng đường dài cuốc bộ lê thê dưới nắng nóng thiêu đốt bên cạnh chiếc xe thồ hàng lọc cọc, chúng tôi cũng đến được cổng trại. Tôi còn nhớ mẹ con tôi đứng bên ngoài hàng rào B40 nhìn chăm chăm vào đoàn người tù đang xếp hàng đi ra. Má không nhận ra Ba. Ba ôm quá, xương quai hàm bạnh ra như con cá nóc còn những thứ khác thì thụt lõm vô trong. Chân tay Ba đã bắt đầu phù thủng, dấu hiệu của sự thiếu dinh dưỡng trầm trọng. Ba còn chập choạng bước đi được nhưng khi bước qua ngạch cửa hai tay phải nắm chân kéo lên. Đã được bạn bè căn dặn trước nên Má ráng kìm tiếng khóc, nhưng cặp mắt thì đỏ hoe và nước mắt cứ tuôn rơi. Ba ngồi bên kia chiếc bàn gỗ, Má và tôi ngồi bên đây, đầu bàn là một cán bộ trại giam đang chăm chú quan sát theo dõi. Ba Má tôi lặng nhìn nhau. Chừng ấy năm trời xa cách có biết bao nhiêu điều để hàn huyên tâm sự, thế nhưng đầu môi Má chỉ máy móc đọc đi đọc lại một câu "*Anh ráng học tập, 'Cách Mạng' sẽ khoan hồng*". Ba tôi len lén nắm bàn tay Má, lập tức tên cán bộ đằng hắng một tiếng, Ba phải rút tay về lại. Ba xin phép cán bộ được ôm con gái. Tôi chạy qua, Ba ôm và

hôn nhẹ lên đầu tôi. Lâu lắm tôi không còn nhớ cái cảm giác được Ba ôm hôn nên cảm thấy ngượng nghịu. Thế rồi 15 phút trôi qua, cuộc thăm viếng ngắn ngủi kết thúc. Suốt mấy tháng trời vất vả dành dụm, trút hết vốn liếng hầu bao, mượn nợ gần xa, rồi ròng rã lê lết từ Nam ra Bắc, để đổi lấy 15 phút như vậy đó! Nhìn thấy hình hài Ba như vậy Má không nỡ trở về Nam ngay. Ra đến nhà trọ, còn bao nhiêu đồng trong túi Má trút ra hết mua thêm gạo, nếp, gà. Sáng hôm sau Má gởi tôi ở lại quán trọ, rồi lại đi đò dọc đò ngang, lội bộ mười mấy cây số vô trại gởi thêm thức ăn tiếp tế cho Ba. Lần đó nếu Má ra thăm nuôi trễ thêm vài tuần có lẽ Ba đã không còn sống sót. Kể từ đó mỗi năm hai lần, Má cắc củm dành dụm rồi lại khăn gói đi nuôi Ba cho đến ngày Ba trở về… Có lẽ tôi là một trong những người đầu tiên trong đám bạn cùng lứa được may mắn đi xa biết nhiều như vậy. Chuyến đi lần đó cho tôi rất nhiều kỷ niệm khó quên về "miền Bắc xã hội chủ nghĩa". Có một kỷ niệm vui tôi kể ra đây không dính líu gì đến Má tôi… Khi Má trở vô trại lần thứ hai, Má cho tôi tiền ăn bún mộc ở gánh hàng ven đường. Tôi chưa bao giờ nghe đến cái món bún mộc nên háo hức lắm, nhưng đến khi nhận tô bún nhỉnh hơn cái chén một chút tôi mới biết, nó chỉ là một nắm bún với nước lèo nhạt nhẽo và vài cái nấm rơm lạc lõng trên mặt. Tôi hỏi xin bà chủ "*Dì ơi dì, cho con xin cái muỗng*". Bà chủ liếc nhìn tôi một cái rồi làm thinh, ngó lơ, làm chuyện khác. Tôi lại nhắc "*cho con xin cái muỗng đi Dì, không có muỗng làm sao con ăn*". Một bà ngồi bên cạnh nói "*nó muốn cái thìa đấy bà ạ*". Bà chủ hàng mới quát "*cái thìa thì bảo cái thìa, bảo cái muỗng bố ai mà hiểu*". Đến lúc đó tôi mới phát hiện ra cái tô quá nhỏ nên họ chỉ dùng đũa lua và húp, không có ai dùng cái "thìa" cả. Ở cái làng nghèo xơ nghèo xác như vậy, người dân còn không đủ ăn lấy gì nuôi "tù cải tạo"!

Chuyến đi lần đó tôi chỉ là con bé mới 12 tuổi, và những lần sau này mấy em tôi cũng được Má cho đi. Có nhiều chuyện xảy ra trên đường đi, mà bây giờ nghĩ lại, nếu thay đổi trong tích tắc thì cuộc sống của chúng tôi tất cả sẽ hoàn toàn đảo lộn. Thật kinh hoàng! Tôi nghĩ có lẽ nhờ Má tôi hiền từ nhân hậu, ngày đêm cầu nguyện, nên Trời Phật cũng động lòng, xót thương che chở. Những chuyện tù của Ba và hành trình thăm nuôi của Má có thể viết thành sách được, nhưng tôi xin tạm dừng ở đây, để bước sang một khúc rẽ mới làm thay đổi cuộc sống của gia đình tôi và cũng của nhiều gia đình "tù cải tạo",…

***

Ngày vui mừng nhất của gia đình tôi có lẽ là ngày nhận được giấy xuất cảnh, sang định cư ở Mỹ theo diện nhân đạo H.O. (Humanitarian Operation) do chính phủ Mỹ bảo trợ, dành cho gia đình của những quân cán chính/VNCH đã "học tập cải tạo" trên 3

năm. Lúc đặt chân đến Mỹ, Má tôi đã xấp xỉ 50 tuổi và đám con của Má đã trưởng thành, không còn là những đứa trẻ thơ nữa. Cả gia đình chúng tôi đến Mỹ với số tiền $90 dollar vay mượn của bà con và món nợ tiền vé máy bay với chính phủ Mỹ. Cuộc sống đầy dẫy khó khăn và thử thách trong những ngày đầu ngơ ngác trên xứ lạ quê người. Cực khổ không tả hết được, chỉ có ai trải qua rồi mới thật sự hiểu. Tuy nhiên gia đình chúng tôi lúc nào cũng tràn trề hạnh phúc, chúng tôi thương yêu đùm bọc chia sẻ cho nhau. Cả nhà bung ra đi làm, full time, part time, cây xăng, tiệm giặt, nhà hàng Tàu, nhà hàng Mỹ…Tôi vẫn còn nhớ tháng lương đầu tiên, chúng tôi bàn nhau nên mua sắm thứ gì trước nhất, kết quả là cái máy hút bụi và cái microwave là hai món "mới" đầu tiên xuất hiện trong nhà. Giờ đây, thỉnh thoảng, nhất là mỗi dịp tháng tư lại về, chị em chúng tôi vẫn thường ngồi ôn lại kỷ niệm của những ngày đầu ở Mỹ, tiếng Anh không được mấy chữ, ngô nghê ngờ nghệch, rồi cùng cười lăn muốn té ghế…

Má tôi một đời cực khổ hy sinh cho chồng con, lẽ ra qua đến Mỹ Má có quyền được nghỉ ngơi hưởng thụ, nhưng Má cũng lại không chịu ở nhà ngồi không. Má đi làm phụ bếp cho một nhà hàng Tàu một thời gian khá lâu ngay từ những ngày đầu và sau đó tiếp tục làm suốt cho đến khi không còn đi làm được nữa. Ai đã từng làm qua nhà hàng chắc biết. Mùa đông băng giá, rửa chén rửa rau, suốt ngày ngâm tay trong nước đến đỏ au tím ngắt. Mùa hè oi bứt, cắt thịt lóc xương bên cạnh bếp lửa hừng hực mồ hôi nhễ nhại. Vậy mà mỗi khi bắt gặp ánh mắt của tôi, Má lại nở một nụ cười hiền hòa tươi tắn làm như bao nhiêu nặng nề mệt nhọc đó không hề xảy ra. Đi làm mệt đến vậy nhưng về đến nhà Má vẫn lăn vô bếp, vẫn làm việc không ngừng tay. Má thường đem về những thứ mà nhà hàng vứt đi như là xương gà, bắp cải, cùi broccoli, … để nấu nước lèo, làm dưa cải. Cuối tuần, ngày nghỉ nào anh em chúng tôi cũng có những nồi phở, nồi bún bò … thơm ngon không đâu sánh bằng. Khi kinh tế gia đình đã khá hơn, Má cũng vẫn đi làm không chịu nghỉ. Má nói "*ở VN còn khổ lắm, Má kiếm được đồng nào giúp VN hay đồng đó*". Ba Má tôi suốt cuộc đời sống tiện tặn, sống đạm bạc, ngay cả sống ở Mỹ cũng vậy, không khi nào tiêu xài phung phí cho bản thân, lúc nào cũng ráng dành dụm để gởi về VN giúp người thân, kẻ thuộc còn nghèo khó. Lúc mới qua Mỹ tiếng Anh của tôi tệ lắm (đến bây giờ cũng vẫn còn tệ không khá hơn gì mấy). Khi biết tôi bày tỏ ý định muốn đi học lại, bà chủ nhà hàng, nơi tôi làm việc, đã cười chế nhạo *"lớn rồi học hành gì được, lo đi làm cho xong…"*. Tôi buồn muốn khóc. Biết vậy, Má an ủi, khích lệ, nâng đỡ tôi nhiều lắm " *con phải chứng tỏ cho người ta thấy là họ sai".* Rồi thì tôi cũng vào được đại học cùng với hai đứa em gái, nhưng em trai tôi vẫn còn trầy

trật chưa qua được cửa TOEFL (Test of English as a Foreign Language). Nó nản ghê lắm, ở VN nó bị bắt buộc học tiếng Nga nên không có một chữ tiếng Anh bẻ đôi bỏ túi, qua đây lớn tuổi làm sao học được, nói được. Thấy nó nản, muốn bỏ cuộc, Má tôi bắt nó mỗi buổi tối phải chở Má đi học lớp ESL (English as a Second Language). Má học, con cũng phải học theo, nhờ vậy mà cuối cùng thì em trai tôi cũng vào được đại học. Riêng anh tôi có gia đình nên còn kẹt lại ở VN. Ban ngày đi làm, tối về Má học thi quốc tịch và trở thành công dân Mỹ sau 5 năm định cư để có thể làm giấy tờ bảo lãnh cho con trai. Má học lái xe, lấy được bằng lái xe ở cái tuổi xấp xỉ 60. Tôi nghĩ tất cả bằng cấp của chị em chúng tôi gộp lại cũng không bằng hai cái bằng của Má.

Khi tất cả anh em chúng tôi đều đã có gia đình con cái, Má cũng vẫn không ngừng lo lắng cho chúng tôi, lo cho dâu cho rể, cho cháu nội cháu ngoại. Mỗi lần về thăm, Má lăng xăng nấu hết món này đến món khác. Biết đứa con gái thích ăn bánh Huế, Má làm sẵn để đông lạnh dành riêng cho nó. Biết thằng cháu ngoại thích món bánh bèo, Má pha bột đổ bánh bèo cho cháu ăn. Biết thằng con rể ăn bánh bèo phải có kèm theo bánh bèo ngọt, Má cũng pha bột làm riêng. Đứa thích phở, đứa thích bún bò, thích món nào Má làm món đó, Má hùi hụi cả ngày trong bếp không chịu ngồi yên. Má đi chùa, nấu ăn cho chùa ai ăn cũng khen, cũng nhớ. Món chay món mặn món nào Má nấu cũng ngon. Chị em tôi được thừa hưởng cách thức nấu ăn ngon cũng từ Má tôi. Ngày ngã ngựa, Ba không để lại cho Má một đồng vốn lận lưng. Không như người ta, Má không hề trách Ba lấy nửa lời, ngược lại lúc nào cũng dạy con phải noi gương Ba "*đói cho sạch rách cho thơm",* sống chân chính dù ở bất kỳ hoàn cảnh nào. Má luôn miệng nói "*các con được may mắn qua đến Mỹ như thế này là nhờ phước đức của Ba*". Nghe vậy, tôi nói "*Nếu không có Má, liệu nhà mình có còn tồn tại được đến ngày hưởng phước hay không?*". Má nhỏ nhẹ giải thích "*Nếu Ba con tham nhũng, ăn hối lộ, Má có tiền vàng sẽ cho các con đi vượt biên, vượt biển, lúc đó sống chết không biết sẽ như thế nào*". Thì ra là vậy, cái suy nghĩ của Má lúc nào cũng cho chồng cho con. Tôi vẫn thường ghẹo Ba tôi "*Ba là người đàn ông may mắn nhất".* Không may mắn sao được khi sang đến Mỹ và mãi cho đến bây giờ Má cũng vẫn còn cơm bưng nước rót, nâng khăn sửa túi cho Ba. Tôi ghẹo Ba nhưng cũng là nói cho chính chúng tôi, những người con may mắn nhất. Tôi nhớ ngày tôi sanh nở, Má đi làm về, mệt nhưng vẫn nấu nồi nước sả thơm lừng rồi bưng vô tận trong phòng Má để tôi nằm trên giường xỏa tóc xuống và gội đầu cho tôi. Nhớ lại, tôi quả thật có nhiều diễm phúc. Không phải chỉ riêng với chồng với con mà với tất cả mọi người xung quanh, bất cứ ai Má cũng hết lòng đối xử tử tế. Từ em chồng đến chị dâu,

từ hàng xóm láng giềng đến bạn hàng mua bán, ai gặp qua một lần cũng thương cũng mến, thương đức tính hiền lành nhẫn nhịn, chịu thương chịu khó của Má. Đành rằng đó là đức tính điển hình của người phụ nữ VN nhưng không phải ai ai cũng có được. Khi tôi ngồi viết những dòng hồi ký này thì Má tôi đang trên giường bệnh. Má đã và đang chiến đấu với căn bệnh ung thư hiểm nghèo hơn sáu năm nay. Căn bệnh quái ác cứ trở đi trở lại chưa có phương thức hữu hiệu nào trị dứt hẳn. Tôi chưa thấy người phụ nữ nào kiên cường và giỏi chịu đựng như Má (kế đến là em gái tôi). Má đã trải qua ba lần mổ xẻ (mổ ngang mổ dọc), hai lần xạ trị (radiation), bốn lần hóa trị (chemo) cho bốn lần phát hiện ung thư, và lần nào chạy chữa cũng kéo dài ít nhất là 6 tháng. Nếu ai đã từng chứng kiến qua bệnh nhân ung thư trong thời gian chữa trị thì sẽ hiểu được sự tàn phá hủy hoại cơ thể đến cỡ nào! Vậy mà không muốn chồng con lo lắng, Má cắn răng chịu đựng không hề than thở, lúc nào hỏi đến Má cũng nở nụ cười "*không sao*". Ngay từ hồi còn trẻ, Má đã đặt hết niềm tin vào Đức Phật để có đủ ý chí sức mạnh vượt qua hoạn nạn thử thách. Giờ đây cũng vậy, Má lại gởi trọn niềm tin vào đấng thiêng liêng. Có lúc Má yếu đến độ ngồi không nổi nhưng vẫn thành tâm kính cẩn tụng kinh niệm Phật. Má nói "*tại nghiệp Má nặng quá! Đến lúc đổ nghiệp, Má phải trả hết nghiệp mới được giải thoát*". Tôi không nghĩ thế. Cả đời Má chưa bao giờ sát sanh hại vật ngay cả một con kiến. Má ăn chay niệm Phật bố thí cúng dường, làm không biết bao nhiêu là việc thiện giúp đỡ người nghèo khó, toàn những việc phước đức … sao đến giờ này vẫn còn nghiệp phải trả, sao không có quyền được lựa chọn để "trả góp" mà phải "trả dồn". Đối với tôi, rõ ràng đây là kết quả của những tháng ngày cực khổ thiếu ăn mất ngủ, của những gì Má đã hy sinh nhường nhịn hết cho chồng con. Nếu quả thật đúng là nghiệp quả thì con cầu xin các đấng thiêng liêng có quyền năng, xin chia sẻ bớt nghiệp của Má sang cho con vì chính con là một trong những người con đã mang nợ Má quá nhiều.....

Thanh Thảo

Đêm Lâm Viên

Lãm Thúy

Về đây đêm hội ngộ Lâm Viên

Quê người đông lạnh nhớ cao nguyên

Màu Alfa đỏ còn như máu

Vẫn chảy âm thầm những nẻo riêng...

Thế kỷ đã thay màu áo trận

Đọa đày, ô nhục với lưu vong

Một thuở bên trời cung kiếm vẫn

Còn nguyên ngọn lửa cháy bên lòng

Ngó lại đời nhau. Ừ! Tóc bạc

Hùng khí còn chưa nhụt chí trai

Câu hứa thanh bình ngày nước mất

Nghe còn văng vẳng vọng bên tai

Ôi ! Đêm Lâm Viên, ôi Lâm Viên

Những người thuở ấy mắt như thuyền

Những người thuở ấy da như lụa

Dâu biển trong đời, ai nhớ, quên?

Hội ngộ đêm nay, ngùi cố quốc

Tưởng trời Đà Lạt trắng mù sương

Tưởng ta còn thuở sinh viên cũ

Chí lớn ngang trời vạch nhát gươm

Ừ đêm nay mưa. Lâm Viên ơi!

Nhớ mưa trời cũ trắng lưng đồi

Lữ thứ, quê người, xuân cũng thẹn

Nói gì tươi thắm, nói gì vui

Lời tòa soạn: Chị Lê Yên Chi là phu nhân của anh NĐT, một Cựu Alpha đỏ K24. Tòa soạn Đa Hiệu hân hạnh giới thiệu hai tùy bút ngắn Lê Yên Chi. Kính tặng cho những ai đã một thời có những kỷ niệm buồn vui về Đàlạt, vẫn nhớ về KBC 4027 và ngày tháng cũ Lâm Viên trong ước vọng sẽ quay về:

Để ngày mai về lại đỉnh Lâm Viên

tôi sẽ hái một loài hoa không sắc!

HẸN HÒ

Tùy bút Lê Yên Chi
Thân tặng anh Ng.Ph.

Việt Nam 4. 2015

Em trở về Việt Nam rồi đây! Qua khung cửa máy bay em nhìn thấy phi trường Tân Sơn Nhất, lòng bồi hồi xúc động. Ôi ! quê hương, cái cảm giác nôn nao, thương nhớ không thể nào diễn tả được, em không bao giờ ngờ được lại có lúc này. 40 năm rời xa quê hương trong hoảng loạn! Chạy đi mà không biết mình đi đâu. Chỉ biết là phải chạy xa, xa khỏi móng vuốt của giặc. Và cũng đã 29 năm rồi, em đi xa mãi mãi nên cũng còn đâu ước hẹn một ngày về(!). Sau 40 năm xa cách, nay em trở về một mình, bềnh bồng cùng mây trời. Bước chân lang thang bất định giữa Sài Gòn lòng lại nhớ về ĐàLat. Giữa cái nắng gay gắt của Sàigòn thương nhớ làm sao cái không gian mát lạnh ở Đàlạt quê cũ, một thời ta đã dấu yêu. Và em đã trở về anh à, được bước đi trong lòng thành phố cũ, giữa cái nắng vàng hiền hoà, nhẹ nhàng, giữa bầu trời xanh êm ả, và những bãi cỏ mượt mà dịu dàng, màu thông xanh mát mắt… Nơi em sống ở Mỹ cũng rất đẹp và không thiếu những màu xanh, nhất là chỗ ở miên viễn của em bây giờ, nhưng sao những màu xanh ở quê nhà lại thương yêu đến vậy hả anh?

Anh à, có phải lồng trong nỗi niềm thương nhớ quê nhà của em có cả hình ảnh của anh trong đó? Không còn anh, không còn anh nữa! Em tìm về những con đường cũ, những ghế đá; nơi ta đã ngồi, thung lũng tình yêu, vườn Bích câu, cà phê Tùng, rạp chiếu bóng Ngọc Lan, café Thủy Tạ, nhà thờ con gà Lễ chiều Chủ

Nhật, theo xe Thái Phiên thăm lại hồ Than Thở, lòng bồi hồi theo từng bước chân trên con đường vòng Lâm Viên mùa cũ,…nhưng nào thấy anh đâu? Ở nơi đây chỉ còn cúc quì vàng, chỉ còn nắng hiền hoà trên những đồi thông, chỉ còn mình em đi cô đơn giữa những con đường ngày xưa mình đã đi qua : *"những ngày nắng âm, những đêm sương lạnh, anh năm chặt tay em và cứ thế cho đến tận khuya, lòng cứ muốn đi cho hết đêm, cho đến suốt đời,…".* Nay trở về, thì mình em cô đơn nơi đây. Ước chi có anh bên cạnh, và em sẽ hát thì thầm cho anh nghe ca khúc cũ *"Một người ngồi bên kia sông im nghe nước chảy về đâu, một người ngồi đây trông hoa trôi theo nước chảy xuôi giòng. Trời thì mưa rơi, mưa rơi không ngưng suối tuôn niềm đau..* ". Bài hát rất hay, em rất thích nhưng sao em lại hát bài này, có phải nó như một định mệnh dành cho chúng mình…để chia xa mãi mãi, dù lòng vẫn cứ hẹn hò nhau….

Ghé về thăm căn nhà cũ, đã có chủ mới từ 40 năm qua! Em lại nhớ cái dáng anh đứng ngập ngừng ở ngưỡng cửa nhà em, nhà sách Minh Thu, trên đường P.Đ.P. anh mặc bộ jaspe mùa đông, trông hiền lành nhỏ nhẹ đến lạ lùng. Một chàng trai Võ Bị, ngập ngừng hỏi em cuốn sách, anh còn nhớ là cuốn gì không? Còn em vẫn nhớ như in, truyện dài 10 Đêm Ngà Ngọc của nhà văn Mai Thảo. Ôi chao cái trí nhớ của em hay chỉ là cái cớ để anh làm quen.

Anh biết không, ngày mình đã thân thiết gần gũi hơn, anh đã làm cho em có thói quen hay đưa mắt nhìn ra cửa, em đã biết trông ngóng vào những ngày Chủ nhật, tình của con gái Đàlạt thì nhẹ nhàng và rụt rè vậy thôi. Anh có nhớ ngày em chép tay tặng anh

bản nhạc "Hẹn Hò" của Phạm D. không? Em lại nhớ, chẳng bao lâu sau, anh buột miệng *"D. à, nhận bản chép tay bài hát HẸN HÒ của em, anh linh cảm mình sẽ không đến được với nhau. Anh chỉ thầm mong là anh linh cảm một điều không có thật,…".* Em đã chới với, buồn bã và khóc thầm bao đêm, anh có biết không? Cũng tại em hay tại định mệnh nghiệt ngã xuôi em chọn bản nhạc HẸN HÒ như một tỏ bày tình em với anh?

Bây giờ thì em đã lớn hơn, đã già đi theo năm tháng tại một nơi chốn bình yên, đã hiểu mọi cuộc tình không dễ dàng đến được với nhau, cũng có những đắng cay chua xót và không thể nào hiểu được. Ngày anh sắp rời xa Đàlạt, em chỉ biết khóc thầm, những giọt nước mắt đã khóc với anh vào đêm cuối cùng mình đi bên nhau…

Những bước chân em đi vô định, đi lang thang trên những con đường ĐàLat, những con đường ngày xưa thân yêu, lòng thương nhớ vô vàn. Trời Đàlat về chiều buồn bã, trong cảnh hoàng hôn càng thấy lòng cô đơn biết bao, em nhớ anh, nhớ những ngày tay trong tay mình cũng nhau đi lễ nhà thờ, đây là nhà thờ Chánh toà ĐàLat , con gà trên đỉnh tháp nhà thờ cũng đứng cô đơn như em lúc này, trên bậc thềm nhà thờ em đã nghĩ đến anh, nếu mình được gặp lại nhau lúc nầy, anh có còn nhận ra em không?

Em đứng nhìn theo tượng Chúa buồn
Ngỡ lòng lất phất hạt mưa tuôn
Đồi xa cỏ mịn còn xanh lá
Sao giữa lưng trời lặng tiếng chuông…

Chúng ta đã già theo năm tháng, đã già theo vận nước đổi thay…và nay thì đã ở hai bờ của "nghìn trùng xa cách"! Kỷ niệm một thời ta đã yêu nhau chỉ còn là một thoáng hương xưa, quyện theo gió, bay theo mây trời Lâm Viên mùa cũ …

"Một người ngồi bên kia sông im nghe nước chảy về đâu…
Một người ngồi bên ni sông im nghe nước chảy qua cầu,…."

Kỷ niệm cũ chỉ còn là một thoáng hương xưa, quyện theo gió, đã cùng em bay về trời,…Vĩnh biệt tình anh!

……
Việt Nam,9.1987.

Người cựu sĩ quan V NCH, K…, Cựu Đại Uý Biệt Động Quân Nguyễn Phong, đi "tù cải tạo" 12 năm 3 tháng qua các trại tù Long Giao, Long Khánh, rồi ra đất Bắc (qua nhiều trại giam, nghe đâu tại những nơi như vùng rừng núi Hoàng Liên Sơn, Vĩnh Phú, Nam Hà). Trở về Sài gòn vào tháng 9.1987. Lập gia đình, hành nghề ":thợ đụng"! (như nhiều "tù cải tạo" khác khi bước ra "nhà tù lớn").

California, 5.1991:

Người cựu "tù cải tạo" qua Mỹ cùng vợ và con gái theo diện H.O. Định cư ở vùng Quận Cam (Orange County). Sinh thêm một đứa con trai tại Mỹ, và hiện sống hạnh phúc trong một căn nhà nhỏ hẹp nhưng ấm cúng và tình nồng.

Virginia,8.1986:

Ngô thị Thanh D. bị bạo bệnh và mất. Mãi đến khi trở về "nhà tù lớn" thì Nguyễn Phong mới được cha mẹ của D. cho biết tin buồn đó. Mùa hè năm 1986 Phong còn nhận được món quà "khá thịnh soạn" của gia đình (bằng tiền của D. gởi giúp, và hứa…(sau khi biết được địa chỉ mới của gia đình Phong tại "vùng kinh tế mới"). Nhưng đó là lá thư đầu và cũng là lá thư cuối mà gia đinh Phong đã nhận được từ D. Khi Phong ra tù, biết được tin buồn, thì gia đình mới hay là sau khi gởi quà cho Phong thì D. mất, nên những lời hứa với cha mẹ của Phong cũng đã theo D. về trời ngày đó,…

8.1999: Phong đáp chuyến bay từ Los Angeles đi Washington DC vào đúng ngày giỗ của D. Phong mua một bó hoa hồng trắng, đi vào nghĩa trang thành phố. Phong đi giữa những bãi cỏ xanh, ven lối vào những hàng cây Sapin xanh thẫm về chiều, lòng bâng khuâng buồn, theo như lời hướng dẫn chị của D., ngôi mộ thứ 3 hàng cuối. Hình D. trên tấm bia như đang mỉm cười với Phong và vẫn xinh như ngày nào. Ngô thị Thanh D. sinh ngày ...tại Đàlạt, Việt Nam. Mất ngày…tại Virginia, Hoa Kỳ. Hưởng dương 37 tuổi.

"*Một người ngồi bên kia sông im nghe nước chảy về đâu.*
Một người ngồi đây trông hoa trôi theo nước chảy xuôi giòng…
Nước vẫn trôi mau, mắt vẫn hoen sầu, đành để tình theo nước trôi không mầu.
Số kiếp hay sao không cho bắt cầu, thì xin sông nước hãy cho gần nhau!.....".
Sài Gòn 4.2015

TÌNH XƯA

Y ! Vân bạch thuỷ thương lưỡng tương huyền tuyệt. Nhân sinh nhi bất đắc nhất tri kỷ tất cô thầm tịch tịch.

Túng sử thiên tuế năng trường tại hựu hà vi tai.

Anh có thói quen dễ thương là viết thư cho em mỗi ngày. Nên mỗi ngày trước khi đi học, em đều xuống lấy thư, chiếc thùng thư nhà em được treo lên gốc cây thông già cạnh con dốc nhỏ, đó cũng là niềm vui nhỏ và thú vị của em anh ạ - em mở thư và cười.

Em nhớ có một lá thư anh viết cho em câu này, và anh dịch ra lời Việt hay tuyệt vời, nên em học thuộc lòng và nhớ đến bây giờ - anh thật khôn, để em không thể nào quên anh, dù đã bao năm rồi anh nhỉ, có lẽ là 45 năm.

Rồi một lần em nhận bưu phẩm: tập nhạc " Ngày đó chúng mình yêu nhau " của Phạm D. Anh đề tặng ở trang đầu "tặng N. Để nhớ mùa giáng sinh rét mướt đầu tiên của anh nơi Đàlat" tháng 12.1968..

Anh được ra phố ngày Chúa nhật, lại gởi tặng em cuốn nhạc “Những tình khúc bất tử " của Phạm D. Anh viết "để cho khoảnh khắc thành vĩnh cửu". Em tập đàn và hát, cho đến bây giờ vẫn lẩm nhẩm hát một mình những lúc em buồn.

Anh không biết làm thơ, bản tính hiền hoà ít nói nên mỗi lúc ra nhà chỉ biết ngồi im lặng nhìn em. Anh chỉ biết mượn những lời nhạc, lời thơ, ý hay của thiên hạ để cho em hiểu từ xa xa thôi. Vậy mà em không hiểu ra để đáp lại và anh thì thương em như vậy nhưng chưa một lần dám nắm tay em.

Cái ấn tượng đầu tiên em thấy ở anh là đôi mắt nai hiền lành, cái giọng Bắc nhẹ nhàng dễ nghe pha một chút miền Nam, chữ anh viết đẹp và lời thư của anh mạch lạc dễ thương. Chắc điều nầy cũng ảnh hưởng đến em nhiều, chữ em viết cũng đẹp và bài văn em cũng tàm tạm. Nhưng điều nầy anh không thể biết được đâu.

Lần anh đưa cho em 2 tấm vé xem phim "Le Partenaise" ở rạp Ngọc Lan, em gật đầu đi cùng vì thấy đôi mắt anh nhìn em tội nghiệp quá. Phim hay dễ thương làm em xúc động, nhưng trong bóng tối của rạp anh cũng không dám nắm tay em. Mình đi ăn tối và anh đưa em về, con đường về nhà em rất đẹp nhiều hàng cây thông xanh kín cả hai bên đường, bóng đèn mờ nhạt ban đêm, chỉ có anh và em - anh vẫn chưa một lần nắm lấy tay em.

Có phải vì anh ít nói, vì anh rụt rè, vì anh thường im lặng, từ tốn, nhẹ nhàng trong mọi việc, nên anh cũng nhẹ nhàng đi qua cuộc đời em, anh quá nhút nhát rụt rè còn em thì do dự, tự ái, thời đó đâu có chuyện con gái lại đi nắm tay con trai trước. Giờ nghĩ lại thấy thương và tội nghiệp anh. Phải mà được quay trở lại thời xưa, được sống lại một lần như vậy, em sẽ không bỏ qua mà sẽ nắm lấy tay anh trước, không hờn, không giận nữa, để được đi cùng anh cho đến hết cuộc đời.

Những lúc buồn bã quá, em thường nghĩ về những chuyện ngày xưa, em có nhiều bạn bè, những người anh, những người chị nhưng không có ai như anh, hiền lành, nhân hậu, thương yêu

em như vậy mà rồi lặng lẽ đi qua cuộc đời nhau. Những lúc cơ cực khổ đau, cay đắng theo với thời vận của đất nước em thường nhớ về anh, chàng trai rụt rè, e thẹn hiền lành đó bây giờ nơi đâu, có sẽ thương quí, nâng niu mình như những ngày xưa và sẽ cho em một cuộc đời êm ả, nhẹ nhàng và hạnh phúc.

Em cũng nhớ ngày anh đưa mẹ lên chơi Đàlạt, em cúi đầu chào bác. Người phụ nữ khiêm nhu, tóc vấn khăn vành Hà Nội làm em hoảng sợ và thiếu tự tin "Anh đưa mẹ đến nhà thăm ba má em nha", em đã lắc đầu không chịu, tại sao ? Giờ em cũng không hiểu tại sao, đột ngột quá làm em hoảng sợ, em còn trẻ quá, thêm một lần nữa anh lại nhẹ nhàng, im lặng, tự làm mọi việc không cho em biết. Em cũng dở, ngày đó đáng lý ra em phải hỏi anh, nhưng em đã không hề hỏi anh.

Anh ra trường, đến nhà chào hỏi ba mẹ và em, nhẹ nhàng như khi anh đến, cái dáng rụt rè hiền lành đến lạ. Và anh đi nhẹ nhàng như cơn gió thoảng.

Ngày anh trở về, 2 năm sau, lặng lẽ đi theo con dốc nhỏ quanh triền đồi, bước vào phòng khách nhà em “N. ơi" em quay lại bất ngờ. Anh đã về, anh trở về, nụ cười rạng rỡ, tự tin như chưa bao giờ em được thấy. Ra với cuộc đời và đã lớn hơn, nhưng anh về lần đó, anh về và đã không còn em nữa. Ngày mai, em không dám nói, chỉ lặng lẽ cầm đưa anh cái thiệp đính hôn -ngày mai là lễ đính hôn của em. Anh chào em rồi quay lưng bước đi, em nhìn theo mãi dáng anh khuất dần trên con dốc nhỏ đầy hoa bìm bịp tím. Chỉ muốn khóc nhưng em biết làm sao hả anh?

Bây giờ thì anh đã ở cách xa em quá, bên kia đại dương, anh đã có một cuộc đời hạnh phúc bên vợ và các con. Ai rồi cũng vậy, em đã có một cuộc đời khác bên chồng và các con em. Em ở lại Việt Nam, chồng em đi tù cũng như những sĩ quan khác, em ở nhà dạy học vất vả mưu sinh, dù trong cơ cực, đắng cay, chua xót vẫn cố gắng đứng lên, không quị ngã. Các con em đã nên người, chăm sóc lại cho ba mẹ. Đó cũng là hạnh phúc, dù có thể không bằng ai, nhưng hạnh phúc theo em là mình bằng lòng với cái mình có phải không anh?

Những ngày xưa chỉ còn là kỷ niệm, với anh em vẫn nhớ đến bây giờ, những kỷ niệm đẹp, dễ thương không thể quên, không thể nào quên H. à.

Ôi ! Mây trắng với nước xanh xa nhau vời vợi.

Trên đời, dẫu có sống đến ngàn tuổi mà không gặp được người tri kỷ, thì cuộc sống quạnh hiu kia cũng bằng thừa…

Tặng Ng. Th. H.
Lê Yên Chi

LÂM VIÊN - TRINH NỮ VẪN CHỜ

Thu Lai

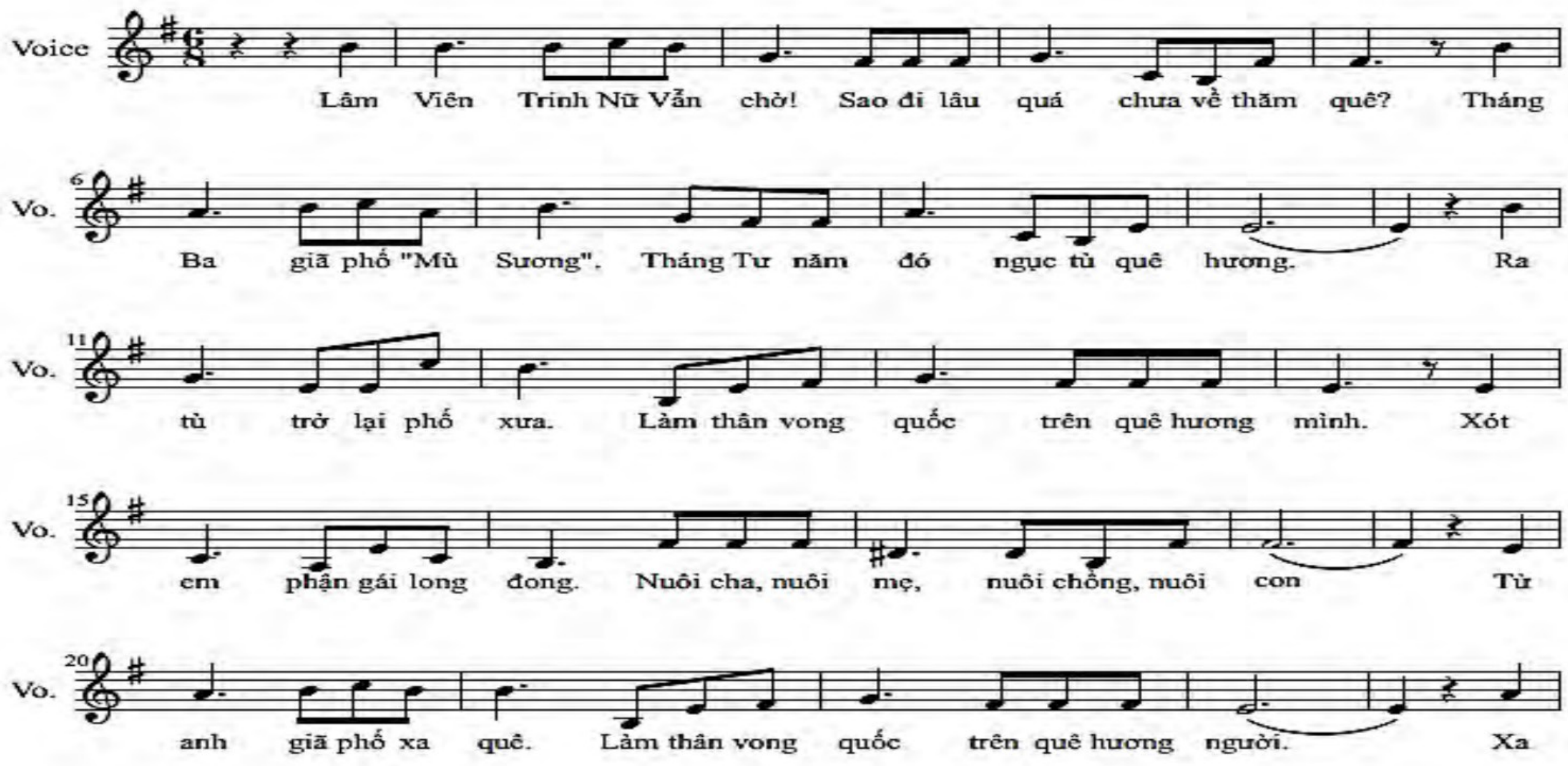

25
Vo.
quê, tính tháng tính ngày. Đến nay cũng đủ bốn mươi năm rồi. Nhớ

29
Vo.
quê đếm phút đếm giây. Bốn mươi năm lẻ chẳng hề nguôi ngoai Đà

34
Vo.
Lạt giờ đã vào Thu. Hàng thông năm cũ vẫn chờ Xuân sang Lâm

38
Vo.
Viên Trinh Nữ vẫn chờ. Bao nhiêu Xuân nữa mới về cố hương? Lâm

42
Vo.
Để Kết
Viên Trinh Nữ vẫn chờ. Bao nhiêu Xuân nữa mới về cố hương?! Lâm

47
Vo.
Viên Trinh Nữ Vẫn Chờ

Bao Giờ Cho Tôi Quên...

Tường Thúy

Giới thiệu tác giả:

**Là Phu nhân CSVSQ Hà Mạnh Sơn Trường VBQGVN- Khóa 20*

**Trước năm 1975:*

- Cử nhân Luật Khoa

- Công chức Ngân Hàng USA

**Hiện tại:*

- Đã từng viết cho báo:

Quê Hương, Đa Hiệu, Bất Khuất (on line), VietNam Daily News, Người Việt News, But Tre magazine…

-Đã xuất bản tập thơ Thì Thầm Cùng Anh

Có ai trong chúng ta đã quên cái ngày ba mươi, tháng tư, năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm? Một ngày của 40 năm trước, mà mỗi khi nhắc đến, nhớ lại là như thấy có những xót xa làm nghèn nghẹn con tim, một niềm đau làm rưng rưng bờ mắt và một sự tiếc nuối không bao giờ nguôi về một nơi chốn thân yêu n gày nào, giờ đã thành "nghìn t rùng x a c ách": Saigon, Việt Nam.

Tôi không bao giờ quên vào những ngày cuối cùng của tháng tư, năm đó. Trước khi miền Nam hoàn toàn bị cộng sản Bắc Việt cưỡng chiếm, người dân Saigon đã sống trong nỗi lo sợ, rối loạn, kinh hoàng chưa từng có! Từ ba giờ chiều ngày 29 tháng 4, Cộng sản đã xử dụng đại pháo 130 ly và hỏa tiễn 122 ly bắn vào Sài gòn, đạn pháo rớt vào những khu vực đông dân cư; đặc biệt vào phi trường Tân Sơn Nhất và vùng phụ cận... Chúng bắn mà không cần biết những quả pháo đó rơi về đâu, nên đã gây ra không biết là bao nhiêu thương vong cho những người dân lành vô tội. Gia

đình chúng tôi ở trong cư xá, đối diện với cổng chính của bộ Tổng Tham Mưu, trên đường Cách mạng 1 tháng 11, rất gần với phi trường. Suốt đêm đó chúng tôi không thể nào ngủ được, Bố tôi cùng các em và ba mẹ con tôi cùng quấn quít bên nhau, ngồi trong một góc nhà, vừa sợ, vừa lo. Tiếng đạn nổ rất gần, hai đứa con tôi dù nằm trong lòng mẹ mà vẫn cứ run lên và khóc vì sợ:

- Mẹ ơi, con sợ quá!

Tôi ôm chặt hai con vào lòng mà nước mắt cũng ràn rụa:

- Đừng sợ, có mẹ đây. Không sao đâu, mẹ ôm con nè, con đừng sợ, có ông và các cô, các chú ở đây nữa, không sao đâu con.

Tuy miệng dỗ dành con nhưng thật sự trong lòng tôi cũng đang run lên, nghĩ thương con lại nhớ đến chồng. Giờ này anh đang ở đâu, tôi lo cho anh quá, phải chi lúc này có anh bên cạnh thì mẹ con tôi cũng không phải sợ, không phải lo nhiều như thế này.

Tiếng đạn pháo cứ rít trên mái nhà, sau đó là tiếng nổ ầm ầm, tiếng nổ rất gần, và chúng tôi, dù không nói ra, nhưng cùng hiểu rằng còn nghe tiếng đạn rít tức là đạn pháo, hỏa tiễn đã bay qua nhà, mình coi như được an toàn trong khoảnh khắc nầy…

Ngồi trong góc nhà, nhìn qua cửa sổ, những lằn lửa đạn đan kín bầu trời và hướng về phía phi trường, vào lúc gần sáng đạn pháo mới ngớt dần. Lại nhớ, những năm tháng trước đó, mỗi khi Việt cộng pháo kích vào thành phố, sau quả đạn pháo đầu tiên là chúng tôi đã nghe tiếng máy bay quan sát âm ì trên bầu trời, rồi hỏa châu sáng rực, soi rõ Saigon ban đêm, và rồi đạn pháo kích cũng không còn. Người dân Saigon đã yên tâm đi vào giấc ngủ trong sự bảo vệ của các chiến sĩ không quân VNCH. Nhưng đêm nay, Saigon đã không còn được sự bảo vệ của các anh nữa, nên Tân Sơn Nhất cũng như nhiều nơi vùng dân cư lân cận, đã tan hoang trong cơn mưa hỏa tiễn của Việt Cộng, mà người chết thì không thể đếm được.

Sáng ngày 30 tháng 4, chúng tôi và những người dân quanh vùng đã bắt gặp những khuôn mặt thất thần của những người di tản chạy ra từ phi trường Tân Sơn Nhất, như vừa từ cõi chết trở về. Những khuôn mặt này, những giọng nói này không bao giờ tôi có thể quên:

- Trời ơi, ghê quá, chết nhiều quá.Máu me khắp nơi, thịt xương vương vãi. Sợ quá, trời ơi, sợ quá.

Cùng với những khuôn mặt thất thần đó, chúng tôi cũng đã gặp được trên đường phố, từng tốp, từng tốp, những đoàn quân nhếch nhác, ốm đói, mặt mày ngơ ngáo của một lũ mán về thành phố! Những ánh mắt như ngỡ ngàng trước sự phồn vinh của Saigon, nơi đã mang một danh xưng đẹp đẽ, một niềm hãnh diện của Việt Nam Cộng Hòa: Hòn Ngọc Viễn Đông. Những tên Việt

Cộng như thế đó mà lần đầu tiên trong đời tôi đã thật sự được nhìn họ bằng xương bằng thịt, không phải nhìn qua báo chí hay

truyền hình. Họ cũng là con người Việt Nam, có khác gì chúng tôi đâu, tại sao tâm địa họ lại tàn ác, lại dã man như loài thú dữ?
Đã hơn một tháng nay, chồng tôi không về nhà, anh hết ứng

chiến, đến trực trại, rồi cấm quân 100%. Sau một đêm kinh hoàng vì trận pháo kích, tôi vẫn không quên lo cho chồng, không biết bây giờ anh ở đâu? Sáng ra, khi vừa dứt những đợt pháo kích, tôi vội gửi con cho Bố và các em trông dùm, rồi đạp xe lên sở của anh trên đường Hồng Thập Tự để tìm chồng. Tới nơi, tôi nhìn vào trại vắng hoe, thấp thoáng thấy bóng mấy tên bộ đôi, tôi biết chồng tôi không còn trong đó, nhưng anh đi đâu? Lo lắng, tôi đạp xe vòng quanh ra gần tới xa lộ. Dọc đường thấy nhiều quân phục, giầy, mũ vất đầy trên đường. Nhìn thấy cảnh tượng này, tôi đã trào nước mắt và nghe đau nhói trong tim… Không tìm thấy anh, tôi quay về trong lo âu: " *Anh ở đâu? Có bao giờ anh vào trong phi trường TSN không?"*

Vừa bước chân về, đã thấy anh đứng đón ở cửa với cặp mắt đỏ hoe, chưa kịp mừng, anh đã ôm vai tôi kéo vội vào nhà.

- Em đi đâu về vậy, hoàn cảnh như thế này còn bỏ các con ở nhà mà đi, em biết anh lo cho em lắm không?

- Em biết, nhưng cả tháng trời chẳng thấy bóng dáng anh đâu, đã vậy đêm hôm qua pháo kích suốt đêm, em lo cho anh nên mới đi lên sở anh để tìm.Mà mấy hôm nay anh ở đâu, sao không về nhà?

- Mấy hôm trước thì vẫn bị cấm quân không về được. Đêm qua nghe pháo kích vào TSN, cả đêm anh không ngủ được, sáng nay chạy vội về, thấy cả nhà không sao, anh yên tâm, nhưng hỏi đến em, không thấy em đâu làm anh lo lắng vô cùng.

Đến trưa thì cả nhà tôi nghe ông Dương Văn Mình đọc bản đầu hàng trên đài phát thanh và kêu gọi anh em binh sĩ VNCH buông súng. Tôi thấy anh ôm mặt bật khóc: *"Hết rồi, hết thật rồi Hạnh ơi*". Rồi anh gục đầu trên vai tôi. Nước mắt tôi cũng ràn rụa trên má, không biết nói gì bây giờ, tôi ôm anh trong tay mình và vỗ nhẹ nhẹ trên lưng anh. Nhìn sang Bố tôi, cặp mắt cụ cũng đỏ hoe, cụ đứng lên đi vào phòng trong, dáng đi buồn nản như người thất trí, tôi nghe cụ lẩm bẩm:"*Tương lai lũ trẻ rồi sẽ ra sao đây?"* Ngoài đường thỉnh thoảng vang lên vài phát súng rời rạc của đám theo đóm ăn tàn mà chúng tôi gọi bọn chúng là những "kẻ ba mươi", đeo băng đỏ, đang diệu võ dương oai trên những chiếc xe jeep nhà binh của quân đội VNCH, chạy rong trên phố với cờ "giải phóng miền Nam" cắm trên xe, la hét như một lũ điên. Ôi, chán chường làm sao!

Mới đầu ở quận Tân Bình nơi chúng tôi cư ngụ, đám bộ đội đã tịch thu gạo của một số nhà buôn, cấp phát cho dân chúng trong phường để mị dân. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau đó, khi các sĩ quan quân lực VNCH bị đánh lừa đi tù với mỹ danh "học tập cải tạo", nhưng thực chất là tù không có ngày về, thì bộ mặt tàn ác của CS đã dần dần bộc lộ…Thế rồi những năm tháng sau đó, sự kềm kẹp người dân đã bắt đầu được thi hành, nào là "chế độ hộ khẩu" để hạn chế quyền tự do đi lại, "chế độ tem phiếu" thực phẩm để bóp nghẹt cái dạ dày người dân, "chính sách đổi tiền" để bần cùng hoá mọi người và nhất là khi bọn CS thi hành "cái gọi là" chính sách đánh tư sản mại bản để chiếm nhà, chiếm tài sản mồ hôi nước mắt của dân, thì người dân miền Nam đã hầu như bị gục ngã hoàn toàn!

Đang được hưởng một cuộc sống no đủ, tiện nghi của nền văn minh hiện đại, toàn dân miền Nam Việt Nam bị đẩy lùi về thời cổ đại hoang sơ, khi bọn CS đã đem những chính sách lỗi thời, lạc hậu, dốt nát và ngu xuẩn của bọn chúng áp đặt lên lớp người văn minh của miền Nam. Bắt đầu bằng lập lại sổ gia đình mà chúng gọi là "hộ khẩu", cấm tự do đi lại, mọi sự xuất nhập khỏi nơi cư trú đều phải khai báo. Rồi đến thời kỳ tem phiếu: gạo, đường …chúng gọi là nhu yếu phẩm cũng không được tự do buôn bán, tất cả đều thuộc quyền kinh doanh của nhà nước CS. Dân phải có sổ gạo, mua bao được bao nhiêu tuỳ theo số người trong gia đình. Cũng vì chính sách tàn ác này mà những năm tháng sống trong chế độ CS, người dân miền Nam đã lâm vào tình trạng đói thê thảm, cơm không có mà ăn, ngay cả đến khoai, sắn và nhất là bo bo, một loại thức ăn cho trâu bò, cũng không có đủ để lấp cho lưng lửng cái dạ dày lép xẹp của người dân. Còn đâu thời nấu cơm bằng bếp ga, bếp dầu, bếp điện, bếp than. Bây giờ điện, ga không có, nấu nướng chỉ có đun bằng củi mục, lá khô như những năm tháng của đầu thế kỷ 19.Trước năm 1954, khi còn ở Hànội,

tôi thường theo mẹ đi đến đường Lò Sũ nằm phía sau chợ Hôm để mua than đá về đun, hai mẹ con ngồi nắm từng nắm than giống như những quả bàng, nhưng có khá hơn bấy giờ là than nhiều hơn đất. Rồi hai mươi mốt năm sau, tôi lại cùng con gái ngồi nắm từng nắm than đá mà bùn nhiều hơn than, để nấu cơm không khác gì những ngày còn ở Hànội năm nào.

Đời sống người dân miền Nam càng ngày càng lầm than, đói khổ. Những đợt đổi tiền, đánh tư sản đã làm cho người dân trở thành "lớp người vô sản" bất đắc dĩ. Tiền bạc không có, phải bán dần những đồ đạc trong nhà mà sống, vì thế máy truyền hình, máy catsette, tủ lạnh, giường chiếu, đồ đạc v…v…đều dần dần rủ nhau ra đường để Bắc tiến (!). Dân miền Nam hồi đó gọi bọn CS miền Bắc là bọn bốn V, nghĩa là "Vào, Vơ, Vét, Về", đồng nghĩa với ăn cướp ngày. Điều này đủ hiểu người dân Miền Nam đã "sáng mắt sáng lòng" thấy kinh tởm, khinh ghét bọn chúng như thế nào.

Tôi còn nhớ, trên một chuyến xe buýt, một bà cụ người Bắc di cư, đã chỉ vào mặt mấy tên bộ đội đang dành chỗ ngồi với bà:

-Tao đã sợ tụi mày quá rồi, từ miền Bắc tao chạy vào đây, sao tụi mày còn đuổi theo, bây giờ lại còn dành chỗ ngồi với tao nữa. Cộng Sản tụi bây là một lũ côn đồ, khát máu. Đi đi, đi về Bắc đi, trả chỗ lại cho tao.

Mấy tên bộ đội mặt cứ nghệch ra, chả hiểu sao bà cụ này lại chửi mình, nhưng người dân miền Nam thì ai cũng hiểu rõ câu chửi của bà, bởi vì người ta đã quá chán ghét những bộ mặt lừa dối và tham tàn của bọn CS miền Bắc lắm rồi!

Khi chồng tôi bị đi "tù cải tạo", một nách với hai đứa con thơ dại và một bào thai trong bụng, tôi lo lắng không biết làm sao để có tiền nuôi con và nuôi chính bản thân mình, khi mà số tiền dành dụm đã mất dần bởi những đợt đổi tiền, vì thế, sau khi sanh, tôi bắt đầu phải ra ngoài kiếm sống. Đây là một việc thật khó khăn đối với tôi, khi còn bé, sống dưới sự đùm bọc của mẹ cha, đến khi lập gia đình thì nương dựa vào chồng, có biết buôn bán là gì đâu! Các cụ xưa đã nói:"Đói thì đầu gối phải bò" và tôi đã bò, đã cố tập tành buôn bán, cố học hỏi cách kiếm sống ở bạn bè và những người chung quanh, nhưng cùng lúc phải luôn cảnh thức trước những cạm bẫy, trước những cám dỗ, đương đầu với không biết bao nhiêu những khó khăn trắc trở trong một "xã hội mới" đầy dẫy những xấu xa, bẩn thỉu, hầu bảo vệ những đứa con thơ và tự bảo vệ chính mình. Không có việc gì kiếm tiền lương thiện bằng khả năng mình có thể làm được mà tôi bỏ qua như lấy bánh giò đi bỏ mối ở các nơi, đạp xe lên chợ đầu mối Kim Biên mua xà bông, mua hột vịt về bỏ mối cho các sạp bán lẻ ngoài chợ. May chiếu xuất khẩu cho HTX Ngọc Xuân ở Gò Vấp, hoặc ra chợ trời bán thuốc tây, bán quần áo cũ, bán bánh mì…. Cũng như tất cả

những người vợ "tù cải tạo" khác, đây là những công việc chúng tôi chỉ có thể "được" làm sau khi bị đuổi ra khỏi các công sở. Nhưng khốn thay, dưới chế độ CS, những nghề này lại bị coi là ăn bám xã hội, bị đuổi đến cùng, diệt tận. Lúc bấy giờ việc bắt bớ những người buôn bán như chúng tôi là chuyện thường ngày xảy ra ở bất cứ thành phố nào trong toàn miền Nam. Hình ảnh của những đám quần áo cũ bay tung tóe trên sân chợ, những xe đồ ăn, sọt trái cây bị lũ côn đồ công an khiêng lên xe mang về phường và những khuôn mặt mếu máo, thất thần đầy nước mắt của nạn nhân bị cướp cạn bởi bọn cộng phỉ, lại hiển hiện trước mắt tôi như mới vừa xảy ra. Đó là đối với những người may mắn thoát thân được không bị chúng bắt đưa lên xe, còn chẳng may bị bắt đưa về phường thì hàng hóa bị tịch thu, phải nộp phạt, nếu không có tiền nộp phạt sẽ bị tập trung đưa đi làm lao động xã hội chủ nghĩa ở những nơi khỉ ho cò gáy, hay khá hơn, là lao động tại đâu đó thuộc vùng ven đô. Bố đi tù, mẹ bị bắt, những đứa con thơ ở nhà sẽ ra sao? Còn nếu nộp phạt thì vốn còn đâu mà tiếp tục buôn bán, mà nuôi con? Không có sự hành hạ người dân nào tàn nhẫn, vô nhân đạo bằng cái chế độ CS cả.

Rồi làm sao tôi quên được những ngày tháng lang thang tìm chồng trên những lối mòn, đường tắt, trong những rừng sâu, núi thẳm của quê hương mình. Có lẽ, không người phụ nữ nước nào lại khốn khổ tột cùng như những người phụ nữ của miền Nam VN. Khi đất nước chiến tranh, người chồng lên đường theo tiếng gọi quê hương, bảo vệ tổ quốc, thì họ được gọi là những chinh phụ. Người chinh phụ đã thay chồng lo toan trong ngoài, phụng dưỡng cha già, mẹ yếu cùng nuôi dưỡng chăm dạy đàn con thơ dại như nàng chinh phụ trong Chinh Phụ Ngâm:

Lòng lão thân buồn khi tựa cửa
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm
Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam
Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân

(Chinh Phụ Ngâm - Đặng Trần Côn)

Bổn phận của người làm dâu, làm mẹ, nặng tựa ngàn cân, cho nên, dù bên lòng có canh cánh nỗi nhớ thương, lo lắng cho người chồng đang xông pha trong lửa đạn, người chinh phụ cũng không thể sao lãng, họ chỉ có thể hàng đêm đối bóng mình nguyện cầu ơn trên trong nước mắt, cho chồng được bình an nơi chốn sa trường để sớm trở về mà thôi.

Rồi miền Nam thất thủ, vì sự tráo trở của đồng minh, thì những trại tù nơi núi thẳm rừng sâu lại là chốn giam giữ người chồng của họ và bây giờ những người chinh phụ đã có một danh xưng mới trong đời, đó là những "tù phụ", hay rõ nghĩa hơn là "vợ tù cải tạo". Cùng là hoàn cảnh phải sống xa chồng, nhưng có những sự khác biệt giữa người chinh phụ và "tù phụ". Chinh phụ trước 75

còn được hưởng trọn vẹn những quyền tự do của một con người, họ vẫn đủ ăn đủ mặc, chưa bao giờ phải lâm vào hoàn cảnh đói khổ cùng cực, ốm đau không có thuốc men…Nhưng trái lại, "tù phụ" của thời đại, dưới chế độ CS, họ đã mất hết, từ vật chất đến tinh thần. Tuy không bị nhốt trong song sắt, nhưng cuộc đời của mọi người có khác gì sống trong một nhà tù đâu, mọi thứ đã bị tước đoạt, mọi cấm đoán đều được thi hành. Đói khổ triền miên, cuộc sống khác nào dưới địa ngục.

Đối với người dân còn khổ sở như thế thì thử hỏi, với những người mà bọn CS coi là có "nợ máu với nhân dân" như các sĩ quan của chế độ VNCH, đời sống các anh sẽ tàn tệ tới mức nào ở trong những nhà tù mệnh danh "trại cải tạo" ấy.

Thật mỉa mai thay "Cải tạo viên"
Đọa đày cực khổ, đói triền miên
Mồ hôi, nước mắt hoà rau muối
Một kiếp tù đày trong lãng quên

Lời hẹn, mười ngày, một tháng qua đã lâu, mà bóng dáng các anh vẫn biền biệt phương nào, không một tin tức gì về những người ra đi "học tập" theo lệnh địa phương. Chúng tôi, những "tù phụ", đã lo lắng cho sự an nguy của các anh, thế rồi không ai bảo ai, chúng tôi cùng nhau đi tìm chồng. Bất cứ nơi nào nghe nói có dấu chân của những người "tù cải tạo", là nơi đó thấp thoáng có bóng những người vợ của tù cải tạo, dù cho đó là những địa danh chưa hề được nghe nói đến, chứ nói chi đã từng đặt chân tới. Họ rủ nhau đi tìm các anh mà không hề tiên đoán được những bất trắc có thể xảy ra cho những người vợ trẻ. Nào là Long Khánh,

Long Giao, Hàm Tân, Suối Máu, Tiên Lãng, Xuyên Mộc, Tây Ninh…, những năm tháng đầu, không nơi nào mà chúng tôi không đi đến. Sau vài lần tìm kiếm, may mắn tôi đã đến đúng chỗ anh bị giam, gửi cho anh được ít quà nhưng chưa bao giờ được gặp mặt. Quà thì được gửi mà bóng chồng vẫn cứ vắng biệt tăm hơi.

Rồi lần tìm kiếm cuối cùng thì tôi được biết các anh đã bị chuyển trại. Chuyển đi đâu không ai được biết, làm sao tìm thấy anh bây giờ.Tôi quay về với niềm thất vọng hoàn toàn và lòng thương nhớ anh vô bờ. Bây giờ, tiền bạc không còn bao nhiêu,và cũng không biết chồng ở đâu, tôi đành chỉ biết ngày ngày khấn nguyện ơn trên và mong đợi anh trở về, dù sự mong đợi này tôi biết là vô vọng…

Năm tháng dần trôi, gần năm năm trời không hề có một tin tức nào về anh, dù vậy tôi vẫn phải sống, lấy hết nghị lực để mà sống vì bên cạnh tôi vẫn còn những đứa con thơ, cần sự chở che chăm sóc của người mẹ khi mà bố đã xa nhà, hơn nữa tôi vẫn còn tình yêu của anh, tôi tin vậy, dù không biết bây giờ anh đang ở đâu, nơi rừng sâu núi thẳm nào, sống chết ra sao. Cho đến một hôm tôi nhận được lá thư đầu tiên anh gửi cho tôi từ một nơi miền Bắc xa xôi ngàn trùng: Phong Quang, Lào Cai. Cầm lá thư mà tôi thấy tim mình như bật máu, nước mắt trào ra và tôi hiểu hy vọng gặp lại chồng quá là mong manh: "*Trời ơi, cuộc đời sao lại tàn nhẫn như thế này hả trời?*" Và tôi đã sống trong niềm nhớ thương chồng với cái hy vọng mong manh ấy cho tới ngày nhận được giấy đi thăm nuôi anh. Biết nói làm sao hết nỗi vui mừng vì anh vẫn còn sống và tôi sẽ được gặp anh.

Ngày mai hai đứa mới gặp nhau
Rồi lại chia tay, lại hẹn sầu
Em về, mang mảnh hồn tê tái
Anh ở, coi thường kiếp khổ đau

Rồi trải qua bao nhiêu vất vả, gian truân, những lần thăm nuôi đã cùng tôi theo bước chân anh từ Long Giao, đến Hà Nam Ninh, rồi từ Hà Nam Ninh về Hàm Tân, và sau cùng từ nơi nhà tù nhỏ Hàm Tân này, anh đã bước ra "nhà tù lớn Saigon" vào tháng bảy năm 1982. Trong vòng ôm gầy guộc nhưng ấm áp, thân yêu của anh, tôi đã khóc, vâng tôi đã khóc, dù tôi đã từng khóc nhiều lần nhưng lần này là những giọt nước mắt cho hạnh phúc, vì trời còn thương, cuối cùng mình vẫn còn có nhau.

Hôm nay đây, khi ngồi viết những dòng chữ này, quá khứ lại hiện về thật rõ trong trí nhớ của tôi, như thể tôi đang ngồi xem một cuốn phim quay chậm về một đoạn đời thương đau của mình, của đất nước. Những cảm xúc buồn đau, khổ cực của những ngày đó như vẫn còn tràn đầy trong tim.

Cái quá khứ bắt đầu từ ngày 30 tháng tư năm 75, như một vết thương không bao giờ lành miệng. Nó đau âm ỉ, nó nhức nhối, nó rỉ máu mỗi khi nhắc đến… Làm sao tôi quên được! Sẽ không bao giờ quên khi vết thương vẫn còn đó, nỗi đau vẫn còn đây, nhất là nước Việt Nam thân yêu của tôi vẫn còn đang quằn quại trong chế độ CS bạo tàn, chế độ tàn ác nhất trong suốt dòng lịch sử Việt Nam. Biết bao giờ tôi mới quên? Biết bao giờ cho tôi quên?...

Tường Thúy Tucson – AZ - 2015

tháng tư,

cột đèn không cẳng đi ra biển

mặc cho gió mưa , người ra biển
ở đây cũng chết, chỉ còn liều
tháng Tư, lùa tù lên núi ở
thị thành lúc nhúc, cảnh ruồi bu!
mùa nầy năm xưa , anh ra biển
vợ con bỏ lại, phú cho trời
anh như chuột rúc, trốn chui nhũi

cũng thí mạng cùi, với cuộc chơi
tháng Tư ơi hỡi ! trời rơi lệ
giọt buồn nhỏ xuống, thấm non sông
cột đèn không cẳng, đi ra biển
"cách mạng 30", ở đất liền
tháng Tư sợ quá, lên cơn sốt
chỉ còn thần dược... đi vượt biên
chỉ còn bỏ chạy, cho xa khuất
ở lại làm chi, với xích xiềng!
ở lại làm chi , hỡi người ta?
thà ra biển chết, ngóng quê nhà
thà ra biển chết, mà không nhục
ở lại làm gì, người Quốc gia ?
anh viết bài thơ buồn, tháng chạp
nước mất nhà tan, phận lưu đày
hởi ơi ! tháng chạp buồn như vậy
thì tháng Tư buồn biết bao nhiêu !

Cali - Nguyễn Đông Giang

Truyện ngắn

NGƯỜI XƯA GIẤU MẶT

LGT.- Điệp Mỹ Linh là bút hiệu của Nguyễn Thị Thanh Điệp. Thời gian sinh hoạt âm nhạc Điệp Mỹ Linh dùng tên thật – Thanh Điệp.

Thanh Điệp ước mơ được trở thành một nghệ sĩ trình diễn; nhưng Ông Bà Cụ không cho phép. Ông Cụ lại khuyến khích Thanh Điệp cầm bút; vì lúc đó Ông Cụ – bút hiệu Điệp Linh – đang cộng tác với báo Đuốc Thiên và Sóng Thần.

Điệp Mỹ Linh bắt đầu cầm bút năm 1961 với vài bút hiệu khác nhau như Nguyễn Thị Kiều Lam, Thủy Điện, Thanh Điệp và Điệp Mỹ Linh; có bài đăng trên Đuốc Thiên, Tin Sáng, Tia Sáng, Sóng Thần, v.v… Những tác phẩm đã xuất bản của Điệp Mỹ Linh: Một Đoạn Đường, Bước Chân Non, Sau Cuộc Chiến, Hải-Quân V.N.C.H. Ra Khơi, 1975, Cuồng Lưu, Tưởng Như Trở Về, Tìm Viết Chân Xưa và Trăng Lạnh.

Trước khi từ giã nhau, Ngân Khánh nói vớiYên Chi:

- *Về bên đó gặp bồ sau. Nhớ đừng nói lại với ai về việc "cha cà chớn", có vợ đẹp, con ngoan mà còn đi "tù ti tú tí", nha.*

Yên Chi cười *"Okay"*. Quay lại, Yên Chi chưa kịp hỏi hai cháu nội

– Paul và Diana – xem hai cháu đã chọn được món quà nào ưng ý chưa thì Luân, con trai của Yên Chi, học trường Bà Sơ từ nhỏ,hỏi:

- *Măng! Đi "tù ti tú tí" là đi đâu?*

Paul và Diana đến bên Yên Chi vừa khi Yên Chi đáp lời Luân:

- Là đi "có bồ có bịch" đó mà.

Paul và Diana chỉ nghe được "lỏm bỏm" tiếng Việt chứ không hiểu. Paul hỏi Yên Chi bằng tiếng Anh:

- "Ba Noi"! Đi "co bo co bit" là đi đâu?

Yên Chi đáp bằng tiếng Anh:

- Con còn con nít, đừng hỏi.

Paul nắm tay Diana, kéo đi:

- Đi, Diana. "Ba Noi" không nói thì anh em mình đi "co bo co bit"...

Paul chưa dứt câu, cả Yên Chi và Luân cùng phát âm một lúc *"No!".* Hai đứa bé đều tròn mắt, hết nhìn "Ba Noi" lại nhìn "Daddy". Yên Chi dịu dàng:

- Bà Nội nói rồi, người lớn mới được "có bồ có bịch", hiểu chưa?

Paul kéo tay Luân:

- Đi, Daddy! Daddy đi với chúng con thì chúng ta có thể "co bo co bit".

Luân cười lớn:

- Your Mommy không cho Daddy có bồ có bịch đâu.

Hai đứa bé đưa tay lên Trời, lắc đầu:

- Chịu thua tiếng Việt!

Thấy bốn người Việt mà đối thoại nửa Mỹ nửa Ta, khách qua đường hơi chậm bước, cùng với mấy người bán hàng đều cười. Ngại nhiều người để ý, Yên Chi nói nhỏ với Luân:

- Mình đi chỗ khác, con.

Vừa đi được một khoảng ngắn, Yên Chi chợt nghe thoang thoảng trong không gian tiếng *Guitar* văng vẳng một tình khúc mà Yên Chi rất thích.Yên Chi dừng bước, nhíu mày, lắng nghe. Yên Chi nhận ra tiếng *Acoustic Guitar* không phải từ *radio*. Chỉ vài giây sau, tiếng hát vang lên nho nhỏ, khàn khàn:*"Some say love it is a river that drowns the tender reed. Some say love it is a razor that leaves your soul to bleed…"(*1)Yên Chi dừng bước.Theo tiếng hát, Yên Chi cảm thấy nặng lòng vì niềm thương nhớ người xưa cuồn cuộn trở về. Yên Chi bước chầm chậm về hướng phát ra tiếng hát. Vừa lúc đó vợ của Luân xuất hiện, phát ngôn bằng tiếng Anh, vì tiếng Việt rất kém:

- Măng đi đâu vậy? Con xong chuyện rồi. Măng đi ăn trưa với chúng con.

- Măng chưa đói. Hai con với các cháu đi ăn đi; ăn xong trở lại đây đón Măng.

- Con sẽ điện thoại cho Măng khi chúng con ăn xong. Okay?

Yên Chi chưa kịp đáp*"Okay"* thì nghe tiếng Paul:

- "Ba Noi"! "Ba Noi" đi "co bo co bit" phải không?

Yên Chi lắc đầu, cười, khoát tay ra hiệu cho con cháu lên chiếc xe thuê.

Yên Chi chỉ qua khỏi vài gian hàng thì thấy vài người ngoại quốc đang đứng quanh một người đàn ông. Tiếng hát và tiếng đàn phát xuất từ nơi này: "*…Some say love, it is a hunger, an endless aching need. I say love, it is a flower, and you it's only seed…"(2)*

Khi còn cách mấy người ngoại quốc vài bước, Yên Chi thấy một người Á-Đông, tóc thưa và bạc phơ, ngồi trên chiếc ghế xếp. Ông mặc áo thun, quần ngắn. Cạnh Ông là chiếc nạn gỗ. Đến gần,Yên Chi thấy đôi chân và gương mặt của Ông đầy sẹo. Vết sẹo nơi môi của Ông giải thích cho Yên Chi vì sao có vài chữ Ông phát âm không chuẩn. Trước mặt Ông là một ghế nhựa; trên ghế để chiếc mũ cũ, xấp vé số và một tấm bìa dày, ghi: *"Xin vui lòng tự chọn vé số và cho tiền vào chiếc mũ này. Please select the ticket(s) of your choice and put the payment into this hat".* Ông ôm chiếc Guitar cũ, say sưa theo tiếng hát xót xa của chính Ông:"…

And the night has been too lonely. And the road has been too long. And you think that love is only for the lucky and the strong...”(3)
Vài người ngoại quốc và nhiều người Việt trông như du khách, khom xuống bỏ tiền vào chiếc mũ nhưng không lấy vé số.

Theo tiếng hát của ông bán vé số, Yên Chi tưởng như Yên Chi có thể thấy lại được hình ảnh Tuấn và Yên Chi bước chầm chậm trên bờ cát mịn trong những chiều Hè lộng gió bên bờ biển xưa. Những lúc đi bên nhau, “hai đứa” thường im lặng. Thỉnh thoảng “hai đứa” nhìn nhau,cười. Khi nào mỏi chân, “hai đứa” ngồi bên gốc dừa và Tuấn thường “ngân nga”: *“Some say love, it is a river, that drowns, the tender reed. Some say love, it is a razor, that leaves, your soul to bleed…”* Yên Chi nũng nịu: *“Sao anh cứ hát bài này hoài, nghe buồn quá!”*Tuấn chỉ im lặng, thở dài.

Không thể nào Yên Chi hiểu được tiếng thở dài của Tuấn. Đã nhiều lần, tại nhà Yên Chi, Tuấn gặp những “cây đại thụ” đang cố chinh phục tình cảm Yên Chi. Thời gian đầu, khi mới quen Yên Chi tại nhà người Chú, Tuấn đã được Tuyết – con người Chú – cho biết rằng gia đình Yên Chi rất khó và Yên Chi là một cô gái rất khó chinh phục.Tuyết lại bảo, những “cây đại thụ” đang cố chinh phục Yên Chi đang theo học tại các đại học ở Saigon. Tuấn tự nhủ chàng phải cố chinh phục Yên Chi trong mùa Hè này; nếu không, hết Hè, Yên Chi sẽ trở vào Saigon học, Tuấn không an tâm.

Dù đã mấy mươi năm qua, Yên Chi cũng vẫn chưa quên được buổi chiều thứ Bảy, lúc gia đình sửa soạn cúng Ông Ngoại của Yên Chi thì Khánh đến thăm. Trong số những người theo đuổi Yên Chi, Bà Ngoại và Ba Má của Yên Chi đều biết Khánh là người ít nói và hiền nhất. Yên Chi cũng hiền và ít nói. Gia đình thầm mong Yên Chi “chịu” Khánh thì sau này vợ chồng Khánh Chi sẽ thuận hòa, hạnh phúc.

Khánh đến thăm trong khi Bà Ngoại, Ba Má và anh em của Yên Chi đều phụ với bà giúp việc chưng dọn hoa quả và thức ăn lên bàn để cúng ông Ngoại của Yên Chi. Yên Chi nhận thấy Khánh tỏ ra hơi lúng túng, không ngờ chàng đến không đúng lúc. Khánh và Yên Chi cùng ngồi vào xa-lông.

Khánh và Yên Chi vừa thăm hỏi được vài câu thì một chàng mặc quân phục trắng xuất hiện. Yên chi giới thiệu: *"Thưa anh Khánh, đây là anh Tuấn, sinh viên sĩ quan Hải-Quân."* Xoay sang Tuấn, Yên Chi tiếp: *"Thưa anh Tuấn, đây là anh Khánh, sinh viên Y Khoa."* Vừa bắt tay Tuấn, Khánh vừa tỏ thái độ thân thiện: *"Hay quá! Anh cả của tôi cũng là Hải-Quân. Tôi vào Saigon học, ở nhờ nhà anh ấy đó."* Tuấn cười: *"Anh của anh tòng sự tại đâu ạ?"* Khánh đáp: *"Tại Bộ Tư Lệnh."* Tuấn cảm thấy không an tâm, vì nghĩ rằng "gốc" của Khánh rất "bự"! Tuấn để mũ "kết" lên bàn, xin lỗi Khánh để ra nhà sau chào Bà Ngoại, Ba Má và anh em của Yên Chi.

Thấy anh em của Yên Chi phụ bưng thức ăn lên bàn để cúng, Tuấn cũng vui vẻ bưng thức ăn, phụ với mọi người. Đợi Bà Ngoại, Ba Má và anh em của Yên Chi và Yên Chi thắp nhang, khấn vái xong, Tuấn nói: *"Thưa Ngoại, thưa hai Bác, cho phép con thắp nhang cúng Ông Ngoại với."* Khánh và Yên Chi đều bất ngờ, nhìn nhau và Yên Chi thấy tội nghiệp Khánh vô cùng; vì Khánh không thể che giấu được sự lúng túng của chàng! Nhận ba cây nhan từ tay Má của Yên Chi, Tuấn đứng nghiêm, lâm râm khấn nguyện.

Sau khi gia đình cúng xong, Khánh nghĩ rằng – và hy vọng rằng – thế nào Ba Má của Yên Chi cũng sẽ mời Tuấn và chàng dùng cơm. Nhưng, vừa khi đó, Tuấn nói một cách rất chân thành: *"Thưa Ngoại, thưa hai Bác, tháng này con chưa lãnh lương; Ngoại với hai Bác cho con ăn cơm với."* Khánh không thể ngồi nán lại được giây phút nào nữa!

Hành động của Tuấn hôm đám giỗ ông Ngoại chiếm ngay cảm tình của gia đình Yên Chi; nhưng cũng vẫn chưa chinh phục được Yên Chi.

Vài tuần sau, không biết có phải do sự sắp đặt của Tuyết hay không, Yên Chi được mời đến nhà Tuyết tham dự văn nghệ "bỏ túi".

Trong số sinh viên và học sinh tham dự văn nghệ "bỏ túi" tại nhà Tuyết dường như ai cũng để ý đến bộ quân phục tiểu lễ của Tuấn. Nhiều nam sinh viên và học sinh còn hỏi thăm Tuấn về thể lệ và điều kiện để được thi vào Hải-Quân. Đến phần văn nghệ, mọi người đều "xung phong" ca hát. Tuấn vẫn ngồi lặng yên cho nên Yên Chi không biết Tuấn có khả năng văn nghệ hay không. Bất

ngờ một anh nói vào micro:*"Từ nãy giờ học trò tụi mình 'hét' đủ rồi. Bây giờ mời 'ông nhà binh'. Các bạn đồng ý không?"* Mọi người vỗ tay. Tuấn từ từ đến bên Piano, mở nắp đàn rồi xoay lại nói với mọi người: *"Thưa các bạn, tôi xin hát tình khúc La Fontain Des Amours của John William để tặng các bạn và riêng tặng một người đã cho tôi diễm phúc được chia xẻ những giờ phút đầm ấm trong bữa cơm giỗ ông Ngoại."* Yên Chi ngạc nhiên, nhìn Tuyết. Tuyết giả vờ: *"Ảnh ăn giỗ ở đâu tao đâu biết."*

Vừa nghe Tuấn dạo phân đoạn đầu, Yên Chi nhận ra Tuấn có ngón đàn *piano* rất tuyệt.Tuấn bắt vào:
Prés de la fontaine
La fontaine des amours
Si ton cœur est en peine
Tu vas te pencher un jour…
Yên Chi ngỡ ngàng, nhận ra giọng ca của Tuấn rất thiết tha, rất ngọt ngào. Tuấn vẫn say sưa theo tiếng hát, vờ như chẳng để ý đến Yên Chi:
… Je l'aime et qu'elle m'aime aussi
Et dans l'eau qui chante
Tu vois danser un beau jour…
Une image charmante…

Vừa hồi tưởng đến đây, Yên Chi nhận ra ông bán vé số chuyển sang tình khúc Việt-Nam:*"Chiều nay một mình đi trên đường cũ. Nhìn mây lặng lờ trôi theo làn gió. Tôi nhớ chiều nào đã xa xôi, hai đứa mình thường bước song đôi khi nắng giăng tơ vàng khắp lối…"(4)*

Yên Chi tự hỏi, làm thế nào một ông bán vé số lại có ngón đàn Tây Ban Cầm "nhuyễn" và lại chọn những tình khúc tuyệt vời đến như vậy? Bất ngờ điện thoại cầm tay của Yên Chi "rung". Yên Chi *"Allo".* Giọng Luân:

- Chúng con ăn rồi. Măng đang ở đâu?

- Sao ăn nhanh vậy? Măng đang đứng nơi gốc cây bàng, cách chỗ hồi nãy khoảng ba bốn gian hàng.

- Dạ, hai đứa nhỏ đòi ăn McDonalds cho nên chúng con mua đem theo. Con thấy cây bàng rồi. Chúng con tới ngay. Có bác Ngân Khánh tìm Măng nữa đó.

Yên Chi "Okay", cúp điện thoại. Vừa bước về ông bán vé số Yên Chi vừa mở ví, muốn lấy tiền cho vào mũ của ông bán vé số thì chiếc xe thuê dừng lại.Yên Chi cầm ít tiền lẽ, chưa kịp biếu ông bán vé số thì Ngân Khánh vội vàng mở cửa xe, reo vui:

- Yên Chi! Bồ biết tui mới gặp ai không?

Yên Chi lắc đầu. Ngân Khánh tiếp:

- Tui gặp Tuyết hồi đó cùng học ở Văn Khoa với bồ đó.

- Rồi sao? Có tin gì về Tuấn không?

- Có. Tuyết nói Tuấn bây giờ cơ cực lắm…

Yên Chi chụp vai Ngân Khánh:

- Bồ biết, mấy mươi năm qua tôi liên lạc với hầu như tất cả các Hội Hải-Quân ở ngoại quốc để hỏi về Tuấn mà không ai biết cả!

- Làm sao người ta biết được mà nhờ! Tuấn của bồ vẫn còn ở Việt-Nam!

- Tại sao Tuấn không xin đi diện H.O.?

- Tôi quên hỏi Tuyết chuyện đó. Có thể số năm Tuấn bị ở tù không đúng tiêu chuẩn của Mỹ. Ai biết được. Nè, địa chỉ của "chàng", tìm gặp "chàng" mà hỏi. Tui đi nhen. Về bển gặp.

- Tại sao bồ không rủ Tuyết đến gặp tôi?

- Tuyết phải trở về kinh tế mới ngay, vì đó là chuyến xe chót.

- Cảm ơn bồ nhiếu lắm, nha.

Cầm mảnh giấy do Ngân Khánh trao, Yên Chi run tay, mở cửa xe không được. Chú tài với tay mở cửa giùm. Yên Chi ngồi vào ghế bên phải của anh tài xế, lòng rộn ràng, quên bẳng tiếng hát và hình ảnh của ông bán vé số. Xe chạy được một khoảng ngắn, Yên Chi nhận ra mấy tờ bạc còn trong tay, vội thốt lên: *"Oh, no!"* Luân hỏi:

- Măng bị gì vậy?

- Măng quên cho tiền ông bán vé số.

Từ ngày Bố Mẹ ly dị, rồi Bố về Việt-Nam lấy vợ trẻ, lúc nào Luân cũng chăm lo cho Yên Chi và cố gắng làm vui lòng Mẹ. Luân bảo tài xế quay lại gốc cây bàng. Xe quay trở lại. Gốc cây bàng còn đó nhưng ông bán vé số không còn!

* *
*

Trên đường lần mò trở về "nhà!" Tuấn lờ mờ thấy vài người mặc quân phục rằn ri, mũ xanh, mũ nâu, mũ đỏ, vừa từ con hẽm nhỏ đi ra. Tuấn dừng bước, hỏi:

- Các anh chắc là Lính Cộng Hòa?

- Chi vậy? Hỏi để báo công an hả?

- Đâu có.Vì tôi thấy lờ mờ các anh mặc quân phục của lính mình.

Nghe hai tiếng "lính mình" một anh đáp:

- Bộ cha cũng…lính mình, hả?

- Vâng. Mấy anh đi đâu mà vui vậy?

- Dui gì! Hôm nay là ngày giỗ của Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư Lệnh "dùng" IV đó, cha.

Chợt nhớ ngôi chùa nhỏ trong hẽm là nơi thờ Hương Linh của Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tuấn bảo:

-Vậy là các anh làm lễ Tưởng Niệm Tướng Nam xong rồi, phải không? Thôi, chào các anh.Tôi vào chùa thắp cho Ổng nén nhang.

- Không được đâu. Tụi nó đuổi mọi người đi hết rồi.

Giữa khi Tuấn bàng hoàng, chưa biết phải nói gì thì một anh Mũ Đỏ lầm bầm:

-Mẹ, chiến thắng cái giống gì mà bất cứ thứ gì của "bên thua cuộc" tụi nó cũng sợ hết vậy? Sợ từ âm nhạc, sợ sách báo cho đến sợ cả "Thương Phế Binh Ngụy", sợ "nghĩa trang của lính miền Nam",

"Ngụy" chết rồi mà tụi nó cũng còn sợ! Vậy mà kêu gọi hòa hợp hòa giải!

Nói xong, mấy người "lính cũ" kéo nhau đi, lưu lại trong lòng Tuấn nỗi xót xa vô vàn!

Nhìn quân phục rằn ri và những chiếc mũ đủ màu khi ẩn khi hiện trong dòng người lao động của xóm nghèo, Tuấn tưởng như chàng có thể thấy lại hình ảnh bi hùng năm nào trên bờ biển Nha-Trang khi Dương Vận Hạm Qui-Nhơn, HQ504, ủi bãi ngay trước Trung Tâm Huấn Luyện Hải-Quân. Cửa đổ bộ vừa hạ xuống, từng

đoàn quân Mũ Đỏ, bước ra trong tiếng reo hò vang dội của đồng bào chạy loạn từ miền Trung vào; vì những người này – cũng như Tuấn và tất cả sinh viên sĩ quan Hải-Quân – đều nghĩ rằng "đỗ" quân Dù xuống Nha-Trang là chính quyền V.N.C.H. muốn giữ Nha-Trang. (5) Tuấn mừng thầm và nghĩ chàng sẽ được cơ hội "đi bờ", đến nhà Yên Chi, tìm hiểu xem tình trạng của nàng và gia đình nàng như thế nào!

Niềm hy vọng của Tuấn vừa nhen nhúm thì, hôm sau, tất cả sinh viên sĩ quan được lệnh tập họp tại sân cờ. Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn sinh viên sĩ quan điều động tất cả sinh viên sĩ quan chạy bộ xuống Cầu-Đá để được Hải Vận Hạm Hậu Giang, HQ406, di tản vào Saigon.

Suốt đoạn hải hành đầu đời, Tuấn bị sóng nhồi thì ít mà lo lắng, xót xa và thương nhớ Yên Chi thì nhiều!

Về đến Saigon, phân đội của Tuấn được lệnh cùng với đơn vị Thủy Quân Lục Chiến án ngữ tại Thảo Cầm Viên, bên này cầu Thị Nghè để chận bước tiến của địch quân, nếu địch quân phá vỡ vòng đai tại Hàng Xanh do Thủy Quân Lục Chiến án ngữ.

Sáng 30 tháng Tư, địch quân – có xe tăng yểm trợ – phá vỡ vòng đai Hàng Xanh! Thủy Quân Lục Chiến tại Hàng Xanh, một số hết đạn, tự tử tập thể; một số bị đẩy dạt về Thảo Cầm Viên, được đơn vị sinh viên sĩ quan Hải-Quân và Thủy Quân Lục Chiến án ngữ nơi đây tiếp sức.Tất cả đều chống trả mãnh liệt. Nhưng, nhiều quân nhân…hết đạn!

Trong khi các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến và sinh viên sĩ quan Hải-Quân án ngữ tại Thảo Cầm Viên chiến đấu trong điều kiện cạn kiệt đạn dược thì xe tăng Việt Cộng lừng lững tiến qua cầu Thị Nghè. Quá tuyệt vọng, vài nhóm Thủy Quân Lục Chiến choàng vai nhau, tự tử tập thể! Tiếng lựu đạn của Thủy Quân Lục Chiến tự tử tập thể khiến Việt Cộng nghĩ rằng quân V.N.C.H. đang kháng cự. Xe tăng hạ nòng súng, bắn trực xạ…

Sau khi đoàn thiết giáp và quân Việt Cộng đi xa, đồng bào túa ra đường. Kẻ quàng khăn đỏ "hồ hởi" reo hò. Người dân thầm lặng nhặt xác quân nhân tử trận để vào nơi cao ráo.Quân nhân bị thương được giúp đỡ tạm.

Trong khi khiêng quân nhân bị thương, vài người thầm thì: *"Xem chỗ nào kín đáo một tý để giấu mấy ông bị thương; nếu không, tụi Việt Cộng thấy được là tụi nó 'thịt' mấy ổng liền chứ tụi nó không tha đâu!"* Nhìn quanh, thấy bên kia đường là cư xá sĩ quan Hải-Quân, nhiều người đề nghị nên đưa quân nhân bị thương sang đó để được giúp đỡ và che chở.

Trong cư xá sĩ quan Hải-Quân, Khánh đang lo âu, theo dõi tin tức đài BBC. Từ khung cửa sổ lầu hai nhìn sang Thảo Cầm Viên, chị dâu của Khánh bảo: *"Chú Khánh ơi! Hình như người ta khiêng người chết hay người bị thương vào cư xá kìa"* Khánh đến bên cửa sổ, nhìn. Sau khi nhận biết tình hình, Khánh bảo Khánh phải xuống tầng dưới xem có ai cần giúp đỡ hay không. Khánh cũng khuyên chị dâu và các cháu chuẩn bị sẵn sàng, đến tối mà vẫn

không thấy anh của Khánh về thì Khánh sẽ tìm cách đưa gia đình di tản. Khánh đã nhờ người mướn ghe rồi.

Xuống tầng dưới, thấy nhiều quân nhân bị thương được để nơi hành lang, Khánh chạy ngược lên, lấy tủ thuốc nhỏ đựng những thứ thuốc cấp cứu, đem xuống. Trong khi cùng vài người băng bó cho thương binh, Khánh thấy người mặc quân phục Hải-Quân mang bảng tênTuấn. Khánh hỏi thăm vàTuấn cũng nhận ra Khánh.Với trình độ hiểu biết của một sinh viên Y Khoa, Khánh cho Tuấn biết tình trạng của Tuấn không nguy hiểm đến tính mạng; tuy nhiên, vì nhiều vết thương ở mặt và bắp chân, Khánh ngại rằng gương mặt của Tuấn sẽ biến dạng và bắp thịt chân có thể tạo ảnh hưởng khó khăn cho Tuấn khi đi chuyển. Tuấn chỉ biết im lặng, thở dài!

Khuya 30-04-75, trước khi cùng gia đình kín đáo rời cư xá, lên ghe di tản, Khánh vào những căn nhà mà chủ nhà đã di tản, tìm những hộp thuốc cấp cứu và đem xuống tặng cho các thương binh. Khánh cũng không quên đem theo mấy bộ đồ dân sự để tặng thương binh. Khánh dùng kéo cắt quân phục và giúp thương binh mặc thường phục. Trước khi từ giã thương binh để đem tất cả quân phục vất xuống sông, Khánh bắt tay Tuấn. Tuấn nắm tay Khánh thật lâu:*"Anh Khánh! Tôi có một yêu cầu nhỏ, mong anh giúp tôi".* Khánh đáp: *"Anh cứ nói. Tôi sẽ hết lòng giúp anh trong khả năng của tôi."* Tuấn cúi đầu ngần ngừ chốc lác rồi bảo: *"Nếu anh gặp Yên Chi, xin anh đừng cho Yên Chi biết rằng anh đã gặp tôi trong tình huống này!"* Giọng Khánh đượm nhiều xót xa: *"Vâng. Tôi hiểu. Nhưng, thưa anh, cho đến giờ phút này tôi cũng chưa biết gia đình của Yên Chi cũng như gia đình tôi ngoài đó có thể di tản được hay không!".* Tuấn thở dài: *"Tôi bị cấm trại từ khi quân mình rút khỏi cao nguyên cho nên tôi cũng chẳng biết gì!".* Khánh im lặng. Thật lòng Khánh không nỡ để những người lính đã chống trả đến viên đạn cuối cùng phải nằm đây, trong tình trạng này; nhưng nghĩ lại, Khánh thấy rằng chàng cũng không có điều kiện và phương tiện để giúp những thương bình này! Khánh chỉ biết thở dài, quay gót…

*

* *

Cảm thấy áy náy trong lòng, Tuấn cầm tay Lụa, tha thiết nói với Lụa mà cũng như tự dặn lòng hãy cố quên bóng dáng xưa:

- Lúc nào anh cũng biết ơn và thương yêu em. Nếu không có tình thương yêu của em, anh nghĩ không thể nào anh có thể vượt qua được nghịch cảnh.

Lụa giả vờ nguýt yêu:

- Thôi đi! "Dợ" chồng bao nhiêu năm rồi mà anh cứ nói cái giọng đó "woài", nghe "ghét" "wá" hà!

Hai vợ chồng cùng cười. Lụa tiếp:

- Anh coi "diết" thơ ra nước ngoài, tìm mấy ông Hải-Quân xin giúp đỡ để có tiền mổ cườm mắt; anh để lâu "wá" coi chừng bị mù đó.

- Anh thuộc vào lứa con muộn màng của đại gia đình Hải-Quân cho nên chẳng quen biết ai. Những thằng cùng khóa đa số kẹt lại; những thằng đã vượt biên thì anh không biết địa chỉ. Nhưng, em à! Anh còn đi khập khểnh, còn thấy lờ mờ, còn bán vé số kiếm lời phụ với em thì anh còn may măn hơn nhiêu thương phê binh bị tàn phế nặng nề. Anh nghĩ như vậy để tự cảm thấy mình còn "may mắn!"

Đã quen với tính tự lập và an phận của Tuấn, Lụa lắc đầu:

- Bởi "dậy", sinh hai thằng con có khác anh chút nào đâu!

- Khác chứ.

- Khác gì, nói coi.

- Anh thích âm nhạc; hai đứa nó không thích.

-Thời buổi này bươn chải đầu ngược đầu xuôi còn không đủ sống mà anh đòi dạy tụi nó đờn ca, ích lợi gì?

- Ích lợi chứ sao không?

- Ích lợi gì?

- Nhờ anh đàn hát mà em thương anh. Em đem hạnh phúc đến cho anh và em cho anh hai thằng con "ngon lành".

- Còn anh cho em hai đứa con cao, to, đẹp trai giống anh.

- Mặt anh như vầy mà đẹp trai nỗi gì nữa, em!

- "Xời", mặt anh mà "hỏng"như "dậy", anh đâu thèm lấy em!

- Nói bậy rồi! Anh lấy em vì anh thương em mà em cũng thương anh nữa, phải không?

Lụa cảm thấy bồng bột yêu chồng, giọng nũng nịu:

- Ai nói "dới" anh tui thương anh "dậy"?

- Em chứ ai. Đừng làm bộ quên, cô nương.Thôi, anh vô nghỉ một chút.

Trong khi Tuấn đi vào sau tấm màn, ngả lưng lên manh chiếu, Lụa cảm thấy lòng bồi hồi nhớ lại thời mới lớn, ra chợ phụ Mẹ bán cháo lòng để nuôi em trai đi học; vì Ba đã tử trận. Khi đi ngang ông bán vé số –nhiều người đồn Ông là sĩ quan "Ngụy" –nghe giọng hát nghẹn ngào của Ông, Lụa cảm thấy "buồn muốn chết"! Thỉnh thoảng, nếu cháo bán không hết, Mẹ của Lụa dừng lại, múc cho ông bán vé số một tô. Mấy lần đầu, ăn xong, ông bán vé số đưa tập vé số, bảo Mẹ con của Lụa lấy vé số "trừ" tiền tô cháo. Mẹ từ chối. Ông ấy bảo nếu Mẹ không lấy vé số thì Ông sẽ không dám ăn cháo nữa.Từ đó, Mẹ đành lấy một vé số mỗi khi múc cháo cho ông.Và cũng từ đó Ông mới cho biết Ông tên Tuấn.

Đôi khi nghe Tuấn hát tiếng gì chứ không phải tiếng Việt, Lụa hỏi.Tuấn bảo tiếng Anh, nếu lời ca bằng tiếng Anh; nếu lời ca bằng tiếng Pháp, Tuấn đáp đó là nhạc Pháp. Nghe như vậy, Mẹ hỏi dò về hoàn cảnh gia đình của Tuấn. Tuấn bảo chỉ còn ông chú bị tù, nhà cửa, tài sản của chú bị "cách mạng" tịch thu và gia đình bị đuổi đi kinh tế mới. Hiện tại, ban ngày Tuấn bán vé số, tối ngủ ở ga xe lửa. Mẹ mời Tuấn về ở chung trong căn nhà ọp ẹp, mỗi tối dạy cho Lụa và đứa con trai học. Từ đó, tình cảm nảy sinh trong lòng Tuấn và trong lòng Lụa…

Lụa chưa kịp hồi tưởng lại những lời văn hoa khi Tuấn ngỏ lời yêu thương thì chiếc xe xích lô dừng gần cửa. Một thiếu phụ trông rất quý phái, khuôn mặt phúc hậu, bước xuống, quay lui, dặn bác xích-lô chờ. Thiếu phụ đi về hướng Lụa. Đến cửa, thiếu phụ nhìn Lụa, mĩm cười, gật đầu chào.Lụa chào lại. Thiếu phụ hỏi:

- Thưa, có phải đây là nhà của ông Tuấn không ạ?

Đã được Tuấn dặn trước, Lụa đáp:

- Tuấn nào, tui "hỏng" biết.

Thiếu phụ mở ví, nhìn lại địa chỉ trên mảnh giấy mà Ngân Khánh đã đưa lúc xế trưa, rồi hỏi:

-Dạ, có phải địa chỉ nhà này là 701/15/34/96 hay không, thưa bà?

Nhận ra giọng "Huế lai"của Yên Chi, Tuấn ngồi bật dậy, lắng nghe, lòng nát tan! Trong những mảnh vụn của trái tim tan vỡ, Tuấn nhận ra có nhiều mảnh sậm màu vì hằn rõ niềm ăn năn Tuấn dành cho Lụa – người vợ mộc mạc đã hết lòng thương yêu chàng!

Lụa đáp:

- Phải. Nhưng "hỏng" có ai tên Tuấn ở đây hết.

Nghĩ có thể, vì hoàn cảnh, Tuấn phải đổi tên, Yên Chi hỏi:

- Nếu không có người tên Tuấn, bà làm ơn cho tôi gặp người đàn ông ngụ tại địa chỉ này, được không ạ?

- Ảnh đi làm chưa "dìa".

- Bà vui lòng cho biết bao giờ ông về để tôi trở lại?

-Trời Đất! Tui nói ở đây "hỏng" có ai tên Tuấn mà bà "hỏng" tin tui sao?

- Dạ, không phải tôi không tin bà; nhưng tôi xin được gặp người đàn ông ngụ tại địa chỉ này,may ra ông ấy biết tin ông Tuấn.

Vì đã được Tuấn căn dặn và cũng vì ngại sẽ khó đối đáp với thiếu phụ này, Lụa phải nói cứng:

- Ông chồng tui lo làm ăn đầu tắt mặt tối, không quen biết ai đâu, bà đừng mất công. Xin lỗi, tui phải đi nấu cơm chiều để ảnh "dìa" ảnh ăn.

Nói xong, Lụa đóng cửa lại trước ánh mắt thất vọng của Yên Chi.

Bác xích-lô đạp chầm chậm dọc bờ biển. Mặt trời khuất dần trên đỉnh núi xa. Khi xích-lô chạy ngang Trung Tâm Huấn Luyện Hải-Quân, Yên Chi cúi mặt, thở dài, lòng chĩu nặng xót xa!

Xích-lô đến gần cuối đường Trần Phú, Yên Chi ra dấu cho bác xích-lô dừng lại.Yên Chi trả tiền rồi chầm chậm đi xuống bờ cát. Gần đến mé nước, Yên Chi cúi xuống xách đôi dày và đếm từng bước dọc bờ biển xưa.

Đi được một đoạn ngắn, Yên Chi dừng bước, nhìn ra khơi. Biển lặng. Quanh nàng, ngoài tiếng sóng òa vỡ lao xao, không còn một âm thanh nào khác. Trong bóng chiều cô tịch, Yên Chi tưởng như thấy được hình bóng Tuấn, mặc quân phục tiểu lễ trắng, chờn vờn trong những tia nắng hắt hiu cuối trời. Trong thinh lặng,Yên Chi tưởng như nghe được tiếng hát nồng nàn của Tuấn vang vọng trong không g ian:"*Tôi đi giữa hoàng hôn, khi ánh chiều buông, khi nắng còn vương…Tôi thương nhớ ngày qua trên bến hoàng hoa hay những đường xa. Thường thường hai đứa dắt nhau tươi cười, mắt say sưa thắm mộng đời…Nhớ, nhớ đêm nào trên bến hoàng hoa hai đứa kề nhau,không nói một câu, như thầm mơ ước, ước mơ dạt dào, như thầm hẹn nhau mùa sau…Tôi vẫn đi, lòng thương nhớ…"*(6) Chữ "nhớ" cuối bài được Tuấn hát cao hẳn một bát trình – octave – và ngân dài như bất tận, như xoáy sâu vào tâm thức u hoài của Yên Chi. Xa thật xa, cuối tầm mắt không còn thơ dại của mình, Yên Chi thấy hình ảnh Tuấn nhạt dần, nhạt dần khi bóng hoàng hôn len lén trở về, phủ kín khung trời thân yêu!

ĐIỆP MỸ LINH

Ghi chú:
1-2 và 3 .- The Rose của Bette Midler.
4.- Người Đi Chưa Về của Hoàng Trọng
5.- Hải-Quân V.N.C.H. Ra Khơi của Điệp Mỹ Linh
6.-Tôi Đi Giữa Hoàng Hôn của Văn Phụng

NHỚ ĐỒI 1515

Vũ Hy Triệu K28

có một nỗi nhớ không bao giờ quên
có một nỗi dau không thể nào dứt
và có một ngọn đồi
luôn hằn sâu trong ký ức
nơi một thời cháy bỏng ước mơ tôi
nơi ấp ủ những khát vọng đầu đời
những khát vọng...
giờ đã lụi tàn theo năm tháng!

dù chỉ còn là dĩ vãng
nhưng hề gì khi máu vẫn ấm trong tim
vẫn còn tìm thấy nhau sau vạn nỗi niềm
những đứa con của đồi 1515 yêu dấu

ừ... thì trăng đã khuyết
nhưng có hề biến mất đâu
ừ...thì lửa đã tàn
nhưng rồi đêm lạnh sẽ qua mau
và kỷ niệm luôn đủ đầy trong tâm trí
về một ngọn đồi tôi đã lìa xa..

TRÔI THEO DÒNG ĐỜI

Vi Vân

-Phu Nhân Cựu SVSQ Trần Văn Chu K20.
Trước 1975:
Giáo sư các trường:
-Trung Học Hàm Long-Kiến Hòa
-Trung Học Tân Dân-Kiến Hòa
-Trung Học Phụng Hiệp- Cần Thơ.
Hiện tại: Còn đi làm
Thỉnh thoảng viết bài cho các báo:
-Báo Thời Luận (Nam Cali)
-Đặc san Đa Hiệu của trường VBQGVN
-Việt Nam Nhật Báo- vietnamdaily (on line)
- Bất Khuất của trường BB Thủ Đức (on line).

(*Kính dâng anh linh Thiếu tá Th.*)

Người sư nữ đang ngồi trước mặt tôi đưa đôi mắt vô hồn nhìn ra ngoài song cửa. Nắng chiều nhạt nhòa xuyên qua bức màn xanh phản chiếu lên khuôn mặt ni cô trông xanh xao tiều tụy như người con gái trong truyện liêu trai, như trong mộng mị, thật mơ hồ…Giọng của người sư nữ, ni cô Diệu Đức, thật nhỏ nhưng tôi nghe rất rõ:

- Anh ấy chết rồi, chết trước ngày 30 tháng Tư năm 1975.

Anh chết thật rồi sao Thụy? Tôi không bao giờ muốn nghe tin nầy dù đây là sự thật. Tôi thấy đau nhói trong tim, trước mắt tôi là một vùng trời dày đặc sương mù với những cơn gió phũ phàng

lạnh buốt tim gan làm nát tan, đổ vỡ chút hy vọng mong manh còn sót lại. Những kỷ niệm xa xưa chợt quay về trong xót xa, ray rứt, hình ảnh người anh kết nghĩa ngày đó hiện lên rõ rệt trong tâm trí tôi, những ngày anh ngồi lặng lẽ sửa lại cho tôi mấy bài thơ, những chiều anh ôm đàn nghêu ngao hát tình ca …

Tôi biết anh từ lúc tôi còn trẻ lắm, khoảng 15 hay 16 tuổi gì đó. Nhà anh và nhà tôi rất gần nhau, anh lại là bạn cùng lớp với anh tôi, tính tình chúng tôi rất hợp nhau vì thế anh đã nhận tôi làm em kết nghĩa.

Gia đình anh ở dưới quận Châu Thành, ba anh là chủ một nhà máy xay lúa lớn, ông đã mua một căn nhà trên tỉnh Cần Thơ cho anh và em gái anh ở để đi học. Anh là một thanh niên tuấn tú, dáng dấp vừa vặn, có nụ cười dễ mến, mái tóc bồng bềnh như nghệ sĩ, làm thơ hay, lại thích đàn hát nên được nhiều bạn gái cùng lớp cảm mến. Khi anh đang học năm cuối cùng ở Trung học, sắp sửa thi Tú Tài 2 thì một biến cố xảy ra làm tan nát mộng ước và tương lai của anh. Ba anh cho biết là ông đã hứa hôn cho anh và con gái của một người bạn, một thương gia ở Bạc Liêu. Ngày xưa khi gia đình anh làm ăn thất bại, người bạn của ba anh đã giúp vốn cho ông gầy dựng lại sự nghiệp, đó là cái nhà máy xay lúa mà gia đình anh đang có. Vì cảm kích tình bạn cao cả, ba anh đã hứa cưới con gái của bạn mình cho anh dù cô ta hơn anh hai tuổi. Ba anh giấu kín việc đó và đến lúc nầy ông mới cho anh biết. Anh bàng hoàng sửng sốt trước sự đặt để của cha mình, anh phản đối, anh cự tuyệt nhưng mẹ anh đã dùng nước mắt và sinh mạng ra làm áp lực với anh nếu anh từ chối. Anh khổ sở rất nhiều về sự việc đó. Chiều hôm ấy anh đến nhà tôi với gương mặt buồn bã, lầm lì, khó hiểu. Anh ôm đàn và đàn mãi, hết bản nầy sang bản khác nhưng anh không hề hát một câu nào. Tôi biết anh có tâm sự nên đến gần gợi chuyện:

- *Anh có gì không vui sao?*

Anh nhìn tôi một hồi lâu rồi thở dài:

- Anh nói riêng điều nầy cho em nghe. Sau khi thi xong chắc anh sẽ đi xa, không phải lên Sàigòn để vào Đại Học mà anh sẽ đi lính. Nhưng trước khi đi ba anh bắt anh phải làm lễ đính hôn với một cô gái mà anh chưa từng yêu thương.

- Em cũng có nghe loáng thoáng chuyện ấy. Nếu anh đi lính thì chị ấy làm sao? Anh có muốn cưới chị ấy không?

Anh tỏ vẻ đau khổ:

- Anh cũng không biết nữa. Anh không yêu cô ta thì làm sao thành vợ chồng được. Anh muốn tránh khỏi nơi đây một thời gian dài để xem sự thể ra sao.

Tôi không hài lòng về cách đối xử của anh với chị kia dù chưa quen biết:

- Em còn nhỏ không dám có ý kiến nhiều, nhưng nếu anh chưa có người yêu thì …đừng nên làm như vậy, tội nghiệp cho người con gái.

Anh nhìn vào mắt tôi:

- Sao em biết anh chưa có người yêu? Để hôm nào có dịp anh dẫn em đến gặp cô ta cho biết mặt. Anh đã yêu cô gái đó gần một năm rồi nhưng nàng còn quá trẻ, anh để cho cô ta chuyên tâm học hành nên chưa tính toán gì cả.

Thì ra anh đã có người trong mộng rồi nên anh bu ồn bã, đau khổ trước sự áp đặt của cha mẹ, nhưng rồi tôi cũng chưa có dịp nào để biết mặt người yêu của anh cả.

Mùa hè năm ấy anh phải làm lễ đính hôn với chị Hồng Loan, rồi anh lên Sàigòn học và cuối năm thì tôi nghe tin anh đã vào trường Võ Bị Đà Lạt.

Những buổi chiều không còn ai ôm đàn hát tình ca nữa, xóm tôi vắng tiếng hát của anh từ dạo ấy. Tôi cảm thấy như thiếu mất một cái gì đó rất thân quen, tôi bỗng trở nên trầm lặng, u buồn và chợt thấy mình đã trưởng thành không còn là cô bé ngây thơ, hồn nhiên nữa.

Thỉnh thoảng tôi nhận được thư của anh, những lá thư viết từ KBC 4027. Trong thư ngoài vấn đề quan tâm đến sự học hành của tôi anh thường kể chuyện về anh cho tôi nghe. Những đêm dã chiến, những lần thực tập vượt đèo băng suối, những ngày gian lao huấn nhục ở quân trường. Anh kể về những ngày cuối tuần đi ra phố lẻ loi, cô độc vì thiếu người thân, không có người yêu, và khi đi xem lễ ở nhà thờ anh thường ngồi lặng lẽ ở hàng ghế cuối, cầu nguyện âm thầm. Anh kể về Đà Lạt với sương mù che kín đỉnh Lâm Viên, về đồi thông thơ mộng, về hồ Than Thở với câu chuyện tình huyền thoại lắm thương đau…Anh kể về Vũ Đình Trường trong những buổi lễ mãn khóa của các bậc đàn anh…và còn rất nhiều, nhiều nữa. Tự nhiên tôi đâm ra say mê vùng trời xa

xôi đó, vùng trời có anh đang hiện diện. Tôi mê cả màu áo Võ Bị với cầu vai Alfa đỏ thắm tươi như trong hình của anh, và tôi rất nể phục những chàng trai mang chí cả kiêu hùng, quyết tâm ra đi giữ gìn sông núi. Các anh đã gắn bó với quân trường, với màu Alfa đỏ, với lời thề "Tự Thắng Để Chỉ Huy", để bảo quốc an dân, dù tâm tư không thể nhạt phai một hình bóng nào đó ở hậu phương:

Ta bỏ lại đời sinh viên mộng mị

Nhìn đỉnh Lâm Viên nghiêng bóng Quân Trường

Alfa ơi! Màu đỏ đẹp vô cùng

Chiều doanh trại nhớ về em bất tận...

(Quốc Nam- K22)

Suốt những năm tháng dài tôi mãi mong chờ ngày anh trở lại quê nhà. Một điều may mắn bất ngờ xảy ra cho anh là việc vị hôn thê của anh bỗng nhiên đem lòng yêu thương kẻ khác và xin được từ hôn với anh. Đó cũng là một việc dễ giải quyết cho ba anh vì chính ông cũng biết rằng con trai mình phải đau khổ khi chiều ý ba mẹ.

Mùa Đông năm đó anh đã trở về trong kỳ phép đầu tiên sau khi ra trường. Tôi và gia đình anh đón anh trong niềm hân hoan tột đỉnh. Anh đưa tôi ra phố trong bộ Jaspé của Trường Võ Bị oai phong, ai cũng nhìn vào chúng tôi trầm trồ và có lẽ họ cho rằng đó là một cặp tình nhân. Anh cho tôi biết đây là lần sau cùng anh mặc bộ đồ nầy vì mai đây khi anh ra đơn vị anh sẽ phải mặc bộ treillis tác chiến, anh đã được bổ nhiệm về một đơn vị ở tận miền Trung xa xôi...

Anh đưa tôi vào một nhà hàng bên bờ sông Ninh Kiều. Ngồi ở một bàn gần cửa sổ, tôi đưa mắt nhìn con sông chạy dài thăm thẳm, ngút ngàn. Vài chiếc tàu Hải Quân nằm im lìm dưới nắng, xa xa thấp thoáng những chiếc thuyền con nhấp nhô trên sóng nước, những cánh chim hải âu xoải cánh bay lạc loài trên sông, chúng sẽ bay về đâu? về phương trời nào hay cứ mặc cho cơn

gió cuốn đi không định hướng? Cũng như anh, từ đây anh sẽ trôi đi, trôi đi mãi theo dòng đời mênh mông, theo dòng cuồng lưu của mùa chiến chinh,...

Mắt anh chợt nhìn ra ngoài xa buồn bã, anh nói:

- *Không biết bây giờ Ngự Chiêu ra sao? Anh đã có lỗi với nàng nhiều quá.*

Rất đỗi ngạc nhiên, tôi hỏi dồn dập:

- Ngự Chiêu là ai? Người yêu của anh? Sao giống tên bạn em quá vậy? Có phải nhà cô ta ở cư xá Lữ Gia không?

Thụy giật mình, mở to mắt nhìn tôi:

- *Đúng rồi, cô ta là bạn của em sao*?

- Dạ phải. Em nghe bạn bè nói Ngự Chiêu buồn tình anh chàng nào đó nên sau khi đậu Tú Tài 2 nó không vào Đại Học mà đã xin đi làm ở Tín- Nghĩa ngân hàng rồi. Nó vẫn chưa lấy chồng, anh có muốn gặp lại nó không? Biết đâu nó còn thương và chờ anh thì sao?

Anh cúi đầu trầm ngâm thật lâu rồi ngẩng lên hỏi tôi:

- Theo em thì anh nên làm sao? Có nên gặp Ngự Chiêu không? Thú thật anh vẫn còn yêu và nhớ cô ấy lắm.

Tôi kéo anh đứng lên:

- Vậy thì anh còn suy nghĩ, chần chờ gì nữa. Em dẫn anh đến đó xem sao. Hôm nay là Chúa Nhật nó ở nhà, nếu hai người còn thương yêu nhau thì tại sao phải lánh mặt?

Chúng tôi rời quán ăn đi ngược hướng bến Ninh Kiều, dọc theo đường Lê Văn Duyệt và rẽ vào cư xá Lữ Gia. Con đường đi vào cư xá thật yên tĩnh, dù là một cư xá nhỏ nhưng những căn nhà hai bên đường đều trồng nhiều hoa, cây kiểng trông rất đẹp. Trước nhà Chiêu là một giàn hoa giấy màu tím che mát cả lối đi và mấy băng ghế đá. Hoa ti-gôn màu hồng leo dày đặc hàng rào, trong sân còn nhiều chậu hoa, kiểng đủ sắc màu. Tôi bấm chuông, Ngự Chiêu ra mở cổng và mừng rỡ khi nhận ra tôi:

- Trời ơi! Vân Anh, ngọn gió nào thổi mi đến đây vậy? Dạ mời anh…

Ngự Chiêu giật bắn người khi nhận ra Thụy, cô lắp bắp:

- *Anh …Thụy, anh là…*

Tôi ngắt lời:

- *Là anh của tao. Thôi vào nhà nói chuyện đi.*

Khi vào nhà, Chiêu vẫn chưa hết thắc mắc:

- Thụy là anh của mầy sao? Tao chưa từng nghe mầy nhắc đến tên anh ấy.

- Anh Thụy là anh kết nghĩa thôi nhưng ảnh thương tao hơn em ruột nữa. Tôi nhỏ giọng, ảnh kể cho tao nghe chuyện của mầy rồi.

Ngự Chiêu vào trong mang hai ly nước ra cho tôi và anh, cô nhìn Thụy với ánh mắt đầy xúc động xen lẫn một chút xót xa, buồn bã:

- Lâu quá không có tin tức gì của anh, nghe nói anh đã vào lính, anh vẫn khỏe chứ? Anh lập gia đình lâu chắc cũng có cháu rồi phải không?

Anh nhìn Chiêu rồi lắc đầu không nói lời nào, tôi đỡ cho anh:

- Vẫn còn độc thân vì người ta chê nên từ hôn rồi, anh ấy đang muốn tìm về…quá khứ đó.

Biết tôi trêu chọc, Thụy ngăn lại:

- Đừng đùa nữa Vân Anh. Chiêu à, sự thật là vậy. Anh đã có lỗi với em rất nhiều vì lẩn tránh em, không biết em có tha thứ cho anh không?

Thấy mắt Chiêu rướm lệ tôi vội nói:

- Thôi để mình ra ngoài sân xem mấy chậu hoa của Chiêu, thấy chúng đẹp quá.

Tôi bước ra sân và ngồi trên một băng ghế dưới giàn hoa giấy tím. Gió thổi lồng lộng làm những cánh hoa rơi bay tản mạn trên mặt sân, đâu đây mùi thơm của hoa ngọc lan thoang thoảng, màu nắng làm ửng hồng khóm hoa thược dược… tôi bỗng thấy trời hôm nay đẹp quá, đẹp như tình yêu của anh vừa tìm lại được. Tôi cố ngồi ngoài sân thật lâu, tôi miên man suy nghĩ vẩn vơ, tôi muốn dành thời gian cho hai người để họ kể lể cho nhau nghe bao nỗi ưu tư, uẩn khúc, nhung nhớ, giận hờn…

Mãi một lúc sau tôi nghe anh Thụy gọi:

- Vân Anh ơi, vào nhà đi em. Làm gì ở ngoài đó lâu vậy?

Tôi lườm anh:

- Chứ không phải anh muốn vậy sao còn làm bộ nữa. Hai người đã nói chuyện đủ chưa, xong chưa?

Ngự Chiêu bẻn lẻn:

- Đâu có nói gì nhiều. Mình đã hiểu chuyện của anh Thụy rồi, mình sẽ bỏ qua tất cả, coi như là một thử thách của hai đứa, mình không giận anh Thụy nữa đâu.

- Thế thì hay quá! Tôi reo lên. Vậy chiều nay phải đãi một chầu

Phong Dinh Lầu đó nghe.

Như vậy là anh và Chiêu đã tìm lại được hương yêu của những ngày xưa thân ái, xây đắp lại cuộc tình đẹp như mộng, như mơ mà tưởng đâu đã tan vỡ...

Rồi anh trở ra đơn vị xa xôi tận miền Trung, họ vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua thư từ. Tôi trở thành kẻ bị lãng quên khi anh đã có người yêu thương, nhung nhớ. Mấy năm sau tôi lập gia đình và cũng theo chồng bôn ba xứ lạ. Chồng tôi cũng là một quân nhân, phục vụ tại Sư Đoàn 7 BB đóng ở Kiến Hòa. Thỉnh thoảng, tôi có nhận được thư của Chiêu kể về Thụy và những dự tính của hai người. Một mối tình tuyệt vời qua những lá thư đầy ấp yêu thương của chàng trai Võ Bị kiêu hùng và cô gái miền sông Hậu ngoan hiền. Chiêu trích những câu thơ mà anh viết từ tiền tuyến cho tôi đọc… những vần thơ lãng mạn, thiết tha:

Yêu em anh gửi tình thơ mộng
Theo gió chiều Thu bay bốn phương
Dưới ánh hỏa châu và đạn pháo
Có bóng hình em giữa chiến trường.

Tôi mừng cho anh, cho bạn. Vào những năm 1973, 1974 tình hình chiến trường miền Trung thật sôi động, Thụy đi hành quân liên miên nên chưa có được vài ngày phép để về thành hôn với người yêu được. Tôi thật sự khâm phục sự kiên tâm chờ đợi, chịu đựng, hy sinh và lòng chung thủy của Chiêu, Chiêu đã chịu đựng bao năm tháng dài đăng đẳng, có lẽ cũng gần mười năm rồi. Lá thư cuối cùng Thụy hứa với Chiêu rằng mùa hè nầy sẽ xin cưới Chiêu. Cô ta mừng vui hớn hở viết thư báo tin cho tôi biết, tôi thầm cầu nguyện cho hai người sớm được toại ước nguyền bên nhau trọn đời. Nhưng rồi mùa hè mơ ước của hai người chưa kịp đến, thì phong ba nổi dậy, đất nước tan hoang,…ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã hủy diệt tất cả: tổ quốc, gia đình, tình yêu,.... ước mơ! Chồng tôi bị bắt vào lao tù ở tận miền rừng sâu núi thẳm như bao

nhiều sĩ quan QLVNCH khác. Tôi ôm đứa con vừa tròn ba tuổi trở về quê nhà với tâm tư rã rời, tan nát. Đau đớn, xót xa hơn khi gặp lại Ngự Chiêu và được biết anh Thụy đã mất tích ở miền Trung, anh không về nữa. Chiêu vật vã khóc than và quyết tâm chờ đợi, chờ đợi một phép nhiệm mầu nào đó đem Thụy về cho nàng. Sau gần mười năm chồng tôi được trở về từ lao tù Cộng Sản, chúng tôi đã vượt biển bỏ nước ra đi và may mắn đến được bến bờ tự do an toàn. Từ đó tôi quay cuồng với cuộc sống nơi xứ người để lo sinh kế nên quên mất thời gian thoáng qua rất nhanh. Có lần tôi trở lại quê hương, tìm kiếm bạn bè ngày xưa và Ngự Chiêu nhưng không ai biết Chiêu đã đi đâu cả. Căn nhà Chiêu đã bị nhà cầm quyền CS lấy cho cán bộ của họ ở. Tôi đi lang thang qua từng khu phố, qua những con đường cũ, cố tìm lại chút hương xưa, tìm lại những hình ảnh thân mến của một thuở nào, …nhưng tất cả đã xa lạ, đã đổi thay. Căn nhà tôi không còn, nhà anh cũng mất, Ngự Chiêu thì không biết trôi dạt về đâu, ôi thật buồn! Những kỷ niệm ngày ấy cứ chập chờn làm tê buốt tim tôi. Và tôi trở lại nước Mỹ với một tâm trạng ngập tràn ưu tư, phiền muộn…

Rồi một lần nữa tôi trở về quê hương, lần nầy đã gần 40 năm sau ngày tang thương, mất nước. Thật may mắn cho tôi, khi tôi đang lang thang trên đường phố Sàigòn thì gặp được Ngọc Hạnh người bạn cùng lớp ngày nào. Hạnh cho tôi biết tin tức về Ngự Chiêu, Chiêu đã trở thành một ni cô gần hai mươi năm nay, hiện đang ở trong một ngôi chùa ngoài Long Hải. Tôi điện thoại liên lạc được với Chiêu và mong gặp Chiêu ở Sàigòn. Được tin tôi, Chiêu vội vã về Sàigòn và đã ở lại với tôi mấy hôm liền.

Hôm đầu tiên gặp Chiêu tôi đã ôm chầm lấy Chiêu khóc òa như trẻ con. Trước mắt tôi, không còn là một Ngự Chiêu của ngày xưa với tóc dài óng ả, với nụ cười e ấp thơ ngây duyên dáng, với da trắng, môi hồng,.. mà nay đã nhạt phai, tàn tạ. Giờ đây nàng chỉ còn lại một dáng dấp khắc khổ, gầy gò, với đôi mắt thờ thẫn vô hồn; có lẽ đã khô rồi nước mắt. Tôi nắm tay Chiêu ngập ngừng:

- Bây giờ phải xưng hô thế nào đây? Kêu bằng… sư cô hay mầy, tao như thuở trước?

Ngự Chiêu nhìn thẳng vào mắt tôi: *- Cứ như xưa đi. Có như không, không như có. Tất cả chẳng có gì quan trọng. Pháp danh*

mình là Diệu Đức nhưng Vân Anh cứ xưng mầy, tao như trước được rồi, mình vẫn là bạn mà.

Tôi hỏi Chiêu:

- *Mầy đã lập gia đình chưa? Tại sao mầy đi tu?*

Đôi mắt Chiêu thờ thẫn nhìn vào khoảng hư không như đang ngược về quá khứ, như muốn khơi lại đống tro tàn đã nằm sâu dưới lớp bụi thời gian. Giọng cô trầm xuống:

- Sau ngày 30 tháng 4- 1975 tao được tin anh Thụy mất tích, tao đau đớn tột cùng nhưng vẫn kiên tâm chờ đợi ảnh. VC đuổi tao ra khỏi nhà, tao về Mỹ Tho sống với bên ngoại. Tao đi buôn bán khắp nơi cố ý dò thăm tin tức của Thụy nhưng vẫn bặt vô âm tín. Tao không thể lập gia đình với ai khác vì tim tao chỉ có hình bóng

Thụy. Tao chờ đợi hơn mười năm, tao đã sống vật vờ như một cánh bèo trôi trên sông mặc cho sóng trường giang lôi cuốn, tao trôi nổi theo dòng đời như thủy triều khi xuống khi lên, cứ thế và cứ thế… Và đến một ngày kia tao gặp một anh Thương Phế Binh, tao giúp đỡ anh ta và cũng nhờ vậy tao được biết anh ta cùng đơn vị với anh Thụy. Anh cho biết Thụy đã chết thật sự rồi, chết trong lần đụng độ cuối cùng với địch quân trên đường triệt thoái về Nam, chết trước ngày 30 tháng 4- 1975, trước khi ông "tướng lớn" ra lịnh đầu hang! Tao cố sống vì còn hy vọng ngày Thụy trở lại

nhưng khi biết ra sự thật tao đã không còn thiết tha cuộc sống nữa. Tao tìm cái chết qua hai lần tự tử nhưng số mệnh tao chưa dứt nợ trần nên cả hai lần đều được cứu sống. Sau đó tao quyết định đi tu, còn gì lưu luyến cuộc đời nữa chứ! Tao đi tu không phải muốn thành Tiên thành Phật gì đâu, tao chỉ mong cho mau chóng hết kiếp nầy, tao muốn xác thân nầy được mau hủy diệt, mong kiếp sau…

- Mầy mong kiếp sau sẽ gặp lại anh Thụy chăng?

- Không, tao mong kiếp sau đừng làm con người nữa, tao muốn được làm cây cỏ, không vướng những phiền lụy, bi ai của trần thế.

Nói chuyện với tôi mà đôi mắt Ngự Chiêu như đang nhìn vào một cõi mông lung nào đó, thẫn thờ như hiện hữu tại một thế giới khác...

Bao nhiêu năm tu hành mà nàng chưa giác ngộ và thấm nhuần giáo lý Phật pháp sao? Chưa dứt bỏ được trần duyên sao? Thật khó tin được. Tôi nhìn sâu vào mắt Chiêu, ôi! còn đâu một người con gái trẻ đẹp tràn đầy nhựa sống, ôm ấp nhiều ước vọng yêu thương… Không còn là Ngự Chiêu nữa, thật sự không còn! Ngự Chiêu ơi! Mai nầy mầy sẽ ra sao? Cuộc đời vẫn hờ hững, lạnh lùng với tâm tình của người con gái cô đơn, bất hạnh. Có lẽ rồi đây, dòng đời sẽ đưa mầy trôi về một cõi xa xăm, mầy sẽ được nghỉ ngơi, sẽ được thanh thản, bình yên trên một vùng thảo nguyên mênh mông nào đó,…

Tất cả cũng vì cái hận ngày 30 tháng 4 năm 1975 đen tối kia. Nó đã làm cho tôi mất hết mọi thứ: mất một giang sơn gấm vóc, mất một mái gia đình êm ấm, mất một người anh ruột thân yêu, mất anh Thụy, mất cả Ngự Chiêu của ngày nào… Không biết bao giờ tôi mới tìm lại được những mất mát đó để lòng khỏi xót xa, trăn trở với những đêm dài nơi tha phương đất khách? Và dòng đời cứ trôi đi, trôi mãi, và tôi chợt nhận ra rằng sẽ không bao giờ! Không bao giờ tôi có lại những yêu thương của ngày xưa đó! Có chăng, tôi chỉ tìm thấy lại những yêu thương, những ngày tháng êm đềm cũ trong vùng ký ức của riêng mình,….

Dù sao, tôi vẫn mong, vẫn hy vọng, vẫn đợi, vẫn chờ…một ngày Quê Hương Việt Nam bừng sáng…đẹp tươi trở lại và những muộn phiền cũ trong tôi rồi sẽ qua đi, và cho dân tộc tôi cũng sẽ quên đi một thời dĩ vãng thương đau...

Vi Vân Ca. 04/2015

- Sau ngày 30 tháng 4- 1975 tao được tin anh Thụy mất tích, tao đau đớn tột cùng nhưng vẫn kiên tâm chờ đợi ảnh. VC đuổi tao ra khỏi nhà, tao về Mỹ Tho sống với bên ngoại. Tao đi buôn bán khắp nơi cố ý dò thăm tin tức của Thụy nhưng vẫn bặt vô âm tín. Tao không thể lập gia đình với ai khác vì tim tao chỉ có hình bóng Thụy. Tao chờ đợi hơn mười năm, tao đã sống vật vờ như một cánh bèo trôi trên sông mặc cho sóng trường giang lôi cuốn, tao trôi nổi theo dòng đời như thủy triều khi xuống khi lên, cứ thế và cứ thế… Và đến một ngày kia tao gặp một anh Thương Phế Binh, tao giúp đỡ anh ta và cũng nhờ vậy tao được biết anh ta cùng đơn vị với anh Thụy. Anh cho biết Thụy đã chết thật sự rồi, chết trong lần đụng độ cuối cùng với địch quân trên đường triệt thoái về Nam, chết trước ngày 30 tháng 4- 1975, trước khi ông "tướng lớn" ra lịnh đầu hang! Tao cố sống vì còn hy vọng ngày Thụy trở lại nhưng khi biết ra sự thật tao đã không còn thiết tha cuộc sống nữa. Tao tìm cái chết qua hai lần tự tử nhưng số mệnh tao chưa dứt nợ trần nên cả hai lần đều được cứu sống. Sau đó tao quyết định đi tu, còn gì lưu luyến cuộc đời nữa chứ! Tao đi tu không phải muốn thành Tiên thành Phật gì đâu, tao chỉ mong cho mau chóng hết kiếp nầy, tao muốn xác thân nầy được mau hủy diệt, mong kiếp sau…

- Mầy mong kiếp sau sẽ gặp lại anh Thụy chăng?

- Không, tao mong kiếp sau đừng làm con người nữa, tao muốn được làm cây cỏ, không vướng những phiền lụy, bi ai của trần thế.

Nói chuyện với tôi mà đôi mắt Ngự Chiêu như đang nhìn vào một cõi mông lung nào đó, thẫn thờ như hiện hữu tại một thế giới khác...

Bao nhiêu năm tu hành mà nàng chưa giác ngộ và thâm nhuần giáo lý Phật pháp sao? Chưa dứt bỏ được trần duyên sao? Thật khó tin được. Tôi nhìn sâu vào mắt Chiêu, ôi! còn đâu một người con gái trẻ đẹp tràn đầy nhựa sống, ôm ấp nhiều ước vọng yêu thương… Không còn là Ngự Chiêu nữa, thật sự không còn! Ngự Chiêu ơi! Mai nầy mầy sẽ ra sao? Cuộc đời vẫn hờ hững, lạnh lùng với tâm tình của người con gái cô đơn, bất hạnh. Có lẽ rồi đây, dòng đời sẽ đưa mầy trôi về một cõi xa xăm, mầy sẽ được

nghỉ ngơi, sẽ được t hanh t hản, bì nh y ên trên m ột v ùng t hảo nguyên mênh mông nào đó,…

Tất cả cũng vì cái hận ngày 30 tháng 4 năm 1975 đen tối kia. Nó đã làm cho tôi mất hết mọi thứ: mất một giang sơn gấm vóc, mất một mái gia đình êm ấm, m ất một người anh r uột thân y êu, mất anh Thụy, mất cả Ngự Chiêu của ngày nào… Không biết b ao giờ tôi mới tìm l ại được n hững m ất mát đó để lòng k hỏi xót xa, trăn trở với những đêm dài nơi tha phương đất khách? Và dòng đời cứ trôi đi, trôi mãi, và tôi chợt nhận ra rằng sẽ không bao giờ! K hông bao giờ tôi có l ại n hững yêu thương của ngày xưa đó! Có chăng, tôi chỉ tìm thấy lại những yêu thương, những ngày tháng êm đềm cũ trong vùng ký ức của riêng mình,….

Dù s ao, t ôi v ẫn m ong, v ẫn hy v ọng, v ẫn đợi, v ẫn ch ờ…một ngày Quê Hương Việt N am b ừng sáng…đẹp tươi trở lại và những muộn phiền cũ trong tôi rồi sẽ qua đi, và c ho dân t ộc tôi cũng sẽ quên đi một thời dĩ vãng thương đau...

Vi Vân

Cali. tháng 4/ 2015.

NĂM MƯƠI NĂM NHÌN LẠI

Trần Châu Giang, K22A

Sau hai năm ở quân trường, khóa 22A mãn khóa ngày 2 tháng 12 năm 1967. Đây có lẽ là khóa được phân phối về các binh chủng nhiều nhất so với các khóa trước, kể cả một số được phân phối về Quân Cảnh. Tôi là một trong số 10 SVSQ được lệnh trình diện sĩ quan đại diện Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp tại lầu 3 của Đại Đội A. Cuối cùng, tôi là một trong năm người được chọn về binh chủng này. Sau khóa học căn bản thiết giáp, Trần Thâm và Châu Phước Cơ được phân ph ối về Vùng I, Trương Văn Minh và Nguyễn Thành

Chức về Vùng III, riêng tôi về trình diện Thiết đoàn 3 Kỵ binh tại Pleiku. Thiết đoàn 3 Kỵ binh nguyên gốc là Trung đoàn 3 Thiết giáp di chuyển từ Bắc vào Nam sau năm 1954, vì vậy các hạ sĩ quan đều là các chiến binh dày dạn kinh nghiệm chiến trường…

Khi trình diện Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp, chúng tôi được biết, trước Khóa 22, chỉ có hai niên trưởng thuộc Khóa 18 từ quân trường về thẳng binh chủng này. Vì vậy lúc về đơn vị, từ lính tới quan, ai cũng tò mò muốn biết Sĩ quan Đà Lạt thì có gì khác biệt. Thực ra, nếu có một chút khác biệt nào đó thì có thể ở óc tổ chức, thuật lãnh đạo chỉ huy, tinh thần kỷ luật, mà điều này thì cần thời gian mới thấy được...

Thiết đoàn 3 Kỵ binh trách nhiệm hành quân một phần lãnh thổ vùng cao nguyên và mấy quận duyên hải phía Bắc của tỉnh Bình

Định. Con đường 14, như chiếc cột sống của vùng cao nguyên chạy suốt từ phía Nam lên hướng Bắc, xuyên qua những địa hình hiểm trở. Đây cũng là con đường duy nhất chuyên chở mọi nhu cầu cần thiết từ tổng kho Pleiku lên phía Bắc như Kontum, Dakto, Phượng Hoàng và cả căn cứ biên phòng Benhet. Hàng ngày, trên con đường này các đoàn convoy của quân đội Hoa Kỳ, mỗi đoàn hàng trăm chiếc, di chuyển lên xuống. Chính vì tính chất quan trọng của nó, nên các lực lượng cộng sản thường tổ chức các cuộc vận động phục kích nhằm đánh phá các đoàn convoy này. Thiết đoàn 3 với hai chi đoàn trách nhiệm an ninh một quãng đường vài chục cây số, chiếm giữ các cao điểm để có thể kiểm soát được con đường, bảo đảm an ninh, đồng thời nhanh chóng ứng phó với mọi biến cố xảy ra…

Cao nguyên với nắng nóng, gió bụi, mưa mù, mây giăng…nơi được coi như "xứ sở lưu đày" của lính,… Những Kỵ binh phơi mình giữa núi rừng dọc theo con đường, luôn cảm thấy mệt mỏi và căng thẳng. Ngay cả các sĩ quan có khi cả tháng không biết mặt quán café ở Pleiku, cho dù tiền cứ hành quân ngay tại Biển Hồ thơ mộng!

Khi đơn vị hoán đổi vùng hành quân về duyên hải, mấy người lính nói với tôi "*xuống dưới đó hoặc xanh cỏ hoặc đỏ ngực đó thẩm quyền*". Vùng phía Bắc Bình Định với những địa danh như Phù Cũ, Bồng Sơn, Đệ Đức, Tam Quan, Đồi Mười,..đều là những địa danh đã từng diễn ra những trận đánh vô cùng ác liệt! Sau Tết Mậu Thân, các lực lượng chính quy của CS đã bị tổn thất nặng nề, thế nhưng du kích thì vẫn dày đặc và các đơn vị địa phương của chúng vẫn còn tiềm lực quấy phá. Trong lần hành quân vào một vùng xôi đậu, tôi ghé thăm bà cụ già trong một căn nhà xiêu vẹo, bà cụ ngồi cạnh căn hầm đào ngay trong nhà, nói chuyện với tôi, cụ chỉ trả lời nhát gừng, mắt luôn dáo dác nhìn về mấy lùm cây bên kia con mương cạn, và tôi hiểu, cuộc chiến này không đơn thuần chỉ là chiếm mục tiêu A mục tiêu B,…mà nó đòi hỏi rất nhiều nỗ lực và từ nhiều phía. Những Sĩ quan, khi ra trường đều mang theo mình ít nhiều lý tưởng muốn làm một điều gì tốt đẹp cho đất nước, cho quê hương, không thể không thấy vấn đề này. Trong một cuộc phối hợp hành quân phía Đông Nam đèo Phù Cũ, tôi chứng kiến Niên trưởng Nguyễn Văn An, Khóa 21, đã thẳng tay ghi tên để trừ lương mấy người lính trong đơn vị, vì họ đã làm tổn hại đến tài sản của dân chúng trong vùng, nhưng những cố gắng của anh, chỉ là những nỗ lực cá nhân, nó đòi hỏi phải được thi hành trong tất cả các đơn vị. Ai đó đã từng nói *"mất thành, mất đất ta sẽ lấy lại, nhưng mất lòng dân thì khó lấy lại niềm tin ở họ".*

Đầu năm 1970, tôi về giữ Chi đoàn 2/14 Thiết kỵ, thay thế cho một Sĩ quan Chi đoàn trưởng vừa tử thương trong một trận phục kích. Thiết đoàn 14 KB phụ trách vùng hành quân phía Bắc Kontum. Thay thế cho lực lượng Hoa Kỳ nay đã lui về làm nhiệm vụ phòng thủ. Vào năm 1970 trong mỗi chi đoàn thiết giáp đều có một toán cố vấn Mỹ, toán của họ gồm một sĩ quan và hai hạ sĩ quan, sinh hoạt ngay trong hậu cứ của chi đoàn. Tôi không biết ở cấp cao hơn có chịu một áp lực gì của các toán cố vấn hay không, riêng ở cấp chi đoàn, thì họ sống thân thiện và lịch sự. Họ không can thiệp vào các vấn đề nội bộ của đơn vị, ngay cả vấn đề hành quân, việc của họ chỉ là yểm trợ. Trong các cuộc hành quân ngoài sĩ quan tiền sát của pháo binh VN, sự hiện diện của cố vấn Mỹ, đồng nghĩa với việc bảo đảm một hỏa lực yểm trợ hết sức dồi dào. Họ có thể cung cấp hỏa lực của tất cả các đơn vị pháo binh Hoa Kỳ hiện diện trong vùng, điều không và nhất là việc tải thương. Có thể nhận biết sự khác biệt với việc có hay không có toán cố vấn đi theo đơn vị. Vào

giữa năm 1970, Quân đoàn 2 mở các cuộc hành quân Bình Tây vào vùng Đông Bắc Kampuchia, theo con đường 19, băng qua vùng Đức Cơ. Với khả năng di động, và một hỏa lực đủ mạnh, các đơn vị thiết giáp, thường dẫn đầu các cánh quân. Cuộc hành quân thứ nhất có cố vấn Mỹ đi theo đơn vị, tuy vào vùng đất lạ, nhưng tình hình phía trước luôn được cung cấp kịp thời, chính là nhờ toán cố vấn này. Khi đụng trận, chỉ trong một thời gian ngắn, trực thăng võ trang Hoa Kỳ đã có mặt ở hai bên sườn. Hành quân lần tiếp theo, các cố vấn được lệnh ở lại bên này biên giới, nhiều khi vì nhu cầu phải vào sâu hơn, chúng tôi ra ngoài tầm yểm trợ ở Đức Cơ, hỏa lực cơ hữu phải tự xoay xở…không còn được yểm trợ tối đa như khi có các cố vấn Mỹ bên cạnh.

Vào cuối năm 1970, thì các cố vấn chỉ còn ở cấp thiết đoàn, và cũng thời gian này, các lực lượng của Hoa Kỳ, hầu như đã di chuyển hết ra khỏi vùng phía Bắc Kontum. Cuộc triệt thoái, tỉ lệ nghịch với cuờng độ và qui mô cuộc chiến. Trước kia, trên cao nguyên, các trận đánh nổi tiếng như Ia Drang, Pleime, Benhet,…thì các lực lượng tham chiến của CS chỉ ở cấp trung đoàn, hoặc hơn trung đoàn, nhưng tới “mùa hè đỏ lửa” của năm 1972, trận đánh ở Tân Cảnh, lực lượng tham chiến của CS đã ở cấp quân đoàn.

Do nhu cầu bảo vệ lãnh thổ, quân đội chúng ta bị căng ra quá mỏng, và thiếu một lực lượng trừ bị đủ mạnh, mặc dù chúng ta đã từng gây cho địch những tổn thất nặng nề. Nhưng bảo vệ được phần lãnh thổ, hoặc chiếm lại một vùng đất lỡ bị mất vào tay địch, quân ta cũng đều chịu những tổn thất, những hy sinh. Tôi có nói

chuyện với Huỳnh Vinh Quang, bên TQLC, người bạn cùng Khóa 22A, Quang cho biết từ lúc về đơn vị cho tới ngày ra khỏi binh chủng để về không quân, những binh sĩ cũ trong đơn vị nhỏ của Quang gần như không còn một ai! Trần Anh Tuấn, Đại đội D, K22 A, tự là Tuấn râu, cuối năm 1972 đã là Tiểu đoàn trưởng. Dầu năm 1974 đơn vị của Tuấn đóng quân phía Tây Pleiku, trong một đêm, căn cứ bị cộng quân dùng chiến thuật biển người tràn ngập, và Tuấn chẳng bao giờ trở về! Bản thân tôi tham dự trận đánh ở Tân Cảnh, trận đánh diễn ra thiếu sự yểm trợ của phi pháo, hai trung đoàn 42 và 47 của sư đoàn 22 BB, đang thiếu hụt quân số, mà phải chống đỡ với cuộc tấn công gồm hai sư đoàn quân CS cộng thêm một số đơn vị biệt lập. Đây cũng là lần đầu tiên Bắc quân đã sử dụng hỏa tiễn chống chiến xa trên chiến trường. Trận chiến đã diễn ra lẻ tẻ ở vòng ngoài từ chiều ngày 23 tháng 4 năm 72 và đã diễn ra toàn diện vào lúc gần nửa đêm. Trận chiến chưa kết thúc, thì các toán cố vấn Hoa Kỳ đã triệt thoái theo con đường riêng của họ. Trận đánh kết thúc vào tảng sáng, Đại tá Lê Đức Đạt, Tư lệnh sư đoàn, được ghi nhận là mất tích.Thiếu tá Vũ Khánh Dư, Thiết đoàn trưởng thiết đoàn 14 KB và Sĩ quan Ban ba tử trận. Tôi bị thương và ít lâu sau đó thì bị bắt, bị đưa ra miền Bắc giam giữ. Đầu năm 1973, tôi được trao trả tù binh ở sông Thạch Hãn, và sau đó trở về đơn vị cũ.

Đầu năm 1974, tôi về học khóa sĩ quan cao cấpThiết Giáp. Vị Chỉ

huy trưởng cũ của tôi, bây giờ là Chỉ huy trưởng trường Thiết Giáp, gặp lại tôi, ông cho gọi lên ăn cơm tối với ông. Trong bữa ăn tối chỉ có hai thầy trò lâu ngày gặp nhau nên có biết bao điều để nói và vào cuối bữa ăn ông bảo tôi: *"Tôi biết anh vất vả cũng nhiều, sau khóa học này ở lại trường một thời gian. Ra ngoài, dù có lên thêm một cấp nữa, mà không quen biết, cũng khó tiến thân lắm".* Tôi chợt nghĩ đến vài người, mà tôi từng biết khi còn ở ngoài đơn vị, lận đận trong binh nghiệp chỉ do những lỗi lầm không đâu. Trong khóa 22 nếu nói về chiến công, phải kể tới Trương Văn Út. Ngày quân lực 19 tháng 6 năm 1973, tôi ngồi trên khán đài, khu vực dành cho phái đoàn đại diện các cựu tù nhân chiến tranh, tôi đã chứng kiến Trương Văn Út nhận Đệ Ngũ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương từ chính tay tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, nhưng binh nghiệp của Út không phải lúc nào cũng suông sẻ...

Sau khóa học, tôi ở lại trường. Hai tháng sau, ông giao trách nhiệm cho tôi,Trưởng khoa chiến thuật. Từ vị trí này tôi có nhiều dịp tiếp xúc với các sĩ quan về học các khóa Trung và Cao Cấp Thiết Giáp. Như một nét chung, quân nhân từ ngoài đơn vị tác chiến về thường bày tỏ thái độ đầy tự tin và cách hành xử rất ư hào sảng. Nhưng ở chỗ thân tình, họ không che dấu những ưu tư về những cắt giảm ngày một nhiều về xăng nhớt cũng như đạn dược. Đặc tính của thiết giáp là hỏa lực và sự di động, do đó sự cắt giảm này đã làm suy yếu khả năng của thiết giáp rất nhiều. Và chẳng phải chỉ riêng thiết giáp, mà hầu như quân binh chủng nào cũng đều chịu chung "số phận" như thế. Vào giữa năm 1974, có một phái đoàn của Tổng Cục Tiếp Vận đến truờng TG, gặp gỡ các sĩ quan, với ý định tìm kiếm những sáng kiến để có thể nâng cao hiệu lực những gì hiện có. Phái đoàn cho biết đã tận dụng những xăng nhớt phế thải, chứa vào các thùng hai trăm lít, cột thành từng palet dùng C-130 thả thay cho bom napal vì kho bom loại nầy hiện nay đã gần cạn (!).

Có lẽ, chính vì những thiếu hụt mà không có lối thoát, đã là nguyên nhân chính khiến các cấp lãnh đạo quốc gia đưa ra các quyết định sai lầm mang tính chiến lược!(như rút bỏ vùng Cao Nguyên). Hậu qủa ra sao, chúng ta đều đã thấy. Nó đã đẩy đưa biết bao con người không hề thiếu sự dũng cảm và lòng tự trọng bước vào một cuộc hành trình khổ ải trong các "trại tù cải tạo" tại các vùng núi rừng heo hút, mà thực chất là lao động khổ sai trong đói khát triền miên và bệnh tật. Năm, mười năm sau trở về nhìn căn nhà trống trơn, đã nhuốm màu hoang phế, nhìn vợ con xanh xao vất vả trong cuộc mưu sinh giữa nỗi ngậm ngùi! Những người vợ chân yếu tay mềm đã phải một mình đương đầu với biết bao khó khăn, nghịch cảnh, hầu che chở cho đàn con,và giữ lại mái nhà xưa để chờ chồng,...Dù sao thì đó cũng còn có một chút gì hạnh phúc

trong ngày trở về của những “tù cải tạo”. Vì bên cạnh đó, có không ít người tù khác lúc trở về mới thấm thía câu nói dân gian “Nước mất nhà tan"(!) –người vợ năm xưa không còn nữa, và đàn con thì lạc loài khắp chốn!.

..

Với tất cả những ai, đã từng trải qua thời gian nghiệt ngã này, đã từng v ất vả trong cuộc mưu sinh sau ngày ra tù, và thường trực chịu đựng áp lực ngột ngạt từ một xã hội đã thay đổi, mới thấy rằng CHƯƠNG TRÌNH H.O là một phép lạ dành cho họ. Nó đã thay đổi số phận của biết bao con người thuộc quân cán chính Việt Nam Cộng Hòa và gia đình của họ. Qua tới đây, lúc đầu ai cũng trải qua những ngày tháng gian nan v ất vả, nhưng chắc chắn sẽ không lo sợ công an muốn bắt mình lúc nào cũng được. Và quan trọng hơn là các thế hệ sau có thể đạt được những ước mơ, nếu chúng có đủ nghị lực, chứ không còn bị cái “lý lịch Ngụy Quân, Ngụy Quyền” của cha ông cản đường, bít lối…

Tôi có quen biết một niên trưởng khóa 19 từ trong tù và trở nên thân thiết. Anh Nguyễn Anh Tôn, vào một dịp Tết anh điện thoại cho tôi *"Bọn mình nay đều đã già, anh may mắn, các cháu đều đã ổn định cuộc sống. Anh em mình không trốn tránh trách nhiệm, và cũng đã làm hết sức của mình. Chú nhớ giữ gìn sức khỏe,.. ".* Lời nh ắn g ửi c ủa anh c òn ẩn ch ứa một l ời n hắn k hác " Hãy g iữ tâm được thanh thản”. "Thanh thản" có lẽ là mong ước của tu ổi g ìa, nhưng nhiều kh i ch ẳng d ễ...vì d ễ gì qu ên được m ột quá k hứ thương đau của dân tộc và của riêng mình!

Cách đây vài năm, ngồi trên chuyến tàu xuyên Việt, khi đến vùng phía Bắc Tam Quan thì trời đã về chiều. Nhìn về hướng núi, đằng sau hàng cây đã chuyển màu xanh đen, ở phía xa xa là l àng An Quý. Nơi đó, một l ần đã có vài binh sĩ trong đơn vị của t ôi ngã xuống!

Con tàu vẫn đi về phía trước, làng An Quý cũng đã khuất lại phía sau, lòng tôi bỗng nhiên trùng lại.Tôi có thể sẽ chẳng còn có cơ hội để trở lại vùng đất này n ữa, nơi, tôi đã bỏ lại đồng đội c ủa mình...Còn nỗi buồn nào hơn cho một người lính cũ!!!,…

Trần Châu Giang, K22A

TÌNH ĐỒNG ĐỘI ...

Trần Hoài Thư
Học Quốc Học Huế, Đại Học Huế & Saigon. Giáo sư đệ nhị cấp bị động viên, Trung đội trưởng thuộc đại đội 405 thám kích Sư đoàn 22 BB QLVNCH . Cuối năm 1970, được Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị bốc về làm phóng viên chiến trường vùng đồng bằng sông Cửu Long. Sau tháng 4/75, tù khổ sai gần 4 năm. Ra tù hành nghề bán cà rem dạo trong vòng 8 tháng. Vượt biển và định cư tại Hoa Kỳ 1980. Trở lại đại học. Tốt nghiệp Cử nhân điện toán và Cao học Toán ứng dụng. Làm việc trong lãnh vực điện toán cho AT&T và IBM suốt 25 năm cho đến ngày về hưu. Chức vụ cuối: Dự án trưởng (project leader). Hiện chủ trương tạp chí Thư Quán Bản Thảo và Tủ Sách Di Sản văn chương miền Nam, nhà xuất bản Thư Ấn Quán mà ông vừa là chủ và cũng là thợ, đã cho ra đời hàng trăm đầu sách. Hai bộ sách đồ sộ nhất là bộ Văn Miền Nam (4 tập, dày khoảng 2200 trang), và Thơ Miền Nam (5 tập, dày khoảng 3500 trang). Đây là một trong những "job" mà ông tự hào nhất.

Trong lúc trốn ẩn ở Saigon, sau khi "tự ký phép" xuất ngũ, Thế Vũ - một nhà văn CS đã có 6 năm mang áo lính VNCH, viết trên Trình Bày như sau:

"Sau những ngày đầu tiên cố gắng du mình vào nhịp sống khá lạ lẫm của thành phố bởi những năm tháng trước đó mãi mê hì hục cầm súng, bên cạnh những khuôn mặt bạn bè thân thiết ngày xưa cũng vừa mới trở về, tôi bắt đầu nghĩ tới những lá thư mà mình dự tính viết cho những người ở xa."

Lá thư thứ nhất cho người bạn chiến binh còn trôi nổi ngoài chiến trường biên giới. Đó là người đã chia cho tôi những điếu thuốc lá nghèo khó ngày tôi mới ra trình diện đơn vị, người đã hằng đêm nằm chung với tôi trong một căn lều dã chiến, đã từng dìu tôi trong những cơn say khướt mù ở hậu cứ, ở thị trấn dừng quân, đã an ủi tôi trong những cơn đau đớn tủi nhục, và cuối cùng đã xót xa giúp tôi (..) thoát khỏi những vòng kẽm gai đồn binh một ngày cuối tháng Tám. Tôi muốn viết cho người bạn của tôi một lá thư, trong đó có thể tôi sẽ nhắc lại những lời cuối cùng mà người bạn đã buồn bã nói với tôi, có thể tôi sẽ chỉ nói cho người bạn biết rằng tôi vẫn bình yên, tôi đang tự do, tôi đang sống sung sướng một cách khốn khổ và đơn độc, có thể tôi sẽ nói về những kỷ niệm hay những mơ ước cũng có thể, để kéo dài đủ một trang thư, tôi sẽ nói với người bạn về bao nhiêu điều khác. Nhưng sau một vài lần cố gắng, bởi những thôi thúc chân tình một cách kỳ quặc, tôi không thể viết được. Đầu tiên tôi nghĩ có thể người bạn không còn ở đơn vị nữa : chết, giải ngũ, đào ngũ hay thuyên chuyển về một chiến trường khác,… Kế tới, tôi nghĩ biết đâu người bạn không đau xót hơn khi được tin tôi, dù sao tìm thấy tự do một cách nào đó ở thành phố vẫn là một mơ ước lớn lao cho những kẻ còn cầm súng ngoài chiến trường trong cuộc chiến nầy. Sau cùng, ít ra trong hoàn cảnh nầy hay bạn tôi ở ngoài kia cũng có một người, mang vóc dáng bi đát. Tôi khốn khó và đơn độc đây hay người bạn đang bị câu thúc (…) ở ngoài kia đều là những hình ảnh bi đát khốn cùng dưới mắt kẻ khác. Sống bi đát, viết thư thăm hỏi một người bạn đang chịu đựng một cuộc sống không kém bi đát, lại nói về những điều chẳng vui gì hiện tại, quả thật là một việc làm quá sức buồn bã. Viết thư cho người khác là đi tìm một niềm vui khuất mờ ở đâu đó. Nhưng làm sao, tôi có thể tìm thấy niềm vui kia trong việc làm buồn bã của tôi…"

(trich NHỮNG THƯ KHỐNG VIẾT ĐƯỢC, Trình Bày số 34 18-12-1971)

Tại sao Thế Vũ - một người viết văn có khuynh hướng khuynh tả, chống đối chiến tranh, lại nhớ thê thiết đến đồng đội của ông? Câu trả lời là tình đồng đội.

Có ở trong đơn vị tác chiến, có đánh giặc thật sự, có thấy bạn bè ngả xuống, có chia chung điếu thuốc, hay chén rượu đế pha cô ca, mới hiểu được cái tình này. Thế Vũ chẳng yêu gì đời lính. Ông không hối hận việc ông đào ngũ. Vậy mà lá thư thứ nhất ông dành trái tim mình cho người bạn cùng một đơn vị với mình. Bởi ông đã nhận ra, không phải riêng ông mà tất cả đều mang vóc dáng bi đát. Đủ biết là tình đồng đội là mạnh mẽ đến dường nào!

Ngay cả một người cố vấn Mỹ, chỉ có vài dịp đi theo đơn vị thám kích hành quân, chưa bao giờ chia nhau miếng cơm sống, hay chuyền nhau điếu thuốc, hay một cốc rượu đế cay nồng sau khi hết hành quân, vậy mà cũng có những câu thơ cảm động như thế này:

FOR MY SCOUTS (1)

I have built a house within my heart
For all of my “Highland Scouts” to live.
Each one has a permanent room
though all of the windows
are draped in black!,
and the tenants are never coming back.
Grief is mine… and I am selfish…
I hoard their memories with relish.
Inside are stored essences of each
…of good times and bad
Of all the things that have been.
I can lift the curtains when I am lonely
and they all laugh and live again…
Many of my Scouts have lived there a
long time…with Black Panther
painted upon their doors.
Inside I can hear their laughter
And my tears fall upon the floor…

Charles Schwiderski

Cho những người bạn thám kích của tôi

Tôi xây trong tim tôi
ngôi nhà cho những người bạn “thám kích Miền Cao”
Mỗi người một căn phòng cô định
Dù tất cả cửa sổ
Đều phủ màn đen!
Và chủ phòng không bao giờ trở lại
Nỗi đau là của tôi … và tôi là một người ích kỷ
Tôi say sưa gom góp kỷ niệm về các bạn
Mỗi phòng chất chứa tinh hoa của chủ phòng
… của những chuỗi ngày vui buồn hay may rủi
của tất cả mọi điều từ trước đến nay

Khi cô đơn tôi có thể vén màn
và các bạn sống lại cười vui trở lại
Nhiều bạn thám kích của tôi đã sống trong ngôi nhà nầy
rất lâu … với hình con Báo Đen
sơn trên cửa phòng của họ
Bên trong tôi vẫn nghe giọng cười
và nước mắt tôi nhỏ xuống trên nền nhà… (1)
(THT phỏng dịch)
Nhà thơ Mỹ đã dọn trong tim mình căn phòng cửa sổ màu đen và khi buồn thì "vén lại màn và các bạn sống lại cười vui trở lại". Có điều gì để ông phải nghĩ đến họ. Trong khi họ không có chung tiếng nói, không ở chung cùng trung đội chỉ huy, không có tài thao lược, tài giỏi, bách chiến bách thắng. Ngược lại, họ là những người lính thấp hèn, giày họ đã vẹt gót, quần áo họ đã tơi tả vì gai rừng... Vậy mà có một sợi dây liên hệ dù vô hình nhưng quá mạnh mẽ kết buộc lại người lính Mỹ và họ.
Đó là sợi dây kết bởi số phận bi đát với nhau. Nhưng từ cõi lầm than, vẫn mọc lên những bông hoa hiếm quí. Sống bên bạn, mà chết, bị thương cũng bên bạn.

***

Và chính vì sợi dây ấy mà nhà thơ Mỹ đã quyết định trở lại Kontum để tìm những người bạn thám kích của một thời.
Trong một điện thư, ông hỏi tôi:
I will be in Kontum in March. What would be the best way to find any survivors of my Highland Scout Companies???
Tôi sẽ ở Kontum vào tháng ba. Có cách gì tốt nhất để tìm những người còn sống sót của các đại đội thám kích của tôi?(THT dịch)
Không phải là câu hỏi của một người cựu chiến binh Hoa Kỳ trở về VN tìm người mất tích. Cũng không phải là câu hỏi dành cho một người khách ngoại quốc lạ lẫm cần người hướng dẫn.
Đó là câu hỏi về lại "mái nhà xưa". Mái nhà mà ông ta đã có những tháng ngày trú ngụ.
Tội nghiệp cho ông. Tôi phải giải thích làm sao về một đội quân bị tan hàng, bỗng dưng tan rã! Tôi phải giải thích làm sao, một đại đội, mấy mươi người, mỗi sáng điểm danh, càng ngày thấy càng thưa thớt. Và những dấu giày kia, đã phai mờ cùng cát bụi của lịch sử và thời gian. Tôi phải giải thích làm sao, những Y Dao, Y Suk, Nay Lat, Y Brem, Nay Bro, Lương văn Tướng, ông Tám, ông Kho, Tròn, Tài, Bình Lò Heo… Những bóng mờ đã ẩn hiện, buồn bã trên sườn đồi. Có những con ngựa gầy xỏa bờm, có những con diều hâu gọi bầy thảm thiết. Căn nhà ấy, đâu còn nữa mà về. Sân đất ấy đâu còn thấy hàng quân nữa mà về. Tôi phải giải thích làm sao khi tôi đang cất lên lời thống thiết gọi bầy:

Xin tạ từ anh, người bạn thám kích sư đoàn 22
Anh, người đồng đội của tôi, mấy mươi năm về trước
Chiếc chiếu rượu bây giờ thành chiếu trống
Những người xưa giờ đã bỏ đi đâu
Còn lại mình tôi, cách nửa địa cầu
Con ngựa lạc đàn ngậm ngùi đất khách…
Vâng, chúng ta không còn có một cái gì ở đấy. Mất mát. Tang thương. Những phận người thất trận! Những đòn thù. Nhưng chúng ta có một kho tàng quí giá ở đó. Đó là niềm kiêu hãnh là ở trong cõi chết để kẻ khác được sống. Là tình đồng đội. Là những hòn đá tảng quá nặng, trên những đôi chân và thân thể gầy guộc của người lính khổ miền Nam. Để mãi mãi tôi ngẩng đầu. Dù là tù tội. Dù mang danh là "ngụy tặc". Dù bị gán cho "thám báo mổ tim, mổ gan, hãm hiếp, uống máu người,…" như phe bên kia tuyên truyền. Dù mang danh là kẻ tị nạn nầy. Ngẩng đầu. Ngẩng đầu. Ngẩng đầu. Ngẩng đầu dù bò dù lết, dù bị hành hạ tả tơi
…
Tháng ba, người cựu lính Mỹ trở lại VN…
Trở lại để tìm những thứ mà trên cõi đời này, trên đất Mỹ giàu sang thịnh vượng này, lồng lộng gió tự do, bát ngát mênh mông tình người và tình đô la này chắc chắn không có.
Đó chính là tình đồng đội
Như câu "khích rượu" của đám lính của tôi trong các cuộc nhậu:
"Tôi hỏi ông thầy, khi ông thầy chết hay bị thương, ai cõng hay mang xác ông thầy về. Đồng đội hay vợ con cha mẹ?"
Vâng, đồng đội. Chính đồng đội. Đó là lý do tại sao Thế Vũ lại thê thiết nhớ đồng đội của ông bằng lá thư thứ nhất. Và người cố vấn Mỹ đã xây trong trái tim mình một ngôi nhà có nhiều phòng dành cho những người bạn thám kích VN.
Chỉ những kẻ mất hết nhân tính, vô ơn mới xem bạn mình, đồng đội mình là những con thú tật nguyền, là bọn què quặt hết thời, đào cả người chết lên để mà bỡn cợt như Ngụy Ngữ bỡn cợt cố Đại úy dù Nguyễn văn Đương trong hầu hết các truyện của ông ta trên tạp chí Vấn Đề (2).
Tháng ba người lính Mỹ trở lại VN. Còn tôi, tôi trở lại ngày và đêm. Tôi trở lại bằng những giấc mơ hay bằng những lúc tôi tủi nhục, cô đơn lạc loài nhất. Không phải họ "cõng tôi" khi tôi bị thương mà họ đã dạy tôi về kinh nghiệm chiến trường, về sự gan dạ, can đảm, cả sự thách đố và tình đồng đội. Thân thể họ gầy guộc, mà mang cả súng trường, mấy lần cấp số đạn, có khi cả 10 ngày lương khô, và cả bao nhiêu tấn lịch sử oan khiên đè nặng... Họ giúp tôi đứng lên bằng đôi chân của người lính miền Nam nói chung, và người lính thám kích của sư đoàn 22 nói riêng.

Trần Hoài Thư

"Vâng! Chúng tôi hãnh diện đã có một cấp chỉ huy như thế"

PHẠM TÍN AN NINH

Phạm Tín An Ninh quê quán Khánh Hòa. Lúc nhỏ đi học tại Nha Trang và Sài Gòn.
Nhập ngũ:Khóa 18 SQTrừ Bị Thủ Đức Phục vụ tại Sư Đoàn 23 BB.
Sau tháng 4/75: Đi tù tại các trại tù Nam và Bắc Việt Nam (Thân sinh cũng bị tù và chết trong trại tù"cải tạo"vào tháng 6/1976).
Vượt biển, định cư tại Vương Quốc Na-Uy từ năm 1985.
Đi học và làm việc trong ngành Ngân Hàng Bưu Điện. Về hưu từ đầu năm 2008.
Tác phẩm :
Ở Cuối Hai Con Đường(2008)
Rừng Khóc Giữa Mùa Xuân (2011)
Vẫn Còn Vương Tơ (2013) (viết chung với Gs Võ Doãn Nhẫn)
Cộng tác với nhiều tập san quân đội, một số nguyệt san, tuần san văn học, báo chí tại Hoa Kỳ và Úc Châu.

Sau Tết Mậu Thân, khi vừa đánh thắng nhiều trận lớn, giải tỏa thành phố Phan Thiết trong vòng vây và tiêu diệt toàn bộ đám Cộng quân xâm nhập, đơn vị tôi đón mừng một vị trung đoàn trưởng mới. Ông được Đại Tá Trương Quang Ân, Tư Lệnh Sư Đoàn bổ nhậm và đích thân đưa đến bản doanh của Trung Đoàn tại Sông Mao, để bàn giao với vị tiền nhiệm. Ông đến nhậm chức với duy nhất một cái "xắc ma-ranh" vác trên vai, trông giống như anh chàng tân binh vừa lãnh quân trang ở một quân trường nào đó.

Buổi lễ bàn giao đơn giản nhưng rất trang nghiêm, dưới sự chủ tọa của vị Tư Lệnh Sư Đoàn. Sau khi tiễn đưa ông cựu trung đoàn trưởng theo ông Tư Lệnh lên trực thăng bay đi, tất cả được lệnh "thao diễn nghỉ" để nghe vị tân Trung Đoàn Trưởng ban chỉ thị:

Điều trước tiên mọi người lưu ý là ông rất nhỏ con, nhưng đôi mắt sáng quắc, có nhiều uy lực, tướng đi nhanh nhẹn. Tóc cắt ngắn ba phân, để lộ từ trên đầu xuống sau vành tai bên phải một vết sẹo dài láng bóng làm tăng thêm cái uy dũng của một người từng dạn dày trận mạc.

Sau khi được vị trung đoàn phó trình diện hàng quân, ông đi quanh một vòng bắt tay các sĩ quan thuộc bộ chỉ huy Trung Đoàn và các đơn vị trưởng. Ông đi đứng, bẻ góc, dậm chân, đằng sau quay, và chào hỏi rất đúng quân cách. Bọn tôi không mấy ngạc

nhiên vì đã được biết, trước khi thuyên chuyển về đây, ông từng là Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn SVSQ của Trường Võ Bị QGVN, một quân trường nổi tiếng tại Vùng Đông Nam Á.

Nhưng ngay sau đó ông lại làm chúng tôi ngạc nhiên với câu hỏi đầu tiên của ông:

-Các anh có biết tôi đi lính từ cấp bậc gì không?

-*Thiếu úy!* - một sĩ quan lên tiếng.

- *Sai!*

- *Trung sĩ!* - một sĩ quan khác trả lời.

- *Cũng sai!*

- *Binh nhì* – một anh tiểu đoàn trưởng, tốt nghiệp từ Trường Võ Bị, tỏ ra biết ít nhiều về ông.

Nhưng rồi tất cả, từ quan tới lính, đều ngơ ngác khi nghe ông bảo:

- *Cũng chưa đúng!*

Im lặng một lúc, để gợi thêm sự tò mò, ông lên giọng nói lớn:

- *Binh ba!*

Rồi tự giải thích:

-Đúng như thế! Binh nghiệp của tôi đi lên từ cấp "binh ba". Vì khi vào lính nhảy dù, tôi chưa được cho đi đánh nhau mà phải làm hỏa đầu quân, tức là thằng nấu bếp, rồi sau đó làm "ô đô" cho ông đại đội trưởng Đỗ Cao Trí.

Giải thích xong, ông ngẩng mặt lên và cao giọng:

- *Tất cả các anh nên hãnh diện là đang có một cấp chỉ huy như thế!*

Phải công tâm mà nói, từ khi ông về chỉ huy, Trung Đoàn đã thay đổi khá nhiều, từ cách tổ chức, sinh hoạt tới chiến thuật phòng thủ, hành quân. Nhưng song song với việc tạo cho đơn vị một khí thế mới để vươn lên, trở thành đơn vị ưu tú với nhiều chiến công hiển hách, ông cũng đã để lại rất nhiều giai thoại, mà đến hôm nay, mỗi lần anh em cùng đơn vị xưa có dịp gặp nhau luôn nhắc tới. Ngày xưa, đó chỉ là những mẩu chuyện vui để cùng cười, nhưng bây giờ tất cả trở thành những kỷ niệm mang theo nhiều cảm xúc.

Trước tiên phải công nhận là ông rất liêm khiết, công minh. Ngay cả cái xe jeep của ông cũng đích thân ông ký giấy nhận xăng, và mỗi khi xong công việc, tài xế đưa ông về trước tư thất rồi quay lại đậu trước văn phòng. Vợ con ông không được phép ngồi trên xe, chứ đừng nói đến việc xử dụng. Ông không hề dùng một người lính nào cho gia đình hay trong công việc riêng.

Trong đơn vị có anh Hoàng Văn An, sau khi tốt nghiệp Khóa 20 VB cũng được bổ sung về Trung Đoàn. Anh An là em (thúc bá) của vợ ông. Khi anh An còn là SVSQ thì ông đang là Liên Đoàn Trưởng LĐ/SVSQ. Một lần đi phép về trễ một ngày, anh An bị ông gọi lên văn phòng bảo: *"Nếu là SVSQ khác tôi tha, nhưng vì chú là em nên tôi phạt chú 7 ngày trọng cấm!"* (Sau này anh An cho biết đó là 7 ngày trọng cấm duy nhất trong hồ sơ quân bạ của anh).

Với các sĩ quan già, ông xưng hô "ông, tôi", nhưng với mấy thằng sĩ quan trẻ như bọn tôi, ông chỉ gọi "mày" hoặc "chú mày" và xưng "tao" như em út trong nhà.
Sau một cuộc hành quân, ông thường mời tất cả sĩ quan thuộc BCH Trung Đoàn và các đơn vị đóng chung quanh, dùng cơm với ông. Điều đặc biệt là đích thân ông đi chợ, lựa và mua cá, mua rau.Món ông thích nhất là cá rô chiên. Được ông mời ăn cơm phải nói là một cực hình. Nhưng không ai có thể vắng mặt bởi ông sẽ điểm danh. Nói là mời nhưng phải xem đó là lệnh. Trong bữa ăn ông thường luận về các món ăn dân giả và cách nấu nướng. Có một lần anh đầu bếp không hiểu ý của ông, đánh vảy, chặt vi mấy con cá rô, chiên vàng xong mang bày lên bàn, bay mùi thơm phức, nhưng rồi bọn tôi bất ngờ tròn mắt, khi ông ném cả đĩa cá vào sọt rác và la cho một trận! Ông bảo, con cá rô mà mất vảy và cái vi thì còn ăn cái gì?
Lâu lâu ông cũng mời một số sĩ quan tham mưu cũng như các tiểu đoàn trưởng đến tư thất của ông dùng cơm.(Tư thất là một villa khá đẹp nằm trong doanh trại do Sư Đoàn 5 của Đại Tá Wòng A Sáng để lại). Các bữa cơm do chính tay vợ chồng ông nấu nướng. Điều làm chúng tôi ái ngại nhất, là phu nhân của ông không được ngồi chung mà là người hầu bàn. Hầu bàn chính hiệu chứ không phải làm cảnh. Bà đứng sau lưng, rót nước, xới cơm vào bát và đưa cả từng tấm giấy lau miệng cho "thực khách". Bà là một người đàn bà có nhan sắc, phúc hậu và là một "phu nhân" hiếm hoi mà tôi đã gặp trong cuộc đời binh nghiệp. Bà không hề biết (và có lẽ không được quyền biết) bất cứ điều gì của đơn vị. Cả đám sĩ quan bọn tôi ngồi trong bàn ăn, bà không biết cả tên và ai đang giữ chức vụ gì. Chúng tôi rất nể phục bà, nhưng cũng thấy tội nghiệp cho bà. Lúc ấy tôi thầm nghĩ, giá mà vị "phu nhân" nào cũng như bà thì quân đội và đất nước mình có lẽ đã khá hơn.
Trong bữa ăn, ông cũng thường kể về cuộc đời và binh nghiệp của mình, đôi lúc có chút xúc động nhưng luôn với niềm hãnh diện:
- Các anh biết tại sao tôi nhỏ con như vầy mà được đi lính nhảy dù không?
- Có lẽ trung tá nhanh nhẹn và gan dạ! - một sĩ quan trả lời.
Ông cười, xuống giọng:
- Gan dạ cái con khỉ! Quê tôi ở tận vùng quê thuộc Hòa Bình, ngoài Bắc. Vì nhà gần bên con sông lớn, và một hôm, như thường lệ, vào lúc chạng vạn tối, tôi ra sông tắm. Trong lúc đang bơi lội, bất ngờ thấy một đám người lố nhố ẩn núp dưới mấy lùm cây bên bờ sông. Họ có cả súng. Tôi biết là đám Việt Minh, nhưng giả vờ như không nhìn thấy gì. Khi qua sông, tôi tìm đến cái đồn lính

nhảy dù đóng bên kia, nói tiếng Tây với thằng lính gác, đòi gặp ông đồn trưởng. Tôi báo cho ông biết là bên kia sông có rất nhiều lính Việt Minh, có lẽ họ chuẩn bị tấn công đồn lính nhảy dù của ông đêm nay.Tôi được ông quan ba trưởng đồn thưởng cho mấy thùng bánh biscuit và hỏi con cái ai, nhà cửa ở đâu. Tối hôm đó, tôi nghe tiếng pháo dội xuống bên kia sông.Sáng hôm sau nghe tin một số lớn lính Việt Minh bị chết, số còn lại bị quân nhảy dù vây bắt. Sau chiến thắng lớn này, tôi được ông quan ba đồn trưởng cho người gọi vào và bảo ông muốn thưởng công cho tôi, hỏi tôi thích cái gì ông sẽ cho.Tôi bảo, tôi chỉ muốn đi lính Nhảy Dù.Vậy mà ông gật đầu ngay. Thế là tôi trở thành thằng lính Nhảy Dù! Sau đó, tôi được bổ sung về đại đội do một sĩ quan Việt Nam làm đại đội trưởng. Đó là Trung Úy Đỗ Cao Trí. Thấy tôi nhóc con, nên ông đại đội trưởng cho tôi vào toán đầu bếp, và sau đó lấy tôi theo làm "ô đô" cho ông. Trong một lần bị phục kích, địch tràn cả vào ban chỉ huy đại đội, tôi xông vào đánh cận chiến, giết chết mấy thằng, giải vây cho ông. Tôi được lên hạ sĩ và trở thành "gạc đờ co"của ổng. Khi lên Đại Úy đi làm tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 19 Việt Nam (tiền thân của Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù), ông dắt tôi theo làm tiểu đội trưởng thám báo, đánh bao nhiêu trận ngon ơ, được lên hạ sĩ nhất, rồi trung sĩ. Sau này, chính ông giới thiệu, để tôi được nhận vào Khóa 9 Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt.

Giống như Tướng Đỗ Cao Trí, ông rất lưu tâm tới hàng hạ sĩ quan (từ cấp bậc hạ sĩ). Ông gần gũi, chăm lo đời sống và thỉnh thoảng tập trung họ lại để nói chuyện, tâm tình, trao đổi kinh nghiệm chiến trường và việc chỉ huy tiểu đội. Ông thường bảo chúng tôi:- *Bọn mày phải nâng đỡ đám hạ sĩ quan này, nhưng cũng phải để ý học hỏi kinh nghiệm của họ. Chính cấp tiểu đội, trung đội mới quyết định chiến trường!*

Ông nói tiếng Anh giọng Bắc, không giỏi lắm, bất chấp cả văn phạm, nhưng các cố vấn Mỹ đều hiểu và nể ông ra mặt. Gặp ông là tất cả đứng nghiêm chào. Ông bảo gì họ cũng nghe. Có lần ông nói thẳng với mấy tay cố vấn Mỹ:

- Các anh đến đây là để giúp chúng tôi những gì chúng tôi cần, còn chuyện đánh nhau là chuyện của chúng tôi. Các anh đừng xía vào. Đánh bọn du kích VC mà đánh theo kiểu Mỹ của các anh là hỏng!

Ông ra lệnh tất cả sĩ quan phải nói được tiếng Anh. Không biết phải học. Nói sao cho Mỹ nó hiểu là được. Nhờ vậy mà anh Cố vấn trưởng nghe theo đề nghị của ông, tổ chức ngay một số lớp dạy Anh văn cho tất cả các sĩ quan, đặc biệt về phương pháp đàm thoại và cách liên lạc, hướng dẫn các phi công oanh tạc cơ của Hoa Kỳ.

Bản doanh Sông Mao nằm giữa Phan Rang và Phan Thiết, nhưng đường bộ mất an ninh. Ông muốn mỗi tuần phải có hai

chuyến Chinook để chở lính đi phép và cho gia đình binh sĩ được ra phố mua sắm, học hành.Vậy mà chỉ mấy ngày sau là anh Cố vấn trưởng lo xong.
Không biết vì sao Tướng Peers, Tư Lệnh Các Lực Lượng Quân Sự Mỹ tại Cam Ranh, biết thành tích đánh giặc và cả sự liêm khiết của ông, nên lâu lâu ghé lại Trung Đoàn thăm và hàn huyên với ông. Tướng Peers thường đưa ngón tay cái lên nói đùa với bọn tôi: *"các anh có một ông "boss" rất tuyệt vời!"*
Đầu năm 1969, trong kế hoạch "tự lực tự cường", Bộ TTM ban hành chỉ thị, mỗi đơn vị phải thành lập một trại chăn nuôi, Trung Đoàn có một trại chăn nuôi khá lớn, do một vị thiếu úy lớn tuổi (thăng tiến từ cấp binh sĩ) trông coi với hơn 20 lao công đào binh. Trại chăn nuôi thống thuộc Đại Đội Chỉ Huy Công Vụ.

Một hôm cả BCH Trung Đoàn và các sĩ quan từ cấp đại đội trưởng trở lên, được Ông Tỉnh Trưởng Bình Thuận mời khoản đãi vì Trung Đoàn vừa phối hợp với Tiểu Khu trong một chiến dịch bình định, đánh tan các đơn vị Cộng quân hoạt động trong phạm vi của tỉnh. Tất cả tập trung tại Căn cứ Trinh Tường (Trung Đoàn dùng làm hậu trạm) để đi đến tòa tỉnh. Trên đường đi, ông bất ngờ thấy bên vệ đường có một người đang thả heo giống. Ông ra lệnh dừng lại, xuống xe và đứng xem. Bọn tôi rất ngượng ngùng còn ông thì cứ tỉnh bơ quan sát. Cuối cùng ông khen con heo (đực) tốt và ra lệnh cho anh trung úy đại đội trưởng CHCV thương lượng với người chủ để mướn. Sau buổi tiệc ông dùng trực thăng cho anh đại đội trưởng chở con heo và người chủ bay về hậu cứ Sông Mao để gây giống cho trại heo. Chúng tôi có một trận cười đến nôn ruột, và thấy tội nghiệp cho anh đại đội trưởng rất "mô phạm" vì là một giáo sư trung học bị động viên vào Khóa 16 Thủ Đức. Nhưng sau này trại heo đã thu nhiều lợi nhuận vì sản sinh rất nhiều heo con béo tốt. Được chọn là trại chăn nuôi "kiểu mẫu" của Quân Đoàn II&QK2.

Vào khoảng giữa năm 1969, Ban Truyền Tin nhận một cuộc điện thoại (qua hệ thống siêu tần số) trực tiếp từ văn phòng Đại Tướng Cao Văn Viên, TTMT, lệnh cho Trung Đoàn, cho xe ra sân bay Sông Mao để đón một vị trung tá, thuyên chuyển đặt thuộc quyền xử dụng của Trung Đoàn. Thấy một việc bất thường, ông Trung Đoàn Trưởng gọi lại, thì được văn phòng TTMT cho biết: *"đó là Trung tá Đào Văn Hùng, Lữ Đoàn Trưởng Nhảy Dù. Ông uống rượu ngà ngà say, đến tìm Đại Tướng để phản đối về việc xử dụng Nhảy Dù của ông không đúng chỗ. Ông khá thân thiết và được đại tướng Viên trọng nể khi còn ở Nhảy Dù. Thấy ông say và lớn tiếng, Đại Tướng bỏ đi ra ngoài, ông Trung tá Nhảy Dù (có lẽ do say quá) la hét một chặp rồi cởi bộ đồ nhảy dù vất trên bàn*

bảo trả lại cho Đại Tướng. Đại Tướng giận quá, ra lệnh dùng máy bay riêng của Đại Tướng và cho hai Quân Cảnh"áp tải" ông thẳng ra Sông Mao giao cho Trung Đoàn. Lệnh bổ nhiệm sẽ do Phòng Tổng Quản Trị gởi đến sau. Máy bay đã cất cánh hơn nửa tiếng rồi."

Ông Trung Đoàn Trưởng vội vàng ra lệnh cho các sĩ quan thuộc BCH tháp tùng ông ra phi trường chào đón Trung tá Hùng, ông cũng cho gọi cả anh lính kèn đi theo. Khi máy bay đáp xuống, Ông và tất cả sĩ quan đứng thành một hàng dọc, đích thân ông chỉ huy dàn chào, có cả kèn thổi "nghênh đón thượng cấp". Điều đặc biệt làm chúng tôi ngạc nhiên hơn là ông đứng nghiêm trình diện Trung tá Hùng, với cả cấp bậc, số quân, như một tân binh hay một SVSQ trong quân trường:

- *Trung Tá Nguyễn Bá Thịnh, số quân 48/300340 trình diện Trung Tá!*

Vẫn trong thế đứng nghiêm, ông mời Trung Tá Hùng lên xe ông, còn ông thì đi chung xe với chúng tôi về doanh trại. (Tôi chưa thấy ông lái xe bao giờ). Đến nơi, ông hướng dẫn Trung tá Hùng lên nghỉ ngơi uống nước tại văn phòng Trung đoàn trưởng. Ra lệnh cho anh Đại đội trưởng CHCV sang tư thất của ông, cùng ông đích thân dọn dẹp và dành căn phòng của vợ chồng ông cho Trung tá Hùng. Ông bà dọn sang phòng nhỏ phía sau. Nhưng khi ông sang mời Trung tá Hùng về tư thất, thì Trung tá Hùng quyết liệt từ chối, bảo ông chỉ xin một cái ghế bố và sẽ ở trong Trung Tâm Hành Quân (Trung Đoàn có một TTHQ khá lớn và kiên cố).

Bọn tôi bàn tán với nhau, không ai hiểu cung cách đối xử kỳ lạ của hai ông trung tá. Ông Trung Đoàn trưởng thì lại đứng nghiêm đưa tay chào từ xa, mỗi lần gặp ông Trung tá vừa thuyên chuyển tới đặt dưới quyền chỉ huy của mình. Ngược lại ông Trung tá Nhảy Dù cũng một điều kính thưa, hai điều kính thưa ông Trung tá Trung đoàn trưởng? Đến chiều, Trung Tá Thịnh ra lệnh cho anh đại đội trưởng ĐĐCH đích thân sang tư thất của ông mang cơm chiều sang cho Trung tá Hùng. Lúc ấy ông gọi chúng tôi lại để dặn dò:

- *Các chú mày phải lễ phép và lo lắng thật chu đáo cho Trung Tá Hùng. Ông là ông Thầy của tao. Ngày trước khi ông là đại đội trưởng Nhảy Dù, thì tao là thằng Hạ sĩ I mang máy, rồi làm tiểu đội trưởng cho ổng. Ổng đánh giặc khỏi chê, nổi tiếng từ thời Pháp cho đến bây giờ. Mấy thằng Tây, kể cả sĩ quan, mà lôi thôi là bị ông chửi như tát nước vào mặt. Khi Đại Tướng Cao Văn Viên còn trung tá, làm Lữ Đoàn Trưởng Nhảy Dù thì ông Hùng đã là một tiểu đoàn trưởng xuất sắc mà ông Viên rất nể nang.*

Ông không giao cho Trung tá Hùng bất cứ công việc gì. Nhiều lần Trung tá Hùng yêu cầu phải giao cho ông một công việc, bất cứ

việc gì cũng được. Nhưng ông Trung đoàn trưởng l ại đứng nghiêm:
- Xin Trung tá làm cố vấn cho tôi.
Trung tá Hùng lại dậm chân, than phiền:
- Tớ đi lính là để đánh giặc chứ đếch biết làm cố vấn cố véo gì sấc!Trung tá quên tớ là thằng"Cai Hùng" Nhảy Dù à?
Ông Trung đoàn trưởng lại đứng nghiêm:
- Thôi, xin Trung tá thấy thích làm cái gì thì làm!
Cuối cùng Trung tá Hùng nhận một công việc không có trong bản cấp số: Sĩ quan thường trực tại Trung Tâm Hành Quân. Ăn ngủ tại chỗ. Có mặt 24/24!
Kể từ hôm ấy, Trung Tá Thịnh cũng cho kê một cái ghế bố trong TTHQ để ngủ với Trung Tá Hùng.
Một hôm, vào khoảng 2 giờ sáng, Việt Cộng pháo kích vào BCH Trung Đoàn. Nhờ có máy nhắm hồng ngoại tuyến mới được trang bị, một vọng gác phát hiện đặc công xâm nhập vào doanh trại. Ông giao việc điều động cho Trung Tá Hùng, rồi đích thân chỉ huy hai toán Viễn Thám đi lùng, giết hơn 20 tên đặc công bằng l ựu đạn và b ắt s ống 3 tên khác, đang t ìm c ách c hui q ua hàng r ào phòng t hủ.Trung t á H ùng thì leo lên nóc T THQ l ắng nghe tiếng "depart"để xác định vị trí súng cối địch, cho Pháo Binh phản pháo chính xác, sau đó 2 chiếc cobra do cố vấn Mỹ điều động kịp thời đến mục tiêu xạ kích. Đại Đội Trinh Sát được l ệnh truy kích, thu được 2 súng cối 82 ly, 2 ống phóng h ỏa tiễn và một s ố súng cá nhân, hơn 15 xác địch còn b ỏ lại tr ận địa.Trận ph ản công ch ớp nhoáng và chính xác với thắng l ợi hoàn toàn, bên ta vô sự. Đúng là chiến công của hai ông trung tá gốc Nhảy Dù!
Những lúc tâm tình với chúng tôi, Trung Tá Hùng cũng đã hết lời ngợi ca Trung Tá Thịnh. Ông thường bảo:
- Ông Trung đoàn trưởng là một tay đánh giặc rất "lì" và chỉ huy rất "chì" trong binh chủng Nhảy Dù. Trong cấp tá, ông là người có nhiều huy chương nhất, chỉ sau ông Sơn Thương. Hình như trên 20 cái nhành dương liễu, sao vàng sao bạc đếm không hết, còn chiến thương bội tinh thì cũng hơn 10 cái!
Rồi ông đùa:
- Bao nhiêu lần đã tưởng ông đi đứt, nhưng có lẽ nhờ nhỏ con quá nên đạn băn không trúng!
Khoảng hai t háng s au, c hiếc m áy bay r iêng của Đại Tướng C ao Văn Viên bay trở lại Sông M ao. L ần này t hay v ì ha i anh Q uân Cảnh, thì chở theo hai sĩ quan Nhảy Dù để đón Trung tá Đào Văn Hùng về lại Sư Đoàn Dù. Nhưng chỉ sau đó một thời gian, (chính Trung tá Thịnh cho biết), ông bị ra khỏi binh chủng, về một đơn vị bộ binh, rồi bị tai n ạn xe hơi nên mù mắt v à ngã bệnh đến gần như mất trí nhớ.

Sau này, bọn tôi được biết Trung tá Đào Văn Hùng cũng là một người rất đặc biệt đã tạo nhiều giai thoại trong binh chủng Nhảy Dù. Ông là sĩ quan lớn tuổi và rất thâm niên trong Nhảy Dù, thường thích nhận mình là "Cai Hùng", như niềm hãnh diện về một thời trai trẻ khi còn là một anh hạ sĩ trong lực lượng nhảy dù Pháp, và người ta đặt thêm cho ông cái tên "Hùng Gà" vì ông rất mê đá gà. Những năm giữa thập niên 1960, ông đã từng là Lữ Đoàn Trưởng có tiếng của Nhảy Dù

Thời Trung Tá Nguyễn Bá Thịnh làm trung đoàn trưởng, Tướng

Trương Quang Ân là Tư Lệnh Sư Đoàn. Có lẽ vừa là niên đệ từ trường VBLQĐL lại vừa là đàn em trong binh chủng Nhảy Dù, nên ông rất kính nể và luôn đề cao Tướng Ân. Ngày 8.9.1968, khi Tướng Ân hy sinh cùng phu nhân trong một tai nạn phi cơ ở Đức Lập, BCH Trung Đoàn đang đóng ở Cà Ná, chỉ huy cuộc hành quân trong vùng ranh giới hai tỉnh Ninh Thuận- Bình Thuận. Khi nghe tin, Trung Tá Thịnh bật khóc và than thở tiếc nuối một vị tướng tài –chuyện rất hiếm hoi đối với một mẫu người cứng cỏi như ông. Thấy vậy, tôi an ủi:

- Thôi, trung tá đừng buồn tiếc nữa. Một con én đâu có làm được một mùa Xuân!

Ông trợn mắt, nhìn tôi, quát:

- Mày ngu thế! Ít ra trong mùa Xuân cũng còn có được một con én chứ!

Cả bọn chúng tôi bụm miệng cười. Lần đầu tiên nghe ông nói một câu văn hoa như thế!

Nhờ mắng tôi, nên ông hết khóc. Ông rủ tôi và anh trung tá cố vấn Mỹ,gọi mấy chú lính hộ tống, theo ông ra bờ biển phía trước, bên một ghềnh đá, mà ông bảo là vô số cá đang tập trung trú ẩn ở đó. Anh cố vấn Mỹ không tin và hỏi xin ông cho đích thân anh ném thử một trái lựu đạn. Ông lưỡng lự rồi gật đầu. Có lẽ đây là một quyết định ngoại lệ so với bản tính nghiêm khắc cố hữu của ông.Và quả đúng như ông nói, đám lính và cả anh trung tá Mỹ lặn xuống bắt cả mấy trăm ký cá mang về. Sau khi chia cho các tiểu đoàn, ông đích thân chỉ huy làm mấy món cá đãi cả BCH Trung Đoàn, Toán cố vấn Mỹ và Đại Đội Trinh Sát.

Sau ngày Tướng Trương Quang Ân mất, ông tỏ ra chán nãn. Ông được Tướng Đỗ Cao Trí kéo về Quân Đoàn III/ Vùng 3 CT và dự định đề cử giữ chức tỉnh trưởng của một tỉnh nào đó. Ông cho bọn tôi biết, rồi bảo: - *Tớ có nhiều chữ nghĩa gì đâu mà làm quận với tỉnh. Đi lính là để đánh giặc. Trường Võ Bị có dạy ai đi làm tỉnh trưởng đâu. Tớ vẫn thích nắm trung đoàn.* Hôm rời Trung Đoàn, ông cũng chỉ vác theo một cái "xắc ma-ranh" như hồi ông đến.Tất cả chúng tôi thật cảm động và tiêc nuối khi phải chia tay ông. Một cấp chỉ huy thanh liêm, bình dân, gan dạ. Khi bắt tay tôi, ông khen "chú mày khá lắm" và rơm rớm nước mắt. Trước đây, không ai nghĩ một người cứng rắn, đanh thép như ông lại giàu tình cảm với đàn em, thuộc cấp mà ông đã giấu kỹ trong lòng.

Sau đó, ông về làm Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 52, thuộc Sư Đoàn 18BB. Không biết ở đơn vị mới này ông có thay đổi ít nhiều gì không. Tôi chỉ còn nhớ,có lần báo Sóng Thần "đánh" Tướng Trí về một vụ gì đó. Ông lên tiếng hết mình bênh vực và ca ngợi Tướng Trí, bị đám báo chí mỉa mai, gọi ông là "Chuẩn Đại Tá". Ông chửi thẳng thừng: bọn báo chí này bố láo! Chẳng biết tí gì về Tướng Trí, chỉ giỏi nằm nhà khoác lác! Với Tướng Trí thì đừng có giỡn mặt! Mới biết ông, ai cũng nhìn thấy ở ông sự cứng cỏi, nghiêm khắc, nhưng khi đã thân tình mới biết là ông cũng rất vui, thích đùa cợt. Có lần anh Hoàng Văn An (Khóa 20VB) kể lại: Năm 1970, An đang làm việc tại Sài gòn, được Trung Tá Thịnh cho vợ chồng anh được xử dụng căn cư xá của ông nằm trong Trại Đào Bá Phước, vì đơn vị của anh trú đóng gần nơi này. Một hôm Trung tá Thịnh đến thăm và rủ An đến thăm Tướng Đỗ Cao Trí và ông cụ Đỗ Cao Lụa, thân phụ của Tướng Trí. Ông cụ quý mến Trung Tá Thịnh như là em út trong nhà.
Trên đường đi, Trung tá Thịnh cười, bảo anh An:
- *Hôm nay chú mày sẽ được Tướng Trí rót rượu mời đấy!*
Biết tính ông anh rể của mình ưa đùa, anh An chỉ cười. Khi bước vào nhà Tướng Trí, chỉ có Cụ Lụa đón chào vui vẻ. Nói chuyện

một chặp, Tướng Trí về với đầy đủ quân phục và cấp bậc 3 sao trên cổ áo. Tướng Trí vừa chào ông cụ và hai người khách, ông cụ bảo:

-Trí! Mày đi rót mấy ly rượu mang đến đây.

Tướng Trí là một đứa con chí hiếu và lễ phép. Rót 3 ly rượu whisky mang đến mời ông cụ, mời cả Trung tá Thịnh và anh An. An mặc thường phục và được Trung tá Thịnh giới thiệu là em vợ. Anh An bắt tay Tướng Trí mà thấy "run" trong lòng.

Trên đường về, ông bảo An:

- Chú mày thấy tao nói có đúng không? Quan ba mà được Tướng Trí bưng rượu mời, sướng nhé!

Một lần, nhân dịp anh cố vấn trưởng bay vào Sài gòn họp, chúng tôi theo trực thăng đáp xuống thăm ông ở Đồi Phượng Vỹ (Doanh Trại Trung Đoàn 52) sau khi ông vừa trở về từ chiến trường Cam Bốt. Ông mời bọn tôi uống rượu. Khoe đây là loại rượu đặc biệt, hảo hạng, có tiền không mua được. Ông kể lại chuyện ông chỉ huy Chiến Đoàn 52, sang hành quân "giải tỏa" Kampong Chàm. Thành phố sầm uất thứ nhì của Cam bốt sau Nam Vang. Khi chiến dịch kết thúc thắng lợi, ông được ông In Tam, thị trưởng (sau này có thời là Thủ Tướng của Cam Bốt) làm lễ đón tiếp ông long trọng như một vị anh hùng. Ông được mời vào dinh thết đãi, trước một đội vũ công toàn là những cô con gái đẹp. Ông thị trưởng InTam bảo nhỏ, ông thích cô nào cứ chọn, ông nghiêm mặt lắc đầu. Ông thị trưởng cho cận vệ mang đến cho ông một xách Samsonite chứa đầy tiền.Ông bảo ông là một cấp chỉ huy của Quân đội VNCH thi hành nhiệm vụ, chứ không phải lính đánh thuê. Cuối cùng để làm vui lòng ông thị trưởng, ông theo xuống hầm rượu và lấy 6 chai rượu hảo hạng.

Ông kể lại rồi cười:

- Thấy gái đẹp và tiền từ trên trời rơi xuống thằng nào chả ham, nhưng lỡ đã đóng vai anh hùng rồi mà đưa tay lấy thì còn ra thể thống gì!

Bọn tôi chọc ông, bảo là *"Chef hơi quân tử tàu! Cứ xách cả hai thứ về đây thì bây giờ thầy trò mình lên hương và khắm khá rồi!"* Ông vỗ đùi cười. Lúc này trông ông thấy hiền khô.

Ngày 23.2.1971 nghe tin Tướng Đỗ Cao Trí tử nạn, chúng tôi chắc chắn Trung Tá Thịnh buồn lắm. Không biết ông có khóc và tiếc thương như lúc ông nghe tin Tướng Trương Quang Ân hy sinh gần ba năm trước?

Vào đầu tháng 4.1972, tôi nghe tin ông chỉ huy Chiến Đoàn 52 (-) chỉ có 2 tiểu đoàn và đại đội Trinh Sát, đã rất khôn khéo và dũng cảm điều động phản công một cuộc phục kích qui mô của hơn hai trung đoàn địch tại khu vực Cần Lê (15 cây số Bắc An Lộc). Một

cuộc phản công đẫm máu kéo dài gần bốn ngày trên một tuyến phục kích dài hơn ba cây số, mà địch chiếm hoàn toàn ưu thế về cả quân số cũng như địa thế.Cuối cùng Chiến Đoàn của ông đã gây tổn thất nặng nề cho địch và vượt khỏi vòng vây. Vị Trung Tá Cố Vấn Mỹ, tuy bị thương, nhưng không chịu tản thương, ở lại bên cạnh Trung Tá Thịnh, cùng chiến đấu và yểm trợ hết mình. Trên nhiều báo chí, có bình luận về chiến công này và đã dành cho ông nhiều lời khen ngợi*: "Trung Tá Nguyễn Bá Thịnh, gốc Nhảy Dù, là cấp chỉ huy tài giỏi, biết linh hoạt ứng phó trong mọi hoàn cảnh và trạng huống, về kỹ thuật lãnh đạo chỉ huy, ông rất được lòng các cấp dưới quyền và toàn thể các Cố vấn Mỹ thật tình kính nể mến thương. Trung Tá Walter D. Ginger, Cố vấn trưởng, dù đã bị thương, nhưng từ chối tản thương, vẫn tình nguyện ở lại sống chết với Trung Tá Thịnh cùng đơn vị bạn đồng minh của mình."*

Tháng 6.1972 ông được đặc cách thăng cấp đại tá và sau đó một thời gian nhận lệnh thuyên chuyển về Trường Chỉ Huy Tham Mưu đảm trách một chức vụ gì đó. Khi ấy, trường vừa ổn định sau khi từ Đà Lạt chuyển về Long Bình để tiếp nhận một khu doanh trại rất khang trang của Quân Đội Hoa Kỳ giao lại.
Đầu năm 1974, nhân dịp theo học một khóa tham mưu tại Huấn Khu Long Thành, tôi đến thăm ông, và bất ngờ gặp thêm một ông đại tá trung đoàn trưởng cũ khác nữa. Hai ông ở chung trong một cái bunker (rất đẹp và đầy đủ phương tiện của một sĩ quan cao cấp Mỹ để lại). Ông nhất định tự tay làm cơm đãi tôi. Tôi ái ngại, xin phụ một tay, nhưng ông nghiêm mặt trợn mắt nhìn tôi:
- Mày là khách của chúng tao. Chớ có lộn xộn.
Ông bảo ông bạn đại tá kia nấu cơm và hái rau (do ông trồng), rồi rủ tôi mang cái vợt đi theo ông ra mấy trụ đèn điện phía trước để bắt con cà cuống. Ông bảo:
- Món này mà thiếu mấy giọt cà cuống là vất đi!
Lúc nào cũng vậy, ông hãnh diện về cái tài nấu nướng còn hơn cả tài đánh giặc và chỉ huy đơn vị của ông.
Đúng là thức ăn ông nấu rất ngon, nhưng ngồi ăn với hai ông Thầy cũ tôi cảm thấy không được thoải mái lắm. Nhớ tới ngày xưa, khi ông còn ở Trung Đoàn, mỗi lần được ông mời ăn cơm là bọn tôi cảm thấy như... hết đói!

Ông dặn tôi, cứ cuối tuần lại ở đây chơi với ông. Có hôm ông còn dắt tôi đến chào Tướng Phan Trọng Chinh, Chỉ Huy Trưởng. Đó cũng là lần duy nhất tôi được gặp vị Tướng nổi danh này. Cùng gốc Nhảy Dù, nên Tướng Chinh có vẽ rất thân thiện và quý mến ông. Một thời gian, sau khi tôi rời khỏi Long Thành trở về đơn vị, thì ông cũng đi lãnh một trách nhiệm mới: Chỉ Huy Trưởng Trung

Tâm Huấn Luyện Vạn Kiếp.
Năm 2003, nhân dịp từ Bắc Âu sang Cali thăm mấy đứa con đang theo học ở đây, tôi rủ vài thằng bạn cùng đơn vị cũ đến thăm ông. Ông vui lắm. Bây giờ tuổi đã khá cao, người ông trông càng nhỏ lại, nhưng tiếng nói vẫn đanh thép, đôi mắt vẫn sáng quắc, nhanh nhẹn như xưa. Và đặc biệt với phu nhân, ông vẫn tỏ ra uy quyền như lúc trước. Ông gọi bà từ nhà sau lên chào chúng tôi, rồi bảo:
- Bà xuống lo mấy cái mâm nhang đèn, chút nữa đi lễ chùa, để bọn tôi nói chuyện!

Vốn đã nghèo, sang Mỹ ông càng trắng tay. Chính vì thế, cho dù khá lớn tuổi ông vẫn đi làm cho đến khi về hưu. Cũng như ngày xưa khi còn trong lính, bây giờ dù với những công việc rất tầm thường nhưng ông luôn vui vẻ và tận tụy làm tròn trách nhiệm.Với bất cứ ai ông cũng tỏ ra rất tư cách.Hầu hết đồng nghiệp trong sở nghe nói ngày xưa ông từng là đại tá chỉ huy một trung đoàn tác chiến, họ rất nể trọng.
Ông bảo bây giờ ông bà ăn chay. Ông còn mời chúng tôi ngày mai trở lại ông sẽ tự tay nấu mấy món chay đãi bọn tôi. Bọn tôi tin là ông nấu rất ngon, nhưng thấy tội nghiệp ông, nên tìm cách chối từ. Chia tay ông, lòng chúng tôi thấy thật buồn và có chút xót xa, thương cho một con người hiến gần cả một đời cho quân đội, bao lần sống chết với đất nước, để rồi về già vẫn phải vất vả với kiếp tha hương.
Không ngờ đó là lần cuối cùng tôi gặp ông. Ông qua đời sau đó vài tháng.

Thời chỉ huy đơn vị chúng tôi, ông là một vị Trung Đoàn Trưởng tốt. Cương trực, liêm khiết, công minh, làm việc hết mình. Ông xem đơn vị như là nhà mình và đám sĩ quan như là em út trong gia đình. Lâu lâu trợn mắt, hò hét la rầy, nhưng rất thương yêu và không hề phạt thuộc cấp. Điều đáng nhớ nhất, là ông để lại cho chúng tôi rất nhiều giai thoại, để bây giờ, mỗi lần có dịp gặp nhau, nhớ tới ông bọn tôi thường kể lại như là những kỷ niệm vui, và cũng thật dễ thương của một thời binh nghiệp.

Nhớ hôm lễ nhậm chức, sau khi tự nhận binh nghiệp của mình đi lên từ cấp bậc "binh ba", ông bảo: " ***Các anh nên hãnh diện đang có một người chỉ huy như thế!"***

-Thưa vâng! Chúng tôi rất vui và cũng rất hãnh diện đã từng có một ông Chef như thế.

Phạm Tín An Ninh

Lão Lượm "Loon".

Lão Lượm "Loon".

Captovan K19

Đôi Dòng Tâm Sự: *Đang lái xe, nghe điện thoại reo, tôi liếc nhìn xung quanh, không thấy có "anh bạn dân" nào nên bốc máy, nghe tiếng Chủ Bút Đa Hiệu, tôi vội nói là đang lái xe, 5 phút nữa gọi lại. Đúng 5 phút sau, chuông lại reo, tôi thầm phục người đúng nguyên tắc và giờ giấc, nên vội dạt xe vào lề đường, dừng lại rồi nói chuyện với chủ bút. Anh báo cho tôi biết là bài viết "40 năm tỵ nạn" gửi Đa Hiệu đã và đang được phổ biến tùm lum trên internet, anh nêu đích danh các diễn đàn và tên người "bốt"... Tôi hiểu ngay hàm ý của Chủ Bút Đa Hiệu gọi cho tôi là bài này không được đăng trên Đa Hiệu 104 nữa.*

Tôi hoàn toàn không hiểu vì lý do gì mà bài viết của tôi bị phổ biến "tùm lum"…Sau một hồi trao đổi, thanh minh với anh, tôi mới sực nhớ là sau khi viết xong, tôi có gửi bài viết cho những người đã cung cấp hình ảnh và tài liệu để kiểm chứng, và đây chính là nguyên nhân bài đã được "lích" ra, nên tôi nói với anh là:

- " Sorry, bị 'lích' ngoài ý muốn, thôi bỏ đi".

Bình thường giải quyết như thế là hợp tình, hợp lý, đẹp tình Võ Bị rồi, nhưng có lẽ, vì bài "Buồn Vui Mậu Thân" của tôi gửi Đa Hiệu số Tết không lên báo được bởi lý do kỹ thuật, rồi bài này bị "lích", nên anh Chủ Bút áy náy và yêu cầu tôi viết cho bài khác.

Quả thật tôi hơi buồn, hai lần rồi, sợ cái "quá tam ba bận". Cận ngày, hết hạn rồi mà đề tài Tháng Tư đã cạn nên tôi xin thoái thác, nào ngờ Chủ Bút ĐH cao tay ấn, các nhà văn danh tiếng ngoài Võ Bị còn được anh mời, dẫn lối đưa đường vào Đa Hiệu, huống chi tôi là tay ngang, lính gãy súng, viết thay cho bóp cò, anh bảo:

- "Niên trưởng cứ viết đi, đề tài nào cũng được, dài ba trang cũng O.K, kẻo độc giả mong!...".

Câu nói:"Kẻo độc giả mong" là Chủ Bút Đa Hiệu đã xỏ dây thừng vào mũi "Trâu Điên" tôi rồi, không đi thì dây thừng giật giật, cái mũi đau thấu trời xanh, thôi thì nghe theo lời Chủ Bút để mũi được nở bằng mũi trâu. Hơn nữa lão "Bà Bà" Hạnh Nhơn cùng niên trưởng Nguyễn Văn Ức nhắc nhở tôi viết bài cổ động cho Đại Nhacl Hội Cám Ơn Anh, Người Thương Binh/VNCH, Kỳ 9, sẽ được tổ chức tại San Jose vào ngày 12 tháng 7/2015. Vậy thì xin mời quý Niên trưởng, các bạn, quý độc giả nghe tôi kể chuyện: "Lão Lượm Loon".

* * *

Vào giờ nghỉ trưa, đa số công nhân tụ tập quanh xe "lân", tôi đang loay hoay kiểm soát mấy bộ quần áo "xem-bồ" để mang giao cho hãng Guess, thì bỗng tôi nghe có tiếng hét quanh xe lunch, thấy thằng Guapo nắm 2 cổ tay lão Tony Joseph kéo tới xô lui như mèo vờn chuột, còn đám đông thì hò reo cổ võ cho 2 kẻ đánh nhau để đứng ngoài cười chơi.

Tôi không ưa lão Tony này, nhưng khi thấy thằng Guapo hành hạ lão ta quá, thấy bất nhẫn và tự ái dân tộc nổi lên, tôi đi tới, dùng ngón cái và ngón trỏ bấm mạnh vào tử huyệt khiến Guapo đau quá vội buông lão Tony ra rồi hắn gườm gườm nhìn tôi, tôi nói lớn cho đám đông nghe: "sorry Guapo, this older man is my brother", rồi tôi nhìn vào mắt Guapo và nói nhỏ:

_ *Cùi-đa-đồ-mi* (đại khái là mày coi chừng tao).

Mọi người trở về chỗ ăn uống bình thường, còn tôi về chỗ thu xếp đi giao hàng, không thèm nói với lão Tony một câu. Trong hãng L.A Laundry toàn là công nhân Nam Mỹ, chỉ có Tony và tôi là người Việt, tôi phụ trách nhận và giao các mẫu hàng quần áo sau khi giặt xong cho các hãng Guess, Bongo, Infiniti v.v.. còn Tony nằm trong nhóm xếp quần áo. Khi mới vào làm ở đây, tôi rất lễ phép và thân thiện với "niên trưởng" Tony, nhưng dần dà vì làm khác nhiệm vụ và nhất là thấy Tony làm "mất mặt" người Việt nên tôi rất bực mình, không tiếp xúc nữa, nay khi thấy tên Mexi-Guapo hành hạ đồng hương, nên tôi buộc phải ra tay mà thôi.

Lúc nào bên hông Tony cũng gài cái bịch nylon, hễ thấy cái chai nhựa hay loon nhôm nào là Tony nhặt bỏ vào túi, khi đầy túi thì mang ra xe cất, trong khi đó thằng Guapo cũng đi nhặt loon nhôm Coca, Pepsi... Vì thế, họ thường cãi nhau, khiến tôi ghét Tony, tôi cho là Tony đi nhặt rác, làm "rát mặt" lây sang tôi, trong lòng tôi khinh Tony từ đó,…

Chúng tôi vẫn không nói chuyện với nhau. Sau một thời gian, kể từ khi tôi cứu Tony, thì Tony "quit job", trước khi nghỉ việc, Tony đến chào và bắt tay tôi:

- Tạm biệt bạn, cám ơn bạn đã bênh vực tôi, chắc trong thời gian qua bạn ngứa mắt và bực mình vì tôi đi lượm rác, nay tôi đi chỗ khác để bạn được vui, job mới của tôi ở Little Sàigon, lương "xì-tạc" 13.75$. Hy vọng chúng ta gặp lại nhau và bạn sẽ hiểu lý do tôi đi lượm rác.

Tôi từ Little Saigon lái xe qua mấy free way để lên El Monte làm với lương 5.75$/1 giờ, nghe Tony nói, tôi nghĩ hắn "nổ" nên tôi trả đũa và hững hờ chạm tay hắn rồi nói:

- Chúc Tony may mắn, có job mới lương cao thì đừng lượm rác, lượm loon nữa!

Khi hãng L.A Laundry dẹp tiệm thì tôi đi làm "thợ đụng" (truyện dài của nhà văn PKK) và rồi bất ngờ đụng Tony tại đại nhạc hội Cám Ơn Anh TPB kỳ 4 tổ chức tại Garden Grove ngày 1/8/2010.

Tôi thấy Tony mang những chai sữa đậu nành đi bán cho khán giả và vẫn lượm loon, tôi lờ hắn đi nhưng khi hắn trao tận tay tôi chai nước thì không lờ được nữa, bèn chào qua loa cho có lệ và lại càng ghét thêm vì tội hắn "nổ", kiếm được "good job" với start 13,75$/1 giờ mà vẫn đi lượm loon và bán dạo sữa đậu nành. Tôi hỏi móc họng lại:

- Chắc hồi này lương của Tony lên tới 19$/1 giờ rồi?

- Không, 20.25$ rồi. Nếu bạn muốn đổi job như tôi thì tôi chỉ cho, thật đấy, đây là số tele của tôi, 714-897-xxxx, khi nào muốn, thì liên lạc.

Tony cười thân thiện rồi tiếp tục đi bán, mang chai sữa đậu nành trao tay cho khán giả xem ĐNH. Hình như Tony không biết tôi hỏi móc nên anh ta trả lời có vẻ thành thật, nhưng tôi vẫn nghi ngờ, làm cái khỉ gió gì mà lương 20.25$ trong khi bằng cấp chỉ là ngón trỏ bóp cò.

Nghề thợ đụng của tôi ngày càng lâm vào thế bí, bị số đông người anh em Xì đứng trước cửa chợ Người Việt cạnh tranh, nhưng tôi vẫn cóc cần gọi "Tony Nổ" như lời hắn dặn. Rồi một ngày, bất ngờ Tony gọi tôi và mời đến nhà chơi. Tự ái như được vuốt, tôi nhận lời đến thăm "dân nổ" cho biết sự tình.

Tôi đến thăm Tony vào chiều cuối tuần, người đón tôi ngoài cửa không phải là Tony như tôi nghĩ, mà một chị rất đẹp với cử chỉ lịch sự, chị nói:

- Xin lỗi anh, nhà tôi đang bận ngoài góc vườn, anh ấy nói dẫn anh ra vườn, tôi cự nự thì anh ấy nói: "khách muốn coi việc anh ấy làm". Vậy xin lỗi anh trước.

- Cám ơn chị, chính tôi muốn xem công việc của anh Tony.

" B.K" thì có vẻ khách sáo với nhau tí, chứ thực tâm thì tôi có biết Tony làm cái gì đâu. Mời khách đến chơi mà dẫn ra góc vườn thì chỉ có "dân chơi cầu ba cẳng" chứ dân Bolsa ai làm thế. Nhưng lỡ rồi, cứ vào và quả thật tôi choáng váng khi cái mùi chua-chua, thiu-thiu trong đống chai lọ chất góc vườn xông vào mũi tôi. Tony ngừng làm việc, tháo đôi găng tay ra bắt tay tôi và cùng ngồi vào cái bàn dưới cái dù ở góc vườn đúng lúc chị Tony mang ra 2 ly cafe sữa. Tony mời tôi uống và vào đề ngay:

- Tôi đang làm ở học khu Garden Grove, tháng tới họ sẽ mở một lớp học buổi tối về "custodian", sau 1 tháng nếu ai đủ điểm thì sẽ có chứng chỉ, và cái chứng chỉ này sẽ giúp chúng ta đi tìm việc làm ở các học khu tương đối dễ dàng, nếu anh muốn thì đến ghi danh ngay đi, họ chỉ lấy 40 học viên thôi. Trước đây tôi cũng làm thế và tôi đã tìm được job ở học khu GG, lương bắt đầu vào khoảng từ 12-14$/1 giờ và lên dần, maximun là 23$/ giờ, tùy học khu.

- Custodian là nghề gì, có cần nói thông thạo tiếng Mỹ không, chứ tôi thì thì...

- Là trông coi, quét dọn, hút bụi, đổ rác v.v.. ở các trường học, việc còn nhẹ nhàng hơn ở nhà khi bà xã nhờ vả. Còn tiếng Mỹ thì tôi tệ hơn anh mà còn không gặp khó khăn gì lắm, thì anh dư sức "qua cầu", v.v...

Thế rồi Tony hướng dẫn tôi cách ghi tên, cách học thi lấy "lai-xân", có licence rồi thì nạp đơn ở đâu w.w.w.w.w và sau này theo lời hướng dẫn, theo kinh nghiệm của Tony, tôi đã tìm được Job tương tự ở học khu Fountain Valley. Chuyện đi tìm job ở các học khu không thuộc đề tài "Lão Lượm Loon", nên người viết xin quay về nội dung chính.

Sau khi hướng dẫn tôi tìm việc làm xong, Tony quay về chuyện cũ ở L.A Laundry:

- Hồi còn làm ở L.A Laundry, tôi biết bạn khinh tôi về cái vụ tôi đi lượm mấy cái chai nhựa, loon nhôm, nhưng thây kệ, mắc mớ gì giải thích. Sau khi anh trị thằng Guapo cứu tôi, tôi hứa là sẽ có ngày giải thích cho anh và hy vọng anh sẽ hiểu tôi hơn và đây là lúc cần nói. Sau khi về làm tại học khu G.G, vì là công việc quét dọn nên số chai nhựa, loon nhôm nhiều hơn và anh thấy đống bao ở góc vườn kia kìa, chiều nay mang tới "recycle center" bán, trung bình mỗi tháng kiếm 40-50 đô, chừng nào đủ 100 đô thì tôi tới đổi cho lão Bà-Bà Hạnh Nhơn, lấy một "rì-xíp", còn lão Bà-Bà dùng tiền đó để làm gì thì anh đến đó mà hỏi.

- Xin lỗi anh Tony. Xin anh tha lỗi, bây giờ thì tôi hiểu rồi, cái bữa đại nhạc hội TPB mà anh đi bán sữa đậu nành cho khán giả cũng là mục đích này?

- Đúng thế. Trong các đại nhạc hội Cám Ơn Anh Thương Binh, nếu anh để ý thì sẽ thấy có anh Long HQ đứng mũi chịu sào gian hàng bán thực phẩm, anh Thục KQ bê các khay trái cây len vào các hàng ghế để bán cho khán giả, tôi theo chân hai anh ấy, tất cả vì TPB, rất buồn là anh Thục đã "đi xa khuất" rồi!

- Tony, anh làm công việc này chị có biết không, phản ứng ra sao?

- Bạn coi thường tôi là chuyện bình...thường, "ai đông khe", nhưng vợ con tôi không hiểu, phiền trách, ngăn cản, mới đau! Lúc đâu thấy tôi tha về những chai nhựa loon nhôm để góc vườn là nhà tôi la um xùm, mang bỏ vào thùng rác, còn hai đứa con thì chúng không thèm ra vườn, cực chẳng đã, khi phải ra vườn thì chúng bịt mũi! Cuối cùng tôi đành phải nói thật, tôi có dẫn nhà tôi theo khi tôi tới thăm cái ga-ra của chị Hạnh Nhơn làm nơi chứa hồ sơ TPB, nhà tôi hiểu chuyện và rồi bà ấy giải thích cho hai đứa nhỏ hiểu việc làm của bố.

- Các cháu phản ứng ra sao với ông bố đi lượm rác?

- Nhà tôi thì trực tiếp tham gia, "đặt hàng" các bà lối xóm, bạn bè, ai có loon nhôm thì cho, thế là bả mang về góp vào đống rác kia. Thú thật từ khi có vợ tiếp tay, tôi không còn gửi …$ cho chị Hạnh Nhơn nữa mà xin chị cho chúng tôi "take care" 4 hồ sơ TPB. Mới đây có một anh TPB đã qua đời khi tôi chưa kịp gửi tiền về, vì thông thường là tôi gửi vào dịp gần tết, vì thế nên tôi hoàn lại hội hồ sơ này, mà chỉ còn giữ 3 hồ sơ thôi. Riêng hai cháu, không trực tiếp tham gia như mẹ, nhưng khi hai cháu tốt nghiệp ngành luật, chúng nó đã hỏi tôi là xin tình nguyện làm Public Defender, đại khái là làm luật sư bào chữa miễn phí, dĩ nhiên tôi

OK. Hiện nay hai cháu thường xuyên đến trại giam thăm các thanh thiếu niên nghi can gốc Việt.

- Chắc là hai cháu thấy bố đi lượm rác, không lượm cho mình mà tặng cho người khốn cùng thì các cháu noi theo gương bố, đi "lượm rác" cho những tuổi trẻ vướng vòng lao lý, "cha nào con nấy", chúc mừng anh.

- Tâm sự cho bạn biết đầu đuôi để bạn khỏi khinh tôi. Khi bạn binh tôi mà trị tội thằng Guapo bắt nạt tôi, làm tôi cảm động, thật sự quý mến bạn. Nếu mai mốt bạn kiếm được job ở trường học thì nhớ tiếp tay, nhưng đừng viết linh tinh về việc này.

Tính tôi hay viết lách lăng nhăng, nhưng tôn trọng lời anh dặn, tôi đã giữ kín việc này lâu rồi, nay vì bí đề tài nên đành bật mí một chuyện bí mật, chuyện ít ai ngờ mà có thật (sự thật mà lão Bà-Bà Hạnh Nhơn, Hội Trưởng Hội HO Cứu Trợ TPB, và anh chị em thiện nguyện trong Hội HO, đã biết rõ) nên tôi phải viết ra sự thật nhưng tên giả. Qua đây, tôi viết ra điều nầy cũng là để xin lỗi anh Tony, vì thiển cận mà tôi coi thường, khinh việc làm của anh trong lúc chưa rõ động cơ nào thôi thúc anh làm...

Và cũng sắp tới Đại Nhạc Hội Cám Ơn Anh, Người Thương Binh VNCH, Kỳ 9, xin viết tặng Đa Hiệu chuyện này để các Cựu SVSQ Võ Bị dấn thân hơn nữa trong việc tiếp tay với Hội HO Cứu Trợ TPB/VNCH,… ít nhất, là nếu có uống bia thì uống rồi xin giữ loon nhôm lại, để cái loon dưới đất, co chân lên đạp một cái "rụp", loon nhôm xếp nhỏ lại, bò vào túi nylon đầu hè, ới một cái là có người đến pick up. 5-7 cents 1 cái loon chứ ít sao. Năng nhặt chặt bị, gom lại tí quà cho đồng đội bị cụt chân tay, mù con mắt, liệt toàn thân…âu cũng là một việc rất đáng làm!

Gửi mũ đỏ Trương Kim Anh

*Phạm Kim Khôi K19

Văn khoa vẫn nhớ thời nghiêng bút
Võ Bị còn ghi dấu kiếm cung
Lý tưởng không phai màu ký ức
Thư sinh thay áo chiến kiêu hùng.

"Tang bồng hồ thỉ nam nhi trái"
Tung cánh hoa dù lộng gió bay
Mũ đỏ thiên thần danh tứ hải
Hiên ngang trấn giữ núi sông nầy.

Đất nước ai ngờ đâu thất thế
Đồng minh phản bội, chiến trường tan
Giang sơn gãy cánh đời dâu bể
Lạc bước chinh nhân lửa khói tàn.

Thư án hồn vương trang sách cũ
Áo hoa rừng lạnh nhớ đồi xưa
Đầy vơi dĩ vãng khơi giòng lũ
Một giấc mơ chìm nổi gió mưa!

Trong nhân gian có câu: “ *Bảy mươi chưa đui chưa què chớ khoe mình lành*”. Thật ra tôi không dám tự khoe mình lành dù năm nay tôi đã 87 tuổi rồi mà chưa đến nổi lụm khụm, lẩm cẩm. Có lần, trong một buổi sinh hoạt, có một anh bạn KQ hỏi tôi trước mọi người:

- Chị cho biết bí quyết nào mà với tuổi trên 80 mà chị còn giữ được sức khỏe và tinh thần như vậy?

Bị hỏi bất ngờ, tôi ráng trả lời “đại” như sau:

- Có lẽ, thứ nhất là tôi ăn chay trường, thứ hai là tôi xã hết mọi chuyện, không trách, không than, không lo, không buồn, mặc kệ hết tất cả, và thứ ba là làm việc thiện, vui với niềm vui của những người được giúp đỡ.

Anh ấy bảo rằng: *Nghe thì dễ mà thật không dễ làm đâu!* Vâng, thật không phải là dễ nhưng cũng không khó nếu mình cố tâm thực hành. Chỉ cần luôn trấn tĩnh mình, không để cho sự lo lắng, tức giận, buồn phiền làm ảnh hưởng đến sức khỏe và làm cho tâm không được bình an.

Lâu nay tôi còn cảm nhận thêm một lý do quan trọng hơn nữa đã giúp cho tôi bổ khuyết câu trả lời trên.

Đó là nhờ tôi được và biết tận hưởng nguồn yêu thương của nhiều người. Chính tình thương đã nuôi dưỡng, che chở tôi lâu nay, để tôi có sức sống và làm việc bền bỉ.

Trong gia đình, tôi có niềm hạnh phúc nhìn các con, các

cháu, dâu rể vui vẻ, thân thiện, lo cho nhau, cùng nhau lo cho tôi rất chu đáo, hiếu để, sẵn sàng phụ giúp mọi công việc tôi đang làm. Phải công nhận gia đình tôi hoàn cảnh tuy thanh đạm nhưng rất giàu tình thương. Nhờ vậy tôi cảm thấy yên lòng và sẽ an tâm ra đi khi thời gian đến, không còn xa lắm, theo quy luật của Tạo Hóa.

Tôi còn một gia đình rất thân quý khác. Đó là Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa mà tôi đã cùng với anh chị em cùng chiến tuyến hiến dâng tuổi trẻ, tùy khả năng và sức lực, phục vụ cho một quân đội hùng mạnh, hiên ngang bảo vệ Tổ Quốc, không hổ danh với thế giới.

Với 25 năm phục vụ trong QLVNCH, qua nhiều cơ quan và đơn vị, bất cứ ở đâu tôi cũng được đón nhận tình yêu thương đặc biệt của các cấp từ binh sĩ đến sĩ quan, với bao nhiêu kỷ niệm làm cho tôi vô cùng xúc động mỗi khi hồi tưởng lại.
Tình đồng đội luôn rộng mở cho đến sau năm 1975, anh chị em cùng bị trả thù, đọa đày trong chốn lao tù nghiệt ngã của

Cộng Sản, chúng tôi tìm mọi cách để lo cho nhau, an ủi nhau, chia sẻ với nhau những oan khiên tủi nhục. Nhờ tình thương đó, cộng với những hi sinh của gia đình mà anh chị em chúng tôi mới có đủ nghị lực để tồn tại.

Tình huynh đệ chi binh vẫn chan hòa cho đến nay, ra hải ngoại. Bao nhiêu cựu chiến sĩ thuộc các quân binh chủng, khắp mọi nơi đều sẵn sàng đến với nhau, sát cánh trong mọi

sinh hoạt, thành lập các Hội Đoàn, Tổng Hội, cùng hoạt động dưới lá cờ VNCH, đấu tranh đòi hỏi tự do, nhân quyền cho đồng bào trong nước, cho Tổ Quốc thân yêu, sự đoàn kết đó cũng là do tình yêu thương đồng đội, giúp cho đời sống có ý nghĩa, có trách nhiệm trong lý tưởng chung. Tôi rất may mắn ở trong đoàn thể này. Mỗi lần tham dự ngày Quân Lực 19/6, ngày Quốc Hận 30/4 tại tượng đài Chiến Sĩ Việt Mỹ, hoặc các buổi tất niên, tân niên, tôi được các anh chị em tay bắt mặt mừng, cười đón, làm cho tôi hân hoan, càng cảm thấy gần gũi nhau hơn, an ủi nhau trong nỗi buồn lưu vong.

Tôi càng vinh dự và vui mừng hơn khi mỗi lần tổ chức Đại Nhạc Hội "Cám Ơn Anh, Người thương binh VNCH" các anh em đều sốt sắng săn tay hợp tác để cùng lo cho các chiến hữu bất hạnh đui mù què cụt ở quê nhà, với sự yểm trợ của Trung Tâm ASIA, đài SBTN, các ca nghệ sĩ hoàn toàn bất vụ lợi.
Nếu không vì tình thương và tin tưởng thì làm sao quy tụ được một lực lượng đông đảo như thế, cùng với những đóng góp nhiệt tình của các ân nhân, đồng hương VN khắp thế giới, để đạt được những thành quả vượt bực, đem lại niềm tin

và hi vọng cho anh em thương binh ở quê nhà. Nói đến Đại Nhạc Hội "Cám ơn Anh" tôi lại còn phải nhắc đến một gia

đình nhỏ nữa của tôi, đó là Hội H.O cứu trợ TPB & QP/VNCH, một gia đình nhỏ mà dám nhận một trách nhiệm lớn...

Hội được sáng lập do một nhóm anh em qua Hoa Kỳ theo diện H.O, từ lúc sơ khai, lo giúp cho từ 500,700 đến vài ngàn gia đình TPB. Vì càng ngày số lượng hồ sơ càng nhiều hơn, và vài anh đầu đàn đã qua đời, một sô phải đi định cư tại các tiểu bang khác để lập nghiệp cho gia đình hoặc bận những việc này việc khác nên đã trao lại cho chúng tôi.
Cho đến nay hồ sơ TPB đã lên đến 20,000 và hơn 20 anh chi em thiện nguyện viên mọi thành phần cùng có lòng đến làm việc chung với nhiều kinh nghiệm, rất có quy củ, hiện đại hóa chương trình, rất minh bạch.

Chúng tôi đem tình thương để cố gắng làm việc, không quản ngại mệt nhọc, vì cảm thông những đau khổ, tủi nhục, thiếu thốn, đói rách của anh em thương binh trong nước. Trong thời gian cộng tác, ngày càng thương mến nhau hơn, chúng tôi xem nhau như ruột thịt, cùng hi sinh thì giờ hưu trí để làm một việc có ý nghĩa. Mỗi khi có một vài anh chị em vắng mặt vài ngày vì bận việc nhà hoặc đau bệnh, ai cũng thấy trống vắng lạ thường. Đến với hội, ai cũng cười vui, thoải mái, cùng đồng tâm hợp ý để giúp cho Hội ngày càng tiến triển thêm lên.

Thật hạnh phúc khi chúng ta biết đem áp dụng tôn giáo vào đời sống, biết cho và hưởng tình thương, vì tình thương làm cho tinh thần bớt căng thẳng, nhẹ nhàng, thanh thoát.
Câu mong cho mọi người luôn yêu thương và săn lòng tha thứ cho nhau.
Xin chân thành tri ân mọi người đã cho tôi tình thương để vui sống trong thời gian cuối đời này, và :

" Xin cám ơn đời mỗi sớm mai thức dậy.
Ta có thêm ngày mới để yêu thương."

GIÃ TỪ THÀNH PHỐ, TẠM BIỆT NGƯỜI YÊU

(tùy bút)

Alpha đỏ
Trần Văn Thiệt,
K23

Ba hồi còi vang lên từ HQ 331 báo cho biết chiến hạm sắp sửa rời bến. Hai dãy dài cờ hiệu, mỗi lá cờ tượng trưng cho một mẫu tự alphabet, từ mũi đến sau lái chiến hạm như hội hoa đăng đang rung phần phật trước gió. Giang pháo hạm Tầm Sét HQ 331 vừa mới chấm dứt sáu tuần lễ sửa chữa đại kỳ từ từ tách khỏi cầu B của Hải Quân Công Xưởng.

Bấy giờ là 6 giờ sáng của một ngày đầu tháng hai, mặt sông Thị Nghè còn mờ mờ sương. Lúc này đang là phiên trực hải hành của trung úy Thiện nhưng vì có nhiệm sở vận chuyển rời bến nên hạm trưởng, thiếu tá Ngụy Văn Thà, đang có mặt trên đài chỉ huy để điều khiển con tàu.

Thiện là sĩ quan đệ tam của chiến hạm tức là sĩ quan đứng sau hạm trưởng và hạm phó, có nhiệm vụ về hành quân và trọng pháo. Đến nay đã được 3 tháng kể từ ngày Thiện đến phục vụ

chiến hạm này sau khi mãn khóa học về hải nghiệp tại một trường sĩ quan Hải Quân Hoa Kỳ.

Ngay ngày đầu trình diện, hạm trưởng Nguỵ Văn Thà, liếc nhìn bằng Dù trên ngực phải áo tiểu lễ của Thiện đã thân mật cho biết đáng lẽ ông đã gia nhập khóa 20 Võ Bị Đà Lạt như ước mơ nhưng song thân không đồng ý nên đành phải đi khóa 12 sĩ quan Hải Quân Nha Trang.

Chiến hạm đang tiến nhanh với "2 máy tiến 3" ngang địa phận Nhà Bè thuộc vùng trách nhiệm của Lực Lượng Đặc Nhiệm 218.3

LSIL Tam Set - HQ 331

với 2 giang đoàn Trục Lôi 91 và 93, các giang đoàn tuần thám, các giang đoàn xung phong, v.v... có nhiệm vụ bảo vệ thủy lộ của Biệt Khu Thủ Đô, đặc khu Rừng Sát, yếu khu Nhà Bè với các bồn dầu không lồ, kho đạn Thành Tuy Hạ ở Cát Lái. Sau một tiếng đồng hồ ra khơi, chiến hạm đã vào đến sông Lòng Tàu để hướng ra biển tại cửa Soài Rạp. Trên đọan đường vừa qua chiến hạm có nhiệm sở tác chiến nhưng ngoại trừ khẩu đại bác 76,2 ly và các súng cối, chỉ nạp đạn cho các khẩu đại bác 40ly, các khẩu đại liên vì đoạn thủy lộ này rất an ninh. Suốt giang trình, thủy thủ của HQ 331 thỉnh thoảng vẫy tay chào thủy thủ từ các giang đỉnh đi ngang qua hoặc đang neo đậu cạnh bờ sông. Thủy thủ phục vụ

trên HQ 331 đã hãnh diện mình là thủy thủ trên chiến hạm tác chiến "thứ thiệt"! Nhìn từ xa, HQ 331 trông giống như một con cá voi, còn các giang đỉnh như những con cá mập.

Có tiếng hát phát ra từ chiếc radio của anh trung sĩ vận chuyển phụ tá sĩ quan trực hải hành đương phiên: "Thành phố cũ, người yêu ơi, từ nay xin giã từ…". Thiện thấy buồn rười rượi. Lần lên đường công tác này không có Ly, người yêu của Thiện, ra bến tiễn đưa Thiện như những lần trước. Ly đã giận hờn vu vơ vì một chuyện không đâu với Thiện trước ngày chiến hạm lên đường. Thiện thấy mình cần phải rời xa thủ đô để lòng lắng đọng. Rồi có lúc Thiện nghĩ mình sẽ luyến tiếc những ngày bên Ly tại thành phố "Sai gon đẹp lắm Saigon ơi"(1).

Những ngày vắng anh, Ly sẽ đi chơi những nơi nào vào những ngày cuối tuần không bận bịu sách vở, trường lớp? Có rong chơi cùng những anh chàng sinh viên trường Luật nơi Ly đang học, hay với những bạn học cũ thời trung học nay đang ở trường Y, trường Dược, Văn Khoa,…? Nhưng rồi Thiện tự an ủi dù sao mình và Ly đã quen nhau từ lúc Ly tuổi mới vừa 15 còn mình thì đang là sinh viên sĩ quan năm thứ hai của Trường Võ Bị và tiếp nối cho đến bây giờ, kể cả tháng ngày xa vắng khi Thiện đang học bên Mỹ.

Người đời thường có câu: "Xa mặt cách lòng, out of sight out of mind" nhưng cùng lúc Thiện chợt nhớ đến câu nói: "Sự xa cách đối với tình yêu như gió với lửa. Gió thổi tắt ngọn lửa nhỏ nhưng lại thổi bùng ngọn lửa to". Và rồi Thiện lại nhớ, đã có lần Ly "trấn an" Thiện:

-Ly thấy anh của Ly rất "oai hùng" và "đẹp giai" trong các bộ đồ dạo phố mùa Đông và mùa Hè của Võ Bị cũng như các bộ mùa Đông, mùa Hè của Hải Quân qua các ảnh anh gửi về từ Mỹ. Hơn nữa Ly chỉ thích có người yêu là nhà binh như anh mà thôi.

Ly cũng thường hay nhắc đi nhắc lại:

-Anh còn nhớ ngày đầu tiên mình gặp nhau tại tiệm đồng hồ Anh Lân của bác Lộc, cạnh rạp chiếu bóng Ngọc Lan lúc Ly đang nghỉ hè trên Đalat? Bộ dạo phố mùa hè của sinh viên sĩ quan Võ Bị và cách nói chuyện của anh…đã làm Ly thích anh từ dạo đó, rồi thích luôn Võ Bị Đà Lạt của anh.

Ly lại kể:

-Có nhiều lần Ly ngồi sau xe do chị Linh chở, có một anh chàng sinh viên của một trường nọ thường xuyên chạy xe bám sát theo

sau làm Ly rất khó chịu. Ly ước gì lúc đó người bám theo sau là anh thì mình vui biết mấy!Thiện mỉm cười sung sướng khi hồi tưởng những lời Ly đã kể…

Những ngày chiến hạm nằm sửa chữa tại bến là những ngày vui qua mau. Có những buổi tan giờ làm việc trên tàu lúc 2 giờ chiều, Thiện theo Ly đến Hội Việt Mỹ, nơi Ly đang học thêm Anh ngữ và cả những buổi sáng lấy cớ đi lãnh đặc lệnh truyền tin ở Phòng 5 Bộ Tư Lệnh Hải Quân hay đi họp ở Hải quân Công Xưởng, Thiện đã "dù' đến Trường Luật, ngồi bên Ly trong giảng đường…

Chiến hạm đã ra đến cửa Soài Rạp. Dòng phù sa đục ngầu màu nâu đỏ tại cửa sông tràn lan trên bãi cạn pha lẫn màu nước xanh lơ của đại dương. Có nhiều ghe đánh cá nhấp nhô tại cửa sông khiến chiến hạm kéo còi liên tục, rất vất vả tránh những ghe này. Chiến hạm từ từ đổi sang hướng 180 độ để trực chỉ về hướng cửa Bình Đại (Bạc Liêu). Bỗng phòng hành quân của chiến hạm nhận công điện khẩn từ Bộ Tư Lệnh Hành Quân Sông ra lệnh chiến hạm phải đổi vùng hành quân , trực chỉ Tân Châu (Châu Đốc).

Ngày 3, chiến hạm đã thả neo tại Tân Châu vào một buổi chiều tà giữa dòng sông tạo nên biên giới thiên nhiên Việt-Miên. Sau khi neo tạm dừng tại Cù Lao Rồng trên dòng Tiền Giang (Mỹ Tho) vào ngày 2. Thiện đã hớn hở có dịp lên bờ dạo chơi thành phố Mỹ Tho, thăm vài người bạn và thăm cô hàng sách Thiện quen từ năm trước ở căn cứ Hải Quân Đồng Tâm,.
Sĩ quan và thủy thủ của HQ 331 sẽ ăn Tết tại Tân Châu nếu không có gì thay đổi. Những người con gái của Tân Châu dù có đẹp đến mấy cũng không làm mình quên được Ly ở Sài Gòn, Thiện nghĩ thầm. "…Càng đi xa anh càng nhớ em….(2)". Hẹn thành phố và người yêu một tháng nữa tàu lại về bến cũ. Lần này anh về, Ly sẽ không còn giận hờn vu vơ nữa và sẽ ra bến đón anh, Ly nhé?

(1) Tựa để một ca khúc của nhạc sĩ Y Vân
(2) Lời trong ca khúc Hoa Biển của Anh Thy

MẶC GIAO

BỐN MƯƠI NĂM NHỚ LẠI

Bốn mươi năm đã qua đi trong chớp mắt, kể từ ngày cộng sản chiếm miền Nam và đặt toàn thể đất nước dưới ách cai trị hà khắc của họ. Chuyện xảy ra mới như hôm qua, nhưng chúng ta đã sống 14,600 ngày nhọc nhằn, vất vả, vui buồn lẫn lộn. "Trăm năm thì ngắn, một ngày dài ghê !". Ngày 30-4-75 không những chỉ là một ngày lịch sử đau buồn của đất nước mà còn là một biến cố không thể nào quên trong cuộc đời của mỗi người chúng ta. Đó là một cuộc đổi đời, cuộc sống bị xáo trộn với tù đày, chia ly, bỏ nhà bỏ nước, xây dựng lại cuộc đời từ hai bàn tay trắng.

Mỗi người chúng ta đều có những kỷ niệm riêng. Kỷ niệm nào cũng đáng trân qúy, dù là kỷ niệm buồn.

Thời gian đó tôi đang phục vụ tại Tòa Đại Sứ VNCH ở Paris. Khoảng đầu tháng 4-1975, đại hội thể thao thường niên của sinh viên Việt Nam khắp châu Âu được tổ chức tại thành phố Lille, miền Đông Bắc nước Pháp, gần biên giới Bỉ. Mấy trăm sinh viên nam nữ kéo về đây để tranh đua thể thao, gặp gỡ, vui chơi, nhưng không quên thảo luận về tình hình đất nước. Tôi đã dự hai đại hội như thế. Đại hội năm trước được tổ chức ở Bruxelles, Bỉ. Lần nào tôi cũng phải có một bài thuyết trình. Cuộc nói chuyện của tôi năm 1975 được sinh viên trông đợi vì họ muốn biết rõ hơn về tình trạng dầu sôi lửa bỏng đang diễn ra tại quê nhà. Lúc đó, chính quyền và quân đội VNCH đã rút khỏi nhiều tỉnh miền Trung và áp lực của cộng sản đang đè nặng trên cao nguyên. Sinh viên rất lo lắng cho hiện tình đất nước và số phận của gia đình họ. Tôi buồn và lo hơn họ nhiều nhưng vẫn cố giữ bộ mặt vui vẻ, bình tĩnh để trấn an họ, giải thích tình hình cho họ theo những thông tin chính thức của chính phủ, rằng đây là chiến lược tái phối trí lực lượng để tăng cường bảo vệ những vùng trù phú và quan trọng nhất, trong đó có thủ đô sài Gòn. Nhiều sinh viên nghi ngờ những điều tôi nói. Có người nói thẳng: "Ông quá lạc quan".

Vài ngày trước khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức, Tổng Thống Pháp Valéry Giscard d' Estaing đọc một lời công bố trên truyền hình, đại ý nói rằng nhân dân Pháp có rất nhiều liên hệ với nhân dân Việt Nam, mong muốn nhân dân Việt Nam mau

được hưởng hòa bình. Để đi đến hòa giải, miền Nam cần thay đổi lãnh đạo ở cấp thượng tầng. Nói thế là công khai đòi lật đổ Tổng Thống Việt Nam, một hành động phi ngoại giao và can thiệp vào việc nội bộ của nước khác. Nhưng nghĩ lại,Tổng Thống Pháp không thể không biết điều này. Ông làm vậy là để tham gia ban đồng ca mà ca trưởng là ai chúng ta đã biết!

Tại Tòa Đại Sứ VNCH ở Paris, chúng tôi cố gắng làm việc bình thường dù tin xấu từ bên nhà đến mỗi giờ. Ngay sau khi Tổng Thống Trần Văn Hương trao quyền cho Tướng Dương Văn Minh, anh Dương Văn Đức, con trai của tướng Minh sinh sống tại Paris, đến gặp ông Đại Sứ Nguyễn Duy Quang và chúng tôi, yêu cầu cho anh thiết lập một văn phòng tại sứ quán để liên lạc và đại diện cho tân tổng thống. Chúng tôi đã từ chối và cho anh biết rằng chúng tôi chỉ hành động theo chỉ thị chính thức của chính phủ VNCH, không theo yêu cầu của bất cứ cá nhân nào.

Vào hai ngày cuối cùng, các đài phát thanh và truyền hình Pháp loan tin về tình hình Việt Nam mỗi 15 phút. Chúng tôi hiểu giờ phút cuối của VNCH sắp điểm nên lấy hai quyết định. Một là lo chuyển các hồ sơ mật ra khỏi Sứ Quán. Hai là tiếp tục mở cửa bình thường để làm tất cả các thứ giấy tờ cho kiều bào, dù biến chuyển gì xảy ra ở Sài Gòn.

Khi được tin Tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng và ra lệnh cho quân đội buông súng, chúng tôi yêu cầu nhân viên sứ quán khuân nốt những hồ sơ mật về tư gia của họ. Tôi cũng tự bê một thùng cạc tông ra xe và bị một đài truyền hình Pháp quay phim và đưa hình lên chương trình tin buổi tối. Buổi chiều và sáng hôm sau, sinh viên và kiều bào kéo tới sứ quán rất đông. Họ hoang mang, không biết tình trạng cư trú của họ sẽ ra sao khi họ chưa phải dân Pháp và hết là công dân của VNCH. Chúng tôi trấn an họ và cho họ biết chúng tôi đã liên lạc với với cơ quan lo cho những người không quốc tịch (Apatride) và tỵ nạn chính trị để cơ quan này cấp giấy phép cư trú cho đồng bào. Đồng thời chúng tôi cũng loan báo Sứ Quán tiếp tục mở cửa để cấp các loại giấy tờ: chứng chỉ quốc tịch, bản sao khai sinh, giá thú, văn bằng... miễn phí, không phải trả tiền con niêm. Chúng tôi chỉ cần đề ngày tháng trước 30-4-1975 là giấy tờ vẫn có giá trị. Bà con kéo đến xin giấy tờ xếp hàng dài dọc theo lề đường trước Sứ Quán. Lúc này bà con mới thấy gắn bó với những gì thuộc VNCH, mới thấy yêu thương nhân viên, không còn trách móc như trước là chậm trễ, quan liêu. Của quý khi ở trong tay thì coi thường, khi mất mới tiếc. Chúng tôi tiếp tục mở cửa Tòa Đại Sứ, trưng cờ vàng thêm 10 ngày sau 30-4 để cấp giấy tờ cho tới người cuối cùng.

Về việc chuyển giao các cơ sở và vật dụng, chúng tôi liên lạc với Bộ Ngoại Giao Pháp, cho họ biết chúng tôi sẽ giao cho họ, sau đó họ giao lại cho ai chúng tôi không cần biết. Chúng tôi không

muốn trực tiếp giao tài sản của VNCH cho cộng sản Bắc Việt. Trong số những cơ sở này, có ba bất động sản đã được Quốc Gia Việt Nam mua đứt: Tòa Đại Sứ, tư dinh đại sứ, cư xá Lutèce cho nam sinh viên. Ngoài ra còn quán ăn rẻ cho sinh viên VN ở đường Monge, trụ sở phái đoàn thương thuyết, cơ sở Phòng Thông Tin Quốc Ngoại với nhiều công xa và máy móc, dụng cụ...

Tôi yêu cầu ông Đại Sứ bán những tòa nhà sở hữu với giá một đồng danh dự cho Tổng Hội Sinh Viên VN tại Paris và Phân Bộ Tổng Liên Đoàn Lao Công VN tại Pháp. Ông Đại Sứ có vẻ siêu lòng. Tôi cho mời những người trách nhiệm của hai đoàn thể này đến sứ quán gặp gỡ chúng tôi và luật sư Guibal để làm sẵn giấy tờ chuyển nhượng. Mọi sự đã sẵn sàng, chỉ chờ chữ ký của ông Đại Sứ là xong. Ngày cuối cùng trước khi đóng cửa Sứ Quán, các đại diện của hai hội đoàn đến Sứ Quán chờ từ sáng đến chiều. Cuối buổi chiều, tôi vào phòng ông Đại Sứ để yêu cầu ông cho quyết định dứt khoát. Ông nói với tôi: "Mình không thể làm thế được ông Sứ Thần ạ. Mình sẽ gặp rắc rối với pháp luật vì mình vẫn còn ở lại đây". Tôi cố thuyết phục ông lần chót: "Thưa ông Đại Sứ, nếu có bất cứ một sự thay đổi lãnh đạo nào trong cơ chế chính trị của người Quốc Gia Miền Nam, dù là một cuộc đảo chánh, chúng ta phải bảo vệ từ cây kim sợi chỉ để chờ bàn giao cho chính phủ mới. Trường hợp hiện tại là bọn cướp xông vào nhà, có gì cướp nấy, không thể truy tố chủ cũ ra tòa để đòi những tài sản đã được mang đi khỏi nhà trước khi cướp đến. Không thể viện lý do sự liên tục quyền hành (continuation du pouvoir) vì tướng Minh được giao chức vụ tổng thống một cách bất hợp hiến và bất hợp pháp". Ông Đại Sứ cương quyết không ký. Tôi báo tin buồn cho anh em đợi ở phòng ngoài. Họ đứng dậy ra về, nhìn tôi và nhân viên bằng cặp mắt hờn căm. Chúng tôi bị oan nhưng không thể thanh minh.

Sáng ngày hôm sau, Tòa Đại Sứ có phiên họp cuối cùng với tất cả nhân viên trước khi hạ cờ và chia tay. Sau lời cám ơn mọi người, ông Đại Sứ nói lý do ông không thể sang nhượng các bất động sản của Sứ Quán cho các đoàn thể Quốc Gia vì phải tôn trọng thủ tục hành chánh. Nghe vậy, tôi thấy hỏa bốc lên đầu và đáp lễ liền: "Thưa ông Đại Sứ và toàn thể anh chị em, chính vì qúa câu nệ thủ tục hành chánh mà bây giờ chúng ta mất nước! ". Ông Đại Sứ không nói lại. Không khí phòng họp trở nên nặng nề.

Quyết định cuối cùng của ông Đại Sứ, sau khi bàn thảo với những người có trách nhiệm, là cấp cho toàn thể nhân viên 3 tháng lương. Tôi đề nghị các nhân viên hạng A, từ tham vụ ngoại giao trở lên, nhường tháng lương thứ ba của mình để chia đều cho các anh chị em nhân viên hạng B và C. Họ lãnh lương thấp và không được mang gia đình theo, nên rất lo âu và bối rối trong hoàn cảnh này. Mọi người đều đồng ý. Ngân khoản của Sứ Quán

còn lại bao nhiêu, chúng tôi không ai biết, ngoài ông Đại Sứ và người phụ trách tài chánh.

Sau buổi họp, chúng tôi ra khỏi Tòa Đại Sứ, rời khỏi lãnh thổ cuối cùng của VNCH tại Pháp. Lòng đang đau như cắt thì lại phải tiếp phái đoàn của Nha Nghi Lễ Bộ Ngoại Giao Pháp đến nhận tài sản chúng tôi bàn giao. Biên bản đã làm sẵn. Gần hai chục công xa, hầu hết là Peugeot 504 và một chiếc Mercedes của Đại Sứ, sắp hàng dài trước cửa Sứ Quán, chờ được trao tay cho người khác. Tôi ngậm ngùi nhìn những tài sản này lần chót. Chúng là mồ hôi nước mắt và máu của đồng bào và chiến sĩ miền Nam.

Cũng phải nói thêm một chuyện về việc chuyển giao tài sản của Sứ Quán VNCH tại Paris để mai sau có thêm một trang ngoại sử. Đó là chuyện liên quan tới tư dinh đại sứ. Tư dinh này là một appartment rất rộng và sang, có 8 phòng, nằm ở tầng trệt của một tòa nhà năm tầng rất "Parisien", toạ lạc gần công trường Étoile - Charles de Gaulle. Bất động sản này được Quốc Gia Việt Nam (Etat du Vietnam) mua từ năm 1951 để làm nơi cư ngụ cho Toàn Quyền Việt Nam (Gouverneur Général, tên gọi chức Đại Sứ khi VN còn trong Liên Hiệp Pháp), nhưng trên giấy tờ lại để tên Nguyễn Vĩnh Thụy. Có lẽ lúc đó Quốc Trưởng là Cựu Hoàng, nên tài sản quốc gia đứng tên vua là chuyện không ai thắc mắc. Điều lạ là suốt thời Đệ I và Đệ II VNCH, không ai đặt vấn đề điều chỉnh tên sở hữu chủ của dinh cơ này. Mọi người coi đó là của công và các đại sứ cứ tự nhiên thay nhau cư ngụ và tiếp khách. Vào năm 1974, Bộ Ngoại Giao Pháp gửi cho Tòa Đại sứ một công văn, cho biết ông Nguyễn Vĩnh Thụy, tức Cựu Hoàng Bảo Đại, viết thư cho chính phủ Pháp, yêu cầu can thiệp để Toà Đại Sứ trả lại cho ông căn nhà hiện dùng làm tư dinh đại sứ với lý do ông đứng tên chủ căn nhà. Bộ Ngoại Giao Pháp hối thúc Tòa Đại Sứ sớm làm thủ tục trả tài sản này về "cố chủ". Ông Đại Sứ tỏ vẻ bối rối. Cuối cùng ông nói với tôi: "Vì tình nghiã giữa Cựu Hoàng và tôi quá nặng nên tôi rất khó xử. Tôi nhờ ông đại diện tôi giải quyết vụ này". (Ghi chú: khi Cựu Hoàng hồi loan năm 1949, ông Nguyễn Duy Quang là Chánh Văn Phòng của Cựu Hoàng trước khi trở thành Giám Đốc Nha Nghi Lễ Bộ Ngoại Giao).

Tôi không thể từ chối, nhưng nghĩ đây qủa là chuyện trái khoáy. Các ông mua tư dinh này trả bằng tiền của nhà nước nhưng lại để ông Nguyễn Vĩnh Thụy đứng tên, rồi không chịu điều chỉnh suốt từ năm 1951 tới nay. Lúc các ông mua, tôi là thằng con nít mới học xong tiểu học, nay các ông để lại mớ bòng bong bắt thế hệ sau các ông phải gỡ rối. Tôi triệu tập một phiên họp gồm cố vấn và các tham vụ, thêm luật sư của Sứ Quán. Sau khi thảo luận, chúng tôi soạn một văn thư gửi Bộ Ngoại Giao Pháp, đại ý: "Theo Công Pháp Quốc Tế, nơi nào được một tòa đại sứ xử dụng hợp pháp thì được coi như lãnh thổ của quốc gia đó với quyền bất

khả xâm phạm. Tư dinh đại sứ của chúng tôi nằm trong trường hợp này. Nếu có những tranh chấp giữa cá nhân với nhà nước Việt Nam, chúng tôi sẽ tự giải quyết với nhau. Yêu cầu chính phủ Pháp không can thiệp vào". Lá thư được gửi đi và Bộ Ngoại Giao Pháp im luôn.

Tưởng chuyện tư dinh đại sứ như vậy là xong. Nào ngờ, khi Bộ Ngoại Giao Pháp chuyển tài sản của tòa đại diện VNCH cho cộng sản Hà Nội, họ giữ lại tư dinh đại sứ và trao cho ông Nguyễn Vĩnh Thụy. Cộng sản tức hộc máu mồm nhưng không làm gì được. Cựu Hoàng tự nhiên được hưởng căn nhà trị giá bạc triệu. Trong khi thần dân cũ của ngài đau buồn thì ngài lại được của từ trên trời rơi xuống. Dĩ nhiên ngài không có nhu cầu ngự trong căn nhà này. Ngài đã bán đi.

Thế là Tòa Đại Diện của VNCH tại Pháp đã đóng cửa vĩnh viễn 10 ngày sau khi tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Anh em Sứ Quán phải đi điều chỉnh giấy tờ cư trú và kiếm việc làm. Dù sao chúng tôi cũng may mắn gấp trăm lần đồng bào ở quê nhà, không phải thiếu thốn, vượt biên, tù tội. Nếu tôi còn ở quê nhà và không chạy thoát chắc đã lãnh những năm "tù cải tạo" như các cựu đồng viện dân biểu khác, chưa kể được ghép vào thành phần "ác ôn", dám có ngày đi mà không có ngày về. Chẳng qua cũng là số phận của mỗi người. Không ai biết trước mà tính.

Từ ngày chính thức là những kẻ lưu vong, đồng bào Việt Nam ở Paris có vẻ thân thiết, thương yêu nhau hơn vì đồng cảnh ngộ và cùng chung mối ưu tư cho những người thân ở quê nhà, buồn phiền nhất là không biết đến bao giờ mới được gặp lại họ. Mầu cờ sắc áo đã phân biệt rõ ràng. Tổng Hội Sinh Viên VN tại Paris vẫn hoạt động và bày tỏ lập trường chống cộng mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Anh chị em vẫn xuất bản đều tờ báo hàng tháng. Anh Trần Văn Bá đứng ra lãnh trách nhiệm chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên để hướng dẫn đàn em. Dịp Tết 1976, Tổng Hội vẫn tổ chức đêm văn nghệ Tết truyền thống tại rạp Mutualité ở Quận 5. Chương trình rất sống động với nhiều màn ca múa bày tỏ lòng yêu nước và chống cộng. Đồng bào tham dự vẫn đông như trước, ước lượng từ một ngàn rưỡi tới hai ngàn người. Sau chương trình trình diễn, tôi tìm gặp anh Bá để khen ngợi và tặng một phong bì đóng góp. Anh cảm động nói: "Cám ơn ông Sứ Thần". Tôi cũng rất cảm động, không phải vì được gọi với chức vụ cũ, nhưng thấy anh Bá gói ghém trong câu nói cả một nỗi luyến tiếc, u hoài về một thời đã qua của VNCH.

Bẵng đi nhiều năm tôi không gặp và không có tin anh Bá. Tôi hỏi thăm bạn bè của anh, được họ cho biết anh đang ở một nơi bí mật để tìm cách trở về Việt Nam. Tôi hiểu là anh đang kiếm đường phục quốc. Năm 1985, có tin anh bị bắt, bị đưa ra tòa và bị tử hình. Tôi đau sót và thương anh. Tuổi trẻ, chí lớn, nhưng số

mệnh đã không ưu đãi anh. Để tưởng niệm anh, anh chị em sinh viên tổ chức một đêm canh thức tại một căn phòng có ánh sáng âm u, soi mờ tỏ những hình ảnh kỷ niệm về anh, một điệu nhạc nhẹ trầm buồn hòa nhịp với tâm tình người đến viếng. Tôi cũng đến thắp nhang trên bàn thờ anh và chào vĩnh biệt anh trước khi dẫn vợ con đi tái định cư ở Canada.

Đất nước có những người con như Trần Văn Bá thì không thể nào bị diệt vong, dù có phải trải qua những giai đoạn đọa đầy, dù có phải trải qua những thời kỳ lầm than, đen tối! Hãy tin vào điều đó, để giữ mãi ngọn lửa trong tim...chờ một ngày về nhìn thấy hoa tự do lại nở trên đường quê hương.

*

* *

Sau khi kể những việc xảy ra ở Paris quanh thời điểm 30-4 của 40 năm trước, tôi xin trở về đề mục chính của Lá Thư từ Canada. Xứ Lá Phong của chúng tôi mấy tháng qua có khá nhiều chuyện, nhưng chuyện gây nhiều tranh cãi nhất là Dự Luật S-219 Hành Trình đến Tự Do. Qúy độc giả nào muốn biết thêm về chuyện tranh cãi này, xin mời đọc bài viết dưới đây. Tôi đã lược bớt một số chi tiết để bài ngắn gọn hơn.

40 NĂM SAU CÒN CÃI NHAU VỀ MỘT CÁI TÊN

Miền Nam Việt Nam mất vào tay cộng sản cách đây 40 năm. Phe "thắng cuộc" gọi ngày 30 tháng Tư là "ngày chiến thắng", "ngày giải phóng miền Nam". Còn chúng ta, những người Việt Quốc Gia, gọi đó là ngày quốc hận, ngày mất nước, tháng Tư đen. Năm nay, chuyện tranh cãi tên gọi ngày 30-4 trở nên sôi nổi. Lý do phát xuất từ Canada do việc ông Nghị sĩ gốc Việt Ngô Thanh Hải đệ nạp dự luật Bill S-219 Hành trình đến Tự Do (Journey to Freedom) tại Thượng Nghị Viện Canada với nội dung ghi nhớ ngày mất Sài Gòn, mở đầu cho phong trào bỏ nước đi tìm tự do của hàng triệu người Việt Nam, trong đó có khoảng 300,000 hiện sinh sống ở Canada. Dự luật đã được Thượng Nghị Viện Canada chấp thuận ngày 8-12-2014 và chuyển sang Hạ Nghị Viện ngày 10-12-2014. Ông Hải hy vọng dự luật sẽ được Hạ Viện thông qua và sẽ được ban hành quanh thời điểm 30-4-2015. Ngay khi dự luật được phổ biến, nhiều cuộc tranh cãi đã xảy ra xoay quanh cái tên cùa dự luật và tác giả của nó

Riêng tôi, tôi không bênh cũng không chống dự luật này. Tôi không ba phải đâu, nhưng thấy dự luật này nếu có thành luật Canada cũng chẳng cứu được Việt Nam khỏi tay cộng sản. Mặt khác, nó cũng chẳng làm hại gì công cuộc chống cộng hay làm mất chính nghĩa của chúng ta khi không gọi ngày 30 - 4 là ngày

quốc hận hoặc tháng Tư đen. Dĩ nhiên ông Hải và đảng Bảo Thủ Canada có lý do riêng khi đưa ra dự luật này.

Ông Ngô Thanh Hải được Thủ Tướng Stephen Harper chì định làm nghị sĩ Thượng Nghị Viện cách đây 2 năm. Theo Hiến Pháp Canada, chỉ có dân biểu được dân bầu trực tiếp vào Hạ Nghị Viện, nên viện này được gọi là Viện Thứ Dân (House of Commons) như bên Anh. Các nghị sĩ trước đây được vua hay nữ hoàng Anh chỉ định vào Viện Qúy Tộc, người Anh gọi là House of Lords, viện của những bậc vương giả đại diện vua. Ngày nay, theo tinh thần dân chủ, các nghị sĩ tại Anh và Canada được thủ tướng chỉ định. Vì vậy Thượng Viện không có nhiều quyền bằng Hạ Viện. Hạ Viện vẫn là tiếng nói cuối cùng, kể cả bác bỏ dự luật đã được Thượng Viện thông qua, hoặc chấp thuận hay bác bỏ những đề nghị tu chính của Thượng Viện.

Ông Ngô Thanh Hải có giao tiếp và liên hệ với giới chính trị tại thủ đô Ottawa từ nhiều năm, khởi đầu bằng làm phụ tá tại văn phòng một dân biểu. Thời gian sau, ông được chọn làm thẩm phán Tòa Án Quốc Tịch (Citizenship judge) vùng Ottawa. Chức vụ này lo công việc cứu xét hồ sơ xin vào quốc tịch và chủ tọa các buổi lễ tuyên thệ nhập tịch.

Năm 2013, Thượng Viện trống ba ghế nghị sĩ, Thủ Tướng Stephen Harper, lãnh tụ Đảng Bảo Thủ (Conservative Party) đương quyền, đã cử ông Ngô Thanh Hải cùng với hai người khác cũng thuộc các sắc dân thiểu số vào các ghế này. Đây là một tính toán tranh cử của ông Harper và Đảng Bảo Thủ. Dù sao cũng phải công nhận ông Ngô Thanh Hải là người có tài giao tế và vận động. Nhờ thế ông đã được "vua biết mặt, chúa biết tên" để đưa ông vào những chức vụ ngon lành, không cần phải vất vả tranh cử. Do đó, ông phải chứng tỏ cho những người cử nhiệm ông thấy ông là thủ lãnh đương nhiên của cộng đồng người Việt tại Canada. Ông nghĩ với dự luật này, cộng đồng người Việt sẽ đứng sau lưng ông, sẽ đồng loạt gởi thư ủng hộ ông đến Hạ Viện. Ông đã đạt một phần mơ ước nhưng còn gặp nhiều chống đối, từ phía cộng sản cho tới những cộng đồng tỵ nạn, trong đó có những người quá khích, những người ganh ghét, nhưng cũng có những người ôn hòa không thích ai tự coi mình là thủ lãnh đương nhiên vì họ coi trọng thể thức dân chù.

Về phiá đảng Bảo Thủ đang cầm quyền, họ có chính sách vận động lấy phiếu của những cộng đồng di dân thiểu số. Họ muốn đẩy mạnh chính sách này trong cuộc bầu cử sắp tới vào tháng 10 năm 2015. Canada theo chế độ đại nghị, Đảng nào có đa số ghế tại Hạ Viện sẽ cầm quyền và đảng trưởng sẽ trở thành thủ tướng. Canada không bầu người lãnh đạo quốc gia cấp toàn quốc như tại các nước theo tổng thống chế. Cử tri chỉ bầu các dân biểu theo từng đơn vị nhỏ. Ở những đơn vị này, số phiếu chỉ cần chênh lệch

vài chục, thậm chí vài phiếu đã có thể phân thắng bại. Những cử tri thuộc gốc di dân không có đa số áp đảo, nhưng có thiểu số có thể làm thay đổi kết qủa bầu cử tại nhiều địa phương. Vì vậy, ngoài việc thu phục đa số cử tri bản địa, các đảng còn phải nỗ lực ve vãn cử tri thuộc các cộng đồng di dân. Đảng đang cầm quyền có nhiều lợi thế nhất trong việc ve vãn, vì có nhiều quyền lợi để phân phát, nhiều chức tước để cài đặt, kể cả đưa ra những dự luật vô thưởng vô phạt cho Canada nhưng có thể tạo sự ủng hộ của một sắc dân nào đó. Người ta không lấy làm lạ khi thấy Thủ Tướng Harper đã bổ khuyết 3 ghế nghị sĩ bằng những người thuộc các cộng đồng Phi Luật Tân, Ý và Việt Nam.

- Những người chống dự luật S - 219 đầu tiên là cộng sản. Có tin TT Nguyễn Tấn Dũng đã gửi thư cho TT Harper yêu cầu hủy bỏ dự luật này để tránh gây hại cho bang giao Việt Nam - Canada. Đại sứ Việt Nam tại Ottawa đòi được điều trần tại Thượng Viện nhưng không được đáp ứng. Ông gửi bản điều trần viết bằng tiếngViệt đến Thượng Viện. Ủy ban cứu xét coi bản điều trần như không có với lý do không kịp dịch sang tiếng Anh và tiếng Pháp, hai ngôn ngữ chính thức của Canada.

- Cùng lúc, một lá thư có 22 chữ ký của một số người Việt sống ở Canada được gửi đến Hạ Viện để yêu cầu viện này bác bỏ dự luật được Thượng Viện chuyển đến. Trong số những người ký, một phần ba là những cựu sinh viên được chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cho đi du học trước 1975 nhưng đã tham gia hội sinh viên, Việt kiều yêu nước chống chính thể VNCH, ủng hộ Việt Cộng, đặc biệt có 3 người thuộc hội đồng quản trị Hội Doanh Nghiệp Việt Nam-Canada (Vietnam-Canada Chamber of Commerce), đứng đầu là bà Nguyễn Đài Trang, trụ sở đặt tại 1351 Dufferin Street, Toronto. Hội Việt kiều cộng sản (Vietnam-Canada Association) cũng dùng nơi này làm trụ sở. Thư của 22 người cũng lấy địa chỉ liên lạc ở đây. Như vậy chỗ này là đầu cầu, là trung tâm giao liên của cộng sản VN tại Canada. Cộng sản rất đau nếu dự luật được Hạ Viện biểu quyết thành luật, đánh dấu ngày miền Nam Việt Nam bị cộng sản cưỡng chiếm, và dân miền Nam phải chạy cộng sản bán sống bán chết!

-Oái oăm thay. trong khi cộng sản sợ dự luật thì lại có một số người Việt chống cộng ở hải ngoại tẩy chay dự luật và mạt sát người khởi xướng dự luật là ông Ngô Thanh Hải một cách rất thậm tệ. Theo tôi, dù có khác lập trường và quan điểm với nhau thì cũng không nên đối xử với nhau một cách thiếu tương kính như vậy, nhất là không nên kết tội người khác một cách vô bằng chứng hay với những bằng chứng còn nhiều nghi vấn. Dĩ nhiên

ông Ngô Thanh Hải có hậu ý khi đề xướng và vận động dự luật này. Ông Hải làm chính trị mà. Nhưng ông Hải và cả chính phủ lẫn quốc hội Canada đâu có quyền bắt người Việt tỵ nạn cộng sản phải từ bỏ những tên gọi Ngày Quốc Hận, Tháng Tư Đen và thay thế bằng tên Ngày Hành Trình Đến Tự Do. Ngược lại, chúng ta cũng không thể bắt Quốc Hội Canada, và qua đó, bắt toàn dân Canada, phải nhìn nhận ngày 30-4 là Ngày Quốc Hận hay Tháng Tư Đen theo ý chúng ta. Dự luật này nếu được ban hành sẽ là luật của Canada, không phải luật của người tỵ nạn Việt Nam. Theo nội dung dự luật, ngày 30-4 sẽ không phải là ngày quốc lễ, chỉ là Ngày Tưởng Nhớ (Commemoration Day) sự kiện miền Nam Việt Nam bị cộng sản chiếm và mở đầu việc hàng trăm ngàn người Việt Nam đến Canada tỵ nạn, tìm tự do, rồi trở thành những công dân Canada và đóng góp vào sự cường thịnh của quốc gia này. Cũng xin được nói thêm,

Dự luật Bill S-219 có nói đến nỗi khổ mất nước và mất tự do của người tỵ nạn, đồng thời cũng gián tiếp ca ngợi Canada đã mở rộng vòng tay đón nhận họ. Như vậy đã đủ để cộng sản nhột. Chính phủ Canada cũng phải tìm lợi cho họ trong việc này. Vừa khéo léo kể công, vừa lấy cảm tình của hàng trăm ngàn cử tri gốc Việt. Không có lợi ai làm, dù tử tế đến đâu?

Có lẽ ông Ngô Thanh Hải bị tấn công nặng như vậy một phần cũng vì ông hiện giữ chức Chủ Tịch Ban Chấp Hành Trung Ương của tổ chức Liên Minh dân Chủ. Tổ chức này được cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy thành lập. Sau khi Giáo Sư Huy qua đời, tổ chức coi các đàn anh lão thành Phạm Thái, Nguyễn Đình Huy (xin đừng lộn với GS Nguyễn Ngọc Huy) như chỗ dựa tinh thần. Hai ông này đều ở Việt Nam và đều bị cộng sản bỏ tù. Trong tù, ông Nguyễn Đình Huy đã thuyết phục cựu Dân Biểu Phạm Duy Tuệ, sắp được ra tù và sẽ được đi ngoại quốc, đại diện ông đi "thuyết khách" ở hải ngoại về giải pháp cộng tác với cộng sản để biến cộng sản từ đỏ sang hồng rồi từ hồng sang trắng. Trong một bữa ăn tại tư gia chúng tôi ở Calgary, ông Tuệ đã nói với tôi đại ý là cộng sản hiện như một chai rượu Johnny Walker chỉ còn cái nhãn ông già chống gậy, nước bên trong đã hết chất rượu rồi. Vì vậy chúng ta phải tìm cách pha chất quốc gia của chúng ta vào. Ông Tuệ hỏi tôi có phải chính phủ Mỹ đã đồng ý giải pháp này không. Tôi trả lời không biết, nhưng theo tôi nghĩ Mỹ chưa ủng hộ một giải pháp nào hay một tổ chức nào. Việc bắt tay với cộng sản lúc này chỉ là một ảo tưởng! Ông Tuệ đập tay vào đùi than: "Chết mẹ rồi!". Chắc ông Tuệ mới từ trong nước ra, chưa nắm vững tình hình, đã được rỉ tai là mọi sự đã được sắp xếp đâu vào đó cả rồi, kể cả Mỹ đã bật đèn xanh. Nên khi thấy tôi nói điều ngược lại, ông ngạc nhiên và hoảng hốt. Cuộc nói chuyện của ông Phạm Duy Tuệ ngày hôm sau tại Calgary do phân bộ Nam Alberta Liên Minh

Dân Chủ tổ chức không đạt kết qủa như ý muốn. Tôi cũng đi dự vì tình bạn bè cựu đồng viện nhưng "thủ khẩu như bình". Vào thời gian đó, cách đây cũng gần hai chục năm, sau khi Tổng Thống Bill Clinton lập bang giao với Hà Nội, chắc nhiều cấp lãnh đạo của Liên Minh Dân Chủ nghĩ rằng thời cơ đã tới, nên phải đi bước trước để trở thành lực lượng đối thoại với cộng sản. Họ đã đưa người về Sài Gòn sửa soạn một cuộc hội thảo lớn tại khách sạn Métropole trên đường Trần Hưng Đạo. Nhiều thành phần cộng sản và quốc gia được gửi thiệp mời tham dự, trong đó có cả kẻ viết bài này. Lúc đầu nhà cầm quyền cộng sản để yên cho làm. Nhưng trước ngày khai mạc mấy bữa, họ ra lệnh cấm và tìm bắt những người tổ chức từ Mỹ về. Một số anh em chạy thoát. Hai người không chạy kịp bị bắt giam mấy năm, trước khi được thả về Mỹ.

Vì toan tính thay đổi đường lối đấu tranh chính trị mà Liên Minh Dân Chủ bị vỡ làm đôi. Một số cán bộ thâm niên, chủ yếu ở châu Âu, tách ra thành Liên Minh Dân Chủ Kiên Định Lập Trường. Phần còn lại vẫn do ban chấp hành của ông Lê Phát Minh lãnh đạo, nhưng sau đó lại bể thành hai nữa. Thực tế, Liên Minh Dân Chủ đã bể thành ba. Phe của ông Minh và hiện thời do ông Ngô Thanh Hải đứng đầu là phe chính truyền. Vì thế ông Hải bị một số người kết án là thừa kế một tổ chức muốn bắt tay với cộng sản.

Ông Ngô Thanh Hải còn bị nghi ngờ và mang tiếng thêm vì một vụ khác vào năm ngoái. Đó là việc ông tiếp Thứ Trưởng Ngoại Giao cộng sản Nguyễn Thanh Sơn một cách kín đáo. Mấy ngày sau cuộc gặp gỡ, Nguyễn Thanh Sơn tung ra một thông báo khoe khoang rằng Nghị Sĩ Ngô Thanh Hải đã đồng ý hết với những gì đương sự trình bầy liên quan tới Việt Nam. Ông Ngô Thanh Hải phải viết bài đính chính trối chết. Dĩ nhiên ông Hải với tư cách một nghị sĩ Canada có quyền tiếp bất cứ một chính khách ngoại quốc nào đến gặp ông. Không ai có thể kết án ông về việc này. Tuy nhiên ông phạm một lỗi chiến thuật, đó là không công khai hóa sớm và dành quyền lên tiếng trước. Ai cũng biết ông gốc Việt Nam, gặp một thứ trưởng ngoại giao Việt Nam không thể không nói chuyện về Việt Nam. Ông phải hiểu cộng sản luôn luôn lợi dụng cơ hội để tuyên truyền sai lạc. Nếu ông cho dư luận biết trước cuộc gặp gỡ và lên tiếng liên sau cuộc gặp gỡ là ông có thế thượng phong, không ai nghi ngờ được ông, và không để Nguyễn Thanh Sơn chơi gác!

Thêm một vụ nữa chứng tỏ ông Ngô Thanh Hải đã có một quyết định vội vàng, không suy nghĩ kỹ, gây hậu qủa tiêu cực cho chính ông. Ông đã dẫn GS Nguyễn Ngọc Bích và LS Lâm Chấn Thọ vào Quốc Hội Canada trần tình một giải pháp cho Việt Nam bằng việc phục hoạt (reactivate) Hiệp định Paris 1973. Mấy ông này còn rêu rao đó cũng là giải pháp cho vấn đề Biển Đông. Ông

có thấy tất cả các chính phủ ký hiệp định này đã xé bỏ hay muốn quên hẳn hiệp định họ đã ký, kể cả 12 nước và Liên Hiệp Quốc ký Định Ước bảo đảm việc thi hành hiệp định? Lúc này ai còn có thể triệu tập các quốc gia đã ký Định Ước họp lại để lấy quyết định buộc các phe liên hệ phải tái thi hành hiệp định Paris? Giả dụ quyết định này thành tựu, ai sẽ đại diện Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam? (đã bị chính cộng sản Bắc Việt khai tử). Ai là thành phần thứ ba và ai sẽ đại diện thành phần này? Ai sẽ đại diện Việt Nam Cộng Hòa? (Chẳng lẽ lại là GS Nguyễn Ngọc Bích, LS Lâm Chấn Thọ và ông Hồ Văn Sinh?) Ai bầu các ông này? Hay các ông tự chỉ định với danh nghiã VNCH Foundation do các ông mới lập ra? Cũng đừng quên rằng theo Hiệp định Paris, Việt Nam vẫn chia hai, miền Bắc do cộng sản nắm chắc, mọi giải pháp chính trị, quan trọng nhất là cuộc bầu cử để thành lập chính quyền mới, chỉ được áp dụng tại miền Nam. Chính quyền nào sẽ được giao trách nhiệm tổ chức cuộc bầu cử? VNCH đâu còn quân lực và guồng máy chính quyền để bảo đảm một cuộc bầu cử trong sáng, công bằng!

Ký ức của mấy ông này qúa ngắn. Họ không nhớ Giáo sư Vũ

GS Vũ Quốc Thúc Và Phu Nhân

Quốc Thúc đã vận động phục hoạt Hiệp định Paris từ năm 1987 với sự ủng hộ của nhiều dân biểu và luật gia Pháp, Việt. Giáo sư Vũ Quốc Thúc đã thành công trong việc tổ chức một cuộc hội thảo lớn tại Paris ngày 23-5-1987, có sự tham dự của các dân biểu Pháp, đại diện các luật gia Việt Nam tại Mỹ, Pháp và Âu châu. Tôi đã mang đến cuộc hội thảo gần 100 chữ ký của các luật gia Việt Nam tại Canada ủng hộ và đóng góp ý kiến cho công việc này. Các bài thuyết trình và các cuộc thảo luận rất sâu sắc và nặng tính chuyên môn, dự trù mọi khiá cạnh áp dụng. Một cuốn bạch thư tựa đề "Chiến Tranh và Hòa Bình trên Đông Dương" được

phát hành vào dịp này (xem Vũ Quốc Thúc, Thời Đại Của Tôi, từ tr 610 đến tr 644. Người Việt, Hoa Kỳ 2010). Việc vận động phục hoạt Hiệp định Paris được xúc tiến nghiêm chỉnh vì có tin cộng sản VN có thể chấp nhận quay lại Hiệp định Paris do nạn thiếu thực phẩm và khó khăn kinh tế họ đang gặp phải, nhất là thấy Liên Xô và các nước cộng sản Đông Âu đang có dấu hiệu tan rã. Đó là cơ hội rất tốt mà tình hình hiện nay không có. Nhưng cơ hội đó cũng qua đi khi cộng sản VN vẫn trụ được sau khi khối cộng sản Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Thời cơ như thế, vận động nghiêm chỉnh và quy mô như thế mà cũng không có kết quả. Mấy ông làm chính trị tài tử chỉ thích làm lãnh tụ có dám nghĩ mình thành công khi người khác đã làm hơn mình từ 28 năm trước và đã thất bại? Phải biết mình biết người, có danh chánh ngôn thuận, biết ứng phó với hoàn cảnh mới bằng những giải pháp mới thì mới mong đạt kết qủa. Nghị sĩ Ngô Thanh Hải dẫn mấy ông này vào Quốc Hội Canada trình bầy giải pháp cho Việt Nam và cho Biển Đông kiểu ấy không sợ các dân biểu nghị sĩ cười thầm trong bụng cho cả họ lẫn ông sao? Ông bị nạn lây vì rất nhiều người Việt tỵ nạn không chấp nhận mấy ông "đại diện VNCH tự phong".

Tôi đã nói đúng những gì tôi biết và nói thẳng những gì tôi nghĩ. Tôi chắc bài viết ngắn này không làm hài lòng cả hai bên đang tranh cãi về cái tên của ngày 30-4. Tranh cãi kiểu đó có lợi gì cho đại cuộc? Có sớm giải phóng đất nước khỏi ách cộng sản không? Hay chỉ gây thêm chia rẽ và hận thù ngay trong hàng ngũ của chúng ta? Dự luật S-219 chẳng thâu ngắn hay kéo dài ngày về quê hương của chúng ta. Tôi nghĩ Nghị sĩ Ngô Thanh Hải không gặp may mắn với dự luật này. Ông có thiện chí và tưởng rằng dự luật sẽ củng cố hậu thuẫn cho ông, đồng thời đóng góp phần nào vào việc chống cộng, ít ra về phương diện tuyên truyền. Ông đã không ngờ gặp sự cay cú và phản ứng tàn tệ của một số người trong cộng đồng tỵ nạn, ngoài sự chống phá của cộng sản. Ông cũng phải chịu thêm đòn về việc đứng đầu sóng ngọn gió cho Liên Minh Dân Chủ, thêm một số quyết định và việc làm dễ tạo cớ cho một số người hiểu lầm và chỉ trích. Tôi chắc ông đã biết và chờ đợi những "đòn" này khi quyết định làm chính trị. Đời chẳng biết thế nào là khôn dại. Nhưng tôi nghĩ ông nên thận trọng và "nhẹ nhàng" hơn. Như nhiều người Việt tỵ nạn cộng sản, tôi cũng nghĩ việc đầu tiên mà chúng ta phải làm là đừng tấn công nhau nặng hơn đánh cộng sản. Đừng rút dây chặt cầu với nhau để khi cần nhau còn có thể nhìn mặt nhau không ngượng. 40 năm rồi, chúng ta không học được bài học nào sao?

<u>LỜI TÒA SOẠN:</u> Dự luật S-219, đã được Hạ Nghị Viện Canada thông qua vào ngày 24/04/2015 và được Thủ Tướng Canada ký thành luật.

Mặc Giao (03-2015)

LÁ THƯ ÚC CHÂU SỐ 2

Hôm nay khi tờ lịch cuối tháng 3 đã rơi cũng đồng nghĩa với mốc thời gian ghi dấu một cách đau đớn và buồn bã 40 năm mất nước kể từ tháng 4 đen năm 1975. Sau khi vượt thoát chế độ cộng sản độc tài đảng trị đi tìm tự do và may mắn thay được định cư thành phố Sydney tiểu bang New South Wales (NSW) Úc Đại Lợi, một thành phố được đánh giá là một trong mười thành phố với những tiêu chuẩn hàng đầu trên thế giới.

Nơi đây, như thường lệ, cứ đến những ngày cuối năm có rất nhiều chương trình sinh hoạt đồng loạt tổ chức trên toàn quốc chuẩn bị bước vào không khí tưng bừng lễ hội. Đa số học sinh, sinh viên được nghỉ học, công và tư chức đều được nghỉ phép thường niên trung bình khoảng bốn tuần lễ bắt đầu vui chơi từ ngày Lễ giáng Sinh cho đến hết tháng một cũng gần giống như Tết Nguyên Đán cổ truyền dân tộc Việt nam "Tháng giêng là tháng ăn chơi. Tháng hai cờ bạc tháng ba rượu chè".

Trong suốt thời gian này thành phố trở nên yên tĩnh hơn vì không còn có những hình ảnh vội vã chen chúc nhau trên những phương tiện giao thông công cộng hay đường phố chật cứng với những hàng xe nối đuôi nhau bất tận của người đi làm cũng như các em học sinh, sinh viên lo học hành thi cử. Trong không khí rộn ràng chào đón năm mới những người việt tị nạn chúng ta cũng vui mừng, tham dự, hòa mình trong mọi chương trình sinh hoạt khắp nơi theo giòng chính.

Vào g iờ phút g iao t hừa t hành ph ố Sydney chào đón năm mới chung quanh nhà hát con sò **(Opera house)** và cầu **Harbour.** Có khoảng n ửa t riệu người đi xem pháo bông đầy m ầu s ắc tưng bừng khắp trung tâm thành phố được trình bầy hai lần lúc 9 giờ tối và 12 giờ đêm cùng thưởng thức chương trình văn nghệ vô cùng đặc sắc trước nhà hát con sò cùng những sân khấu lộ thiên chung quanh D arling H abour. T hêm vào đó, còn c ó màn m áy bay biểu diễn, nhào l ộn t rên b ầu tr ời quanh chiếc c ầu H abour vào bu ổi sang, và nhiều thuyền buồm l ớn nhỏ đầy m ầu s ắc l ấp lánh phản chiếu mặt nước vào buổi hoàng hô n. T ất c ả những s ự kiện nói trên đã tạo nên bầu không khí vô cùng náo nhiệt vui v ẻ thoải mái và bì nh yên s au nh ững năm tháng l àm việc c ần, cù v ất v ả, đầy

căng thẳng. Khác với châu Âu châu Mỹ về thời tiết trong tháng 12 mùa đông tuyết gi á, th ì l úc đó Châu Đại Dương rơi vào mùa hè rực rỡ tràn đầy n ắng ấm nên rất thuận tiện cho tất cả những cuộc tranh tài thể thao thi đấu khắp nơi đón chào năm mới.

- **Mở đầu là cuộc đua thuyền buồm (Sydney Hobart Yatch Race)** điểm k hởi hành t ừ Sydney N SW v ào ngày l ễ Boxing 26 tháng 12 năm 2014 và kết t húc t ại thành p hố Hobart tiểu bang Tasmania. Đường d ài c uộc đua độ chừng 630 h ải lý , tương đương với 1170 cây s ố. C uộc đua thuyền bu ồm n ầy được đánh giá l à một t rong nh ững c uộc tranh tài khó nh ất trên th ế giới v à được bắt đầu chính thức tổ chức từ năm 1945 cho đến nay.

Chiếc t huyền đương kim vô địch mang tên **Wild Oats XI** phá kỷ lục của chính m ình v ới k ỷ lục m ới l à 1 ngà y 18 gi ờ 23 ph út 12

giây. Chiếc thuyền buồm này đã hạ thủy ngày 2 tháng 12 năm 2005 tại Sydney NSW Australia do chủ nhân là ông Robert Oatley.

- Năm nay, năm 2015 Úc Đại Lợi đứng ra tổ chức chung kết giải bóng tròn Á Châu (AFC Asian Football Confederation) lần thứ 16 từ ngày 9 tháng 1 cho đến 31 tháng 1 năm 2015. Giải này gồm có 16 đội vào vòng trong thi đấu trong vòng 23 ngày gồm 32 trận đấu tại 5 thành phố lớn với hàng triệu người hâm mộ túc cầu ủng hộ đội nhà trên sân vận động các thành phố Sydney, Melbourne, Newscastle, Brisbane và thủ đô Canberra cũng như qua các hệ thống truyền hình trên khắp thế giới.

Trong trận chung kết tranh chức vô địch cho giải năm 2015 giữa 2 đội tuyển quốc gia Nam Hàn và đội chủ nhà Úc Đại Lợi. Suốt 90 phút cả hai đội thi đấu với tốc độ rất nhanh, lên xuống nhịp nhàng

với kỹ thuật cá nhân điêu luyện và đội hình toàn đội biến hóa rất chuyên nghiệp, kết quả hòa nhau 1 và 1.

Trong 30 phút thi đấu thêm giờ đội bóng Socceroos (đại thử), Úc Đại Lợi đã thắng với tỉ số 2 -1. Đây là chiến thắng đầu tiên cho đội chủ nhà Úc Đại Lợi kể từ khi FIFA (**Fédération Internationale de Football Association)** quyết định thay đổi từ nhóm Túc Cầu Châu Đại Dương (Oceania Football Confederation) sang nhóm Á Châu năm 2006. Vinh dự này đã hâm nóng hàng triệu con tim của những người yêu thích môn bóng tròn khắp mọi miền nước Úc.

- Kế đến là giải quần vợt mở rộng (Australian Open Grand slam) là một trong những giải tranh tài lớn trên thế giới được tổ chức vào tháng một hàng năm tại thành phố Melbourne thuộc tiểu bang Victoria trong suốt hai tuần lễ từ 19 tháng 1 đến 1 tháng 2. Giải đã quy tụ hàng trăm tuyển thủ đến từ khắp nơi trên thế giới tham dự. Năm nay 2015 vô địch đơn nam là Novak Djokovic, quốc tịch Serbian, được xếp là hạt giống số 1 các tay vợt tennis nam của thế giới và vô địch đơn nữ là Serena Williams, quốc tịch Mỹ, được xếp là hạt giống số 1 các cây vợt tennis nữ của thế giới.

Sự kiện đáng ghi nhớ trong lần thi đấu nầy là cây vợt trẻ người Úc, Nick Kyrgios, đã vượt qua sự chấn thương ở lưng trước đó và lội ngược dòng nước trước tay vợt Ý Đại Lợi Andreas Seppi xếp hạng 18 trên thế giới với kết quả 5-7/ 4-6/ 6-3/ 7-6 (7-5)/ 8-6 ở vòng thứ tư và anh là vận động viên quần vợt người Úc có mặt trong vòng tứ kết trên sân nhà qua gần phần tư thế kỷ.

- Ngày Quốc Khánh Úc Đại Lợi (Australia Day) được tổ chức vào 26 tháng 1 hàng năm, đánh dấu ngày tất cả công dân Úc vui mừng trong chính sách đa văn hóa thống nhất mọi nguồn gốc trên thế giới đến đây lập nghiệp đồng thời cùng nhau chia xẻ và ghi nhớ sự thành lập nước Úc cũng như ngày chấp nhận & tuyên thệ trở thành công dân Úc, để cùng những thế hệ trẻ tiếp nối lịch sử quốc gia trong công cuộc xây dựng một nước Úc phồn thịnh & tốt đẹp hơn trong tương lai và ngày 26 tháng 1 hàng năm cũng để đánh dấu ngày Captain Arthur Philip đặt chân đến Sydney Cove năm 1788.

- Clean up Australia Day. Năm 2015 nước Úc kỷ niệm 25 năm (1990 - 2015) tổ chức thiện nguyện (Non-profit organisation) **làm sạch nước Úc (Clean up Australia)** được tổ chức vào chủ nhật đầu tiên của tháng 3 hàng năm. Mặc dù thời tiết ướt át không

thuận lợi nhưng có hơn nửa triệu thiện nguyện viên trên toàn quốc đã dọn đi hơn 13 ngàn tấn rác, trong đó Cộng Đồng Người Việt Tự Do Úc cùng Hội Cựu Quân Nhân QLVNCH các tiểu bang cũng đóng góp một bàn tay bằng cách kêu gọi đồng hương mọi người mọi giới tích cực tham gia trên toàn quốc trong công việc làm sạch nước Úc này.

Xin nói thêm sự thành công của Clean up Australia đã dẫn đến việc tuần lễ **Clean up the World** tổ chức vào hai ngày cuối tuần của tuần lễ thứ ba tháng 9 hàng năm và vào năm 2007 sự kiện này đã thu hút được hơn 35 triệu người từ 120 quốc gia tình nguyện tham dự .

- Năm 2015 Úc Đại Lợi đăng cai tổ chức tranh tài Cricket thế giới tại Sydney NSW từ 4 tháng 2 đến 26 tháng 3. **ICC (International Cricket Council).** Một lần nữa trong cuộc tranh tài thể thao môn Cricket này hai đội vào chung kết là đội tuyển Tân Tây Lan và đội chủ nhà Úc Đại Lợi sau khi đánh bại đội đương kim vô địch Ấn Độ 2014 ở vòng bán kết.
Hai đội vào chung kết lần nay đã gặp nhau 9 lần trong nhiều năm qua kết quả Úc thắng 6 Tân Tây Lan thắng 3. Trận đấu chung kết được tổ chức tại sân vận động MCG (Melbourne Cricket Ground)

với khoảng 90,000 khán giả tham dự. Dựa vào kết quả 9 trận trong quá khứ và đúng như những nhà chuyên gia môn cricket tiên đoán đội chủ nhà Úc Đại Lợi đã ghi thêm một chiến thắng lẫy lừng vào lịch sử bộ môn critket quốc tế. Chiến thắng này làm các thành phố tưng bừng náo nhiệt thêm lên.

- Bên cạnh những tin vui nói trên cũng có tin buồn là vào ngày 20 tháng 3 năm 2015 Cựu Thủ Tướng thứ 22 của Úc Đại Lợi, Ông Malcolm Frazer, đã vĩnh viễn ra đi thọ 84 tuổi (1930 - 2015); người đã đưa ra chính sách định cư cho thuyền nhân Việt Nam trên khắp nước Úc vào năm 1975 mà ông cho là những người tị nạn Cộng Sản này sẽ mang đến một khuynh hướng mới, giàu có và sinh động hơn cho quốc gia Úc Đại Lợi. Đúng như điều ông đã tiên liệu, vào thời điểm lúc bấy giờ cách nay 40 năm đó là một quyết định rất can đảm dựa trên lòng từ bi mặc dù đi ngược với chính sách của đảng Tự Do mà ông là một đảng viên, với tầm nhìn xa trông rộng như vậy, 40 năm sau, ngày hôm nay, đã có rất nhiều người Việt tị nạn thành công và đóng góp đáng kể cho quê hương này.

Trong những năm cầm quyền 1975 -1983 ông đã hãnh diện về chính sách di dân đa văn hóa của chính quyền trong thời gian này và cho rằng: "Úc Đại Lợi đang chuyển giao trong tình trạng tốt hơn bất kỳ quốc gia Tây phương nào khác".

Cộng đồng người Việt tị nạn Cộng Sản Úc Châu luôn xem ông như cha già, một đại ân nhân. Do đó sự ra đi của ông là sự mất mát to lớn cho Cộng Đồng người việt Tự Do Úc châu nói riêng và Quốc gia Úc nói chung. CĐNVTD UC đã tổ chức lễ

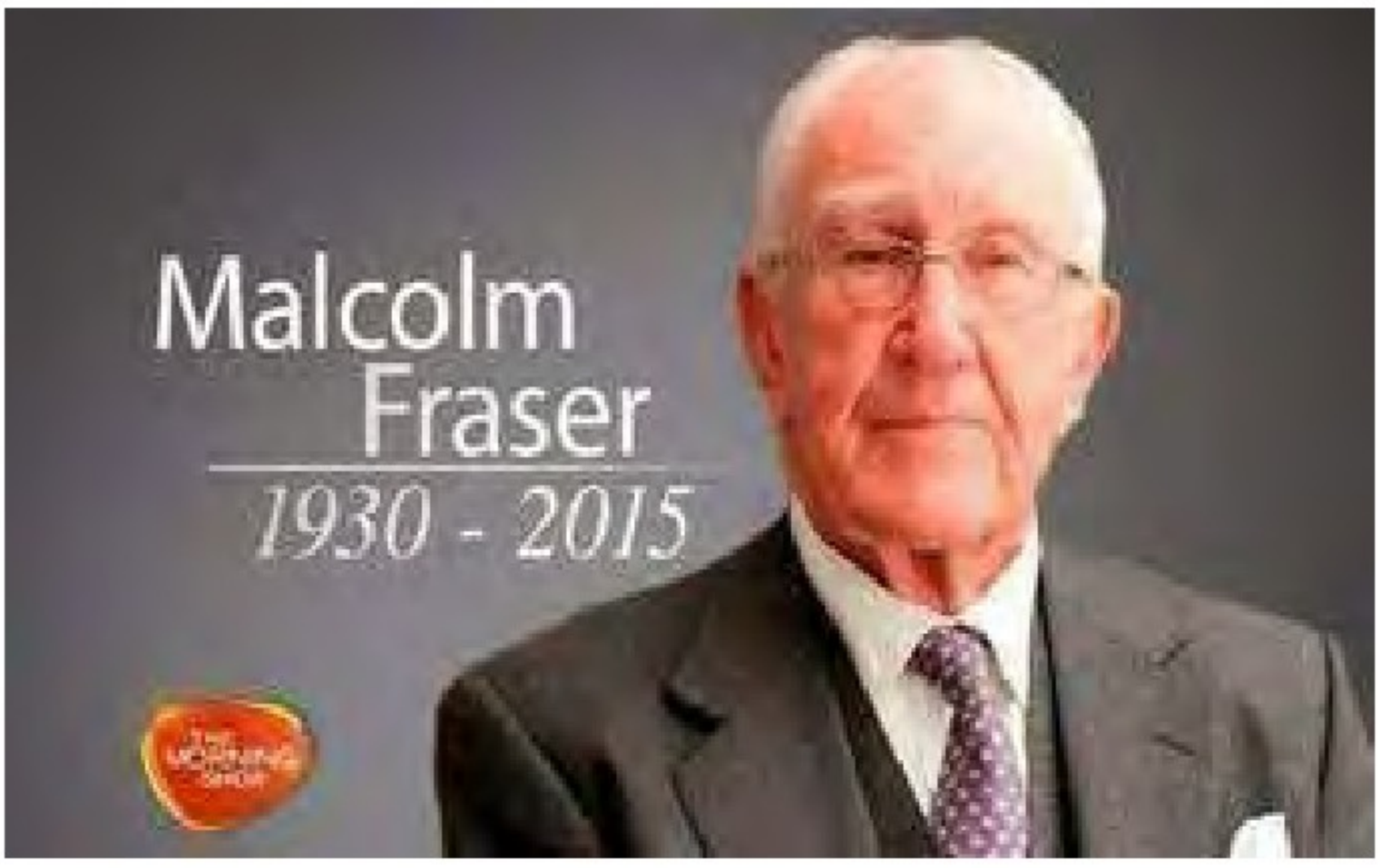

tưởng niệm cố Thủ Tướng Malcolm Frazer tại nhiều thành phố nơi cư ngụ với hàng ngàn người tham dự để nói lên tấm lòng biết ơn với muôn vàn thương tiếc.

- Sydney Royal Easter show là một lễ hội lớn nhất được tổ chức hàng năm có gần triệu người tham dự để chào mừng một nền văn hóa Úc Đại Lợi đi từ truyền thống địa phương cổ xưa đến kiểu cách sống hiện đại ngày nay, đã cho mọi người một kinh nghiệm quý giá có một không hai.

Lễ hội này đã kết nối mọi người từ thành thị đến thôn quê tham gia và thưởng thức những cuộc tranh tài về nông nghiệp, chăn nuôi, văn nghệ cùng vui chơi ngoài đường phố v.v... Đây là dịp để mọi người từ già đến trẻ trong gia đình đều có thể vui chơi trong hai tuần lễ với những cuộc tranh tài như hớt lông cừu, vắt sữa bò, đốn những thân cây lớn, chạy đua trong các bao bố và những trò chơi cho trẻ em v.v... trong khu vực rộng hàng ngàn cây số vuông nơi đã tổ chức Thế Vận Hội năm 2000. Năm nay, một lần nữa lễ hội này được tổ chức vào ngày 26 tháng 3 cho đến 8 tháng 4 tại Sydney Olympic Park NSW.

- ANZAC Day là ngày lễ rất quan trọng mang tầm vóc quốc gia, như ngày Quân Lực, được tổ chức hàng năm. Ngày 25 tháng 4 năm 2015, kỷ niêm 100 năm thành lập **ANZAC DAY (**viết tắt cho **Australian and New Zealand Army Corps)**. Đây là sự thành lập quân đội giữa hai quốc gia láng giềng Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan

trước khi đổ bộ trong trân chiến lừng danh vào tháng 4 năm 1915, Gallipoli ngày nay là Istanbul thành phố lớn của Thổ Nhĩ Kỳ.

Chính vì thế mà ngày 25 tháng 4 mỗi năm là ngày mọi công dân Úc ghi nhớ và vinh danh những chiến sĩ quân đội Úc và Tân Tây Lan nói riêng và cho tất cả quân nhân Úc Đại Lợi nói chung đã hy sinh cho lý tưởng tự do dân chủ trên khắp thế giới. Khắp nơi từ những cộng đồng nhỏ cho đến thành phố lớn, đặc biệt tại đài tưởng niệm chiến tranh thủ đô Canberra nghi lễ được tổ chức từ hừng đông cho đến hết ngày có sự tham gia của tất cả mọi người dân từ già đến trẻ, từ những cựu chiến binh cho

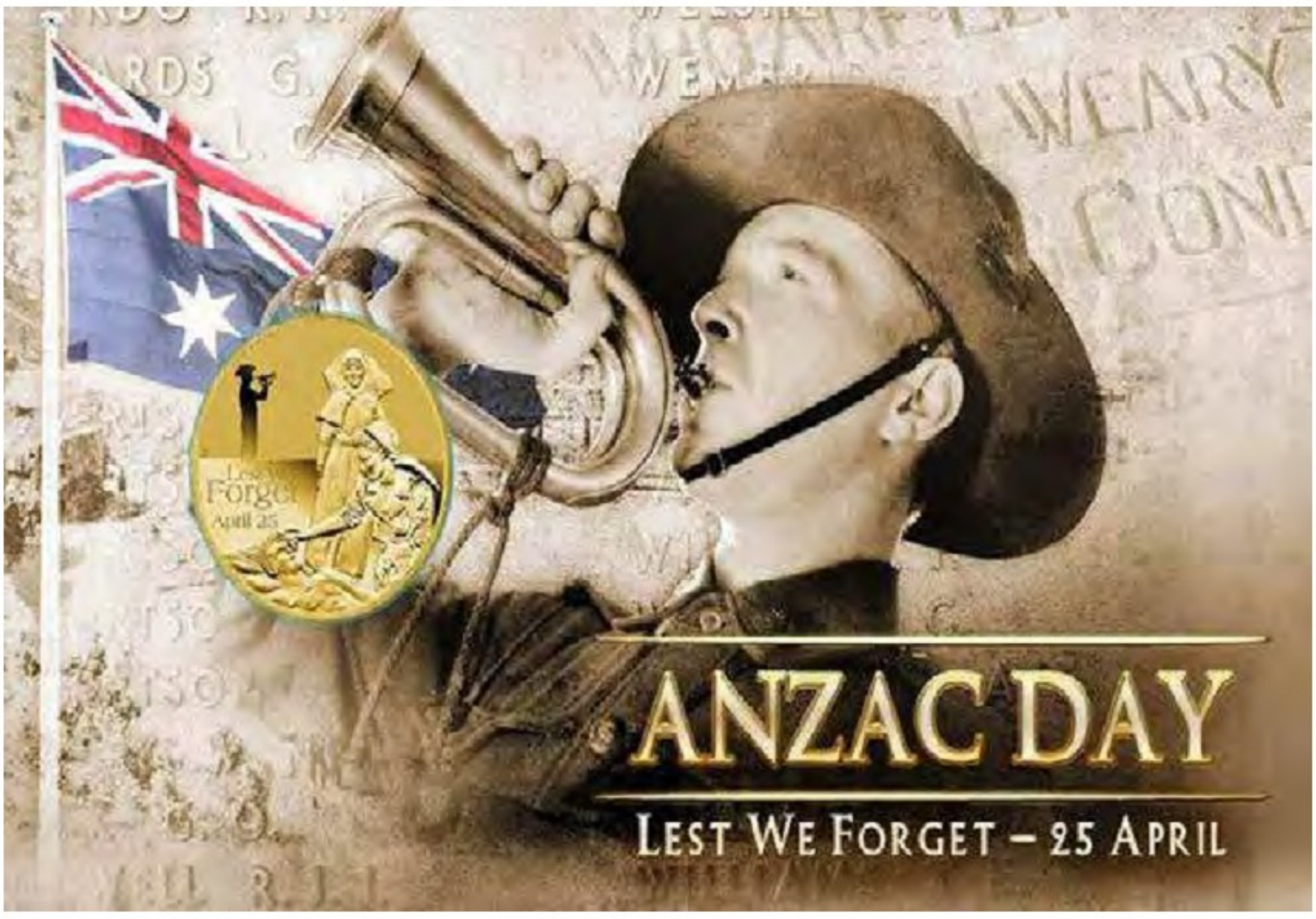

đến hậu duệ v.v.. Một niềm hãnh diện và vinh dự là Hội Cưu Quân Nhân QLVNCH khắp các tiểu bang được mời tham dự diễn hành chung với tất cả cựu chiến binh Úc và đồng minh. Và lá cờ vàng ba sọc đỏ, tượng trưng cho chính nghĩa tự do dân chủ, được tung bay cao cùng với quốc kỳ Úc và quốc kỳ của các quốc gia đồng minh.

Thủ tướng hai nước Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan dự định sẽ đến Thổ Nhĩ Kỳ tham dự lễ kỷ niệm nói trên vào tháng tư sắp đến. **- Về phần sinh hoạt của CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT TỰ DO ÚC CHÂU / NSW** (CĐNVTD NSW) nói riêng và CĐNVTD UC nói chung như sau theo thứ tự thời gian:

-TẾT Việt Nam 2015 là Tết năm Ất Mùi được CĐNVTD các tiểu bang đồng loạt tổ chức ở địa phương riêng biệt như hàng năm. Riêng tại Sydney CĐNVTD NSW tổ chức Hội Chợ Tết tại Fairfield Showground từ thứ sáu 27 tháng 2 đến Chủ Nhật 1 tháng 3 năm 2015.

Tết Việt Nam là ngày gia đình đoàn tụ với những món ngon vật lạ cho nhau trong những ngày đầu năm. Đa số những người còn làm việc đều xin nghỉ phép thường niên để sum họp gia đình. Đây cũng là dịp để người Úc gốc Việt duy trì cùng chia xẻ phong tục tập quán cùng truyền thống văn hóa một cách rộng rãi hơn trong các cộng đồng bạn.

Chính quyền địa phương vùng Fairfield, nơi có đông người Việt tị nạn nhất trên nước Úc, đã cho tổ chức mừng Tết vào 2 ngày cuối tuần, thứ bẩy và chủ nhật 21 & 22 tháng 2 tại Freedom Plaza, Cabramatta NSW.

Tuy tổ chức tại hai nơi khác nhau, để đồng bào đến cùng chung vui trong dịp Tết, nhưng đã thu hút cả chục ngàn người tham dự với nhiều trò chơi vui nhộn đầy tiếng cười vui vẻ cũng như thưởng thức văn nghệ đặc sắc cũng như ẩm thực truyền thống Á Châu. Các nước phương Tây thường xuyên góp mặt với mục đính giới

thiệu món ăn ngon hàng ngày cùng cách thức nấu ăn của quốc gia họ.

Biểu tình trước Quốc Hội Liên Bang Úc Châu Canberra thứ Hai ngày 17 tháng 11 năm 2014

Để phản đối sự hiện diện của Tập Cận Bình tại Úc Châu.

- *Lên án và tố cáo trước công luận về chính sách khiêu khích và lấn chiếm của Trung Cộng tại Biển Đông.*
- *Lên án và tố cáo trước công luận việc Trung Cộng xâm chiếm lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam. Bắn giết và cướp đoạt tài sản của ngư dân Việt Nam.*
- *Kêu gọi mọi người Việt Nam trong nước cũng như hải ngoại đứng lên bảo vệ tổ quốc, chống lại sự xâm lăng của Tàu Cộng.*

Đây là tiếng nói của CĐNVTD Úc Châu thay thế tiếng nói của người dân trong nước không được nói. Tuy sống xa quê hương muôn dặm, nhưng lòng luôn hướng về quê nhà với nỗi khát khao mong muốn một nước Việt Nam sớm có lại-Tự Do Dân Chủ và Nhân Quyền.

- Biểu tình trước Quốc Hội Tiểu Bang NSW. Thứ Ba ngày 17 tháng 3 năm 2015 và biểu tình trước Quốc Hội Liên Bang Úc Châu Canberra ACT thứ Tư 18 tháng 3 năm 2015 để phản đối Thủ Tướng Cộng Sản Nguyễn Tấn Dũng đến Úc Châu

CĐNVTDUC/NSW nhận định rằng:

- *Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là một nhà nước độc tài, độc đảng, do đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN) độc quyền lãnh đạo.*
- *Nhà nước và đảng CSVN là một tập đoàn bán nước, đã và đang dâng hiến đất nước cho Trung Cộng.*
- *Nhà nước và đảng CSVN là một tập đoàn tham nhũng, thối nát, ăn cắp tài sản quốc gia, ăn chặn viện trợ quốc tế và ăn cướp tài sản của người dân để làm giàu cho gia đình và dòng họ.*

CĐNVTDUC nêu rõ lập trường không chấp nhận chế độ độc tài đảng trị ở Việt Nam, phản đối nhà cầm quyền CSVN bán nước, hèn nhát, tham nhũng và thối nát.

Như thông lệ ban tổ chức luôn có xe buýt đưa đón đồng hương tại 3 địa điểm có đông người Việt tị nạn là Marrickville, Bankstown, Cabramatta. Mặc dù ngày biểu tình tại Canberra là ngày trong tuần lại thêm mưa to gió lớn nhưng số người tham dự rất đông lên đến cả ngàn người đã nói lên tinh thần đấu tranh chống bè lũ Cộng Sản rất cao của đồng bào Úc châu và không hổ danh là thành trì chống cộng hải ngoại.

-Lễ Hai Bà Trưng

- Lễ Hai Bà Trưng năm nay được tổ chức ngày Chúa Nhật 22 tháng 3 năm 2015 tại Freedom Plaza Cabramatta để ghi nhớ và nhắc nhở tất cả người Úc gốc Việt cùng những thế hệ mai sau về công đức và lòng yêu nước chống kẻ thù phương Bắc của các bậc tiền nhân.

Hai bà Trưng và hàng trăm nữ tướng tham gia phong trào chống giặc Hán cứu nước thoát khỏi ách nô lệ phương Bắc đã góp phần tạo nên truyền thống anh hùng cho dân tộc Việt.

Trần Minh Quân K31

LÁ THƯ SÀI GÒN

Văn Quang

Lời người viết: *Nhân kỷ niệm 40 năm ngày Sài Gòn bị thay tên và cũng là 60 năm tôi đã gắn bó với Sài Gòn trong từng niềm vui, nỗi buồn, niềm nhớ,...60 năm đây vơi bao kỷ niệm với Sài Gòn. Cho dù Sài Gòn có bị thay tên bao năm rồi nhưng Sài Gòn vẫn sống mãi trong trái tim tôi. Tôi đã đến Sài Gòn lần đầu (1954) giữa tuổi xuân rộn ràng niềm vui, và lần thứ hai trở lại Sài Gòn (1987) trong ngậm ngùi,...sau hơn 12 năm từ "trại tù cải tạo" trở về. Do đó, LÁ THƯ SÀI GÒN lần nầy tôi xin gởi đến quý độc giả Đa Hiệu:* 60 NĂM SÀI GÒN TRONG TÔI

Tượng đài Thủy Quân Lục Chiến giữa công viên Sài Gòn trước năm 1975 nay đã không còn.

"Tôi đứng trước "Nhà Hát Thành Phố" nhìn cảnh "vườn không nhà trống" đó mà ngậm ngùi nhớ tới pho tượng Thủy Quân Lục Chiến sừng sững, đứng bảo vệ thành phố ngày nào, và nhớ tới những đồng đội TQLC đã ngã xuống, hoặc giờ này đã ở khắp phương trời xa…"

Hai tuần nay người Sài Gòn xôn xao về một số công trình xưa cũ sẽ bị phá bỏ, lấy đất làm tàu điện ngầm. Rầm rộ nhất là khu thương xá Tax đã bị "bao vây" bởi những hàng rào chắn chạy dài và tất cả các cửa hàng trong thương xá này phải dời đi vào tháng 10 này để làm một siêu thị 40 tầng văn minh hơn! Hầu như cả thành phố xôn xao, người ta kéo đến mua hàng giảm giá đông như hội. Và cũng có nhiều người đến để nhìn lại chút kỷ niệm xưa với một công trình kiến trúc được xây dựng từ xa xưa khiến bất cứ ai dù chỉ sống ở thành phố này ít năm cũng cảm thấy tiếc nuối. Lứa tuổi già đã có từng hơn nửa thế kỷ với Sài Gòn bỗng nhận ra cái khu thương xá đó không chỉ gắn liền với thành phố mà còn gắn liền với cả gia đình mình.

Hầu như gia đình nào cũng đã từng đưa nhau vào đây mua sắm vài thứ đồ dùng lặt vặt hoặc chỉ dạo quanh, ăn một ly kem, uống một ly cà phê. Nỗi buồn vẩn vơ thật nhưng lại rất sâu đậm như người ta vừa lấy đi một phần đời mình. Bởi cái mất đi đã từng có những kỷ niệm với người thân quen không bao giờ tìm lại được nữa. Người mất kẻ còn, người ra đi, kẻ ở lại đã từng cùng nhau đến đấy.

Đường Lê Lợi phía Thương Xá TAX chỉ còn một lối đi nhỏ.

Và còn có một số công trình gắn liền với Sài Gòn, không chỉ là biểu tượng mà còn là da thịt của một thành phố từng được vinh danh là "hòn ngọc viễn đông" này cũng sắp mãi mãi biến mất để nhường chỗ cho công trình ga tàu điện ngầm đầu tiên của tuyến Metro số 1 Bến Thành - Suối Tiên. Dẫu biết vạn vật đổi dời không có gì là vĩnh cửu cả nhưng cái gì quá thân quen mất đi cũng thấy lòng trống rỗng. Có khi chỉ một cửa hàng như quán cơm bình dân Bà Cả Đọi, tiệm cắt tóc Đàm, nước mía Viễn Đông… mất tích vĩnh viễn, thay vào đó là những tòa nhà cao học trời, những cửa hàng sang trọng, choáng lộn cũng thấy nó lạnh lùng xa lạ.

Văn Quang trước Thương Xá Tax ngày 25-8-2014.

Người còn ở trong nước xót xa, người Việt ở nước goal tiếc nuối, đó là điểm những người thân quen gặp nhau ở nỗi nhớ nhung tiếc nuối này. Tôi đã đọc khá nhiều bài viết từ nước ngoài và e mail của bạn bè chia sẻ nỗi hoài niệm đó. Như Thế Hải từ Hawaii đã mượn hai câu thơ bất hủ của Bà Huyện Thanh Quan, chia sẻ cùng bè bạn khắp nơi khi nhớ về những cái sắp mất đi của Sài Gòn:

“Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo.
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.”

Với một người còn ở lại như tôi, đã hơn nửa thế kỷ gắn bó với hòn ngọc viễn đông này, hai tuần nay càng thấy lòng hoài cổ dâng trào. Nhớ, nhớ đến từng chi tiết, từ cái bước chân đầu tiên đặt lên đất Sài Thành, nhớ từng ngõ ngách, từng nhân vật thuộc về quá khứ ấy cho đến ngày nay. Mặc cho Sài Gòn đã có nhiều tang thương dâu biển, từ cái tên thành phố đến những con đường đã thay họ đổi tên, từ con người đến xã hội cho đến cả cái cách sống cũng đã khác xưa nhiều lắm. Chẳng trách khi xã hội đổi thay, người ta chép miệng than: “Trời làm một trận lăng nhăng, ông hạ xuống thằng, thằng nhảy lên ông, con đĩ đánh bồng nhảy lên bà lớn!” cũng chẳng sai. Nhưng với tôi, Sài Gòn vẫn là Sài Gòn từ trong tâm thức mình, từ trong tận cùng tim óc mình. Thế là đủ và tôi lại phải sống, cũng như những người Sài Gòn khác, bất chấp gian khổ. Có chăng chỉ là nỗi ngẩn ngơ khi những dấu tích xưa dần mất đi, chẳng bao giờ tìm thấy lại được

Trong nỗi hoài niệm sâu sắc ấy nhiều buổi chiều đứng trong hành lang hẹp chung cư, nhìn lên khung trời cao, hướng về ánh đèn đêm mơ hồ của thành phố, tôi cố tưởng tượng lại đó vẫn là khung trời xưa, tôi nhớ lại những năm tháng dài tôi sống ở Sài Gòn. Ở đây không chỉ có cảnh quan mà còn có cả những nhân vật là bạn hoặc là người tôi đã từng gặp, từng quen, từng biết đến. Người ở đâu bây giờ? Có biết Sài Gòn của chúng ta hiện có rất nhiều người đang nhớ, đang mong các “bạn ta” không?

Bước chân đầu tiên trên đất Saigon

Thế mà 60 năm rồi đấy, kể từ ngày tôi mới đặt chân lên thành phố Sài Gòn. Tôi nhớ như in, ngày đầu tiên ấy. Cuối tháng 01 năm 1954, sau hai tháng học ở Trường Sĩ Quan Thủ Đức (Khóa 4), ngày thứ bảy chúng tôi được đi phép ở Sài Gòn. Niềm mơ ước của tôi từ những ngày còn nhỏ ở trường trung học, ước gì có ngày mình được vào Sài Gòn. Niềm mơ ước ấy còn rộn ràng hơn khi khóa học sĩ quan khai giảng. Thủ Đức – Sài Gòn chỉ có hơn 10 cây số. Tuy chỉ cách thành phố một đoạn đường không xa, nhưng theo đúng chương trình khóa học, hai tháng sau chúng tôi mới được đi phép. Mấy anh “Bắc kỳ” nôn nao hỏi thăm mấy ông bạn “Nam Kỳ” về Sài Gòn. Từ cái xe taxi nó ra sao, đi thế nào, bởi hồi đó miền Bắc chưa hề có taxi, cho đến Chợ Lớn có những gì… Mấy ông bạn Nam Kỳ tha hồ tán dóc. Đấu óc tôi cứ lơ mơ về cái chuyến đi phép này.

Rồi ngày đi phép cũng đến, một nửa số sinh viên sĩ quan (SVSQ) đi phép mặc bộ tenue sortie là ủi thẳng tắp, áo bốn túi, chemise trắng tinh, thắt cravate đen đàng hoàng, giầy đánh bóng lộn có thể soi gương được. Vô phúc quên cái gì là bị phạt ở lại ngay. Nhưng hầu như chưa có anh nào bị phạt. Đoàn xe GMC của trường chở chúng tôi chạy vèo vèo vào thành phố. Ôi cái cửa ngõ vào thành phố hồi đó chưa có gì lộng lẫy mà chúng tôi cũng mở to mắt ra nhìn. Đoàn xe "diễu" qua vài con phố rồi dừng lại trên đường Hai Bà Trưng (hồi đó còn gọi là đường Paul Blanchy), ngay phía sau Nhà Hát Lớn Thành Phố, mà sau này là Trụ Sở Hạ Viện VNCH

Cú nhảy từ sàn xe GMC xuống con đường Hai Bà Trưng là bước chân đầu tiên của tôi đến đất Sài Thành hoa lệ. Ông Hồ Trung Hậu là dân miền Nam chính hiệu, ông đã hứa hướng dẫn tôi đi chơi… cho khỏi "ngố". Chúng tôi đi bộ vào con đường nhỏ bên hông Nhà Hát Thành Phố và khách sạn Continental, vòng ra trước bùng binh Catinat – Lê Lợi (hồi đó còn gọi là Boulevard Bonard) và Nhà hát TP. Nhìn mặt trước nhà hát TP có mấy bức tượng bà đầm cứ tưởng… mình ở bên Tây. Lúc đó đã có nhà hàng Givral rồi, nhưng tôi vẫn còn "kính nhi viễn chi" cái nhà hàng văn minh lịch sự giữa thành phố lớn rộng đó, chưa dám mơ bước chân vào. Ông Hậu vẫy một cái taxi chở chúng tôi về nhà ông. Taxi hồi đó toàn là loại deux cheveaux, nhỏ hẹp sơn hai màu xanh vàng. Khi bước lên xe, đồng hồ con số chỉ là 0, đi quãng nào số tiền nhảy quãng đó.

Trong ngày đầu tiên, tôi ngu ngơ làm quen với không khí Sài Gòn qua gia đình anh em ông Hậu. Hôm sau ông bạn tôi đi với bồ nên tôi bắt đầu cuộc solo giữa thành phố xa lạ này. Tất cả Sinh Viên SQ đều không được đi xe buýt hay xích lô, phải đi taxi. Nhưng lệnh là lệnh, chúng tôi học các đàn anh khóa trước, cởi áo bốn túi bỏ cravate, cất cái nón đi là lại tha hồ vùng vẫy.,

Trở thành người Sài Gòn từ bao giờ

Nơi tôi đến đầu tiên là Chợ Lớn. Một cuốc ta xi từ giữa trung tâm T.P đến cuối Chợ Lớn mất 12 đồng. Tôi tìm đến khách sạn rẻ tiền của mấy thằng bạn Bắc Kỳ ở đường Tản Đà, một con phố nhỏ, ba bốn thằng thuê chung một phòng cũng chẳng có " ông mã tà " nào hỏi đến. Chợ Lớn hồi đó tấp nập hơn ở Sài Gòn, con phố Đồng Khánh chi chít những khách sạn, hàng ăn, cửa tiệm tạp hóa lu bù tưởng như mua gì cũng có. Chúng tôi cũng biết cách chui vào Kim

Chung Đại Thế Giới xem thiên hạ đánh bạc. Hôm đó có anh Nguyễn Trọng Bảo cùng Đại Đội tôi nhưng lớn hơn chúng tôi vài tuổi và là một cặp với Nguyễn Năng Tế (lúc đó mới là người yêu của nữ diễn viên điện ảnh Kiều Chinh). Anh thử đánh "tài xỉu", may mắn làm sao, một lúc sau đó anh được khoảng vài trăm ngàn. Thế là chúng tôi xúi anh "ăn non", không chơi nữa, rủ nhau đi ăn. Bắt đầu từ hôm đó chúng tôi đi " khám phá " Sài Gòn và rồi theo cùng năm tháng trở thành người Sài Gòn lúc nào không biết. Càng có nhiều thăng trầm chúng tôi càng gắn bó với Sài Gòn hơn.

Lần thứ hai trở lại Sài Gòn

Tôi lại nhớ ngày trở về Sài Gòn sau hơn 12 năm "tù cải tạo" từ Sơn La đến Vĩnh Phú rồi Hàm Tân. Đó là vào buổi chiều tháng 9 năm 1987. Khi đoàn xe thả tù cải tạo bị giữ lại nhà giam Chí Hòa nghe các ông quan chức trấn an về số phận chúng tôi khi được trở về, khoảng hơn 5 giờ chiều chúng tôi mới được thoát ra khỏi cánh cửa sắt nhà tù Chí Hòa. Ngay từ cổng trại tù đã có đoàn quay phim đợi sẵn để quay cảnh "vui mừng đoàn tụ" của tù nhân, chắc là để chứng tỏ cái sự "khoan hồng bác ái" của nhà nước cho những thằng may mắn không chết trong ngục tù. Lại là lần thứ hai tôi đặt chân lên đất Sài Gòn nhưng với tư cách khác giữa một thành phố đã đổi chủ.

Thấy cái cảnh sẽ bị quay phim, Trần Dạ Từ kéo tôi lên vỉa hè đi lẫn trong đám thân nhân được vận động ra đón tù cùng những người dân tò mò nhìn " cảnh lạ ". Tránh được cái máy quay phim, chúng tôi đi gần như chạy ra khỏi con phố nhỏ này. Ra đến đường Lê Văn Duyệt, chúng tôi đi chậm lại, nhìn đường phố mà cứ ngỡ như đường phố đang nhìn chúng tôi với một vẻ xa lạ và xót thương?

Trần Dạ Từ còn lại ít tiền, anh rủ tôi ghé vào đường Hiền Vương ăn phở. Chẳng biết là bao nhiêu năm mới lại được ăn tô phở Hiền Vương đây. Tôi chọn quán phở ngay sát cạnh tiệm cắt tóc Đàm mà mấy chục năm tôi cùng nhiều bạn bè vẫn thường đến cắt tóc. Có lẽ Trần Dạ Từ hiểu rằng anh về đoàn tụ cùng gia đình chứ còn tôi, vợ con đi hết, nhà cửa chẳng còn, sẽ rất cô đơn, nên anh níu tôi lại. Ngồi ăn tô phở tưởng ngon mà thấy đắng vì thật ra cho đến lúc đó tôi chưa biết sống ra sao giữa thành phố này.

Ở tiệm phở bước ra, chúng tôi đi bên nhau dưới ánh đèn chập choạng của con đường Duy Tân mà một thời được gọi là con đường Đại Học "uống ly chanh đường, uống môi em ngọt." Đến

ngã tư Phan Đình Phùng, tôi chia tay người bạn tù Trần Dạ Từ, đi lang thang trong cô đơn, trong bóng tối của chính đời mình. Bây giờ tôi mới hiểu hết nghĩa của sự cô đơn là thế nào! Từ hôm nay, tôi b ắt đầu cu ộc s ống lưu lạc trên chính quê hương mình.

Tôi tìm v ề nhà ông anh r ể, người đã từng nuôi n ấng t ôi s uốt những năm tháng trong tù. Bắt đầu từ đó tôi trở thành người Sài Gòn khác trước. Và rồi với những cùng khổ, n hững khó khăn, tôi đã tự mình đứng lên. Bởi tôi thấm thía rằng thằng bạn đồng minh xỏ lá đã phản phé mình, lúc này không ai cứu mình cả, anh không vượt qua nó, nó sẽ đè chết anh. Vì thế cho đến bây giờ sống giữa Sài G òn, t ôi ph ải là người S ài G òn v à m ãi m ãi s ẽ là người Sà i Gòn. Làm được cái gì hay chết bẹp dí là do mình thôi.

Đi tìm hoài niệm

Tôi không lan man về chuyện cũ tích xưa nữa, bởi nói tới n hững ngày tháng đó chẳng biết b ao giờ mới đủ, mới hết. Cho đến hôm nay, 25 tháng Tám năm 2014, hơn 60 năm ở Sài Gòn, mọi người đang xôn xao về những đổi thay l ớn c ủa Sài G òn, t ôi k hông th ể ngồi y ên. T ôi m uốn c hính m ắt mình được n hìn th ấy n hững t hay đổi ấy. Mặc dù qua 2 l ần n ằm b ệnh viện và v ới c ái t uổi trên tám mươi, tôi đã mất sức nhiều, hầu như suốt ngày ngôi nhà đã từ ba tháng nay. Tôi điện thoại cho Thanh Sài Gòn rủ anh đi thăm "cảnh cũ người xưa". Chúng tôi vào phở Hòa, một tiệm p hở nổi tiếng từ trước năm 1975 cho đến nay. Con đường Pasteur đan kín xe cộ, tiệm p hở Hòa có vẻ tấp nập hơn xưa. Bạn khó có thể tìm lại một chút gì đó của "muôn năm cũ". Tô phở bị "Mỹ hóa" v ì c ái t ô t o chình ình v à miếng t hịt cũng to tướng, có l ẽ ông bà c hủ đã học theo phong cách những tiệm p hở VN ở Mỹ. Nó "to khỏe" chứ không còn cái vẻ "thanh cảnh" như xưa nữa.

Sau đó, nơi tôi tìm đến đầu tiên chính là Thương Xá Tax. Vừa đến đầu hai con đường g ặp nhau P asteur – Lê L ợi đã nhìn thấy một hàng rào bằng tôn chạy dài. Đường Lê L ợi chỉ còn đủ một l ối đi nhỏ dẫn đến Thương Xá Tax và công viên Lam Sơn. Chiếc xe gắn máy len lỏi cho đến tận cuối đường Lê Lợi sát mép đường Tự Do. Chúng tôi đứng trước cửa TX Tax đang bày ra cảnh vô cùng vắng vẻ, chỉ có tôi và anh bảo vệ nhìn nhau. Anh thừa biết tôi đến đây để làm gì. Anh b ảo vệ cũng không còn làm cái nhiệm v ụ cao quý l à m ở cửa đón khách, anh để mặc t ôi t ự do đẩy c ánh c ửa kính nặng chịch đi vào trong khu thương mại. Đèn đuốc vẫn thắp

sáng choang, chiếc thang máy cuốn vẫn lặng lẽ chạy không một bóng người. Nó mang một vẻ gì như người ta vẫn lặng lẽ theo sau một đám tang.

Tạm biệt Thương Xá Tax và hàng giảm giá.

Trong quầy hàng đầu tiên, điều khiến tôi chú ý là hàng chữ nổi bật hàng đại hạ giá (Big Sale) tới 70% đỏ loét chạy dài theo quầy hàng và hàng chữ " TẠM BIỆT THƯƠNG XÁ TAX ".
Tôi cố gợi chuyện với cô chủ hàng xinh xắn: Cô phải đề là " TỪ BIỆT " THƯƠNG XÁ TAX mới đúng chứ, sao lại là "T ẠM BIỆT "? Cô hàng trẻ đẹp thở dài ngao ngán: "Ấy người ta còn hứa khi nào căn nhà 40 tầng làm xong sẽ cho chúng tôi được ưu tiên thuê cửa hàng đấy."
Nhưng ngay sau đó cô lại lắc đầu: "Hứa là hứa chứ khi đó mình không cổ cánh, đút lót thì đừng hòng bén mảng tới, ông có tin không? "
Bị hỏi ngược, tôi đâm lúng túng ấp úng nói lảng: Phải đợi tới lúc đó mới biết được. Cô bán hàng quay đi, dường như cô chẳng tin gì cả.
Các quầy hàng khác vẫn mở cửa, mỗi gian hàng chỉ còn lại vài ba người, chắc toàn là những ông bà chủ. Tôi nghĩ họ đang làm công việc khác chứ không để bán hàng. Có ai mua đâu mà bán. Tôi đến hỏi thăm vài ông bà chủ cửa hàng, không tìm thấy bất cứ nụ cười nào trên những khuôn mặt buồn hiu ấy.
Có lẽ vài tuần nay, người đi tìm đồ hạ giá đã " khuân" đi khá nhiều rồi, lúc này những thứ hàng còn lại không còn giá trị nữa. Tuy nhiên cửa hàng nào cũng còn bề bộn hàng ế. Nhìn lên tầng lầu cũng vậy, nó còn vắng vẻ thê thảm hơn…

Ngậm ngùi nhìn công viên Lam Sơn trống rỗng

Rồi tôi cũng phải bước ra. Trở về với thực tại, nhưng vẫn gặp cái vắng lặng của vỉa hè chạy dài theo đại lộ Nguyễn Huệ. Dường như chỉ còn có Thanh Sài Gòn ngồi ngất ngư với "người xưa trong ảnh" của một ô quảng cáo vuông vắn phía ngoài thương xá. Chúng tôi đi qua khu công viên Lam Sơn, lúc này đã được phá

sạch, chỉ còn vài cây cổ thụ cao lêu nghêu bên cạnh "công trường" đang làm, dường như hàng cây đứng chờ giờ hành quyết như các "đồng nghiệp" của nó đã bị đốn hạ vài hôm trước. Các bác thợ quần áo xanh, dây đeo chằng chịt đã và đang dọn dẹp cho công trường trống rỗng.

Tác giả thẫn thờ đứng nhìn công trường Lam Sơn đang bị phá bỏ

Chắc hẳn bạn còn nhớ ngay cạnh đó là góc bùng binh Nguyễn Huệ - Lê Lợi còn là nơi tổ chức đường hoa vào dịp Tết. Gia đình nào chẳng một lần kéo nhau đi giữa đường hoa với tâm trạng rộn ràng của một ngày hội hoa xuân. Từ năm nay sẽ mất hẳn, chẳng bao giờ thấy bóng dáng mùa xuân ở đây nữa. Cuối cùng, tôi trở lại nơi mà lần đầu tiên tôi đặt chân lên TP Sài Gòn. Tôi đã nhảy xuống xe GMC ở đây, đúng nơi này, phía sau Nhà Hát Thành Phố, bây giờ là trụ sở của Tổng Công Ty Cấp Nước của TP. Mặt đường nhựa chẳng có gì thay đổi, nó cũng nhẵn mòn như những con đường nhựa khác, nhưng với tôi nó là một dấu son đáng nhớ nhất trong đời. Vậy mà đã đúng 60 năm rồi sao?

Mai này Sài Gòn sẽ còn mất đi nhiều thứ nữa như vòng xoay trước cửa Chợ Bến Thành, một biểu tượng mà bất cứ ai đã đến Sài Gòn dù chỉ một lần cũng không thể nào quên. Đó là những thứ sẽ mất đi để làm tuyến metro số 1 Bến Thành - Suối Tiên. Chúng ta sẽ mất đi nhiều di tích xưa cũ. Sài Gòn sẽ đổi khác rất nhiều, để lại trong người Sài Gòn, dù ở đâu, cũng thấy cảm thấy một nỗi bùi ngùi, nhớ tiếc. 60 năm Sài Gòn, hồn ở đâu bây giờ?

Văn Quang

VUÔNG GÓC

Trân Như Xuyên

khi khởi đầu cuộc đời nơi đó
tập làm quen gió lạnh mùa đông
tập từ cái đi, tập cái đứng
tập cả làm quen với góc vuông

có một thời làm ta vẫn nhớ
lá thông xanh mái tóc em buồn
tình em như đóa hoa mới nở
đã tàn đi chưa kịp nụ hôn

rồi cũng thảnh thơi ra phố chợ
hoa đào, Xuân đã đến rồi ư?
đôi má ai hồng mà cứ ngỡ
vai áo mình hay đôi má kia.

chiều về xe lăn xa rời bến
mùa xuân ta bỏ ở sau lưng
nào có biết đâu, em bẽn lẽn
nhặt vội mùa xuân cất vào lòng

mùa đông mây phủ ngang Đồi Bắc
có tin anh ngã xuống buồn không
chiếc hòm anh nằm thật vuông góc
lá cờ phủ trên cũng góc vuông

thôi thì mai có về qua phố
mười năm làm quên mất nụ cười
em về tìm lại mùa xuân cũ
thì ra mùa xuân đã qua đời

đành gửi mùa xuân vào nỗi nhớ
ru em là một cõi tình sầu
bước đi mà thì thầm với gió
thôi anh hãy vuông góc thiên thu.

Tiểu Đoàn 34 BĐQ Rời Bỏ Cao Nguyên

Cao Văn Tiếm K26

Rượu nồng cạn chén mềm môi
Nghe vang tỳ khúc bồi hồi ruổi dong
Say nơi chiến địa cười ngông
Làm thân chinh khách đừng mong ngày về
.....
Cụng nắp bi đông chút rượu nồng
Chợt nghe hành khúc hát trong lòng
Ngất ngưởng hơi men cười chiến địa
Biết đâu còn mất để mà mong!
....
Người còn người mất cuộc tang thương
Ôm mối hờn vong luống đoạn trường
Chung rượu ngày nay đâu tiếng hát?
Sa trường ngày cũ hận còn vương!

Trở về còn lại chút tàn hơi
Nghễng ngãng men say hận ngập trời
Cất tiếng cười vang lòng đau xót
Còn gì?- kỷ niệm đã mù khơi!

Bốn mươi năm qua, nói về cuộc "rút lui chiến lược" rời bỏ Cao Nguyên vào tháng 3 năm 1975, đã có nhiều bài viết của nhiều người. Thường những tác giả là những người có cấp bậc cao, có trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp trong cuộc "lui binh", và vì thế họ có "đủ thẩm quyền" để viết về toàn cảnh và khá chi tiết. Những bài viết ấy cũng tạm đủ để người đọc có cái nhìn tổng quát trước, trong và sau cuộc di tản trên đường 7B. Những ngày tháng ấy tôi chỉ là một sĩ quan cấp thấp với vị trí là một Đại Đội Trưởng, chỉ nhận lệnh và thi hành, nên không hề biết những trù tính, kế hoạch rút lui của các cấp chỉ huy có thẩm quyền. Vì vậy, tôi chỉ xin kể lại câu chuyện mà tôi đã trực tiếp trải qua và những cảm nhận khi cùng Tiểu Đoàn 34 BĐQ của mình trong cuộc hành trình rời núi rừng Cao Nguyên về miền xuôi trong máu và nước mắt…

Đúng ra, người có đủ tư cách và dữ liệu để kể lại lần xuống núi "đoạn trường" nầy của TĐ34 BĐQ là Thiếu Tá Trịnh Trân, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 34 BĐQ, K20 Võ Bị Đà Lạt, cấp chỉ huy trực tiếp, và cũng là người khóa đàn anh mà tôi vô cùng kính phục. Song tôi cũng cố gắng tìm trong trí nhớ để ghi lại, để nhớ về những kỷ niệm của cuộc đời quân ngũ ngắn ngủi của mình, hoài niệm về những ngày tháng hoàng hôn của cuộc chiến…!

Ngày 18 / 01/1974, K26 mãn khóa rời Trường VBQGVN cho đến ngày mất nước 30/4/1975, tính ra có một năm ba tháng mười hai ngày. Riêng những người chọn binh chủng BĐQ, khi ra trường còn phải đi học khóa Rừng Núi Sình Lầy, đi thực tập ở đơn vị tác chiến, nghỉ phép… thành ra, thời gian tác chiến của K26 chọn binh chủng Mũ Nâu cũng chẳng được bao lâu. Riêng tôi, do lúc đi thực tập, bị sốt rét, nằm điều trị tại Quân Y Viện Qui Nhơn một tháng và về nhà nghỉ phép dưỡng bệnh một tháng, vì vậy tôi thực sự về đơn vị, cầm quân chiến đấu chỉ vỏn vẹn có chín tháng mười ngày. Mặc dù với thời gian ngắn ngủi ấy, nhưng cũng đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm vui buồn của đời lính chiến, đặc biệt là khoảng thời gian tôi cùng TĐ 34 thuộc LĐ 6 BĐQ mở đường 7B

để dẫn quân dân cán chính của các tỉnh cao nguyên di tản từ Kontum - Pleiku xuống Tuy Hòa, về Sài Gòn…

Những tháng cuối năm 1974, Liên Đoàn 6 BĐQ được điều lên Kontum, Tiểu Đòan 34 đóng quân tại Konsatiu. Lúc ấy tôi là Đại Đội Phó Đại Đội 2 của Tiểu Đoàn. Nơi đây ban đêm có thể nhìn thấy ánh đèn của từng đoàn xe Molotova của Cộng quân di chuyển trên triền núi ở phía xa. Tuy vậy, khu vực đóng quân của chúng tôi vẫn yên tĩnh. Trên trời, hàng ngày máy bay L19 vẫn bay để tìm Sư Đòan 10 và 320 của Việt cộng và thường liên lạc không lục với các đơn vị ở mặt đất, vì có tin tình báo là Cộng quân sẽ tấn công Kontum. Bất ngờ đến ngày 10/3/1975 được tin Cộng quân tấn công Ban Mê Thuộc. Sau đó là tin Ban Mê Thuộc thất thủ.

Vào khoảng 8 giờ sáng ngày 15/3/1975, Đại Đội 2 nhận lệnh chuẩn bị bàn giao vị trí. Tất cả chuẩn bị sẵn sàng và nằm tại chỗ chờ đợi đơn vị bạn. Gần một giờ sau, Tiểu Đoàn cho lệnh mới "**Hủy bỏ lệnh cũ** (chờ đơn vị mới đến bàn giao). **Lệnh mới cho Đại Đội 2 rời vị trí đến tập trung tại tọa độ XY**…". Đến trưa thì Tiểu Đoàn đã tập trung đầy đủ. Thiếu Tá Trịnh Trân gọi tôi đến trình diện và bảo:

- Alfa và Bravo của thằng 4 "yếu qúa"! Bây giờ anh về làm Alfa của thằng 4.

- Nhận rõ 45!

Tôi từ giã Alfa Đại Đội 2, các anh em Hạ sĩ quan và binh sĩ Đại Đội 2. Các anh em bịn rịn đượm buồn. Có vài anh em đề nghị:

- Ông thầy xin 45 cho tụi em theo ông thầy qua Đại Đội 4 với!

Tôi cảm động trước tình cảm anh em thuộc cấp đối với mình. Dù gì thì từ ngày ra nhận đơn vị làm Trung Đội Trưởng cho đến bây giờ, trải qua thời gian cùng nhau đồng cam cộng khổ sống chết có nhau, nên lúc chia tay làm sao không quyến luyến bùi ngùi cho được.Tôi an ủi:

-Tôi cũng ở trong Tiểu Đoàn của mình thôi, chứ có đi đơn vị khác đâu. Mình còn gặp nhau nhiều mà ! Đừng buồn!

Tôi qua Đại Đội 4 nhận bàn giao của Đại Đội Trưởng tiền nhiệm. Sau khi nhận bàn giao xong, các anh em Đại Đội 4 xúm quanh chào mừng:

- Chào Trung Úy ! Vậy là từ nay Trung Úy là Alfa của Đại Đội 4. Tụi em nghe tiếng của Alfa lúc còn ở bên Đại Đội 2.

- Nghe tiếng sao? Tôi hỏi. *- Alfa rất hiền, thương lính như anh em, gan dạ, nhưng cũng rất nghiêm khắc và "sắt máu".*

Tôi nửa đùa nửa thật:

- Đừng ca ngợi bây giờ, sau đó thất vọng. Hãy sống - chiến đấu cùng nhau, sau đó nhận định cũng không muộn.

Một anh đem bi đông rượu ra và nói:

- Tụi em mời ông thầy vài chung nước mắt quê hương gọi là chào mừng ông thầy về làm Alfa Đại Đội 4.

Tôi bưng ly rượu lên, và nói:

- Chào các anh em! Chúc các anh em luôn mạnh khỏe, nhiều may mắn. Hy vọng chúng ta xem nhau như là anh em một nhà cùng nhau đồng cam cộng khổ, sống chết có nhau.

-Tụi em xin hứa với ông thầy: Tụi em sẽ không đứa nào đào ngũ cho đến khi Alfa rời khỏi đơn vị này. Thầy đâu trò đó. Sống thì cùng sống, chết thì cùng chết!

Và tôi vững tin là lính của tôi sẽ không đào ngũ cho dù trong hoàn cảnh nào, vì đã uống rượu và đã hứa, lời hứa như một lời thề. Cũng chính lời hứa này mà sáng ngày 28 tháng tư năm 1975 ở Rạch Chanh, Thủ Thừa, Long An thầy trò ở CB Đại Đội vừa chết vừa bị thương gần hết. Riêng tôi thì may mà chưa chết, chỉ để ruột ra bên ngoài…

Trở lại lúc bấy giờ, thầy trò đang vui vẻ thì có lệnh lên xe di chuyển. Đến 8 giờ tối thì Tiểu Đoàn cùng với Liên Đoàn đến Hàm Rồng. Khi đi ngang phi trường Pleiku vẫn còn thấy máy bay, nhưng vắng vẻ không một bóng người, có lẽ họ đã đi trước hết rồi. Sau đó các Đại Đội Trưởng được lệnh lên Tiểu Đoàn để nhận lệnh. Tiểu Đoàn Trưởng trải rộng bản đồ và nói:

-Tổng Thống ra lệnh bỏ Cao Nguyên về bố trí cố thủ đồng bằng. LĐ 6 BĐQ là đơn vị đi trước mở đường. Liên Đoàn giao cho TĐ 34 đi đầu cùng với một Đại Đội Công Binh và một Chi Đoàn M113. Tiểu Đoàn giao Đại Đội 4 của Trung Úy Tiếm mở đường.

Tiểu Đoàn Trưởng chỉ trên bản đồ và nói:

-Chúng ta sẽ đi đường7B. Con đường này gần 20 năm không còn sử dụng để tạo bất ngờ cho địch. Vì đã lâu không sử dụng nên đường có thể bị cây rừng che bít, Đại Đội Công Binh có nhiệm vụ đi trước khai quang, làm cho đường trống trải. Tất cả về Đại Đội bố trí phòng thủ kỹ lưỡng, ngày mai khi có lệnh sẽ lên đường. Còn ai có điều gì cần hỏi hay có ý kiến gì không. Nếu không, thì ai về lo nhiệm vụ nấy.

Sau khi nhận lệnh, tôi nghĩ thầm: Biết thân này còn về tới Sài Gòn không. Thôi kệ, sống chết có số mà! Hơn nữa, là ĐĐT của đại đội đi đầu cuộc triệt thoái, tôi thấy một gánh nặng đang đè trên vai và không có nhiều thời giờ để suy nghĩ vẩn vơ nữa,..

Sáng sớm hôm sau, Tiểu Đoàn di chuyển bằng quân xa. Từ Hàm Rồng theo Quốc Lộ 14, đến ngã ba Tam Thanh của quận Chư Sê thì vào đường 7B. Đoạn đường này còn khá tốt, mặt đường vẫn còn nhựa. Nhiều đoạn cây rừng mọc san sát, cành lá che kín cả đường. Khoảng 8-9 giờ sáng Tiểu Đòan đến Phú Bổn. Đơn vị dừng lại liên lạc với Tiểu khu Phú Bổn, nhưng không được. Hình như quan chức Phú Bổn đã đi trước (?). Lúc này dân và quân từ Pleiku, Phú Bổn đang đi theo sau đơn vị. Tiểu Đoàn cung cấp cho các Đại Đội bản đồ mới và đi tiếp.

Một thời gian ngắn sau đó thì Tiểu Đoàn đến địa phận Cheo Reo và tiến qua đèo Tu Na. Đường đèo quanh co uốn lượn, nên đoàn xe di chuyển chậm. Một bên là vách núi, một bên là thung lũng với cây rừng thẳng đứng mọc rải đều như có người trồng. Theo triền thung lũng cỏ xanh trải thảm tận dưới khe sâu. Sương trắng vẫn còn lãng đãng bên dưới trên những ngọn cây. Một phong cảnh thật đẹp và hữu tình. Một tấm bảng lớn đề “Thung Lũng Hồng”. Một người lính ngồi kế bên tôi chỉ tay xuống thung lũng và nói:

- Alfa xem! Thật là đẹp và thơ mộng. Có “bồ” dẫn đi ở đây thì tình biết mấy!

Tôi cười và nói:

- Đẹp và thơ mộng thật! Nhưng nếu Việt Cộng phục kích ở đây thì “Thung Lũng Hồng ” thành “Thung Lũng Đen” và thầy trò mình không có đường chạy thoát. Mình qua rồi, vì bất ngờ nên Việt Cộng chưa chặn kịp. Không khéo những đơn vị đi sau mình bị tụi nó chặn đánh ở đây thì mệt lắm.

Tiểu Đoàn qua khỏi đèo Tu Na về đến Hậu Bổn thì dừng lại. Đoạn này trở đi đường xấu hẳn, không còn tí nhựa nào, đất đá lởm chởm. Đại Đội 4 đóng quân ở cánh rừng ven đường giữ an ninh cho đoàn di tản. Rừng thuộc loại rừng già, cây to và cao không có cây con nên rất thoáng, nhưng trên cao những tàng lá đan nhau che kín bầu trời. Bố trí quân xong thì khoảng 5giờ chiều, tôi ngồi dựa lưng vào một thân cây to, suy nghĩ mông lung... Bỗng một tiếng “ T..ố..ố..ố..ố…h..ộ..ộ..ộ…” thật to làm tôi và các anh em binh sĩ giật mình. Thầy trò còn đang ngơ ngác thì cả khu rừng vang lên tiếng “tố hộ” đều khắp. Thì ra là tiếng của bầy công gáy

chiều. Đưa mắt nhìn lên ngọn cây chẳng thấy bóng dáng con công nào. Có lẽ cái cây mà tôi đang ngồi dưới gốc là cây to và cao nhất. Con công trên ngọn là con công chúa đàn, nên khi nó gáy xong là cả bầy đồng gáy lên một lượt nghe vang cả khu rừng. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi mới nghe công gáy. Tiếng gáy thật rõ, thật to và vang rền cả khu rừng già…

Sáng hôm sau, hay tin là các đơn vị đi phía sau bị Việt Cộng chặn đánh tại đèo Tu Na, Thung Lũng Hồng, và bị tổn thất rất nặng. Nỗi lo sợ của tôi hôm qua nay đã thành sự thật, vì vị thế đèo này là hiểm địa. Trước mặt Đại Đội, trên đường là đoàn người di tản. Bây giờ tôi mới có thì giờ quan sát kỹ đoàn di tản. Hàng trăm, thậm chí hàng ngàn xe cộ đủ loại: xe quân đội, xe khách, xe cam nhông, xe gắn máy, xe đạp… nối đuôi chen chúc nhau nhích từng chút một. Không biết bao nhiêu xe vì hết xăng, bể bánh, hư… bị vất nằm im lặng chơ vơ trên đường, vô tình làm vật cản đường của đoàn xe và người di chuyển. Còn người đi bộ thì đông vô số, dân thường già trẻ bé lớn nhếch nhác, tơi tả… dắt dìu nhau, hòa lẫn các sắc lính rời bỏ đơn vị, tan hàng đi trên đường. Tiếng kêu khóc, gọi nhau ơi ới, mẹ lạc con, vợ lạc chồng, bà lạc cháu… hòa với tiếng máy xe, khói bụi…tạo thành một thứ âm thanh hỗn độn, một quang cảnh rối ren và thê thảm. Thỉnh thoảng đâu đó vài loạt đạn của bọn du kích trong rừng bắn vào đoàn người di tản, hay vài ba trái cối từ rừng bắn ra. Mỗi lần như thế thì có máu đổ, người bị thương hoặc chết. Thật đau thương và hãi hùng! Tội nhất là những người già, trẻ nhỏ vất vả vì nắng gió, đói khát bơ phờ, nhiều người kiệt sức. Một đứa bé rời tay mẹ chạy lại bên lề bốc một nắm cơm thiu đã lên meo mốc mà ai đó đã bỏ ở bên đường, ăn lấy ăn để. Mẹ nó chạy lại ôm con khóc ngất : "*Tội nghiệp con tôi!*", tiếng kêu vừa đau thương vừa uất nghẹn! Một đứa bé gái độ 11-12 tuổi, nằm trên tay một phụ nữ và bà già, chắc là mẹ và bà của bé. Mình bé nhuộm đỏ máu tươi, hai mắt nhắm nghiền. Người phụ nữ và bà già gào khóc kêu "con hỡi con ơi!" Một chị còn trẻ, người xanh xao yếu ớt, bồng một hài nhi còn đỏ hỏn được quấn bằng một tấm khăn lông đã bám đầy bụi đất, nằm bên một chiếc xe khách mắt nhắm, máu ướt đỏ cánh tay. Anh chồng cũng bị thương, kêu khóc thảm thiết vì nghĩ vợ con mình đã chết. Nhìn những cảnh ấy tôi thấy tim mình se thắt lại, nước mắt chực trào ra!Tôi gọi anh y tá của Đại Đội và vài người lính đứng kề bên chạy ra xem xét vết thương của những người bị

thương. Hỏi ra thì được biết cháu gái bị bắn đạn xuyên cạnh sườn, còn chị ôm con nhỏ mới sinh được ba ngày thì chạy giặc. Hai vợ chồng bị mảnh pháo của Việt Cộng văng trúng. May là những người bị thương không chết, chỉ vì đói khát, mất máu nên bị mệt lả. Tôi lại gọi những anh em binh sĩ khác dùng poncho nối nhau làm thành một cái lều lớn ven đường, đem cơm sấy, thịt hộp và nước uống cho dân nghỉ tạm và ăn uống. Y tá của Đại Đội đến xem từng người bị thương, rửa vết thương băng bó lại, chích thuốc, cho họ ăn uống và rồi họ dần dần hồi tỉnh. Khi họ tỉnh và khỏe lại, tôi tìm xe còn trống và gửi họ đi, trong lòng thầm vái van cho họ được bình yên về tới Sài Gòn. Nhưng đường đi còn xa dịu vợi, đạn lạc bom rơi, sự hiểm nguy đang chực chờ trước mặt, không biết họ có về đến nơi bình an không?...

Cảnh xe cộ nối đuôi nhau (ảnh internet)

Một người lính nói với tôi :

- Alfa! Nếu tiếp tục cho dân ăn, mình sẽ không còn lương thực nữa đâu.

Tôi lo cứu dân mà quên lính mình, nhưng không lẽ thấy dân sắp chết mà không cứu. Tôi suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Nếu mình có gạo thì không lo.

Một người lính khác nhanh nhẩu đáp:

- Hình như cách mình vài trăm thước có xe lô bồn chở gạo nằm dọc đường.

Tôi như người sắp chết chìm, vớ được phao:

- Ở đâu?

Tôi nhìn theo tay chỉ của người lính, thấy đàng xa có xe lô bồn trên chất nhiều bao màu trắng. Tôi ra lệnh:

- Vài anh em mang theo súng đạn yểm trợ nhau vác vài bao đem về đây.

Một lát sau thì các anh vác về ba bao gạo. Một anh nói:

- Bây giờ mình phải đi lấy nước ở suối phía sau mình cách khoảng 3-4 trăm thước.

Tôi dặn dò anh em đi nhớ mang vũ khí và cẩn thận, dù mình có chốt gác ở phía đó. Bỗng một người lính khác nói:

- Đã có gạo rồi, không lẽ chỉ ăn cơm trắng không sao Alfa? Đồ hộp của mình thì đâu có nhiều!

- Chứ làm sao bây giờ! Tìm đâu ra thức ăn! Có cơm cũng quý rồi, tôi nói. *Thôi thì, cứ ăn cho no bụng mà còn sức để đi tiếp. Không có thức ăn cũng không sao.*

Thấm thoát mà trời đã ngả về chiều. Tôi thấy một vài chiếc M48, một số các anh em binh sĩ ngồi trên xe với dáng vẻ mệt mỏi thiểu não. Khi chạy ngang, chúng tôi vẫy tay chào, các anh em ngồi trên xe chào lại, nhưng gương mặt anh nào cũng buồn thiu. Có lẽ đây là những xe và anh em may mắn thoát được từ trận đánh ở đèo Tu Na chăng? Một chiếc xe jeep chạy qua, trên capot xe để một xác người quấn poncho nằm ngang. Chắc là đồng đội không nỡ bỏ anh ở lại. Tôi nhìn mà thấy chạnh lòng!

Đại Đội được lệnh di chuyển. Chúng tôi thúc giục bà con sớm lên đường.

Khi gặp tôi, Thiếu Tá Trân ra lệnh:

- Alfa có nhìn thấy ngọn núi phía trước, bên phải không? Chúng ta đi với đoàn di tản một đoạn phía sau, lúc ngang gần ngọn núi thì Alfa cắt rừng đưa Tiểu Đoàn lên ngọn núi ấy. Tối nay mình ém quân ở trên đỉnh. Dưới chân thì có thiết giáp phòng thủ. Phải tuyệt đối giữ im lặng. Lên đỉnh trước khi trời tối.

- Nhận rõ 45.

Đang đi trên đường khi đến gần ngang với ngọn núi, tôi cho Đại Đội âm thầm rẽ vào rừng, cắt rừng nhắm thẳng núi đi tới, Tiểu Đoàn nối bước theo sau. Đến gần tối thì Tiểu Đoàn đã lên đến đỉnh núi.Tiểu Đoàn Trưởng ra lệnh cho các Đại Đội bố trí phòng thủ, chuẩn bị thật kỹ lưỡng, nhưng tuyệt đối không được gây tiếng động, không có ánh lửa hoặc ánh đèn. Có thể, tối nay Việt Cộng

sẽ tấn công. Đại Đội 4 phòng thủ hướng phía đường. Núi này toàn là đá và cây to, nên binh sĩ chỉ còn cách tìm hốc đá làm hố cá nhân.

Đúng như cảnh báo của Tiểu Đoàn Trưởng, đến khuya thì nghe bên dưới chân núi tiếng súng nổ đều, nhất là lực lượng thiết giáp dưới chân núi có hỏa lực hùng hậu nên bắn rất dữ. Trên đỉnh núi nhìn xuống đạn lửa đỏ xanh đan nhau khắp cả một vùng. Lúc ấy, tôi mới nhận biết rõ ý định của Tiểu Đoàn Trưởng. Vì biết địch đã bám sát và sẽ tấn công mạnh để tiêu diệt các lực lượng của ta, nên cho Tiểu Đoàn lên đỉnh núi sẽ an toàn hơn và nhất là bảo toàn được lực lượng. Gần sáng thì tiếng súng thưa dần và dứt hẳn. Chưa biết các lực lượng bên dưới tình hình ra sao.

Sáng ra, tôi được lệnh mở đường dẫn Tiểu Đoàn xuống núi, nhưng không được để lại dấu vết. Mở bản đồ ra xem thấy phía sau núi có một con suối bắt nguồn từ một đỉnh yên ngựa chảy xuống. Để xóa dấu vết lại vừa kín đáo hay nhất là lội ngược dòng suối đi lên đỉnh yên ngựa . Tôi báo lại Tiểu Đoàn Trưởng, Thiếu Tá Trân đồng ý. Đại Đội 4 đi đầu mở đường. Cả Tiểu Đoàn lội ngược dòng suối. Khoảng 9 giờ sáng thì Tiểu Đoàn lên đến đỉnh yên ngựa. Lúc này Thiếu Tá Trân gặp Đại Đội 4 trên đỉnh, thấy Thiếu Úy N. là Đại Đội Phó của Đại Đội 4. Thiếu Úy N. là Bravo cũ từ ngày tôi làm Trung Đội Trưởng của Đại Đội 2, bèn hỏi:

- N.! anh cho biết điểm đứng của mình hiện giờ ở chỗ nào trên bản đồ?

Thiếu Úy N. loay hoay với bản đồ một hồi rồi đọc tọa độ. Tôi cười và Thiếu Tá Trân thì nói như quát:

- Anh chấm điểm đứng sai cả cây số. Nếu gọi pháo binh chắc bị bắn vô đầu.

Nói xong , ông bèn quay sang tôi, nói:

- Bravo thì chấm sai cả cây số, còn Alfa thì chấm thử coi.

Tôi nghĩ 45 đang kiểm tra mình đây. Tôi cũng đã bị kiểm tra về địa hình khi ra trình diện Đại Đội 2. Alfa Đại Đội 2 lúc ấy là Trung úy Hoàng Văn Giai, K24 Võ Bị Đà Lạt. Trước khi cho tôi làm Trung Đội Trưởng, Alfa Giai đưa bản đồ và địa bàn cho tôi và hai Chuẩn Úy về Đại Đội cùng với tôi, rồi chỉ mấy ngọn núi xa xa ở hướng mật khu An Lão, rồi bảo:

- Các anh chấm xem mấy ngọn núi đó nằm ở nơi nào trên bản đồ.

Chỉ sau ít phút tôi đã chấm xong và đưa cho Alfa Giai xem. Khi xem xong bản đồ của cả ba người, Alfa Giai nói:

- Ngày mai Tiếm ra nắm Trung Đội, còn hai anh ở lại Đại Đội tôi huấn luyện thêm ít ngày, rồi ra trung đội sau.

Bài học về địa hình hồi còn ở Trường Võ Bị mà HLV địa hình, Đại Úy Nguyễn Văn An, CSVSQ K21, đã ưu ái đặc biệt dạy cho K26 bây giờ thấy thật hữu dụng. Đi hành quân không cần xem bản đồ mà vẫn biết mình đang đứng ở đâu (Còn tặng SVSQ K26 mỗi người một cuốn "Cẩm Nang Địa Hình" bỏ túi khi ra trường).

Tôi đọc tọa độ điểm đứng xong. Bây giờ mới nhìn ngọn yên ngựa này. Trên đỉnh gần như không có đá và cây, cỏ mọc cao gần đến thắt lưng. Bỗng thấy cỏ bị đè rạp sát đất thành một con đường rộng chừng 4 mét. Tôi chỉ Thiếu Tá Trân xem. Ông nói:

- Như vậy hôm qua hoặc hồi hôm, Việt cộng đã chuyển quân qua đây với một lực lượng rất đông ra đường, đón đầu chặn đánh các lực lượng của mình.

Tiểu Đoàn tiếp tục xuống núi, xuyên rừng, đi tắt nhanh ra đường để theo đoàn di tản.

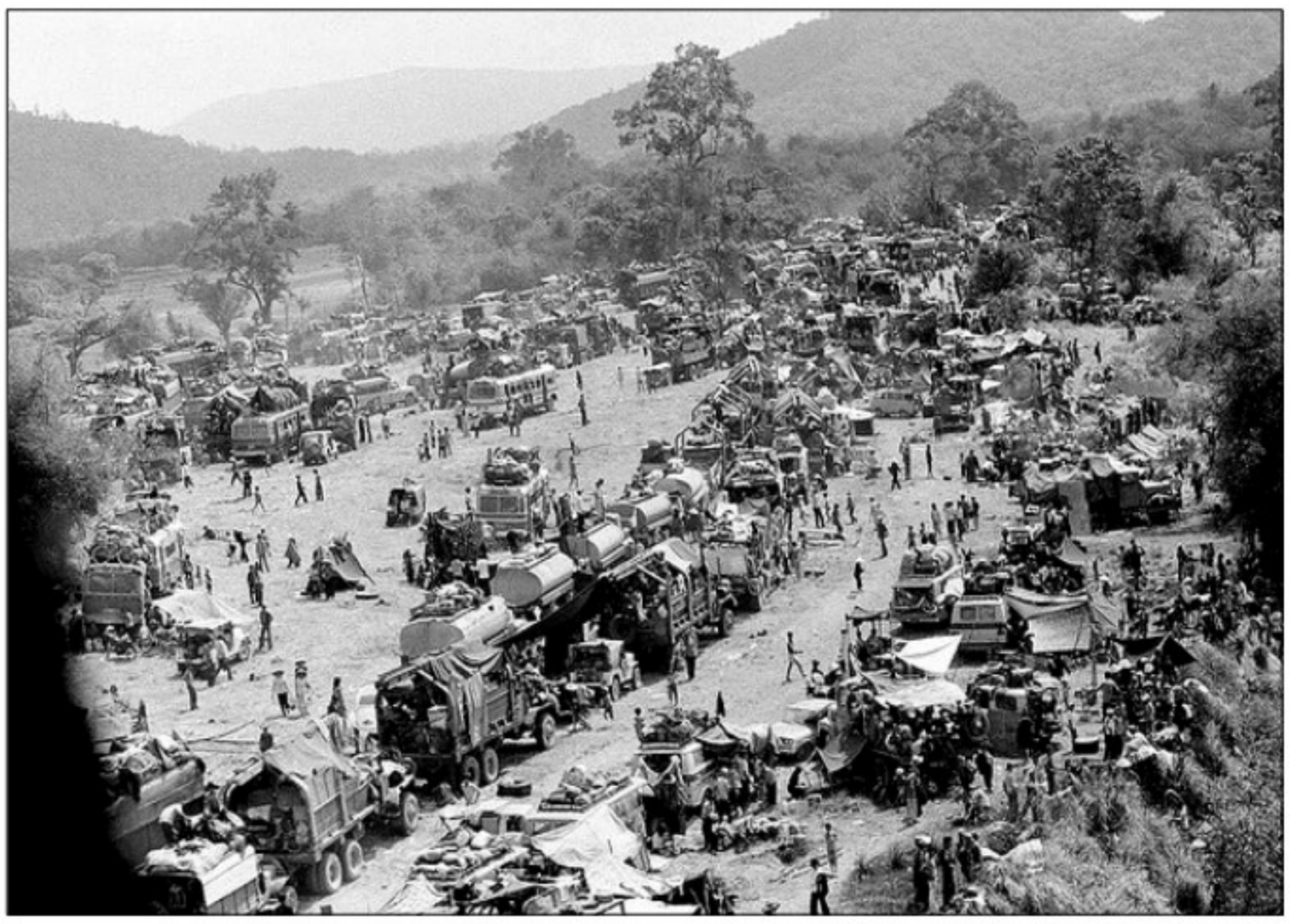

Một quang cảnh của đoàn di tản (ảnh internet)

Lúc này thì đoàn di tản càng đông, nhất là lính tan rã đơn vị, gần như người nào cũng mang vũ khí. Tôi đã nghe chuyện lính bị tan rã đơn vị, một số làm loạn cướp bóc… bắn giết ở một số nơi. Tôi ra lệnh cho lính của Đại Đội 4:

- Nếu gặp những trường hợp lính làm loạn thì bất cứ người nào cũng được quyền bắn bỏ, bất kể là quan hay lính và bất kể là binh chủng nào, ngay cả lính của đơn vị mình.

Khi ra tới đường, Tiểu Đoàn tìm được một số xe cam nhông trống để đi. Đang đi, thì cả đoàn người bỗng dừng lại. Hỏi dân, thì được biết phía trước có chốt của Việt Cộng. Tôi bèn hô lớn:

-Tất cả hảy nhường đường cho Tiểu Đoàn 34 lên đánh chốt.

Tức thì xe cộ và người dạt ra hai bên, mở một con đường trống. Đại Đội 4 đi lên trước và Tiểu Đoàn tiếp theo sau. Lên đến phía trước thì thiết giáp M113 cũng đã có mặt. M113 bên trái, Đại Đội 4 bên phải đồng tiến lên. Chỉ loạt đạn đầu thì Việt Cộng đã bỏ chạy biến vào rừng. Đây có lẽ chỉ là đám du kích địa phương ra cản đường, làm chậm bước tiến của đoàn di tản để chờ chính quy của chúng đến(?). Do đó, khi thấy M113 và BĐQ thì chạy thục mạng.

Đoàn di tản lại tiếp tục đi, Tiểu Đoàn 34 đi đoạn hậu. Quãng đường này lâu lâu lại có một cái chốt. Cứ mỗi lần như thế, Đại Đội 4 và Tiểu Đoàn 34 lại vượt lên ủi chốt. Cũng chỉ là những cái chốt do du kích hay quân cơ động địa phương của chúng. Việt Cộng nghĩ rằng với một lực lượng nhỏ cũng có thể chặn được đường đi của đoàn người di tản hỗn độn, để cho quân chủ lực của chúng bám theo hay chặn đường để tiêu diệt lực lượng của ta. Chúng không ngờ, trong đoàn người di tản ấy có một Tiểu Đoàn BĐQ còn nguyên lực lượng, lại có cả Thiết Vận Xa M113 yểm trợ làm nhiệm vụ "hộ tống" cho đoàn di tản. Vì vậy khi giáp mặt, chúng nhanh chóng đánh bài chuồn vào rừng, rồi chỉ còn quấy phá bằng cách bắn cối hoặc súng trường vào đoàn di tản, gây cảnh thịt rơi máu đổ cho dân thường!

Phải thành thật mà nói, đi trên con đường nhiều hiểm nguy, vất vả, đói khát, chết chóc này, đoàn người di tản chỉ còn một điểm tựa duy nhất là Tiểu Đoàn 34 BĐQ. Vì vậy khi bị chặn bởi Việt Cộng hay bị trục trặc không đi được là họ báo cho hay và tự động nhường đường cho Tiểu Đoàn 34 vượt lên trước để giải quyết...

Và cứ thế. đoàn người, xe tiếp tục đi. Đoàn xe và người này, chỉ là một phần nhỏ của hàng trăm ngàn dân và quân đang trên đường di tản, đã cùng với Tiểu Đòan 34 may mắn thoát khỏi sự truy kích và truy sát của Việt cộng, vì vậy ít bị thương vong. Ngồi trên xe nhìn đoàn người khổ sở tả tơi mà tôi nghe lòng mình nặng trĩu một nỗi buồn thương cảm. Chiến tranh bao giờ cũng gây cảnh chia lìa, mất mát, chết chóc, điêu tàn...,

Chính bọn vô thần quỷ đỏ vì tham vọng thống trị, cúi đầu làm tay sai cho Cộng Sản Quốc Tế đã gây ra cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn này! Chúng tôi, những người lính VNCH, vì phải bảo vệ nền tự do nhân bản cho miền Nam nên buộc phải cầm súng chiến đấu. Nhưng hỡi ơi! Giữa cảnh hỗn loạn này, Tiểu Đoàn 34 như một dũng tướng đơn thân độc mã, lúc lên đầu phá chốt mở đường, lúc xuống sau âm thầm cản hậu.

Đang suy nghĩ miên man, bị cú nhồi sốc của chiếc xe cam nhông đang di chuyển làm tôi sực tỉnh. Một lúc sau thì đoàn người dừng lại tại Sông Ba. Lên phía trước tôi thấy công binh đang bắt cầu phao để vượt sông Ba. Cầu phao đã bắt được hơn hai phần chiều ngang sông. Thiếu Tá Trân ra lệnh cho đơn vị lên M113 lội qua sông. M113 của Đại Úy Hội thật giỏi. Trên đường đi tôi không lúc nào thấy bóng dáng của Thiết Vận Xa M113 ở đâu, nhưng mỗi lần tôi lên phía trước thì đã thấy những chú cua sắt có mặt tại chỗ. Tiểu Đoàn cỡi cua sắt qua sông, khi vào gần đến bờ bên kia thì từng loạt súng AK bắn ra. Thì ra bọn Việt Cộng chờ sẵn bên nầy bờ sông. Những khẩu đại liên 50 của Thiết Vận Xa liền đồng loạt nhả đạn cùng với hỏa lực của lính Tiểu Đoàn. Đạn bay rào rào hướng vào bờ như rải cát. Khi những con cua sắt M113 chở binh sĩ vào gần sát bờ thì chúng bỏ chạy vô rừng, bỏ lại những vết máu và công sự ẩn núp. Tiểu Đoàn cùng với M113 lên bờ và chốt giữ an ninh bên này sông cho công binh làm cầu và đoàn người di tản qua sông.

Cầu phao qua sông Ba (ảnh internet)

Khi đoàn di tản qua sông an toàn, thì Tiểu Đoàn cũng lên đường. Vào khoảng 23.03.75 thì đơn vị vào địa phận Sơn Hòa. Đường 7B từ đây còn tốt, nên đoàn di tản đi khá nhanh. Khi qua khỏi ngã tư Suối Bạc thì được tin Việt Cộng đóng chốt ở Củng Sơn bằng lực lượng chủ lực của chúng với ý định là không để lực lượng nào của ta thoát khỏi về Tuy Hòa. Tất nhiên Tiểu Đoàn 34 phải nhổ cho được cái chốt này. Nếu đi về Tuy Hòa thì chốt của chúng nằm bên trái con đường. Chúng phục trong một cái làng toàn rẫy bắp cao khỏi đầu người dọc dài theo đường gần hai cây số. Trong làng có nhiều cây, nhất là bờ tre và dừa. Phía trong xa cuối làng có một con sông. Bên phải chạy dọc theo đường là một con kinh đào dẫn nước rộng khoảng gần một chục mét. Qua kinh là đồng ruộng trống. Hết cánh đồng ruộng có một ngọn núi. Chúng đặt sơn pháo, cối 82 ly và súng 12ly8 trên ngọn núi này để yểm trợ cho chốt bên phải khống chế

con đường. Khi còn cách làng khá xa đoàn di tản dừng lại. Đại Đội 4 v ẫn ti ếp t ục v ới đội hì nh hà ng m ột đi trên đường v ề phía làng.Tiểu đoàn dừng l ại ở xa đàng sau. Khi Đại Đội 4 v ừa ch ạm bìa làng thì đượ c l ệnh t iến đánh ngọn núi phí a bên ph ải, ph ía trong cánh đồng r uộng. Đi theo Đại Đội 4 có Đại Úy Ng uyễn Thành Điểm T iểu Đoàn Phó. Nhìn cánh đồng trơ gốc r ạ trống trơn, tôi suy nghĩ cách nào để vượt qua cánh đồng, tiếp cận được chân núi, không khéo thì Đại Đội ăn sơn pháo và cối của tụi nó. Nếu vào được gần núi hơn thì bị 12 ly 8. Đang suy tính thì phía trước Trung Đội 1 báo:

- Cách vài chục thước có một cái cầu bằng xi măng bắt ngang qua kinh. Mình có thể qua để vào cánh đồng.

Tôi bảo để tôi lên xem. Lúc ấy tôi và Đại Úy Điểm Tiểu Đoàn Phó đang ở Trung đội 2, phía sau trung đội 1. Đại Úy Điểm v ỗ vai tôi và nói:

- Anh thấy Alfa 4 lanh lợi, tháo vác. Được lắm. Nếu kỳ này 45 lên Trung Tá về Liên Đoàn, anh lên thay 45 thì Alfa 4 về làm Trưởng Ban 3 cho anh nhé.

- Cám ơn 44 ! Nhưng nếu ở sau trung đội đầu hoặc nằm núp tôi không quan sát được tình hình phía địch thì không thể điều động được !

-Nhớ cẩn thận, 44 căn dặn.

- Tôi sẽ cẩn thận 44 . Bây giờ 44 ở với Trung Đội 2, tôi lên với Trung Đội 1 đây.

Đại Đội dừng lại và bố trí ven đường trong tư thế sẵn sàng. Tôi đi thẳng l ên T iểu Đội đầu c ủa Trung Đội 1. Trước m ặt l à một cây cầu b ằng b ê t ông b ề ngang c hừng 2 m ét, có l an can ha i bên. Trung Đội Trưởng Trung Đội 1 nói:

- Cho qua cầu nghe Alfa.

- Khoan đã, bây giờ anh cho hai ba đứa bò lại sát chân cầu bên này quan sát thật kỹ xem có mìn bẫy gì không. Nếu không, thì bảo tụi nó tìm một cục đá lớn ném lên cho lăn qua câu xem coi có vướng dây gì không, đề phòng nó giăng dây mìn ngang cầu. Nếu không có gì thì anh lần lượt cho từng Tiểu Đội chạy sang. Tôi sẽ đi với Tiểu Đội đầu của anh. Anh đi với Tiểu Đội sau cùng.

Tôi truyền lệnh cho các Trung Đội phía sau, theo thằng 1 tiếp tục qua c ầu. Khi Đại Đội qu a h ết, tôi cho hai Trung Đội dàn hàn g ngang thưa ra và núp theo bờ rượng. M ột Trung Đội dàn hàn g ngang như vậy, nhưng ở đàng sau giữ hậu.Tôi l ấy ống nhòm

nhìn về phía núi. Thình lình một loạt 12ly8 chát chúa xới tung đất, sát chân tôi. Đệ tử xô t ôi n ằm x uống. Hai l ỗ tai t ôi ng he o..o…muốn điếc. Thì ra nó bắn tôi từ phía sau lưng. Mình tôi phủ đầy bụi đất. Đệ tử nói:

- Nó bắn Alfa. Em xô Alfa, sợ Alfa trúng đạn.

Tôi cười:

- Nếu nó bắn giỏi thì trúng rồi. Mình nghe tiếng súng thì đạn đã tới mình rồi.

- Thì mình tránh được loạt sau Alfa.

- Ừ! Cũng phải.

Tôi ngoái đầu nhìn lại thì thấy bên kia, cách đường gần một trăm mét, trong một bụi cây khói bụi còn bay.Tôi nói:

- Chà ! Nó ngụy trang giỏi thiệt. Lúc trên đường mình nhìn mà không biết. Sao lúc mình còn trên đường nó không bắn mình nhỉ? Bây giờ thì lộ rồi, con chết về tay ông.

Tôi bèn cho tọa độ xin Tiểu Đoàn gọi pháo binh. Thật may còn có pháo binh yểm trợ, chắc pháo bi nh của Tuy Hòa. Chỉ qủa đầu là ngay sát mục tiêu. Tôi xin một tràng. Lùm cây bị che bởi khói và bụi.

Quay lại, tôi điều động Đại Đội theo thế chân vịt tiến về phía núi, cho từng Trung Đội núp theo từng bờ ruộng. Chúng đã thấy chúng tôi tiến về hướng chúng, bèn dùng cối và 12ly8 bắn xuống, nhưng đạn r ớt cách trước m ặt k há xa. T ôi bèn g ọi pháo bi nh d ập t rên đỉnh núi. Chỉ loạt đạn đầu, súng của chúng im tiếng. Cùng lúc đó, thì máy của Tiểu Đoàn gọi.

- Tango, anh quay lại, vòng bìa theo làng về bọc hậu cho tiểu đoàn. Tiếng Thiếu Tá Trân bạch thọai.

- Nhận rõ 45!

Lúc trên đường di chuyển, tôi đã có thắc mắc, nhưng không nói ra, là tại sao 45 l ại cho mình đánh ngọn núi ở trên kia, còn Tiểu Đoàn thì dừng lại cách làng qúa xa để làm gì ?

Thì ra, trong khi Đại Đội 4 tiến về phía làng và chuẩn bị đánh lên ngọn núi ở bên phải. Việt Cộng chắc cũng thắc mắc tại sao tụi này lại đánh lên ngọn núi mà không đánh thẳng vào l àng. Vì vậy mọi chú ý của chúng đều nhắm vào Đại Đội 4. Trong khi đó Tiểu Đoàn cùng với Thiết Vận Xa M113 của Đại Úy Hội â m thầm l ặng lẽ rẽ phải đi về hướng c on s ông s au làng. M 113 c hở Tiểu Đoàn lội sông tiếp cận vào phía s au làng, rồi lên bờ bất ngờ đánh từ phía sau lưng của chúng.

Bây giờ tôi mới chợt hiểu 45 dùng chiến thuật " dương Đông, kích Tây", dùng Đại Đội 4 làm "kỳ binh" để đánh lạc hướng đề phòng của Việt Cộng, rồi dùng "chính binh" bất ngờ đánh tập hậu, cho chúng trở tay không kịp. Bất giác, tôi buột miệng " Niên Trưởng mình giỏi thật!" Nếu a thần phù mà Tiểu Đoàn đánh thẳng trực diện làng từ đường vào thì thế nào cũng bị tổn thất nặng, vì địch thấy ta, còn ta không thấy địch. Địch lợi dụng địa hình quen thuộc cùng với cái rẫy bắp dày đặc như rừng ở phía ngoài đường, đi sâu vào phía trong thì còn có bờ tre, bờ dừa lẫn với các ruộng bắp và nhà cửa làm lá chắn. Thật là một khu vực lý tưởng để chúng bày trận thế đợi ta vào. Nhưng mà chúng không ngờ là chúng bị hố nặng.

Tôi cho Đại Đội quay lại, tiến về phía làng. Khi sắp vào bìa làng, tôi gặp một người dân là một phụ nữ lớn tuổi báo cho biết:

- Sáng sớm hôm nay, một Tiểu Đoàn Địa Phương Quân vào đánh nhưng không thấy trở ra, chắc bị chết hết rồi. Trung Úy cẩn thận. Mấy ổng ở trỏng đông lắm.

Tôi cám ơn người phụ nữ và điều động Đại Đội tiến vào. Khi đi ngang qua bụi cây, chỗ nó đặt súng bắn tôi, thì nhìn thấy một tên VC băng trắng đầu nằm trên băng ca và đã chết. Có lẽ chúng không kịp mang theo. Vào thêm một chút, nhìn rẫy bắp dày kín cao khỏi đầu người, tôi cảm thấy lo. Không khéo là lọt vô thế trận của chúng thì toi mạng. Nhưng nếu quay lại nơi xuất phát của Tiểu Đoàn thì lại quá xa, mất thời gian. Không chừng Việt Cộng còn ở phía trái làng, hoặc phía bên kia sông lội qua, bọc hậu đánh sau lưng Tiểu Đoàn và chận đánh mình để chia cắt thì nguy. Tôi quyết định tiến thẳng vào bìa làng bên này. Đội hình bung thưa ra, đề phòng Việt cộng độn thổ phục kích và hạn chế thương vong nếu bị tấn công.

Vào sâu trong rẫy bắp, một cảnh tượng thật đau lòng. Xác lính Địa Phương Quân nằm rải rác đều khắp. Cứ vài ba thước là có người chết. Có một điều lạ là sao quân phục của đơn vị Địa Phương Quân này đều mới, súng ống, bản đồ, địa bàn cũng mới tinh. Cơm thịt đựng trong các lon Guigoz đều còn âm ấm, chứng tỏ họ bị chết cách đây không lâu. Nhìn chung quanh đây không có dấu hiệu gì là một trận chiến đã xảy ra. Chẳng lẽ họ bị Việt Cộng "đội mồ" và cận chiến. Nhưng xem các xác chết thì không phải bị chém hoặc bị đâm mà chỉ bị đạn bắn. Vũ khí đạn dược của họ vẫn còn nguyên không bị mất. Suy nghĩ mãi mà tôi vẫn không tài nào

đoán được nguyên do. Trong khi ấy thì lính của tôi, bỏ súng cũ của mình lấy súng mới của lính Địa Phương Quân tử trận, nhặt những lon Guigoz cơm thịt bỏ vào balo, bản đồ địa bàn…thì giao cho tôi.

- Mấy đứa không sợ bị mấy ảnh đòi à ? Tôi nói.

- Súng thì còn mới, cơm thì còn nóng, mấy ảnh chết rồi không lẽ để Việt Cộng nó xài.Thôi các anh không còn thì để cho tụi tôi dùng vậy. Các anh linh thiêng phù hộ để tụi tui trả thù cho các anh. Một người lính buột miệng nói như để trả lời câu hỏi của tôi và như thể để nói cùng các chiến hữu đã khuất.

Từ khi vào rẫy bắp đến giờ chẳng thấy tên Việt Cộng nào và cũng chẳng thấy động tĩnh gì. Có lẽ, bọn chúng nghe Tiểu Đoàn tấn công từ cuối làng nên rút vô tăng viện !Tôi căn dặn Đại Đội tất cả phải thật cẩn thận và quan sát thật kỹ trên mỗi bước tiến. Qua rẫy bắp thì Đại Đội vào tới khu có nhà cửa. Nhà thưa và những khoảng trống giữa các nhà toàn là bắp kín mít. Bỗng máy của Trung Đội 1 báo:

- Alfa tụi tôi bị bắn sẻ.

- Có sao không? Tôi hỏi.

- Một đứa vừa nhảy qua cửa sổ thì bị nó bắn.

- Nặng không?. Biết tụi nó ở đâu không?

- Chỉ bị phần thịt ở cổ không sao Alfa. Bắp mịt mù, chỉ nghe một tiếng chát thì thằng em bị.

- Nhờ trời! Phải cẩn thận hơn đó. Tôi dặn.

- Rõ 5 Alfa!

Tôi đến một ngôi nhà cùng với Tiểu Đội chỉ huy của mình. Ra hiệu cho Tiểu Đội bọc ra sau nhà, tôi với hai âm thọai viên cùng hai đệ tử vòng phía trước qua bên hông ngôi nhà định núp vào đống rơm quan sát ngôi nhà kế cận, cách một đám bắp. Chưa kịp vào sát đống rơm thì "chát chát" hai phát liền. Hai đứa mang máy và hai đệ tử nhảy tới xô tôi té sấp vào đống rơm. Mấy thầy trò đều té lăn cù.Tôi thấy vành tai bên trái nóng ran, hai lỗ tai thì kêu o..o.

- Nó bắn sẻ Alfa đó. Một đệ tử nói.

- Hụt rồi, không sao! Tôi cười nói:

- Số ông lớn thiệt! Đây là lần thứ hai đó!

- Có "bà" độ mạng mà!

Đệ tử cũng cười và nói như trách:

- Ông lúc nào cũng giỡn được! ***(CÒN TIẾP)***

L.T.S : Chị Quỳnh Diên là Phu nhân Cựu SVSQ Huỳnh Bá An K20

Khúc Lan ngồi đó thẩn thờ nhớ nhung... đôi mắt u buồn đăm đăm nhìn vào khoảng không vô tận… nhìn những giọt nắng đầu mùa lung linh trên giàn hoa giấy, xuyên qua khung cửa sổ nhỏ, rồi hồi tưởng về một thời dấu yêu đã vụt bay xa, khuất nẻo đường về,….

Thời gian đã cướp mất tuổi xuân đầy mộng đẹp của nàng. Nàng gần như biếng cười, ít nói, đôi mắt quầng thâm vì mất ngủ. Phải, Khúc Lan làm sao vui được khi chồng nàng như cánh chim bay đi biền biệt giữa biển nhớ chơi vơi. Khúc phim dĩ vãng luôn hiện rõ trước mắt nàng, hôm chia tay lần cuối tại trại Tiểu đoàn 10 CTCT, nay Việt cộng đã chiếm hữu. Nhóm của Nhật gồm mười một sĩ quan cấp tá sẽ bị đưa ra miền Bắc để khai thác, sau này Khúc Lan mới biết họ bị giam giữ tại trại Bất Bạt, Hà Tây. Nhật và Khúc Lan chỉ chuyện trò với nhau khoảng 10 phút ngắn ngủi, thế rồi, hai cánh cửa của xe bít bùng khép lại, trực chỉ hướng phi trường Đà Nẵng… Nắng nóng nung người nhưng bất chợt bầu trời tối sầm lại, cơn mưa ào ào kéo đến. Phải chăng đấng Thiêng Liêng đang khóc thương cho đất nước Việt Nam đang chìm đắm trong cảnh lầm than? Người dân lành từ đây phải đối diện với những chiếc mũ tai bèo, những cái nón cối, những họng súng lăm le sẵn sàng nhả đạn bất cứ lúc nào. Bầu không khí nặng nề đe dọa đang bao phủ lên đời sống của toàn thể con dân nước Việt.

Đã một tháng trôi qua, xã hội biến đổi hẳn, thành phố tiêu điều, chợ trống vắng... trông đìu hiu đến thảm hại. Dân chúng hốt hoảng rỉ tai nhau: “Việt cộng về rồi bà con ơi!” Những tên Cộng sản nằm vùng trong xóm quanh nhà Khúc Lan bắt đầu lộ diện, tự cao tự đại, vênh váo cái bản mặt ta đây với mọi người.

Riết rồi thiên hạ không dám giao du với nhau vì không phân biệt ai là phe ta, ai thuộc phe địch? Thật chán ngán làm sao cho cái lũ ăn cơm Quốc gia, thờ ma Cộng sản nầy.

" Ủy ban Quân quản" thành phố Đà Nẵng ra thông báo các sĩ quan, công chức thuộc "Ngụy quân, Ngụy quyền" tập trung học tập trong ngày để quán triệt đường lối của "cách mạng". Nhật và các bạn bè đã sa vào cái bẫy của cộng sản mà chẳng hay, đến khi biết ra thì đã muộn rồi!

Ba năm trôi qua, Khúc Lan âu sầu, mòn mỏi chờ đợi tin chồng trong vô vọng. Nàng mong chờ mãi một cánh thư từ miền Bắc gửi về. Băn khoăn lo lắng về thân phận tù tội của Nhật ngày đêm. Tội ác cộng sản sát hại đồng bào tập thể với những hình ảnh dã man tại Huế năm 1968 đã đi vào lịch sử. Cả thế giới đều hay biết và nó luôn ám ảnh Khúc Lan, bọn chúng đã bưng bít, tuyên truyền nhồi sọ dân chúng miền Bắc bao nhiêu năm qua, tôn thờ, ca ngợi tên già Hồ khát máu như thánh sống. Nay chúng chiếm miền Nam nói là giải phóng sự kềm kẹp của "Mỹ Ngụy" đã áp đặt lên dân chúng. Vì chúng tự nhận là "Bên thắng cuộc" nên muốn nói gì thì nói... chẳng ai dám phản đối.

Trong dân gian lại chuyền miệng nhau hai câu thơ; không màu mè không văn chương nhưng đã nói lên tâm trạng chán chường và rã rời về viễn ảnh một ngày mai vô vọng của người dân miền Nam sau cái ngày "30 tháng tư đen" trong "thiên đường mù cộng sản" :

"Đôi dép râu dẫm nát đời son trẻ.
Nón tai bèo che khuất ánh tương lai"

Nghe nói tác giả của hai câu thơ đó là một cô giáo trẻ ở Bình Định(?). Thời gian đầu Khúc Lan rất nóng lòng muốn biết tin Nhật nên cũng như bao người vợ "tù cải tạo" khác, nàng tìm đến trụ sở phường để thăm dò, nơi đây có nhiều người cùng tâm trạng với nàng đang ngồi chờ ngóng tin tức của người thân. Nàng được tên cán bộ trả lời ỡm ờ:

- *Cô hãy yên tâm, chồng cô chỉ đi học tập vài ngày để quán triệt đường lối cách mạng rồi sẽ về nhà làm ăn sinh sống. Bà con không nên nhốn nháo, lo sợ vẩn vơ làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng người khác và gây khó khăn, cản trở công cuộc xây dựng đất nước của Nhà Nước ta mà phải tội đấy. Nhà nào cũng phải*

treo ảnh "Bác Hồ", vị "cha già kính yêu" của dân tộc ta, những ai chưa có hãy lên đây nhận.

Khúc Lan quá tuyệt vọng, lạc lõng giữa xã hội mới không có chút tình người, vô nhân đạo. Nàng nhớ lại, quân nhân của thời VNCH, quân phục lúc nào cũng tươm tất, nói năng từ tốn khác hẳn với lớp người mặc áo quần kaki Nam Định bèo nhèo, bốc mùi mồ hôi đến lợm giọng từ rừng kéo về. Ngôn ngữ của bọn chúng toàn đao to búa lớn, khoác lác, nói những chuyện trên trời dưới đất; xem thiên hạ đều ngu ngốc chỉ có bọn chúng mới là "đỉnh cao của trí tuệ". Dân chúng nhìn lũ người thiếu văn minh xuất hiện như một bầy vượn xuống núi mà ngán ngẩm, lo lắng cho thế hệ con cháu nước Việt sau này.

Khúc Lan thay chồng làm cha lo sinh kế, nuôi dưỡng các con, làm mẹ hiền lo cho con, như giòng sữa ngọt ngào ấm áp và sự vuốt ve trìu mến. Nàng vững vàng hơn bao giờ hết, vừa là mẹ, vừa là bạn để các con gần gũi vui sống vô tư với tuổi thơ.

Một hôm Ôn, Mụ Kiếm ghé nhà Khúc Lan hỏi thăm về Nhật, hai ông bà nhìn nàng lắc đầu thương xót và ái ngại:

- Chồng O không biết bao giờ mới về, Ôn Mụ lo lắng cho O còn son trẻ mà phải gánh vác trách nhiệm quá nặng nề, không biết rồi đây O còn đủ sức chèo chống hay sẽ ngã gục? Xã hội biến đổi nên lòng người cũng sớm đổi thay, Ôn Mụ thấy biết bao thiếu phụ có chồng mất trong cuộc chiến hoặc đi tù; cùng đường đã ôm cầm sang thuyền khác. Đau đớn nhất là những nữ sinh ngây thơ, kém suy nghĩ nên có vẻ hãnh diện khi cặp bồ với những "anh hùng diệt Mỹ"(!), nhởn nhơ dạo phố. Ngán ngẩm quá O Lan à. - Xin Ôn Mụ yên tâm, cháu quyết bền lòng chờ chồng, nuôi con khôn lớn. Cháu tin tưởng anh Nhật sẽ sống còn và trở về với gia đình.

Trước sự đổi đời, cô thế lại bị xếp vào thành phần có lý lịch xấu vì làm vợ sĩ quan "Ngụy", Khúc Lan bị hiệu trưởng trường Trung học Bồ Đề cho nghỉ việc. Những khó khăn, trở ngại dồn dập đến với Khúc Lan. Giờ đây nàng mới thấy bẽ bàng, tủi phận biết bao, nàng nhủ lòng: ta còn chút kiến thức, lấy việc dạy kèm các trẻ con trong xóm, tạm sinh sống qua ngày... nhưng rồi cũng chẳng yên thân. Tổ trưởng dân phố ra lịnh cho nàng nghỉ dạy với lý do đem

”văn hóa đồi trụy “ đầu độc đám cháu ngoan “bác Hồ”. Điều này không làm nản lòng Khúc Lan, nàng nghĩ mình đã từng đoạt giải nữ công gia chánh khi thi đua với học sinh trường Thánh Tâm của các Soeur. Nàng mua len đan áo, mũ, vớ... cho trẻ sơ sinh, bỏ vào hộp giao cho bạn hàng bán tại chợ. Thu nhập cũng chẳng khá gì hơn, nàng đành phải bán dần các vật dụng trong nhà để đắp đổi qua ngày. Xót thương chồng bỗng dưng mang thân tù tội, thương con bé bỏng thiếu tình cha, Khúc Lan tủi thân lắm mong ước một mái ấm mà chẳng toại nguyện. Căn nhà từ ngày vắng chàng mới hoang phế làm sao, mỗi khi màn đêm buông xuống, các con say ngủ, Khúc Lan thấy đớn đau tận tâm hồn, ưu tư trĩu nặng. Đêm đêm bên ngọn đèn dầu tỏa ánh sáng hiu hắt, đôi tay Khúc Lan vẫn thoăn thắt với cuộn len đan dở. Dù rất mỏi mòn thể xác lẫn tinh thần, nhưng nàng phải gắng gượng hoàn tất công việc cho đúng hẹn. Nàng chỉ biết gửi gắm những nhớ thương, những đau buồn của cuộc sống và sự cô đơn, khắc khoải trong tâm hồn qua những vần thơ mang theo tiếng thở dài đầy phiền muộn:

Chuỗi ngày xa anh buồn dâng cao ngất
Em làm thơ bằng nước mắt trên môi
Nghe chân mình xao xác lá vàng rơi
Giàn hoa giấy che cuộc đời trước mặt.

Từ khi Việt cộng chiếm lấy miền Nam, phố xá điêu tàn, buôn bán bị sưu cao thuế nặng, bọn chúng tịch thu, bắt bớ không cần lý do. Nào là kê khai hộ khẩu, tạm trú tạm vắng phải khai báo không được chậm trễ. Đã vậy còn cái nạn tụ tập họp tổ dân phố tối ngày, mọi người đều phải ngồi chồm hổm dưới đất. Bà cán bộ phường trước đây là phu quét đường, mù chữ, áo quần vá víu nhiều mảnh, ai nhìn cũng thương hại. Vậy mà nhờ “làm mẹ, chị nuôi cách mạng” mà giờ đây trở thành cán bộ Bà ta ngồi chồm hổm trên ghế để “lên lớp”, giảng giải chính trị thao thao… như vẹt:

- Nay Bắc Nam thống nhất một nhà, dân ta chiến thắng vẻ vang ”Mỹ cút, Ngụy nhào” từ đây chị em chúng ta được họp hành, công tác ngang hàng với nam giới. Phụ nữ miền Nam thuở trước bị nhốt trong xó bếp, ăn bơ thừa, sữa cặn của Mỹ để lại, thật đáng thương…

Trong hoàn cảnh đổi đời đã khiến Khúc Lan, chị Thanh Vân chủ một Pharmacy, vợ Bác sĩ Toàn tự nhiên thân nhau hơn. Những khi họp tổ, các nàng thường mang theo cái ghế đòn nhỏ và ngồi gần nhau. Bà ta trông thấy, bỉu môi chanh chua:

- Nè cách mạng về rồi, ai cũng như ai đừng giở thói tư sản, đài các ra đây nghe chưa? Kìa chị Khúc Lan lên làm thư ký ghi chép cho tui đi…

- Cám ơn chị cán bộ Mai, thật tình cả đời tui chưa làm thư ký bao giờ, chị vui lòng chọn người khác.

Bà ta cau mày hằn học:

- Tui cho chị cái vinh dự mà chị từ chối thì thôi, nhớ nghe, tui sẽ trình lên cấp trên, đừng hòng có chữ ký của phường trưởng để đi thăm chồng nhé. Tôi thông báo cho tất cả bà con ngày mai phải qua trạm y tế đặt vòng ngừa thai nghe chưa, không ai đựơc trốn tránh bổn phận…

Khúc Lan đưa tay lên:

- Nhưng tui không cần phải đặt vòng, tui khỏi đến phải không chị Mai?

Nghe Khúc Lan từ chối, bà ta đập bàn quát lên:

- Tui bảo đặt vòng là đặt vòng sao chị bướng bỉnh không chấp hành lệnh?

Vài người biết sự thật về hoàn cảnh đơn chiếc của nàng, cười ầm lên. Chị Vinh bán dầu lửa lên tiếng:

- Cô Khúc Lan nói phải lắm, chồng cổ đi tù, sao phải đặt vòng ngừa thai chớ?.

Những câu chuyện phi lý và oái ăm này Khúc Lan kể lại cho bạn bè nghe, ai cũng nói:

- Đúng là cái thứ ếch ngồi đáy giếng không biết trời cao đất rộng là gì .

Dạo sau này Khúc Lan bắt đầu ra chợ tập buôn bán với Ngọc Ánh, người em con ông chú. Cô ta có sạp hàng tại Chợ Cồn Đà Nẵng, chuyên mua đi bán lại các mặt hàng như dĩa hát, máy Akai, máy quay dĩa xách tay, bọn Cộng sản rất ưa chuộng. Ngoài ra nàng còn nhận thâu băng cassettes chọn lọc những bài hát do khách hàng yêu cầu. Có lăn lộn với đời nàng mới thấu hiểu dân buôn bán máy gồm đủ hạng người, kẻ thật thà có học, người kém văn hóa miệng bằng tay, tay bằng miệng, tranh giành khách, gièm pha, mánh mung đủ cách... Có người mở máy đổi ruột mới thay ruột cũ đã xài bán với giá cao. Người khác lại bỏ một nhẫn vàng giả vào chỗ kín bên trong máy rồi cho khách tự tay mở ra xem xét. Sự gian trá này tình cờ Khúc Lan trông thấy nhưng nàng làm ngơ. Ngọc Ánh nói những người thiếu lương tâm đó không nên có ý kiến, dây dưa vào phiền phức lắm. Bởi vậy máy cỡ nào cũng bán đi rất lẹ. Đời là thế thấy vàng lòng tham làm mờ con mắt. Tiền trao cháo múc là xong, may mắn khách từ Hà Nội không trở lại thì êm xuôi. Cũng có trường hợp bị tổ trác, người mua kẻ bán đôi co ầm ỹ, công an phải bắt cả đôi bên về đồn điều tra, lập biên bản.

Vì hoàn cảnh phải bước vào "chợ đời", Khúc Lan mới hiểu được tình đời đen bạc biết bao, người ta vẫn thường nói "thương trường như chiến trường", quả không sai! Nàng cảm thấy ê chề, tủi thân vô cùng... Suy cho cùng, nghề nào cũng có cái vui, cái buồn, cái vinh, nỗi nhục của nó nhất là vào thời kỳ nhiễu nhương nầy. Mặc dầu có giấy phép đàng hoàng vậy mà thỉnh thoảng bọn công an kinh tế vẫn kiếm cớ tịch thu hàng với tội danh lưu hành nhạc vàng... đúng là quân cướp ngày. Trên thực tế, những bộ đội miền Bắc khi vào Nam lại ưa chuộng dòng nhạc trữ tình của miền Nam trước năm 75. Trong những lúc đi thăm nuôi chồng ở miền Bắc, Khúc Lan chứng kiến nhiều lần bộ đội trên tàu Thống Nhất yêu cầu người ăn xin mù hát nhạc vàng, chúng dám bỏ ra 500 đồng để thưởng cho người nghệ sĩ bất đắc dĩ đó. Khi nghe lời ca: "*Đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng không duyên, đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng không thành*.....". Đám bộ đội bao quanh gật gù ra chiều đắc ý; khiến bà con đi tàu cũng vỗ tay tán thưởng tưng bừng.

Thời buổi loạn ly nên trong cuộc sống có lắm lúc con người phải bon chen, dựa vào thầy bói, thầy cúng, thỉnh bùa ngải để mong

mua may bán đắt. Họ tin vào những chuyện vu vơ rất buồn cười nhưng khó giải thích vì sự hiệu nghiệm của nó. Khúc Lan do bán máy tại chợ nên chứng kiến nhiều điều lạ lùng xảy ra, như chuyện... hằng ngày có một người đàn ông cầm mũ đi ăn xin, áo quần rách rưới hôi hám vô cùng, tóc tai bù xù thấy mà rùng mình. Khi thấy ông ta đến, ai cũng cho chút tiền để ông ta đi cho khuất mắt. Mấy chủ sạp như chị Toại, chị Phương Thảo, Trâm Anh, ông Lương, ông Phát thấy ông ta đến thì khoát tay đuổi như đuổi tà, còn lấy giấy đốt quơ qua quơ lại trên máy móc để trừ xui xẻo. Mọi người còn đùa cợt:

_ Kìa "Người yêu" của chị Toại đến đó, bà con hãy chuẩn bị nghe chị ấy ca bài "Lý ông điên" nhé.

Chị Toại tỉnh bơ như không nghe gì và mắng mỏ:

_ Ê, ông điên, đi chỗ khác chơi để thiên hạ làm ăn, buôn bán với, nè làm ơn cút xéo cho tui nhờ.

Ông ta nghe nói; cười ngu ngơ, tay cầm cái chuông đưa vào mặt chị Toại rung một hồi rồi mới chịu bỏ đi. Khúc Lan cứ ôm bụng cười mãi về cử chỉ ngộ nghĩnh đó của ông ta. Có lẽ nhờ nàng chẳng khi nào tỏ vẻ khó chịu hoặc xua đuổi ông ta hay sao mà có một hôm ông đến sạp bán máy của Khúc Lan đưa tay sờ mó cái radio ra vẻ thích thú, lạ quá, sau đó có người đến mua ngay. Ngày nào ông ta cũng đến sờ mó máy móc tại sạp của Khúc Lan, máy bán lẹ lắm không bị người mua trả giá, chê bai hay bớt tiền. Từ đó mọi người mới chú ý, mua thức ăn kéo ông ta đến cho ăn, cho tiền, chỉ máy bảo "*sờ đi cho tui nhờ với ông già điên ơi*" nhưng ông quay phắt bỏ đi. Ai may mắn lắm mới được bàn tay ông "chiếu cố" tới các món hàng.

Khúc Lan để ý thấy ông ta hay viết bâng quơ trên tường nhiều chữ Mỹ hoặc vẽ những ký hiệu lạ, nên tò mò ghi lại để về nhà tìm hiểu. Nàng ngạc nhiên vì đó là những chữ thuộc về chiến hạm của hải quân, tên các cố vấn Mỹ, tên những đại úy, thiếu tá Hải quân chôn thây dưới biển ngày... tháng... năm 1968, 1972, 1974, 1975, 1980. Chữ viết sắc nét, rõ ràng và không sai chính tả, Khúc Lan thầm nghĩ phải chăng ông ta là một Hải quân VNCH thất chí nên lúc tỉnh, lúc điên? Những suy tư này nàng giấu kín không nói với

ai, xé bỏ hết giấy đã ghi chép vì sợ công an điều tra, chụp mũ nàng làm gián điệp thì tàn cuộc đời.

Ban ngày bận rộn tại chợ, Khúc Lan đã có những phút giây quên mất thực tại não lòng, nhưng đêm về nàng mới thấm thía sự cô đơn thiếu hẳn bóng dáng người bạn đời kề cận. Nàng ôm con hôn tha thiết, kể chuyện cổ tích, những đôi mắt mở to lắng nghe, những nụ cười khúc khích rồi rơi vào giấc ngủ thiên thần. Chúng là nguồn an ủi vô biên trong chuỗi ngày Nhật đi tù, nàng quá ngây thơ cứ nghĩ rằng đêm về khi đóng hai cánh cổng lại là an toàn, là thế giới của riêng mình... nhưng đâu phải thế, bọn công an khu vực thường đến rình rập những gia đình có chồng con đang đi "học tập cải tạo" như khúc Lan. Bè lũ Cộng sản không phải là đầy tớ của dân như đã tự xưng, chúng là ông chủ, là giám đốc, thủ trưởng v.v... Bọn chúng ngồi trên ăn trước, bóc lột xương máu của người dân. Chẳng mấy chốc, bọn chúng trở nên giàu có nhờ ăn hối lộ, làm chuyện phi pháp nhưng giỏi ém nhẹm che giấu cho nhau. Danh từ "Đại gia" có từ đó và cuộc sống giàu, nghèo của dân chúng VN sau thời chiến tranh quá chênh lệch. Từ ông chủ trở thành kẻ bần cùng, đạp xích lô hay vá xe, hoặc bán vé số là chuyện thường xảy ra trong xã hội bây giờ, chẳng có gì lạ. Đổi đời mà, thằng lên làm ông và ông xuống làm thằng. Tóm lại bọn chúng rất lộng quyền, khám xét bất cứ nơi nào chúng muốn, xông vào bất cứ nhà nào nghi ngờ có vàng hay nữ trang, tiền bạc để vơ vét. Dân chúng cần kiệm làm ăn lương thiện, dành dụm gửi ngân hàng đều bị Cộng sản thâu tóm bằng cách đóng cửa ngân hàng. Mãi vài tháng sau chúng thông báo mỗi "hộ" được nhận 50.000 đồng tiền chế độ cũ. Sáng tinh sương mọi người đã đến tụ họp giành chỗ trước, ai đến sau phải chịu thiệt thòi vì đã hết giờ làm việc. Thật mỉa mai tiền do mồ hôi nước mắt mà nay phải chờ chực, chen lấn, ẩu đả như đi ăn xin.

Khúc Lan may mắn có hai anh du học từ nhỏ bên Pháp nên thỉnh thoảng nhận được một thùng quà nàng mừng lắm. Hôm đó nhận giấy báo nàng vội đến bưu điện Thanh Khê để lãnh quà, nhân viên Bưu điện thông báo:

- Chúng tôi đã khảo sát qua, thùng quà của cô có nhiều áo quần cũ đem mầm bệnh từ nước ngoài về rất nguy hiểm, hơn nữa đồ hộp bị nghi ngờ có dấu vũ khí bên trong. Một tháng hay nửa năm

hãy trở lại nhận; quà còn tồn kho nhiều lắm. Cô hãy chờ đó, cần kiểm định lại lần nữa trước khi ra về. Quay qua số người đang chờ, hắn dõng dạc nói: *"Nào đến phiên người khác, nhanh lên"*. Khúc Lan đành phải chờ, một lúc tới phiên nữ cán bộ khám tiếp, cô ta ngắm nghía chán chê, lấy thước gạt son, phấn, hộp quẹt, nước hoa xuống hộc bàn, Khúc Lan vội hỏi:

- Tại sao cô lùa quà của tui vào hộc bàn hả?

- Bà ngồi xuống ngay, kìa tôi đang khám mà, đừng có hỏi ngớ ngẩn thế.

Nói dứt lời cô ta lấy dao rạch nát thùng đựng quà tanh banh, lưỡi dao xuyên thủng vào giữa hai lớp giấy, trố mắt quan sát từng chút. Tự tiện bỏ vài cây bút máy vào túi áo, mở nắp chai thuốc ra bốc một nắm nhỏ trút vô miệng nhai rạo rạo, rồi kêu toáng lên:

- Thuốc bổ nước ngoài gửi về đây, anh chị ơi tới thử đi; ngon lắm.

Quay mặt nhìn Khúc Lan, cô ta cười trơ trẽn :

- Thân nhân gửi nhiều ô thế, xài bao giờ cho hết, tôi xài hộ 2 chiếc nhé. Thùng quà này tạm giữ lại đây, chờ nhân viên đã qua khóa huấn luyện đặc biệt khám lại, yên tâm không sao đâu.

Khúc Lan bực mình, ngán ngẩm cho bọn ăn cướp lộng hành, ngang ngược lắm trò này, đành ra về. Chiều hôm đó có một thanh niên mặc quần jean, áo chemise trắng đứng ngoài ngõ gọi cửa.

Nghe tiếng người lạ, nàng bước ra hiên ngạc nhiên hỏi:

- Ông muốn hỏi thăm ai?

- Ủa, cô không nhận ra tôi à, chúng ta mới gặp nhau ban sáng... sao cô quên nhanh thế?

Nghe vậy Khúc Lan mở cửa cho hắn vào:

- Xin vắn tắt tôi là nhân viên Bưu điện khám xét quà từ nước ngoài gửi về. Vấn đề ban sáng gây khó khăn cho cô, tôi thành thật xin lỗi nhưng đó là thủ tục phải thi hành. Hôm nay tôi đến đây có ý giúp

đở cô được nhận quà sớm hơn vì thông cảm trong thời buổi này ai...

Hắn bỏ dở câu nói Khúc Lan không hiểu nên thắc mắc:

- Ông cứ thẳng thắn cho biết rõ hơn, vì sao ông muốn giúp tôi và có điều kiện gì?

- Không giấu gì cô, tôi rất thích cái quần jean và áo Pull màu kem cô vừa nhận ban sáng đó. Nếu cô vui lòng tặng tôi thì vấn đề nhận quà tôi sẽ du di, không để cô chờ đợi lâu đâu.

Khúc Lan tiếc lắm nhưng đành phải gật đầu, hắn nói:

- Xong rồi, mời cô ngày mai đến bưu điện bằng lối đi sau hông nhà. Tôi chờ cô và sẽ hướng dẫn... Thôi nhé, đừng đổi ý lôi thôi đấy.

Khúc Lan không ngờ điều kiện trao đổi sòng phẳng và dễ dàng quá, nếu hắn muốn xin thêm vài món nữa có lẽ nàng cũng bằng lòng vì biết rõ gói quà rất có giá trị, vả lại nàng đang cần tiền để chi tiêu. Mỗi lần nhận quà như thế Khúc Lan đều gọi Thục Uyên, bạn thân, có chồng ở tù cùng trại với Nhật đến tại nhà mua trước. Bạn nàng rất rành giá, thấy đủ lời là mua không bao giờ để Khúc Lan thiệt thòi vì vậy họ mới thân nhau. Khúc Lan nhìn giá bán ở chợ thấy cao mới đem bán chứ không bao giờ vội vàng. Nàng cũng khôn ngoan không muốn người mua đến nhà đông, ngại láng giềng để ý, công an trông vào.

Nhận được quà Khúc Lan cảm thấy yên lòng, trước tiên nàng mua củi, nước mắm và gạo với bó rau muống, hến để nấu canh. Gà vừa đẻ trứng đổ chả cho các con là “thịnh soạn“ lắm rồi. Ngày mai là mồng 5 tháng 5, tội nghiệp các con nàng chỉ ao ước được ăn mít thay cơm. Khúc Lan xót xa khi nghe các con chỉ mơ ước một điều quá tầm thường như thế. Nhớ lời con dặn, hôm sau nàng mua một trái mít và khệ nệ chở về bằng xe đạp. Thấy mẹ về mang theo trái mít lớn; đám trẻ reo hò mừng rỡ và đòi ăn ngay. Khúc Lan cẩn thận đóng cửa nẻo sẵn sàng để xẻ mít cho các con dùng.

(CÒN TIẾP)

TIỂU ĐOÀN 157

Tiếp theo Đa Hiệu 103

Lê Trịnh Thanh

Mật khu Gò Nổi, Lộc Hiệp, Quế Sơn.

Sau khi vùng Thanh Quýt, Điện Bàn tạm yên, TĐ 1/57 được lệnh hành quân vào mật khu Gò Nổi có chi đoàn chiến xa M113 của Thiết Đoàn 11 yểm trợ. Khu vực Gò Nổi là nơi Cộng quân chiếm đóng bấy lâu nay, chúng có những khu vực canh tác xen lẫn lau sậy cao hơn đầu người và mìn bẫy cài đặt khắp nơi. Sau những ngày giao tranh TĐ 1/57 đã đẩy lui Cộng quân ra khỏi mật khu và kiểm soát khu vực Gò Nổi nhưng cũng mất đi Trung Úy Trần Phả ĐĐT/ ĐĐ1.

Đại tá Phạm Thế Vinh (K9VBĐL) thay thế Trung tá Đỗ Hữu Giới trong chức vụ Trung Đoàn Trưởng Tr/Đ 57. TĐ 1/57 được giao trách nhiệm vùng đồng bằng Lộc Hiệp, trong thời gian này tình hình trở nên yên tĩnh và TĐ xây dựng căn cứ Lộc An và tuần thám trong vùng. TĐ 1/57 có vài thay đổi là Thiếu tá Nguyễn Hữu Cước qua làm TĐT/TĐ 2/57 và Thiếu tá Hoàng Đàng về làm TĐ Phó 1/57.

Từ vị thế của Tiểu Đoàn cơ động, nay Tiểu Đoàn trở thành phòng thủ các phòng tuyến tại vùng đất chiếm đóng, không để một tấc đất cho Cộng Sản. Với chủ trương như vậy, các Tiểu Đoàn thay nhau trấn giữ các phòng tuyến và TĐ 1/57 trở thành người lính "trấn thủ lưu đồn". TĐ 1/57 được giao trọng trách trấn giữ căn cứ Lạc Sơn, Lion và đồi 85 tại Quế Sơn cho đến tháng 6/1974.

***Thiếu tá Hoàng Đàng, Quyền Tiểu Đoàn Trưởng 1/57.**

Tháng 6/1974 Thiếu tá Hoàng Đàng quyền TĐT thay thế cho Thiếu tá Huỳnh Bá An đi học khóa Bộ Binh Cao cấp tại Long Thành.

Thiếu tá Hoàng Đàng ra trường

khóa 17 Thủ Đức, là người lính lâu năm nhất phục vụ trong Tiểu đoàn từ lúc là Trung Đội Trưởng lên quyền Tiểu Đoàn Trưởng. Thiếu tá Đàng được ân thưởng Bảo Quốc Huân Chương khi còn là ĐĐT và tổ chức toán Biệt Kích 6 người cho Đại Đội 1, tổ BK này là mũi tiến công vào mục tiêu, tạo nhiều chiến công cho tiểu đoàn và cũng là "ngựa chứng" mỗi khi về dưỡng quân. Từ TĐ 1/57 Thiếu tá Đàng qua làm TĐ Phó cho các TĐ khác và trở lại TĐ 1/57. Được trui luyện trên các trận địa khốc liệt ở vùng hỏa tuyến đến thoát hiểm tại Hạ Lào, Quảng Trị, Thiếu tá Đàng được giao nhiệm vụ mở cửa vào chi khu Thường Đức tiếp ứng cho TĐ 79 BĐQ đang bị bao vây trong mùa hè 1974.

- **Đường vào giải vây quận Thường Đức.**

Thiếu úy Lê Trịnh Thanh ban 2 TĐ ghi lại diễn tiến về trận tiếp viện cho quận Thường Đức trong câu chuyện nối tiếp sau đây:

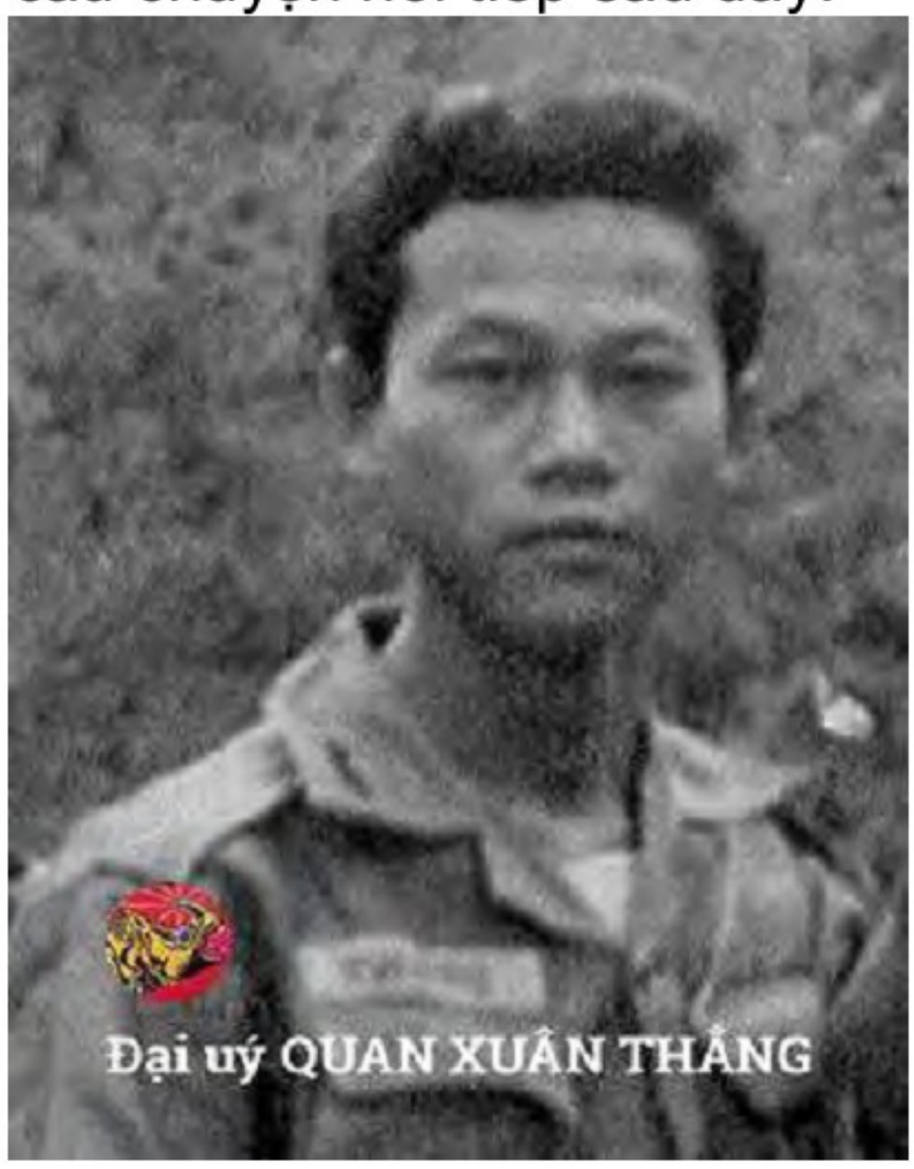

…Ngày 29/7 có lệnh từ BTL/Sư Đoàn 3 gởi công điện xuống Trung Đoàn 57 tại Quế Sơn đưa Tiểu Đoàn 1/57 tăng phái cho Trung Đoàn 2 đang hành quân tại Đại Lộc. Thiếu tá Đàng cho lệnh ĐĐ1 và ĐĐ3 cùng BCH nhẹ do Đại úy Hòa (TĐ Phó) và Thiếu úy Tú phụ tá ban 3 đi trước.

Ngày 30/7 toàn thể Tiểu Đoàn 1/57 vào vùng hành quân. Thiếu tá Đàng và Trung úy Hiện Trưởng ban 3, ghé vào BCH Trung Đoàn 2 lấy phóng đồ hành quân và mục tiêu. Đoàn xe đổ quân ở phía trước đồi 65 (núi Đất) khoảng 2 cây số để tránh pháo, các Đại Đội 2, 4 và Đại Đội chỉ huy đi dọc theo tỉnh lộ 4 tiến vào Thường Đức.

Các Đại Đội 1 và 3 hôm qua đã đến, đang đóng quân gần khu định cư Hà Nha 2. Một cuộc họp khẩn cấp với các Đại Đội Trưởng tại BCH/Tiểu Đoàn.

Địa thế vào quận Thường Đức rất hiểm trở, trên đường di chuyển vào quận bên phải là dãy núi Đồng Lâm ở phía Bắc trải dài đến Ba Khe, bên trái là dòng sông Vu Gia, bên kia sông là vùng Lộc Hiệp mà trước đây TĐ đã từng đóng quân với những dãy núi bao quanh quận Thường Đức.

Nhìn vào trận địa, các cao điểm ở khu Ba Khe đã do CSBV chiếm giữ, muốn giải tỏa quận Thường Đức phải chiếm các cao điểm này. Cộng quân có lợi thế là chuẩn bị trận địa, đem pháo và mở đường vận chuyển vào gần chi khu. Chúng quyết định thời gian tấn công cùng tình báo nhân dân cung cấp cho chúng các đơn vị VNCH đến tham chiến.

Điều bất lợi cho Sư Đoàn 3 là tin tức tình báo không biết rõ đang đụng độ với các Sư Đoàn Bắc Việt nào, và các đơn vị cộng quân ở cấp nào tham gia, trong lúc quân CSBV mở nhiều cuộc tấn công trên khắp tỉnh Quảng Nam từ Nông Sơn, Đức Dục, Thường Đức và Quế Sơn. Không biết đâu là Điểm đâu là Diện và chiến thuật công đồn đả viện là bài học quen thuộc của địch quân thường áp dụng trên chiến trường.

(Sau mới biết là 2 Sư Đoàn CSBV 304 Điện Biên và 324. Một Trung Đoàn Pháo phòng không và các Đại Đội hỏa tiễn SA-7 phòng không, 12 ly7 đã bố trí trận địa, ém quân bao vây mang pháo lên các cao điểm tại khu vực Hà Nha và Thường Đức, Sư Đoàn 304 vây đánh chi khu Thường Đức, SĐ 324 ém quân chờ đánh quân tiếp viện SĐ3 và SĐ Dù.)

Thiếu tá Đàng nhanh chóng phối trí các Đại Đội để chuẩn bị ngày mai sẽ phối hợp với Tiểu Đoàn 2/2 của Thiếu tá Châu Đức Thảo cùng tấn công lên các mục tiêu. BCH nhẹ do Đại úy Hòa cùng đi với Đại Đội 2 của Trung úy Điểu lên đóng quân ở đồi 52.

Trong lúc các Đại Đội di chuyển vào vị trí đã được phối trí, tại khu nhà Thờ gần chợ Hà Nha có một pháo đội 105 ly của Tiểu Đoàn 31 Pháo Binh đang bắn yểm trợ cho quận Thường Đức. Theo tin tức, quận Thường Đức đã bị bao vây, trong đó có Tiểu Đoàn 79 Biệt Động Quân, Địa Phương Quân trú phòng, đặc biệt là có những toán thám sát của Sở công tác thuộc Phòng 7 Bộ TTM ở

lại trong quận Thường Đức. Tối nay BCH/Tiểu Đoàn đóng quân ở khu vườn trái cây gần đồi 52 và khu trồng mía.

Ngày 31/7, Đại Đội 1 và 3 tấn công vào các mục tiêu, trước đó Pháo Binh đã bắn hàng loạt đạn pháo vào mục tiêu, sau đó là các phi tuần A 37 vào vùng dưới sự hướng dẫn của máy bay quan sát L19 thả bom vào vị trí đóng quân của CSBV ở cao điểm phía trước Đại Đội 1 và 3. Những dàn cao xạ 12 ly 7 đã được CSBV bố trí trên cao điểm bắn lên tới tấp và hỏa tiễn tầm nhiệt SA7 nổ tung trên bầu trời của mùa Hè làm nhiệt độ càng thêm nóng hơn.

Các điểm đóng quân của Cộng quân tại Ba Khe

Rời Đại Đội chỉ huy, Thiếu tá Đàng, Trung úy Hiện và Thiếu úy Thanh cùng toán Biệt Kích di chuyển lên tuyến phía trước, theo sau Đại Đội 1 đến gần trận địa. Các Trung Đội của Đại Đội 1 và 3 đến sát mục tiêu nhưng không tiến lên nổi, vì Cộng quân đã bố trí các hệ thống phòng thủ, hầm hố vững chắc, các dàn pháo SKZ 85 ly bắn yểm trợ cho các chốt của CSBV.

Trận chiến vẫn tiếp diễn, các Trung Đội của Đại Đội 1 và 3 cố gắng tấn công chiếm mục tiêu nhưng trở ngại vì bị pháo và súng phòng không của CSBV từ các cao điểm yểm trợ bắn trực xạ, không thể tiến gần được. Trong lúc pháo yểm trợ cho TĐ nhỏ giọt từng tràng rồi ngưng vì các Pháo đội của Tiểu Đoàn 31PB đặt ở Đại Lộc bị các toán đề lô của CSBV phát hiện và phản pháo vào các vị trí này.

Các Trung Đội trên mục tiêu chỉ được yểm trợ bằng cối 81 ly cơ hữu của Tiểu Đoàn. Sau một ngày giao tranh gần đến chiều tối, nhận thấy hỏa lực yểm trợ của Cộng quân rất mạnh, TĐ ra lệnh các Đại Đội tạm ngưng, bố trí lại vị trí phòng thủ cho ban đêm. BCH/Tiểu Đoàn trở lại nơi đóng quân của Đại Đội chỉ huy.

Tối nay trời quang đãng, nhìn về hướng Tây nơi quận Thường Đức bị bao vây, phi cơ Hỏa Long (AC 119) đang bay vòng phía trên, nhìn thấy những lằn đạn của Hỏa Long bắn xuống và những đốm lửa của súng phòng không CSBV từ dưới bắn lên. Số phận của bao nhiêu người lính đang tử thủ trong quận đang tính từng ngày, từng giờ trong khi đoàn quân tiếp viện đang bị các chốt cản trở bước tiến.

Ngày 1/8 các Đại Đội phòng thủ tại chỗ, để thăm dò tình hình địch sau một ngày chạm trán, và các Đại Đội bố trí lại hầm hố. Tin cho biết ngày 30/7 khi Tiểu Đoàn 1/57 rời căn cứ Đá Tịnh, tăng phái cho Trung Đoàn 2, ngay sáng sớm hôm sau 31/7, CSBV đã pháo

kích vào Lion do Tiểu Đoàn 2/57 của Thiếu Tá Cước trấn giữ và tấn công chiếm Lạc Sơn, đồi 85 và Gia Mộc Xa tại quận Quế Sơn.

Trung Đoàn 2 có kế hoạch tấn công mới, tăng cường thêm Tiểu Đoàn 2/56 của Trung tá Võ Văn Đạt lên phối hợp với Tiểu Đoàn 2/2 và Tiểu Đoàn 1/57 đánh dứt điểm các chốt ở Ba Khe để mở đường vào cứu quận Thường Đức. Đến trưa, Cộng quân pháo đạn 130 ly vào BCH/Tiểu Đoàn đang đóng chung với pháo đội 105 ly. Khi dứt tiếng pháo địch, Pháo đội 105 ly vội vàng kéo 4 cây súng chạy về hướng Đại Lộc, tìm địa điểm khác đặt pháo. Kể từ ngày đó, BCH/Tiểu Đoàn luôn luôn thay đổi vị trí.

Ngày 4/8 theo kế hoạch Tiểu Đoàn 2/56 đánh gỡ chốt ở Ba Khe, Tiểu Đoàn 2/2 và 1/57 cùng tấn công mục tiêu phía Bắc. Sáng nay Thiếu tá Đàng được Đại tá Ngô Văn Chung (TLP/SĐ3) gặp trên máy và đang ở TOC Trung Đoàn 2, theo dõi trận đánh. Như những ngày trước Đại Đội 1 của Trung Úy Mến và ĐĐ3 của Trung Úy Em tấn công sau những đợt Pháo 105 ly và phi tuần A37 tăng cường oanh tạc các mục tiêu từ Ba Khe đến các cao điểm ở phía Bắc

Các binh lính Đại Đội 1 và 3 với những kinh nghiệm gỡ chốt đã thay đổi nhiều cách đánh cũng không thể nào tấn công lên chiếm các mục tiêu đã được chỉ định. Các hỏa lực yểm trợ của CSBV phối hợp rất nhịp nhàng đã gây cho một số binh sĩ bị thương do pháo và súng phòng không bắn trực xạ vào các Trung đội của Đại Đội 1 có Thiếu úy Tuế bị thương và các binh sĩ khác. Thiếu úy Đắc (Ban 4) và ĐĐCH của Trung úy Quan Xuân Thắng mấy ngày nay ở phía sau chăm lo cho các binh sĩ bị thương từ các Đại Đội đưa về, và chuyển các binh sĩ bị thương lên xe tản thương của Trung Đoàn 2 về quận Đại Lộc.

Ngày 5/8, Các Tiểu Đoàn không thể nào chiếm được mục tiêu vì hỏa lực yểm trợ của địch quân. Các phi vụ của oanh tạc cơ A37 ưu tiên đến yểm trợ cho các đơn vị tại quận Thường Đức. Thiếu úy Thanh theo dõi phi tuần 2 chiếc A37 đang nhào lộn trên bầu trời tránh đạn phòng không và SA7 để lao xuống thả bom, một chiếc A37 luôn xuống thấp để thả bom và không may bị trúng hỏa tiễn tầm nhiệt của CSBV, không thấy pilot nhảy dù ra.(Pilot là Thiếu tá Nguyễn Hữu Thiệt). Ngày 6/8, Thiếu tá Đàng cho Đại Đội 2 từ đồi 52 đánh sang mục tiêu khác, nhưng cũng không đạt được kết quả gì, có một số binh lính của Đại Đội 2 bị thương trong đó có Thiếu úy Trần Kim Thành. Buổi tối, phi cơ Hỏa Long lại bay quần thảo trên khu vực quận Thường Đức, những tiếng súng nổ như bò

hống của AC119 và súng phòng không của quân Bắc Việt nổ như pháo bông trên bầu trời. Hơn 1 tuần trôi qua kể từ khi Tiểu Đoàn 1/57 tham chiến, tại con đường liên tỉnh lộ 4 đã bị quân CSBV chốt kiềng và bao vây, mọi cố gắng của người lính SĐ3 vào tiếp cứu không thực hiện được.

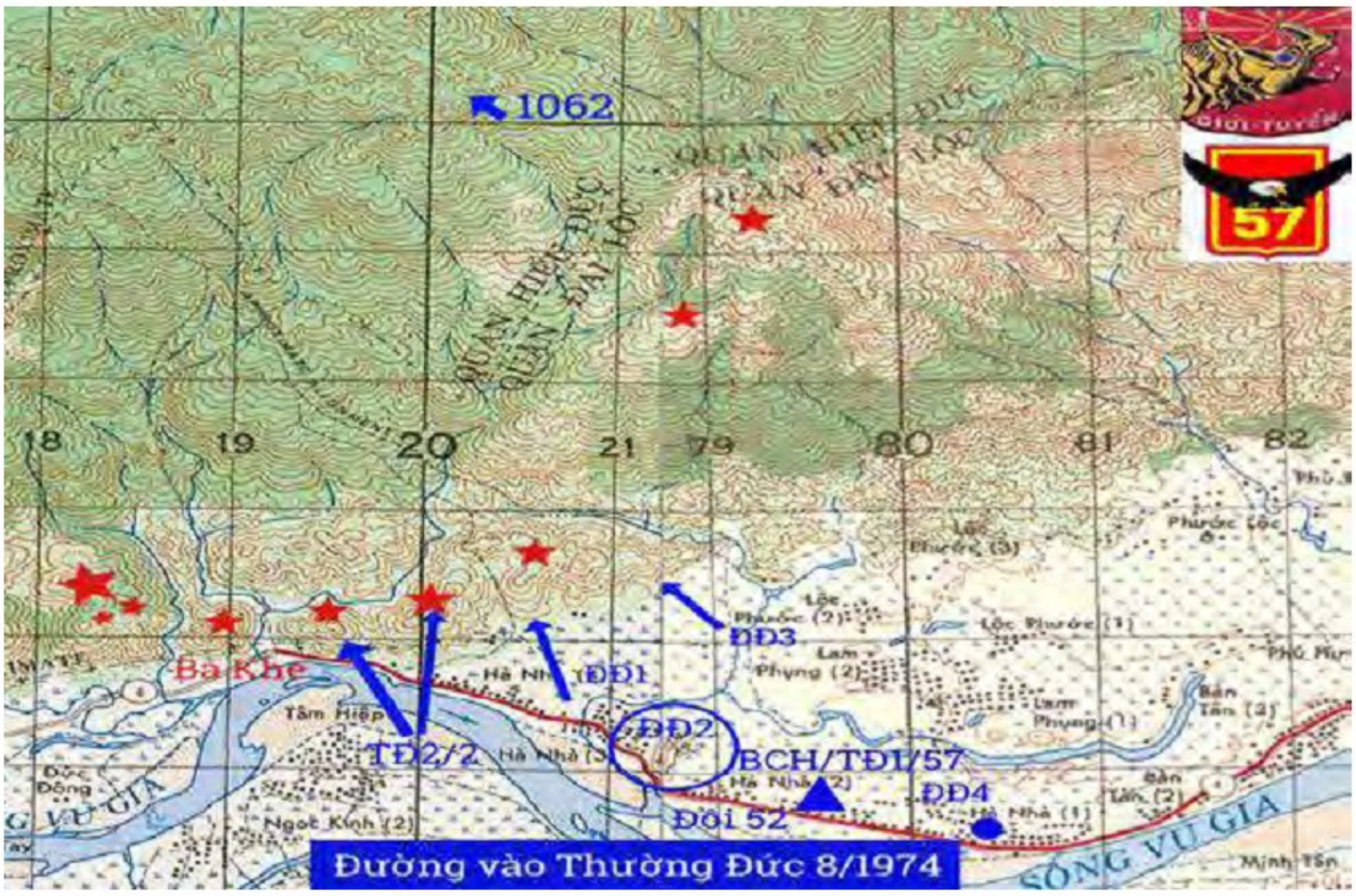

Ngày 7/8 Tiểu Đoàn 2/56 được lệnh rút khỏi mặt trận Thường Đức. Chỉ còn lại 2 Tiểu Đoàn 2/2 và 1/57 bố trí từ Ba Khe cho đến chợ Hà Nha, song song với liên tỉnh lộ 4, Đại Đội 2 đóng quân trên đồi 52 với BCH nhẹ, Đại Đội 3 đóng quân ngang khu định cư Hà Nha, Đại Đội 1 đóng quân về hướng Bắc, Đại Đội 4 đóng quân tại chợ Hà Nha. BCH/Tiểu Đoàn và Đại Đội chỉ huy lưu động.

Từ sáng sớm phi cơ quan sát L19 đã bao vùng và các phi tuần A 37 thay nhau đến thả bom yểm trợ cho Tiểu đoàn 79 BĐQ. Mọi ưu tiên hỏa lực đều dành cho Chi khu Thường Đức. Khoảng 10 sáng, những phi vụ oanh tạc A 37 đã ra khỏi vùng và những loạt đạn TOT nổ vang ở hướng Tây tỉnh lộ 4 sau đó im lặng hoàn toàn. Chi khu Thường Đức đã thất thủ, có thể những tràng pháo TOT này các quân nhân tử thủ xin bắn phủ đầu để 2 bên cùng chết.

Quận Thường Đức lọt vào tay CSBV, những áp lực của Trung Đoàn 2 cũng bớt đè nặng lên TĐ 1/57. Tiểu đoàn 2/2 lui về phía sau như vậy chỉ còn Tiểu Đoàn 1/57 trấn giữ đồi 52 và phía Bắc khu định cư Hà Nha, trách nhiệm một khu vực quá dài và rộng cho Tiểu Đoàn tăng phái.

Có một số binh lính BĐQ và ĐPQ đã chạy thoát về đến tuyến của Đại Đội 2. Thiếu úy Thanh tiếp nhận một Thiếu úy của toán Lôi Hổ, thoát thân chạy về kể lại sau 10 ngày bị bao vây, và chống trả nhiều đợt xung phong của Cộng quân miền Bắc, các cứ điểm tiền đồn của BĐQ ở xa đã rút về chi khu Thường Đức để tử thủ. Chi khu đã hứng chịu hằng trăm trái đạn hỏa tiễn 122 ly và 130 ly pháo hàng ngày và binh sĩ của Tiểu đoàn 79 BĐQ đã chống trả quyết liệt những đợt tấn công của CSBV.

Ngày 9/8 - Các Đại Đội 1 và 3 báo cáo có chạm súng và bị pháo kích vào các nơi đóng quân. Trung sĩ 1 Hà (HSQ/B2) đã bị thương khi trúng đạn pháo kích của địch quân. Đại úy Hòa báo về Tiểu Đoàn có Thiếu tá Bùi Văn Thiện, Chỉ huy Đoàn 71 của sở Công Tác thuộc Phòng 7 Bộ Tổng Tham Mưu(BTTM) thoát vòng vây đã về đến BCH nhẹ. Thiếu tá Đàng cho Thiếu Úy Thanh dẫn 2 binh sĩ BK theo tỉnh lộ 4 để đón người Sĩ quan dũng cảm này. Thiếu tá Thiện với hai túi quần chứa đầy trái cây, nét mệt mỏi không che khuất được vẻ hào hùng trên khuôn mặt. Một tô mì gói được mang đến chúc mừng Thiếu tá Thiện trở về sau hơn một tuần mưu sinh thoát hiểm.

Ngày 13/8, BCH/Trung Đoàn 2 thông báo cho Thiếu tá Đàng biết là có toán tiền trạm của Sư Đoàn Nhảy Dù đến gặp Tiểu Đoàn 1/57. Toán sĩ quan gồm Trung Tá Lữ Đoàn Phó của Lữ Đoàn 1 Nhảy dù và các Đại úy,Sĩ quan tham mưu lữ đoàn. Sau khi lấy các điểm đóng quân các Đại Đội của Tiểu Đoàn 1/57 và các vị trí đóng quân của CSBV, các Sĩ quan nhảy dù cho biết là sẽ thay thế nay mai. Hiện giờ các Tiểu Đoàn Dù đang được đưa vào Đà Nẵng. Với quân số đầy đủ và yểm trợ không hạn chế của Pháo binh Dù, hy vọng sẽ tái chiếm lại Chi khu Thường Đức.

Sau khi chiếm chi khu Thường Đức được 1 tuần, CSBV đã có đủ thời gian chỉnh đốn lại hàng ngũ, phối trí trận địa và tăng cường quân số cùng những vũ khí tối tân được khối Cộng Sản viện trợ. Bây giờ là lúc CSBV dồn mọi nỗ lực để lấn chiếm xuống khu vực đồng bằng của quận Đại Lộc. Lợi dụng lúc Sư Đoàn 3 phải đối phó với nhiều mặt trận từ Quế Sơn, Đức Dục, Thường Đức và tình báo CSBV được tin Sư Đoàn Nhảy Dù đến tham chiến tại mặt trận Thường Đức và đối đầu với lực lượng hùng hậu nhất của QL/VNCH, vì thế CSBV phải thay đổi chiến thuật là tấn công chia cắt Tiểu Đoàn 1/57 chiếm thượng phong trước khi Lữ Đoàn Dù đến thay thế
Ngay từ sáng sớm, CSBV đã dùng hỏa lực pháo binh bắn vào các địa điểm đóng quân của Đại Đội 3 và Đại Đội 4. Sau đợt pháo

yểm trợ, Cộng quân tấn công vào Đại Đội 3 do Trung úy Em chỉ huy. Bị tấn công, các binh sĩ của Đại Đội 3 đã chống trả đợt tấn công của Cộng quân, đồng thời xin Pháo binh bắn yểm trợ. Với hỏa lực yểm trợ là khẩu SKZ 85 ly, phòng không 12 ly7 từ các cao điểm của Cộng quân, bắn trực xạ vào vị trí bố phòng của Đại Đội 3 gây thiệt hại một số lớn nhân mạng. Thiếu úy Quyết bị tử thương khi Cộng quân tràn vào vị trí phòng thủ của Trung Đội. Pháo binh của Tiểu đoàn 31 đã can thiệp kịp thời chận đứng các đợt xung phong của Cộng quân tại Đại Đội 3.

Đại Đội 3 của Trung úy Em lui về phòng thủ chung tuyến với Đại Đội chỉ huy. Đại Đội 1 của Trung úy Mến nằm xa ở phía Bắc, được lệnh kéo về bố trí gần tỉnh lộ 4. Một khó khăn cho Thiếu tá Đàng là BCH nhẹ do Đại úy Hòa và Đại Đội 2 của Trung úy Điểu còn đóng quân ở đồi 52.
Thiếu tá Đàng cho Trung Đội quân báo lên thám sát khu chợ Hà Nha với hy vọng mở đường đến BCH nhẹ và Đại Đội 2. Toán thám sát của Đại Đội chỉ huy trở về báo cáo Cộng quân đang đào hố và bố phòng tại khu chợ Hà Nha nhằm mục đích bao vây, chia cắt với khu đồi 52. Hiện giờ, trong tay của Thiếu tá Đàng chỉ còn Đại Đội 1 của Trung úy Mến tương đối ít thiệt hại dù hơn 2 tuần nay, Đại Đội 1 đã tấn công vào mục tiêu nhiều lần và cũng hứng chịu pháo của Cộng quân.

Có lệnh từ Trung Đoàn 2 là ngày mai Tiểu Đoàn 1/57 rút về bổ sung quân số. Lữ Đoàn Dù đến thay thế.
Ngày 16/8. Lệnh từ BTL/ Sư Đoàn cho Tiểu Đoàn 1/57 rời khỏi vùng đóng quân để về TTHL. Sau khi bàn giao vùng trách nhiệm cho TĐ 8 Dù, ngược với hướng về của TĐ 1/57 là các binh lính của TĐ8 Dù đi lên ở 2 bên đường, Cộng quân bắt đầu pháo kích dọc theo đường tỉnh lộ 4, nơi các binh sĩ Dù đang tiến lên.
Đồi 52 thất thủ, chỉ có Chuẩn úy On và Thiếu úy Tú chạy thoát về. Sau cuộc hành quân tại Hà Nha Tiểu Đoàn 1/57 đã bị thiệt hại Đại úy Hòa, Trung úy Ngọc mất tích, Trung úy Điểu bị bắt, Thiếu úy Quyết hy sinh cùng với một số binh sĩ. Thiếu tá Huỳnh Bá An và Trung Tá Nguyễn Tri Tấn đang học khóa BB cao cấp tại Long Thành, được lệnh của Sư Đoàn 3 phải về trình diện gấp sau khi mãn khóa học. Thiếu tá An nhận lại Tiểu Đoàn và Thiếu tá Đàng trở lại Tiểu Đoàn Phó.
Trong chiến sử của Sư Đoàn Dù, với những trận đánh đẩm máu ở cao điểm 1062, các Tiểu đoàn Dù và Cộng quân thay nhau làm chủ cao điểm 1062, nhưng ngọn đồi 52 vẫn nằm trong tay giặc sau khi ĐĐ2 bị bao vây, thất thủ và cái bẫy nhử mồi ở chốt Ba Khe cửa ngỏ vào quận Thường Đức bị khóa lại. Con đường từ Hà Nha vào quận Thường Đức chưa đến 8 cây số mà sao nhiêu gian nan, nhiều đắng cay với bao xương máu người lính VNCH đã thấm ướt!

Một lần nữa, Th/Tá Huỳnh Bá An xây dựng lại Tiểu Đoàn với quân số mới bổ xung cho ĐĐ2. Sau 1 tuần huấn luyện, bổ sung quân số, TĐ lên đường hành quân tái chiếm lại đồi 85 tại Quế Sơn. Thêm một trận chiến cho người lính Tê giác tham gia trong mùa hè 1974.

- **Hành quân tại Đức Dục.**

Trung Đoàn 56 bị thiệt hại nặng ở Đức Dục, BTL/Sư Đoàn 3 đưa Trung Đoàn 57 do Đại Tá Phạm Thế Vinh là Trung Đoàn Trưởng và Trung Tá Lê Khắc Kha Tr/Đ Phó (K19ĐL) vào thay thế Trung Đoàn 56 về chỉnh trang.
Tiểu Đoàn 1/57 được lệnh rời vùng Thanh Quýt để vào mặt trận Đức Dục,
TĐ lên núi Dương Thông để nhận bàn giao các vị trí đóng quân và các chốt của một Tiểu Đoàn thuộc Trung Đoàn 54/SĐ1BB vào

BCH/TĐ 1/57 tại núi Dương Thông, Đức Dục- Quảng Nam

.

tăng phái cho Sư Đoàn 3. Sau một thời gian đóng quân tại núi Dương Thông, Tiểu Đoàn bàn giao tuyến Dương Thông cho Tiểu Đoàn 2/57 về TTHL Sư Đoàn chỉnh trang 2 tuần.

Tại đây TĐ nhận lệnh đón Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ra thăm SĐ3BB. Sau khi đọc diễn văn Tổng Thống Thiệu đi đến hàng quân của TĐ 1/57, Tiểu Đoàn Dù và TĐ Địa Phương Quân. Buổi lễ kết thúc,Tiểu Đoàn di chuyển về đến TTHL, tập họp lại cho buổi lễ bàn giao chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng của Trung tá Huỳnh Bá An và Đại úy Đỗ Ngọc Nuôi.

Sau 4 năm làm Tiểu Đoàn Trưởng,Trung Tá Huỳnh Bá An người anh cả của TĐ tiến thân lên chức vụ cao hơn và cũng là lúc mở cửa cho các đàn em có cơ hội nhận thêm trách nhiệm trong TĐ. Các Sĩ quan đàn em xuất thân từ Tê Giác được tiến cử sang làm Tiểu đoàn trưởng hay Tiểu đoàn phó cho các tiểu đoàn khác như Thiếu Tá Cước, Thiếu tá Đàng, Đại Úy Nhạc, Đại úy Hiếu. Trung tá Huỳnh Bá An đã tận tình nâng đỡ các đàn em và các Sĩ quan "ba gai" từ các đơn vị khác chuyển về. Đức tính khiêm tốn, đạo đức và bao dung của Trung tá An được thể hiện thật rõ; ***đó là những tờ giấy phạt trọng cấm từ các ĐĐ đến TĐ không bao***

giờ được gởi đi mà "âm thầm nằm" trong ngăn chứa hồ sơ trong bàn làm việc của TĐT tại Hậu Cứ TĐ.

- **Đại úy Đỗ Ngọc Nuôi, Tiểu Đoàn Trưởng (từ 1/1975-29/3/1975).**

Đại úy Đỗ Ngọc Nuôi (K20VBĐL), gia nhập binh chủng Nhảy Dù năm 1966, phục vụ tại tiểu đoàn 9 Nhảy Dù. Năm 1968, Trung Tá Nguyễn Viết Cần (em Tướng Nguyễn Viết Thanh) và các Sĩ quan trong Tiểu Đoàn 9 Dù đến vui chơi tại nhà hàng Moulin Rouge trên đường Trần Hưng Đạo SàiGòn, và vì để "bảo vệ" Dạnh Dự khi bị Quân Cảnh Mỹ xúc phạm, nên bắn chết 2 MP Mỹ, Đại úy Nuôi bị kết án tù.

Năm 1971, nhân việc thành lập Sư Đoàn 3 ở vùng hỏa tuyến Quảng Trị, Bộ TTM ban lệnh ân xá cho một số đông các quân phạm đang thụ án, và đưa ra bổ xung quân số cho Sư Đoàn 3. Đại úy Nuôi về Trung Đoàn 2 Bộ Binh trong trường hợp đó. Sau được giao làm Đại Đội Trưởng Trinh Sát 2 và năm 1974 là Tiểu Đoàn Phó của Tiểu Đoàn 1/2 cho Thiếu Tá Nguyễn Tâm Miên (K20VBĐL). Được Trung Tá An đề cử làm TĐT/TĐ1/57 với Thiếu Tướng Hinh khi được Tư lệnh hỏi ý kiến.

BCH của Tiểu Đoàn 1/57 có những thay đổi Đại úy Đỗ Ngọc Nuôi Tiểu Đoàn Trưởng, Đại úy Hồ Văn Côn TĐ Phó, Trung úy Hiện Trưởng ban 3, Thiếu úy Thanh ban 2, Thiếu úy Đắc ban 4, Trung úy Võ Văn Em, ĐĐT/ĐĐ2.

- **Hành Quân tại Lộc Hiệp, tiếp cứu Tiểu Đoàn 3/56.**

Tiểu Đoàn được lệnh khẩn cấp phải đi Hành Quân tiếp cứu Tiểu Đoàn 3/56 bị CSBV đánh tan tại Lộc Hiệp vào ngày 26 Tết (6/2/75). Tiểu Đoàn chuyển quân đến Đại Lộc, Đại úy Côn chỉ huy 2 Đại Đội 1 và 3 lội qua sông Thu Bồn tiến nhanh vào các mục tiêu ngay trong đêm 27 Tết, có thiết vận xa M113 theo sau yểm trợ. Đại đội 2, ĐĐ Chỉ huy và Đại đội 4 lần lượt tiếp nối đi qua sông và dàn quân theo đội hình chiếm các vị trí thuận lợi.

Các ĐĐ1 của Trung úy Mến và ĐĐ3 của Trung úy Dực đã nhanh chóng tấn công, tiếng súng và tiếng lựu đạn nổ vang dội tại các mục tiêu. Những viên đạn lửa M60 của bộ binh và đại liên 50 trên thiết vận xa M113 bắn vào mục tiêu như những vệt sáng dài bất tận trong màn đêm và chiếc dù hỏa châu của cối 81 ly soi sáng cho binh lính đại đội 1 và 3 nhanh chóng thanh toán các mục tiêu và thu lượm vũ khí của địch quân.

Các ĐĐ1 của Trung úy Mến và ĐĐ3 của Trung úy Dực đã nhanh chóng tấn công, tiếng súng và tiếng lựu đạn nổ vang dội tại các mục tiêu. Những viên đạn lửa M60 của bộ binh và đại liên 50 trên thiết vận xa M113 bắn vào mục tiêu như những vệt sáng dài bất tận trong màn đêm và chiếc dù h ỏa châu của cối 81 l y soi s áng cho binh lính đại đội 1 và 3 nhanh chóng thanh toán các mục tiêu và thu lượm vũ khí của địch quân. Đại đội 1 và đại đội 3 tiếp tục tiến v ề mục t iêu phía trước và ch iêm l ại h ầu h ết c ác v ị trí đóng quân của tiểu đoàn 2/56. Sau 2 ngày phản công, trưa 30 Tết Tiểu Đoàn 1/57 chiếm lại các phần đất đã mất. Khu định cư bỏ hoang, không có bóng dáng người dân, vườn rau canh tác của người dân vẫn xanh tươi. Một s ố xác của binh sĩ Tiểu Đoàn 3/56 đã bị địch quân bắn chết, còn nằm trong các hố cá nhân. Trung úy Hiện báo lên TOC Trung Đoàn 57 tất cả mục tiêu đã chiếm lại khu Lộc Hiệp. BCH/Tiểu Đoàn và Đại Đội chỉ huy đóng quân ngoài bìa làng đón giao thừa. Sáng mùng1 Tết Ất Mão 11/ 2/1975. TOC t hông báo Đại Tá V inh s ẽ bay CNC và đáp xuống B CH/Tiểu Đoàn, chia s ẽ với c hiến công trước mắt. Đại t á V inh rút r a phon g thơ lì xì cho các ĐĐT nhân dịp đầu năm. Đến c hiều c ó l ệnh bàn g iao c hiến trường c ho Tiểu Đoàn 2/56. Tiểu Đoàn 1/57 d i chuyển về khu v ực quận Đại L ộc trong đêm và tiếp t ế thêm đạn dược làm thành ph ần t rừ bị cho Sư Đoàn.

Tiểu Đoàn 2/56 bị tấn công và thiệt hại, Thiếu tá Huệ (TĐT) bị thương nhẹ. BTL/SĐ3 quyết định đưa 2 Tiểu Đoàn 1/57 và 2/57 vào giải vây khu Lộc Hiệp. Tiểu Đoàn 2/57 và chi đoàn 3/11 vượt sông V u G ia ở gần núi Đất (đồi 65) t ấn c ông c ác mục t iêu v à chiếm l ại khu định cư Phú An. BTL/SĐ3 giao trách nhiệm v ùng Lộc Hiệp lại cho Trung Đoàn 57. Tiểu Đoàn 1/57 chuyển quân qua sông Thu Bồn tiếp nhận lại khu vực do Tiểu Đoàn 2/56 bàn giao.

- **Thi hành Kế hoạch Z36.**

Quân Đoàn 2 di tản, Đại tá Vinh Trung Đoàn Trưởng đến Đức Dục họp với Đại Úy Nuôi và phóng đồ Z36 được kín đáo vẽ các tuyến

lui binh trên bản đồ và bảo mật. Đêm ngày 27/3, Đại Tá Vinh trực tiếp gọi máy cho Đại úy Nuôi và đọc ám số thi hành kế hoạch Z36 (lui binh, cho con cái qua sông).

Đại úy Nuôi gọi các Đại Đội Trưởng lên máy và ra lệnh cho Đại Đội 1 và 2 di chuyển về BCH Tiểu Đoàn. Sau đó ra lệnh Thiếu úy Thanh dẫn 1 binh sĩ Truyền tin và 1 BK qua sông trước, vào Chi khu Đức Dục liên lạc với Trung Tá Lạc Chi Khu Trưởng hội ý với Chi khu lui về tuyến trước và lấy tần số liên lạc của các Trung Đội Nghĩa quân.
Các Đại Đội lần lượt qua sông bằng ghe thuyền của dân và TĐ theo con đường song song với đường tỉnh lộ và bờ sông Thu Bồn di chuyển về cầu Tự Do. Trên đường các chốt địch quân nằm bắn sẻ không gây thiệt hại cho TĐ.

Theo kế hoạch Tiểu Đoàn 1/57 làm tuyến ngăn chận địch quân tại phía Bắc cầu Tự Do cho Tiểu Đoàn 2/57 từ núi Dương Thông kéo về.
Trên đường lui về tuyến Đại Lộc, Đại úy Côn TĐ Phó bị bắn trúng chân và Trung sĩ I Cường BK/ ĐĐ3 tử thương khi dẫn toán lính lên gỡ chốt. Đến chiều tối, TĐ lại được lệnh di chuyển về tuyến Hiếu Đức trong lúc BCH Trung Đoàn nhiều lần không liên lạc được BTL/ SĐ.
Trước hậu cứ Trung Đoàn 57 tại ngã 3 Hòa Cầm, Đại Tá Phạm Thế Vinh, người Trung Đoàn Trưởng lấy gia đình làm nền tảng

đạo đức, bao dung với thuộc cấp, xem sinh mạng người lính quí hơn tư lợi cá nhân, buồn rầu chia tay khi đem các Tiểu Đoàn trực thuộc về đến hậu cứ. Con Tốt thí 57 trên bàn cờ Z36 đã hoàn thành "bước cản" cho các Tư Lệnh xuống tàu vào Nam!

Sự thất vọng, nghi kỵ làm hoang mang mọi người, giờ thứ 25 đang điểm, hình ảnh năm 1972 tại Quảng Trị bây giờ lại tái diễn. Người lính già Thường vụ trút cơn phẫn nộ, ném mạnh chiếc nón sắt thân yêu, sau những lần đội pháo cứu mạng, xuống mặt đất. Các binh lính gốc miền Trung chán nản rời đội hình đi tìm thân nhân, còn lại số lính ở miền Nam bơ vơ bám theo Trung Úy Mến, Trung Úy Em, Thiếu úy Tuế, Thiếu úy Thanh ra bến cảng tìm tàu vào Nam. TĐ1/57 tan hàng và không còn nghe âm vang "Cố Gắng" vọng lại từ đây.

Thành phố Đà Nẵng bỏ ngỏ cho Cộng quân vào ngày 29/3/1975. Sau bao năm người lính đã đổ máu, bao chiến hữ đã hy sinh,…dành từng tấc đất trên trận địa, giờ đây chỉ sau 36 tiếng

đồng hồ lui binh, bỏ ngỏ cho địch quân. Bài học lui binh sao học hoài không thuộc!.

- **Trại Tù Cải Tạo**

Trong các trại tù cải tạo Hiệp Đức, các sĩ quan của TĐ 1/57 có Trung úy Mến, Nghĩa, Hiện, Thiếu úy Thanh, Tuế, Đắc. Tại Kỳ Sơn có Thiếu tá Cước, Đàng, Thuận, Đại úy Nuôi, Bảy, Hùng. Tại Bình Điền có Đại úy Côn. Trong Nam có Đại úy Thắng và Trung úy Em. Riêng Trung tá Huỳnh Bá An từ quận Điện Bàn, Quảng Nam bị giải ra Bắc vài ngày sau đó.

Sau những năm dài trong"nhà tù cải tạo", các Sĩ quan của TĐ 1/57 "còn nợ máu" lại gặp nhau tại trại tập trung Tiên Lãnh, gồm có Thiếu tá Cước, Thiếu Tá Đàng, Thiếu tá Thuận, Đại úy Nuôi và Thiếu úy Thanh. Tại đây Đại úy Đỗ Ngọc Nuôi tham gia vào vụ án Thiếu Úy Trần Quang Trân, ráp máy radio nghe lén đài VOA, BBC bị kết án 12 năm tù và chuyển vào trại Z30 Hàm Tân.

- **Hơn 40 năm sau (2014)**

Họ là những người lính đã cống hiến tuổi hoa niên, một thời trai trẻ, tham gia vào cuộc chiến chống Cộng Sản bạo tàn. Trải qua bao nhiêu khổ cực nắng cháy, mưa dầm từ vùng giới tuyến hừng hực lửa chiến tranh đến Hạ Lào gió lạnh,... tử sinh trong đạn pháo nổ hay tại những đồi núi cheo leo nằm cạnh tiếng bom rơi. Những lo sợ, tủi nhục, đày đọa thân xác trong cảnh tù đày kể từ khi trở thành "Tù Cải Tạo"(!) -Những người tù không bản án. Họ cũng là những Thương Binh VNCH đã cống hiến một phần thân thể cho quê hương, đã và đang sống những ngày dài trong bóng tối của kẻ thù với nỗi đau..."***ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ***",...hay là những nấm mồ hoang lạnh không mộ bia tại A Shau, A Lưới, K he S anh,... hay Quế Sơn, Thường Đức, Đại Lộc...trên bước đường dài chinh chiến ngược xuôi của đơn vị,...!

Vận nước nổi trôi, họ là "kẻ thua cuộc" và trả cái giá "Thua Cuộc" trong trại Tù binh, trại "Tù cải tạo". Có người đem mạng sống "đánh cuộc" sau khi đi tù về, hay vượt đại dương để lánh nạn Cộng Sản. Có người không bao giờ nhìn thấy được những vùng đất hứa,...Và cũng có người gặp được may mắn, đến được bên bờ tự do, làm việc và xây dựng gia đình nơi quê người sau những năm bị tù đày của chế độ Cộng Sản bạo tàn.

Những người lính của Hắc Long & Tê Giác là chứng nhân những trận chiến năm xưa, giờ đây có người vào tuổi Hạc, tuổi "Cổ lai hy" hoặc có người bắt đầu xếp hàng nhận tiền hưu, sau những năm dài đóng góp khi làm việc, an bình trên đất khách quê người. Cũng có người tuổi đã già, không được hưởng nhàn và vẫn đang làm việc để kiếm miếng cơm hàng ngày tại Việt Nam,…
Tuổi già là tuổi để nhớ về dĩ vãng; cho dù dĩ vãng là của một thời hào hùng hay cay đắng,..an nhàn trong cuộc sống, đôi khi những quá khứ một thời chinh chiến được gợi nhớ trong hình ảnh, qua bài viết đọc trên internet, qua điện thoại thăm hỏi sức khỏe, và email đã kết nối họ với nhau trong Tình Chiến Hữu của gia đình Hắc Long & Tê Giác.

Mũi tên đỏ trên đầu con rồng đen được đổi thay bằng 9 đường theo vòng Sinh, Lão, Bệnh, Tử và kết thúc bằng chữ Sinh trên sừng Tê Giác.

Ngàn năm chiến sử còn in dấu

Một thuở oai hùng tạc đá ghi

Quê Mẹ từ đây xa cách mãi

Đất lành tạo dựng hướng

tương lai.

Lê Trịnh Thanh

Hoa Trạng Nguyên, khuê danh Hằng Trần, sinh quán Sàigòn, tuổi Hải Sư.
-Tốt nghiệp ĐHSP-Sàigòn, dạy Việt Văn.
-Định cư tại Hoa Kỳ năm 1992. Học ngành Childcare Development, dạy Mẫu giáo.
-Bút hiệu Hoa Trạng Nguyên, Hát Bình Phương, Ngọc Huy.
-Cộng tác báo Thiếu Sinh Quân, Đa Hiệu, Bình Định, Nam Quan.

Trang có một thói quen, khi ở nhà bếp thì luôn mở radio để nghe tin tức, nhất là những tin thời sự được cập nhật hằng giờ, mỗi ngày, ngoài ra còn biết thêm được văn hoá, văn nghệ, y học, kiến thức phổ thông... trong đời sống của xã hội Đông Tây mà không tốn thời giờ đọc báo chí. Radio cũng là đồng hồ báo hiệu thời gian để Trang biết mà sắp xếp công việc trong nhà bếp cho đúng giờ đúng giấc. Dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ, chợ búa, trả bill, cân bằng kinh tế gia đình... cũng tạm đi vào ổn định cho mỗi tháng, mỗi năm nhưng làm nội trợ thì không chỉ tốn thật nhiều công, nhất là nấu nướng, mà còn phải linh động hằng ngày...làm sao để thay đổi món ăn cho hợp khẩu vị theo mùa, cũng như theo sinh hoạt của gia đình.

Buổi sáng, khi đến chợ thì tự hỏi – không biết mua gì, không biết mua món ăn gì cho trong tuần. Đôi khi cứ mua đại thịt, cá, rau, trứng bỏ đầy trong xe đẩy. Buổi chiều, đứng ở cửa bếp Trang cũng thường tự hỏi – Hôm nay mình sẽ nấu gì nhỉ?

Tiếng xướng ngôn v iên c ủa đài Thung Lũng Hoa Vàng trong chương trình ca dao tục ngữ đang nói về những câu thơ, câu ca về tình yêu…

Buồn trông con nhện giăng tơ,
nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai.
Qua đình ngã nón trông đình,
đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu.
Sông dài con cá lội biệt tăm, phải duyên chồng vợ , ngàn năm em vẫn chờ.
Chờ anh cho hết kiếp chờ, chờ cho rau muống lên bờ trổ hoa.

Hai câu cuối cùng cuả những lời hát ru em này, hình như Trang nghe hơi lạ tai, nói về rau muống. Rau muống thường mọc dưới nước, tại sao rau muống lên bờ trổ hoa… chắc là "rau muống Tàu" đây, loại rau muống này người ta chỉ trồng trên luống mà thôi. Nhưng nếu rau muống có bông thì rau muống già rồi… nghĩa bóng của văn thơ nói rằng người con gái chờ người yêu cho đến hết tuổi xuân thì.. ý chỉ sự chung thuỷ của người phụ nữ?
Ở xứ Mỹ, thường thì đa số gia đình có bữa cơm tối là chính. Chiều nay Trang sẽ có món rau muống trộn dầu giấm với thịt bò xào củ hành. Một mớ rau muống màu xanh, được chẻ tỉ mỉ cong cong đã nằm trong thau nước… Từ ngày định cư ở Mỹ, khi đến mùa hè thì tuần nào Trang cũng ghé vào hàng rau muống, ăn rau muống là một thói quen hay đó là thức ăn thường ngày của người Việt Nam, chắc là cả hai. Mùa hè ở Mỹ thích hợp với sự phát triển của rau muống, do đó rau muống vừa non, lại vừa rẻ, vì thế mà Trang thích chọn rau muống làm món ăn thường xuyên cho gia đình vào mùa hè…

Thiên hạ nói, nếu ở đâu có bụi tre, cây chuối, vài loại cây ăn trái như táo tàu, cây ổi, cây xoài, thanh long,…các loại hoa như hoa ngọc lan, mai đỏ, mai tứ quý, mai dây… thì chắc ở đó có dân Việt Nam. Người Việt Nam đã định cư trên xứ Mỹ 40 năm rồi. Khi xa quê hương người Việt đã lặng lẽ lấy những cây trái xứ mình mà đưa vào Mỹ. Trên mặt pháp lý, điều này là một cấm kị - không được đem cây trái lạ vào Hoa Kỳ, nếu phạm luật bị phạt rất nặng, nhưng ngược lại, nếu qua được hải quan của xứ Mỹ, thì thực phẩm lạ sẽ góp phần làm phong phú, đa dạng cho quê hương mà mình đang sống đời lưu vong. Người Việt Nam ăn húng lũi, quế,

tía tô, dấp cá, kinh giới, rau má, rau răm, cải cúc, mồng tơi, rau dền…Nói chung những loại kể trên có thể trồng trong các khu vườn nhỏ trong phạm vi của gia đình. Nhưng với rau muống, loại rau này đã trở thành loại rau thông dụng, nó được quy hoạch vào chuyên canh của các nông trại… Không phải rau muống chỉ xuất hiện ở Mỹ mà còn có mặt ở Úc, Canada, Âu Châu… Nghĩa là ở đâu có đông người Việt cư ngụ và thời tiết mưa thuận gió hòa thì ở đó có …rau muống. Rau muống "di tản" theo người Việt ra nước ngoài cũng giống như phở "di cư" cùng người Bắc vào miền Nam trong cuộc hành trình tìm về miền Nam tự do vào năm 1954. Viết đến đây, Trang nhớ lại vào thời 54, người Bắc bỏ quê cha đất tổ vào Nam, họ sống lam lũ, gói ghém rất hay trên đất miền Nam. Họ thích ăn rau muống mỗi ngày nên có biệt danh –Dân rau muống. Dân Sàigòn có cách nói rất tự nhiên, thường hay dùng chữ rất bình dân và ví von như gọi người Bắc là Dân rau muống, người Trung là Dân gốc ớt, còn người miền Nam là Dân giá sống.

Khi người Pháp chiếm Việt Nam, khi thấy hoa rau muống giống như hoa bìm bìm (liseron) mọc dưới nước nên gọi rau muống là liseron d'eau, người Mỹ thường gọi là water spinach. Ngoài ra rau muống cũng có nhiều tên gọi khác như tropical, water convolvulus. Spinach là loại rau xanh thông thường được dùng làm thức ăn hàng ngày của Âu châu, Mỹ, Úc. Ở Florida, tài liệu về rau muống có tên khoa học là ipomoea aquatica, rau này đã được dân Trung Hoa trồng từ thế kỷ thứ 3 đời nhà Hán, có thể ăn sống hoặc nấu chín. Trong chuyện Trụ Vương, Đắc Kỷ đòi ăn tim Tỷ Can thì mới hết bệnh. Tỷ Can được thần căn dặn trên đường về nhà không được nói, hay trả lời, nhưng giữa đường, gặp người rao bán rau muống là rau vô tâm, ông tức mình hỏi lại:

– *Rau vô tâm là rau gì?*
- Thưa, *rau vô tâm là rau rỗng ruột*!

Thế là thừa tướng Tỷ Can ngã ra chết. Đời vua Trụ nhà Thương vào thế kỷ 11 trước công nguyên, và như vậy rau muống đã được biết từ trên 3000 năm nay…
Khi ở trên xứ người, bản thân là người Mỹ gốc Việt, nên chuyện ăn rau muống là chuyện bình thường cũng như người Mỹ ăn spinach vậy. Bây giờ không cần phải là dân "gốc Bắc Kỳ" mới ăn rau muống! Trang là dân Sàigòn, nhưng với rau muống Trang có khá nhiều dây mơ rễ má với loại rau vô tâm này. Thật lòng mà nói, mẹ Trang là nội trợ ròng, nhưng bà ít mua rau muống, bà thích mua rau lang, bầu bí, mướp hương… Trái lại, ba Trang thì thích rau muống trộn dầu dấm, hay món rau muống xào thịt bò, mặc dù ba Trang là dân Nam bộ. Mẹ Trang khi chẻ những cọng rau

muống để làm ghém, bà cũng không thích ngâm những cọng rau muống chẻ trong nước. Mẹ nói – *ngâm nước nhiều, rau muống sẽ dai?*

Có lẽ, mẹ Trang thích rau muống từ thời Tết Mậu Thân. Tết Mậu Thân, một cái Tết nhớ đời của người dân miền Nam. Bọn cộng sản vi phạm lệnh hưu chiến, mở cuộc tổng tấn công miền Nam, nhưng chúng không làm được gì, vì miền Nam lúc đó đã có một lực lượng quân đội hùng mạnh.

Những tiếng súng vào ngày đầu xuân, ai ai cũng nghĩ đó là pháo Tết. Trang lúc ấy chỉ mới hơn 10 tuổi, đang cắm đầu trong bàn bầu, cua,… nhưng khi nghe loan báo trên radio, mẹ Trang vội lùa chúng tôi vào nhà. Thế là không còn Tết nhứt gì cả! Bọn cộng sản không làm gì được Sàigòn, ngoài những việc pháo kích lẻ tẻ sau đó. Trong những ngày nầy, những cửa ngõ dẫn vào Sàigòn như Hàng Xanh, Hạnh Thông Tây, Gò Vấp, Ngã tư Trung Chánh đều được đóng lại, giới nghiêm 24/24, nên các huyện dịch huyển vào Sàigòn rất khó khăn, do đó việc chuyên chở thực phẩm không còn thong thả như thường ngày. Nếu Sàigòn có một ít thực phẩm giá chợ đen là nhờ người dân ở ngoại ô tải thực phẩm bằng honda, xe đạp luồn lách qua ruộng, qua xóm, để vào chợ. Họ cũng không vào hẳn chợ mà đến gần khu dân cư để bán với giá chợ đen. Đa số là rau muống và rau cần nước. Có lẽ từ đó, mẹ Trang bắt đầu cho gia đình ăn rau muống tha hồ... Rau muống bảy ngày, rau muống bảy món, rau muống luộc, nước canh rau muống, rau muống xào nước tương, nước mắm, xào chao, rau muống chẻ trộn dầu giấm, rau muống chẻ ăn sống với riêu cua, rau muống nấu độn với nui luộc… Hết rau muống rồi đến cần nước cầm cơm, cứ như thế cho hết mùa tết tháng giêng. Bây giờ mẹ Trang mới ngộ ra một điều là loại rau muống tím, mọc dưới nước là mềm và ngon nhất. Dân gian thường nói –Đói ăn rau, đau uống thuốc- Câu này hoàn toàn đúng với người Việt Nam. Đối với Trang cả một thời Trang đã ăn rau muống trường kỳ- 5 năm chăng? Chắc là như vậy, dù sao đi nữa rau muống cũng cứu đói cho Trang cả một thời xuân xanh buồn thảm của những tháng ngày làm "cô giáo xã hội chủ nghĩa"!

Nói đến Tết Mậu Thân, Trang không thể quên thảm cảnh chết oan của người dân Huế. Trang còn nhớ hình ảnh những nấm mồ tập

thể của dân Huế được khai quật, tiếng người khóc, những hình ảnh vật vã của thân nhân bên xác con, chồng, cha, anh em,..vẫn còn trong mắt Trang. Vành khăn xô cho Huế của Nhã Ca đã nói lên hết những bi thương, những tội ác của Việt cộng trong vụ thảm sát Tết Mậu Thân ở Huế. Bây giờ mỗi độ Xuân về, Tết đến, nhà nhà ở Huế đều cúng bái cho người thân chết oan. Người ta cũng nói tháng giêng là tháng cô hồn Huế!…

Cầm quyết định bổ nhiệm đi dạy trong tay, lòng Trang không có một hứng thú gì. Bỏ nghề ư? Công cha một núi, công mẹ một biển, công chữ nghĩa, công thầy nhọc nhằn một bồ… làm sao đây? Rời Sàigòn mà lòng ngổn ngang trăm mối, nào phải ra ở riêng không cha mẹ chị em, trên đất lạ quê người, cô độc trên nẻo đường vắng. Trên xe đò chen lấn, trong đám người xô bồ đó có Trang mắt nai - lạ- "cô giáo xã hội chủ nghĩa" là như thế nào? Tan rồi giấc mộng ngày xanh- là giáo sư trẻ , thanh thoát trong áo dài, là nữ giáo sư Văn, một bước lên xe, hai bước trong giày cao gót… không còn nữa … Một bước ra đi mà lòng muốn quay trở lại, nếu không bước đi thì sẽ ra sao, mà đi thì sẽ như thế nào? Còn cái hộ khẩu Sàigòn? Rời khỏi một thời gian thì chắc chắn hộ khẩu sẽ bị cắt và mất lối quay về! Bây giờ Trang phải nghĩ về tương lai cho mình, cứ cố gắng để bắt đầu tập làm người lớn hai mươi bốn tuổi, một người mới -"cô giáo nhân dân", quần đen, áo bà ba, chân đi guốc mộc, đứng trên bục gỗ với lố nhố một đám học trò đảng viên, già hai thứ tóc, ở trong rừng ra, tự tôn, vênh váo, ngu ngơ,… Trang cứ nói, cứ giảng (như con vẹt) những lời

như tuyên truyền cho một chế độ bạo tàn. Thật đau lòng! Âm thanh thoát ra từ cổ họng không tùy thuộc vào con tim, cũng không dẫn dắt bởi cái đầu. Phải rồi, trong không gian thênh thang, hình như mơ hồ Trang nghe thấy âm thanh mình xa lạ tan loãng...không còn là của mình nữa!

Mỗi ngày như mọi ngày, một tuần 5 buổi lên lớp, ngày ít nhất là 2 tiết, có ngày nhiều nhất là 4 tiết. Lên lớp rồi trở về, trong không gian của phòng xã hội, mỗi cô giáo chỉ có một cái giường đơn, một chiếc bàn gỗ, đó là bàn học của học trò để làm bàn viết cho chính mình. Bọn Trang soạn "giáo án", chấm bài, cộng sổ mỗi tam cá nguyệt. Phía dưới hộc tủ là đồ tuế nhuyễn, nào bàn chải đánh răng, chiếc gương, cái lược, thuốc cảm… Tuyệt đối không có cây son, viết chì kẻ mắt, cũng không có một cái nhíp để tỉa lông mày, một vài thức ăn khô… Phía dưới chân bàn, Trang dùng một miếng gỗ đóng vào để làm thành một cái ngăn dựng thêm sách vở, bài tập, giấy kiểm tra của học sinh. Cái giường là cái ghế, cũng là chỗ ngủ ban đêm. Đầu giường là tấm màn vải che, tạo sự kín đáo để cho Trang thong thả nằm nghỉ mệt khi ở lớp về. Gia tài "cô giáo XHCN" chỉ có bao nhiêu đó, đơn sơ và cũng nghèo nàn…như xã hội đang bước vào thời "xã hội chủ nghĩa"!
Trang là cô giáo gốc Sàigòn nên hơn các cô giáo gốc tỉnh bằng chiếc quần đen sa tanh tuyết nhung xin của mẹ. Hai ba cái áo sơ mi bằng "soa" Pháp được chê ra bằng những chiếc áo dài mới mà mấy năm trước Trang đã may bằng tiền học bổng hàng tháng. Đôi khi Trang không mang guốc mộc lên lớp mà đổi bằng đôi dép da cao 5 phân quai ngang, thì Trang đã bắt gặp những tia mắt vừa ngạc nhiên, vừa khó chịu của các chị học trò già bưng biền. Tự nhiên bắt dân miền Nam phải trở lại thời kỳ đồ đá…Có cô giáo Trang Sàigòn ăn gạo mốc xanh, mốc đỏ. Có cô giáo Trang tiểu tư sản ăn muối hột đen đầy cáu bẩn thay nước mắm. Có cô giáo Trang điệu hạnh phải gội đầu bằng xà bông bột đầy vôi pha loãng. Có cô giáo Trang tằn tiện kim chỉ nấu nước uống bằng những tờ giấy bài tập học trò, bằng cùi bắp khô… Còn cơm, ba bữa hằng ngày thì cũng không khác chi cơm heo của miền Nam trước thời 1975. Ngày ba bữa, buổi sáng nhà bếp cấp cho tất cả mọi người ăn một miếng bánh mì đá, rồi lên lớp. Hôm nào có tiết sau 9 giờ thì có thể gặm bánh mì đá với nước tương, chao. Dễ nuốt nhất là cặp thêm một ít rau muống sống dưới vũng, mà chiều qua vừa cắt lên, đó là một bữa điểm tâm ngon miệng vì trong hộc tủ cá nhân còn được một chút ít gia vị. Buổi trưa, lên lớp về, một "bàn tiệc" gồm canh rau dền đỏ lềnh đầy nước, một vài con tôm khô hoa mỹ cong queo dưới đáy thau. Món mặn có hai con cá nục như hai cọng đũa kho hành. Nhìn hai cái thau cũ, đen, móp méo, di sản của nhà bếp xhcn chứa đồ ăn nguội lạnh làm cổ họng cứ

nhợn… Đó là khẩu phần ăn cho 4 cô giáo chung một phòng. Ngày lại ngày, hết rau dền nấu canh, rồi tôm khô nấu rau dền. Bây giờ hơn 30 năm Trang vẫn còn ám ảnh mùi canh rau dền của ngày đó! Cơm buổi chiều cũng thế thôi, những buổi cơm khó nuốt, lê lết suốt hết kiếp sống của những tháng năm đổi đời. XHCN còn có cái màn "cải thiện" đời sống, bằng cách khuyến khích người ta trồng cấy để tăng sản lượng thực phẩm. Phòng xã hội có một vũng rau muống, lúc nào cũng xanh non hơn cả các đơn vị khác trong trường, bởi vì phòng xã hội có cô Thuý Ái, dân Quảng Ngãi, sẵn sàng vác cuốc đắp lại cái bờ mỗi khi thiên hạ phá bờ lấy nước. Vùng Sông Bé gần Bến Cát này, đất đai khô cằn, nhưng ao rau muống phòng xã hội lại gần nhà tắm công cộng, bao nhiêu nước thiên hạ dùng, chảy dồn vào đó. Buổi chiều cả phòng rảnh, mỗi cô xách một bị phân tro nhà bếp rải vào thì rau muống càng xanh tốt. Bọn Trang là nữ nhân, khẩu phần ăn rất ít không bằng sự tăng trưởng rất nhanh của rau muống. Bữa cơm nào bọn Trang cũng có thêm rau muống luộc, nước rau muống luộc vắt chanh. Hiếm khi có một dĩa rau muống xào mỡ. Có lẽ bọn Trang tiêu thụ rau muống còn hơn dân Bắc. Và cũng không có chữ nghĩa nào, cái khốn khổ nào đủ để mà tả chân cảnh đời ở Việt Nam trong cái thời xã hội chủ nghĩa vào cuối thế kỷ 20!

Bây giờ, không chỉ ở xứ người, mà ngay cả trong nước, đừng nói Bắc kỳ rau muống nữa, phải nói cho đúng, rau muống là món rau của người Việt Nam. Rau muống vào miền Nam thì được dùng đa dạng trong các món ăn. Rau muống là loại thức ăn thích hợp với mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội VN. Rau muống trồng dễ, thu hoạch nhanh, lại làm được nhiều món. Thật vậy, muốn trồng rau muống, thì chỉ cần đào một cái vũng cạn cho nước vào, mua rau muống ngoài chợ cắm xuống, rải phân tro, mỗi ngày chăm nước, một tuần sau rau muống ngóc dậy xanh tươi, tức là rau muống đã bén rễ vào đất. Trang là dân Sàigòn nhưng là dân "hai lúa" nên ít bao giờ thấy được những ruộng rau muống ở Hốc Môn, Trung Chánh, quận tư, Nhà Bè, Thủ Thiêm... Rau muống chỗ nào cũng sống được, trên cạn, dưới nước, miễn sao chúng ở một nhiệt độ thích hợp từ 65-90 độ F. Rau muống không giống như những loại rau khác như xà lách son, rau đắng, phải sống trong những lạch nước sạch. Rau lang, rau dền thì phải lên luống. Rau thơm trồng trên cạn, đất mềm. Rau nhúc thì thích ở trong vũng nước trong,

…

Trang có người bạn, chị Lan Anh người Bắc, khi gia đình chị tị nạn ở Mã Lai, chị đã trồng rau muống để nuôi sống cả gia đình 8 người của chị. Đặc điểm của rau muống là mọc trong nước sạch hay trong bùn mà ăn vẫn ngon, không mùi tanh hôi. Mặt khác, rau muống làm được nhiều món, luộc, xào là căn bản nhưng nếu rau muống mà dùng kèm với giá sống rau thơm trong các món bún

nước, nem nướng thì tuyệt. Khi ăn những món này mà thiếu rau muống chẻ, thì món ăn như chưa được trọn vẹn. Rau muống là thực phẩm chính hằng ngày cũng là hương hoa tế nhị, tinh tế trong ẩm thực Việt Nam.
Trang vừa nhận được thư của chị Hồng, đồng nghiệp ngày xưa, hiện nay vẫn còn là "cô giáo xhcn", chị viết "*một tiết Văn của chị, chỉ mua được hai bó rau muống thời nay. Dù nghề giáo nghèo nàn nhưng ngoài nghề này, chị không biết làm nghề gì*," vì vậy, mà chị chua chát viết mấy câu thơ thời XHCN:

Lương chồng, lương vợ, lương con.
Đi ba buổi chợ chỉ còn lương tâm.
Lương tâm chỉ chặt ra hầm,
Với rau muống luộc... khen thầm là ngon.

Và qua đó, Trang cũng nhớ lại những câu nghe thật dễ thương có chút gì… của rau muống:

Trúc mọc dưới sông kêu là trúc thuỷ,
Sàigòn xa, chợ Mỹ cũng xa.
Anh đi nhớ lấy quê nhà,
nhớ canh rau muống, nhớ cà giấm tương…

Tiếng ai ngoài cửa như giọng của mệ Tám.
- *O Trang mô? Ra lấy rau muống tươi, tui mua cho O ở chợ trời…*
Lại là tặng phẩm của dân "Annam mít" đồng hương. Thôi thì cứ ăn rau muống xứ Mỹ…ăn thong thả cho hết mùa hè. Rau muống xứ Mỹ cứng, ít ngọt hơn rau muống Sàigòn trước thời 75…,
nhưng có còn hơn không!
Mất rồi. Đã xa rồi! Hoài niệm thì thấy gì cũng đẹp…

Hoa Trang Nguyên

CHUYỆN TÌNH

THỜI CHINH CHIẾN CŨ

Lời giới thiệu:

Thời chinh chiến có chuyện tình vui nhưng cũng có chuyện tình buồn. Chuyện tình buồn như "...Năm năm rồi trở lại. Một màu tang ngút trời...". Tình buồn là "...anh trở về trên đôi nạng gỗ, anh trở về dang dở đời em...ta nhìn nhau ánh mắt chưa quên....". Là hình ảnh chỉ một chiếc khăn sô đã làm tang tóc cả khung chiều. Em đi qua cầu có gió bay theo, thổi bùng khăn tang trắng... Cũng ngọn gió vô tình đó đã ...thổi lòng em xa đến mãi nơi nào. Là hình ảnh người vợ "...ôm mồ cứ tưởng ôm vòng người yêu...". Tình vui chỉ trong phút giây mà ý sầu thì ngút ngàn suốt đời. Nhưng cũng có hình ảnh người yêu tay trong tay dung dăng dung dẻ. Hình ảnh người thủy thủ muốn viết thư cho người yêu nhưng không thể vì tàu lắc lư trong biển trăng tình tứ... Có chuyện tình nở hoa bên thép súng, nhưng chuyện tình của Kỵ Binh Nguyễn Hiếu lại nở hoa bên tách cà phê thơm ngát trong khói thuốc huyền ảo và một quán cà phê nho nhỏ nhưng ấm áp tình nồng... Nơi đó có chàng Kỵ Binh và cô hàng cà phê. Không giống như chàng trai si tình trong cô hàng cà phê của nhạc sĩ Canh Thân, Kỵ Binh Nguyễn Hiếu đã đem tình yêu em đến chiến trường máu lửa. Tàn trận chiến lại về bên em, bên tách cà phê kể chuyện chiến trường với môi em ngọt ngào. Chuyện chiến trường

máu lửa, chuyện tình yêu chất ngất hòa quyện lẫn nhau tạo thành một bức tranh đặc thù: Chuyện Tình Thời Chinh Chiến.

Năm tháng rồi sẽ qua đi. Chiến tranh nay đã chấm dứt. Các cuộc "cách mạng" sẽ thôi bùng nổ. Chỉ còn lại trong tim ta tình em không phôi pha, ngàn đời bất diệt. Thôi thì,... dẫu mộng không thành, cũng xin giữ lấy tình yêu ngày đó như một kỷ niệm đẹp của một thời chinh chiến cũ...

Xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả, quý chiến hữu chuyện tình dang dở trong thời chiến của Kỵ Binh Nguyễn Hiếu.

Những ngày tháng Giêng, năm 1973 đơn vị tôi đóng quân tại quận Phú Giáo, tỉnh Bình Dương hơn hai tháng. Ta và địch đặt trong tình trạng án binh bất động của Hiệp Định Ngưng Bắn da beo. Trong thời gian dưỡng quân này, tôi thường ra chợ Phú Giáo uống cafe nghe nhạc tại một quán nhỏ. Ở đây có một cô bé thường bưng cafe cho tôi trông rất dễ thương. Cô ta tên KO, con của chủ quán.

Mỗi lần đến uống café', cô ta mở nhạc từ dàn máy AKAI, vào thời đó là số một rồi. Cô thường cho tôi nghe nhạc Phạm Đình Chương qua giọng ca Thái Thanh, Nhạc về lính của Trần Thiện Thanh qua giọng ca Thanh Lan,..Từ đó tôi bắt đầu ghiền nhạc. Có lần KO hỏi tôi thích loại nhạc gì, của ai? Tôi nói: "*Trời sinh Phạm Đình Chương, trời sinh Thái Thanh,... Trời sinh Hiếu, trời sinh KO*". KO nói: "Chắc anh đá banh hay lắm, anh lừa banh vòng vòng rồi anh đá ngay "choc" vào khung thành. Tôi cười đúng ý. Những lúc vắng khách, tôi thường kể chuyện chiến trường cho KO nghe, cô rất thích. Đặc biệt nhất là mỗi lần kể chuyện, KO thường tặng tôi thêm một ly café'. Những ngày cuối tháng không có tiền, KO vẫn bán thiếu và ghi vào sổ nợ. Đầu tháng lãnh lương, tôi mang tiền ra trả và nói: *"Anh với KO không còn nợ nần gì nhau nữa nhé*!" KO không lấy tiền và nói: *"KO muốn anh thiếu nợ KO suốt đời."* Tôi và KO cùng nhìn mưa rơi bên ngoài, từ máy AKAI với giọng Lệ Thu: "*Tình vui trong phút giây thôi, ý sầu nuôi suốt đời..."* Nghe

xong bài hát, KO muốn nghe chuyện chiến trường. Nghe xong, KO nói: "*Tội nghiệp mấy anh lính quá!"* Tôi nói: "*Anh đã quen rồi chuyện đi, và quen xa ánh đèn phố thị.....Nay anh trấn tiền đồn Ben Het, ngày mai anh băng rừng sang Hạ Lào, thì anh đâu có gì em ước mơ*!" KO nói: *"Em có đòi hỏi gì đâu, đã biết rằng anh là lính với hai bàn tay trắng...và em với giấc mơ rất bình thường của một cô gái tỉnh lẻ,..."*

Ôi! Tình yêu thật mầu nhiệm, chỉ có tình yêu mới làm vơi đi những nhọc nhằn, gian khổ của người lính. Không có tình yêu nào nhiều mong đợi, nhớ nhung bằng tình lính. Không có lời thư nào đẹp hơn những lời thư mà người lính viết về cho người yêu bé nhỏ từ phương trời xa xôi, dịu vợi, từ tiền đồn heo hút, từ chiến trận vừa tàn…

Ở Phú Giáo được hơn hai tháng, đơn vị tôi phải đi hành quân vùng Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tôi tới từ giã KO, may là ba má của cô đi chợ Bình Dương để mua hàng. KO đóng cửa quán, tôi ôm KO vào lòng. Tôi nhớ hôm đó KO khóc nhiều nhưng nói ít. Tôi hôn lên má KO, và mãi tới bây giờ tôi vẫn không quên nụ hôn cùng những bài Tình Ca lúc quen KO "*Em hỏi anh bao giờ trở lại, anh trả lời mai mốt anh về...*"

Chúng tôi vừa đến chiến trường Tân Uyên thì trời đã tối, nghỉ ngơi qua đêm. Sáng hôm sau, cơm nước xong là bắt đầu rời tuyến xuất phát vào vùng hành quân. Vừa đi được khoảng một tiếng đồng hồ thì địch đồng loạt nổ súng. Tiếng đạn AK-47, tiếng xé gió B- 40, đại bác 57 ly, thượng liên 12.8 ly, và cối 82 ly đồng khai hỏa cùng một lúc để áp đảo tinh thần chúng tôi. Nhưng những người lính Kỵ Binh trẻ vẫn không nao núng.

Sau hơn hai giờ giao tranh ác liệt, chúng tôi làm chủ chiến trường. Địch để lại nhiều vũ khí và xác chết vung vãi khắp nơi. Chúng tôi đã chiếm được mục tiêu với số bị thương của anh em không đáng kể. Anh em lục soát mục tiêu, thu dọn chiến trường thì phát hiện ra đây là hậu cần của địch. Nhiều chảo cơm to cùng thịt heo kho

còn nóng hổi, không kịp mang theo vì bị đánh bất ngờ. Phần thì vừa mệt, vừa đói bụng, tôi thấy anh em ăn ngon lành, tôi cũng nhập cuộc cho trọn tình trọn nghĩa, có chết thì chết chung cho có bạn và được làm ma no, khỏi cúng. Chiều xuống, đơn vị di chuyển ra đường Liên Tỉnh Lộ để bố trí và đóng quân.
Nằm trên ghế bố phì phà thuốc lá, tôi lại nhớ đến KO.

"Anh nhớ tiếng, anh nhớ hình, anh nhớ ảnh
Anh nhớ em, anh nhớ lắm em ơi!
Anh nhớ em của ngày tháng xa khơi
Nhớ đôi môi đang cười ở phương trời
Nhớ đôi mắt đang nhìn anh đăm đắm
Em xích lại và đưa tay anh nắm
Gió bao lần, từng trận nhớ thương đi..."

KO ơi! Em nhớ anh bao nhiêu buổi, anh nhớ em bấy nhiêu ngày. Những bài Tình Ca mà anh và em đã nghe qua bây giờ sao thắm thía vô cùng. "*Ta thấy em đang ngồi khóc, khi rừng chiều đổ mưa...*" KO ơi! anh muốn trở lại những ngày hạnh phúc, êm đềm bên em, ở đó không có tiếng súng, ở đây rừng chiêu buôn lăm em ơi! Nhưng mơ ước chỉ là ước mơ. *"Áo em bây giờ mờ xa nẻo mây...".*

Có chuyến tiếp tế từ hậu cứ lên vùng hành quân và tôi đã nhận được thư của KO. Tôi ôm thư vào lòng, và nhắm mắt lại để tận hưởng trọn vẹn cái cảm giác sung sướng đó. Nhận được thư người yêu trong vùng hành quân, đó là niềm hạnh phúc vô biên của những người lính xa nhà, xa người yêu. Tôi thường hôn lá thư trước khi mở ra đọc để tìm lại mùi hương của người yêu. "Nhớ tới mùa thu năm nao gửi nhau phong thư ngào ngạt hương..." Tôi đọc ngấu nghiến không biết bao nhiêu lần, nhất là những lời yêu thương nồng ấm. Trong thư KO có nói là vẫn thường nghe bài hát "*Tình vui trong phút giây thôi, ý sầu nuôi suốt đời.....Lệ rơi lắp mấy tuổi tôi, mấy tuổi xa người...".*

Sau chiến thắng Tân Uyên, cầm trong tay tờ giấy phép 72 giờ, tôi thấy lòng mình tưng bừng, rộn rã. Tôi phải dành hết thời gian nầy

cho gia đình và người yêu.*"Bốn giờ đi lại thêm bốn giờ về, thời gian còn lại, anh cho em tất cả em ơi!.."* Thật đúng là người yêu của lính sống bằng "24 giờ phép", bằng "bảy ngày đợi mong", bằng "sau ngày hành quân", nhưng "không bao giờ ngăn cách", không bao giờ quên anh. Cho dù anh có trở về trên đôi nạng gỗ, em vẫn bên anh dạo phố mùa Xuân, vẫn là người tình chung thủy như loài hoa không vỡ…Vừa về đến nhà, mẹ tôi nắm thật chặt tay tôi và hỏi han đủ thứ. Hôm nay mẹ tôi nấu món cá rô kho tộ, canh chua cá bông lau, là món mà tôi thích nhất. Tối đến mấy đứa cháu, con bà chị ngồi quây quần bên nồi chè trôi nước, và nghe tôi kể chuyện chiến trường. Có đứa nói lớn lên đi lính Thủy Quân Lục Chiến, có đứa thích Nhảy Dù, đứa thì thích Không Quân. Tôi hỏi: "*Tại sao không đứa nào thích Thiết Giáp hết vậy?"* Chúng nói:

"Đi Thiết Giáp dễ bị chết cháy lắm!" Tôi nói: *"Không dễ đâu, Thiết Giáp là mình đồng, da sắt, còn của quí thì bằng xi măng".* Chúng cười!

Sáng sớm hôm sau, tôi dọt Honda lên Phú Giáo thăm nàng. Gần tới nhà em sao trái tim Thiết Giáp lại đập mạnh như trống liên hồi tan học. Tôi gõ cửa, KO ra mở cửa và mừng rỡ, tôi vào nhà chào ba mẹ của nàng. KO cho tôi biết là đã nói chuyện hai đứa cho ba mẹ biết rồi, và bảo tôi xin phép cho hai đứa đi chơi. Mẹ nàng nói: *"Đi chơi chiều phải về sớm để ăn cơm*." Nghe câu đó, tôi thấy lòng mình lâng lâng lên một niềm vui sướng.

Chúng tôi rời Phú Giáo, theo QL 13 để đi Lái Thiêu. Tôi trân trọng cái hạnh phúc bên người yêu, và tình yêu của lính là thứ tình nồng nàn hơn tình yêu dân sự, một thứ tình vương nhiều nhung nhớ vì thường xa cách nhau. "*Hạnh phúc như đôi chim quyên tung bay giữa trời nắng ấm, hạnh phúc như sương ban mai long lanh đầu cành lá thắm…"*

Đến Lái Thiêu, chúng tôi vào một vườn trái cây bát ngát, bao la thưởng thức những đặc sản như măng cụt, bòn bon, dâu, sầu riêng…Ăn xong tôi và KO ngồi tựa vào nhau cùng nói chuyện

tương lai"Mình tựa vào nhau cho thuyền ghé bến, sưởi ấm đời nhau bằng những môi hôn, mình cầm tay nhau nghe tình dâng sóng nổi, hãy biến cuộc đời thành những tối tân hôn…". Thật ra thì nói để cho có chuyện nói, chớ đời lính thì làm gì có tương lai mà tính! Tôi kể chuyện chiến trường Tân Uyên cho nàng nghe. KO nói:

"*Em đang nghĩ tới một điều em sợ không dám nghĩ, tới một người đi giữa chiến chinh, lại nghĩ tới anh, nghĩ tới anh…*"

Chiều xuống mau quá, ôm em trong vòng tay để tận hưởng những giờ phút hạnh phúc hiếm có, vì biết chắc mai đây, lại cách xa và tôi lại nhớ em. Tôi nói trong niềm xúc cảm dâng trào: "*Thôi… mình… về… em*!" Tôi lại đặt lên má nàng một cái hôn thật dài, thật nồng nàn.

Vào đầu tháng sáu, 1974 đơn vị có nhiệm vụ giải tỏa mặt trận An

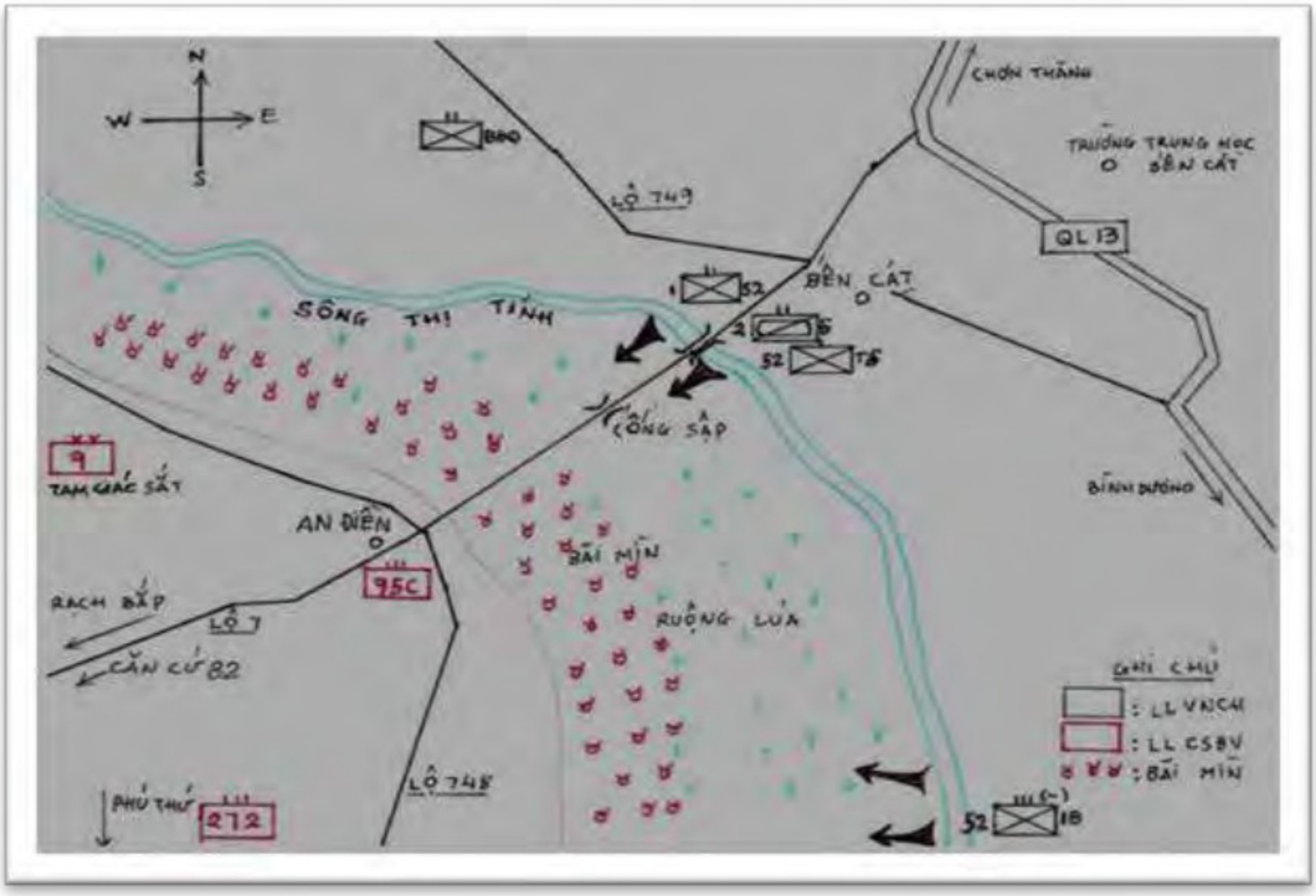

Điền, thuộc quận Bến Cát, tỉnh Bình Dương, đồng thời đánh thốc lên Căn Cứ 82, Rạch Bắp, hướng lên Trị Tâm, tỉnh Tây Ninh. Đây là những địa danh khét tiếng thuộc Quân Đoàn III trong mùa hè 1974.

Chi Đoàn Kỵ Binh chúng tôi di chuyển suốt đêm dọc theo Quốc Lộ 13, đến tờ mờ sáng chúng tôi đến bố trí bên này sông Thị Tính, gần chợ Bến Cát. Các đơn vị thuộc Trung Đoàn 52, SĐ 18 BB, của Đại Tá Ngô Kỳ Dũng đánh cầm cự để Công Binh bắt cầu phao qua An Điền. Đây là một công việc hết sức cam go cho Công Binh.

Đợt đầu, khi Thiết Giáp qua cầu phao vượt sông Thị Tính, cầu phao nghiêng qua, nghiêng lại vì một chiến xa M- 41 bị bắn ngay pháo tháp, sau đó rớt xuống sông. Chúng tôi phải trở lại bên này sông tái bố trí để chờ Công Binh sửa cầu lại. Cầu sửa xong, các đơn vị Bộ Binh tiến qua bên kia cầu đánh yểm trợ để Thiết Giáp

vượt sông. Vừa qua khỏi cầu, thì cũng là lúc bắt đầu một trận đánh khốc liệt với hơn một Trung Đoàn quân BV có xe tăng T-54, PT-76, và đại pháo 130 ly yểm trợ. Chúng tôi vừa đội pháo, vừa đánh chiếm An Điền, một mục tiêu phải chiếm lại bằng mọi giá, trước khi nói tới Căn Cứ 82, Rạch Bắp. Địa hình xung quanh mục tiêu toàn là ruộng rẫy, không phải chiến trường lý tưởng cho Thiết

Giáp. Pháo địch tàn khốc hơn Xà Bang, Bình Giả, phải đánh vất vả hơn Tân Uyên.

Sau khi chiếm lại được An Điền, tôi đứng trên M-113 nhìn xung

quanh đổ nát, nhiều xác địch sình thối mà tưởng chừng đây là địa ngục trần gian. Hai chiếc T-54 sụp xuống một cống nước, và bị Bộ Binh bắt sống. Một chiếc T-54 sau này được đưa về Dinh Độc Lập để trưng bày ngay trước cổng dinh.

Sau nhiều ngày giao tranh ác liệt, cận kề với cái chết nên mỗi sáng thức dậy, tôi cảm thấy vui mừng vì biết mình còn sống qua một ngày mới. Hình hài này là do cha mẹ tạo ra, nhưng chiến tranh quyết định sự sống còn! Quả thật có chồng lính chiến dễ trở thành góa phụ. "*Em không nhìn được xác chàng, anh lên lon giữa hai hàng nến chong, mùi hương cứ tưởng hơi chồng, ôm mồ cứ tưởng ôm vòng người yêu...*" Trong thời chiến, có những người vợ rất trẻ, khoảng ngoài đôi mươi đã trở thành góa phụ. Thật đáng thương, đáng ngưỡng phục và đáng ca tụng những chinh phụ thời đại của chúng tôi! Cho tới những ước mơ nho nhỏ, bình thường của người lính mà cũng không có được "*Trả súng đạn này, khi sạch nợ sông núi rồi, anh trở về quê tìm tuổi thơ mất năm nào...vui cùng ruộng nương cùng đàn trâu,...*"

KO ơi! Em phải biết rằng em đang hạnh phúc hơn nhiều người, vì sau trận chiến, nhiều bạn bè anh đã nằm xuống, vĩnh viễn xa người yêu. Và anh vẫn còn sống để trở về bên em, để yêu em nhiều hơn, và để được nghe em hờn dỗi.

"Được hờn nhau sung sướng biết bao nhiêu
Anh một mình nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh..."

Vào những ngày đầu tháng 3 năm 1975, chiến trường bắt đầu hừng hực lửa, địch gia tăng cường độ ở khắp nơi, chúng tấn công bằng nhiều đơn vị chủ lực chính quy. Đơn vị chúng tôi cùng các

lực lượng Bộ Binh thuộc Trung Đoàn 52, SĐ 18 BB phải trải ra rất mỏng từ cầu La Ngà đến ngã ba Dầu Giây, Long Khánh để bảo vệ QL 20, đường lên Đà Lạt…

Trong lúc Chi Đoàn chúng tôi cùng một Tiểu Đoàn Bộ Binh đang mở đường và đánh thốc về hướng Xuân Lộc, thì chiếc M-113 chỉ huy của chúng tôi phải nằm lại ở tiền trạm để giữ một xe GMC đầy những thùng phuy xăng, cùng với một lực lượng Bộ Binh trừ bị.

Trong đêm đó, tôi cùng Th.Úy C. thao thức mãi, không ngủ được, cả hai như cùng linh cảm về một điềm chẳng lành sắp xảy ra. Chúng tôi thức trắng đêm hút thuốc lá và uống café. Bất chợt, Th. Úy C. nói với tôi: "Trận này chắc mình thua quá Hiếu ơi!", rồi nói tiếp, bằng một giọng thật buồn: "Hơn ba tháng rồi chưa được đi phép, nhớ nhà quá!". Mãi cho tới bây giờ, trong lúc đang viết bài này, tôi vẫn còn nghe câu nói ấy của Th. Úy C. như còn văng vẳng bên tai. À! Tôi còn quên một việc nữa là Th. Úy C. cùng tuổi với tôi. Sáng sớm, chúng tôi nhận được lệnh là dẫn xe xăng lên tiếp tế, vì áo của Th. Úy C. còn ướt nên mượn áo tôi mặc tạm. Trong xe chỉ huy có Th. Úy C., tôi, Hạ Sĩ Đ., Hạ Sĩ B. và Hạ Sĩ Th.

Dẫn xe xăng vừa băng qua Quốc Lộ 1, tại ngã ba Dầu Giây, nhìn về phía tay phải khoảng 200 mét, tôi thấy mấy bụi cây nhúc nhích, mặc dù trời không có gió. Tôi nhảy xuống xe định kéo Hạ Sĩ B. xuống để chui vào pháo tháp quay đại liên bắn vào những bụi cây, chưa kịp thực hiện ý định, thì… Oành… Oành…Oành, ba trái đạn B-40, đại bác không giật 57 ly trước khi chạm nổ các cây cao su thì hai đầu của Th. Úy C. và Hạ Sĩ Th. bê nát, tài xế xe GMC cũng bị chết tại chỗ. Khi Hạ Sĩ Th. bật người ra, chân đá vào báng súng đại liên 30, thì nòng súng đập vào ngực tôi đau nhói. Hạ Sĩ B. ôm chân tôi hoảng hốt, tôi nói: "Đừng sợ, hồi nãy tụi nó nhắm kỹ mà mình không chết, thì bây giờ không chết đâu". Quả thật đúng như lời tôi nói. Tôi kéo hai xác chiến hữu của mình vào xe vì sợ xe chạy xác thân các anh sẽ rớt xuống đất. Nhìn lên túi áo đầy máu

của Th. Úy C. tôi thấy tên tôi. Tôi nghĩ nhanh là Th. Úy C. đã chết thay tôi. Địch tưởng trong xe chết hết, chúng la to: "Các đồng chí xung phong!". Chúng ùa ra, tôi bảo tài xế Đ. chạy ngược ra, đồng thời tôi quay đại liên 30 qua quạt chúng, tôi thấy nhiều thân người trúng đạn, dựng đứng, rồi té xuống. Chúng tôi chạy thoát về tiền trạm và được trực thăng tải thương về Biên Hòa. Trong lúc trực thăng bay lên, chúng bắn theo nhưng không trúng.

"Anh trở về hàng cây nghiêng ngã, anh trở về người đã bị thương…" Về bệnh viện Biên Hòa điều trị vì ho ra máu, tôi nhờ y

tá đánh điện tín về cho KO, tôi không dám nhắn tin về gia đình vì sợ mẹ tôi xúc động mạnh. Ba ngày sau KO tới thăm tôi, nàng khóc thật nhiều. Tối ra Biên Hòa ở nhà bà cô, sáng ra, KO mua quà vào thăm và ở lại cho đến tối. KO nói: "*Nghĩ đến một điều… em sợ không dám nghĩ, lại nghĩ tới anh…*"

Cuối tháng 3 năm 75, sau khi xuất viện, tôi trở lại đơn vị. Lần này cuộc chiến ác liệt hơn, ngày nào cũng đánh, một chọi 4, 5. Mãi tới ngày 24, 25 tháng 4, Chi Đoàn chúng tôi phải cứu Chiến Đoàn 52 và mở đường máu rút ra khỏi Long Khánh để không quân thả 2 trái bom CBU tiêu diệt khoảng 4, 5 ngàn cộng quân.

Bây giờ Chi Đoàn nhập vào Thiết Đoàn rút về lập tuyến phòng thủ mới ở Trảng Bôm. Ban ngày đóng quân bên trái quốc lộ, tối đến di chuyển vào vườn chuối, bên phải quốc lộ. Lúc 6 giờ sáng, cả Trung Đoàn lính BV, khoảng hơn 3 ngàn quân di chuyển ngang qua nơi đóng quân khoảng 100 mét. Chúng tôi xóa sổ hết cả một Trung Đoàn hơn 3 ngàn quân. Xác đầy cả mặt đất. Chúng liền điều nguyên một Sư Đoàn có chiến xa T-54 tấn công biển người, và chúng cứ tiếp tục chết. Vì quân BV quá đông, chúng tôi phải gọi máy bay oanh kích, đồng thời rút về căn cứ Long Bình để lập tuyến phòng thủ mới. Trận này, tôi lại bị thương thêm một lần nữa ở tay phải. Trên đường rút về, tôi nằm trong xe cứu thương M-113 và chiếc xe này bị B-40 bắn cháy, tất cả trong xe chết hết, tôi phóng nhanh ra khỏi xe và nhảy qua đường rầy xe lửa. Đơn vị đến

giải cứu kịp thời, tôi được đưa về Tổng Y Viện Cộng Hòa điều trị. Được 2 ngày thì Ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Ngay sau lệnh đầu hàng, cộng quân vào tiếp thu Tổng Y Viện Cộng Hòa thì tất cả Thương binh của ta bị đuổi ra hết để có chỗ cho thương

binh của chúng. Tất cả thương binh; có người còn máu rỉ ra trong băng nhưng cũng phải bò lết ra khỏi bệnh viện. Có nhiều Thương binh tự vẫn tại chỗ! Thật bi thảm làm sao!

"Thế chiến quốc, thế xuân thu, gặp thời thế, thế thời phải thế.
Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai".

Tôi ở lại. Vào tù! Sau khi ra tù, đi đâu cũng phải báo cáo Công An địa phương. Một hôm tôi quyết định đi thăm KO. Sự nhớ thương bất chấp những bất trắc xảy ra cho mình. Tôi thức dậy thật sớm để đi Phú Giáo. Tới nơi, tôi gõ cửa, một người đàn ông với giọng Bắc hỏi: "Ông muốn tìm ai?" Tôi nói: "Tôi muốn gặp gia đình của chủ nhà trước đây, thưa ông ". Ông ta đáp: "Chủ trước đã trốn đi nước ngoài rồi". Tôi thẫn thờ bước ra.

"Khi tôi về, bồi hồi trong nắng, tưởng gặp người em hân hoan đứng đón anh về, nào ngờ người em ra đi... khi Xuân chưa tàn, con đò nào đây, đưa em tôi vào xa vắng…"
Lúc ra đi, lòng bồi hồi xao xuyến rạo rực niềm vui bao nhiêu, khi trở về lòng buồn thảm bấy nhiêu! Dù vậy, tôi cũng thầm cầu mong

cho nàng được bình yên ở một nơi chốn nào đó… Trên đường về, cũng đoạn đường này, ngày xưa bên KO tôi thấy ngắn, mà bây giờ thì thấy xa dịu vợi! Những hình ảnh thân yêu ngày xưa đua nhau trở về trong tiềm thức, với con đường nầy đong đầy kỷ niệm. Bản tình ca lúc ban đầu là một sự báo trước của dang dở... "Tình vui trong phút giây thôi, ý sầu nuôi suốt đời, thì xin giữ lấy niềm tin, dẫu mộng không thành…"

Tôi bắt đầu tính chuyện vượt biển, thứ nhất là xa cái đất nước bây giờ trở thành xa lạ, thứ hai là hy vọng gặp lại được KO ở một nơi nào đó! Thời gian tìm đường vượt biển, có những lúc lang thang ở bến "Bắc" Cần Thơ, có lúc ngủ đêm tại bến "Bắc" Mỹ Thuận, có những buổi chiều buồn thật buồn ở bãi biển Vũng Tàu…

"Nghìn trùng xa cách, người đã đi rồi…Gửi hết về người, chuyện cũ tuyệt vời, chuyện của đôi ta, buồn ít hơn vui…"

Một hôm tôi trở lại Sài Gòn thì gặp một người em họ, con của người Dì, cô hỏi: "Lúc này anh ra sao?" Tôi nói: "Tù về không tìm được việc làm." Cô em nói: "Chồng em có tàu, đang tìm đường ra đi, anh có thể giúp một tay." Và chuyến này tôi đi thoát. Sau bốn ngày, bốn đêm gặp biển yên, chúng tôi đã tới đảo Pulau Bidong ở Mã Lai. Vì là cựu quân nhân, tôi được xếp vào diện ưu tiên một. Ở đảo chỉ có hai tháng, tôi đến Mỹ ngày 16 tháng 7 năm 1981.

Từ ngày đó cho mãi về sau tôi không còn gặp KO nữa, cũng không có tin tức gì về nàng. Một chuyện tình không đoạn kết cách nay gần 40 năm mà tưởng chừng như còn mới của ngày hôm qua. Bây giờ tóc đã bạc gần nửa mái đầu mà mỗi lần nghĩ đến lòng mình vẫn rộn rã, xao xuyến, bồi hồi... Tôi cũng hy vọng ở một phương trời nào đó, KO đọc được bài viết này, còn đó mãi mãi là bằng chứng yêu em!

Em yêu! Anh đã xây nhiều mộng đẹp về em nhưng lại xây trên sóng biển, trên cát. Than ôi! thủy triều đã cuốn hết mộng đẹp của anh đổ vào lòng đại dương mênh mông, chỉ để lại cho anh một nỗi buồn không bao giờ nguôi mà không có ngôn từ nào có thể diễn tả được...

"Em có khi nào nhớ đến anh
Thì xin một phút lặng sau mành
Từ nay anh sẽ không yêu nữa
Để giữ trong tim một bóng hình".

Kỵ Binh Nguyễn Hiếu

MÌ XANH

VẪN CÒN XANH

(tùy bút) Tealan Minh Tuyết

Vợ của một Alpha đỏ, K26/TVBĐL

_-Vượt biên đến Mỹ cuối năm 1979, định cư tại tiểu bang Kansas.
- Được hãng chuyển về Florida cuối năm 2003.
- Sở thích: thích ăn, thích được ngủ nhiều hơn và làm biếng.
- Viết văn theo cảm hứng. Có làm thơ nhưng đọc thấy dở quá nên giấu đi.
- Đa cảm. Hay cười như đười ươi. Dễ khóc như cá sấu-

-

Thiệt tình mà nói, đến Houston tôi không lấy làm hứng khởi mấy vì đất ở đây không có gì đặc biệt để chiêm ngưỡng, phong cảnh không đẹp không trữ tình, hơn nữa tôi cảm thấy khó chịu về khí hậu vào mùa nóng, muốn thấy biển thì phải đi cả giờ mới tới mà nước biển thì không được trong xanh lắm, nhưng hàng năm vợ

chồng tôi hay về đấy vì có ba má và các em của tôi định cư tại thành phố này.

Khi chồng tôi nhận được tin tức của một người đồng khóa, cùng

đại đội với anh hồi năm thứ nhất, cũng là người bạn thân mà từ khi ra trường tới giờ anh chưa bao giờ gặp lại, hiện đang ở tại thành phố Houston, nên hai đứa hăm hở sang đó với ước muốn được gặp lại người bạn mà anh thường hay nhắc nhở với tôi.

Được biết anh là người lớn lên trong phong cảnh vùng đồi núi thấp Đà Lạt, hàng ngày anh quen thuộc với tiếng chuông vọng ra ba lần quyện với sương mù trong giờ khắc nhất định của nhà thờ

chính tòa, buổi sáng, buổi trưa và buổi chiều. Người Đà Lạt thân thiện hiếu khách, con gái Đà Lạt đẹp dịu dàng, có hoa luôn nở bốn mùa, có nghe tiếng thông reo trong làn gió nhẹ. Đất sinh ra tình cảm của con người, nhìn vào mắt anh dễ dàng cho người ngoài thấy anh là một người đa cảm. Ba anh ở trong quân đội, xa vắng nhà thường xuyên. Ở nhà chỉ có mạ của anh buôn tần bán tảo chăm lo nuôi đàn con sáu đứa. Anh là con trai trưởng, rất gần gũi

và rất thương mạ, ngoài giờ đến trường học anh dành thì giờ giúp mạ đỡ đần những việc nặng nhọc trong nhà.

Và ở đấy từ lâu anh đã biết nơi đây có một ngôi trường đào tạo quân sự nổi tiếng nhất vùng Đông Nam Á, một ước mơ của những người trai trong thời chiến, anh cũng có ước mơ đó, và rồi anh được tuyển vào trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt đúng như anh hằng mơ ước.

Những ngày được phép anh có những phút giây sung sướng vội vã đi về với mạ và các em của anh. Vào năm thứ hai, khi thấy con về nhà, mạ anh ra chợ mua sắm thực phẩm để làm bữa cơm đãi anh. Nhưng oan nghiệt thay!, ngày đó lại là một ngày định mệnh xảy ra cho mẹ anh, mạ của anh bị một chiếc xe hơi tông vào người qua đời không kịp trăn trối. Cái chết của mẹ anh dẫn tới một thảm họa cho cả gia đình. Anh và đứa em trai kế đưa xác mạ từ nhà thương về nhà mà tâm hồn nặng chĩu nỗi buồn đau của đứa con vừa mất mẹ, anh cảm thấy đất trời toàn một màu đen tối. Chiếc xe tắc xi chở xác mẹ anh và chở luôn những ưu tư của anh khi nghĩ đến từ đây phải thay mẹ quán xuyến cả gia đình,…

Ngày lễ tang mạ anh, đất trời buồn bã, Đà Lạt rừng thông im lặng tiếng, hoa lá như cũng u sầu theo tiễn đưa mạ anh về đất lạnh. Những đứa con của mạ như những kẻ vô hồn, anh cùng năm đứa em đứng bên quan tài, anh hai mươi tuổi, đứa em trai kế mười bảy, kế đến là ba đứa em gái, đứa em trai nhỏ nhất mới vừa sáu tuổi còn nhỏ dại chưa biết gì…

Từ đây, anh là đứa con mồ côi mẹ, anh mất đi một chỗ dựa tinh thần. Bạn cùng khóa có ai biết nỗi khổ mất mẹ của anh, một biến cố đầu đời, một mất mát quá lớn xảy đến trong đời anh. “Con không cha ăn cơm với cá. Con không mạ lót lá mà nằm”. Tạo hóa thật trớ trêu, rồi những đứa em của anh có ai chắp cánh diều, làm sao anh bảo bọc được khi anh đang còn là sinh viên sĩ quan trong vòng kỷ luật của quân trường. Anh chơ vơ lạc lõng…

Phải chăng nụ cười buồn vướng trong khóe mắt anh có từ dạo ấy?

Khi được đi phép ra phố vào cuối tuần anh chỉ đợi có thế để đi về nhà, tự thấy mình có trách nhiệm thay mạ coi sóc, dạy dỗ các em còn nhỏ dại. Với nỗi buồn mất mẹ, lo bảo bọc các em khiến anh không còn hồn nhiên như ngày nào mới vào trường.

Lần đi học khóa Nhảy Dù ở Saigon vào cuối năm thứ ba, anh gặp một người con gái mà ngay những giây phút đầu gặp gỡ anh cảm nhận "đây là người sẽ là vợ của mình". Tình yêu của anh chị đã nở hoa kể từ giây phút đó. Hoàn cảnh gia đình cộng với tình yêu đang bùng cháy, anh nghĩ mình cần có một người vợ vào lúc nầy, gia đình anh cần có bàn tay của người phụ nữ, sau ngày cưới nhau dưới mái nhà anh có thêm một người nội trợ đảm đang, chị giúp anh chăm sóc đàn em của anh như một người chị, như một người mẹ.

Nỗi hạnh phúc lớn lao đến với anh chị là có một đứa bé gái chào đời. Cháu có tên ngoài gọi là Mì Xanh. Bé Mì Xanh đẹp như một thiên thần có cha là người lính Thủy Quân Lục Chiến, mẹ là cô gái Bắc Kỳ trung trinh, yêu quý chăm chút bé kể như không có điều gì tuyệt vời hơn với bố mẹ của bé.

Tháng Tư năm 1975 đại gia đình của bên chị đi trọn hết ra nước ngoài để thoát khỏi ách Cộng Sản. Chỉ có mình chị ở lại chờ chồng, lúc đó anh còn đang ở ngoài miền Trung chưa về được.

Khi anh đi "tù cải tạo", chị lo buôn bán ngược xuôi kiếm tiền trong hoàn cảnh khó khăn của miền Nam dưới tay bọn Cộng Sản, nuôi một đứa con nhỏ bé, phụng dưỡng cha chồng bệnh hoạn, thăm nuôi chồng, thăm nuôi đứa em kế của chồng cũng đang ở trại "tù cải tạo", lo bảo bọc bốn đứa em chồng còn nhỏ dại. Một gánh nặng trên vai mà chỉ có những người đàn bà trung hậu đảm đang như chị mới tự mình lo gánh vác bên nhà chồng được như vậy!.

Theo lời anh kể…*lúc anh đang ở trong trại "tù cải tạo", lần đi thăm nuôi anh, chị đem bé đi theo khi đó bé Mì Xanh chưa được ba tuổi, chị để bé đi vào trại với vài đứa nhỏ khác cùng trang lứa vì chị còn đang bị thủ tục khám xét ở ngoài cổng. Anh và các bạn tù đứng kế bên hàng rào kẽm gai dọc theo lối đi lòng nôn nao mong ngóng gặp lại vợ con. Thấy mấy đứa nhỏ tung tăng chạy nhảy anh lên tiếng, mấy đứa con coi chừng té vào hàng rào đó nghen. Vừa*

lúc ấy anh bạn tù đứng kế bên nhận ra một đứa bé gái có gương mặt giống anh như đúc, nghe anh bạn tù kêu lên…ê, Lạc con bé này nó giống mày quá…anh liền hỏi bé, con đi thăm ai, dạ con đi thăm bố Lạc, anh vội bế nó lên và hôn nó tới tấp thấy đã quá chừng. Kể đến đây, tôi thấy mắt anh ngời sáng cùng với nụ cười mà chúng tôi thấy có đủ ý nghĩa…"*đã quá chừng*" trong câu nói đó.

Khi ở tù về gặp lại vợ con, nếu như không ở trong hoàn cảnh khó khăn vào thời bấy giờ ở miền Nam, có lẽ đây là thời gian hạnh phúc nhất của gia đình anh chị. Mỗi buổi chiều, bé đứng đón bố của bé đi làm lao động về, khi thấy bóng anh từ đàng xa bé mừng rỡ la lên Bố về, rồi chạy nhanh ra để được anh bế lên ôm vào lòng, bé cười sung sướng được cùng ngồi trên chiếc xe đạp đưa hai bố con đi vào nhà.

Nhưng rồi những ngày hạnh phúc đến không được bao lâu thì anh phải đi vượt biên trước để lại vợ con của anh đi sau. Chị nói lo cho anh đi trước, nếu cùng đi hết lỡ có chuyện bị bắt lại còn ai là người thân ở ngoài mà lo cho anh chị. Sau khi vượt biên thành công, được qua Mỹ, anh đi làm tới tấp để có tiền gởi về cho chị vừa lo cho bên nhà của anh, lo cho chị với con và đứa em trai út của anh sẽ cùng đi vượt biên.

Chị ở lại bên nhà, tiếp tục thăm nuôi đứa em chồng còn trong "tù cải tạo", những lần gặp đứa em chồng, chị đều dặn dò chu đáo ghi địa chỉ nhà người thân của chị ở Mỹ để em chồng chị khi thoát tù, biết đó mà cho tin tức.

Một buổi sáng. Một buổi sáng trong một ngày định mệnh!. Một chiếc xe molotova tông vào bé Mì Xanh đang đứng chơi trước cửa nhà. Đầu của một đứa bé mới năm tuổi làm sao có sức chịu đựng của chiếc xe vận tải to lớn của tụi Việt Cộng!. Nhìn đứa con bé bỏng với dây nhợ tùm lum trên đầu chị không tin đó là sự thật vì trước mắt chị sao quá cay nghiệt. Chị không kịp hiểu chuyện gì đã xảy ra mà chỉ cảm nhận được tận cùng nỗi đau.Tất cả diễn nhanh đến mức vô lý. Cuộc sống của chị bây giờ hụt hẫng, tinh thần suy sụp, đầu óc trống rỗng trong tháng ngày nầy. Đây là vết thương lớn đầu tiên trong đời của chị. Đứa con yêu quý của anh

chị ra đi khi còn quá bé bỏng. Ở bên này đại dương anh đang sống từng ngày chờ đợi ngày đoàn tụ với vợ con. Chị ở bên quê nhà với nỗi đau mất đứa con mà chị từng chăm chút nuôi nấng. Chị chưa dám cho tin để anh cùng chia sẻ.Mà thật vậy, khi anh biết tin rồi, chiều nào đi làm về anh ra ngồi bên vệ đường mà khóc suốt cả hơn tháng trời. Anh khóc cho con của anh, khóc cho định mệnh sao quá tàn nhẫn trút lên đời anh!

Hơn 25 năm sau và cho đến bây giờ, anh chị vẫn còn hay nhắc nhở tới bé Mì Xanh, tưởng như đứa con bé nhỏ 5 tuổi đang còn luôn cận kề bên anh chị. Mỗi lần, khi nhắc đến bé cả anh chị lúc thì có tiếng cười sung sướng khi thì có nước mắt ngậm ngùi, và mắt tôi cũng cay ướt như cùng chia sẻ nỗi mất mát ngút trời của anh chị.

Anh tôi có nói với bé Mì Xanh: thôi, con đừng vương vấn theo bố mẹ của con nữa. Con hãy siêu thoát đừng quanh quẩn ở trần gian này không có gì vui đâu. Con hãy lên nước Thiên Đàng hay về cõi Niết Bàn nghen con! Đến bây giờ mỗi khi nhớ lại tôi cũng không quên được nỗi cảm xúc hiện trên mặt anh chị khi kể chuyện về bé. Một câu chuyện buồn. Hình như nỗi buồn đó cũng vương vướng vào trong tôi mỗi khi nhớ đến!...Trân trọng những cái tình trong gia đình của anh chị NQL K26

CHUY ̣ ̂N NGĂN NGẮN 2

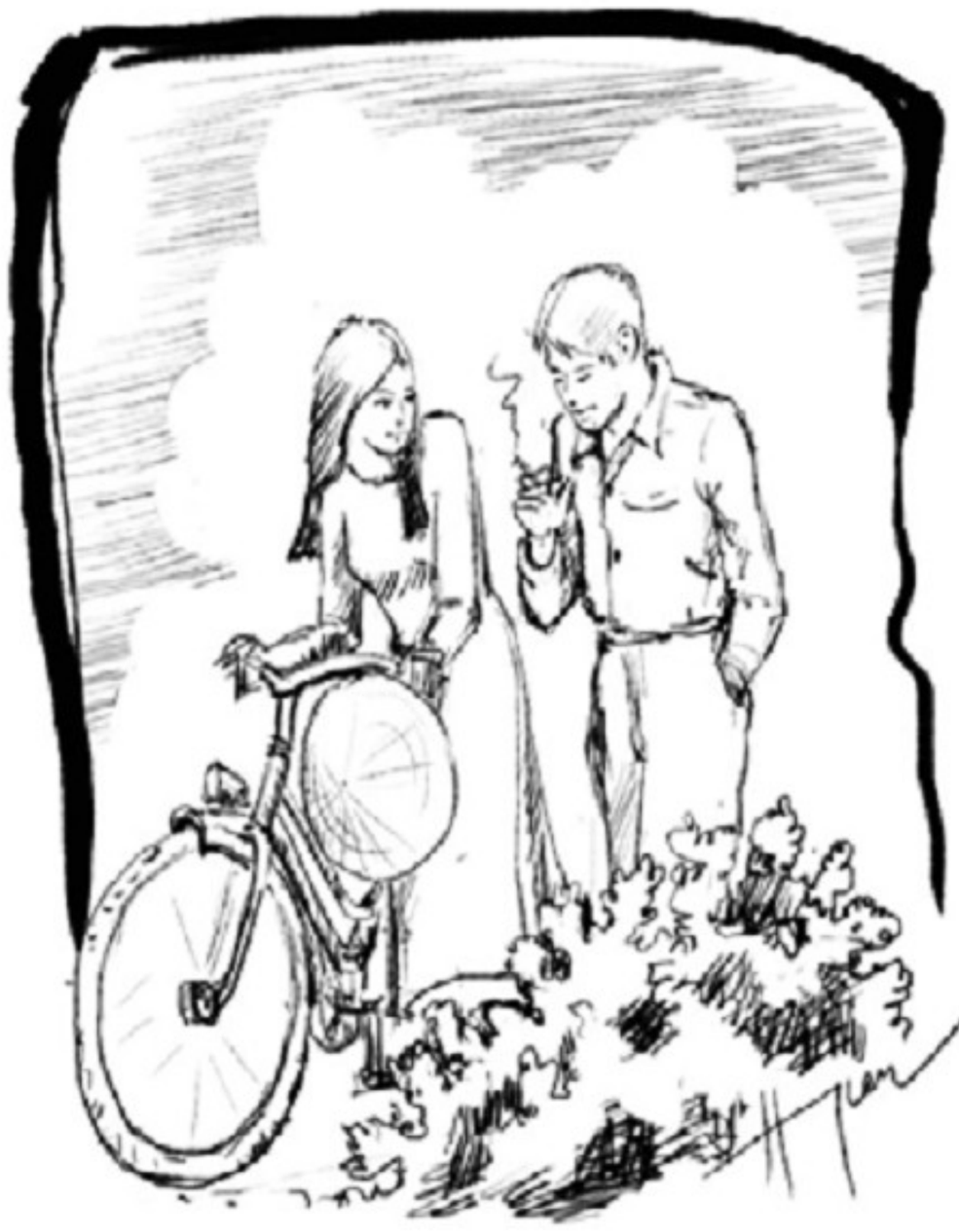

Nguyễn Văn Ngọc K26

Hắn học trường Võ Bị, năm thứ tư được phép mặc thường phục đi dạo phố Đà Lạt.

Một sáng Chủ Nhật đầu mùa hè, h ắn tình cờ giúp cô gắn lại cái dây sên bị sút của chiếc xe đạp mini mà cô đang dắt bộ bên bờ hồ Xuân Hương.

Thế là họ quen nhau. Mỗi dịp được ra phố, như một thói quen, hắn thường ghé quán Mekong, gọi tách cà phê đen và cái bánh pâté chaud, ngồi nhâm nhi, nhìn thiên hạ qua lại bên ngoài cửa kính, giết thời giờ.

Sau nầy, thỉnh thoảng có cô cùng ngồi, nói chuyện gẫu, hắn thấy vui vui.

Có lần cô nói tựu trường sắp đến, cô được lên lớp đệ nhị trường Bùi Thị Xuân.

Có lần cô hỏi trong các thứ bánh, anh thích ăn bánh nào nhất. Sẵn có cái bánh pâté chaud trước mặt, hắn nói bừa, anh thích bánh nầy.

Có lần cô cho biết trưa thứ Bảy tuần tới là sinh nhật của cô và mời anh ghé nhà.

Hắn đến nhà cô hơi trễ vì phải đợi khá lâu mới xin được giấy phép xuất trại, nhưng không thấy ai ngoại trừ một người giúp việc.

Bà cho biết ba má cô đã đặt nhà hàng chiếc bánh sinh nhật thật lớn. Nhưng cô muốn tự tay làm thêm bánh pâté chaud để đãi ai đó, nên sáng sớm đạp xe đi mua nguyên liệu, k hông may, một chiếc xe hơi đã tông vào cô trên đường vào chợ. Xác cô đang quàn trong bệnh viện.

Trời ơi, cô qua đời trong ngày sinh nhật của mình khi vừa mười bảy tuổi.Tên cô làTiểu Vân.

Một chút mây trên bầu trời Đà Lạt như chưa bao giờ tan mất trong lòng hắn, từ đó!

CHUYỆN NGĂN NGẮN 4

Giữa tháng 12 năm 1974, Đại Đội 4 thuộc LĐ81BCND được chuyển vận từ Biên Hòa đến đóng tại Căn cứ B16, cạnh phi trường dã chiến Tây Ninh Đông.

Nhiệm vụ chính của Đại Đội 4 là thả các Toán và Trung Đội vào vùng rừng núi Bà Đen để khám phá hoặc tiêu diệt những khẩu pháo, dàn phóng hỏa tiễn 122 ly của VC thường xuyên bắn vào tỉnh lỵ Tây Ninh.

Đêm trước Lễ Giáng Sinh, ban Tâm Lý Chiến của Tiểu Khu Tây Ninh có nhã ý đến giúp vui, hỗ trợ tinh thần chiến sĩ Đại Đội 4 bằng một toán văn nghệ gồm hai nữ ca sĩ, một nam ca sĩ và hai nhạc sĩ đàn guitar.

Là Trung Đội Trưởng Trung Đội 1 ứng trực hôm đó, hắn có nhiệm vụ tiếp đón toán văn nghệ đến vị trí tập họp của Đại Đội để họ bắt đầu đàn hát những bài ca chính huấn hay những bản nhạc do binh sĩ yêu cầu.

Chương trình hát giúp vui chấm dứt vào khoảng 9 giờ tối. Hắn hướng dẫn toán văn nghệ vào câu lạc bộ dã chiến

dùng trà nước, bánh ngọt cùng các sĩ quan của Đại Đội, trước khi tiễn họ ra về.

Trong lúc ngồi trò chuyện, cô ca sĩ mặc áo dài trắng với mái tóc chấm vai ngồi đối diện, thỉnh thoảng ngước nhìn hắn và rồi chợt hỏi nhỏ:

- "Xin lỗi, thiếu uý là sĩ quan Đà Lạt?"

Hơi ngạc nhiên, hắn ngó mắt cô vài giây, hỏi lại:

- "Sao cô biết?"

Mắt cô ca sĩ như ánh lên một chút dưới ánh sáng vàng vọt của chiếc bóng đèn treo đong đưa trên trần lều vải, phân trần:

- "Em chỉ đoán thôi, tại vì thấy tay thiếu úy có đeo chiếc nhẫn trông quen quen, nên tò mò."

Có một chút cảm tình tự nhiên dâng lên trong lòng, hắn chìa bàn tay phải có đeo chiếc nhẫn ở ngón áp út ra, xác nhận:

- "Cô đoán không sai. Tôi khóa 26 Võ Bị, khi ra trường, ai cũng có cái nhẫn nầy."

- "Thiếu úy ra ngoài kia một chút được không?"

Cô ca sĩ hấp tấp đứng dậy, nói lí nhí qua hơi thở đứt quảng rồi bước nhanh ra khỏi lều.

Hắn đi theo cô. Khi cả hai cùng dừng lại bên gốc cây bã đậu, cô ca sĩ run giọng:

- "Như vậy là thiếu úy biết anh Thấu. Diệp Thanh Sơn Thấu. Em là bạn gái của ảnh. Ảnh đã tử trận ngoài miền Trung mấy tháng rồi. Ảnh đi Thủy Quân Lục Chiến."

Hắn bỗng bàng hoàng và nghe một cảm giác ớn lạnh chạy dọc theo sống lưng mình khi cô ca sĩ vừa dứt lời.

Bốn mươi năm đã qua. Những lời đối thoại đã quên. Nhưng hình ảnh cô ca sĩ có giọng hát trầm buồn, mặc áo dài trắng như nữ sinh đêm nào, nghẹn ngào kể chuyện về người yêu của mình chết trận với những giọt nước mắt lăn dài trên má, sao hắn còn nhớ hoài?

Nguyễn Văn Ngọc

Thaùng töø

Ngân Ánh

Tháng Tư trời đất trong ta
Em xưa tựa cửa người xa chưa về
Tháng Tư mây phủ sơn khê
Ta đi mang tiếng phụ thề cố nhân
Bao năm ánh mắt lạc thần
Biết tìm đâu bóng cố nhân ngày nào
Lòng nghe nổi sóng dạt dào
Nhớ về ngày cũ đếm sao trên trời
Tôi quên sao được một thời
Yêu đương mọng đỏ bờ môi người tình
Giờ đây đếm bước một mình
Nghe long ấm lạnh nghe tình trôi xa
Lắm khi muốn trách trời già
Bày chi ra cảnh người xa nhớ người
Tháng Tư ai tắt nụ cười
Xin em ở lại hiểu người ra đi

Thư gửi Mạ năm thứ 40

Thu Nga

<u>Lời tòa soạn</u>: Chị Thu Nga là phu nhân của Cựu SVSQ Đỗ Văn Hạnh K18. Chị là owner của một đài phát thanh tại Dallas và là trưởng chi nhánh SBTN tại Dallas .

Mạ ơi! 30 tháng Tư năm ni đánh dấu 40 năm tròn ngày đau buồn nhất của trang sử Việt Nam! Khắp nơi trên thế giới, nơi nào có người Việt cư ngụ, đều có những chương trình tưởng niệm trang trọng. Thời gian quả thật như bóng câu qua cửa sổ! Mới đó mà đã 40 năm qua rồi! Từ đó đến nay nỗi đau mất quê hương vào tay giặc cộng như một vết thương sâu, chỉ lành trên mặt, nhưng bên dưới vẫn âm ỉ mưng mủ,chỉ chờ có cơ hội là rỉ máu đớn đau như cũ!Ngày con ra đi mạ chưa tới 70, vẫn còn mạnh khỏe bương chải nuôi dâu mới sanh xong lại vào Sài Gòn chờ con gái khai hoa, nở nhụy. Nuôi con được một tháng, mạ cúng đầy tháng cho cháu Út xong mới quay trở lại Tuy Hòa.

Mạ về nhưng không yên tâm, nên mạ dặn dò rất kỹ con bé C. làm những điều cần thiết cho người mới sanh, dù sanh con rạ, mạ bảo cũng phải kiêng cử vài tháng, như đi đứng phải nhẹ nhàng, không ăn những thứ quả chua, không ăn những thức ăn quá lạnh và nhất là phải uống thuốc bổ máu huyết.

Ngày tháng đó, gần cuối tháng Tư, mẹ con bà Ch. đã đi về nhà mẹ của bà ở gần Chợ Lớn. Bên kia trung tâm tạm trú Hải Quân cũng vắng vẻ hơn. Trước đây, lúc nào cũng tập nập người ra, người vào. Những ngày cuối tháng Tư, con cũng bắt chước người ta đi đổi dollars. Những người đổi dollars chuẩn bị thoát ra nước ngoài. Con nhớ đã mang tiền Mỹ lại nhà anh T., Trung tá. Em

của anh là anh Kh. , bạn cùng khóa với nhà con. Con nhớ anh bảo tìm đường đi, không còn thuốc chữa đâu. Thế nhưng anh Kh. lại không nghe lời ông anh, anh Kh. cười cười bảo tụi con là "chủ bại, có chi phải chạy! nghe nói trung lập mà". Cũng vì không chịu tin là Việt Nam hết thuốc chữa, và mặc dù có anh em ruột thịt là những sĩ quan cao cấp cho biết trước thế mà cuối cùng anh Kh. ở lại, đi "tù cải tạo" cả 15 năm. Có lẽ do số phận an bài. Trong khi tin tức dồn dập không khả quan chút nào như Việt Cộng đã chiếm lần lần các tỉnh miền Trung, hết Đà Nẵng, tới Tuy Hòa, Nha Trang, Phan Rang v..v.. và đang tiến gần đến Thủ Đô. Con đã trải qua giây phút khủng hoảng Tết Mậu Thân tại Pleiku, và nay một lần nữa, phải đối diện với điều tương tự, thật khủng khiếp.Thiên hạ rùng rùng bỏ chạy. Con lo sợ và hoang mang lắm. Chứng mất ngủ lại càng nặng hơn.

Vào lúc nầy mấy ông lính bị cấm trại một trăm phần trăm. Trong khu quân sự của trung tâm điện ảnh cũng vắng vẻ một cách kỳ dị. Đàn bà chỉ nghe lóm từ câu chuyện của mấy ông rồi bàn tán xì xào với nhau. Ngày 29 tháng 4, con nhớ như in, ông L. ông M. ông Th. và nhà con về nhà hầu như cùng một lúc. Nói là về nhà có vẻ xa nhưng thật ra từ cư xá, tới văn phòng làm việc của mấy ông cách không xa. Con và mấy bà vợ khác ít khi ra vào nơi đó trừ khi có việc gì cần kíp. Nét mặt của các ông có vẻ nghiêm trọng. Con và các bà còn lại trong cư xá được báo tin là chuẩn bị di tản. Con hỏi đi đâu? nhà con bảo đi ra tàu, rồi tính. Nói xong, nhà con quay lại văn phòng.

Con nhìn mông lung ra cửa sổ qua hướng trung tâm tạm trú hải quân, đối diện với cư xá. Khung cảnh im lìm, tịch mịch. Không có tấp nập như trước đây. Con lại nhìn

chung quanh căn nhà, lòng bâng khuâng tự hỏi: đi đâu? Chừng nào về ?... Và nhiều câu hỏi khác hiện ra trong đầu mà không biết ai có thể trả lời cho mình. Con nhớ mạ, nhớ nhà quay quắt và thèm một chỗ nằm yên ổn trong căn phòng mạ dành riêng cho con mỗi lần con về thăm và ở lại thật lâu.Con ước ao phải chi con đang ở với mạ, giao phó tất cả vào tay mạ; rồi lại thầm mong những việc đang đảo lộn chung quanh chỉ là một giấc mơ dữ, khi thức giấc mọi chuyện trở lại bình thường.

Thế nhưng khi nhìn thấy cô em chồng, H.L mới từ Nha Trang vào đây học nghề tóc ở Khánh Hội, nghe lời anh dặn chuẩn bị, cô đang bỏ áo quần vào trong xách tay cho ba đứa cháu, con nhận thức ra rằng đây là cuộc đời thật, không phải là một ác mộng. ..

Khi mọi chuyện xong xuôi, các ông trong dáng vẻ hấp tấp trở về hối vợ con. Gia đình người nào tự lo liệu. Cô em chồng bỗng dưng nói không muốn đi theo, muốn ở lại một mình tìm đường về lại Nha Trang. Nhà con cau mặt gắt "Nha Trang mất rồi, làm sao mà về. Đi bây giờ ngay rồi tính sau!". Cô em sụt sịt khóc nhưng không dám cãi lại. Tụi con cả thảy là bảy người hối hả chất lên trên một chiếc xe Honda chạy cho kịp. Tới bây giờ suy nghĩ lại, con vẫn không hiểu sao, bảy người lại có thể ngồi trên một chiếc xe gắn máy nhỏ xíu như vậy được. Điều đó chứng tỏ rằng trước cơn nguy biến, bản năng sinh tồn làm cho người ta có thêm ý chí, sức mạnh làm những việc mà không thể nào làm được hay nghĩ ra trong hoàn cảnh bình thường.

Đi ngang Khánh Hội, thấy người ta nhốn nháo chạy lên chạy xuống, lách đầu này, lạng đầu kia, cuối cùng tụi con cũng vào được bên trong bến tàu. Người thật đông. Trên bãi cát, xe cộ bỏ bừa bãi, phần đông là xe gắn

máy, xe hơi và cả xe đạp. Dưới sông có nhiều chiếc tàu lớn. Tụi con đươc bảo chạy về hướng con tàu mang tên Anh Tuấn. Không biết bằng cách nào, gia đình tụi con, gia đình ông bà L., gia đình ông bà T. đều lên được trên tàu đầy đủ.

Bảy ngày lênh đênh trên biển cả với những cơn mưa như trút nước, với bóng tối bao trùm dưới hầm tàu, với tiếng khóc không ra tiếng của cháu Út, với những bữa cơm đạm bạc tối đa của người chủ tàu tốt bụng và cuối cùng với sự tiếp tế của tàu Mỹ, mọi người bình an đến Subic, Phi Luật Tân.Sau những thủ tục giấy tờ, từ Subic đến đảo Gwam và từ Gwam đến định cư tại Hoa Kỳ.

Từ đó đến nay thấm thoát đã 40 năm. 40 năm con không gặp lại mạ một lần nào nữa! con tự làm những việc mà mạ đã làm cho con, nuôi con và có cháu nội ngoại để thương yêu! Những khi con cái làm con buồn lòng, con mới hiểu con đã làm biết bao nhiêu điều muộn phiền cho mạ. Con cũng nhận ra rằng nước mắt chỉ chảy xuôi, không bao giờ chảy ngược! Con có nhớ mạ đến đau thắt ruột gan. Bây giờ có muốn đền bù công ơn sinh thành dưỡng dục đôi chút cũng không bao giờ còn cơ hội nữa! Làm sao quay ngược được kim đồng hồ. Những đứa con của con cũng có những sự phản kháng như con đã từng làm với mạ. Và con hiểu rồi chúng cũng sẽ nhận ra sự thương yêu của cha mẹ như thế nào khi con của chúng lớn lên, và sẽ thấm thía hiểu được lòng yêu thương vô bờ bến của hai bậc sinh thành. Con bây giờ đã vào lứa tuổi của mạ 40 năm về trước và đứa cháu Út mới hai ruổi rưỡi năm nào nay đã ở vào lứa tuổi trung niên!

Mạ ơi! 40 năm xa quê hương tổ quốc, có những đêm con nằm mơ thấy mạ. Thấy lại ngôi nhà thời thơ ấu. Con

nghe được tiếng hàng xóm chuyện vãn lao xao của mỗi buổi sáng mai khi mặt trời vừa thức giấc. Con nghe được âm thanh của những chiếc gàu múc nước từ chiếc giếng nằm ở cuối xóm. Con nghe được tiếng chuông nhà thờ nằm gần khu xe lửa. Con thấy được ánh sáng bập bùng của nồi bánh tét tối 30 Tết sau hè. Con nếm được vị ngọt ngào của chiếc bánh chưng nhỏ xíu mà anh N. dùng nếp vụn và nhưn còn lại để gói riêng cho đứa em gái. Và thật sâu trong ký ức, con còn hình dung cả thời tiểu học ở trường Quân Dân Chính với tiếng trống vào lớp và tiếng trống tan trường dòn dã. Con thấy cả bóng cây bàng thật to ở cuối sân trường mà mỗi lần trời chạng vạng, con đi ngang đều cắm đầu chạy vì sợ ma.

Nhiều đêm con lại nghe được tiếng thông reo vi vu trên con đường dẫn đến trường Nguyễn Huệ cũ. Con cũng sống lại giây phút cả đám, trai có, gái có rủ nhau đạp xe đạp thi từ ngôi trường Nguyễn Huệ mới xuống bãi biển Tuy Hòa. Khi mặt trời đã lặn sau đỉnh núi, cả bọn lại lao nhao lên xe đạp về. Hình như có một ánh mắt nhìn theo sau lưng tà áo trắng. Ánh mắt dĩ vãng vẫn ám ảnh con không nguôi trong những cơn mộng mị. Sau cuộc đời không biết ánh mắt đó đã về đâu!?

Thỉnh thoảng, khi có thì giờ, con lật lại những cuốn album có những tấm hình trắng đen đã bạc màu, mà ba đã khổ công lục lọi lại trong nhà gởi cho con vài năm sau 1975. Tâm hồn lắng đọng với những kỷ niệm dấu yêu. Này là hình ảnh của một thời áo trắng, thời của những bước chân chim. Thời của những e thẹn, ngập ngừng, bối rối trong từng trang lưu bút. Thời của những đêm ngồi nắn nót chép lại những bài thơ tiền chiến mà thấy như bài thơ diễn tả tâm sự của mình... Rồi này là

hình mạ, hình ba, hình anh. Những hình con theo chồng về nơi Pleiku đèo heo hút gió khi tuổi mới đôi mươi.

Hai năm sau Tết Mậu Thân, nhà con mới xin đổi vào Sài Gòn. Và với năm năm ở Sài Gòn đã ghi vào sổ tay đời con thật nhiều kỷ niệm. Từng góc phố, cột đèn, chợ hoa, thương xá. Những buổi ra phố chỉ để nhìn người dân Sài gòn lượn lên,lượn xuống khoe chiếc áo dài tha thướt hay những chiếc mini jupe để khoe cặp chân dài. Ăn quà vặt ở chợ Bến Thành,nhâm nhi phá lấu và uống nước mía Viễn Đông... Nhớ làm sao những cơn mưa bất chợt rơi lộp độp trên mái tôn của ngôi chợ.

40 năm trôi qua, con chỉvề lại Việt Nam một lần khi anh N. qua đời, khoảng mười năm, sau khi con rời bỏ quê hương. Khi con về anh đã được chôn cất, con không được nhìn mặthân yêu của anh lần cuối. Những ngày ngắn ngủi ở đây con chỉ toàn thấy những gương mặt xấu xí ảa bọn đã cướp miền Nam. Những nơi chốn thân yêu nhất trong lứa tuổi mộng mơ của con không còn lại dấu vết nào cả. Con như đi lạc vào một quốc gia không phải là của con những ngày xưa cũ. Tuy Hòa của con khi mới lớn hoàn toàn thay đổi. Và Sài Gòn của thời trưởng thành cũng thay đổi một cách đáng sợ. Và khủng khiếp hơn hết là bây giờ người ta thay tên Sài Gòn ngút ngàn yêu thương bằng tên của một xác chết ở Ba Đình. Mạ ơi! Bọn họ trơ trẽn, gọi ngày 30 tháng Tư là Ngày Giải phóng. Thật mỉa mai!, giải phóng gì mà lại khuân vác cả tài sản miền Nam trù phú ra xứ miền Băc nghèo đói? Giải phóng gì mà những tên cán ngố miền Bắc ngước mặt nhìn những biệt thự, cao ốc của miền Nam mà tưởng như lạc vào thiên thai.
Nhưng vẫn còn có một chút an ủi cho người Việt tị nạn cộng sản ảải ngoại, đó là chỉtrong vòng 40 năm trên

xứ người, nhiều người mới hôm nào chỉ còn hai bàn tay trắng, nay đã trở thành những chủ nhân ông, trong đó có cháu ngoại của mạ, trở thành bác sĩ, khoa học gia, luật sư, chính trị gia, rất nhiều triệu phú không thiếu một ngành chuyên môn nào cả.

Thế nhưng mạ ơi! Con của mạ, cũng như bao nhiêu người Việt lưu vong khác, tới cái tuổi này đáng lẽ chỉ còn biết hưởng thụ, con cái đã nên danh phận, thế nhưng hạnh phúc của mỗi nhà hình như không được trọn vẹn. Trong lòng mỗi người con xa xứ đều có một sự gì lấn cấn. Sự lấn cấn đó là giấc mơ chưa thành tựu, giấc mơ hồi hương. Giấc mơ chế độ Cộng Sản sụp đổ. Giấc mơ này kéo dài đã 40 năm vẫn chưa đạt được nhưng giấc mơ ấy vẫn còn nguyên, sẽ không bao giờ tàn lụi với thời gian. Cho nên mỗi lần tháng Tư về thì vết thương xa quê hương lại vỡ òa nhức nhối! Đã có nhiều người phải bỏ cuộc vì chí thì mong tiến bước nhưng sức không kham nổi đoạn đường đành bỏ thây nơi xứ người mà hồn vẫn mơ về cố quốc. Nhiều khi tự ngắm nhìn trong gương, con cũng đã tự hỏi giấc mơ của mình bao giờ thành sự thật và mình còn có cơ hội để ngắm nhìn hay không?!

Những giấc mơ trong tuổi thơ vẫn bám chặt ky ức con không rời mặc dù đã 40 năm trôi qua. 40 năm đã biến những đứa cháu của mạ đã quá tuổi trưởng thành. 40 năm quả đã làm bể cả hóa nương dâu. Giờ đây đứa con gái nhỏ bé của mạ nay cũng đã qua rồi thời xuân sắc! Thời gian trôi quá nhanh. Con nhớ như in, khi con còn bé, con mơ ước được mau lớn để trở thành cô giáo như cô Thu Hồ, cô giáo lớp nhất mà con rất yêu quy. Cô đã thuê nhà của mình và ở chung với cô Ngọc Lan. Cô Thu Hồ có mái tóc cắt tém, kiểu demi garcon, còn cô Ngọc

Lan thì có mái tóc dài dợn sóng. Nhiều lần con thấy mấy anh học sinh lớn, bạn anh N. nhìn cô Ngọc Lan một cách ngưỡng mộ. Con say mê nghe hai cô nói những gì đã đọc trong những cuốn Pairs Match nào tài tử Brigitte Bardot, Audrey Hepburn, Sophia Loren, Alain Delon Con say mê nghe cô Ngọc Lan ca những bài ca tiếng Pháp mà cô Thu Hồ khen cô hát không thua gì Sylvie Vartan. Con thật sung sướng khi đi theo cô Thu Hồ thăm Quy Nhơn. Cô Thu Hồ một lần về quê Phan Thiết ăn Tết, khi quay lại, mang theo cho con hai bộ đồ thật đẹp có chiếc quần tây bó ống. Chiếc quần này được tụi trẻ nhỏ ở Gò Bồi Quy Nhơn trầm trồ, chỉ trỏ một cách thèm thuồng.

Con cũng nhớ, mong lớn cho nhanh để được mang chiếc nhẫn ngọc nạm vàng khua lắc cắc của cô Bảy Ngọng, hay được đeo đôi xuyến vàng chóe của thím Chín Thịt Heo! Khi được ba đem vào Nha Trang thăm bác Dự, con lại ao ước lớn mau mau để được bận những bộ quần áo lụa màu mỡ gà sang trọng, được vén mớ tóc uốn quăn lên cao, để khoe chiếc giây chuyền vàng có hột ngọc màu xanh thẫm.

Mạ ơi! Kể làm sao hết những kỷ niệm quý giá của thời thơ ấu có mạ, có ba, có anh bên cạnh. Trong giây phút xúc động xao xuyến này, con nguyện với lòng là trân quý những hạnh phúc đang nắm giữ trong tầm tay, tận hưởng từng giây phút của đời sống hiện tại. Những kỷ niệm ngọc ngà của một thuở xa xưa vẫn ấp ủ thương yêu, giữ gìn như một bảo vật hành trang, nhưng không ân hận, không hối tiếc làm mất đi niềm vui hiện tại. Những con diều, những chiếc lồng đèn trung thu, những con chim sáo, những con dế mèn, những hòn bi đủ màu sắc có thương tiếc cũng không thể nào tìm được, và

chắc chắn các cháu của mạ không thể nào hình dung ra đươc những món đồ chơi của thời xa xưa đó. Chúng đã được thay bằng những trò chơi trên máy điện toán, những chiếc JPhone, JPad, những chiếc tàu bay, xe hơi chạy bằng remote control tối tân. Mạ ơi! Hiểu ra được điều ấy, con thấy lòng nhẹ nhàng hơn và cũng chấp nhận hiện tại một cách thanh thản hơn .

Con đã trải qua 40 lần tháng Tư Đen, cái tháng Tư oan nghiệt đã đem con ra biển xa mọi thứ quý giá nhất trên đời! Trong 40 lần tháng Tư đó, con cũng như bao nhiêu người Việt tị nạn Cộng Sản đã tận dụng tất cả mọi phương tiện mình có trong tay để bảo vệ thành trì chống cộng tại hải ngoại. Sức mạnh đoàn kết đã đem lại chiến thắng vẻ vang trong những trận biểu tình chống phái đoàn Cộng Sản, bẻ gãy nghị quyết 36 của chúng trong âm mưu phá nát cộng đồng người Việt, và lá cờ vàng ba sọc đỏ thân yêu đã được nhiều tiểu bang, thành phố Hoa Kỳ chấp nhận là lá cờ chính nghĩa của cộng đồng người Việt tị nạn Cộng Sản. Đồng thời mạnh mẽ yểm trợ cho phong trào đấu tranh dân chủ trong nước, mong có một ngày lật ngược cái gọi là giải phóng miền nam của Việt Cộng để đòi lại tên Sài Gòn dấu yêu.

Đã qua 40 lần tháng Tư, niềm tin vẫn còn đó, giấc mơ hồi hương vẫn còn nguyên, cuồn cuộn xoáy trong lòng, như những đợt sóng ngầm trong trái tim xa xứ. Lần 30 tháng Tư của 40 năm, con nhất định làm theo lời nguyên hứa là dùng quá khứ làm hành trang cho đời, tận dụng tất cả sức lực, phương tiện mình có trong hiện tại để tiếp tục tranh đấu cho tương lai đất nước Việt Nam.

30 tháng Tư lần thứ 40 này chưa đạt được, sẽ cố gắng hơn nữa để đạt được trong lần 30 tháng Tư kế tiếp. Con biết mạ sẽ phù hộ cho con có đủ nghị lực để chờ ngày vinh quang đó! Phải không mạ.

Nhận Được Tin Buồn

CSVSQ Lê Thế Xương Cựu SVSQ K5 Hoàng Diệu
Pháp danh Thiện Vinh

Đã về cõi Phật vào lúc 12 giờ trưa ngày thứ Sáu, 28 tháng 11 năm 2014
(nhằm ngày 7 tháng 10 năm Giáp Ngọ)
Tại tư gia ở Canberra, Úc Đại Lợi
Xin chân thành chia buồn cùng chị Lê Thế Xương và Tang quyến
Nguyện cầu hương linh CSVSQ Lê Thế Xương sớm được tiêu diêu miền Cực Lạc
CSVSQ khóa 5 Lê Văn Thành
Đại diện khóa 5 Hoàng Diệu, Úc Châu

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:
Hiền thê Cựu SVSQ Nguyễn Việt Hồ /K19 là:

Bà ĐẶNG THỊ KIM CHI
Pháp danh **Minh Uyên**
Đã tạ thế ngày 18 tháng 2 năm 2015
(Nhằm ngày 30 tháng Chạp, năm Giáp Ngọ)
Tại Santa Clara, California , Hoa Kỳ
Hưởng thọ: 68 tuổi.

GIA ĐÌNH CSVSQ/KHÓA 19/TVBQGVN
Thành kính chia buồn cùng bạn Nguyễn Việt Hồ và gia đình
Nguyện cầu hương linh chị **Đặng Thị Kim Chi**
Pháp danh **Minh Uyên**
sớm được tiêu diêu Miền Cực Lạc.
TM.Khóa 19
Trương Thanh Sương.

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Cựu SVSQ CHÂU VĂN NAM

Khóa 21/TVBQGVN

Vừa tạ thế ngày 16 tháng 2 năm 2015

(Nhằm ngày 28 tháng 12 Năm Giáp Ngọ)

Tại Bệnh viện Charllotte NC, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 69 tuổi

Đại Gia Đình Khóa 17 Cựu SVSQ/TVBQGVN

Chân thành chia buồn cùng Tang Quyến và

Đại Gia Đình Khóa 21 Cựu SVSQ/TVBQGVN.

Nguyện cầu Hương Linh Niên Đệ **CHÂU VĂN NAM**

Sớm được hưởng Nhan Thánh Chúa.

TM. Đại Gia Đình K.17/CSVSQ/TVBQGVN

CSVSQ Nguyễn Quang Trung.

KHÓA 21 / TVBQGVN

NHẬN ĐƯỢC TIN BUỒN:

Bà Qủa Phụ NGUYỄN BÁ SÁNG K21/ B

MARIA GORETTI TRẦN NGỌC OANH

Từ Trần Lúc 4:30 pm Ngày 16 Tháng 2 Năm 2015

(Nhằm Ngày 28 Tháng Chạp Năm Giáp Ngọ)

Tại Chicopee, Masschusetts, Hoa Kỳ

Hưởng Thọ 72 Tuổi

GIA ĐÌNH KHÓA 21 CSVSQ / TVBQGVN

Chân Thành Chia Buồn Cùng Các Cháu và Tang Quyến.

Nguyện Cầu Linh Hồn Maria Goretti Trần Ngọc Oanh

Sớm An Nghỉ Trong Nước Chúa

T.M. BAN ĐẠI DIỆN KHÓA 21 / TVBQGVN

CỰU SVSQ NGUYỄN TRÍ PHÚC K21 BXH

THÁNG TƯ,
UỐNG RƯỢU VỚI NGƯỜI XƯA

Tặng anh LVT, ĐĐ FB,K28

HƯƠNG THỦY

Cạn ly đi anh, cuộc đời này cõi tạm

Còn gặp cố nhân là hạnh phúc lắm rồi

Bốn mươi năm... tưởng đã quá xa xôi

Những dâu bể đổi dời trong chớp mắt.

Rót thêm nữa anh, rượu có gì cay đắng?

Cay chi bằng thời cuộc xoay vần

Đắng chi bằng phù thế hư vân

Ngồi gõ nhịp "Hồ trường" trong quán vắng.

Đêm không trăng sao, có hề chi anh nhỉ?

Hết rượu Tây ta qua đế Gò Đen

Đã tận đáy cuộc đời thì còn gì mà sợ

Trần gian tri kỷ chút hơi men.

Hồ Than Thở xác xơ màu cỏ úa

Đỉnh Lâm Viên trắng xóa một màn sương

Đập Huyền Trân nước chia cắt đôi đường

Nâng ly nhớ thời trai hùng, hào sản

Anh phiêu dạt nơi chân trời góc bể

Em còn gì nguyên vẹn để tìm nhau

Nghìn u uất dìm sâu trong đáy cốc

Bếp lửa tình yêu chờ nhen lại kiếp sau!

Xin đừng nghĩ em là người phóng đãng

Uống với nhau cho vơi cạn nỗi buồn

Uống với nhau để chặn nước mắt tuôn...

Thêm ly nữa! Cầu trời chưa vội sáng

HƯƠNG THỦY

****

Công Lý một chiều công lý có

Tự Do giới hạn tự do còn

"Nam Kỳ Khởi Nghĩa" tiêu công lý

"Đồng Khởi " lên rồi mất tự do

Khoá 31 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam

40 Năm Họp Mặt

1975-2015

Qua Đa Hiệu 104, Ban Đại Diện Khoá 31 Hải Ngoại chuyển tin đến anh em Khoá 31 đã mất liên lạc.

Trân trọng mời các bạn Khóa 31 cùng các chị & các cháu, hiện đang sinh sống tại Hải Ngoại, vui lòng thu xếp về tham dự ngày họp Khóa 31, tổ chức vào Thứ Bảy Ngày 01 Tháng 08, Năm 2015, lúc 10:00AM, tại Nam Cali. Sự hiện diện của anh em và gia đình là niềm vui chung của Khoá 31 Hải Ngoại.

Mọi liên lạc anh em gửi về email bên dưới để biết thêm chi tiết.

Nguyễn Xuân Quý
Email: quy161@yahoo.com

Một lần nữa, mong anh em cùng gia đình thu xếp về nam Cali, họp Khoá cùng anh em.

Thân Mời

Nguyễn Xuân Quý B31
Đại Diện Khoá 31 Hải Ngoại

CẢM NGHĨ SỰ ĐỜI

Quê mình Xứ người

Mũ xanh Phạm Văn Tiền K20

Đời sống con người, thường thì ai cũng có một dĩ vãng đáng yêu, một thời để nhớ và những kỷ niệm khó quên... Như ai đó đã nói tuổi trẻ thường hướng về tương lai, người trung niên sống cho hiện tại và người già luôn hoài niệm về quá khứ. Cái quá khứ đáng yêu biết mấy của quãng đời đầy ấp mộng mơ. Những người trai Việt Nam lớn lên trong thời lửa đạn, giặc giã,…thường thì ai cũng có một thời khổ cực; tưởng chừng sẽ không thể vượt qua, nhưng rồi mọi chuyện đâu cũng vào đấy. Những lỗi lầm mắc phải lần nầy sẽ là kinh nghiệm quý báu cho những lần sau… Dòng đời cứ thế sẽ qua đi. Có những điều mà mình tưởng như đã biết dù rất cẩn thận để tránh xa, nhưng vì nhiều lý do khác nhau, dù vô tình hay cố ý, mình hoàn toàn coi như không biết gì hết, và lỗi lầm lại tiếp tục xảy ra; và mỗi lần như vậy là mỗi lần ăn năn hối tiếc để rút kinh nghiệm cho lần sau…Qủa không sai, trường đời luôn có những bài học cho mình cho người…cho những ai muốn hướng tới cái chân thiện mỹ. Và cho dù, ai cũng biết trên cuộc đời nầy chẳng mấy ai được toàn hảo, trọn lành ngoại trừ Phật hay Chúa. Tôi có một ông bạn già qua Mỹ theo diện con lai, gia đình gồm 5 nlẽ vì quá thương vợ hoặc là ông thật tình không biết nên cứ vẫn nhất quyết là khi bà xã ông sinh được truyền máu của người Mỹ đen nên con ông trông giống Mỹ. Mãi đến bây giờ trong lúc nói

chuyện với mọi người ông vẫn xác nhận như vậy mặc dầu hai người nay đã chia tay. Chuyện vô lý như vậy, ai cũng biết nhưng chỉ mình ông không biết hoặc ông không muốn biết...

Sau gần 12 năm được gọi là “học tập cải tạo” trong các nhà tù cộng sản, và rồi tôi cũng được thả về vào dịp Tết năm 1987. Nói là “học tập” nhưng chẳng học được nghề ngỗng gì cho ra hồn ngoài “nghề” trồng khoai cuốc đất… Cũng xin được nói cái ”nghề lao động khổ sai” là cái “nghề” rất phổ thông trong “thiên đường

mù cộng sản” dành riêng cho những thành phần đối kháng lại chế độ, dù đó là Liên Bang Sô Viết cũ, các nước Đông Âu thời cộng sản, Trung cộng, Việt cộng hay Bắc Hàn... Ngoài ra, s au b ao nhiêu năm đi lính chỉ biết cầm súng cận kề hiểm nguy cũng chẳng có nghề nghiệp gì nên lúc ra được “nhà tù lớn” lòng càng lo lắng, hoang mang không biết rồi đây mình sẽ làm gì để sống trong cái xã hội mới đầy dối trá lọc lừa mà mình với thân phận “tù cải tạo” thuộc thành phần “Ngụy quân” bị hất ra bên lề xã hội, hoặc sẽ bị đày ải lên các vùng kinh tế mới rừng núi xa xôi.

Một số ít bạn bè tôi may mắn về trước có phần sung sướng nhờ vào sự giàu có của gia đình, còn lại đa số phải sống bằng nghề xe đạp thồ hoặc bán vé số để mưu sinh hoặc hành nghề “thợ đụng”, nghĩa là đụng việc gì làm việc đó. Nghĩ lại, tôi vẫn còn là người may mắn so với các bạn tù khác, vì vợ con tôi vẫn còn có được cuộc sống tương đối nhờ vào sự che chở đùm bọc của ông b à ngoại các cháu. Các con tôi vẫn được đến trường và vợ tôi nhờ cất giấu chút ít của cải còn lại để sống qua ngày.

Sau khi chiếm được miền Nam và với chính sách đánh sập tư bản, chúng tha hồ ra tay vơ vét của cải, tài sản của người dân miền Nam và độc quyền kinh doanh vàng bạc, đá quý,…Do đó,

tiệm vàng của gia đình vợ tôi bị niêm yết và hầu như bị tịch thu toàn bộ. Chuyện tư nhân mua bán vàng đã trở thành luật quốc cấm; và nếu ai vi phạm thì sẽ bị tịch thu hết tang vật và ngồi tù; vì vậy mà bọn quan tham trở thành giàu có nhờ vào chính sách cướp giật trắng trợn của dân. Biết bao nhà tư bản nay trở thành trắng tay, trở thành một thứ vô sản chính hiệu…Nghe nói, có những nhà tư sản đã tự vận! Biết là nguy hiểm như vậy, nhưng vợ tôi vẫn không còn cách nào để mưu sinh bằng cách lén lút sinh sống bằng nghề "bán vàng chui", nhờ vào uy tín qua những khách hàng quen thuộc của gia đình từ trước. Bộ mặt thật của cộng sản đã lộ rõ, càng ngày người dân miền Nam càng lo sợ và chán ghét cộng sản nhiều hơn, và cũng từ đó tất cả những gì thuộc về chế độ Việt Nam Cộng Hòa đều được trân quý, nhờ vậy mà chuyện làm ăn của vợ tôi vẫn còn sống tạm được qua nghề thợ bạc gia truyền.

Sự có mặt của tôi là thêm một gánh nặng cho gia đình. Bao lần chúng tìm cách đưa gia đình tôi về vùng kinh tế mới, xa xôi hẻo lánh, nhưng cuối cùng nhờ có chút tiền đút lót nên mọi chuyện cũng đều qua.Tất cả chỉ ư tiền vì tiền là sức bật của lò xo, là thước đo cán công lý trong một xã hội mới đầy nhiễu nhương cướp giật. Chúng tôi sang được một cái tiệm nhỏ ngoài chợ Cai Lậy để mua bán hàng tạp hóa sinh sống qua ngày. Hàng hóa bán đủ loại phải nhờ người mua từ Sài Gòn về thường thì giá vừa bán xong khi mua lại thì chỉ bằng tiền vừa bán. Nhưng đây chỉ là hình thức theo kiểu "treo đầu dê để bán thịt chó" được ngụy trang chính là để có chỗ mua bán vàng. Phụ việc chạy hàng với vợ tôi là cô em vợ mà chồng cũng là sĩ quan được ra về trước tôi vài năm.

Còn tôi chỉ làm nghề ăn bám vì còn trong thời gian quản chế; vả lại cũng chẳng biết nghề gì để làm. Vợ tôi thừa biết trong hoàn cảnh nầy, trong cái xã hội nầy, tôi chẳng làm nên tích sự gì nên cứ để tôi làm nghề "cà nhổng". Nài nỉ mãi vì nhiều việc cần phải nhờ tôi giúp, nên cuối cùng thì tôi cũng học được nghề phân kim vàng bạc để chế biến thành vàng đúng tuổi. Vì vốn liếng không có nhiều nên khi có hàng xong là bán lại cho lái buôn để kiếm lời. Dạo ấy thị trường vàng bạc đều dễ tiêu thụ qua cửa khẩu chợ Mộc Hóa giáp Miên; thường có giá cao trên thị trường bán buôn đủ mọi loại hàng bất hợp pháp. Muốn vậy thì phải có xe để đi về cho nhanh, còn xe đò thì lâu và bất tiện và thường bị công an khám xét. Sẵn có ít vốn trong tay với sự vui mừng thích thú của các con nên bà xã tôi đã đồng ý giao cho tôi theo mấy người quen về Mộc Hóa để tìm mua "xe Cup". Thời gian nầy thị trường xe "Cup nghĩa địa" từ Nhật tràn ngập trên thị trường chợ Mộc Hóa,

giá rất rẻ, chỉ cần trung bình 1 lượng vàng là được. Tôi chẳng rành gì về máy móc nên nhờ người bạn đi theo để cố vấn giùm.

Cả ngày từ sáng tới chiều chẳng có chiếc xe nào vừa ý đúng theo số vàng mà tôi đã mang theo. Dự định đi không lại trở về không; nhưng vào giờ chót nào ngờ đâu có một người thanh niên Miên trẻ lái chiếc xe Cup Cánh Én đời 1979 từ biên giới vừa qua, sau khi thương lượng hai bên đồng ý giao hàng, xe chạy thử rất tốt không có vấn đề gì. Tôi vội kết ngay vì xe được sơn hoa lá cành trông thật đẹp mắt, lòng vui sướng mang về, nhưng xe vừa về tới nhà tưởng là ai cũng vui mừng, nào ngờ khi xem xong là bà xã tôi mặt buồn so, và bảo là tôi đã mua lầm vì bà phát hiện những nơi có màu sặc sỡ là những nơi bị trầy hoặc tróc nước sơn. Điều nầy làm tôi trằn trọc suốt đêm không ngủ được, mua rồi biết trả lại cho ai! Nhưng rồi mọi việc cũng xong vì hên là máy xe vẫn còn chạy tốt.

Có phương tiện trong tay, tôi trở thành nhân vật chính của gia đình, thường chuyển hàng đi và về mỗi tuần vài ba lần nhưng lần nào đi bà vợ tôi cũng thường căn dặn rất kỹ lưỡng vì biết tánh hời hợt của tôi. Chuyện gì đến rồi có ngày cũng phải đến, dù tôi đã dặn kỹ lòng mình trong mua việc mua bán phải hết sức cẩn thận đừng tin ai…Cho đến một ngày kia gặp chuyện không may khi tôi giao hàng cho một người chủ tiệm mà tôi đã quen biết vài lần, thường thì họ trả giá rất cao, ngồi chờ họ chạy hàng mang tiền về giao lại cho tôi. Đợi mãi từ sáng tới chiều tối không thấy tông tích họ đâu mới biết mình đã bị giật. Cuối cùng đành phải về không, chỉ còn biết kêu trời! Buôn bán lậu thưa kiện ai bây giờ! Sau chuyện nầy, vợ tôi thật buồn và từ nay mọi chuyện mua bán để mẹ con bà ta lo, không cần tôi nữa…tôi lại trở về làm nghề "cà nhổng" như trước...

Cuối cùng khoảng năm 1989 thì có lệnh cho tư nhân kinh doanh vàng bạc lại, tiệm tạp hóa của chúng tôi nay trở thành tiệm vàng; nhưng làm ăn không dễ dàng như trước vì thuế càng ngày càng tăng lên rất cao, vốn ít không cạnh tranh nổi với người ta đành phải sang tiệm lại cho người khác. Cũng trong lúc nầy các hợp tác xã mọc ra như nấm nơi nào cũng có.Thường thì phân lời rất cao nên hầu như mọi người không còn thiết tha mua bán nữa. Ai cũng dồn hết tiền của vào đây để mong kiếm lời; nhưng chỉ trong vòng chưa đầy nửa năm thì hầu như tuyên bố phá sản hết tiền, người dân thì tiền mất tật mang; còn nhà nước thì không can thiệp phủi tay vô trách nhiệm!

Gia đình tôi cũng không sao tránh khỏi nỗi buồn nầy, số tiền dành

dụm đã mất đi hao hụt gần hết. Tôi lại sai lầm thêm một lần nữa là toàn bộ số tiền mang đi để đóng cho dịch vụ làm hộ chiếu đã bị kẻ xấu rạch túi xách tay đánh cắp khi chen lấn nộp hồ sơ dịch vụ tại đường Nguyễn Trãi ở Sài Gòn. Nhưng rồi tự mình an ủi vì trong mọi cái rủi rồi biết đâu sẽ có cái may, hy vọng ngày mai trời lại sáng!

Chuyện ra đi của người tù cải tạo tưởng như là một giấc mơ nào ai ngờ nay đã thành sự thật. Một cuộc đổi đời lịch sử cho những "người lính bại trận" làm bọn cộng sản điên đầu. Xin cám ơn Trời, cám ơn đời, cám ơn mọi người đã vận động với chính quyền Hoa Kỳ để có chương trình nhân đạo cho các tù nhân chính trị được ra đi.

Gia đình tôi theo diện H.O.5, đến Mỹ vào tháng 7 năm 1991. Chỗ định cư đầu tiên là thành phố Pineville, tiểu bang Louisiana hiền hòa yên tĩnh. Nơi đây đã có nhiều gia đình Việt Nam định cư từ trước. Chúng tôi được giúp đỡ rất nhiều bởi tình đồng hương và các nhân viên thuộc văn phòng Hội USCC, đặc biệt có cô người Việt Nam phụ tá giúp đỡ tận tình Chương trình trợ cấp An Sinh Xã Hội từ một năm, vào thời điểm nầy chỉ còn được 8 tháng. Gia đình gồm vợ chồng và 2 con có được cuộc sống tương đối đầy đủ mà chẳng cần phải làm thêm bất cứ việc gì. Các con tôi tiếp tục đến trường và mọi dịch vụ y tế đều miễn phí, có xe đưa rước khám bệnh đàng hoàng, mọi người ai cũng niềm nở tử tế. Trên thế giới nầy không đâu người dân được sống đầy đủ bằng đất nước Hoa Kỳ cho dù là người sống đời tỵ nạn. Chỗ ở đầu tiên của gia đình tôi là căn chung cư Duplex gồm có 3 dãy nhà trên một đồi cao, có nhiều bóng mát nằm mặt tiền đường Shamrock, đối diện bên kia đường là dãy apartements xinh đẹp và một chi nhánh ngân hàng của nhà bank Chase. Xa chút nữa là bệnh viện Huey Long Hospital của chính phủ với nhiều bác sĩ phục vu tận tâm. Mọi người nghèo ở đây đều được đến khám bệnh miễn phí không cần phải lấy hẹn trước. Nhà bên cạnh tôi là một bà Mỹ đen già sống cùng với người con trai làm nghề sửa máy cắt cỏ, anh ta tên là Arthur, người cao lớn và thật tử tế vô cùng. Anh ta đã bị vợ ly dị và không được quyền lái xe, bị treo bằng vì tội say rượu. Chiều nào Arthur cũng uống beer với vài người bạn. Arthur có tài vẽ tranh rất đẹp, những khi rảnh rỗi tôi thường ngồi xem y vẽ, và những bức tranh của y đều được trang hoàng khắp nhà. Nhiều lần thắc mắc hỏi thì y bảo chỉ vẽ chơi để giải trí chứ không trưng bày bán cho ai.

Nhờ tiền dành dụm và vay mượn bạn bè chỉ 1 tháng sau là tôi đã mua được một chiếc xe Pontiac 4 máy đời 1987. Ở đời có những

việc tưởng ra rất dễ nhưng thật tình mình không biết gì hết. Hôm nhận xe về mừng quá nhìn bánh xe thấy hơi mềm, tôi bèn chạy ra cây xăng gần nhà để bơm lại cho cứng. Khi xong, lái về nhà chừng vài phút sau thì nghe tiếng nổ thật to, vội vàng chạy ra xem mới biết là bánh xe bị bể lốp; nhờ Arthur tôi mới biết là tôi đã bơm quá mức số lượng "air" ấn định. Một lần khác lái xe thăm người bạn bên thành phố Alexandria, khi về vì trời tối tôi bị lạc đường, chạy loanh quanh bất kể đường một chiều hay đã có bảng cấm, cả đoàn xe cảnh sát bao quanh quay đèn báo động; quýnh quá tôi mở cửa xe nhảy ra ngoài dơ tay cầu cứu. Nhìn thái độ hốt hoảng của tôi nên họ biết tôi là người mới đến, nên thay vì cho tôi giấy phạt thì cuối cùng họ vẫn tử tế hướng dẫn tôi về đến nhà.

Hơn một tuần lễ sau đó, tôi lại sai phạm thêm một lần nữa vì cứ tưởng như mình còn ở Việt Nam. Nhà cửa mới dọn xong, quần áo rác rưới dơ bẩn tôi đã bỏ vào bao để phía sau nhà cho xe rác đến chở. Một số giấy tờ sách báo còn lại tôi bèn gom lại ở phía sau sân nhà dùng lửa để đốt giữa trời nắng chang chang, khói lên nghi ngút, cứ nghĩ là chẳng có gì xảy ra. Nào ngờ chỉ vài phút sau là có còi hụ 2 xe cảnh sát báo động cùng chạy đến ập vào nhà tôi. Hồn vía lên mây, sẵn chậu nước đã chuẩn bị sẵn kế bên tôi kịp thời dập tắt đám lửa. Nhưng lần nầy không giống như lần trước, tôi bị lãnh một giấy phạt cảnh cáo. Lúc bấy giờ tôi mới thấm thía câu nói của ông bà ta đã dạy: Sống ở trên đời cái gì cũng phải học: "Học ăn, học nói, học gói, học mở"!

Không lâu sau từ khi có xe, nhờ mấy người đi trước hướng dẫn, tôi đã có việc làm ở các vườn ương cây mà công việc thường ngày là trồng cây và nhổ cỏ. Lương được trả theo giờ, cuối tuần ngoài giờ học các con tôi cũng theo tôi làm thêm nên đã có dư một số tiền gởi về "cứu đói" bà con anh chị còn lại ở quê nhà. Công việc làm ở đây không có gì bảo đảm, chỉ sống được là nhờ vào việc thuê mướn ở các vườn ương cây vào mùa hè, còn mùa đông thì coi như thất nghiệp. Cả thành phố không có một hãng xưởng nào để xin việc làm, chỉ có một xưởng may duy nhất hoạt động, nhưng vài tháng sau thì đóng cửa.

Qua trung gian của một vài bạn cùng quê đi trước, gia đình tôi quyết định di chuyển về thành phố Arlington, Texas. Lúc bấy giờ nghề may ở đây rất thịnh hành, hầu hết các chủ shop may là người Việt Nam. Vì đã có chuẩn bị trước khi đi, nên chuyện hội nhập vào nghề nầy rất dễ dàng, chịu khó làm bao nhiêu cũng có. Còn tôi thì nhờ người bạn trong cùng đơn vị ngày xưa xin được vào làm ở hãng. Từ nhỏ cho đến khi vào quân ngũ tôi chưa bao giờ quen việc xử dụng kềm búa, và trong thời gian tù tội chỉ quen

dao rựa cuốc xẻng mà thôi. Nhưng rồi đâu cũng vào đó. Chịu cực khổ học hỏi rồi cái gì cũng xong.Tù tội cực khổ đói rách đã quen, bây giờ chịu khó nên việc gì làm coi cũng dễ. Nhờ dành dụm và chịu khó khoảng đầu năm 1993 là gia đình tôi đã đủ tiền để "down payment" cho một căn nhà và chỉ 2 năm sau đó thì dứt nợ ngân hàng. Lúc bấy giờ thị trường nhà đất ở Texas rất rẻ, dễ mua. Hơn 20 năm tôi chỉ làm một hãng duy nhất cho đến tuổi nghỉ hưu và căn nhà tôi mua vẫn còn ở tới bây giờ. Tôi vào làm ở hãng TFI, chuyên môn sản xuất đủ loại ống đồng cho toàn các hệ thống máy lạnh, hãng ở tận mãi thành phố Carollton gần Dallas; đi và về 50 dặm mỗi ngày. Bắt đầu lương công nhân tối thiểu cứ thế mà mò lên được chức "Sep Up man", có dư chút ít tiền nhờ vào chương trình 401K của hãng. Để vững tâm là tiền mình sẽ không bị mất tôi chọn vào chương trình bảo đảm, lời ít nhưng chắc ăn. Khoảng 10 năm sau tiền dành dụm nay đã khá vì thấy lời nhiều hơn, tôi bắt đầu mua cổ phiếu (stock). Thời kinh tế thịnh hành nên tiền cổ phiếu ngày một lên vốn, cho đến một ngày kia gặp lúc hãng làm ăn trì trệ nên tôi đã quyết định ngưng đúng lúc. Biết bao người hầu như mất trắng khi giá cổ phiếu xuống tận đáy vào lúc kinh tế toàn cầu khủng hoảng năm 2008. Nếu một ngày đẹp trời nào đó, bạn được nhân viên nhà Bank nơi bạn gởi tiền gọi phone mời bạn đến gặp họ để đầu tư vì thấy tiền trong chương mục của bạn hơi khá nhiều tiền; bạn nên dứt khoát từ chối ngay vì thường chẳng bao giờ có lợi cho bạn. Họ đưa ra một sơ đồ như dãy núi Hy Mã Lạp Sơn chạy dài từ thấp lên cao để dụ khị bạn vào những chương trình đầu tư thật hấp dẫn, nhưng khi bạn đã đồng ý với họ rồi thì tiền bạn vừa gởi sẽ bị mất hụt một số ngay từ đầu vì công họ đầu tư cho bạn. Cuối năm dù bạn đã thấy tiền mình bị hao hụt đi, nhưng bạn vẫn phải khai thuế những khoản tiền lời, còn phần thua lỗ không được trừ thuế. Cho chắc ăn bạn cứ giữ tiền mình trong các chương mục bảo đảm là an toàn nhất.

Chuyện quê mình, xứ người còn biết bao nhiêu điều để nói... Có những chuyện mình nghĩ không ra, không thể tưởng tượng, nhưng đó là sự thật. Người đi làm đóng thuế dư một ít tiền khi về hưu thường mang tâm trạng lo lắng hơn người chẳng bao giờ đi làm. Họ không được hưởng đầy đủ quyền lợi chăm sóc y tế khi vào ra bệnh viện. Suy cho cùng, lúc về già trắng tay là sướng nhất, mọi việc có chính phủ lo, khỏi làm phiền con cháu. Nhưng chuyện đó, có thể chỉ xảy ra tại đất nước Hoa Kỳ mà thôi.

Arlington, TX đầu Xuân Ất Mùi

Mũ xanh Phạm Văn Tiền

TIỄN BIỆT!

Cựu Đại Úy Thủy Quân Lục Chiến

Nguyễn Kim Thân

1945-2015

Thế là đã 40 năm mất nước! Những đứa trẻ được sinh ra vào năm 1975, nay đã thành người trung niên. Tôi quay quắt muốn kể chuyện ngày xưa, khựng lại vì hoang mang, sợ khơi lại tro tàn làm mắt mình ướt, lòng người đau, nỗi đau quá khứ không thay đổi được.

Ở một góc độ khác, tôi lại muốn kể, vì không nhìn về quá khứ, làm sao biết hiện tại được kết thành như thế nào và tương lai cần phải thêm thắt những gì, cho dù có kể ra, cuộc đời theo dòng vẫn trôi đều như đã.

Nhìn chung quanh tôi, nhà cửa tươm tất, đời sống an nhàn không lo chạy tiền mua gạo mỗi ngày như những năm 1975-1985, cùng với nỗi sợ hãi bị bắt bớ, bị đuổi nhà. Không còn xôn xao tìm đường vượt biển, không đếm xem bao nhiêu bạn đã đi thoát, bao nhiêu bạn bị công an bắt, và bao nhiêu bạn đã chết trên hành trình đi tìm tự do! Không phải chịu lụy xin giấy phép di trú – di chuyển để mua vé xe đò, đến miền đông, miền tây buôn chuyến, những chuyến hàng lặt vặt, từ con ốc vít đến chiếc yên xe đạp…

Tôi thật sự muốn quên nó đi! Vài lần được nghe các vị đã đổ máu xương trên các chiến trường Đông Hà Ái Tử ngậm ngùi kể về những ngày cuối, và khi tôi hỏi, câu kết luôn là: *"Đau lòng vì bao nhiêu sinh linh của các thanh niên tràn đầy sức sống, tràn đầy hy vọng, tràn đầy kiến thức, đã mất cho một cuộc chiến kết thúc bất ngờ trong uất nghẹn, vì bàn cờ bị xóa vội vã!"*

Có vị kể rằng, nỗi ám ảnh nhất ông còn mang trong tâm thức, xuất hiện trong giấc ngủ là hình ảnh chiếc khăn tang trên mái tóc đen dài, khóc ngất ôm chiếc áo quan, chung quanh vài đứa bé cũng chít khăn tang bò lê la quanh đó. Tôi thấy mắt ông ướt, những hình ảnh xa xưa ấy đã gần bốn mươi năm qua rồi vẫn còn làm

người chỉ huy không còn quân phục khóc. Tôi hiểu sâu sắc hơn về tình cảm con người sống thời chinh chiến, nhất là trong cương vị chỉ huy khó khăn biết là dường nào (!)…

Những cuộc chiến đã qua luôn có những tượng đài, được kết từ máu xương và nước mắt trong lòng người đã bước ngang qua nó. Nuối Tiếc – Cảm Phục – Tri Ân luôn là sự thật được dành cho tất cả những người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Tượng đài trong lòng tôi ư? Khối pha lê nước mắt chia lìa, nghĩa phu thê, tình phụ tử, nay kết thêm những giọt lệ tiễn đưa các anh hùng đã từng đứng trên tuyến đầu trong cuộc chiến chống chủ nghĩa cộng sản, bảo vệ tự do dân chủ cho miền Nam. Dù đã phải rời xa mảnh đất chôn nhau cắt rốn, lòng người cựu chiến binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa vẫn trăn trở khôn nguôi về vận nước cho đến cuối đời của họ. Dẫu rằng cơn bệnh trầm kha có hành hạ thể xác đến đâu, nhưng trí nhớ vẫn minh mẫn tinh tường, vẫn còn in rõ tên từng người lính thuộc cấp, từng địa danh đã đi qua, nơi nào anh bị trúng đạn thù, nơi nào bạn thân anh gục ngã…

Và ngày 30 tháng 3 năm 2015, tôi lại đến Oak Hill tiễn đưa thêm một người nữa - Hoa nến nhang thơm như bao nhiêu lần trước - Người nằm thiêm thiếp không còn nghe tiếng bạn bè lao xao chung quanh.

"Nó không chết chẳng bao giờ thấy mặt của mày!"

Có những người bạn bỗng dưng biến mất đi, chỉ khi nào có tiệc biệt ly mới xuất hiện

Đường đời một đoạn có nhau, rồi chẳng thấy nhau, có lúc giận hờn có khi không còn thích thú - nhưng giờ cuối đến để "Nó biết" vẫn thương quý nhau. Ai mà không quý anh được chứ! Cựu Đại Úy Nguyễn Kim Thân, Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 21 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Tôi nghe bài điếu văn của Niên trưởng Tô Văn Cấp Khóa 19 đến từ miền Nam California đọc, để biết đã hai lần Anh bị đạn xuyên qua thân thể - một ngay ngực - một khắp tay chân! Anh không chết. Trong tù, bệnh trầm kha! Anh không chết. Nay Anh ra đi ở lứa tuổi được xem là chưa quá già trong thời đại chúng ta, Anh vừa đúng tuổi 70.

Niên trưởng Tô Văn Cấp tiễn đưa “đàn em”, một người đàn em được niên trưởng thương yêu như ruột thịt !.

Niên trưởng kể ngày niên trưởng bị thương trên chiến trường, giữa sự sống và cái chết, ông tỉnh dậy, thấy Anh đang nắm chặt tay của niên trưởng và khóc.

Anh ra đi ai cũng tiếc, người hiền lành tử tế - dù là lính áo “rằn ri dữ dội”. Lính TQLC khi nghe tên “Rô-Be Lửa”, một biệt danh của niên trưởng Nguyễn Xuân Phúc, đều ngợi khen ông là người chỉ huy tài ba, hết lòng yêu thương lính thuộc quyền, Vậy đó, mà Anh lại được “Rô-Be Lửa” tôn trọng từng ý kiến, từng đề nghị trong những cuộc hành quân.

Anh có hai cô con gái và hai cháu ngoại, các cháu hẳn ngạc nhiên không hiểu tại sao đám tang của Cha của Ông, lại có màu áo Thủy Quân Lục Chiến nhiều thế, lúc còn sống, các bác các chú ghé nhà đâu có đông như vậy? Từ ngày Mẹ của các cháu mất, Anh trở thành gà trống nuôi con, không tục huyền dù bạn bè đôi lần làm mai làm mối. Hình ảnh oai phong, nét mặt hiền từ ai gặp cũng suýt xoa: “Còn phong độ quá!”

Lại nhớ đến Đồ Sơn hơn ba mươi năm nuôi vợ, bây giờ Sói Biển Minh Châu ngồi xe lăn, mỗi tuần vẫn ra nghĩa trang thăm mộ vợ. Ai bảo lính áo rằn không thủy chung?

Căn phòng của nhà quàn Oak Hill không đủ rộng để làm nghi lễ tiễn biệt người đồng đội năm xưa, người đồng đội đáng lẽ đã được an táng trước đây 40 năm với lá Quốc Kỳ phủ trên hòm gỗ.

Những người lính năm xưa nay đã già, bước đi không còn mạnh

mẽ, bộ quân phục xưa thơm mùi băng phiến, hòa mùi nhang thơm nghi ngút, họ cùng nhau ngậm ngùi trải lá Quốc Kỳ lên quan tài của Anh. Tôi bỗng ngửi thấy mùi đất ẩm sau mưa miền nhiệt đới, huyệt đất mới đào trong Nghĩa Trang Quân Đội thuở xa xưa.

Tôi có đọc bài báo của Bùi Bảo Trúc viết về một đám tang mà người nằm xuống trăn trối cùng gia đình từ chối nghi lễ Phủ Kỳ, tôi cũng đã nghe nhiều lần: "Đã lưu vong không đủ tư cách nhận nghi lễ Phủ Kỳ!" Nhưng đồng đội năm xưa, những người đã cùng chia đoạn đường binh lửa, cùng chung một chiến trận mất còn, cùng chịu chung những mảnh đạn từ trái pháo của địch với Đại Úy Mũ Xanh Nguyễn Kim Thân, thì không chịu như thế. Phải tỏ lòng tôn kính, phải để gia đình các con các cháu biết Cha của các cháu, Ông của các cháu đã là một người như thế nào, cho dù đã lưu vong, cho dù đã "về hưu" - Ông đã là một trong hàng triệu người đã đổ máu để gìn giữ miền Nam, chống lại sự xâm lăng đến từ phương Bắc. Vì thế, Ông đã là một người Anh Hùng với những Chiến Thương Bội Tinh trên mặt trận cùng những huy chương cao quý khác của quân lực VNCH,..Cựu Đại Úy Thủy Quân Lục Chiến Nguyễn Kim Thân sẽ được hỏa táng. Đời người trở về tro bụi:

"Người hãy nhớ mình là cát bụi,

từ bụi tro người đã sinh thành,

Người hãy nhớ mình là cát bụi,

từ bụi tro người sẽ trở về",…

Vinh quan h hay k hông v inh quang chẳng còn ý nghĩa gì, đọng lại là nghĩa tình nghĩa của tất cả mọi người đã có duyên gặp gỡ, có duyên biết anh, tôi là một.
Lúc thắp nhang chào biệt vong linh của Anh, tôi đã thầm thì: "Niên Trưởng về cõi niết bàn bình an nhé! Mọi sự đã hoàn tất!"

Vĩnh biệt Niên Trưởng Đại Úy TQLC Nguyễn Kim Thân
(Đôi dòng viết vội tại nhà quàn Oak Hill)

Ấu tím –Như Hoa

Vietnam

KHÓA 21 / TVBQGVN

NHẬN ĐƯỢC TIN BUỒN:

CỰU SVSQ NGUYỄN KIM THÂN K21/TVBQGVN
PHÁP DANH THIỆN AN
Từ Trần Lúc 6:54pm Ngày 24 Tháng 3 Năm 2015
Tai San Jose, California- Hoa Kỳ
Hưởng thọ: 69 Tuổi

GIA ĐÌNH KHÓA 21 CSVSQ / TVBQGVN

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC BẠN NGUYỄN KIM THÂN
CHÂN THÀNH CHIA BUỒN ĐẾN CHỊ CÙNG TANG QUYẾN
Nguyện Cầu Hương Linh Bạn Thiện An Nguyễn Kim Thân
Sớm Tiêu Diêu Miền Cực Lạc.

T.M. BAN ĐẠI DIỆN KHÓA 21 / TVBQGVN
CỰU SVSQ NGUYỄN TRÍ PHÚC K21 BXH

Vietnam

KHÓA 21 / TVBQGVN

BẠN VÕ DUY LIỆT
Khóa 21/TVBQGVN
Tạ Thế Ngày 10 Tháng 4 Năm 2015
(Nhằm Ngày 22 Tháng 2 Năm Ất Mùi)
Tại Ohio, Hoa Kỳ
Hưởng Thọ 73 Tuổi

GIA ĐÌNH KHÓA 21 CSVSQ / TVBQGVN

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC
VÀ CHÂN THÀNH CHIA BUỒN CÙNG TANG QUYẾN
Nguyện Cầu Linh Hồn Francis De Sale Võ Duy Liệt
Sớm Đợc Hưởng Nhan Thánh Chúa

TRONG BÓNG TỐI
XÀ LIM

Kiều Công Cự K22 A

Trong bóng tối xà lim..
Tất cả đều im vắng.
Trời bây giờ bên ngoài mây nhiều hay rất nắng,
Mà ở đây ánh sáng quá nhạt nhòa.
Tôi đã quen rồi nhưng vẫn nhận không ra,
Cảnh vật chung quanh có nhiều quen thuộc:
Chiếc chiếu trải nằm, cầu tiêu, bồn nước
Đã chia nhau khoảng cách rất khiêm nhường.
Khép kín như bưng lặng lẽ bốn bức tường
Quét vôi trắng và sơn màu vàng loang lổ.
Phía trên cao kẽm gai giăng đầy khung cửa sổ,
Ánh sáng cố len vào giữa bóng tối cách ngăn.
Cánh cửa xà lim ngày hé mở hai lần,
Đủ cho tù vói tay lấy cơm nhận nước.
Ánh điện lờ mờ cho dãy hành lang dài sâu hun hút.
Mỗi căn phòng là một ốc đảo hoang vu.
Ở đây không được nhìn nhau, không được mở lời
Chỉ có những tên coi tù lạnh lùng gian ác.
Trong đêm tối bỗng vang lên tiếng khóc,
Người nữ tù vừa chuyển đến đêm qua,
Tiếng khóc nghẹn ngào, sợ hãi, xót xa

Khiến người bạn phòng bên cũng thở dài não nuột.
Tôi đã quen rồi nhưng vẫn không ngăn lòng mình cảm xúc,
Khi đêm về nghe tiếng trẻ khóc : Mẹ ơi..
Người Mẹ ru con cũng nức nở nghẹn lời,
Bầu sữa Mẹ cạn rồi..Thôi nín đi con đừng khóc.

Họ đã ra đi tìm Tự do cho cuộc sống,
Bao nhiêu người đã chết trên Biển Đông,
Những bước chân vượt núi băng rừng,
Trốn chạy Quê mình qua cơn thảm sát.
Chủ nghĩa gì mà vô lương độc ác
Tắm máu dân mình không chút thương tâm.
Lao động khổ sai, cải tạo tập trung,
Vô sản chuyên chính với đấu tranh giai cấp.
Toàn là những thủ đoạn gian manh hiểm độc.

Tội nghiệp Dân mình,
Thương quá Việt Nam.

Ta đã thề không đội trời chung
Với bọn cộng nô, nên nguyện một đời tranh đấu.
Trong bóng tối xà lim, lời nguyện thề nung nấu,
Xin một ngày quang phục Quê Hương.
Hãy diệt chúng đi, loài quỉ dữ bạo tàn,
Quét sạch đi, chủ nghĩa hôi tanh rác rưởi.

Hỡi anh linh Tiền Nhân,
Hỡi hồn thiêng Sông Núi !
Hãy trở về phù trợ cháu con.
Việt Nam ta sẽ mãi mãi trường tồn.

1981, xà lim Chí Hòa, khu ED.

Danh Sách Yểm Trợ Đa Hiệu 104

	Họ	và	Tên	Khóa	Số Tiền
Mrs.	Bùi	Đình	Đạm	K01	$100.00
CSVSQ	Huỳnh	Thao	Lược	K03	$50.00
CSVSQ	Phạm	Tất	Thông	K03	$100.00
Ms	Bạch	Điệp	Lâm	K03/2	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Thiên	Nghị	K04	$50.00
CSVSQ	Ngô	Thanh	Tùng	K04	$50.00
CSVSQ	Trần	Văn	Cẩm	K05	$50.00
CSVSQ	Trần	Bá	Di	K05	$50.00
CSVSQ	Lê		Kim	K05	$20.00
CSVSQ	Dương	Hiếu	Nghĩa	K05	$100.00
CSVSQ	Phạm	Ngọc	Ninh	K05	$20.00
CSVSQ	Nguyễn	Hữu	Phụng	K05	$30.00
CSVSQ	Phạm	Kim	Chung	K06	$50.00
CSVSQ	Hoàng	Hữu	Giang	K06	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Như	Sang	K06	$30.00
Mrs.	Nguyễn	Hữu	Thư	K06	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Van	Tho	K07	$50.00
CSVSQ	Vũ	Đình	Chung	K08	$50.00
CSVSQ	Tôn	Thất	Di	K08	$30.00
CSVSQ	Ưng		Dzu	K08	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Quốc	Hoàng	K08	$30.00
CSVSQ	Trương	Đình	Liệu	K08	$50.00
CSVSQ	Trương	Như	Phùng	K08	$30.00
CSVSQ	Phạm	Thế	Vinh	K09	$50.00
CSVSQ	Dương	Quốc	Anh	K10	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Kim	Biên	K10	$39.00
CSVSQ	Phan	Ngoc	Chau	K10	$30.00
CSVSQ	Lương		Chi	K10	$30.00
CSVSQ	Đoàn		Mại	K10	$30.00
CSVSQ	Trương	Như	Mân	K10	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Thanh	Mi	K10	$40.00
CSVSQ	Phạm	Văn	Môn	K10	$30.00
CSVSQ	Trần	Trọng	Ngọc	K10	$50.00

CSVSQ	Lê	Văn	Ngôn	K10	$30.00
CSVSQ	Vòng	A	Si	K10	$20.00
CSVSQ	Nguyễn	Vinh	Thiệp	K10	$30.00
Mrs.	Trần	Văn	Dâu	K10	$50.00
Mrs.	Nghiêm	Viết	Thành	K10	$30.00
Mrs.	Nguyễn	Đình	Thế	K10	$50.00
CSVSQ	Lê	Tất	Biên	K10P	$60.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Bá	K11	$39.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Hòa	K11	$30.00
CSVSQ	Huỳnh	Quang	Minh	K11	$36.83
CSVSQ	Lê	Văn	Tâm	K11	$30.00
CSVSQ	Vũ	Ngọc	Thành	K11	$50.00
CSVSQ	Hoa	Hải	Thọ	K11	$30.00
CSVSQ	Huỳnh	Văn	Tâm	K11	$30.00
CSVSQ	Dương	Tâm	Bảo	K12	$30.00
CSVSQ	Trần	Văn	Bi	K12	$30.00
CSVSQ	Vũ	Văn	Cầm	K12	$20.00
CSVSQ	Nguyễn	Cửu	Đắc	K12	$20.00
CSVSQ	Lê	Ngọc	Diệp	K12	$30.00
CSVSQ	Lê	Văn	Giàu	K12	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Ngọc	Hot	K12	$50.00
CSVSQ	Trần		Ky	K12	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Công	Luận	K12	$30.00
CSVSQ	Tống	Đình	Mai	K12	$50.00
CSVSQ	Lê	Bá	Trị	K12	$30.00
CSVSQ	Phạm	Duy	Trường	K12	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Đức	Vy	K12	$10.00
CSVSQ	Nguyen	Quang	Ha	K12	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Hoài	An	K13	$30.00
CSVSQ	Đỗ	Đang	Cam	K13	$39.00
CSVSQ	Nguyễn	An	Cảnh	K13	$20.00
CSVSQ	Nguyễn	Bảo	Cường	K13	$30.00
CSVSQ	Trần	Khánh	Dư	K13	$50.00
CSVSQ	Tăng	Minh	Dũng	K13	$50.00
CSVSQ	Đặng	Văn	Hòa	K13	$40.00
CSVSQ	Đỗ	Huy	Huệ	K13	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Hưởn	K13	$30.00

CSVSQ	Nguyễn	Khắc	Lâm	K13	$100.00
CSVSQ	Trần	Đức	Long	K13	$40.00
CSVSQ	Nguyễn	Xuân	Lục	K13	$30.00
CSVSQ	Dinh	Nguyen	Manh	K13	$30.00
CSVSQ	Trần	Thanh	Mỹ	K13	$40.00
CSVSQ	Nguyễn	Khánh	Nhường	K13	$25.00
CSVSQ	Hồ	Huệ	Phú	K13	$20.00
CSVSQ	Phạm	Phú	Quốc	K13	$30.00
CSVSQ	Lê	Văn	Quyền	K13	$50.00
CSVSQ	Huỳnh	Quang	Tiên	K13	$30.00
CSVSQ	Trịnh	Bá	Lộc	K13	$30.00
CSVSQ	Trần	Khắc	Huyên	K14	$100.00
CSVSQ	Nguyễn		Khiêm	K14	$36.83
CSVSQ	Diệp	Ân	Long	K14	$30.00
CSVSQ	Trần	Quang	Mẫn	K14	$30.00
CSVSQ	Trần	Quang	Minh	K14	$20.00
CSVSQ	Nguyễn	Ngọc	Thạch	K14	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Kim	Thinh	K14	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Ngọc	Thủy	K14	$30.00
CSVSQ	Đoàn	Thế	Cường	K15	$30.00
CSVSQ	Trần	Đình	Đàng	K15	$25.00
CSVSQ	Cao	Văn	Kiêm	K15	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Mỹ	Uẩn	K15	$30.00
CSVSQ	Nguyễn		Anh	K16	$20.00
CSVSQ	Nguyen	Ngọc	Anh	K16	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Minh	Chánh	K16	$50.00
CSVSQ	Lê	Trí	Chu	K16	$20.00
CSVSQ	Vĩnh		Đắc	K16	$50.00
CSVSQ	Hồ	Khắc	Đàm	K16	$50.00
CSVSQ	Phạm	Kim	Dan	K16	$30.00
CSVSQ	Phạm	Văn	Dung	K16	$30.00
CSVSQ	Trầm	Kim	Hổ	K16	$20.00
CSVSQ	Nguyễn	K. Nhị	Hùng	K16	$50.00
CSVSQ	Đinh	Quốc	Hùng	K16	$39.00
CSVSQ	Trương	Đình	Kha	K16	$50.00
CSVSQ	Vương	Gia	Khánh	K16	$30.00
CSVSQ	Cao	Quang	Khôi	K16	$40.00

CSVSQ	Nguyễn	Cửu	Nhồng	K16	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	D. P.	Sinh	K16	$50.00
CSVSQ	Trương	Thành	Tâm	K16	$40.00
CSVSQ	Trịnh	Quang	Tuyến	K16	$36.83
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Ức	K16	$50.00
CSVSQ	Châu	Hoàng	Vũ	K16	$36.83
Mrs.	Tôn	Thất	Chung	K16	$20.00
Mrs.	Nguyễn	Hữu	Thông	K16	$50.00
CSVSQ	Bùi	Đức	Cẩn	K17	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Hữu	Chữ	K17	$36.83
CSVSQ	Trịnh	Ngọc	Diệp	K17	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Dục	K17	$30.00
CSVSQ	Nguyễn		Duy	K17	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Hoàng	K17	$30.00
Mrs.	Nguyễn	Mộng	Hùng	K17	$25.00
CSVSQ	Nguyễn	Thanh	Huong	K17	$80.36
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Khôi	K17	$50.00
CSVSQ	Lê	Văn	Lễ	K17	$50.00
CSVSQ	Đinh	Văn	Măng	K17	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Tiến	Mão	K17	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Nhạc	K17	$30.00
CSVSQ	Võ	Văn	Sung	K17	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Thuc	Tam	K17	$50.00
CSVSQ	Trần	Văn	Thuận	K17	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Thanh	Tòng	K17	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Quang	Trung	K17	$50.00
CSVSQ	Phùng	Xuân	Vinh	K17	$30.00
Mrs.	Nguyễn	Duy	Long	K17	$20.00
CSVSQ	Nguyễn		Bê	K18	$40.00
CSVSQ	Lương	Công	Cẩn	K18	$50.00
CSVSQ	Trần	Công	Danh	K18	$36.83
CSVSQ	Phạm	Dự	Đáo	K18	$50.00
CSVSQ	Tôn	Thất	Đường	K18	$50.00
CSVSQ	Đoàn	Lưu	Em	K18	$39.00
CSVSQ	Huỳnh	Văn	Giai	K18	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Đức	Hạnh	K18	$39.00
CSVSQ	Nguyễn	Công	Khanh	K18	$30.00

CSVSQ	Nguyễn	Ngọc	Khoan	K18	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Khoa	Lộc	K18	$30.00
CSVSQ	Hoàng	Xuân	Thời	K18	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Xuân	Toàn	K18	$30.00
CSVSQ	Hồ	Huỳnh	Anh	K19	$30.00
CSVSQ	Tô	Văn	Cấp	K19	$30.00
CSVSQ	Trần	Văn	Châu	K19	$30.00
CSVSQ	Nguyễn		Chí	K19	$30.00
CSVSQ	Dương	Văn	Chiến	K19	$30.00
CSVSQ	Đỗ		Đang	K19	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Ngọc	Đính	K19	$20.00
CSVSQ	Hồ	Văn	Hạc	K19	$30.00
CSVSQ	Hồ	T. Hồng	Hải	K19	$50.00
CSVSQ	Trần	Văn	Hên	K19	$20.00
Mrs.	Nguyễn	Khắc	Hiếu	K19	$30.00
CSVSQ	Hoàng	Gia	Hiếu	K19	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Đình	Hoan	K19	$30.00
CSVSQ	Trương	Đình	Khanh	K19	$30.00
CSVSQ	Đồng	Đăng	Khoa	K19	$30.00
CSVSQ	Trương		Khương	K19	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Hữu	Kiêu	K19	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Anh	Linh	K19	$55.00
CSVSQ	Lê	Kim	Ngọc	K19	$50.00
CSVSQ	Nguyễn		Nho	K19	$50.00
CSVSQ	Kâng	Tum	Sơn	K19	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Thành	Sơn	K19	$30.00
CSVSQ	Trương	Thanh	Sương	K19	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Phước	Tây	K19	$30.00
CSVSQ	Bùi	Dương	Thanh	K19	$39.00
CSVSQ	Nguyễn	Xuân	Thi	K19	$30.00
CSVSQ	Phan	Văn	Thìn	K19	$30.00
CSVSQ	Trần	Văn	Tiến	K19	$50.00
CSVSQ	Trần	Bá	Tòng	K19	$30.00
CSVSQ	Trần	Văn	Trang	K19	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Triệu	K19	$30.00
CSVSQ	Trần	Văn	Trữ	K19	$30.00
CSVSQ	Trần	Đại	Tùng	K19	$30.00

CSVSQ	Trần	Cẩm	Tường	K19	$36.83
CSVSQ	Trần		Vệ	K19	$30.00
CSVSQ	La	Hoàn	Võ	K19	$45.63
Mrs.	Lê	Văn	Cử	K19	$20.00
Mrs.	Hoàng	Gia	Thái	K19	$30.00
CSVSQ	Lê	Ngọc	Ân	K20	$30.00
CSVSQ	Lưu	Văn	Cầm	K20	$50.00
CSVSQ	Huỳnh	Văn	Chờ	K20	$30.00
CSVSQ	Nguyễn		Hai	K20	$50.00
CSVSQ	Hoàng	Đình	Hiệp	K20	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Xuân	Hòe	K20	$30.00
CSVSQ	Huỳnh	Thiện	Lộc	K20	$20.00
CSVSQ	Ngô	Đình	Lợi	K20	$30.00
CSVSQ	Phạm	Văn	Lương	K20	$30.00
CSVSQ	Phạm	Văn	Mai	K20	$25.00
CSVSQ	Trịnh	Văn	Minh	K20	$36.83
CSVSQ	Trần		Quỳnh	K20	$20.00
CSVSQ	Phạm	Văn	Thành	K20	$20.00
CSVSQ	Triệu	Công	Thành	K20	$30.00
CSVSQ	Trần	Gia	Toàn	K20	$40.00
CSVSQ	Lê	Văn	Toản	K20	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Mạnh	Tông	K20	$30.00
CSVSQ	Trịnh		Trân	K20	$100.00
CSVSQ	Nguyễn	Khắc	Tung	K20	$20.00
CSVSQ	Trương	Văn	Vân	K20	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Vọng	K20	$20.00
CSVSQ	Châu	Đồng	Ấu	K21	$30.00
CSVSQ	Hồ	Văn	Các	K21	$39.00
CSVSQ	Trần	Văn	Khâm	K21	$30.00
CSVSQ	Cao	Văn	Lợi	K21	$30.00
CSVSQ	Mai	Bá	Long	K21	$30.00
CSVSQ	Hồ		Thiêm	K21	$20.00
CSVSQ	Nguyễn	Ngọc	Tùng	K21	$30.00
CSVSQ	Trịnh	Thanh	Tùng	K21	$36.83
CSVSQ	Trần	Kim	Đảnh	K22	$40.00
CSVSQ	Võ	Văn	Đức	K22	$20.00
CSVSQ	Trần	Châu	Giang	K22	$30.00

CSVSQ	Trương	Văn	Phổ	K22	$30.00
CSVSQ	Mai	Vĩnh	Phú	K22	$30.00
CSVSQ	Trương	Văn	Quan	K22	$36.83
CSVSQ	Huỳnh	Vinh	Quang	K22	$30.00
CSVSQ	Lê		Thơm	K22	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Ngọc	Trang	K22	$39.00
Mr.	Nguyễn	Hữu	Thần	K22/1	$30.00
CSVSQ	Võ	Văn	Ba	K23	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Cát	K23	$36.83
CSVSQ	Vương		Chước	K23	$30.00
CSVSQ	Trần	Như	Dy	K23	$36.83
CSVSQ	Phạm	Ngọc	Hiền	K23	$40.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Hiếu	K23	$40.00
CSVSQ	Bùi	Văn	Hồng	K23	$30.00
CSVSQ	Ngô	Duy	Lượng	K23	$40.00
CSVSQ	Phạm	Xuân	Quang	K23	$39.00
CSVSQ	Trần	Tự	Quí	K23	$50.00
CSVSQ	Trương	Tấn	Quới	K23	$100.00
CSVSQ	Trần	Duyên	Sơn	K23	$60.00
CSVSQ	Nguyễn	Công	Tài	K23	$30.00
CSVSQ	Trần	Trọng	Thạnh	K23	$30.00
CSVSQ	Trương	Tấn	Thiện	K23	$36.83
CSVSQ	Trần	Văn	Thiệt	K23	$40.00
CSVSQ	Dương	Công	Thơ	K23	$30.00
CSVSQ	Phạm	Ngọc	Trấn	K23	$40.00
CSVSQ	Trần	Văn	Ty	K23	$30.00
CSVSQ	Vũ	Thế	Cần	K24	$20.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Đạc	K24	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Hùng	Đởm	K24	$30.00
CSVSQ	Nguyen	Van	Du	K24	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Được	K24	$60.00
CSVSQ	Bùi	Đình	Giao	K24	$20.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Hương	K24	$40.00
CSVSQ	Hoàng	Bá	Kiệt	K24	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Thanh	Lương	K24	$20.00
CSVSQ	Quách	Vĩnh	Niên	K24	$36.83
CSVSQ	Lương	Văn	Phát	K24	$39.00

CSVSQ	Đặng	Ngọc	Quí	K24	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Hồ	Sơ	K24	$100.00
CSVSQ	Phan	Thế	Thiệp	K24	$30.00
CSVSQ	Phan	Tấn	Thịnh	K24	$36.83
CSVSQ	Lê	Xuân	Thọ	K24	$30.00
CSVSQ	Vũ	Văn	Tin	K24	$51.68
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Tốt	K24	$30.00
CSVSQ	Trần	Vũ	Trụ	K24	$78.00
CSVSQ	Phan		Vinh	K24	$30.00
CSVSQ	Huỳnh	Văn	Ẩn	K25	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Hoàng	Anh	K25	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Bảo	K25	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Hữu	Chí	K25	$36.83
CSVSQ	Hoàng	Trọng	Chiểu	K25	$40.00
CSVSQ	Lăng	Thành	Chung	K25	$40.00
CSVSQ	Phạm	Hữu	Đa	K25	$100.00
CSVSQ	Lê	Văn	Điền	K25	$39.00
CSVSQ	Ông	Thoại	Đình	K25	$20.00
CSVSQ	Hồ	Bình	Khiêm	K25	$40.00
CSVSQ	Nguyễn	Như	Mạnh	K25	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Đắc	Minh	K25	$50.00
CSVSQ	Ngô	Hồng	Sương	K25	$30.00
CSVSQ	Cao	Van	Thi	K25	$39.00
CSVSQ	Tô	Khánh	Thoại	K25	$25.00
CSVSQ	Trần	Cao	Vy	K25	$39.00
CSVSQ	Trương	Kiến	Xương	K25	$40.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Bên	K26	$30.00
CSVSQ	Đặng	Chính	Bình	K26	$30.00
CSVSQ	Nguyễn		Đức	K26	$39.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Hưỡn	K26	$36.83
CSVSQ	Đặng	Văn	Kế	K26	$20.00
CSVSQ	Hoàng	Trung	Nghiã	K26	$100.00
CSVSQ	Phùng	Công	Phước	K26	$39.00
CSVSQ	Võ	Văn	Tạo	K26	$50.00
CSVSQ	Tô		Thành	K26	$50.00
CSVSQ	Vũ	Thế	Thủ	K26	$30.00
CSVSQ	Vũ	Đức	Thuận	K26	$50.00

CSVSQ	Đinh	Đồng	Tiến	K26	$39.00
CSVSQ	Trần	Quang	Tuân	K26	$50.00
CSVSQ	Cao	Hồng	Đức	K27	$39.00
Mrs.	Trần		Hạnh	K27	$30.00
CSVSQ	Trần	Văn	Hổ	K27	$40.27
CSVSQ	Nguyễn	Bá	Hoan	K27	$30.00
CSVSQ	Trương	Văn	Hơn	K27	$30.00
CSVSQ	Lê	Văn	Hồng	K27	$20.00
CSVSQ	Cao	Hoàng	Khanh	K27	$50.00
CSVSQ	Trần	Trường	Long	K27	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Phụng	K27	$39.00
CSVSQ	Nguyễn	Đức	Phương	K27	$100.00
CSVSQ	Trần	Quang	Thành	K27	$50.00
CSVSQ	Lê	Minh	Tuấn	K27	$50.00
CSVSQ	Vũ	Văn	Chương	K28	$36.83
CSVSQ	Lương	Thanh	Đăng	K28	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Đinh	Duc	K28	$36.83
CSVSQ	Nguyễn	Phát	Hiên	K28	$36.83
CSVSQ	Phạm	Minh	Hung	K28	$100.00
CSVSQ	Nguyễn	Đình	Lập	K28	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Trung	Long	K28	$50.00
CSVSQ	Lê	Phước	Nhuận	K28	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Thành	Sang	K28	$100.00
CSVSQ	Lê	Văn	Tiến	K28	$30.00
CSVSQ	Võ	Đức	Trí	K28	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Anh	Tuấn	K28	$50.00
CSVSQ	Lê	Tấn	Tươi	K28	$39.00
CSVSQ	Trần		Tường	K28	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Voi	K28	$39.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Xưa	K28	$39.00
CSVSQ	Lê	Văn	A	K29	$25.00
CSVSQ	Nguyễn		Đằng	K29	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Doanh	K29	$36.83
CSVSQ	Trần	Văn	Hiền	K29	$39.00
CSVSQ	Nguyễn	Phụng	Hoàng	K29	$36.83
CSVSQ	Vũ	Tiến	Hỷ	K29	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Cát	Khánh	K29	$40.00

CSVSQ	Đỗ	Trọng	Kiên	K29	$50.00
CSVSQ	Phạm	Tấn	Lộc	K29	$20.00
CSVSQ	Phạm	Kim	Ngọc	K29	$117.00
CSVSQ	Trần	Phú	Quí	K29	$84.10
CSVSQ	Lê		Thi	K29	$30.00
CSVSQ	Quách	Vĩnh	Thọ	K29	$20.00
CSVSQ	Đỗ	Văn	Tri	K29	$59.48
CSVSQ	Huỳnh	Thanh	Trí	K29	$36.83
CSVSQ	Phan	Văn	Ý	K29	$50.00
CSVSQ	Phan	Văn	Lộc	K30	$20.00
CSVSQ	Phan	Văn	Mỹ	K30	$30.00
CSVSQ	Võ	Văn	Nam	K30	$36.83
CSVSQ	Võ	Lê Đình	Nhan	K30	$50.00
CSVSQ	Nguyễn	Ngọc	Oánh	K30	$30.00
CSVSQ	Võ	Văn	Phước	K30	$39.00
CSVSQ	Vũ	Lê	Viet	K30	$30.00
CSVSQ	Nguyễn	Văn	Độ	K31	$39.00
CSVSQ	Huỳnh	Quang	Truy	K31	$50.00
Mr.	Hà	Đức	Bản	TH	$30.00
Mr.	Đỗ	Kim	Bàng	TH	$15.00
Mr.	Phan	Ngọc	Châu	TH	$30.00
Mr.	Hà	Văn	Công	TH	$20.00
Mr.	Lê	Quí	Định	TH	$100.00
Rev.	Nguyễn	Hùng	Đức	TH	$20.00
Mrs.	Lê	Hồng	Hải	TH	$50.00
Mr.	Giáp	Phúc	Hải	TH	$30.00
Mrs.	Lê	Đức	Hiền	TH	$20.00
Mr.	Nguyễn	Xuân	Hồng	TH	$60.00
Mrs.	Nguyễn	Thị	Huệ	TH	$50.00
Mrs.	Trần	Thị Lan	Hương	TH	$30.00
Mr.	Nguyễn		John	TH	$100.00
Ms	Pham	Thi	Kim	TH	$20.00
Mr.	Tiêu	Nhơn	Lạc	TH	$50.00
Mrs.	Nguyễn	Thị	Lạc	TH	$20.00
Ms			Mai	TH	$20.00
Mrs.	Nguyễn	T Huyền	Nga	TH	$40.00
Mr.	Lưu		Phúc	TH	$20.00

Mr.	Châu	Cẩm	Sáng	TH	$50.00
Mr.	Lê	Thành	Tài	TH	$30.00
Mr	Phạm	Ngọc	Tản	TH	$20.00
Mr.	Phạm	Duy	Tất	TH	$100.00
Ms	Nguyễn		Thu-Vân	TH	$30.00
Mr.	Vũ	Nhật	Tiến	TH	$25.00
Mrs.	Hồ	Trang	Tina	TH	$20.00
Ms.	Trần		Tina	TH	$20.00
Ms.	Vũ	Thị	Vân	TH	$50.00
Mr.	Lê	Anh	Tuấn	TH	$20.00
Mr.	Nguyễn		Lâm	TH	$30.00
Mr.	Nguyễn	Ngọc	Phương	TH	$30.00
Mr.	Trần	Cao	Chánh	TH	$30.00
Mr.	Nguyễn	M. Hùng	Biên	TH	$30.00
	Nam	Úc		TH	$59.48
	Nguyễn		Phương	TH	$80.00
Mr.	Vũ	Ngô	Cường	VHV	$100.00
Mr.	Nguyễn	Hào	Kiệt	VHV	$50.00
Mr	Nguyễn	Thúc	Minh	VHV	$30.00
Mr	Huỳnh	Thu	Tâm	VHV	$30.00
			Tổng Cộng Thu:		**$15,029.92**

Báo Cáo Tài Chánh Đa Hiệu 104

Thu:

Tồn Quỹ sau ĐH 103	$31,287.15
Thu ĐH104 (tới ngày 18/4/2015)	$15,029.92
Tổng cộng	$46,317.07

Chi:

Bao thư	$1,269.90
Gửi báo biếu thêm	$384.98
12 Return books fees	$80.38
Chi ẩm thực gói báo 103	$565.75
Thuế năm 2014	$3,119.00
Chi Phí TSĐH, văn phòng phẩm	$760.00
Tồn Quỹ:	**$40,137.06**

QUI ĐỊNH CỦA TẬP SAN ĐA HIỆU

Ban Biên Tập luôn ước muốn nhận được nhiều sáng tác từ quý nhà văn, nhà thơ, quý độc giả trong ngoài Võ Bị theo mọi thể loại. Tuy nhiên để tập san Đa Hiệu đi đúng đường hướng của Tổng Hội Võ Bị đã đề ra, chúng tôi áp dụng một số quy định; cụ thể như sau:

1. Những bài viết có nội dung cổ vũ, tuyên truyền cho chủ thuyết cộng sản và con người cộng sản, tu yệt đối sẽ không được chọn đăng.

2. Bài viết không đả kích, phỉ báng hay bôi nhọ bất cứ cá nhân nào dù trong tập thể Võ Bị hay bên ngoài. Phê bình và nhận xét về tư tưởng, lập trường chính trị chứ không đi vào đời tư của bất cứ ai. Trường hợp phải đề cập đến cá nhân, cần phải khách quan, tôn trọng sự thật, kèm theo dẫn chứng, tư liệu,….

3. Bài viết gởi cho tòa soạn, ngoài bút hiệu, xin ghi rõ tên thật và địa chỉ, để tòa soạn tiện liên lạc; khi cần.

4. Bài viết gởi cho tòa soạn xin dùng Email attachment, hoặc burn vào CD, gởi qua bưu điện. (có thể xử dụng VNI, UNI, VPS hay Unicode).

5. Chúng tôi xin phép được cắt bỏ, hay sửa những đoạn, những câu, những chữ của bài viết; nếu thấy cần thiết, nhưng sẽ không làm sai lệch nội dung của bài viết. Tác giả nào muốn giữ nguyên bản bài viết của mình, xin ghi rõ.

6. Xin gởi những sáng tác mới cho tòa soạn Đa Hiệu. Riêng những bài viết, thơ truyện đã được đăng ở các báo khác (hay trên các trang web/blog,…) và gởi lại cho Đa Hiệu, việc chọn đăng hay không sẽ do BBT tòa soạn Đa Hiệu quyết định.

THÔNG BÁO

Tòa soạn Đa Hiệu trân trọng **THÔNG BÁO**:

1. CHỦ ĐỀ & THỜI GIAN NHẬN BÀI CHO ĐH 105:

-ĐH 105: KHÔNG CÓ CHỦ ĐỀ. Sáng tác tự do qua mọi đề tài, mọi thể loại, tuy nhiên những thao thức về hiện tình đất nước, những sáng tác về Tình Đồng Đội, Tình anh Lính VNCH, Tình Yêu, Tình Người, Tình Quê Hương,… luôn được mong đợi.

- Thời gian nhận bài: **01.05.2015 đến 31.07. 2015**

2. Ngoài những bài đã được chọn đăng trong ĐH 104, tòa soạn còn lưu giữ một số các bài viết và thơ của một số tác giả. Các bài viết và thơ sẽ lần lượt được chọn đăng trong những số Đa Hiệu tới. Rất mong qúy nhà văn, nhà thơ (*kể cả các tác giả đã gởi bài viết đến tòa soạn mà chưa được đăng trong ĐH104*) tiếp tục gởi những **sáng tác mới** về tòa soạn.

3. Các bài viết; truyện ngắn, tùy bút, tản mạn,…xin giới hạn tối đa trong khoảng 14 trang Đa Hiệu (khoảng 7000 chữ). Riêng những bài dài khoảng 20 trang Đa Hiệu trở lên, tòa soạn xin phép được chia làm hai kỳ.

4. Các đề mục như **NHẮN TIN, CHUNG VUI, PHÂN ƯU,… xin gởi *trực tiếp về hộp thư của tòa soạn hoặc gởi kèm theo email***. Tòa soạn không nhận NHẮN TIN, CHUNG VUI, PHÂN ƯU,… qua trao đổi trên điện thoại, hoặc lời nhắn (qua phone hay trên các diễn đàn; kể cả diễn đàn vobivietnam) để tránh những diễn dịch sai hay nhầm lẫn đáng tiếc (qua sao chép, ghi lại…).

TM Ban Điều hành & Biên tập tòa soạn Đa Hiệu.

Nguyễn Phán K24

Chủ bút

Sau khi ĐH 103 phát hành, tòa soạn Đa Hiệu nhận được nhiều email, thư viết tay từ quý Niên trưởng, quý chị, quý bạn, quý thân hữu, nói chung những trang thư dù ngắn hay dài đều là những lời rất ngọt ngào, ngập tràn thương mến; kể cả chỉ ra cho tòa soạn những điều cần phải làm tốt hơn,…cũng được viết bằng những lời nhẹ nhàng. Thật cảm động! Thay mặt tòa soạn Đa Hiệu, Sông Thu xin được trả lời một số thư tín đã nhận trước khi ĐH104 được layout:

Chị PHÙNG NGỌC HIẾU: (Quả Phụ NT NGUYỄN HỮU THÔNG, K16)

Cảm ơn chị. Hy vọng là BBT trong nhiệm kỳ nầy sẽ không phụ lòng mong đợi của chị. Nhớ 15 năm trước, đứa em của Niên trưởng Thông cũng đã có mấy lần tiếp chuyện với chị qua phone, nhờ đó biết thêm đôi điều về Người Niên trưởng kính mến của rất nhiều đàn em, trong đó có tôi. Kính chúc chị luôn khỏe mạnh và mãi mãi được bình an, nhất là trong những ngày buồn khi "tháng tư đen" lại về! Kính chào chị.

NT NGUYỄN VĂN HIẾU, K23:

Từ ngày Niên trưởng bỏ miền Nam Cali. nắng ấm tình nồng để đi về miền Đông Bắc, đệ vẫn ngóng chờ một ngày đàn anh về thăm lại Quận Cam (OC), để anh em có dịp hàn huyên như một thời cũ…Năm rồi, Ngày Hội Ngộ của đại gia đình K23, những tưởng sẽ được gặp lại Niên trưởng, nhưng…NT vẫn biệt tăm. Thỉnh thoảng gặp Trần Cao Chánh, vẫn nhắc nhớ tháng ngày cũ…nhất là cái thời ngồi café Đa Kao,…chờ theo "HO" đi Mỹ.

Cảm ơn sự tin tưởng của đàn anh dành cho tân BBT và cho riêng cá nhân đệ. Vẫn luôn hy vọng một ngày về nhìn Hoa Tự Do lại nở trên đường quê hương, còn NT thì sao? "Sure" anh em ta vẫn mãi cùng "tần số", phải không, thưa NT? Tình thân.

NT TRẦN KHẮC THUYÊN, K16:

Tòa soạn đã nhận được thư chúc mừng năm mới của Niên trưởng, mà nay nhìn lên lịch, thấy đã sang tháng hai ta rồi. Thay mặt anh em trong tòa soạn, qua trang THƯ TÍN, đàn em xin CẢM ƠN Niên trưởng về những lời chúc tốt lành của Niên trưởng dành cho đám đàn em trong tòa soạn Đa Hiệu. Kính chúc Niên trưởng dồi dào sức khỏe để tiếp tục đóng góp công sức cho "Ngôi Nhà Chung Võ Bị". Cũng đã lâu chưa gặp lại Niên trưởng. Dạo nầy ít thấy Niên trưởng ngoài đời cũng như trên diễn đàn. Kính

.

Anh NGUYỄN DUY MẠNH, K25:

Cảm ơn anh Mạnh rất nhiều về những lời thăm hỏi nồng thắm tình huynh đệ Võ Bị và những lời chúc lành dành cho anh em trong tòa soạn Đa Hiệu. Lâu lắm rồi không có dịp tham dư tiệc tùng của Hội Võ Bị San Diego và cũng không thấy Mạnh ở Orange County như trước, do vậy anh em mình khá lâu không gặp nhau. Có dịp ghé Quận Cam (Orange County), hú một tiếng, anh em đi uống cà phê, nhắc chuyện xưa của một thời ta làm lính Alpha Đỏ. Luôn giữ mãi tình thân và lòng quý mến dành cho nhau anh Mạnh nhé. Chúc vui.

NT PHẠM KIM KHÔI, K19:

"Đa Hiệu Xuân Ất Mùi xuất hiện như một ngạc nhiên: nội dung phong phú, đầy đủ màu sắc, hình thức đẹp. Văn với những bài thú vị, vừa đọc…Thơ nổi bật với nhiều tài hoa,…". Đàn em trích vài dòng trong lá thư của Niên trưởng (cũng dài vừa đủ đọc, hì,hì,..) không phải để "khoe" mà xem như là một chút nước dịu mát, mật ngọt của đàn anh gởi cho tất cả những người đã góp sức, góp công của để hình thành đứa con đầu lòng của tân BBT. Trước hết phải nói đến những nhà văn nhà thơ trong ngoài Võ Bị đã nhiệt tình gởi cho Đa Hiệu những bài viết vừa ráo mực. Rồi các anh em trong tòa soạn, từ Đào Quý Hùng vẽ hình bìa trước ĐH103, Huỳnh Tiến minh họa cho bìa sau và các bài thơ; nhờ đó trông "hình dáng" Đa Hiệu đẹp hơn, các bài thơ vốn đã hay lại càng

thêm sinh động, rồi đến chú Út Nguyễn Xuân Quý giúp "add" hình cho các bài viết..rồi ông anh cả trong BBT, đàn anh Nguyễn Trung Việt, giúp phần layout…Có thức gần suốt đêm mùa đông lạnh lẽo cùng ông anh nầy để layout tới, layout lui,..(vì toàn là "dân làm báo tài tử"), mới thấy cái Tình Võ Bị gởi gấm trong từng trang Đa Hiệu là sâu đậm dường nào! Cảm ơn NT Phạm Kim Khôi gợi hứng cho thằng em của Niên trưởng viết những lời nầy như một bày tỏ lòng biết ơn đến tất cả những ai đã dự phần làm nên ĐH 103; dù trực tiếp hay gián tiếp, cho dù ĐH 103 vẫn còn những khuyết điểm không sao tránh khỏi… Thân kính.

Anh NGUYỄN VĂN PHỤNG, K27:

Cảm ơn lá thư dài của Phụng, dài nhất trong số thư tín mà tòa soạn đã nhận được trong những tháng ngày qua, với những đóng góp thật chân tình và đúng nghĩa của hai chữ Xây Dựng. *"Gởi một pack ba cuốn sẽ dành được ít tiền. Gởi riêng từng người, phí phạm quá!"* Trong lời viết có chút gay gắt, nhưng cũng qua đó, đã thể hiện một tinh thần trách nhiệm chung rất cao. *Cá nhân t*ôi cũng như quý huynh đệ trong tòa soạn rất trân quý những đóng góp tích cực như thế của Phụng. Sẽ thảo luận cùng anh em trong tòa soạn, đặc biệt với trị sự Nguyễn Duy Niên, bạn cùng khóa với Phụng. Trước đây, khi chuẩn bị phát hành ĐH 103, anh Trần Minh Quân, K31, LHT/LH Úc Châu cũng đã nêu ra vấn đề gởi một "pack" ba cuốn ĐH đến một Cựu SVSQ (theo danh sách) để chuyển cho hai huynh đệ khác, để "save" được chút ít tiền cho quỹ Đa Hiệu. Nhưng vì vừa mới bàn giao từ BBT trước, nên chúng tôi quyết định tạm thời cứ gởi theo "đường xưa lối cũ", sau khi phát hành Đa Hiệu 103, có ngày rộng tháng dài, thì sẽ thảo luận cặn kẽ về đề nghị của Quân (và nay thêm đề nghị của Phụng). Lần nầy, chúng tôi sẽ gởi từng "pack" theo danh sách anh đã cung cấp. Sang năm, Đại Hội Võ Bị toàn thế giới tại Nam California, Hoa Kỳ, sắp xếp sang chơi nhé. K24 và K27 định cư ở Nam California khá nhiều. Tình thân.

Ms. NGUYỄN THU VÂN, Thân Hữu.

"Gần đây tôi thích đọc Đa Hiệu hơn, nhất là số Đa Hiệu Xuân mới đây vì có nhiều bài viết của nhiều tác giả có "tên tuổi"…, đặc biệt liên tiếp trong ba số Đa Hiệu mới nhất, đã xuất hiện bài viết của tác giả có tên Hương Thủy với văn phong nhẹ nhàng, dễ thương,

lôi cuốn... Kính mong Đa Hiệu mời cây bút nầy cộng tác thường xuyên,….".

Cảm ơn lời ngợi khen của Cô dành cho các nhà văn nói chung và nhà văn nữ Hương Thủy nói riêng. Tôi sẽ chuyển lời của Cô đến tác giả. Tác giả đã hứa sẽ viết thường xuyên cho tập san Đa Hiệu rồi, thưa Cô. Trong tập san ĐH 104 cũng có bài của nữ tác giả. Mời Cô đọc. Rất mong Cô "… *thích đọc Đa Hiệu hơn*…", thì xin Cô giới thiệu cho người thân, bạn hữu cùng đọc Đa Hiệu để tiếng nói của Đa Hiệu lan rộng ra, đến từng người, đến từng nhà trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Cảm ơn Cô nhiều,… nhiều lắm. Thân chào

.

Ông FRANK TRẦN, Thân Hữu:

Rất tiếc phải "đọc lén" những lời tâm sự riêng của Ông dành cho Cựu TĐT, Tiểu đoàn "Trâu Điên" Nguyễn Văn Phán. Tôi biết anh đã lầm tôi với Cựu Tr/Tá TQLC Nguyễn Văn Phán, bạn xứ Huế của anh, đó là lý do anh đã gởi thư (Gởi anh Phán) đến tòa soạn Đa Hiệu và tâm sự những điều không phải cùng tôi, và đó là vì sao, tôi thật vô tình đọc lá thư không phải viết cho mình. Cũng cách đây vài tuần, trong email qua lại, Cựu ký giả Thiên Ân, cũng là người quen của ông Chef "Trâu Điên" một thời, đã nhắc vài kỷ niệm về hai người quen cũ, là anh Nguyễn Văn Phán, TQLC và Niên trưởng Trần Văn Thế, K19 của tôi. Nhân đó, tôi có nói, tên tôi "xấu", nghe khô khan quá, không những thế, còn thiếu cả chữ lót, mà cũng có người trùng tên ,…Tôi sẽ cố tìm ra địa chỉ ông Cựu TĐT Trâu Điên để chuyển lá thư đầy vơi tâm sự về Huế, về những bạn bè cũ của anh ở đất Thần Kinh,…. Riêng mục: "*…anh nhớ gởi tập san Đa Hiệu cho tôi nhé, đọc để biết tin tức bạn bè đi Đà Lạt,..".* Mục nầy thì trong khả năng của chúng tôi. Sẽ gởi cho anh. Cảm ơn anh đã nhận là bạn đọc của tập san Đa Hiệu. Kính anh.

NT TRẦN CHÂU GIANG, K22A:

Cảm ơn Niên trưởng đã cầm bút, viết bài, đáp lời kêu gọi của tân BBT tòa soạn. Bài viết của Niên trưởng không chỉ đậm đà tình Đồng Đội, mặn nồng tình nghĩa với quê hương, với đồng bào, mà còn nói lên được những trăn trở của người Lính VNCH có lý tưởng thật sự, tỏa sáng tính nhân bản của anh Lính Cộng Hòa, ngoài tính dũng cảm khi chiến đấu đối mặt với kẻ thù, lại rất nhân

bản nên vẫn thấy lòng trăn trở sau mỗi trận chiến, thấy mình cần phải làm gì hơn nữa để an dân ngoài nhiệm vụ bảo quốc trong cuộc chiến tranh có nhiều "mặt trận"… Rất tiếc, chúng ta bị buộc "gãy súng" khi chưa thực hiện được hoài bão của lớp trai thời loạn. Như nhà văn, Niên trưởng Phan Nhật Nam đã từng viết; đại ý như chúng ta không phải là "lính tẩy", nên vẫn cảm thấy xót đau sau một trận chiến - nhìn đồng đội ngã xuống, nhìn người lính Bắc phương phơi thây, nhìn làng mạc điêu tàn, nhìn cảnh đồng bào bồng bế nhau chạy loạn trong hoảng sợ, hay nhận thấy dân chúng sống trong các "làng Việt cộng" nói chung nhìn ta với ánh mắt không thân thiện(!). Cho dù, chúng ta chỉ làm nhiệm vụ của một đoàn quân tự vệ - bảo quốc an dân; kể cả bảo vệ cái tự do mà họ đã từng được hưởng trong thời yên bình của nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

Cầm bút viết tiếp cho tập san Đa Hiệu, thưa NT, vì dù thích hay không ưa…thì Đa Hiệu vẫn là tiếng nói chung của đại gia đình Alpha Đỏ. Có hương thơm thì cùng hưởng mà không hay thì chịu chung. Thân kính.

NT NGUYỄN KIM THINH, K14:

"Anh xin hoan hô và hết lòng ngợi khen tinh thần phục vụ cao độ của Trần Vệ, Nguyễn Phán và tất cả các niên đệ trong tòa soạn,…".

Đàn em xem đây như là lời "Tuyên Dương Công Trạng" kèm theo "Chương Mỹ bội tinh" từ đàn anh TQLC dành cho toàn thể anh em trong tòa soạn. Có điều, tự xét mình, đám đàn em nầy nhận là có tinh thần phục vụ; nếu không, thì dành thời giờ nhàn rỗi để lang thang đó đây, ngồi một mình suy nghĩ chuyện mình, chuyện đời, chuyện nước non,… hay những lúc buồn lòng thì…nằm " gãi lưng" cho vợ,… chứ đâu phải thức khuya để lo nghĩ chuyện chung, cho dù chuyện chung cũng chỉ là những chuyện nhỏ(!).Tuy nhiên, không dám nhận cụm từ *"tinh thần phục vụ cao độ"* mà Niên trưởng quá ưu ái dành cho. Tuy nhiên, đám đàn em nầy cũng chỉ là những con người bình thương nên nghe lời khen của Niên trưởng, dù có quá lời đi nữa, thì cũng hoan hỉ đón nhận, để còn hăng hái lo tiếp Đa Hiệu 104. Một lần nữa cảm ơn những lời mật ngọt của Niên trưởng dành cho tất cả anh em trong tòa soạn.

Chị Quả phụ NGUYỄN MỘNG HÙNG (NT NGUYỄN MỘNG HÙNG K17):

Cảm ơn chị đã dành nhiều thời giờ để viết một lá thư dài, gởi thăm anh em trong tòa soạn, và hơn thế nữa, lá thư của chị như một tâm sự giữa người chị cùng các em (hiện nay, tất cả anh em trong tòa soạn đều là những đàn em của Niên trưởng). Cảm ơn chị đã chia sẻ những buồn vui, nhất là nỗi buồn của chị khi hay tin Niên trưởng của tôi đã mất tích trong trận chiến Mù Hè Đỏ Lửa tại Lộc Ninh, An Lộc. Dù vậy, cũng rất mừng cho chị, sau bao thử thách cam go, tưởng như khó có thể vượt qua được, chị cùng các cháu đã có một đời sống an vui nơi xứ người, nhất là các cháu đã thương yêu nhau, như thư chị viết *"thưa các anh, dù cha các cháu hy sinh cho tổ quốc khi các cháu còn quá nhỏ, nhưng có một điều làm tôi rất sung sướng và an lòng khi thấy, ngay từ thuở bé cho đến bây giờ, các chị em, các anh em của chúng luôn thương yêu nhau, qúy mến nhau,tôi chưa bao giờ thấy các cháu cãi cọ nhau, giận hờn nhau,…"*. Chúc mừng chị. Ở xứ người mà có một mái nhà ấm êm như vậy là một hạnh phúc thật lớn đó, thưa chị. Bạc vàng thật quí nhưng làm sao mua được hạnh phúc đó, phải không, thưa chị? Chúc chị luôn được bình an. Thỉnh thoảng, chị viết thư thăm tòa soạn nhé chị. Kính chào chị.

Linh mục NGUYỄN HÙNG ĐỨC:

"Cảm ơn các chú nhiều lắm, luôn gởi tập san Đa Hiệu đến con. Con luôn nhớ các chú và gia đình trong Thánh Lễ hằng ngày và kinh nguyện, mong rằng Thiên Chúa nhận lời cầu xin của con,…" Con, LM Hùng Đức".

Cho dù anh em trong tòa soạn Đa Hiệu có niềm tin tôn giáo khác nhau, tuy nhiên, thay mặt tất cả anh em, chúng con cảm ơn Cha đã luôn nghĩ đến anh em trong tòa soạn Đa Hiệu và gia đình chúng con trong mỗi Thánh Lễ và kinh nguyện hằng ngày.

Kính chúc Cha luôn được tràn đầy hồng ân Thiên Chúa. Xin Cha tiếp tục nhớ đến chúng con trong mỗi Thánh Lễ và kinh nguyện hằng ngày, thưa Cha. Chúng con cũng không quên cảm ơn Cha thường xuyên yểm trợ tài chánh cho tập san Đa Hiệu. Kính chào Cha.

NT NGUYỄN NGỌC TÙNG K21:

Rất vui khi nhận được thư của Niên trưởng, qua đó biết được tin B/S Ấn, một trong những "Ông Lang" dễ thương, đáng mến của Liên Đoàn 5/BĐQ. Không hiểu sao các B/S chọn về LĐ 5 BĐQ, ông nào trông cũng...rất hiền khô, như BS sau cùng của LĐ là B/S Tiến.

Cũng sẽ rất vui mừng nếu một ngày nào gặp lại Niên trưởng và B/S Ấn tại vùng nắng ấm California hay tại vùng có hoa anh đào thường nở vào mỗi tháng tư. Cho cá nhân tôi gởi lời thăm B/S Ấn.

Thân kính.

Anh TRẦN VĂN HỔ K27:

Khi xem danh sách của Cựu SVSQ & quý Chị và Thân Hữu yểm trợ tập san Đa Hiệu, tôi thật sự vui mừng vì danh sách dài hơn số trước, do đó tiền ủng hộ cũng nhiều hơn so với trước khi phát hành Đa Hiệu 103. Và rồi, tôi dừng lại khi thấy tên anh yểm trợ $40.27 cent (40.27). Có chút ngạc nhiên (như trước đây chúng tôi đã ngạc nhiên khi nhận được chi phiếu $99.99 của đàn anh Trần Quang Duật K21). Nhưng khi đọc vài lời giải thích ngắn gọn của anh thì tôi hiểu,... đó là 4 con số khu bưu chính rất quen thuộc của anh em chúng ta: **KBC 4027**. Anh gởi tiền yểm trợ Đa Hiệu cùng lúc nhắc nhớ nhau về KBC 4027, về một ngọn đồi...

Cứ mỗi số Đa Hiệu, anh đều nhắc cho chúng tôi nhớ 4027 như rứa thì quý hóa biết bao, hìhì. Có dịp ghé Oange County, mời anh ghé thăm "tòa soạn". Chúc vui.

Cô HUYỀN NGA, Thân Hữu, Paris:

Không biết phải viết như thế nào để nói lên được lòng cảm mến và biết ơn đối với cô khi mà gần mấy mươi năm cô luôn là độc giả của tập san Đa Hiệu; cho dù Chủ bút, BBT có thay đổi, cho dù hình thức và nội dung của những số Đa Hiệu có khác nhau… Điều đó nói lên lòng quý mến đặc biệt của cô dành cho tập san Đa Hiệu, cụ thể hơn là tình cảm của cô dành cho những Alpha đỏ vẫn còn nguyên vẹn, cho dù thời thế đã đổi thay, những người trai năm xưa mà cô đã biết, đã quen,…thì một số đã nằm xuống ở chiến trường (như Dzương,..), một số đã chết trên hành trình đi tìm tự do (như Hiến,…) những người còn sống phần đông đã bước vào tuổi già. Là một K24, chúng tôi biết được tình cảm mà cô đã luôn dành cho đại gia đình Võ Bị bắt nguồn từ tình cảm mà cô đã dành cho hai người bạn thân K24 chúng tôi là Nguyễn

Dzương Dzương và Vũ Cao Hiến, cho dù hai bạn tôi nay đã về trời nhưng tình cảm của cô dành cho hai người bạn tôi vẫn đong đầy như xưa, và nay, tình cảm tha thiết đó cô dành cho cả đại gia đình Alpha đỏ. Sau mỗi số Đa Hiệu được phát hành vài tuần, thì tòa soạn Đa Hiệu lại nhận được một thơ thăm hỏi của cô kèm theo tiền yểm trợ. Và như thế, một lời cảm ơn cũng bằng thừa, nhưng tôi không thể không thay mặt anh em trong tòa soạn Đa Hiệu, lại một lần nữa, CẢM ƠN cô. Cũng qua đây, xin nhắn một tin riêng…nhờ cô chuyển lời đến chị Vũ Kim Thọ là gia đình tôi và gia đình của Hiến ở Úc luôn giữ mãi trong lòng tình thân với chị ấy. Trong Đa Hiệu lần nầy, ĐH104, chúng tôi có đăng lại bản nhạc Bên Bờ Sông Hàn (Nhớ Đà Nẵng) của Vũ Cao Hiến (thơ Hồ Đắc Thái) để nhớ lần di tản của những người lính vùng hỏa tuyến về Nam trong nỗi xót xa, ngậm ngùi…40 năm trước(!). Nhờ cô hỏi, nếu chị Thọ muốn đọc tập san Đa Hiệu thì liên lạc về tòa soạn Đa Hiệu (qua thơ, email hay điện thoại).
Rất mong sang năm, mùa hè 2016, sẽ gặp cô và chị Thọ tại Đại Hội lần thứ 20 của Võ Bị hải ngoại tại miền Nam CA. Thân chào.

NT TRẦN DUYÊN SƠN K23:

Cảm ơn Niên trưởng đã dành tình cảm mặn nồng cho người khóa đàn em kế *"anh trở lại Đa Hiệu sau một thời gian dài vắng bóng, tôi nghĩ không chỉ riêng tôi mà nhiều người sẽ welcome..."*. Rất mong được như thế. Theo như thư viết, chắc Niên trưởng có nhiều kỷ niệm về địa danh Thanh Quít, Điện Bàn, Hội An … kỷ niệm về một thời ta hành quân qua đó? kỷ niệm một cuộc tình sâu đậm? hay chỉ là một chuyện tình thoáng qua của người lính trận trong một buổi dừng quân ? Thư Niên trưởng viết không dài, nhưng như Niên trưởng cho biết là trong một bài viết của đệ có nói đến địa danh Thanh Quít, Trường Trung học Trần Qúy Cáp, Hội An và "Cọp Ba Đầu Rằn",…"*chỉ đọc bấy nhiêu từ thôi mà lòng tôi nao nao bao kỷ niệm,..*". Đối với một tác giả có bài viết (dù chưa phải là một nhà văn đi nữa) làm người đọc bồi hồi xúc động, lòng nao nao…thì cũng cảm thấy lòng mình vui lắm. Lá thư lần tới Niên trưởng nói rõ hơn vì sao "*chỉ đọc bấy nhiêu từ thôi,…"* cũng làm Niên trưởng *"lòng tôi nao nao…"*. Hẹn Niên trưởng ở thư sau. Chúc vui.

NT NGUYỄN VĂN DỤC K17:

16 năm về trước, khi lần đầu vào tòa soạn Đa Hiệu, cũng sau số báo đầu tiên (ĐH52) là thằng em nầy nhận được lá thư an ủi, dặn dò, khích lệ của Niên trưởng. Dường như, lúc đó Niên trưởng là Hội trưởng Hội Võ Bị Pennsylvania và Vùng phụ cận?, còn đàn em đang gặp "nạn" vì bìa Đa Hiệu Tết màu đỏ…gây "dị ứng" cho một số nhỏ huynh đệ. Lúc đó nhận được thư của Niên trưởng, đàn em cảm thấy ấm lòng vô cùng. Thú thật, nhờ có những lá thư đầy tình nghĩa huynh đệ Võ Bị như thế, cũng như " ông Tổng Thư", "Chef" của đàn em, lúc đó phải nói là rất "cứng cựa", rất thủy chung trong tình nghĩa anh em trong tinh thần "team work",với lời nói chắc nịch " Phán chỉ rời tòa soạn Đa Hiệu khi tôi rời Tổng Hội Trưởng. Chúng ta làm đúng, đa số ủng hộ,…". NT Trần Văn Thư, rất xuề xòa trong giao tiếp với bạn hữu, đệ huynh nhưng cũng rất cương quyết bảo vệ cái đúng,..Rồi sóng gió cũng qua đi, nỗi buồn biến mất, cuối cùng anh em nhìn rõ mặt nhau hơn, hiểu nhau hơn và an bình lại trở về với tòa sọan Đa Hiệu... Lần nầy, đàn em đồng ý hoàn toàn với Niên trưởng về những điều gợi ý trong lá thư:

-Mùa huấn luyện tân khóa sinh của TVBQGVN được gọi là **8 TUẦN SƠ KHỞI**. Vâng, đúng thế. Cách gọi "8 tuần huấn nhục", "tám tuần lột xác",…là kiểu tự biên tự diễn mà thôi, thưa Niên trưởng.

-Rất đúng, có nhiều người quen dùng hai chữ Trung Quốc để gọi Trung cộng. Gọi như vậy là không chuẩn xác. Thực ra phải dùng hai chữ Trung cộng, hay rõ ràng hơn là "Tàu cộng" như chúng ta vẫn gọi Việt cộng, là đúng nhất đó, thưa NT.

-Thực ra TỔ QUỐC GHI ƠN, hay TỔ QUỐC TRI ÂN dành cho những người con hy sinh cho tổ quốc đều có cùng một ý nghĩa, tuy nhiên dùng TỔ QUỐC TRI ÂN nghe hay hơn, trang trọng hơn. Cảm ơn những lời thăm hỏi, khích lệ và góp ý của Niên trưởng. Cũng không quên gởi lời kính thăm chị, mến chào các cháu đã cùng Niên trưởng dành tình cảm thương mến cho anh em trong tòa soạn. Thân kính.

TRẢ LỜI THƯ TÍN - ĐH104 tạm dừng lại ở đây. Xin hẹn gặp lại quý chị, quý huynh đệ, quý bạn, quý thân hữu trong **TRẢ LỜI THƯ TÍN - ĐH105.**

Sông Thu

MINH HỌA: HUỲNH TIẾN K28

ĐEM ĐẠI NGHĨA ĐỂ THẮNG HUNG TÀN
LẤY CHÍ NHÂN ĐỂ THAY CƯỜNG BẠO

(Bình Ngô Đại Cáo - Nguyễn Trãi)